PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2561

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN V

PHƯỚC THIỆN

(PUÑÑA-KUSALA)

(Tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung)

TỲ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2017

BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011 (Rằm tháng 2 P.L.2554)

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN V

PHƯỚC-THIỆN

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp

→ Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THUỶ

THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2561

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN V

PHƯỚC-THIỆN

(PUÑÑA-KUSALA)

(Tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung)

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)

(AGGAMAHĀPAṆḌITA)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO – 2017

Lời Nói Đầu

(Tái bản lần thứ nhì, có sửa và bổ sung)

Tái bản lần thứ nhì "Quyển V: Phước-Thiện"có sửa và bổ sung, sắp xếp phần nội dung, để giúp cho độc giả dễ hiểu.

Phước-Thiện là đề tài rải rác nhiều nơi, bần sư đã cố gắng sưu tầm, gom nhặt từ các nguồn tài liệu đem trình bày trong Phước-Thiện này, giúp cho độc giả hiểu biết 10 phước-thiện trong puññakriyāvatthu.

Tuy bần sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển Phước-Thiện lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bần sư tin chắc rằng:

"Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai nữa, ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.

Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình, kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là ***của chung*** *mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bổn phận đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hoá, sự an-lạc cho phần đông."*

Bần sư chân thành biết ơn quý vị.

PL. 2561 / DL. 2017
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Tassa sāvakasaṃghañca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.

Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca,
abhivandiya sādaraṃ.
***Mūlabuddhasāsanan**' ti,*
Ayaṃ gantho mayā kato.

Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.

Tăng bậc Thánh thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Soạn phẩm này gọi ***"Nền-Tảng-Phật-Giáo"****.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN V

PHƯỚC-THIỆN
(PUÑÑA-KUSALA)

Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo là một bộ sách gồm có 9 chương chia ra làm 7 quyển. Mỗi chương được khái quát như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

- Đức-Phật (Buddha).
- Đức-Pháp (Dhamma).
- Đức-Tăng (Saṃgha).

2- Chương II: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya)*

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)

3- Chương III: ***Ân-Đức Tam-Bảo*** *(Ratanattayaguṇa)*

- Ân-Đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).
- Ân-Đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).
- Ân-Đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

4- Chương IV: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tisaraṇa)*

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa).
- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa).
- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

5- Chương V: ***Pháp-Hành-Giới*** *(Sīlācāra)*

- Giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

6- Chương VI: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*** *(Kamma-kammaphala)*

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).
- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).
- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).
- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

7- Chương VII: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

8- Chương VIII: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī)*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

9- Chương IX: ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

9 chương *chia ra làm 7* ***quyển*** *như sau:*

1- Quyển I: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya) gồm có 2 chương là chương I và chương II.*

2- Quyển II: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tiaraṇa) gồm có 2 chương là chương III và chương IV.*

3- Quyển III: ***Pháp-Hành-Giới*** *(Sīlācāra) có 1 chương là chương V.*

4- Quyển IV: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*** *(Kamma-kammaphala) có 1 chương là chương VI.*

5- Quyển V: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-kusala) có 1 chương là chương VII.*

6- Quyển VI: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī) có 1 chương là chương VIII gồm có 3 tập: tập 1, tập 2, tập 3.*

7- Quyển VII: ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā) có 1 chương là chương IX gồm có 2 tập: tập 1, tập 2.*

Như vậy, bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương chia ra thành 10 quyển.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo gồm có 9 chương được sắp đặt theo tuần tự như sau:

1- Chương I: ***Ba Ngôi Cao Cả*** *(Tiyagga)*

Phật-giáo có 3 ngôi cao cả thật xứng đáng tôn kính là

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

2- Chương II: ***Tam-Bảo*** *(Ratanattaya)*

- Đức-Phật có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Phật-bảo (Buddharatana).
- Đức-Pháp có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).
- Đức-Tăng có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

3- Chương III: ***Ân-Đức Tam-Bảo*** *(Ratanattayaguṇa)*

- Đức-Phật có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Phật-bảo (Buddhaguṇa).

- Đức-Pháp có 6 ân-đức nên gọi là ân-đức Pháp-bảo (Dhammaguṇa).

- Đức-Tăng có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaguṇa).

4- Chương IV: ***Quy-Y Tam-Bảo*** *(Tisaraṇa)*

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tha thiết muốn trở thành hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, người ấy kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo:

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasaraṇa),

- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasaraṇa),

- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasaraṇa).

5- Chương V: ***Pháp-Hành-Giới*** *(Sīlācāra)*

Các hàng thanh-văn biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi thì mới giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, giữ gìn giới là giữ gìn phẩm-hạnh cao quý của hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

- Đối với hàng tại gia là cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của người tại gia cư-sĩ (Gahaṭṭhasīla).

- Đối với hàng xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (Pabbajitasīla).

6- Chương VI: ***Nghiệp Và Quả Của Nghiệp***
(Kamma-kammaphala)

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Các hàng thanh-văn phải nên học hỏi hiểu rõ:

- Bốn loại nghiệp (Kammacatuka).

- Bất-thiện-nghiệp (Akusalakamma).

- Quả của bất-thiện-nghiệp (Akusalavipāka).

- Thiện-nghiệp (Kusalakamma).

- Quả của thiện-nghiệp (Kusalavipāka).

7- Chương VII: ***Phước-Thiện*** *(Puñña-kusala)*

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (Puññakriyāvatthu).

Các thanh-văn đệ-tử tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên lựa chọn tạo 10 phước-thiện để trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *(tihetuka-ukkaṭṭha-kusalakamma) để cho quả tái-sinh kiếp sau trở thành hạng* ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala).*

8- Chương VIII: ***Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*** *(Pāramī).*

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (Tiṃsapāramī).

** Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng, mới trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh.*

** Để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.*

** Để trở thành bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đều cần phải tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ theo mỗi ngôi vị của mình.*

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật, tuỳ theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi ngôi vị đúng như ý nguyện trong tiền-kiếp quá-khứ của mỗi vị.

9- *Chương IX:* ***Pháp-Hành-Thiền*** *(Bhāvanā)*

- Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).
- Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).

** Hành-giả là hạng* ***người tam-nhân*** *thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 5 phép thần-thông thế gian, tuỳ theo khả năng của mỗi vị hành-giả.*

Nếu hành-giả chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả chết, chỉ có bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào cao cuối cùng, mới có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm ấy. Các bậc thiền thiện-tâm còn lại đều trở

thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ-hội cho quả được nữa.

** Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*Quyển I: Tam-Bảo, quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, quyển III: Pháp-Hành-Giới, quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp đã trình bày xong, tiếp theo **quyển V: Phước-Thiện** sẽ trình bày trong quyển này.*

***Quyển V: Phước-Thiện (Puñña-Kusala)** có 1 chương là chương VII.*

Chương VII được trình bày *10 nhân sinh phước-thiện (puññakriyāvatthu):*

1- Phước-thiện bố-thí (dāna kusala).
2- Phước-thiện giữ-giới (sīla kusala).
3- Phước-thiện hành-thiền (bhāvanā kusala).
4- Phước-thiện cung-kính (apaccāyana kusala).
5- Phước-thiện hỗ-trợ (veyyāvacca kusala).
6- Phước-thiện hồi-hướng (pattidāna kusala).
7-Phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện (pattā-numodana kusala).
8- Phước-thiện nghe-pháp (dhammassavana kusala).
9- Phước-thiện thuyết-pháp (dhammadesanā kusala).
10- Phước-thiện chánh-kiến (diṭṭhijukamma kusala).

Trong 10 loại phước-thiện này được gom lại 3 nhóm:

- Nhóm phước-thiện bố-thí gồm có 3 phước-thiện là phước-thiện bố-thí, phước-thiện hồi-hướng và phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện.

- Nhóm phước-thiện giữ-giới gồm có 3 phước-thiện là phước-thiện giữ-giới, phước-thiện cung-kính và phước-thiện hỗ-trợ.

- Nhóm phước-thiện hành-thiền gồm có 4 phước-thiện là phước-thiện hành-thiền, phước-thiện nghe pháp, phước-thiện thuyết-pháp và phước-thiện chánh-kiến.

Trong 10 loại phước-thiện này, mỗi phước-thiện đều trải qua 3 thời-kỳ tác-ý:

*- **Pubbacetanā**: tác-ý trước khi tạo phước-thiện ấy, với thời gian lâu hoặc mau không nhất định.*

*- **Muñcacetanā**: tác-ý khi đang tạo phước-thiện ấy, ngay lúc hiện-tại.*

*- **Aparacetanā**: tác-ý sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm.*

*Mỗi thời-kỳ tác-ý có tầm quan trọng để cho **phước-thiện ấy** trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp** như sau:*

*- Nếu thời-kỳ **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đủ 3 thiện-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ) khi đang tạo phước-thiện nào, thì **phước-thiện ấy** trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp.***

*- Nếu thời-kỳ **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ chỉ có 2 thiện-nhân là vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ) khi*

*đang tạo phước-thiện nào, thì **phước-thiện ấy** trở thành **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.***

*- Nếu thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn trước khi tạo phước-thiện nào và thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn sau khi đã tạo phước-thiện nào xong, thì **phước-thiện ấy** trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao**.*

*- Nếu thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn trước khi tạo phước-thiện nào và thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì cũng có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn sau khi đã tạo phước-thiện nào xong, thì **phước-thiện ấy** trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp**.*

*Tuy nhiên, để quyết định phước-thiện trở thành **đại-thiện-nghiệp bậc cao**, hoặc **đại-thiện-nghiệp bậc thấp** căn cứ vào **aparacetanā** là chính như sau:*

*- Nếu thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn trước khi tạo phước-thiện nào, nhưng nếu thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn sau khi đã tạo phước-thiện nào xong, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, thì **phước-thiện ấy** trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao**.*

*- Nếu thời-kỳ **pubbacetanā**: thời-kỳ tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn trước khi tạo phước-thiện nào, nhưng nếu **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn sau khi đã tạo phước-thiện nào xong, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, thì **phước-thiện ấy** trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp**.*

*Như vậy, **phước-thiện** trở thành **đại-thiện-nghiệp có 4 loại** như sau:*

- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.
- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.
- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.
- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Mỗi loại đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) và trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại khác nhau như sau:

***1- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong 2 thời-kỳ:*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, ...

*Sau khi người thiện ấy chết, **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có*

cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla) có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng* ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala) từ khi đầu thai trong lòng mẹ.*

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành ***người tam-nhân*** *vốn có trí-tuệ.*

- Nếu ***người tam-nhân*** *là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thì có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông thế-gian (lokiya abhiññā).*

- Nếu ***người tam-nhân*** *là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, thì có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

2- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp *trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ với*

3- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao *trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, 2 đại-thiện-nghiệp này cho quả tương đương trong 2 thời-kỳ:*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, ...

Sau khi người thiện ấy chết, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** *trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ tụt xuống tương đương với* ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc***

cao *trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng* ***người nhị-nhân*** *(dvihetuka-puggala) từ khi đầu thai trong lòng mẹ.*

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành ***người nhị-nhân*** *vốn không có trí-tuệ.*

- Nếu ***người nhị-nhân*** *là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thì không có khả năng chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào cả.*

- Nếu ***người nhị-nhân*** *là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, thì không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

4- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp *trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ cho quả trong 2 thời-kỳ:*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, ...

Sau khi người thiện ấy chết, ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** *trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm hạng* ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** *(sugati-ahetukapuggala) đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... từ khi đầu thai vào lòng mẹ.*

*Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành **người vô-nhân cõi thiện-giới** đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... biết thông thường trong đời sống hằng ngày.*

*Tuy nhiên, trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau, tái-sinh-tâm làm phận sự đầu thai chỉ có 1 sát-na-tâm mà thôi, liền tiếp theo là thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp hiện-tại, nếu thai nhi bị đui mù, câm điếc, tật nguyền,... do ác-nghiệp nào có cơ hội cho quả, thì không thể gọi người ấy là hạng **người vô-nhân cõi thiện-giới**, bởi vì có số đứa trẻ có năng khiếu đặc biệt.*

*Như vậy, trong đời này có 3 hạng người là **người tam-nhân, người nhị-nhân, người vô-nhân cõi thiện-giới** cũng đều là **quả của đại-thiện-nghiệp**.*

*Tìm hiểu quyển "**Phước-Thiện**" này, sẽ giúp cho độc giả hiểu biết rõ về cách tạo 10 phước-thiện trong puñña-kriyāvatthu, và hiểu biết cách tạo **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** trong **4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ,** cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người tam-nhân** (tihetukapuggala) trong cõi người hoặc hoá-sinh làm **vị thiên-nam tam-nhân** hoặc **vị thiên-nữ tam-nhân** trong 6 cõi trời dục-giới.*

*Đặc biệt độc-giả có thể tự trắc nghiệm để biết mình có phải là **người tam-nhân** hay không, bằng cách thực-hành pháp-hành thiền-định, nếu có khả năng chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, hoặc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, nếu có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, thì chắc chắn biết mình là hạng **người tam-nhân** rồi!*

*Quyển **" Phước-Thiện "** này, bần sư đã dày công sưu tầm, gom nhặt từ nhiều nguồn tài liệu từ trong Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, các tích chuyện liên quan đến mỗi phước-thiện, giúp cho độc giả hiểu biết về 10 phước-thiện chỉ được bấy nhiêu thôi!*

Tuy bần sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về 10 phước-thiện, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

*Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung**, mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta.*

Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư.

*Quyển sách "**Phước-Thiện**" tái bản lần thứ nhì có sửa và bổ sung được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách; các thí chủ trong nước và ngoài nước có đức-tin trong sạch lo ấn hành và đã được nhà xuất bản tôn giáo cho phép ấn hành.*

Bần sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vaṃsarakkhita-mahāthera là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang) Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-Lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-Lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới, ...

Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não trầm-luân không còn dư sót, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới và cũng do năng lực phước-thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người, 6 cõi trời dục-giới… mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, mong diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con cũng liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn.

*Nay, chúng con hết lòng thành kính **thọ phép quy-y Tam-bảo**: quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, quy-y nơi Đức-Tăng-bảo, và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.*

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người (manussasampatti) hưởng được mọi sự an-lạc đầy đủ trong cõi người như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả báu ở cõi trời (devasampatti) hưởng được mọi an-lạc đầy đủ trong cõi trời như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm được thành tựu quả báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.

Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

PL. 2561/ DL. 2017
Rừng Núi Viên-Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO
LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

CHƯƠNG VII

PHƯỚC-THIỆN

PHƯỚC-THIỆN (Puñña-Kusala)

I. PHƯỚC-THIỆN BỐ-THÍ (Dānakusala) 4
∗ Chi-Pháp Của Phước Bố-Thí 6
1- Cetanādāna: Tác-ý trong đại-thiện-tâm bố-thí 6
1- Pubbacetanādāna.....6
2- Muñcacetanādāna 6
3- Aparacetanādāna 7
- Kinh Chaḷaṅgadānasutta 7
- Người thí-chủ có đủ 3 chi-pháp 8
- Bậc thọ-thí có đủ 3 chi-pháp 8
2- Vatthudāna: Vật bố-thí 9
3- Paṭiggāhaka: Người thọ-thí.....10
- Pāṭipuggalikadāna: Cá-nhân thọ-thí có 14 hạng 12
- Chư tỳ-khưu-Tăng-thí (Saṃghikadāna) 12
- Thí-chủ với bậc thọ-thí có 4 trường hợp.....13
- Tích Bà-la-môn Cūḷekasāṭaka 15
- Phước-thiện bố-thí cho quả hiện-tại 18
- Phước-thiện làm mau có quả hơn làm chậm 21
- Phước-thiện bố-thí vật thực:
Tích Bhikkhādāyakavimāna 23
- Phước-thiện bố-thí chỗ ở : Tích Ambavimāna.....25

- Phước-thiện bố-thí cốc lá:
Tích Ngài Trưởng-Lão Kuṭidāyakatthera.....28
- Phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh 29
- Tích Ngài Trưởng-lão Bākula 29
- Dâng thuốc trị bệnh đến Đức-Phật Anomadassī 30
- Phát nguyện trở thành tỳ-khưu ít bệnh nhất 31
- Dâng thuốc trị bệnh đến chư tỳ-khưu 33
- Kiếp chót của Ngài Trưởng-lão Bākula 35
- Phước-thiện bố-thí cho quả hiện-tại 43
* Tác-ý trong phước-thiện bố-thí (cetanādāna) 44
- Năng lực của cetanādāna trong 3 thời-kỳ 47
1- Năng lực của Pubbacetanā 47
- Tích Pañcapāpī 48
- Tích Kusajātaka 55
- Nhận xét về tích Pañcapāpī và tích Kusajātaka 97
2- Năng lực của Muñcacetanā 102
3- Năng lực của Aparacetanā 105
- Phân loại đại-thiện-nghiệp theo bậc cao-bậc thấp..... 106
- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp
Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp ... 107
1- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao: 108
a. Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau 108
b. Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại 109
2- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp với 111
3- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao 111
a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau 112
b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại 113
- Nhận xét về tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp
với nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao 114
4- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp 114
a- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau 114
b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh, kiếp hiện-tại 115
- Đại-thiện-nghiệp khác nhau, quả khác nhau 115
- Tích Aputtakaseṭṭhivatthu 117
- Tiền-kiếp của phú hộ Aputtaka 118

- Quả của các nghiệp của phú hộ Aputtaka 120
- Người thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí có 5 pháp 122
- Phước-thiện bố-thí trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo . 124
- Tích thiên-nam Aṅkura và thiên-nam Indaka 124
- Phước-thiện bố-thí đến bậc Thánh-nhân có quả báu nhiều 127
- Đức-Thế-Tôn thuyết giảng Tạng Vi-diệu-pháp 129
- Tạng Vi-Diệu-Pháp tại cõi người 131
- Tiền-kiếp của nhóm 500 vị tỳ-khưu 131
- Đức-Phật Gotama trở về cõi người 134
- Đức-Phật mở trống trải toàn cõi-giới 135
- Nhận xét về 2 vị thiên-nam Aṅkura và Indaka 138
- Đức-vua-trời Sakka tạo phước-thiện bố-thí 140
- Tích Mahākassapattherapiṇḍapātadinnavatthu 140
- Chư-thiên thấy 5 hiện-tượng báo trước sự chết 144
- Đức-vua-trời Sakka thấy 5 hiện-tượng báo trước 145
- Đức-vua-trời Sakka bạch hỏi 14 câu hỏi 146
- Kinh Sakkapañhasutta..... 146
- Đức-vua-trời Sakka và các hậu kiếp 147
- Nhận xét về phước-thiện bố-thí 149
- Những tính chất của phước-thiện bố-thí 150

II. PHƯỚC-THIỆN GIỮ-GIỚI (Sīlakusala) 151

* Giải Thích 4 Loại Giới 154

1- Bhikkhusīla: Tỳ-khưu-giới 154
- Trở thành tỳ-khưu 156
- Giảng giải 5 chi-pháp trở thành tỳ-khưu 155
- Trở thành tỳ-khưu thật 158
- Vị tỳ-khưu đầu tiên trong Phật-giáo 159
- Bhikkhusīla: Tỳ-khưu-giới 161

2- Bhikkhunīsīla: Tỳ-khưu-ni-giới 164
- Trở thành tỳ-khưu-ni 165
- Cách Trở thành tỳ-khưu-ni 165
- Bhikkhunīsīla: Tỳ-khưu-ni-giới 166
- Tỳ-khưu-ni đầu tiên 167

3- Sāmaṇerasīla: Sa-di-giới 169
- Nghi thức xuất gia trở thành Sa-di 169
- Không trở thành Sa-di 171
- Điều-giới và pháp-hành của sa-di 172
- Pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di 173
- 10 pháp hành-phạt sa-di 173
- Sa-di dussīla 174
- Sa-di Alajjī 175
4- Gahaṭṭhasīla: Giới người tại-gia 175
- Quả xấu của người phạm giới có 5 điều 176
- Quả báu của người giữ giới có 5 điều 177
- Kinh Abhisandasutta 179
- Người thiện giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn dễ hay khó? 184
- Người ác phạm mỗi điều-giới nào trong ngũ-giới khó hay dễ? 184
- Kinh Sikkhapadasutta 189
- Người ác - người ác hơn người ác 190
- Người thiện - người thiện hơn người thiện 190
- Gahaṭṭhasīla: Giới người tại-gia 193
1- Ngũ-Giới (pañcasīla) là thường-giới 193
- Nghi thức phép thọ quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới 194
2- Ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng 202
- Nghi thức phép thọ quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng 203
3- Giới Ājīvaṭṭhamakasīla: Bát-giới có điều-giới thứ 8 Chánh-mạng.....209
- Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì giới Ājīvaṭṭhamakasīla 210
- Người tại-gia dussīla và alajjī 216
4- Bát-giới Uposathasīla 217
- Kinh Uposathasīlasutta 221
- Ariya uposathasīla có 6 loại.....221
1- Brahma uposathasīla 222

2- Dhamma uposathasīla 225
3- Saṃgha uposathasīla 227
4- Sīla uposathasīla 231
5- Devatā uposathasīla 233
6- Uposathasīla 235
- Quả báu của bát-giới Ariya Uposathasīla 239
- Chuẩn bị thọ-trì bát-giới Uposathasīla 244
- Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới Uposathasīla 247
- Giới-cấm và giới-hành 254
5- Cửu-Giới Uposathasīla.....256
- Kinh Navaṅguposathasutta 256
- Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới Uposathasīla 261
- Phước-thiện và quả báu đặc biệt của cửu-giới Uposathasīla có 9 điều 268
6- Thập-Giới Của Người Tại-Gia 269
- Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia 270
- Phần giảng giải.....276
- Nhận xét điều-giới thứ 10 trong thập giới của người tại-gia 281
- Những tính chất của phước-thiện giữ-giới..... 281
III- PHƯỚC-THIỆN HÀNH-THIỀN (Bhāvanākusala).....282
∗ Thực-hành pháp-hành thiền-định như thế nào? 283
- 10 đề-mục thiền-định đạt đến cận-định (upacārasamādhi): 284
- 30 đề-mục thiền-định chứng đắc bậc thiền 285
- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm 286
- 4 bậc thiền sắc-giới bậc thấp 286
- Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm 287
- 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm 288
- 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm 288
- Sắc-giới thiện-tâm có 5 bậc thiền 289

- Sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc thiền 290
- Vô-sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc thiền 291
* Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ như thế nào? 293
- Đối-tượng tứ niệm-xứ 293
- Thân niệm-xứ 293
- Thọ niệm-xứ 294
- Tâm niệm-xứ 295
- Pháp niệm-xứ : có 5 phần 296
1- Nivaraṇapabba: Năm pháp-chướng-ngại 296
2- Khandhapabba: Ngũ-uẩn chấp-thủ 297
3- Āyatanapabba: Thập-nhị-xứ 298
4- Bojjhaṅgapabba: Thất-giác-chi 299
5- Saccapabba: Tứ-đế 301
- Những tính chất của phước-thiện hành thiền 306

IV. PHƯỚC-THIỆN CUNG-KÍNH (Apacāyanakusala) 306
- Bậc đáng tôn kính có 3 hạng 308
- Kinh Satthāravandanāsutta 309
- Kinh Saṃghavandanāsutta 311
- Kinh Gahaṭṭhavandanāsutta 313
- Tích Vandanavimānavatthu 314
- Tích con chim Ulūkasakuṇa 316
- Quả báu của pháp cung-kính 318
- Đức-Phật tôn kính Pháp-bảo 318
- Kinh Gāravasutta 318

V- PHƯỚC-THIỆN HỖ-TRỢ (Veyyāvaccakusala) 322
- Tích Uttaravimānavatthu 323
- Quả báu phước-thiện bố-thí của ông tỉnh trưởng Pāyāsi 326
- Quả báu phước-thiện hỗ-ttrợ của cậu Uttara 327
- Nhận xét về ông tỉnh trưởng Pāyāsi và cậu Uttara 330

VI - PHƯỚC-THIỆN HỒI-HƯỚNG (Pattidānakusala) 333

VII- PHƯỚC-THIỆN HOAN-HỶ (Pattānumodanākusala) 335
- Anumodanākusala với Pattānumodanākusala 336

- Pattidāna có 2 cách 337
- Tích Tirokuḍḍapetavatthu 338
- Tích Sāriputtattheramātupeta 345
- Hồi-hướng thành tựu 348
- Hồi-hướng thành tựu - không thành tựu 349
- Kinh Jāṇussoṇīsutta 349
- Phước-thiện bố-thí và phước-thiện hồi-hướng 356
- Pattidānakusala: Phước-thiện hồi-hướng có 2 cách 359
- Quả báu Của Pattānumodanākusala 361
- Tích Vihāravimāna 361
- Đức-vua trời Sakka bạch hỏi 4 câu hỏi 369
- Đức-vua trời Sakka thỉnh cầu Đức-Phật ban phước ... 376

VIII- PHƯỚC-THIỆN NGHE-PHÁP (Dhammassavana) ...378
- Nghe chánh-pháp 378
- Chư Bồ-tát thanh-văn-giác nghe chánh-pháp 381
- Đức-bồ-tát kiếp chót không nghe chánh-pháp..... 387
- Tích Maṇḍūkadevaputta..... 389
- Tích 500 con dơi đeo trong động 391
- Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi tại cõi người 392
- Pháp trở thành bậc Thánh Nhập-lưu 394
- Quả báu của sự nghe-pháp 395
- Nghe Chánh-pháp (Saddhammassavana) 396
- Chư thánh A-ra-hán nghe chánh-pháp 396
- Đức-Phật cung-kính chánh-pháp 397
- Tích Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa 398
- Nghe 7 pháp-giác-chi..... 407
- Đức-Phật thuyết 7 pháp-giác-chi 407
- Kinh Paṭhamagilānasutta 408
- Ý nghĩa bài kinh bệnh thứ nhất 417
- Kinh Dutiyagilānasutta 412
- Ý nghĩa bài kinh bệnh thứ nhì 414
- Đức-Phật nghe 7 pháp-giác-chi..... 416
- Kinh Tatiyagilānasutta 416
- Ý nghĩa bài kinh bệnh thứ ba 418
- Lợi ích của sự nghe, tụng kinh Pāḷi 420

- Tích Dhammika upāsaka vatthu 421
- Kinh Anāthapiṇḍikovādasutta 423

IX- PHƯỚC-THIỆN THUYẾT-PHÁP (Dhammadesanā) 424
- Tích Kapilamacchavatthu 425
- Hai nhóm tỳ-khưu xứ Kosambī cãi cọ nhau 436
- Đúng pháp và sai pháp (dhamma-adhamma) 439
- 18 điều tà-pháp 440
- 18 điều chánh-pháp 441
- Tà pháp (Adhamma) 442
- Chánh-pháp (Dhamma) 443
- Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp suy thoái như thế nào?..445
- Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp phát triển như thế nào? .447
- Pháp luật là lời giáo huấn của Đức-Phật 450
- Không đúng pháp, luật, lời giáo huấn của Đức-Phật 450
- Đúng pháp, luật, lời giáo huấn của Đức-Phật 450
- Ngài Trưởng-lão pháp sư kinh Dhammakathikasutta .451
- Một Đêm Tốt Lành (Bhaddekaratta) 453
- Chư tỳ-khưu bàn thảo 454
- Tận cùng pháp-hành cấu tạo 456
* Vấn đáp chánh-pháp: Kinh Cūḷavedallasutta 460
- Kinh Cūḷavedallasutta 460

X. PHƯỚC-THIỆN CHÁNH-KIẾN (Diṭṭhijukamma) 463
- Định nghĩa Diṭṭhijukamma 463
- Sammādiṭṭhika dasavatthu: 10 điều chánh-kiến.....467
- Diṭṭhijukamma trong 3 thời-kỳ 469
- Chánh-kiến có 5 loại 472
- Micchādiṭṭhi: Tà-kiến 472
- Sakkāyadiṭṭhi: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn 473
- Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn cản trở pháp-hành thiền-tuệ 475
- Niyatamicchādiṭṭhi: Tà-kiến cố-định 484
1- Natthikadiṭṭhi: vô-quả tà-kiến 484
2- Ahetukadiṭṭhi: vô-nhân tà-kiến 486
3- Akiriyadiṭṭhi: vô-hành tà-kiến.....488

- Tà-kiến - Chánh-kiến (Micchādiṭṭhi - Sammādiṭṭhi) ..489
- Vipallāsa: pháp-đảo-điên có 3 loại.....490
- Chánh-kiến có 5 loại 491
* 10 phước-thiện gom lại thành 3 nhóm phước-thiện 492
- Dānakusala-Sīlakusala-Bhāvanākusala.....497
- Kinh Velāmasutta.....497
- Quả của phước-thiện bố-thí không cung-kính 498
- Quả của phước-thiện bố-thí cung-kính 498
- Tạo phước-thiện đại-thí ngoài Phật-giáo 499
- Tạo phước-thiện bố-thí trong Phật-giáo 500
- Nhận xét về bài kinh Velāmasutta 502
- Phước-Thiện Và Quả báu Của Phước-Thiện 504
- Năng lực muñcacetanā 505
- Năng lực pubbacetanā và aparacetanā 506
1. Ukkaṭṭhakusalakamma: đại-thiện-nghiệp bậc cao như thế nào? 506
2. Omakakusalakamma: đại-thiện-nghiệp bậc thấp như thế nào? 507
- Phân loại đại-thiện-nghiệp theo ukkaṭṭhakusalakamma và omakakusalakamma 509
- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp
Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp ...510
- Paṭisandhikāla và Pavattikāla 510
1. Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao 511
2. Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp 514
3. Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao 514
- Nhận xét về tihetuka-omakakusalakamma với dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma 517
4. Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp 517
***** Nhận xét về 3 hạng người trong đời.....518
1- Hạng người tam-nhân 519
- Tiền-kiếp của người tam-nhân 519
- Kiếp hiện-tại của người tam-nhân phàm-nhân 522
2- Hạng người nhị-nhân 526
- Tiền-kiếp của người nhị-nhân 527

- Kiếp hiện-tại của người nhị-nhân 528
3- Hạng người vô-nhân cõi thiện-giới.....530
- Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới 530
- Kiếp hiện-tại của người vô-nhân cõi thiện-giới 532
***** Bản tóm lược tam-nhân, nhị nhân bậc cao, bậc thấp .534
- Năng lực của muñcacetanā 534
- Năng lực của aparacetanā 535
- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp 535
- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp ...536
- Con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu 537

ĐOẠN KẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHƯỚC-THIỆN (Puñña-Kusala)

Chương VI: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp đã được trình bày xong trong *quyển IV* của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, tiếp theo ***chương VII: Phước-Thiện (Puñña-Kusala)*** này sẽ được trình bày trong ***quyển V*** *này*.

Phước dịch từ danh từ Pāḷi: ***puñña.***
Thiện dịch từ danh từ Pāḷi: ***kusala.***

Định nghĩa danh từ *puñña:*

Attano santānaṃ punāti sodhetīti puññaṃ.

Trạng-thái làm cho thiện-tâm của mình trong sạch gọi là ***phước****.*

Phước trái nghĩa với ***tội.***
Tội danh từ Pāḷi gọi là ***pāpa.***

Định nghĩa danh từ ***pāpa:***

Apāyaṃ pāpenantīti pāpāni.

Những ác-nghiệp trong 12 ác-tâm (bất-thiện-tâm) cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới là địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, gọi là ***tội****.*

Định nghĩa danh từ ***kusala****:*

Kucchite pāpadhamme salayantīti kusalāni.

Các tâm nào có khả năng diệt những ác-pháp ô-nhiễm trong tâm, các tâm ấy gọi là các ***thiện-tâm****.*

Thiện-tâm trái nghĩa với ***bất-thiện-tâm*** hoặc ***ác-tâm***.

Kusalā anavajjasukhavipākalakkhaṇā.

Thiện-nghiệp trong thiện-tâm có trạng-thái không có tội-lỗi, cho quả an-lạc.

Phước đồng nghĩa với ***thiện.***

Tội đồng nghĩa với ***bất-thiện*** hoặc ***ác.***

* Trong quyển ***Phước-Thiện*** *này* không đề cập đến *ác-nghiệp*, chỉ giảng giải ***10 phước-thiện*** thuộc về *dục-giới thiện-nghiệp* hoặc *đại-thiện-nghiệp* trong *8 dục-giới thiện-tâm* hoặc *8 đại-thiện-tâm* mà thôi.

**** Thiện-nghiệp*** đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 21 hoặc 37 tâm* đó là *8 dục-giới thiện-tâm + 5 sắc-giới thiện-tâm + 4 vô-sắc-giới thiện-tâm + 4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-tâm đó là 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm.*

Thiện-nghiệp có 4 loại:

- Dục-giới thiện-nghiệp trong 8 dục-giới thiện-tâm.
- Sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 sắc-giới thiện-tâm.
- Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm.
- Siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong 4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-tâm đó là 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm.

Trong quyển ***Phước-Thiện*** *này* chỉ đề cập đến ***dục-giới thiện-nghiệp*** hoặc ***đại-thiện-nghiệp*** trong *8 dục-giới thiện-tâm* hoặc *8 đại-thiện-tâm* mà thôi, không đề cập đến *sắc-giới thiện-nghiệp, vô-sắc-giới thiện-nghiệp và siêu-tam-giới thiện-nghiệp.*

**** Đại-thiện-nghiệp*** đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* tạo ***10 đại-thiện-nghiệp*** *do nương nhờ nơi thân, khẩu, ý,* và tạo ***puññakriyāvatthu,*** có *10 loại phước-thiện.*

Đại-thiện-nghiệp có 10 loại do nương nhờ 3 môn: thân-môn, khẩu-môn, ý môn, như sau:

- Thân đại-thiện-nghiệp có 3 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.
- Đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.
- Đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.

- Khẩu đại-thiện-nghiệp có 4 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không nói dối.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục.
- Đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích.

- Ý đại-thiện-nghiệp có 3 loại:

- Đại-thiện-nghiệp không tham lam tiền của người khác.
- Đại-thiện-nghiệp không thù hận người khác.
- Đại-thiện-nghiệp có chánh-kiến.

Đó là *10 đại-thiện-nghiệp* phát sinh do nương nhờ thân, khẩu, ý.[(1)]

Và **** Đại-thiện-nghiệp*** đó là *tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm* tạo ***puññakriyāvatthu***, có *10 loại phước-thiện.*

Chương VII: Phước-Thiện này trình bày ***puññakriyāvatthu***, *có 10 loại phước-thiện.*

Puññakriyāvatthu *(Puñña+kriyā+vatthu)*

* ***Puñña****: phước-thiện làm cho đại-thiện-tâm trở nên trong sạch, đó là bố-thí, giữ-giới, hành pháp thiền-định, hành pháp thiền-tuệ, v.v…*

* ***Kriyā****: bậc thiện-trí nên tạo phước-thiện.*

* ***Vatthu****: bố-thí, giữ-giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ, v.v… là nhân phát sinh phước-thiện cho quả báu an-lạc.*

Puññakriyāvatthu*: pháp phát sinh 10 phước-thiện đó là bố-thí, giữ-giới, hành-thiền, cung-kính, hỗ-trợ, hồi-hướng, hoan-hỷ, nghe-pháp, thuyết-pháp, chánh-kiến,*

[1] Tìm hiểu trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IV Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, cùng soạn giả

mà bậc thiện-trí nên tạo, để phát sinh phước-thiện cho quả báu an-lạc.

Puññakriyāvatthu có 10 pháp phát sinh 10 phước-thiện đó là:

1- Dānakusala: phước-thiện bố-thí.
2- Sīlakusala: phước-thiện giữ-giới.
3- Bhāvanākusala: phước-thiện hành-thiền.
4- Apacāyanakusala: phước-thiện cung-kính.
5- Veyyāvaccakusala: phước-thiện hỗ-trợ.
6- Pattidānakusala: phước-thiện hồi-hướng.
7- Pattānumodanakusala: phước-thiện hoan-hỷ.
8- Dhammassavanakusala: phước-thiện nghe-pháp.
9- Dhammadesanākusala: phước-thiện thuyết-pháp.
10- Diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến.

Phần Giải Thích

1- PHƯỚC-THIỆN BỐ-THÍ (Dānakusala)

Dānakusala: Phước-thiện bố-thí:

Định-nghĩa *Dāna:*

Dīyati etenāti dānaṃ:

Thí-chủ bố-thí với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bố-thí gọi là dānakusala: phước-thiện bố-thí

Trong kinh *Sappurisadānasutta*[(1)] *Đức-Phật dạy người thiện-trí* tạo phước-thiện bố-thí có 4 chi-pháp, được tóm lược như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Người thiện-trí tạo phước-thiện ***bố-thí với đức-tin trong sạch*** *nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, người ấy sẽ được quả báu là có*

[1] Aṅguttaranikāya, Pañcakanipātapāḷi, kinh Sappurisadaanasutta.

nhiều của cải tài sản, giàu sang, phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là người có sắc thân rất xinh đẹp, có màu da mịn màng trắng trẻo, đáng được mọi người ngưỡng mộ.

2- Người thiện-trí tạo phước-thiện ***bố-thí với đại-thiện-tâm cung-kính*** *người thọ-thí và vật-thí được phát sinh một cách hợp pháp và trong sạch, người ấy sẽ được quả báu là có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là trong gia đình vợ, các con, các cháu, bạn bè, các thuộc hạ, những người làm và những người thân đều cung-kính nghe lời dạy bảo của người thiện-trí ấy.*

3- Người thiện-trí tạo phước-thiện ***bố-thí hợp thời, đúng lúc*** *(như bố-thí đến tỳ-khưu khách, tỳ-khưu sắp đi xa, tỳ-khưu bệnh, sa-di hoặc tỳ-khưu nuôi tỳ-khưu bệnh, người đang đói khát, hoặc trong buổi lễ dâng y kathina, v.v...), người ấy sẽ được quả báu là có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là có thứ của cải mà người khác khó có, được thứ của cải mà người khác khó được, khi cần thứ của cải nào thì sẽ được thứ ấy như ý.*

4- Người thiện-trí tạo phước-thiện ***bố-thí với đại-thiện-tâm tế độ*** *những người thọ-thí, người ấy sẽ được quả báu là có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là người thiện-trí ấy hướng tâm đến hướng sự an-lạc trong của cải của mình.*

5- Người thiện-trí tạo phước-thiện ***bố-thí không tự làm khổ mình và không làm khổ mọi người****, người ấy sẽ được quả báu là có nhiều của cải tài sản, giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt đó là mọi thứ của cải tài sản không bị lửa đốt cháy, không bị nước lụt cuốn trôi, không bị kẻ trộm cướp chiếm đoạt, không bị nhà nước tịch thu, không bị người không ưa thích làm chủ.*

- Này chư tỳ-khưu! Đó là 5 cách tạo phước-thiện bố-thí của người thiện-trí và quả báu của mỗi cách bố-thí.

Chi-Pháp Của Phước Bố-Thí

Để thành tựu *phước-thiện bố-thí* cần hội đủ 3 chi-pháp:

*1- **Cetanādāna**: Tác-ý đại-thiện-tâm bố-thí.*

Người thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bố-thí* đến cho người thọ-thí.

*2- **Vatthudāna**: Vật bố-thí.* Các vật thí của người thí-chủ như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh, v.v…

*3- **Paṭiggāhaka**: Người thọ-thí* nhận vật thí của thí-chủ.

Giảng giải:

1- Cetanādāna: Tác-ý trong đại-thiện-tâm bố-thí trải qua 3 thời-kỳ:

*1- **Pubbacetanādāna**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **trước khi tạo phước-thiện bố-thí**.*

Người thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ **trước khi tạo phước-thiện bố-thí*** (thời gian chuẩn bị tạo phước-thiện bố-thí).

Thời-kỳ trước khi tạo ***phước-thiện bố-thí*** lâu hoặc mau tùy thuộc vào thí-chủ và ngày, giờ làm lễ phước-thiện bố-thí ấy.

*2- **Muñcacetanādāna**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **khi đang tạo phước-thiện bố-thí**.*

Người thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ **khi đang tạo phước-thiện bố-thí*** với vật thí ấy, và đồng thời *người thọ-thí* đang nhận vật thí ấy của thí-chủ (thời gian hiện tại khi đang tạo phước-thiện bố-thí đến cho người thọ-thí đang nhận vật thí).

3- ***Aparacetanādāna**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí** xong.*

Người thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ **sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí*** xong. Thời gian sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy không có hạn định thời gian, có thể sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm. Nếu mỗi khi thí-chủ niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí ấy thì lại phát sinh *đại-thiện-tâm* hoan-hỷ trong phước-thiện bố-thí ấy.

Khi thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bố-thí* đầy đủ cả 3 thời-kỳ tác-ý như vậy thì *phước-thiện bố-thí ấy* có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc rất phong phú trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, mỗi kiếp được hưởng quả báu trong *3 thời: thời ấu-niên, thời trung-niên và thời lão-niên đối với thí-chủ ấy.*

Trong bài kinh *Chaḷaṅgadānasutta* [(1)] được tóm lược những điểm chính như sau:

Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, *cận-sự-nữ Nandāmātā* là người dân xứ Veḷukaṇḍakī tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng *có Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* chủ trì.

Đức-Thế-Tôn biết rõ bằng *nhãn thông* thấy *cận-sự-nữ Nandāmātā* là người dân xứ Veḷukaṇḍakī tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* chủ trì, *hợp đủ 6 chi-pháp,* nên *Đức-Thế-Tôn* truyền dạy chư tỳ-khưu rằng:

---

[1] Bộ Aṅguttaranikāya, chattanipātapāḷi, kinh Chaḷaṅgadānasutta.

- Này chư tỳ-khưu! Cận-sự-nữ Nandāmātā là người dân xứ Veḷukaṇḍakī tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, có Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna chủ trì, *hợp đủ 6 chi-pháp.*

Phước-thiện bố-thí cúng dường hợp đủ 6 chi-pháp như thế nào?

Người thí-chủ có đủ 3 chi-pháp và Bậc thọ-thí có đủ 3 chi-pháp.

Người thí-chủ có đủ 3 chi-pháp

1- Thí-chủ là người có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí.

2- Thí-chủ là người có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ khi đang tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đến chư Đại-đức-Tăng thọ-thí.

3- Thí-chủ là người có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng xong rồi.

Và sau khi niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí ấy, thí-chủ lại phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nữa.

Bậc thọ-thí có đủ 3 chi-pháp

1- Trong Phật-giáo này, bậc thọ-thí là Bậc không còn tâm tham-ái, hoặc đang thực-hành để diệt tận được tâm tham-ái.

2- Bậc thọ-thí là bậc không còn tâm sân-hận, hoặc đang thực-hành để diệt tận được tâm sân-hận.

3- Bậc thọ-thí là bậc không còn tâm si-mê, hoặc đang thực-hành để diệt tận được tâm si-mê.

Phước-thiện bố-thí cúng dường hợp với 6 chi-pháp này là dòng phước, dòng thiện vô lượng, có quả báu lớn lao vô lượng, có sự an-lạc vô lượng không sao kể được.

Đó là trường hợp tạo phước-thiện bố-thí cúng dường mà 2 bên đều trong sạch: *người thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trong 3 thời-kỳ, và bậc thọ-thí là chư Thánh-Tăng là bậc Thánh A-ra-hán trong sạch thanh-tịnh.*

2- Vatthudāna: Vật bố-thí

* *Vật bố-thí* theo Tạng Kinh Pāḷi có 10 thứ cần thiết trong cuộc sống như:

1- Annadāna: bố-thí cơm.
2- Pānadāna: bố-thí nước.
3- Vatthadāna: bố-thí vải, quần áo.
4- Yānadāna: bố-thí giày dép, xe cộ.
5- Mālādāna: bố-thí hoa, vòng hoa.
6- Gandhadāna: bố-thí vật thơm.
7- Vilepana: bố-thí vật thoa.
8- Seyyādāna: bố-thí giường, chỗ nằm.
9- Āvasathagharadāna: bố-thí chỗ ở, nơi trú ngụ.
10- Padīpeyyadāna: bố-thí đèn cầy, đèn dầu, đèn điện.

* *Vật bố-thí* theo Tạng Luật Pāḷi có 4 thứ vật dụng cần thiết đối với tỳ-khưu, sa-di là:

1- Cīvaradāna: bố-thí cúng dường y phục.
2- Piṇḍapātadāna: bố-thí cúng dường vật thực.
3- Senāsanadāna: bố-thí cúng dường chỗ ở.
4- Bhesajjadāna: bố-thí cúng dường thuốc trị bệnh.

* Vật bố-thí theo Tạng Vi-Diệu-Pháp có 6 loại là:

1- Rūpadāna: bố-thí cúng dường đối-tượng sắc.
2- Saddadāna: bố-thí cúng dường đối-tượng thanh.

3- Gandhadāna: bố-thí cúng dường đối-tượng hương.
4- Rasadāna: bố-thí cúng dường đối-tượng vị.
5- Phoṭṭhabbadāna: bố-thí cúng dường đối-tượng xúc.
6- Dhammadāna: bố-thí cúng dường đối-tượng pháp.

* *10 vật thí theo Tạng Kinh Pāḷi* là những thứ cần thiết dùng trong cuộc sống hằng ngày của tất cả mọi người tại gia cư-sĩ.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí các vật thí ấy đến người tại gia cư-sĩ thì được phước-thiện bình thường, và có được quả báu bình thường.

* *4 vật thí theo Tạng Luật Pāḷi* là 4 thứ vật dụng cần thiết đối với những bậc xuất-gia tỳ-khưu, sa-di.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường 4 thứ vật dụng cần thiết ấy đến chư tỳ-khưu-Tăng thì được nhiều phước-thiện cao quý vô lượng, và có được quả báu cao quý lớn lao vô lượng.

* *6 vật thí theo Tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi* là 6 đối-tượng thuộc *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* vô cùng vi-tế.

Nếu muốn cúng dường 6 đối-tượng này thì thí-chủ hướng đại-thiện-tâm đến đối-tượng nào cúng dường đến *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* gọi là sự cúng dường vật thí theo *Tạng Vi-Diệu-Pháp* thật là vô cùng vi-tế.

3- Paṭiggāhaka: Người thọ-thí nhận vật thí của thí-chủ có 2 hạng:

- ***Pāṭipuggalikadāna**: Cá-nhân thọ-thí*, có 14 hạng.

- ***Saṃghikadāna**: Chư tỳ-khưu-Tăng thọ-thí*, có 7 trường hợp.

* ***Pāṭipuggalikadāna:*** *Cá-nhân thọ-thí* có 14 hạng:

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến ***cá-nhân thọ-thí*** *(pāṭipuggalikadāna)* có 14 hạng người từ bậc thấp cho đến bậc cao và hưởng được quả báu như sau:

1- Tạo phước-thiện bố-thí đến loài súc-sinh (chim, chó, mèo,...) hưởng được 5 quả báu (sống lâu, sắc đẹp, an-lạc, sức mạnh, trí-tuệ) 100 kiếp.

2- Tạo phước-thiện bố-thí đến người phàm nhân không có giới, hưởng được 5 quả báu 1000 kiếp.

3- Tạo phước-thiện bố-thí đến phàm nhân có giới, hưởng được 5 quả báu 100 ngàn kiếp.

4- Tạo phước-thiện bố-thí đến hành-giả chứng đắc các bậc thiền và ngũ-thông, hưởng được 5 quả báu 100 ngàn tỉ kiếp.

5- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến hành-giả thiện-trí phàm nhân đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, và Niết-bàn, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp.

6- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh Nhập-lưu, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến hành-giả thiện-trí phàm nhân đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ...

7- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh Nhập-lưu đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh Nhập-lưu.

8- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh Nhất-lai, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh Nhập-lưu đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ ....

9- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh Nhất-lai đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh Nhất-lai.

10- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh Bất-lai, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh Nhất-lai đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ ...

11- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh Bất-lai đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh Bất-lai.

12- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến bậc Thánh A-ra-hán, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh-Bất-lai đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ ...

13- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến bậc Thánh A-ra-hán.

14- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hưởng được 5 quả báu vô số kiếp nhiều hơn cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác.

*** Chư tỳ-khưu-Tăng-thí** (Saṃghikadāna) [(1)]

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến *chư tỳ-khưu-Tăng thọ-thí (saṃghikadāna)* có 7 trường-hợp, có quả báu từ cao đến thấp theo tuần tự như sau:

[1] M. Uparipaṇṇāsapāli, kinh Dakkhiṇāvibhaṅgasutta.

1- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng và chư tỳ-khưu-ni-Tăng có Đức-Phật chủ trì.

2- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng và chư tỳ-khưu-ni-Tăng, sau khi Đức-Phật đã tịch diệt Niết Bàn.

3- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng.

4- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-ni-Tăng.

5- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến một số tỳ-khưu-Tăng và một số tỳ-khưu-ni-Tăng.

6- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến một số tỳ-khưu-Tăng.

7- Tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến một số tỳ-khưu-ni-Tăng.

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng chắc chắn có phước-thiện cao quý vô lượng, có quả báu cao quý vô lượng trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, đặc biệt làm nhân-duyên hỗ trợ cho các pháp-hạnh ba-la-mật được thành tựu, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Thí-chủ với người thọ-thí

Thí-chủ với bậc thọ-thí có 4 trường hợp: [1]

1- Thí-chủ có giới-đức trong sạch với người thọ-thí không có giới:

[1] Chú-giải M, Up. kinh Dakkhiṇāvibhaṅgasuttavaṇṇanā.

Nếu thí-chủ là người có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp, tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí không có giới, hành ác-pháp, thì được phước-thiện bố-thí nhiều, có quả báu nhiều.

Như trường hợp *Đức-vua Bồ-Tát Vessantara* tạo phước-thiện *bố-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā* đến *bà-la-môn Jūjaka* không có giới, hành ác-pháp. Ngay khi ấy, do năng lực của *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật* làm cho mặt đất rung chuyển, toàn thể chư thiên hoan-hỷ đồng thanh tán dương ca tụng *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật ấy của Đức-vua Bồ-Tát Vessantara*.

2- Thí-chủ không có giới với người thọ-thí có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp:

Nếu thí-chủ là người không có giới, hành ác-pháp, tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp, thì có được phước-thiện không nhiều, có quả báu không nhiều.

Như trường hợp ngư dân ở bên bờ sông Kalyāṇanadī, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường 3 lần đến *Ngài Trưởng-lão Dīghasoma* có giới-đức.

Ngư dân đến lúc lâm chung, phước-thiện bố-thí cúng dường ấy hiện ra, ngư dân nói rằng: *"Nhờ phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Trưởng-lão Dīghasoma nâng đỡ tôi lên cõi trời"*.

3- Thí-chủ không có giới và người thọ-thí cũng không có giới:

Nếu thí-chủ là người không có giới, hành ác-pháp, tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí cũng không có giới, hành ác-pháp, thì được phước-thiện không đáng kể.

Như trường hợp người thợ săn thú rừng tạo phước-thiện bố-thí đến *vị tỳ-khưu phá-giới (dussīla)* đến 3 lần. Mỗi lần đều hồi-hướng phần phước-thiện ít ỏi ấy đến thân quyến đã quá vãng là hạng chúng-sinh ngạ-quỷ, nhưng ngạ-quỷ ấy than vãn rằng: *"Tỳ-khưu phá-giới ấy đã phá hoại phước-thiện của ta rồi!"*

Về sau, người thợ săn tạo phước-thiện bố-thí đến *vị tỳ-khưu có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp*, rồi hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến thân quyến là ngạ-quỷ ấy. Khi ngạ-quỷ ấy hoan-hỷ thọ nhận phần phước-thiện ấy nên được thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, được tái-sinh lên cõi thiện-giới ngay khi ấy.

4- Thí-chủ có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp và người thọ-thí cũng có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp:

Nếu thí-chủ là người có giới-đức trong sạch, hành thiện-pháp, tạo phước-thiện bố-thí đến Bậc có giới-đức trong sạch, có thiện-pháp cao thượng, thì chắc chắn được phước-thiện bố-thí lớn lao vô lượng cho mình, rồi hồi-hướng đến tất cả thân bằng quyến thuộc cùng tất cả chúng-sinh trong muôn loài cũng đều được phước-thiện vô lượng.

(Tóm lược từ bài Kinh Dakkhiṇāvibhaṅgasutta)

Phước-thiện bố-thí cúng dường tấm choàng Tích Bà-la-môn Cūḷekasāṭaka [1]

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, đề cập đến tích Bà-la-môn tên Cūḷekasāṭaka. Tích này được tóm lược như sau:

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Cūḷekasāṭakabrāhmaṇavatthu.

* Trong quá khứ, thời-kỳ *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian. Có một Bà-la-môn tên là Mahā Ekasāṭaka.

* Trong thời hiện-tại, thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, vị *bà-la-môn* có tên là ***Cūḷekasāṭaka*** sống tại kinh-thành Sāvatthi.

Sở dĩ ông bà-la-môn có tên Cūḷekasāṭaka là vì 2 vợ chồng bà-la-môn chỉ có một tấm choàng trên thân mình duy nhất mà thôi. Hằng ngày, nếu khi ông chồng đi ra ngoài thì ông mặc tấm choàng này, bà vợ ở trong nhà, và nếu khi bà vợ đi ra ngoài thì bà mặc tấm choàng này, ông chồng phải ở trong nhà.

Một hôm, nghe thông báo dân chúng trong kinh-thành Sāvatthi đi nghe Đức-Phật thuyết-pháp tại ngôi chùa Jetavana, ông bà-la-môn bảo với người vợ rằng:

- Này em! Họ thông báo dân chúng đi nghe-pháp. Hai vợ chồng chúng ta chỉ có một tấm choàng trên thân mình duy nhất, nên không thể cùng đi chung với nhau được. Vậy, em đi nghe-pháp ban ngày hay ban đêm?

Nghe chồng hỏi vậy, nên bà vợ thưa rằng:

- Thưa anh, em xin đi nghe-pháp ban ngày, còn anh nên đi nghe-pháp ban đêm.

Bà vợ mặc tấm choàng trên thân mình đi đến ngôi chùa Jetavana, nghe Đức-Phật thuyết-pháp ban ngày.

Ông chồng ở lại trong nhà cả ngày. Buổi chiều, sau khi nghe-pháp xong, bà vợ trở về nhà.

Ông Bà-la-môn muốn cúng dường tấm choàng

Ông bà-la-môn mặc tấm choàng trên thân mình đi đến ngôi chùa Jetavana ban đêm. Đến ngồi gần Đức-Phật, ông bà-la-môn chú tâm lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp.

Khi ấy, *5 pháp hỷ-lạc*[1] phát sinh làm cho toàn thân tâm của ông bà-la-môn có cảm giác an-lạc chưa từng có bao giờ. Ông bà-la-môn phát sinh *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật*, ông muốn cúng dường lên Đức-Phật tấm choàng đang mặc trên mình, nhưng *tâm bủn xỉn keo kiệt* trong tấm choàng phát sinh, bởi vì ông bà-la-môn nghĩ lại rằng:

"Nếu bây giờ ta cúng dường tấm choàng này lên Đức-Phật thì vợ ta sẽ không có mặc và ta cũng không có mặc."

Khi ấy, *tâm bủn xỉn keo kiệt* trong tấm choàng phát sinh trong ông bà-la-môn, rồi *đại-thiện-tâm phát sinh có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật,* ông bà-la-môn lại muốn cúng dường tấm choàng này lên Đức-Phật, rồi *tâm bủn xỉn keo kiệt* trong tấm choàng phát sinh trở lại làm cản trở *đức-tin trong sạch muốn cúng dường tấm choàng* lên Đức-Phật.

Vì vậy, khi thì *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch* phát sinh muốn cúng dường tấm choàng lên Đức-Phật, khi thì *tâm bủn xỉn keo kiệt trong tấm choàng phát sinh* không muốn cúng dường tấm choàng lên Đức-Phật.

Như vậy, *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch* muốn cúng dường tấm choàng lên Đức-Phật với *tham-tâm bủn xỉn keo kiệt* trong tấm choàng phát sinh ngăn cản.

Giữa *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch với tham-tâm bủn xỉn keo kiệt* giằng co kéo dài trải qua canh đầu đêm, đến canh giữa đêm, cuộc chiến đấu giằng co giữa 2 tâm là *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch với tham-tâm bủn xỉn keo kiệt ấy* vẫn chưa phân thắng bại.

---

[1] 5 Pháp Pīti: Khuddakāpīti, khaṇikāpīti, okkantikāpīti, ubbeṅgāpīti, pharaṇāpīti.

Thắng tâm keo kiệt bằng đức-tin trong sạch

Đến canh chót đêm, ông bà-la-môn suy xét rằng:

*"Cuộc chiến giằng co giữa **đại-thiện-tâm** có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật với ác-tâm là **tham-tâm** bủn xỉn keo kiệt trong tấm choàng đã kéo dài trải qua 2 canh rồi. Nếu ta không thắng được tham-tâm bủn xỉn keo kiệt trong tấm choàng này thì kiếp sống của ta không thể thoát khỏi 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.*

Vậy, ta phải quyết tâm chiến thắng tham-tâm bủn xỉn keo kiệt trong tấm choàng này!"

Sau khi quyết tâm như vậy, nên *chế ngự được tham-tâm bủn xỉn keo kiệt trong tấm choàng*, làm cho phát sinh *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nhiều năng lực nơi Đức-Phật, nên ông bà-la-môn liền cởi tấm choàng trên thân mình, hai tay nâng tấm choàng cung-kính đến cúng dường lên Đức-Phật, ông đặt gần dưới hai bàn chân của Đức-Phật, rồi ông sung sướng reo lên 3 lần:*

"Jitaṃ me! Jitaṃ me! Jitaṃ me!"

- Tôi đã thắng rồi! Tôi đã thắng rồi! Tôi đã thắng rồi!

Phước-thiện bố-thí cho quả hiện-tại

Đức-vua Pasenadi Kosala đang ngồi nghe-pháp, nghe ông bà-la-môn reo lên 3 lần như vậy, nên truyền bảo vị quan đến hỏi ông bà-la-môn ấy rằng:

"Ông đã thắng ai vậy?"

Tuân lệnh Đức-vua, Vị quan đến hỏi ông Bà-la-môn.

- Này ông bà-la-môn! Ông đã thắng ai vậy?

Ông bà-la-môn thưa với vị quan đầy đủ sự việc xảy ra diễn tiến suốt 3 canh theo tuần tự như vậy. Vị quan đến

tâu lên Đức-vua Pasenadi Kosala đầy đủ về sự việc xảy ra đối với ông bà-la-môn như vậy.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua Pasenadi Kosala nghĩ rằng: *"Ông bà-la-môn ấy đã làm điều mà người khác khó làm được. Vậy, ta nên tế độ ông bà-la-môn ấy."*

Đức-vua truyền bảo vị quan đem 2 tấm choàng mới ban cho ông bà-la-môn ấy.

Sau khi nhận được 2 tấm choàng mới của Đức-vua ban, ông bà-la-môn đem 2 tấm choàng mới ấy cúng dường lên Đức-Phật.

Thấy ông bà-la-môn cúng-dường 2 tấm choàng mới lên Đức-Phật như vậy, nên Đức-vua Pasenadi Kosala truyền bảo vị quan đem ban cho ông bà-la-môn ấy 4 tấm choàng mới khác.

Sau khi nhận được 4 tấm choàng mới của Đức-vua ban, ông bà-la-môn đem 4 tấm choàng mới ấy cúng dường lên Đức-Phật.

Thấy ông bà-la-môn cúng-dường 4 tấm choàng mới lên Đức-Phật như vậy, nên Đức-vua Pasenadi Kosala truyền bảo vị quan đem ban cho ông bà-la-môn ấy 8 tấm choàng mới khác.

Cứ mỗi lần Đức-vua ban tấm choàng mới tăng gấp đôi, và sau khi ông bà-la-môn nhận được gấp đôi là 16 tấm choàng mới, 32 tấm choàng mới, ông bà-la-môn đem 32 tấm choàng mới ấy cúng dường lên Đức-Phật.

Đức-vua truyền bảo vị quan đem 64 tấm choàng ban cho ông bà-la-môn ấy nữa.

Ông Bà-la-môn muốn tránh tiếng rằng: *"Ông Bà-la-môn có được bao nhiêu tấm choàng của Đức-vua ban đều tạo phước-thiện bố-thí đến Đức-Phật cả thảy, không để lại cho phần của mình."*

Vì vậy, ông bà-la-môn lấy riêng ra 4 tấm choàng: Phần của mình 2 tấm choàng và vợ 2 tấm choàng. Còn lại 60 tấm choàng, ông Bà-la-môn đem cúng dường đến Đức-Phật.

* Trong thời quá khứ, ông bà-la-môn *Mahā Ekasāṭaka* cúng dường đến Đức-Phật quá khứ 7 lần, lấy 4 tấm choàng trong 128 tấm choàng.

* Trong thời hiện-tại, ông bà-la-môn tên *Cūḷekasāṭaka* cúng dường đến Đức-Phật 7 lần, lấy 4 tấm choàng trong 64 tấm choàng.

Đức-vua Pasenadi Kosala truyền bảo các quan rằng:

- Này các khanh! Ông bà-la-môn này đã làm những điều mà người khác khó làm được. Vậy, các khanh hãy đem 2 tấm kambala dệt bằng các lông thú trong cung điện của Trẫm đến đây.

Tuân theo lệnh của Đức-vua, các quan đem 2 tấm kambala có giá 100 ngàn đồng kahāpaṇa, ban cho ông bà-la-môn ấy.

Sau khi nhận 2 tấm kambala ấy, ông bà-la-môn nghĩ rằng: *"Hai tấm kambala này thật là vô giá chỉ có xứng đáng với Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác và chư Đại-đức-Tăng mà thôi. Vậy, ta nên đem cúng dường đến Đức-Phật"*.

Ông Bà-la-môn đem 1 tấm kambala đến Gandhakuṭi, làm trần che phía trên chỗ giường nằm cúng dường đến Đức-Phật. Còn lại 1 tấm kambala, ông làm trần che phía trên chỗ vị tỳ-khưu ngồi độ vật thực trong nhà của ông.

Buổi chiều hôm ấy, Đức-vua Pasenadi Kosala ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Phật tại Gandhakuṭi, nhìn lên trần, thấy tấm kambala, Đức-vua nhớ tấm kambala ấy, nên bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ai là người làm trần nhà bằng tấm kambala này cúng dường đến Ngài?

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Đại-Vương! Bà-la-môn tên Cūḷekasāṭaka làm cúng dường đến Như-Lai.

Đức-vua Pasenadi Kosala nghĩ rằng: *"Ông Bà-la-môn này tôn kính Đức-Thế-Tôn giống như ta tôn kính."*

Đức-vua Pasenadi Kosala truyền lệnh ban cho ông bà-la-môn một trăm thứ mà mỗi thứ có 4 như sau:

4 con voi, 4 con ngựa, 4 người đàn bà, 4 người đàn ông, 4 tớ trai, 4 tớ gái, 4 xóm làng để thâu thuế, 4000 Kahāpaṇa, v.v…

Phước-thiện làm mau có quả hơn làm chậm

Chư tỳ-khưu đàm đạo tại hội trường rằng: *"Phước-thiện của ông bà-la-môn Cūḷekasāṭaka thật là phi thường! Chỉ có trong thời gian ngắn, phước-thiện ấy cho quả tất cả mọi thứ mà mỗi thứ có 4. Phước-thiện của ông tạo nơi Đức-Thế-Tôn, nên cho quả báu ngay trong ngày hôm ấy."*

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đến hội trường, truyền hỏi chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Các con đang ngồi đàm đạo về chuyện gì vậy?

Chư tỳ-khưu bạch với *Đức-Thế-Tôn* về chuyện *ông bà-la-môn Cūḷekasāṭaka* tạo phước-thiện bố-thí và quả báu của phước-thiện như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Nếu bà-la-môn Cūḷekasāṭaka ấy có khả năng cúng dường đến Như-Lai trong canh đầu đêm thì ông sẽ được tất cả mọi thứ mà mỗi thứ có 16.

Nếu bà-la-môn ấy có khả năng cúng dường đến Như-Lai trong canh giữa đêm thì ông sẽ được tất cả mọi thứ mà mỗi thứ có 8.

Nhưng hai canh đã trải qua, ông bà-la-môn ấy không có khả năng cúng dường được, mãi cho đến canh chót, ông mới cúng dường đến Như-Lai, nên ông được tất cả mọi thứ mà mỗi thứ chỉ có 4 mà thôi.

Thật vậy, khi nào đại-thiện-tâm phát sinh muốn tạo phước-thiện, thì thí-chủ nên ***làm ngay khi ấy***, không nên để đại-thiện-tâm ấy diệt mất.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí chậm chạp thì có được ***quả báu chậm chạp và bị giảm sút.***

Cho nên, nếu thí-chủ phát sinh đại-thiện-tâm muốn tạo phước-thiện bố-thí thì nên làm ngay tức khắc khi ấy, nếu để chậm chạp thì tham-tâm bủn xỉn keo kiệt dễ phát sinh làm ngăn cản việc tạo phước-thiện bố-thí ấy.

Đức-Phật thuyết dhammapadagāthā thứ 116 rằng:

"Abhittharetha kalyāṇe, pāpā cittaṃ nivāraye.
Dandhaṃ hi karato puññaṃ, pāpasmiṃ ramatī mano."

Các con nên mau chóng tạo phước-thiện,
mới ngăn cản được ác-tâm tội lỗi.
Khi các con chậm chạp tạo phước-thiện,
thì ác-tâm có cơ hội phát sinh.
Ác-tâm thường thỏa thích trong tội lỗi.

Để mọi phước-thiện tăng trưởng nhiều, quả báu của phước-thiện vô lượng, khi thí-chủ phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch trong mỗi phước-thiện, nên mau lẹ tạo phước-thiện, không nên chần chừ, do dự, không để cho ác-tâm có cơ hội phát sinh làm cản trở phước-thiện ấy, thí-chủ nên nghĩ rằng:

"Ahaṃ pure! Ahaṃ pure!"

- Ta là người trước tiên! Ta là người trước tiên!

Sau khi thuyết pháp xong, *Đức-Thế-Tôn* thuyết về tứ Thánh-đế tế độ chư tỳ-khưu. Khi ấy, có nhiều vị *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân tùy theo các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị thanh-văn đệ-tử.*

Sự thật, *nếu thí-chủ nào là người có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có cơ hội tạo phước-thiện bố-thí, thì đó là dịp may đối với thí-chủ ấy,* bởi vì thí-chủ có nhận thức đúng đắn rằng:

*"Tiền của chỉ là **của chung** thật sự mà thôi, nay ta đang có quyền sở hữu **tạm thời** tiền của ấy, nếu ta biết sử dụng tiền của tạm thời ấy đem tạo phước-thiện bố-thí, thì chính phước-thiện ấy thuộc về **đại-thiện-nghiệp** trở thành **của riêng** ta, có tính chất **vĩnh cửu** đối với ta. Chính đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy sẽ cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai."*

Phước-thiện bố-thí vật thực

Tích Bhikkhādāyakavimāna [(1)]

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, một vị tỳ-khưu đi đường xa vất vả, đang đói, đi vào khất thực trong một xóm nhà, đến đứng trước cổng một ngôi nhà.

Trong nhà ấy, một người đàn ông đã rửa tay sạch sẽ, rồi ngồi xuống chỗ ngồi để dùng bữa ăn, các thức ăn đã

[1] Bộ Chú-giải Vimānavatthu, tích Bhikkhādāyakavimāna.

bỏ vào trong đĩa xong, người đàn ông ấy nhìn ra trước cổng, thấy vị tỳ-khưu đứng khất thực, ông vô cùng hoan-hỷ, đem đĩa cơm gồm có các thức ăn đi ra trước cổng, hoan-hỷ cung-kính cúng dường đặt hết đĩa cơm cùng các thức ăn vào trong bình bát của vị tỳ-khưu ấy.

Mặc dù vị tỳ-khưu ấy bảo cận-sự-nam để trong bát của Ngài một phần, phần còn lại để ông dùng, nhưng ông cận-sự-nam vẫn đặt hết phần ăn của mình vào trong bát của Ngài. Vị tỳ-khưu tụng kinh chúc phúc lành đến cận-sự-nam, rồi từ giã.

Người thí-chủ vô cùng hoan-hỷ niệm tưởng rằng:

"Hôm nay, ta thật vô cùng hạnh phúc có được một vị tỳ-khưu đến nhà khất thực. Ta không dùng phần ăn của ta, mà đã đem tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến vị tỳ-khưu đang đói, rất cần vật thực."

Sau khi niệm tưởng như vậy, thí-chủ phát sinh hỷ lạc chưa từng có.

Về sau, sau khi thí-chủ ấy chết, đại-thiện-nghiệp tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến vị tỳ-khưu ấy cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam trong lâu đài bằng vàng cao 12 do tuần trên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Một hôm, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* bay lên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên, gặp vị thiên nam có nhiều oai lực ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão bèn hỏi rằng:

- *Này vị thiên-nam! Ngươi có lâu đài bằng vàng cao 12 do tuần, có 700 phòng lớn, các cột toàn bằng ngọc bích quý, lót bằng tấm thảm lộng lẫy. Ngươi có phép-thần-thông, có nhiều oai lực, các thiên-nữ xinh đẹp đờn ca múa hát quanh ngươi.*

- Này vị thiên-nam! Tiền-kiếp của ngươi sinh cõi người đã tạo phước-thiện gì, mà kiếp hiện tại sinh làm thiên-nam có nhiều oai lực, có ánh sáng hào quang tỏa khắp mọi phương hướng như vậy.

Nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* hỏi như vậy, vị thiên-nam vô cùng hoan-hỷ bạch với Ngài Đại-Trưởng-lão về phước-thiện và quả của phước-thiện của mình rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con sinh làm người thấy một vị tỳ-khưu đang đói đến đứng khất thực trước cổng nhà con. Khi ấy, con vô cùng hoan-hỷ đem phần ăn của con tạo phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường đặt bát đến vị tỳ-khưu ấy.

Sau khi con chết, nhờ phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường vật thực đến vị tỳ-khưu ấy cho quả hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên này, con hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời, có hào quang sáng ngời tỏa ra mọi phương hướng như Ngài Đại-Trưởng-lão đã thấy.

Nghe vị thiên-nam bạch như vậy, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna thuyết-pháp tế độ vị thiên-nam ấy cùng với nhóm thiên-nữ thuộc hạ của y, rồi Ngài Đại-Trưởng-lão trở về cõi người.

Phước-thiện bố-thí chỗ ở

Tích Ambavimāna [1]

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, một cận-sự-nữ trong kinh-thành Sāvatthi, nghe pháp rằng: *"Phước-*

[1] Bộ Vimānavatthu, tích Ambavimānavatthu.

thiện bố-thí cúng dường chỗ ở có phước-thiện vô lượng, có quả báu nhiều vô lượng."

Người cận-sự-nữ phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch muốn cúng dường chỗ ở đến chư tỳ-khưu-Tăng, nên đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con có nguyện vọng muốn xây dựng một ngôi chùa, để cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng. Kính xin Đức-Thế-Tôn chỉ chỗ cho con.*

Nghe người cận-sự-nữ bạch như vậy, *Đức-Thế-Tôn* truyền bảo tỳ-khưu chỉ chỗ thích hợp cho cận-sự-nữ ấy.

Được chư tỳ-khưu chỉ chỗ, người cận-sự-nữ thuê thợ xây dựng một ngôi chùa rất xinh đẹp, rồi cho người trồng các cây xoài xung quanh ngôi chùa ấy.

Sau khi xây dựng ngôi chùa, trồng các cây xoài xung quanh chùa cho bóng mát và cho quả, người cận-sự-nữ cho người trang hoàng ngôi chùa rất lộng lẫy, lấy những tấm vải mới bao quanh các gốc cây xoài, làm nền sạch sẽ xung quanh ngôi chùa để chuẩn bị làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng dường ngôi chùa ấy.

Mọi công việc được chuẩn bị sẵn sàng, người cận-sự-nữ vô cùng hoan-hỷ kính thỉnh chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật đến để làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng dường ngôi chùa ấy một cách rất trọng thể đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương.

Sau khi làm đại lễ cúng dường ngôi chùa xong, người cận-sự-nữ vô cùng hoan-hỷ đã thành tựu được nguyện vọng của mình.

Về sau, sau khi người cận-sự-nữ chết, phước-thiện bố-thí cúng dường ngôi chùa ấy cho quả hóa-sinh làm vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên, trong lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ, nằm giữa vườn xoài, có nhóm

đông thiên-nữ hầu hạ đờn ca múa hát. Vị thiên-nữ có nhiều oai lực, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời ấy.

Một hôm, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna bay lên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên, gặp vị thiên-nữ ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão bèn hỏi rằng:

- Này thiên-nữ! Vườn xoài trời của cô thật là ngoạn mục, trong vườn xoài có lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ, có các tiếng đàn phát ra réo rắt, từng đoàn thiên-nữ ca hát nhảy múa. Trong lâu đài có ngọn đèn lớn bằng ngọc phát ra ánh sáng ngời, xung quanh lâu đài của cô có nhiều loại cây luôn luôn cho quả thơm ngon.

- Này thiên nữ! Tiền-kiếp của cô sinh làm người, cô đã tạo phước-thiện như thế nào mà nay kiếp hiện tại sinh làm vị thiên-nữ có nhiều oai lực, có thân hình xinh đẹp có đầy đủ mọi thứ quý giá, có hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi phương hướng như vậy?

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna hỏi như vậy, vị thiên-nữ vô cùng hoan-hỷ bạch với Ngài Đại-Trưởng-lão về phước-thiện bố-thí của mình như sau:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, khi tiền-kiếp của con sinh làm người trong cõi người, con có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, cho xây dựng một ngôi chùa, có trồng các cây xoài xung quanh chùa.

Sau khi xây dựng ngôi chùa xong, để chuẩn bị khánh thành ngôi chùa, và làm đại lễ dâng cúng dường ngôi chùa đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Con bảo mọi người lấy vải mới bao xung quanh các gốc cây xoài, đốt đèn sáng xung quanh chùa.

Con kính thỉnh chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật đến ngôi chùa, con tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực đến chư Đại-đức tỳ-khưu-

Tăng. Sau đó, con vô cùng hoan-hỷ làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng dường ngôi chùa đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con đã tạo phước-thiện bố-thí như vậy, nên kiếp hiện-tại này con có vườn xoài rất ngoạn mục, trong vườn xoài có lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ, có các tiếng đàn phát ra réo rắt có từng đoàn thiên-nữ ca hát nhảy múa.

Trong lâu đài có ngọn đèn lớn bằng ngọc phát ra ánh sáng ngời, xung quanh lâu đài có nhiều loại cây luôn luôn cho quả thơm ngon.

Đó là quả báu của phước-thiện bố-thí ấy. Con có được sắc đẹp như thế này, có hào quang sáng ngời toả ra khắp mọi nơi, có đầy đủ mọi sự an-lạc như thế này cũng đều do quả của phước-thiện bố-thí ấy.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con ở cõi người đã tạo phước-thiện bố-thí như vậy, nên kiếp hiện-tại này con là thiên-nữ có nhiều oai lực, có ánh sáng hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi phương hướng trong cõi trời Tam-thập-Tam-thiên này.

Phước-thiện bố-thí cốc lá

Tích Ngài Trưởng-Lão Kuṭidāyakatthera

Ngài Trưởng-lão Kuṭidāyaka[1] thuật lại chuyện tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão tạo phước-thiện bố-thí cúng dường cốc lá đến *Đức-Phật Vipassī* được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Phật Vipassī [1] *ngự vào trong rừng ngồi dưới cội cây. Khi ấy, tôi làm một cốc lá xong, rồi làm lễ cúng dường cốc lá ấy đến Đức-Phật Vipassī.*

[1] Bộ Thera Apadāna, tích Kuṭidāyakatthera apadāna.

Thời-kỳ Đức-Phật Vipassī trong kiếp trái đất thứ 91, kể từ kiếp trái đất này, do năng lực phước-thiện bố-thí cúng dường cốc lá ấy đến Đức-Phật Vipassī, mà những tiền-kiếp tử sinh luân-hồi của tôi không hề sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chính nhờ đại-thiện-nghiệp ấy chỉ cho quả tái-sinh trong các cõi thiện-giới là cõi người và cõi trời dục-giới mà thôi.

Trong kiếp trái đất thứ 38, kể từ kiếp trái đất này, tôi làm *Đức-vua Chuyển-luân Thánh-vương* 16 lần có danh hiệu là *Sabbattha Abhivassī*.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, tôi đã xuất gia trở thành tỳ-khưu tên là Kuṭidāyaka thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ tuệ-phân-tích, bát-pháp giải-thoát, lục-thông.

Tôi đã thực-hành đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật, đã hoàn thành xong phận sự của bậc xuất-gia trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh

Tích Ngài Trưởng-lão Bākula[2]

Ngài Trưởng-lão có tên ***Bākula*** bởi *Ngài trưởng thành trong 2 gia đình phú hộ*. Tích này được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula sinh trong gia đình dòng dõi bà-la-môn, trước khi *Đức-Phật Anomadassī* xuất hiện trên thế gian.

---

[1] Từ thời-kỳ Đức-Phật Vipassī đã xuất hiện trên thế gian cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian có khoảng cách thời gian 91 đại kiếp trái đất.

[2] Bộ Chú-giải Aṅguttaranikāya, Tích Ngài Trưởng-lão Bākula

Khi trưởng thành, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão theo học các bộ môn truyền thống bà-la-môn, nhưng Ngài nhận xét thấy không có lợi ích gì trong những bộ môn ấy, nên Ngài từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ thực-hành pháp-hành thiền-định, dẫn đến chứng đắc 8 bậc thiền là 4 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới, và chứng đắc 5 phép-thần-thông tam-giới.

Về sau, nghe tin *Đức-Phật Anomadassī*[1] đã xuất hiện trên thế gian, đạo-sĩ tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Anomadassī*, rồi nghe Đức-Phật thuyết-pháp, sau khi nghe-pháp xong, đạo-sĩ vô cùng hoan-hỷ *xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* cho đến trọn đời trọn kiếp, vẫn giữ hình thức đạo-sĩ của mình, vẫn thường đến nghe Đức-Phật Anomadassī thuyết-pháp.

Dâng thuốc trị bệnh đến Đức-Phật Anomadassī

Một thuở nọ, *Đức-Phật Anomadassī* bị lâm bệnh gió trong bụng. Khi ấy, vị đạo-sĩ đến hầu *Đức-Phật Anomadassī*, gặp vị tỳ-khưu cho biết *Đức-Phật* bị lâm bệnh gió trong bụng, nên vị đạo-sĩ nghĩ rằng: *"Đây là cơ hội tốt cho ta tạo phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh đến Đức-Phật Anomadassī."*

Vị đạo-sĩ bay đến sườn núi tìm những cây thuốc đem về dâng vị tỳ-khưu thường phụng sự Đức-Phật, vị đạo-sĩ dặn dò vị tỳ-khưu cách nấu thuốc như vậy, rồi kính dâng đến *Đức-Phật Anomadassī* dùng thuốc này, hy vọng sẽ khỏi bệnh.

Thật vậy, sau khi dùng thuốc của vị đạo-sĩ, *Đức-Phật Anomadassī* khỏi bệnh gió trong bụng, sức khỏe trở lại

[1] Từ thời-kỳ Đức-Phật Anomadassī đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama có khoảng cách thời gian 1 a-tăng-kỳ với 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

bình thường. Khi ấy, vị đạo-sĩ đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Anomadassī,* rồi ngồi một nơi hợp lẽ, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường thuốc trị bệnh đến Đức-Thế-Tôn khỏi bệnh. Do nhờ phước-thiện bố-thí cúng dường thuốc trị bệnh này, cầu mong cho con là người ít bệnh hoạn ốm đau suốt trong mọi kiếp còn tử sinh luân-hồi.

Sau khi vị đạo-sĩ chết, vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh hoá-sinh làm phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Sau khi hết tuổi thọ trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy, tử sinh luân-hồi trong cõi người và các cõi trời trải qua suốt 1 a-tăng-kỳ.

Phát nguyện trở thành tỳ-khưu ít bệnh nhất

* Đến thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara*[1] xuất hiện trên thế gian, *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* sinh trong một gia đình tại kinh-thành Haṃsavatī. Tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Bākula* đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Padumuttara*, rồi ngồi lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp.

Khi ấy, *Đức-Phật Padumuttara tuyên dương một tỳ-khưu có ít bệnh nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

Thấy vị tỳ-khưu ấy như vậy, nên *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão* phát nguyện muốn trở thành vị tỳ-khưu có ít bệnh nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời-kỳ vị-lai. Và được *Đức-Phật Padumuttara* thọ ký xác định thời gian còn lại 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* sẽ xuất hiện trên thế

[1] Từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama có khoảng cách thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

gian. Khi ấy, *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão sẽ được thành tựu như ý.*

Sau khi được *Đức-Phật Padumuttara* đã thọ ký, những tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula tử sinh luân-hồi trong cõi người và các cõi trời, cố gắng tinh-tấn không ngừng tạo 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc hạ cho sớm được đầy đủ trọn vẹn.

* Trước khi *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian, *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* sinh trong gia đình bà-la-môn trong kinh-thành Bandhumatī. Khi trưởng thành, Ngài từ bỏ nhà đi xuất gia trở thành đạo-sĩ trú tại chân núi, thực-hành pháp-hành thiền-định, dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới và các phép-thần-thông trong thế gian.

Đến khi *Đức-Phật Vipassī*[1] đã xuất hiện trên thế gian, *Đức-Phật Vipassī* ngự cùng với nhóm *6.800.000 vị Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* đến kinh-thành Bandhumatī để tế độ *Đức-Phụ-vương. Đức-Phật Vipassī* ngự tại *vườn phóng sinh nai Khema* cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ấy.

Nghe tin *Đức-Phật Vipassī* đã xuất hiện trên thế gian, đang ngự tại *vườn phóng sinh nai Khema*, vị đạo-sĩ tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Vipassī*, rồi nghe thuyết-pháp. Vị đạo-sĩ phát sinh đức-tin trong sạch *xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* vẫn giữ hình thức đạo-sĩ của mình, thường đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, rồi nghe-pháp.

---

[1] Từ thời-kỳ Đức-Phật Vipassī đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama có khoảng cách thời gian 91 đại-kiếp trái đất.

Dâng thuốc trị bệnh đến chư tỳ-khưu

Một thời nọ, *ngoài Đức-Phật Vipassī và 2 Ngài Tối-thượng Thanh-văn ra*, còn lại tất cả chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đều bị mắc bệnh nhức đầu, bởi vì hít mùi hoa độc của những cây trong rừng núi Himavanta đang nở rộ.

Khi ấy, vị đạo-sĩ tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula đến hầu đảnh lễ *Đức-Phật Vipassī*, biết chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng bị mắc bệnh đau đầu như vậy, nên nghĩ rằng: *"Đây là cơ hội tốt của ta tạo phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng"*.

Vị đạo-sĩ dùng oai lực phép thần thông bay đi tìm các thứ cây thuốc đem về làm thành thuốc, rồi đem đến tạo phước-thiện bố-thí cúng dường thuốc trị bệnh đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Sau khi dùng thuốc, tất cả chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đều khỏi bệnh ngay.

Sau khi *vị đạo-sĩ tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* chết, sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên. Khi hết tuổi thọ trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh trong cõi người và các cõi trời, trải qua 91 đại-kiếp trái đất.

* Đến thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian, khi ấy, *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão* là người dân sinh sống trong căn nhà cũ tại kinh-thành Bārāṇasī.

Một hôm, ông nghĩ rằng: *"Căn nhà của ta đã cũ, bị hư hỏng không ở được nữa. Vậy, ta nên gọi nhóm thợ cùng ta đi vào rừng sâu tìm cây gỗ, lá, v.v... đem về làm lại căn nhà mới"*.

Sau khi nghĩ như vậy, ông dẫn nhóm thợ vào rừng, trên đường đi, ông nhìn thấy ngôi chánh-điện Sīmā nơi hành các tăng sự Saṃghakamma của chư Đại-đức tỳ-

khưu-Tăng đã bị hư hỏng, dột nát, và các chỗ ở của chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng cũng bị hư hỏng nhiều, nên ông nghĩ rằng: *"Việc làm căn nhà mới của ta chưa cần thiết, bởi vì căn nhà không thể đi theo ta được, mà chỉ có phước-thiện mới có thể theo ta được mà thôi.*

Vậy, ta nên trùng tu lại ngôi chánh-điện Sīmā, và các chỗ ở, nhà ăn, ... để cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng trước."

Ông dẫn nhóm thợ vào rừng sâu tìm cây gỗ, lá, v.v… đem về trùng tu lại *ngôi chánh-điện Sīmā, nhà ăn, các chỗ ở của chư Đại-đức tỳ-khưu, nhà xông hơi cho tỳ-khưu bệnh, đặc biệt nhà thương dành cho những tỳ-khưu bệnh, và chuẩn bị các thứ thuốc trị bệnh dành cho chư tỳ-khưu bệnh, các nhà vệ sinh, v.v…*

Sau khi xây dựng xong, ông làm đại lễ phước-thiện bố-thí cúng dường dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*.

Tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula cố gắng tinh-tấn tạo 10 pháp hạnh Ba-la-mật sớm được đầy đủ cho đến trọn đời, cho nên, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong các cõi trời, cõi người, trải qua khoảng thời gian từ *Đức-Phật Kassapa* đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thời gian.

Kiếp chót của Ngài Trưởng-lão Bākula

Sau khi *tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Bākula* chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp chót đầu thai vào lòng bà vợ ông phú hộ tại kinh-thành Kosambī, trước thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* chưa xuất hiện trên thế gian.

Từ khi đầu thai vào lòng mẹ suốt 10 tháng, gia đình phú hộ phát sinh của cải quý báu nhiều vô kể, được Đức-vua ban thưởng tước cao quý.

Tròn đủ 10 tháng, khi sinh ra đời, người mẹ của công-tử nghĩ rằng: *"Công-tử của ta là một đứa con có phước lớn, ta muốn con của ta được khỏe mạnh, không có bệnh, được sống lâu.*

Vậy, ta nên bảo các nhũ mẫu ẵm con của ta đem xuống sông Yamunā làm lễ tắm gội đầu sau ngày sinh này thì con của ta sau này được khỏe mạnh, không có bệnh hoạn ốm đau, được sống lâu."[1]

Đứa trẻ bị con cá lớn nuốt vào bụng

Các bà nhũ mẫu ẵm đứa trẻ mới sinh ra đem xuống sông Yamunā đang làm lễ tắm gội đầu đứa trẻ, thì ngay khi ấy, *một con cá lớn* nhìn thấy đứa trẻ ấy, tưởng là miếng mồi, nó há mồm ra ngậm đứa trẻ nuốt vào bụng bơi đi nơi khác, mà các bà nhũ mẫu không sao cứu được.

Đứa trẻ là ***bậc đại-phước kiếp chót***, nên dù nằm trong bụng con cá cũng như nằm trong phòng ngủ sang trọng, không cảm thấy khổ chút nào cả.

Do oai lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật kiếp chót của đứa trẻ, nên con cá như nuốt phải một vật nóng, làm cho nó nóng nảy bơi mau như điên suốt 30 do tuần, rồi bị dính lưới của nhóm dân chài trong kinh-thành Bārāṇasī.

Thông thường, con cá lớn như thế này khi mắc lưới thì chết ngay, nhưng do oai lực phước-thiện của đứa trẻ, con cá vẫn còn sống cho đến khi bắt ra khỏi lưới. Những người dân chài cột dây khiêng con cá đi quanh kinh-thành Bārāṇasī, để bán với chừng ấy kahāpaṇa, nhưng không có một ai mua con cá ấy.

Khi khiêng con cá đến trước cổng nhà phú hộ có của cải tài sản đến 800 triệu, trong kinh-thành Bārāṇasī, bà phú hộ hỏi họ rằng:

---

[1] Bộ Majjhimanikāya, lễ tắm đứa con sau khi sinh được 5 ngày.

- *Này các ngươi bán con cá ấy bao nhiêu Kahāpaṇa?*

Những người dân chài thưa rằng:

- *Kính thưa Bà, xin Bà cho chừng ấy Kahāpaṇa.*

Bà phú hộ trao chừng ấy Kahāpaṇa cho những người dân chài, rồi cho người đem con cá vào nhà.

Bà phú hộ được đứa trẻ làm con

Hằng ngày, bà phú hộ không bao giờ tự tay làm cá, hoặc làm đồ ăn, nhưng hôm ấy, bà phú hộ đặt con cá trên tấm ván lớn, rồi tự tay mình làm thịt con cá này. Thông thường, người ta mổ cá trước bụng, nhưng bà phú hộ mổ con cá này ở phía sau, khi dở lên bà nhìn thấy ***đứa trẻ*** *có màu da như màu vàng ròng nằm trong bụng con cá,* bà phú hộ rất vui mừng reo lên rằng:

"Ta được đứa trẻ trong bụng con cá".

Bà phú hộ ẵm đứa trẻ đến trình ông phú hộ. Gia đình phú hộ vốn không có con, nay bỗng dưng được ***đứa trẻ*** *có nét mặt sáng sủa, màu da như màu vàng ròng*, nên ông vô cùng sung sướng bảo gia nhân đánh chuông thông báo cho mọi người biết như vậy.

Ông bà phú hộ ẵm đứa trẻ lên xe đi vào cung điện chầu Đức-vua Bārāṇasī tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-Thượng, vợ chồng tiện dân được* ***đứa trẻ trong bụng con cá****. Vậy, nay vợ chồng tiện dân phải làm thế nào?*

Đức-vua truyền bảo rằng:

- *Này ông bà phú hộ!* ***Đứa trẻ*** *này có phước lớn, dù nó nằm trong bụng con cá, mà sinh mạng vẫn được an toàn. Vậy, hai ông bà phú hộ nên nuôi dưỡng đứa trẻ này xem như là con của mình.*

Đứa trẻ tên là Bākula

Gia đình ông bà phú hộ là cha mẹ của đứa trẻ ở kinh-thành Kosambī nghe tin gia đình ông bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī được một ***đứa trẻ trong bụng con cá***.

Bà phú hộ là mẹ đẻ của đứa trẻ cùng nhóm gia nhân đi xe lên đường đến kinh-thành Bārāṇasī, tìm đến nhà gia đình phú hộ kinh-thành Bārāṇasī.

Nhìn thấy bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī đang chơi đùa với đứa trẻ, bà phú hộ kinh-thành Kosambī khen ngợi đứa trẻ rằng:

"Đứa trẻ thật là đáng yêu quý quá!"

Khi ấy, bà phú hộ kinh-thành Kosambī mẹ sinh thưa với bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī rằng:

- *Thưa bà, đứa trẻ này là con của tôi.*

Bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī mẹ nuôi thưa rằng:

- *Thưa bà, đứa trẻ này là con của tôi, không phải con của bà đâu!*

Ms:[1] - *Thưa bà, bà được đứa trẻ này từ đâu?*

Mn: - *Thưa bà, tôi được đứa trẻ này từ trong bụng con cá.*

Ms: - *Thưa bà, nếu như vậy, thì chắc chắn đứa trẻ này không phải là con của bà, nó chính là con của tôi.*

Mn: - *Thưa bà, con của bà ở đâu?*

Ms: - *Thưa bà, tôi mang thai 10 tháng, khi đứa trẻ này sinh ra được đem xuống sông Yamunā để làm lễ tắm gội đầu, thì con cá há mồm ra ngậm đứa trẻ nuốt vào bụng bơi đi đến nơi này.*

[1] Ms: Mẹ sinh, Mn: Mẹ nuôi

Mn: - *Thưa bà, con của bà bị con cá khác nuốt bơi đi nơi khác rồi, còn đứa trẻ này trong bụng con cá mà tôi đã mua.*

Như vậy, bà phú hộ kinh-thành Kosambī là mẹ sinh và bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī là mẹ nuôi tranh chấp với nhau về đứa trẻ, không thuộc về bên nào nên hai người mẹ ẵm đứa trẻ cùng nhau đến chầu Đức-vua Bārāṇasī để Đức-vua phán xét.

Đức-vua phán xét rằng:

"Bà phú hộ kinh-thành Kosambī mang thai 10 tháng sinh ra đứa trẻ này, bà phú hộ không phải là mẹ sinh thì không thể được. Và bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī đã mua con cá, thì tất cả những thứ gì trong con cá đều thuộc quyền sở hữu của bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī.

Cho nên, đứa trẻ nằm trong bụng con cá thuộc về của bà phú hộ kinh-thành Bārāṇasī không phải là mẹ nuôi thì cũng không thể được.

Vì vậy, đứa trẻ này là người thừa kế (dāyāda) của 2 gia đình phú hộ. Kể từ nay, đứa trẻ này là thuộc về của 2 gia đình phú hộ, nên đặt tên là ***Bākulakumāra: Công-tử Bākula****" (Bākula nghĩa là 2 gia đình, 2 dòng họ).*

Công-tử Bākula của hai gia đình phú hộ

Khi *công-tử Bākula* trưởng thành hưởng mọi sự an-lạc trong 2 gia đình phú hộ tại kinh-thành Bārāṇasī và kinh-thành Kosambī. Mỗi gia đình phú hộ xây dựng 3 tòa lâu đài gồm có đầy đủ mọi thứ để hưởng mọi sự an-lạc trong đời, như các đoàn ca hát, nhảy múa, những món ngon vật lạ, một chiếc thuyền lớn, những xe cộ đi du ngoạn ngắm cảnh, v.v…

Công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong mỗi gia đình phú hộ của mỗi kinh-thành 4 tháng *(2 tháng tại kinh-thành và 2 tháng trên chiếc thuyền).*

Thật vậy, công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong gia đình phú hộ tại kinh-thành bên này suốt 2 tháng, rồi bước xuống chiếc thuyền lớn có đầy đủ mọi thứ như các đoàn ca hát, nhảy múa, các món ăn vật lạ, v.v…, để cho công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong đời. Chiếc thuyền lớn di chuyển từ kinh-thành này đến nửa đường thời gian 2 tháng đến chỗ hẹn trên dòng sông.

Một chiếc thuyền lớn của gia đình phú hộ kinh-thành bên kia chờ nửa đường chỗ hẹn trên dòng sông, để đón rước công-tử Bākula bước sang chiếc thuyền lớn bên kia cũng có đầy đủ mọi thứ trên chiếc thuyền, để cho công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong đời. Chiếc thuyền lớn duy chuyển suốt 2 tháng mới đến kinh-thành bên kia, rồi công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong gia đình phú hộ tại kinh-thành bên kia suốt 2 tháng.

Như vậy, công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong mỗi gia đình phú hộ tại mỗi kinh-thành có 2 tháng, còn 2 tháng hưởng mọi sự an-lạc trên chiếc thuyền lớn đến nửa đường chỗ hẹn trên dòng sông.

Công-tử Bākula hưởng mọi sự an-lạc trong mỗi gia đình phú hộ của mỗi kinh-thành luân phiên nhau như vậy, suốt thời gian tròn 80 năm.

Công-tử Bākula trở thành tỳ-khưu

Công-tử Bākula sống tại-gia suốt thời gian tròn 80 năm. Vào thời ấy, Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, Đức-Phật ngự đi đến kinh-thành Kosambī (hoặc kinh-thành Bārāṇasī).

Khi ấy, nghe tin *Đức-Phật Gotama* ngự đến kinh-thành Kosambī, ***công-tử Bākula,*** là vị Thanh-văn đệ- tử kiếp chót, đi đến hầu đảnh lễ, cúng dường những phẩm vật đến Đức-Phật, rồi lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp.

Công-tử Bākula phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật.*

Sau khi *công-tử Bākula* trở thành *tỳ-khưu* trong 7 ngày, *tỳ-khưu Bākula* vẫn còn là *tỳ-khưu phàm-nhân,* đến sáng sớm ngày thứ 8, *tỳ-khưu Bākula thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng cùng với tứ tuệ-phân-tích, lục-thông trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

Sau khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tất cả các người bạn thân, các đoàn ca hát, nhảy múa, các nhạc công, các nhóm tùy tùng thuộc hạ là những người trong kinh-thành Bārāṇasī và trong kinh-thành Kosambī của công-tử Bākula khi còn sống tại-gia, mỗi người đều nhận được nhiều của cải đem về sinh sống trong gia đình của mình.

Khi sống trong gia đình, họ thường nhớ ơn của *Ngài Trưởng-lão Bākula,* nên họ dệt, may thành bộ y, rồi đem kính dâng đến *Ngài Trưởng-lão Bākula*.

Hằng nửa tháng trước, người thân trong kinh-thành Kosambī dâng một bộ y đến *Ngài Trưởng-lão Bākula*, rồi nửa tháng sau, người thân trong kinh-thành Bārāṇasī dâng một bộ y đến *Ngài Trưởng-lão Bākula*, cứ thay phiên nhau dâng bộ y như vậy.

Ngoài ra, các thứ vật dụng khác cũng thường thay phiên nhau dâng cúng dường đến *Ngài Trưởng-lão Bākula* như vậy, cho nên, tứ vật dụng của *Ngài Trưởng-lão* nhiều vô kể. *Ngài Trưởng-lão Bākula* thường cho người đem tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu khác.

Tuyên dương Ngài Trưởng-Lão Bākula ít bệnh đệ nhất

** Công-tử Bākula từ nhỏ sống tại-gia đến lúc tròn 80 tuổi, công-tử Bākula* không hề có bị bệnh hoạn, ốm đau, dù chỉ là sổ mũi, nhức đầu nhẹ, cũng không từng phát sinh đối với *công-tử Bākula*.

** Công-tử Bākula xuất gia trở thành tỳ-khưu Bākula lúc tròn 80 tuổi.*

Từ khi trở thành *tỳ-khưu Bākula* đến ngày thứ 8 trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cho đến lúc *Ngài Trưởng-lão Bākula có 80 tuổi hạ,* trong suốt khoảng thời gian ấy, *Ngài Trưởng-lão Bākula* cũng không hề có bệnh hoạn, ốm đau gì cả, và 4 thứ vật dụng luôn luôn phát sinh đầy đủ đối với *Ngài Trưởng-lão Bākula*.

Một hôm, *Đức-Thế-Tôn* ngự tại ngôi chùa Jetavana giữa chư Đại-đức Thánh-tăng, *Đức-Thế-Tôn* tuyên dương ca tụng *Ngài Trưởng-lão Bākula* rằng:

"Etadaggaṃ Bhikkhave, mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ appābādhānaṃ yadidaṃ Bākulo".

- Này chư tỳ-khưu! Trong các hàng tỳ-khưu Thanh-văn đệ-tử của Như-Lai, Bākula là vị tỳ-khưu có ít bệnh đệ nhất.

Ngài Trưởng-lão Bākula đã thành-tựu được như ý nguyện đúng như *Đức-Phật Padumuttara* đã thọ ký trong thời quá-khứ.

Ngài Trưởng-lão Bākula tịch diệt Niết-bàn

Ngài Trưởng-lão Bākula khi còn là *công-tử Bākula* sống tại-gia hưởng mọi sự an-lạc trong đời tròn suốt *80 năm,* không hề có thứ bệnh gì, dù chỉ là bệnh sổ mũi thôi. Đến 80 tuổi, *công-tử Bākula* xuất gia trở thành *tỳ-khưu.*

Sau khi trở thành *tỳ-khưu Bākula* được 7 ngày, đến sáng ngày thứ 8, *tỳ-khưu Bākula trở thành bậc Thánh A-ra-hán, Ngài Trưởng-lão Bākula có 80 tuổi hạ.*

Ngài Trưởng-lão Bākula sống trong suốt *80 tuổi hạ* cũng không hề có thứ bệnh nào cả.

Đó là *quả báu của phước-thiện bố-thí thuốc trị bệnh* mà tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Bākula* đã tạo trong thời-kỳ *Đức-Phật Anomadassī*, và tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Bākula* đã phát nguyện muốn trở thành vị tỳ-khưu có ít bệnh nhất, đã được *Đức-Phật Padumuttara* quá-khứ thọ ký cũng được thành tựu như ý nguyện.

Công-tử Bākula sống tại-gia tròn *80 tuổi* và xuất gia trở thành *bậc Thánh A-ra-hán, Ngài Trưởng-lão có 80 tuổi hạ.* Như vậy, *tuổi thọ của Ngài Trưởng-lão Bākula* có *tròn 160 năm.*

Một hôm, *Ngài Trưởng-lão Bākula* thưa với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng rằng:

"Hôm nay, tôi sẽ tịch diệt Niết-bàn."

Để chư tỳ-khưu không phải lo công việc hỏa táng thân xác của *Ngài,* cho nên, *Ngài Trưởng-lão Bākula* ngồi kiết già giữa *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng*, phát nguyện, rồi *nhập thiền đề-mục lửa (tejokasiṇa),* cuối *lộ-trình-tâm"cuti" tịch diệt Niết-bàn.*

Sau khi ***Ngài Trưởng-lão Bākula*** *tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, hỏa-đại*

bốc lên thiêu đốt thân xác của Ngài Trưởng-lão chỉ còn những viên Xá-lợi màu trắng như màu hoa lài mà thôi.

Chư tỳ-khưu xây ngôi tháp tôn thờ Xá-lợi của Ngài Trưởng-lão Bākula.

Phước-thiện bố-thí cho quả hiện-tại

Phước-thiện bố-thí thuộc về ***dục-giới thiện-nghiệp*** gọi là ***đại-thiện-nghiệp*** nếu có cơ hội thì *cho quả tốt, quả an-lạc ngay hiện-tại, cho quả tái-sinh kiếp sau,* và cho quả tốt, quả an-lạc từ *kiếp thứ 3* cho đến kiếp chót của *bậc Thánh A-ra-hán,* trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Phước-thiện bố-thí cho quả ngay hiện-tại thì ***thí-chủ*** phải hội đầy đủ *4 pháp sampadā*[1] *thành-tựu,*

Sampadā có 4 pháp thành-tựu là:

*1- **Paccayadhammika**: Vật thí hợp pháp,* đó là vật thí dù ít dù nhiều cũng được phát sinh một cách hợp pháp và hoàn toàn trong sạch, không làm khổ mình, không làm khổ chúng-sinh khác.

*2- **Cetanāmahatta**: Tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch đầy đủ trọn vẹn trong 3 thời pubbacetanā, muñca-cetanā, aparacetanā đầy đủ và có nhiều năng lực.*

*3- **Guṇātirekā**: Bậc thọ-thí có ân-đức cao thượng đó là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, bậc Thánh A-ra-hán.*

*4-**Vatthusampatti**: bậc Thánh A-ra-hán vừa xả diệt-thọ-tưởng, rồi đi khất thực thọ nhận vật thí ấy của thí-chủ.*

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí hợp đủ *4 pháp sampadā: thành-tựu* như vậy thì chắc chắn phước-thiện bố-thí ấy sẽ cho quả ngay kiếp hiện-tại không lâu.

---

[1] Trong các bộ M.U.Aṭṭhakathā, Aṅguttaranikāya, Dhammapadaṭṭhakathā, Ahidhamma aṭṭhakathā, v.v…

Trong thời *Đức-Phật Gotama* đang còn hiện hữu trên thế gian, có những thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí liền được quả báu của phước-thiện bố-thí ngay hiện-tại như *Bà-la-môn Cūḷekasāṭaka, người bán hoa Sumana, ông bà làm thuê Puṇṇa, bà Mallikādevī, bà Gopālamātā-devī, cô Suppiyā upāsikā,...* là những thí-chủ làm phước thiện bố-thí liền cho quả báu ngay ngày hôm ấy.

(Tìm hiểu một số tích trong quyển "Tìm Hiểu Phước-Thiện Bố-Thí", cùng soạn giả.)

Tác-ý trong phước-thiện bố-thí (cetanādāna)

Phước-thiện bố-thí có được phước-thiện vô lượng, có được quả báu vô lượng do *cetanā* trong 3 thời-kỳ: *pubbacetanā, muñcacetanā, aparacetanā.*

*1- **Pubbacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy có thời gian lâu hoặc mau tùy theo thí-chủ và công việc chuẩn bị trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy.*

*2- **Muñcacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ khi đang tạo phước-thiện bố-thí ấy (thời gian hiện-tại khi đang tạo phước-thiện bố-thí ấy).*

*3- **Aparacetanā**: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy (thời gian sau khi đã làm xong phước-thiện bố-thí ấy không có hạn định).*

Trong 3 thời-kỳ này, *thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, thời gian không hạn định* sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi nếu thí-chủ niệm tưởng đến phước-thiện bố-thí ấy,

phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ thì phước-thiện bố-thí ấy lại càng tăng trưởng.

Cho nên, trong *40 đề-mục thiền-định*, có *đề-mục cāgānussati: đề-mục thiền-định niệm-niệm phước-thiện bố-thí của mình.*

Đức-Phật dạy về ***cetanā*** rằng:

"Cetanā'haṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā".[1]

- Này chư tỳ-khưu! Sau khi đã có tác-ý rồi mới tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

*Vì vậy, Như-lai dạy rằng: "**tác-ý gọi là nghiệp**".*

Cetanā: *Tác-ý* đó là ***tác-ý tâm-sở*** *(cetanācetasika)* là *1 tâm-sở (cetasika) (trong 52 loại tâm-sở) đồng sinh với tất cả mọi tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm.*

Cetanācetasika: tác-ý tâm-sở gọi là ***kamma: nghiệp*** chỉ khi *đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) và 21 hoặc 37 thiện-tâm như sau:*

** Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm)* gọi là *bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp).*

** Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm* gọi là *dục-giới thiện-nghiệp (đại-thiện-nghiệp).*

** Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm* gọi là *sắc-giới thiện-nghiệp.*

** Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *vô-sắc-giới thiện-nghiệp.*

** Tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm* gọi là *4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-nghiệp.*

---

[1] Aṅguttaranikāya, Chakkanipāta, kinh Nibbedhikasutta.

Nếu *cetanācetasika: tác-ý tâm-sở* khi đồng sinh với *36 hoặc 52 quả-tâm*[1] *và 20 duy-tác-tâm*[2] thì không gọi là ***nghiệp***.

Nếu khi ***cetanācetasika****: tác-ý tâm-sở* gọi là ***kamma: nghiệp*** thì *cetanācetasika: tác-ý tâm-sở này* có tính chất rất đặc biệt, bởi vì ***mỗi đại-thiện-nghiệp***, ***mỗi ác-nghiệp*** có cơ hội cho quả trong *kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất),* có cơ hội cho quả *tái-sinh kiếp sau kế-tiếp (kiếp thứ nhì)* và có cơ hội cho quả *từ kiếp thứ ba cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi* ***tịch diệt Niết-bàn***, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. Khi ấy, tất cả *mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp* được lưu-trữ đầy đủ trọn vẹn ở ***trong tâm sinh rồi diệt*** của mỗi chúng-sinh, từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp, từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài đều *trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma),* không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Vì vậy, ***cetanācetasika****: tác-ý tâm-sở* gọi là ***kamma: nghiệp*** có tính chất rất đặc biệt so sánh với các ***cetasika****: tâm-sở và các* ***citta:*** *tâm khác, bởi vì* các ***cetasika****: tâm-sở và các* ***citta:*** *tâm khác* ***sinh rồi diệt*** *thời hiện-tại, không còn liên quan đến thời vị-lai.*

Trong quyển ***Phước-Thiện*** này chỉ đề cập đến ***cetanā*** đó là *cetanācetasika: tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm (8 đại-thiện-tâm)* gọi là *dục-giới thiện-nghiệp hoặc đại-thiện-nghiệp* mà thôi.

---

[1] 36 hoặc 52 quả-tâm đó là 7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 đại-quả-tâm + 5 sắc-giới quả-tâm + 4 vô-sắc-giới quả-tâm + 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm.

[2] 20 duy-tác-tâm đó là 3 duy-tác vô-nhân-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 5 sắc-giới duy-tác-tâm + 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm.

Năng lực của cetanādāna trong 3 thời-kỳ

Phước-thiện bố-thí được thành-tựu đều trải qua 3 thời-kỳ tác-ý: *pubbacetanā, muñcacetanā, aparacetanā,* mà mỗi thời-kỳ tác-ý có năng lực cho quả khác nhau như sau:

1- Năng lực của pubbacetanā

Pubbacetanā*: Tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí.*

* Thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* ***hoan-hỷ*** trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy đến người thọ-thí thì, khi *đại-thiện-nghiệp ấy trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả tốt trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau *(paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ, và tiếp theo cho quả trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại*, có *8 đại-quả-tâm và 8 thiện-quả vô-nhân-tâm* trong ***thời ấu-niên,*** tùy theo năng lực *quả của đại-thiện-nghiệp ấy*.

* Nếu thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* ***không hoan-hỷ*** trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy đến người thọ-thí, *dù có ác-tâm xen lẫn mà vẫn tạo phước-thiện bố-thí ấy* đến người thọ-thí, thì khi *đại-thiện-nghiệp ấy trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau *(paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng mẹ, và tiếp theo cho quả trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla), kiếp hiện-tại*, có *8 đại-quả-tâm và thiện-quả vô-nhân-tâm và bất-thiện quả vô-nhân-tâm* trong *thời ấu-niên*, tùy theo năng lực *quả của đại-thiện-nghiệp ấy và quả của ác-nghiệp ấy.*

Ví dụ: ***Tích Pañcapāpī*** [1] được tóm lược như sau:

Cô *Pañcapāpī* là con gái của một gia đình nghèo khổ nhà ở gần cửa phía Đông trong kinh-thành Bārāṇasī.

Sở dĩ người ta gọi cô là ***Pañcapāpī*** *(Pañca+pāpī: Pañca là 5, pāpī là bộ phận xấu),* bởi vì thân hình của cô có 5 bộ phận xấu là *tay, chân, miệng, mắt, lỗ mũi.*

Do nguyên nhân nào thân hình của cô có 5 bộ phận xấu như vậy?

Tiền-kiếp của cô là con gái của gia đình nghèo khổ, chuyên nhồi đất cho nhuyễn để bán cho người ta trát vách nhà.

Một hôm, *Đức-Phật Độc-Giác* cần đất nhuyễn để trát vách chỗ ở của Ngài, nên Ngài mặc y, mang bát ngự vào cửa thành phía Đông kinh-thành Bārāṇasī, đến đứng trước nhà cô gái đang ngồi nhồi đất.

Nhìn thấy Đức-Phật Độc-Giác đứng trước nhà, cô gái phát sinh ***sân-tâm*** bực mình nói rằng:

"Mattikampi bhikkhati!"

- Đất mà Sa-môn này cũng đi xin!

Cô phát sinh *sân-tâm* nói với giọng bực mình như vậy. Đó là *thời-kỳ pubbacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm (ác-tâm) trước khi tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt đến Đức-Phật Độc-Giác.*

Phước-thiện bố-thí đất nhuyễn đặc biệt

* Nhìn thấy *Đức-Phật Độc-Giác* vẫn đứng tự nhiên, nên cô phát sinh *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Độc-Giác,* rồi bạch rằng:

---

[1] Trong Chú-giải Jātakaṭṭhakathā, tích Kuṇālajātaka.

- *Kính bạch Ngài Sa-môn, Ngài muốn được đất nhuyễn phải không? Kính thỉnh Ngài đợi con một lát.*

Bạch xong, cô hoan-hỷ nhồi đất thật nhuyễn rất đặc biệt, rồi cô phát sinh *đại-thiện-tâm trong sạch cung-kính tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác*.

* Đó là *thời-kỳ muñcacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ khi đang tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác.*

Đức-Phật Độc-Giác nhận đất thật nhuyễn rất đặc biệt đem về trát vách chỗ ở của Đức-Phật.

* *Sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác, cô phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ phước-thiện bố-thí cúng-dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác.*

* Đó là *thời-kỳ aparacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy đến Đức-Phật Độc-Giác.*

Sự diễn tiến qua 3 thời-kỳ tác-ý trong đại-thiện-tâm.

Kiếp sau cô gái nghèo

Về sau, sau khi cô gái nghèo ấy chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí đất nhuyễn ấy trong đại-thiện-tâm* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh đầu thai vào lòng người đàn bà nghèo, nhà ở gần cửa thành Bārāṇasī.

Khi trẻ sơ sinh ra đời, thân hình của đứa bé gái có 5 bộ phận xấu xí là *tay, chân, miệng, mắt, lỗ mũi,* nên người ta gọi cô là *Pañcapāpī (có 5 bộ phận xấu).*

Đó là *quả ác-nghiệp sân-tâm bực mình với tác-ý tâm-sở đồng sinh với sân-tâm trong tiền-kiếp của cô trước khi tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn đặc biệt* đến *Đức-Phật Độc Giác*.

Khi cô trưởng thành, hễ ai tiếp xúc, đụng đến thân thể của cô, đều có *cảm giác như tiếp xúc với đối-tượng xúc của cõi trời, (như tiếp xúc với thân thể của vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới) có cảm giác sung sướng say mê chưa từng có.*

Đó là *quả tốt của đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ bố-thí cúng dường đất thật nhuyễn đặc biệt* đến *Đức-Phật Độc-Giác* trong tiền-kiếp của cô.

Thật vậy, một đêm nọ *Đức-vua Bārāṇasī* tên là *Baka* giả dạng dân thường ngự đi xem xét sinh hoạt dân chúng trong kinh-thành, khi *Đức-vua Baka* đến chỗ *cô Pañcapāpī* đang chơi trò bịt mắt bắt nhau với các cô bạn gái trong xóm, vì không biết *Đức-vua Baka*, nên cô đưa tay bắt nhầm tay của *Đức-vua*.

Khi *bàn tay của của cô Pañcapāpī tiếp xúc với bàn tay của Đức-vua Baka, Đức-vua* có cảm giác say mê không còn biết mình, như tiếp xúc với đối-tượng xúc trên cõi trời, phát sinh tâm tham-ái say mê trong đối tượng xúc ấy.

Đức-vua Baka đưa tay nắm lấy tay của *cô Pañcapāpī* truyền hỏi rằng:

- Này cô em! Cô là con gái của ai? Đã có chồng hay chưa?

Nghe *Đức-vua* truyền hỏi như vậy, cô thưa rằng:

- Thưa ông, tôi là con gái của cha mẹ nhà nghèo ở gần cửa thành, chưa có chồng.

Đức-vua truyền bảo rằng:

- Này cô! Ta sẽ là người chồng của cô. Vậy, cô nên trở về xin phép cha mẹ.

Cô Pañcapāpī trở về thưa với cha mẹ rằng:

- Kính thưa cha mẹ, có một người đàn ông muốn lấy con làm vợ.

Nghe *cô Pañcapāpī* thưa như vậy, cha mẹ của cô nghĩ rằng: *"Người đàn ông ấy chắc không phải là người nghèo khổ"* nên bảo rằng:

- Này con! Nếu người đàn ông ấy muốn lấy con làm vợ thì may mắn cho đời con biết dường nào!

Cô Pañcapāpī trở lại báo cho *Đức-vua Baka* biết rằng: *"Cha mẹ của cô đã cho phép rồi"*.

Ngay đêm hôm ấy, *Đức-vua Baka* sống chung với *cô Pañcapāpī* tại nhà cô, đến cuối canh chót đêm mới ngự trở về cung điện.

Từ đó về sau, mỗi đêm *Đức-vua Baka* thường giả dạng dân thường ngự đến gặp *cô Pañcapāpī*, không còn quan tâm đến *Chánh-cung Hoàng-hậu, các hoàng-hậu và các thứ-phi khác trong cung điện nữa.*

Về sau, *Đức-vua Baka bày ra mưu kế để rước cô Pañcapāpī vào cung điện, rồi tấn phong cô Pañcapāpī lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Baka trong kinh-thành Bārāṇasī.*

Cha mẹ của *cô Pañcapāpī* được Đức-vua ban cho nhiều của cải, nên cuộc sống được đầy đủ hạnh phúc an-lạc.

Từ đó, Đức-vua Baka chỉ say mê đắm đuối với Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī mà thôi, bỏ bê việc triều chính, các quan tỏ ra thái độ bất bình.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī nằm mộng

Một đêm nọ, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* nằm mộng, qua giấc mộng ấy thấy mình sẽ là *Chánh-cung Hoàng-hậu của 2 Đức-vua*. Bà tâu giấc mộng lên Đức-vua Baka.

Đức-vua Baka truyền lệnh cho mời các vị thầy Bà-la-môn đoán mộng vào chầu, Đức-vua kể lại giấc mộng của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī*.

Các vị thầy Bà-la-môn bị các quan mua chuộc, nên đoán theo ý của các quan rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Chánh-cung Hoàng-hậu nằm mộng thấy ngồi trên cổ con bạch tượng. Đó là điều báo trước sự băng hà đến Đại-vương.

- Muôn tâu Đại-vương, Chánh-cung Hoàng-hậu nằm mộng thấy ngồi trên cổ con bạch tượng, rồi sờ tay lên mặt trăng vuốt ve chơi. Đó là điều báo trước sẽ đem Đức-vua là kẻ thù đến với Đại-vương.

Thuyền chở Chánh-cung Hoàng-hậu thả trôi sông

Nghe vị thầy Bà-la-môn đoán mộng như vậy, nên Đức-vua Baka truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Nếu như vậy thì Trẫm phải làm thế nào? Xin các ngươi tâu cho Trẫm rõ.

Các vị thầy Bà-la-môn tâu với Đức-vua Baka nên đưa *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* xuống chiếc thuyền, rồi thả trôi theo dòng nước.

Nghe theo lời tâu của vị thầy Bà-la-môn, *Đức-vua Baka* chuẩn tấu, đưa *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* xuống chiếc thuyền có đầy đủ các món vật thực, nước uống, các đồ trang sức quý giá của Bà.

Đến ban đêm, *Đức-vua Baka* truyền lệnh thả chiếc thuyền trôi xuôi theo dòng nước trên con sông lớn.

Chiếc thuyền chở Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī trôi đến chỗ bến nước nơi *Đức-vua Bāvarika* đang ngự trên thuyền đi chơi trên sông. Nhìn thấy chiếc thuyền lạ từ xa trôi đến, *Đức-vua Bāvarika* truyền bảo rằng:

"Người trên thuyền thuộc về của Trẫm."

Chiếc thuyền vừa đến gần, nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī*, *Đức-vua Bāvarika* truyền hỏi rằng:

- Này cô tên gì? Sao thân hình xấu xí đáng ghê vậy!

Nghe Đức-vua truyền hỏi như vậy, *Cô Pañcapāpī* vui cười, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-Thượng, tiện nữ là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Baka ở tại kinh-thành Bārāṇasī, tên là Pañcapāpī.

Cô Pañcapāpī tâu trình mọi sự việc xảy ra, *Đức-vua Bāvarika* biết *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* nổi tiếng khắp cõi Nam-thiện-bộ-châu, nên *Đức-vua Bāvarika đưa tay nắm tay của cô Pañcapāpī đưa lên chiếc thuyền rồng,* vừa tiếp xúc bàn tay của *cô Pañcapāpī*, *Đức-vua* phát sinh tâm tham-ái say mê đối-tượng xúc trong thân cô như đối-tượng xúc trên cõi trời, chưa từng có nơi người nữ nào như vậy.

Đức-vua Bāvarika đưa cô về cung điện, làm lễ tấn phong cô Pañcapāpī lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu.

Từ đó, Đức-vua Bāvarika chỉ say mê Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī mà thôi, không còn quan tâm đến Chánh-cung Hoàng-hậu, các hoàng-hậu, các thứ-phi nào khác nữa.

Cô Pañcapāpī là Chánh-cung Hoàng-hậu 2 Đức-vua

Hay tin *Đức-vua Bāvarika* tấn phong *cô Pañcapāpī* lên *ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu*, nên *Đức-vua Baka* nổi cơn ghen tức nghĩ rằng:

"Ta không thể chịu để Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī của ta trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Bāvarika được!"

Đức-vua Baka kinh-thành Bārāṇasī thân chinh dẫn đầu các đoàn binh tiến quân đến đóng quân bên bờ sông, rồi gửi tối hậu thư đến *Đức-vua Bāvarika* rằng:

"Đức-vua Bāvarika hãy trả Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī lại cho bổn-vương hoặc chiến tranh."

Đức-vua Bāvarika phúc đáp rằng:

"Bổn-vương chấp nhận chiến tranh, chứ không bao giờ chịu giao Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī."

Như vậy, cuộc chiến tranh sẽ xảy ra giữa *Đức-vua Bāvarika với Đức-vua Baka.* Khi ấy, các vị quan của 2 nước hội họp, để bàn thảo với nhau rằng:

"Nếu có cuộc chiến xảy ra thì ắt gây chết chóc đau khổ, chỉ vì nguyên nhân một người đàn bà. Đó là điều không hợp lý chút nào cả.

Vậy, cô Pañcapāpī nên thuộc về của Đức-vua Baka, vì Đức-vua Baka đã từng là Đức-phu-quân của cô. Và cô Pañcapāpī cũng nên thuộc về của Đức-vua Bāvarika, vì Đức-vua Bāvarika được cô từ trên chiếc thuyền trôi dạt đến địa phận của Đức-vua Bāvarika.

Cho nên, cô Pañcapāpī nên trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của cả 2 Đức-vua là Đức-vua Baka và Đức-vua Bāvarika."

Sau khi bàn thảo xong, mỗi nhóm quan trở về tâu trình lên Đức-vua của mình, hai Đức-vua cũng đều chuẩn tấu như vậy.

Mỗi Đức-vua đều xây dựng một cung điện tại 2 bên bờ sông, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* sống chung

với *Đức-vua Bāvarika* 7 ngày xong, rồi lên chiếc thuyền rồng sang sống chung với *Đức-vua Baka*.

Cứ như vậy, mỗi *Đức-vua* sống chung với *Chánh-cung Hoàng-hậu Pañcapāpī* 7 ngày.

Cho nên *cô Pañcapāpī* trở thành *Chánh-cung Hoàng-hậu của 2 Đức-vua.*

*** Tích Kusajātaka**[(1)] được tóm lược những điểm chính như sau:

Trong *tích Kusajātaka* này ***Đức-Bồ-tát Kusa*** là tiền-kiếp của ***Đức-Phật Gotama,*** là *Đức-vua* ngự tại kinh-thành Kusāvatī trị vì đất nước Malla. *Đức-vua Bồ-tát Kusa* có oai lực phi thường, có giọng nói như sư tử rống, nhưng có thân hình và gương mặt rất xấu xí đáng ghê sợ. *(Đó là quả xấu của ác-nghiệp trước khi tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác.)*

Đức-Bồ-tát Kusa là Thái-tử của Đức-vua Okkāka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī. Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa còn có *Hoàng-đệ là Jayampati*.

Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa trưởng thành, năm 16 tuổi, *Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu* muốn truyền ngôi báu cho *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* lên ngôi làm vua, ngự tại kinh-thành Kusāvatī, trị vì đất nước Malla. Nhưng *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* không muốn lên ngôi vua, bởi vì nghĩ rằng:

"Ta có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ như thế này, các công chúa chê cười ta thì đáng xấu hổ lắm. Vì vậy, ta không muốn ngôi vua, và không muốn thành hôn với công-chúa nào, mà ta muốn sống như vậy,

[1] Bộ Chú-giải Jātaka, phần Sattatinipāta, tích Kusajātaka.

để phụng dưỡng Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu cho đến khi hai Người băng hà, ta sẽ từ bỏ cung điện, ngự đi vào rừng núi Himavanta, xuất gia trở thành đạo-sĩ sống trong rừng núi ấy."

Tượng hình công-chúa xinh đẹp bằng vàng ròng

Dù đã nhiều lần *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* khước từ lời tha thiết khẩn khoản của Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu, nhưng vẫn không được, nên *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* bày ra kế tự mình khắc một *tượng hình một công-chúa xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ bằng vàng ròng.* Nếu có được công-chúa xinh đẹp giống như vậy thì mới chịu lên ngôi vua và làm lễ thành hôn với công-chúa ấy.

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī truyền lệnh các quan làm sứ giả chở tượng hình ấy trên xe đi tìm khắp các nước trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, nếu có công-chúa của Đức-vua nào xinh đẹp như tượng hình này thì dâng tượng hình bằng vàng ròng này đến Đức-vua ấy gọi là đồ sính lễ đám hỏi.

Công-chúa Pabhāvatī xinh đẹp tuyệt trần

Đức-vua Madda ngự tại kinh-thành Sāgala trị vì đất nước Madda, Đức-vua có 8 cô công-chúa, mà cô công-chúa trưởng tên *Pabhāvatī* có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, đặc biệt có ánh sáng tỏa ra từ thân hình như ánh sáng mặt trăng mát dịu suốt ngày đêm xung quanh rộng 4 cùi tay, nên ban đêm trong phòng không cần dùng đèn mà vẫn sáng như ban ngày *(Đó là quả báu của phước-thiện bố-thí cúng dường bơ lỏng trong sạch đến Đức-Phật Độc-Giác).*

Các quan sứ giả của Đức-vua Okkāka đến kinh-thành Sāgala nghe tin *Đức-vua Madda* có công-chúa trưởng

tên *Pabhāvatī* rất xinh đẹp tuyệt trần như thiên nữ, nên xin phép vào chầu đảnh lễ *Đức-vua Madda*, tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đức-vua Okkāka của chúng thần ngự tại kinh-thành Kusāvatī, trị vì đất nước Malla, có ý định truyền ngôi báu cho Thái-tử Kusa có oai lực phi thường, có giọng nói như sư tử rống, nên gửi chúng thần đến chầu Đại-vương, xin Đại-vương ban công-chúa Pabhāvatī cho Thái-tử Kusa, để làm Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Kusa.

- Muôn tâu Đại-vương, kính xin Đại-vương nhận tượng hình công-chúa bằng vàng ròng cùng các phẩm vật quý báu này.

Nghe các sứ giả tâu như vậy, *Đức-vua Madda* vô cùng hoan-hỷ thọ nhận lễ vật ấy, bởi vì, công-chúa của Đức-vua sẽ trở thành *Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua* trong một đất nước lớn có nhiều thế lực trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Sau đó, các sứ giả đảnh lễ *Đức-vua Madda*, rồi xin phép bái biệt, vội trở về kinh-thành Kusāvatī.

Khi về đến kinh-thành Kusāvatī, các quan đến chầu *Đức-vua Okkāka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* tâu trình rõ mọi điều.

Đức-vua Okkāka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī vô cùng hoan-hỷ ban thưởng các quan, rồi truyền lệnh làm lễ đón rước *Công-chúa Pabhāvatī*.

Đức-vua Okkāka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī ngồi trên voi báu dẫn đầu đoàn tùy tùng hộ giá đông đảo, ngự ra khỏi kinh-thành Kusāvatī lên đường đi đến kinh-thành Sāgala.

Đức-vua Madda ngự cùng các quan ra tận bên ngoài kinh-thành để đón rước *Đức-vua Okkāka và Chánh-cung*

Hoàng-hậu Sīlavatī cùng đoàn hộ giá ngự vào kinh-thành Sāgala, thỉnh mời đoàn vào cung điện tiếp đãi rất long trọng.

Đức-vua Okkāka và Đức-vua Madda rất hài lòng mối giao hảo giữa hai nước với nhau.

Qua 2-3 ngày sau, *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* tâu với *Đức-vua Madda* rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, xin Đại-vương cho phép bổn thiếp gặp công-chúa Pabhāvatī.

Đức-vua Madda đáp rằng:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, tốt lắm!

Đức-vua Madda truyền bảo các quan mời *công-chúa Pabhāvatī* ra mắt *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī.*

Công-chúa Pabhāvatī trang điểm các thứ nữ trang quý giá vô cùng lộng lẫy ngự ra cùng với đàn thị nữ theo hầu đến cung-kính đảnh lễ dưới hai bàn chân của *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī,* Mẫu-hậu tương lai.

Nhìn thấy *công-chúa Pabhāvatī* xinh đẹp tuyệt trần như vị thiên nữ, nên *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* nghĩ rằng:

"Công-chúa Pabhāvatī có sắc đẹp tuyệt trần đến như thế này, còn Thái-tử Kusa của ta có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ đến như thế kia.

Nếu công-chúa nhìn thấy Thái-tử Kusa của ta thì chắc chắn phát sinh tâm kinh sợ, dù trong chốc lát cũng không thể sống chung với nhau được, chắc chắn công-chúa Pabhāvatī sẽ bỏ Thái-tử trở lại kinh-thành Sāgala ngay khi ấy. Ta nên bày ra diệu kế vậy!"

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī truyền thỉnh *Đức-vua Madda* đến, Bà tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, công-chúa Pabhāvatī xinh đẹp tuyệt trần thật là xứng đáng với Thái-tử Kusa của bổn Thiếp. Trong hoàng gia của bổn Thiếp vừa đặt ra một điều lệ, nếu công-chúa thực-hành theo điều lệ ấy được thì bổn Thiếp xin đón rước công-chúa ngự trở về kinh-thành Kusāvatī.

Nghe *Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* tâu như vậy, *Đức-vua Madda* truyền hỏi rằng:

- Tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, trong hoàng gia của Bà có điều lệ như thế nào?

Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, trong hoàng gia của bổn Thiếp có một điều lệ là "Chánh-cung Hoàng-hậu không gặp mặt Đức-vua lúc ban ngày cho đến khi mang thai mới gặp được".

Nếu công-chúa Pabhāvatī thực-hành theo điều lệ ấy được thì bổn Thiếp xin đón rước công-chúa về kinh-thành Kusāvatī. Trong ngày đại lễ đăng quang Thái-tử Kusa lên ngôi Vua, đồng thời làm lễ tấn phong công-chúa Pabhāvatī lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Kusa.

Nghe tâu như vậy, *Đức-vua Madda* truyền hỏi *Công-chúa Pabhāvatī* rằng:

- Này con yêu quý! Con có thể thực-hành theo điều lệ ấy được hay không?

Công chúa Pabhāvatī tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương, con có thể thực-hành theo điều lệ ấy được.

Khi ấy, *Đức-vua Okkāka* làm lễ ban nhiều phẩm vật quý báu của hoàng gia đến *Đức-vua Madda*, rồi *Đức-vua Okkāka* làm lễ đón rước *Công-chúa Pabhāvatī*, ngự

trở về kinh-thành Kusāvatī. *Đức-vua Madda* cùng đoàn tùy tùng đông đảo theo tiễn đưa *công-chúa Pabhāvatī* một đoạn đường xa.

Công-chúa Pabhāvatī trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Bồ-Tát Kusa

Khi ngự trở về đến kinh-thành Kusāvatī, *Đức-vua Okkāka* truyền lệnh trang hoàng kinh-thành thật lộng lẫy, rồi tổ chức đại lễ đăng quang cho *Thái-tử Kusa lên ngôi vua, và tấn phong công-chúa Pabhāvatī lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Kusa (Lời phát nguyện của tiền-kiếp Đức-vua Bồ-tát Kusa được thành tựu như ý).*

Đức Thái-Thượng-hoàng Okkāka truyền lệnh cho các quan thông báo các Đức-vua trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu rằng:

"Nay toàn đất nước Malla là của Đức-vua Kusa, Đức-vua nào có công-chúa, thì hãy dâng công-chúa đến Đức-vua Kusa, có thái-tử, hoàng-tử thì hãy đến xin kết tình thân thiện với Đức-vua Kusa".

Cho nên, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* có nhiều công-chúa đến hầu hạ, có nhiều thái-tử, hoàng-tử là thuộc hạ.

Đức-vua Bồ-tát Kusa có oai lực phi thường, uy thế của *Đức-vua Bồ-tát* khiến cho các nước trong cõi Nam-thiện-bộ-châu đều phải kính phục.

Ban ngày, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* không có cơ hội nhìn thấy *Đức-vua Bồ-tát Kusa* xấu xí đáng ghê sợ, và *Đức-vua Bồ-tát Kusa* cũng không có cơ hội nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* xinh đẹp tuyệt trần như thiên nữ, bởi vì *Đức-vua Bồ-tát Kusa và Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* chỉ gặp nhau ban đêm mà thôi.

Ban đêm, trong phòng của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* có ánh sáng mát tỏa ra từ thân hình của Bà như ban ngày, nên không cần đốt đèn, nhưng đến khi *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngự vào phòng của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī,* do oai lực của *Đức-vua Bồ-tát Kusa,* ánh sáng ấy biến mất, nên không nhìn thấy nhau được; cho đến khi *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngự ra khỏi phòng lúc ban đêm, thì ánh sáng lại tỏa ra như trước.

Trải qua 2-3 ngày sau, muốn nhìn thấy gương mặt xinh đẹp của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* như thế nào, nên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đến chầu Mẫu-hậu, kính xin Mẫu-hậu giúp cho có cơ hội nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī*, nhưng Mẫu-hậu khuyên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* không nên vội vã, chờ đến khi nào có được một Thái-tử sinh ra đời, khi ấy, nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* cũng không muộn.

Đức-vua Bồ-tát Kusa không thể chờ đợi, nóng lòng muốn được nhìn thấy gương mặt *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī*, nên lại đến chầu Mẫu-hậu, kính xin Mẫu-hậu giúp cho cơ hội để nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng hậu Pabhāvatī* của mình. Mẫu-hậu của *Đức-vua Bồ-tát* không khuyên được, nên bày ra diệu kế rằng:

- Này Hoàng nhi yêu quý! Nếu con muốn vậy thì con đứng đóng vai người giữ chuồng voi báu, Mẫu-hậu dẫn Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī đến xem voi báu, khi ấy, con sẽ nhìn thấy rõ Chánh-cung Hoàng-hậu của con, nhưng con chớ nên để cho nàng nghi ngờ.

Đức-vua Bồ-tát Kusa làm theo lời dạy của Mẫu-hậu.

Mẫu-hậu của *Đức-vua Bồ-tát* truyền lệnh trang hoàng chuồng voi, Bà khuyên bảo *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* rằng:

- Này con yêu quý! Mẫu-hậu và con ngự đi xem voi báu của Đức-vua Kusa, Đức Phu-quân của con.

Nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự theo sau Mẫu-hậu đến chuồng voi, Mẫu-hậu chỉ cho nàng biết tên của mỗi con voi báu. Khi ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đóng vai người nài voi báu, nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī*, liền đưa tay lấy phân voi ném sau lưng của nàng.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī nổi cơn thịnh nộ truyền bảo rằng: *"Ta sẽ tâu với Đức-vua Kusa truyền lệnh chặt tay của ngươi."*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī tâu với Mẫu-hậu xử phạt tên giữ voi vô lễ ấy, nhưng Mẫu-hậu khuyên nàng nên tha tội cho người nài voi.

Một lần khác, Mẫu-hậu dẫn *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự đi xem ngựa báu tại chuồng ngựa, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đóng vai người giữ ngựa báu, nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī,* cũng đưa tay lấy phân ngựa ném sau lưng của nàng.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī nổi cơn thịnh nộ truyền bảo rằng: *"Ta sẽ tâu với Đức-vua Kusa truyền lệnh chặt tay của ngươi."*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī tâu với Mẫu-hậu xử phạt tên giữ ngựa vô lễ ấy, nhưng Mẫu-hậu khuyên nàng nên tha tội cho người giữ ngựa.

Một hôm, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* muốn nhìn thấy *Đức-vua Kusa*, nên tâu với Mẫu-hậu, kính xin Mẫu hậu giúp cho cơ hội nhìn thấy *Đức-vua Kusa, Đức-Phu-quân* của mình là người như thế nào.

Mẫu-hậu chiều ý, nên truyền bảo rằng:

- Này con yêu quý! Nếu con muốn như vậy, thì sáng ngày mai Đức-vua Kusa ngự trên lưng voi báu đi kinh lý trong kinh-thành, con đứng trên lâu đài mở cửa sổ nhìn Đức-vua Kusa ngự trên lưng voi báu.

Mẫu-hậu truyền bảo trang hoàng kinh-thành, sắp đặt *Hoàng-tử Jayampati (Hoàng-đệ của Đức-vua Kusa),* mặc triều phục Đức-vua ngự phía trước voi báu, còn *Đức-vua Bồ-tát Kusa* như quan nài voi báu ngự phía sau đi xem kinh-thành.

Khi ấy, Mẫu-hậu dẫn *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* đến đứng trên lâu đài nhìn xuống. *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* thấy *Hoàng-tử Jayampati* tưởng là *Đức-vua Kusa*, nên nghĩ rằng: *"Ta có được Đức-vua Kusa, Đức-Phu-quân thật xứng đáng với ta". Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* rất hài lòng vô cùng hoan-hỷ.

Hôm ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đóng vai vị quan nài voi báu ngự phía sau, biết phía trên lâu đài có *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* đứng nhìn, nên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngoảnh đầu lên nhìn nàng, đưa tay vẫy, có cử chỉ kém lịch sự.

Khi voi báu đi qua khỏi, Mẫu-hậu truyền hỏi *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* rằng:

- Này con yêu quý! Con đã nhìn thấy Đức-vua Kusa, Đức-Phu-quân của con rồi phải không?

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī tâu rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu, Con đã nhìn thấy Đức-vua Kusa Đức-Phu-quân của con rồi, nhưng vị quan nài voi báu ngồi phía sau Đức-vua Kusa, mặt mày xấu xí đáng ghê sợ, có cử chỉ kém lịch sự như đưa tay vẫy con.

- Muôn tâu Mẫu-hậu, tại sao để cho người xấu xí đáng ghê sợ như vậy ngồi phía sau Đức-vua Kusa được.

Nghe *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* tâu như vậy, Mẫu-hậu khuyên bảo rằng:

- Này con yêu quý! Người ấy có tài bảo vệ hộ giá Đức-vua Kusa, Đức-Phu-quân của con được.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī suy nghĩ rằng: *"Người nài voi này sao được đặc ân tha lỗi đặc biệt quá! Ông không biết tôn trọng Đức-vua Kusa, hay người nài voi này chính là Đức-vua Kusa phải không?"*

Để giải đáp điều hoài nghi này, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* gọi *bà Khujjā* nữ hầu thân cận đến truyền bảo rằng:

- Này bà Khujjā! Khi voi báu trở về cung điện, bà nên theo dõi Đức-vua Kusa ngự trên lưng voi báu phía trước hay phía sau?

- Muôn tâu Chánh-cung Hoàng-hậu, làm sao kẻ nô tỳ biết Đức-vua Kusa được?

- Này bà Khujjā! Khi voi báu trở về cung điện, bà nên theo dõi, vị nào từ trên lưng voi báu ngự xuống trước vị đó là Đức-vua Kusa.

Khi voi báu hồi cung, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* từ trên lưng voi báu phía sau ngự xuống trước, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* nhìn xung quanh, thấy *bà Khujjā* nữ hầu thân cận của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* đứng lén nhìn nơi ấy, nên gọi bà lại mà bảo rằng:

- Này bà Khujjā! Bà chớ nên tâu sự thật với Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī, mà bà phải tâu khác đi!

Tuân lệnh *Đức-vua Bồ-tát Kusa, bà Khujjā* đến hầu *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* tâu khác rằng:

"Đức-vua Kusa từ trên lưng voi báu phía trước ngự xuống trước".

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī tin theo lời tâu *của bà Khujjā* nữ hầu của mình.

Một hôm, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* muốn đến gần *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* để có thể nhìn thấy rõ gương mặt xinh đẹp của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī,* nên đến chầu đảnh lễ Mẫu-hậu, xin Mẫu-hậu giúp cho có cơ hội. Mẫu-hậu của *Đức-vua Bồ-tát* không thể ngăn cản được, nên truyền bảo rằng:

- Này Hoàng-nhi yêu quý! Nếu vậy thì con giả dạng không để ai biết, rồi con ngự đến vườn thượng uyển, đứng dưới hồ nước đến cổ, lấy lá sen che đầu, lấy hoa sen che mặt lại.

Hôm ấy, *Mẫu-hậu Sīlavatī* dẫn *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự đi cùng đoàn thị nữ du lãm vườn thượng uyển, đi xem các đàn chim đủ loài, các đàn nai, v.v…đi đến hồ nước lớn có nhiều loại hoa sen, hoa súng đủ màu rất xinh đẹp. *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* nhìn thấy hồ nước trong, nhiều hoa sen đẹp, nên xin Mẫu-hậu cho phép xuống hồ tắm, hái hoa sen.

Được Mẫu hậu cho phép, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* cùng các thị nữ xuống hồ tắm. Khi ấy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* nhìn thấy đóa hoa sen nở đẹp, đưa cánh tay định hái hoa sen ấy, thì *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đưa tay nắm cánh tay của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* rồi reo lên rằng: *"Ta là Đức-vua Kusa!"*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī nhìn thấy gương mặt của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* xấu xí đáng ghê sợ, rồi kêu thất thanh rằng: *"Dạ-xoa bắt tôi!"*

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngã xuống nước chết giấc. *Đức-vua Bồ-tát Kusa* buông tay của Bà ra, các thị nữ đưa *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* lên bờ nằm cấp cứu cho tỉnh lại.

Khi ấy, *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* hồi tưởng lại những việc đã xảy ra rằng: *"Người kia nắm tay ta mà reo lên rằng: "Ta là Đức-vua Kusa!"*

Trước đây, tại chuồng voi, ta đã bị chính người ấy ném phân voi; tại chuồng ngựa, ta cũng đã bị chính người ấy ném phân ngựa; nay ta lại bị chính người ấy nắm tay ta, rồi tự xưng là Đức-vua Kusa."

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī quyết định rằng: *"Ta không thể có Đức-phu-quân là Đức-vua Kusa có gương mặt xấu xí đáng ghê sợ như thế này. Ta phải bỏ Đức-vua Kusa, rồi ngự trở về kinh-thành Sāgala của ta mà thôi".*

Sau khi quyết định, *Công-chúa Pabhāvatī* truyền gọi các quan theo hầu đến truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Các khanh hãy chuẩn bị xe cộ sẵn sàng, ta sẽ ngự trở về kinh-thành Sāgala, đất nước Madda ngay hôm nay.

Nghe *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* truyền lệnh như vậy, các quan đến chầu *Đức-vua Bồ-tát Kusa,* rồi tâu ý định của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* cho *Đức-vua Bồ-tát Kusa* biết.

Đức-vua Bồ-tát Kusa suy xét rằng: *"Nếu Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī không được ngự trở về kinh-thành Sāgala thì trái tim của nàng sẽ bị vỡ ra.*

Vậy, ta nên chấp thuận cho phép Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngự trở về kinh-thành Sāgala trước, rồi sau đó ta sẽ cố gắng đón rước Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngự trở lại bằng oai lực của ta".

Suy xét như vậy, nên cho phép *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự trở về kinh-thành Sāgala.

Sau khi *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự đi rồi, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* cũng rời khỏi vườn thượng uyển, hồi cung ngự trở về cung điện, ngự lên lâu đài với nỗi khổ tâm cùng cực.

Vấn*: - Do nguyên nhân nào mà Thái-tử Bồ-tát Kusa có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ, nhưng được thành hôn với công-chúa Pabhāvatī xinh đẹp tuyệt trần như vậy?*

- Do nguyên nhân nào mà Công-chúa Pabhāvatī có sắc đẹp tuyệt trần, đặc biệt có ánh sáng tỏa ra từ thân hình công-chúa suốt ngày đêm xung quanh khoảng 4 cùi tay như vậy?

- Tại sao Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī không ưa thích Đức-vua Bồ-tát Kusa, bỏ trở về kinh-thành Sāgala?

- Do oai lực nào mà Đức-vua Bồ-tát Kusa đưa Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī trở lại kinh-thành Kusāvatī ?

Để giải đáp các vấn đề này, cần phải tìm hiểu về tiền-kiếp của *Thái-tử Bồ-tát Kusa* và tiền-kiếp của *công-chúa Pabhāvatī.*

Tiền-kiếp của Thái-tử Bồ-Tát Kusa và tiền-kiếp của Công-chúa Pabhāvatī

Thời quá khứ, trong xóm nhà có 2 gia đình ở gần cửa thành Bārāṇasī, một gia đình này có 2 người con trai: *người anh trưởng* và ***người em thứ*** *là* ***Đức-Bồ-tát*** *(là tiền-kiếp Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa, cũng là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama).*

Và một gia đình kia có *1* ***người con gái*** *(là tiền-kiếp của công-chúa Pabhāvatī).*

* Gia đình bên này làm lễ cưới ***người con gái*** của gia đình bên kia đem về làm vợ của ***người con trưởng, Đức-Bồ-tát là con thứ*** chưa có vợ, nên còn ở chung với vợ chồng người anh trưởng.

Một hôm, trong nhà người chị dâu làm bánh chiên thật ngon, nhưng *Đức-Bồ-tát em chồng* đi làm trong rừng từ sáng sớm, nên người chị dâu để dành một phần bánh cho *Đức-Bồ-tát em chồng*, phần bánh còn lại đem chia cho các người trong gia đình dùng hết sạch.

Nhìn ra trước cửa, thấy *Đức-Phật Độc-Giác* ngự đi khất thực đến đứng trước cửa nhà. Khi ấy, *người chị dâu của Đức-Bồ-tát* nghĩ rằng:

"Ta sẽ làm bánh chiên mới khác cho người em chồng"

Do nghĩ như vậy, nên người chị dâu lấy phần bánh chiên dành cho người em chồng đem ra cung-kính hoan-hỷ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường để bát đến *Đức-Phật Độc-Giác*. Ngay khi ấy, vừa đúng lúc *Đức-Bồ-tát em chồng* từ rừng trở về, người chị dâu nói với *người em chồng* rằng:

- Này em trai! Chị đã lấy phần bánh chiên dành cho em đem tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác rồi. Xin em nên phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí cúng dường thanh cao này. Chị sẽ làm ngay bánh chiên mới khác cho em dùng.

Nghe người chị dâu nói như vậy, *Đức-Bồ-tát em chồng đã không phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ, trái lại phát sinh sân-tâm giận dữ nói với người chị dâu rằng:*

"Các người ăn phần bánh chiên của mình hết rồi, lại lấy phần bánh chiên của tôi đem tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác nữa!

Vậy, ta lấy gì để ăn bây giờ!"

Nói bằng giọng hằn học như vậy, rồi *Đức-Bồ-tát em chồng vội lấy lại phần bánh chiên từ trong bát của Đức-Phật Độc-Giác.*

Nhìn thấy *người em chồng* làm như vậy, người chị dâu đảnh lễ Đức-Phật Độc-Giác thỉnh Ngài chờ một lát, nàng vội đi về nhà cha mẹ mình lấy bơ lỏng mới và trong trẻo có màu giống màu hoa lan, đem về cung-kính tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đầy bát của *Đức-Phật Độc-Giác*, với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.

Nhìn thấy bơ lỏng tỏa ra ánh sáng, nàng phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch phát nguyện rằng:

- Kính bạch Ngài, do phước-thiện bố-thí cúng dường bơ lỏng mới trong trẻo này, xin cho đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng dường thanh cao này cho quả tái-sinh kiếp sau của con có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, thân hình của con có ánh sáng tỏa ra suốt ngày đêm.

Và xin kiếp sau của con không sống chung cùng một nhà với người như em trai chồng này.

Khi nghe lời phát nguyện của người chị dâu như vậy, *Đức-Bồ-tát em chồng* vội đem phần bánh chiên của mình đến kính xin tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đặt trong bát đầy bơ lỏng của *Đức-Phật Độc-Giác*, rồi xin phát nguyện rằng:

- Kính bạch Ngài, kiếp sau của người chị dâu này, dù có ở bất cứ nơi xa xôi nào hằng trăm do tuần, xin cho kiếp sau của con cũng có khả năng đem về làm vợ của con cho được.

**** Người em trai** chồng* là tiền-kiếp của ***Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa***.

**** Người chị dâu** là vợ của người anh trưởng* là tiền-kiếp của ***Công-chúa Pabhāvatī***.

Mỗi người đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến *Đức-Phật Độc-Giác* với lời phát nguyện của mỗi người khác nhau như vậy.

Kiếp sau của mỗi người

* Sau khi ***người em trai*** *chồng* là *Đức-Bồ-tát* chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm *Đức-Bồ-tát Kusa là Thái-tử của Đức-vua Okkāka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī* tại kinh-thành Kusāvatī của đất nước Malla.

***** Sau khi ***người chị dâu,*** vợ của người anh trưởng chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm *công-chúa trưởng của Đức-vua Madda* ngự tại kinh-thành Sāgala đất nước Madda.

* *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ đó là *quả của ác-nghiệp sân giận dữ trong tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát lấy lại phần bánh chiên của mình từ trong bát của Đức-Phật Độc-Giác.*

Và *phước-thiện bố-thí cúng dường đặt bát lại phần bánh chiên của mình đến Đức-Phật Độc-Giác, rồi phát nguyện rằng:*

"- Kính bạch Ngài, kiếp sau của người chị dâu này, dù có ở bất cứ nơi xa xôi nào hằng trăm do tuần, xin cho kiếp sau của con cũng có khả năng đem về làm vợ của con cho được."

Kiếp hiện-tại *Đức-vua Bồ-tát Kusa* làm lễ thành hôn với *công-chúa Pabhāvatī*, rồi tấn phong lên ngôi *Chánh-cung Hoàng-hậu,* do năng lực lời phát nguyện trong tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát.

* *Công-chúa Pabhāvatī có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ, có ánh sáng tỏa ra từ thân hình của cô suốt*

ngày đêm xung quanh khoảng 4 cùi tay, đó là *quả báu của phước-thiện bố-thí cúng dường bơ lỏng mới trong trẻo đến Đức-Phật Độc-Giác*, với đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ.

Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī khi biết Đức-vua Kusa có gương mặt xấu xí đáng ghê sợ, nên Bà bỏ Đức-vua Bồ-tát Kusa ngự trở về lại kinh-thành Sāgala, do lời phát nguyện trong tiền-kiếp của Bà.

Sau khi *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự trở về kinh-thành Sāgala. Còn *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngự tại kinh-thành Kusāvatī, tuy có nhiều công-chúa xinh đẹp, nhưng *Đức-vua Bồ-tát Kusa* không quan tâm đến người nào cả, *suốt đêm chỉ nhớ tưởng đến Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* mà thôi.

Sáng ngày hôm sau, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đến chầu đảnh lễ Mẫu-hậu, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu, con xin giao ngai vàng lại cho Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu, con xin rời khỏi kinh-thành Kusāvatī, ngự đi đến kinh-thành Sāgala tìm gặp lại Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī của con.

Nghe *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tâu như vậy, Mẫu-hậu của *Đức-Bồ-tát* vô cùng khổ tâm truyền bảo rằng:

- Này Hoàng nhi yêu quý! Con hãy nên bảo trọng!

Mẫu-hậu chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho *Đức-vua Bồ-tát Kusa*. Nhận mọi thứ cần thiết ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* đảnh lễ Mẫu-hậu, tâu rằng:

- Muôn tâu Mẫu hậu, nếu con còn sống trên đời thì con sẽ ngự trở về chầu Mẫu-hậu.

Đức-vua Bồ-tát Kusa xin phép bái biệt Mẫu-hậu.

Đức-vua Bồ-tát Kusa trở về phòng lấy 5 loại khí giới đeo bên mình và mang theo một chiếc đàn, giả dạng như

người bình thường rời khỏi kinh-thành Kusāvatī, lên đường hướng về kinh-thành Sāgala.

Đức-Bồ-tát Kusa có sức mạnh phi thường ngự đi đến kinh-thành Sāgala khoảng cách hơn 100 do tuần do oai lực của Đức-Bồ-tát.

Khi đến kinh-thành Sāgala, *Đức-Bồ-tát Kusa xin nghỉ nhờ đêm chỗ người nuôi voi báu của Đức-vua Madda.*

Do oai lực của *Đức-Bồ-tát Kusa*, nên *Công-chúa Pabhāvatī* không thể nằm trên giường ngủ, mà phải xuống nằm dưới nền để ngủ.

Ngủ nghỉ khỏe xong, *Đức-Bồ-tát Kusa* thức dậy, đem chiếc đàn ra gảy, vừa gảy đàn vừa ca hát, tiếng đàn réo rắt, lời ca làm xúc động lòng người, với ý nghĩ cho *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* nghe rõ, những người trong cung điện và dân chúng trong kinh-thành đều nghe rõ tiếng đàn và lời ca này.

Công-chúa Pabhāvatī nằm ngủ trên nền nghe tiếng đàn và lời ca liền biết ngay đó là tiếng đàn và lời ca của *Đức-vua Kusa*. Và *Đức-vua Madda* nghe tiếng đàn và lời ca hay chưa từng nghe bao giờ nên nghĩ rằng:

"Ai gảy đàn và ca nghe hay quá! Ngày mai mời người ấy vào cung điện trình diễn cho ta và hoàng gia nghe."

Đức-Bồ-tát Kusa nghĩ rằng: *"Ta ở chỗ này không thể nhìn thấy Công-chúa Pabhāvatī".*

Sáng sớm, *Đức-Bồ-tát Kusa* di chuyển sang chỗ khác.

* Tìm đến *chỗ làm các đồ gốm cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và các Công-chúa dùng, Đức-Bồ-tát Kusa* xin vào làm học trò cốt để làm những món đồ gốm đẹp đặc biệt cho *Công-chúa Pabhāvatī* dùng, nhưng khi nhận các món đồ gốm xinh đẹp ấy, *Công-chúa Pabhāvatī* biết các món đồ ấy là do bàn tay của

Đức-vua Kusa làm ra, nên *Công-chúa Pabhāvatī* không dùng món đồ ấy.

Biết như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* đổi chỗ làm khác.

* Tìm đến *chỗ làm các đồ đan cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô Công-chúa* dùng, *Đức-Bồ-tát Kusa* xin vào làm học trò, cốt để làm những món đồ đan xinh đẹp đặc biệt cho *Công-chúa Pabhāvatī* dùng, nhưng khi nhận các món đồ đan xinh đẹp ấy, *Công-chúa Pabhāvatī* biết các món đồ ấy là do bàn tay của *Đức-vua Kusa* làm ra, nên Công-chúa không dùng món đồ đan ấy.

Biết như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* đổi chỗ làm khác.

* Tìm đến *chỗ kết vòng hoa cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và các Công-chúa trang sức, Đức-Bồ-tát Kusa* xin vào làm học trò, cốt để làm những vòng hoa xinh đẹp cho *Công-chúa Pabhāvatī* trang sức, nhưng khi nhận các vòng hoa xinh đẹp ấy, *Công-chúa Pabhāvatī* biết các vòng hoa ấy là do bàn tay của *Đức-vua Kusa* kết ra, nên *Công-chúa Pabhāvatī* không chịu dùng trang sức ấy.

Biết như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* đổi chỗ làm khác.

* Tìm đến *chỗ nấu nướng đồ ăn cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và các Công-chúa dùng, Đức-Bồ-tát Kusa* xin vào làm phụ bếp, cốt để làm những món đồ ăn ngon đặc biệt cho *Công-chúa Pabhāvatī* dùng.

Đức-vua Madda biết có một người phụ đầu bếp mới tài giỏi, nên truyền bảo với người trưởng bếp rằng:

- Này người trưởng bếp! Hằng ngày ngươi mang đồ ăn dâng đến Trẫm và Chánh-cung Hoàng-hậu còn người phụ đầu bếp mới tài giỏi ấy mang đồ ăn dâng đến 8 cô Công-chúa của Trẫm.

Nghe Đức-vua truyền bảo như vậy, người trưởng bếp về nói lại với *Đức-Bồ-tát Kusa* theo lệnh Đức-vua.

Nghe *Đức-vua Madda* truyền bảo như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* cảm thấy vô cùng hoan-hỷ, bởi vì ước nguyện gặp lại *Công-chúa Pabhāvatī* chắc chắn sẽ được như ý vào ngày hôm sau.

Đức-Bồ-tát Kusa gặp Công-chúa Pabhāvatī

Sáng hôm ấy, *Đức-Bồ-tát Kusa* nấu nướng đồ ăn dành cho *Đức-vua Madda và Chánh-cung Hoàng-hậu,* giao cho người trưởng bếp đem đi dâng lên *Đức-vua Madda và Chánh-cung Hoàng-hậu*, còn các phần ăn của 8 cô Công-chúa thì đặt cẩn thận vào 2 bên làn bằng mây đựng đồ ăn (bhattakāja), *Đức-Bồ-tát Kusa* hớn hở gánh 2 chiếc làn đựng đầy đồ ăn ngự bước lên lâu đài của *Công-chúa Pabhāvatī.*

Nhìn thấy Đức-vua Kusa đang gánh các phần ăn ngự bước lên lâu đài, *Công-chúa Pabhāvatī* nghĩ rằng:

"Đức-vua Kusa ngự đến cung điện này làm những công việc của những người tôi tớ, người làm công, thật không thích hợp với Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, là Đức-vua của đất nước lớn, cũng là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Nếu ta làm thinh không nói 2-3 ngày thì Đức-vua Kusa tưởng rằng: "Nay Công-chúa Pabhāvatī có cảm tình, thương yêu ta rồi!"

Đức-vua Kusa sẽ ở lại đây, không chịu ngự trở về kinh-thành Kusāvatī. Vậy, ta nên chê trách Đức-vua một cách thậm tệ, làm cho Đức-vua thất vọng, khổ tâm vì hổ thẹn mà mau rời khỏi nơi này".

Công-chúa Pabhāvatī mở hé cánh cửa, tay vẫn giữ cánh cửa, đứng bên trong tâu với *Đức-vua Kusa* rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương có oai lực phi thường, là Đức-vua của đất nước lớn, cũng là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

Đại-vương ngự đến cung điện này làm người phụ đầu bếp, gánh đồ ăn ngự đến đây với tâm không trong sáng, Đại-vương chịu bao nhiêu nỗi khổ thân khổ tâm suốt ngày đêm, Đại-vương sẽ được sự lợi ích gì với công việc vất vả khổ cực như vậy!

Xin thỉnh Đại-vương ngự trở về kinh-thành Kusāvatī của Đại-vương, rồi tấn phong nàng Dạ-xoa xấu xí đáng ghê sợ như Đại-vương lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu, rồi an hưởng trên ngai vàng.

Còn tiện thiếp hoàn toàn không ưa thích Đại-vương có gương mặt xấu xí đáng ghê sợ như vậy!

Xin thỉnh Đại-vương mau ngự ra khỏi kinh-thành Sāgala này.

Hôm nay, *Đức-Bồ-tát Kusa* vô cùng hoan-hỷ được nghe tiếng nói của *Công-chúa Pabhāvatī*, nên vui mừng hớn hở truyền bảo rằng:

- Này ái-khanh Pabhāvatī yêu quý! Quả-nhân yêu tha thiết ái-khanh, nên không thể ngự trở về kinh-thành Kusāvatī được. Quả-nhân rất hài lòng được nhìn thấy ái-khanh, nên đã từ bỏ ngai vàng, kinh-thành Kusāvatī, cả đất nước Malla rộng lớn, ngự đến kinh-thành Sāgala, ở trong cung điện của Đức-vua Madda này.

- Này ái-khanh Pabhāvatī yêu quý! Quả-nhân yêu thương ái-khanh, nên không còn biết phương hướng nữa. Quả-nhân chỉ cần có ái-khanh mà thôi, không cần ngai vàng ngôi vị Đế-vương.

Nghe *Đức-vua Kusa* truyền bảo như vậy, Công-chúa Pabhāvatī nghĩ rằng:

"Ta chê trách Đức-vua Kusa một cách thậm tệ như vậy, với hy vọng làm cho Đức-vua Kusa thất vọng, khổ tâm vì hổ thẹn mà mau rời khỏi kinh-thành Sāgala này, nhưng trái lại Đức-vua Kusa truyền bảo lời yêu thương tha thiết ta. Nếu Người truyền bảo rằng:

"Ta là Đức-vua Kusa đây!" Rồi ngự đến nắm tay của ta thì ai dám ngăn cấm Người được."

Nghĩ vậy, nên Công-chúa Pabhāvatī lùi vào bên trong, đóng cánh cửa, cài chốt lại rồi ngồi trong phòng.

Thấy *Công-chúa Pabhāvatī* đóng cánh cửa kín, *Đức-Bồ-tát Kusa* gánh các phần ăn ngự đến dâng 7 công-chúa khác.

Công-chúa Pabhāvatī truyền gọi *bà Khujjā* nữ hầu thân cận đến bảo rằng:

- Này bà Khujjā! Bà hãy đi lấy phần ăn của ta đến đây.

Vâng lệnh *Công-chúa Pabhāvatī, bà Khujjā* đem phần ăn lại, rồi tâu rằng:

- Tâu Công-chúa, xin mời Công-chúa dùng bữa.

Công-chúa Pabhāvatī truyền bảo rằng:

- Này bà Khujjā! Ta không dùng các món ăn mà chính bàn tay của Đức-vua Kusa nấu nướng.

Vậy, bà hãy dùng phần ăn ấy, còn phần ăn của bà đem dâng cho ta dùng.

- Này bà Khujjā! Bà không được nói cho một ai biết Đức-vua Kusa đang hiện diện tại nơi đây.

Từ đó về sau, bà Khujjā dùng phần ăn của *Công-chúa Pabhāvatī*, đem phần ăn của bà dâng đến *Công-chúa Pabhāvatī* dùng. Và cũng bắt đầu từ ngày đó, *Đức-Bồ-tát Kusa* không còn nhìn thấy *Công-chúa Pabhāvatī*.

Đức-Bồ-tát Kusa suy nghĩ rằng: *"Không biết Công-chúa Pabhāvatī có còn thương nhớ đến ta nữa hay không?"* Ta nên thử xem cho biết.

Một hôm, sau khi đã đem dâng các phần ăn đến 7 cô công-chúa xong rồi, *Đức-Bồ-tát Kusa* gánh đôi làn không ngự xuống lâu đài, vừa đến gần cửa phòng của *Công-chúa Pabhāvatī*, giả bị vấp ngã nằm trên nền làm như bất tỉnh.

Nghe có tiếng người vấp ngã, đồ đổ vỡ, *Công-chúa Pabhāvatī* biết là *Đức-vua Kusa* bị vấp ngã, nên mở cửa ra nhìn, thấy *Đức-vua Kusa* nằm trên nền, cây đòn gánh đè ngang trên cổ, *Công-chúa Pabhāvatī* suy nghĩ rằng:

"Đức-vua Kusa là Đức-vua cao cả nhất trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, ngự đến đây không ai hay biết, chịu bao nỗi khổ thân, khổ tâm chỉ vì ta mà thôi.

Đức-vua Kusa là người an hưởng mọi sự an-lạc trong đời, không quen vất vả khổ cực. Nay, hằng ngày Đức-vua Kusa phải nấu nướng, làm các món ăn xong, rồi gánh các phần ăn đem dâng đến 8 cô công-chúa.

Bây giờ, Đức-vua Kusa bị vấp ngã nằm bất tỉnh, sinh mạng của Người hiện nay như thế nào?"

Suy nghĩ như vậy, nên *Công-chúa Pabhāvatī* ngự ra khỏi phòng đến cúi đầu xuống gần sát gương mặt để xem hơi thở nơi 2 lỗ mũi của *Đức-vua Kusa*. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Kusa* ngậm đầy nước miếng trong miệng phun ra trên mặt của *Công-chúa Pabhāvatī*.

Công-chúa Pabhāvatī nổi cơn thịnh nộ trách *Đức-vua Kusa*, rồi ngự ngay vào phòng đóng cửa để hở, đứng bên trong tâu với *Đức-vua Kusa* rằng:

- Tâu Đại-vương, người nào yêu thương người khác, mà người khác không yêu thương đáp lại, người ấy chỉ có sự thất vọng mà thôi.

Tiện nữ không yêu thương Đại-vương, mà Đại-vương muốn làm cho tiện nữ yêu thương Đại-vương sao được!

Nghe *Công-chúa Pabhāvatī* tâu như vậy, nhưng *Đức-Bồ-tát Kusa* không phát sinh cơn thịnh nộ, bởi vì *Đức-Bồ-tát Kusa* yêu say đắm *Công chúa Pabhāvatī*, nên truyền bảo với *Công-chúa Pabhāvatī* rằng:

- Này Công-chúa Pabhāvatī! Người nào không được người khác yêu, mà người ấy thuyết phục được người không yêu trở thành người yêu của mình.

Ta tán dương ca tụng người ấy. Nếu thuyết phục không được thì chỉ là người tầm thường mà thôi.

Nghe *Đức-vua Kusa* truyền bảo như vậy, *Công-chúa Pabhāvatī* tâu với lời lẽ đanh thép, để cho *Đức-vua Kusa* không còn hy vọng gì nữa mà ngự ra khỏi kinh-thành Sāgala này, nên tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương yêu thương tiện nữ mà tiện nữ chẳng hề yêu thương Đại-vương chút nào, ví như Đại-vương dùng cành cây khô mục mà phá đá để lấy viên ngọc quý, hoặc lấy lưới sưa đặt ngăn gió vậy!

Nghe Công-chúa Pabhāvatī tâu như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* truyền bảo rằng:

- Này Công-chúa Pabhāvatī! Đá đã được chôn trong trái tim của Công-chúa xinh đẹp dịu dàng có phải vậy không? Bởi vì từ khi quả-nhân rời khỏi kinh-thành Kusāvatī ngự đến kinh-thành Sāgala, làm việc nấu nướng đồ ăn cho Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô công-chúa, quả nhân chưa nhận được sự đón tiếp niềm nở của ái-khanh, chưa được nghe lời yêu thương của ái-khanh.

- Này ái-khanh! Nếu ái-khanh còn có thái độ thờ ơ, lãnh đạm với Trẫm thì Trẫm vẫn còn là người phụ bếp trong cung điện của Đức-vua Madda.

Nếu khi nào, ái-khanh đón tiếp Trẫm một cách niềm nở, hớn hở vui mừng chuyện trò thân mật với Trẫm thì khi ấy Trẫm sẽ bỏ công việc phụ bếp, Trẫm cùng ái-khanh ngự trở về kinh-thành Kusāvatī lên ngôi vua như trước.

- Này ái-khanh! Tại sao ái-khanh đối xử với Trẫm như vậy? Từ nay, xin ái-khanh đừng có thái độ lãnh đạm với Trẫm như vậy nữa.

Nghe *Đức-vua Kusa* truyền bảo như vậy, Công-chúa Pabhāvatī nghĩ rằng:

"Đức-vua Kusa càng truyền bảo lại càng ràng buộc khắng khít nơi ta. Như vậy, ta nên tâu dối để Đức-vua Kusa không còn hy vọng nơi ta nữa, mà ngự trở về kinh-thành Kusāvatī". Công-chúa Pabhāvatī tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, tiện nữ đã từng hỏi nhóm thầy đoán số rằng: "Đức-vua Kusa là Đức-phu quân của ta có phải hay không?"

Họ đều đoán rằng: "Đức-vua Kusa không phải là Đức-phu quân của Bà".

Nếu lời đoán số của các thầy ấy là đúng thì Đại-vương chắc chắn không phải là Đức-phu quân của tiện nữ.

Nghe Công-chúa Pabhāvatī tâu như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* truyền bảo rằng:

- Này ái-khanh! Nếu quả-nhân hỏi các thầy đoán số trong đất nước của Trẫm thì họ chắc chắn đoán rằng: "Đức-Phu quân của Công-chúa Pabhāvatī chỉ có Đức-vua Kusa có giọng nói như sư tử rống mà thôi.

Ngoài Đức-vua Kusa ra, chẳng còn ai khác nữa".

Nghe *Đức-vua Kusa* truyền bảo như vậy, Công-chúa Pabhāvatī nghĩ rằng:

"Ta không còn cách nào để cho Đức-vua Kusa rời

khỏi kinh-thành Sāgala, ngự trở về kinh-thành Kusāvatī được. Đức-vua Kusa không phải là gì đối với ta nữa".

Nghĩ vậy, *Công-chúa Pabhāvatī* đóng kín cánh cửa phòng không cho *Đức-vua Kusa* thấy nàng nữa.

Đức-Bồ-tát Kusa gánh những thứ đựng đồ ăn bước xuống lâu đài. Từ đó không còn nhìn thấy *Công-chúa Pabhāvatī* nữa.

Hằng ngày đêm, *Đức-Bồ-tát Kusa* làm mọi công việc vô cùng vất vả. Ban đêm *Đức-Bồ-tát Kusa* nằm ngủ tại nhà bếp, thức dậy sớm, nấu cháo, nấu các món ăn sáng để dâng đến *Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô công chúa* xong, rồi trở lại nhà bếp, bổ củi, gánh nước, rửa nồi niêu, bát đĩa, nấu nướng các món ăn để dâng lên *Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô công chúa* vào bữa ăn trưa và bữa ăn tối.

Sở dĩ, *Đức-Bồ-tát Kusa* chịu đựng bao nhiêu nỗi khổ thân, khổ tâm vất vả suốt ngày đêm như vậy, là vì quá yêu say đắm *Công-chúa Pabhāvatī.*

Một hôm, nhìn thấy bà Khujjā, người hầu thân cận của Công chúa Pabhāvatī, *Đức-Bồ-tát Kusa* ngự đến gặp bà, nhờ bà tâu với *Công-chúa Pabhāvatī* đến gặp *Đức-vua Kusa*, và nói chuyện thân mật với *Đức-vua Kusa.*

Nếu bà có khả năng làm được như vậy, *Đức-vua Kusa* sẽ ban thưởng xứng đáng cho bà.

Bà Khujjā hứa với *Đức-Bồ-tát Kusa,* bà sẽ cố gắng tâu với Công-chúa Pabhāvatī.

Một hôm, *bà Khujjā* có cơ hội tâu với *Công-chúa Pabhāvatī* rằng:

- Tâu Công-chúa, xin Công-chúa không nên thấy mình xinh đẹp tuyệt trần mà coi thường Đức-vua Kusa xấu xí đáng ghê sợ.

Thật ra, Công-chúa biết rõ trong tâm rằng:

** Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, không có Đức-vua nào địch nổi.*

** Đức-vua Kusa là Thái-tử của Đức-vua Okkāka, là Đại-vương ngự tại kinh-thành Kusāvatī, trị vì đất nước Malla rộng lớn,...*

** Đức-vua Kusa là Đại-vương cao cả trong cõi Nam-thiện-bộ-châu,...*

** Đức-vua Kusa có giọng nói như sư tử rống, giọng nói hùng dũng, giọng nói trầm hùng, khiến cho những kẻ thù đều khiếp sợ.*

** Đức-vua Kusa cũng có giọng nói ngọt ngào,...*

Bà Khujjā đã cố gắng diễn tả các tài đức của *Đức-vua Kusa* lớn lao không có Đức-vua nào trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có thể sánh được. Còn gương mặt xấu xí chỉ là bên ngoài thân thể không đáng kể, để cho *Công-chúa Pabhāvatī* không nên ỷ lại vào sắc đẹp tuyệt trần của mình mà coi thường *Đức-vua Kusa* xấu xí.

Nếu *Công-chúa Pabhāvatī* nhận thức rõ những điều ấy thì phát sinh tâm yêu thương *Đức-vua Kusa*, nên đến hầu chuyện thân mật với *Đức-vua Kusa.*

Nghe bà Khujjā, người hầu thân cận của mình tán dương ca tụng tài đức của *Đức-vua Kusa* mà chê trách mình, nên Công-chúa Pabhāvatī nổi cơn thịnh nộ quở trách bà Khujjā, nhưng bà Khujjā không sợ lại còn hăm dọa Công-chúa Pabhāvatī rằng:

- Tâu Công-chúa, nếu Công-chúa không đến hầu Đức-vua Kusa, không hầu chuyện thân mật với Đức-vua Kusa thì con sẽ tâu lên Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của Công-chúa về sự hiện diện của Đức-vua Kusa tại trong cung điện này.

Nghe bà Khujjā tâu như vậy, *Công-chúa Pabhāvatī* hoảng sợ năn nỉ khẩn khoản bà Khujjā xin đừng tâu chuyện này lên Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của Bà.

Đức-Bồ-tát Kusa thất vọng

Đức-Bồ-tát Kusa chịu bao nhiêu nỗi khổ thân khổ tâm, vất vả suốt ngày đêm lo việc nấu nướng các món đồ ăn để dâng lên *Đức-vua Madda, Chánh-cung Hoàng-hậu và 8 cô công chúa*, với hy vọng mong gặp được *Công-chúa Pabhāvatī* để chuyện trò thân mật, nhưng chờ đợi suốt 7 tháng qua mà vẫn chưa được như ý, nên *Đức-Bồ-tát Kusa* nghĩ rằng:

"Bà Khujjā đã hứa giúp đỡ ta gặp được Công-chúa Pabhāvatī, nhưng mãi đến nay vẫn không có tin gì cả. Cuộc sống của ta tại nơi này chỉ là vô vọng mà thôi.

Vậy, ta nên ngự trở về kinh-thành Kusāvatī, để thăm viếng Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu của ta là hơn."

Đức-vua Trời Sakka giúp Đức-Bồ-tát Kusa

Khi ấy, trên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên, *Đức-vua-trời Sakka* thấy và biết nỗi khổ tâm thất vọng của *Đức-Bồ-tát Kusa*, nên nghĩ rằng:

"Ta nên giúp Đức-Bồ-tát Kusa gặp được Công-chúa Pabhāvatī để mọi nguyện vọng của Đức-Bồ-tát Kusa được thành tựu như ý."

Đức-vua-trời Sakka truyền lệnh 7 vị thiên-nam hóa thành 7 sứ giả của *Đức-vua Madda* đến chầu 7 Đức-vua tại 7 kinh-thành đều tâu giống nhau rằng:

- *"Muôn tâu Đại-vương, Công-chúa Pabhāvatī xinh đẹp tuyệt trần như thiên nữ, đã bỏ Đức-vua Kusa tại kinh-thành Kusāvatī, ngự trở về kinh-thành Sāgala rồi.*

Nếu Đại-vương có nguyện vọng muốn được Công-chúa thì xin Đại-vương ngự đến kinh-thành Sāgala, xin làm lễ rước Công-chúa Pabhāvatī ngự trở về kinh-thành, rồi tấn phong lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đại-vương."

Nghe mỗi sứ giả tâu như vậy, mỗi Đức-vua vô cùng hoan-hỷ liền truyền lệnh chuẩn bị các đoàn binh sẵn sàng, Đức-vua dẫn đầu các đoàn binh ngự đến kinh-thành Sāgala.

Bảy Đức-vua của 7 kinh-thành của 7 nước gặp nhau vấn an lẫn nhau, rồi hỏi ý định ngự đến kinh-thành Sāgala này, thì được biết 7 Đức-vua đều có một ý định giống nhau. Mỗi Đức-vua đều nổi cơn thịnh nộ Đức-vua Madda rằng:

"Đức-vua Madda có một Công-chúa Pabhāvatī mà đem ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành của 7 nước.

Đức-vua Madda đã làm một việc không hợp pháp.

Vậy, chúng ta nên bắt Đức-vua Madda đem ra hỏi tội."

Bảy Đức-vua dẫn đầu các đoàn binh tiến vào sát kinh-thành Sāgala chờ lệnh. Mỗi Đức-vua truyền lệnh cho sứ giả đem tối hậu thư đến trình lên *Đức-vua Madda* với lời lẽ giống nhau rằng:

"Tâu Đức-vua Madda, xin Đức-vua ban Công-chúa Pabhāvatī cho bổn vương hay chiến tranh."

Đức-vua Madda cùng một lúc tiếp kiến 7 sứ giả của 7 kinh-thành của 7 nước và nhận ***7 tối hậu thư*** với lời lẽ giống nhau. *Đức-vua Madda* vô cùng hoảng sợ truyền lệnh các quan văn võ hội triều gấp, *Đức-vua* trình bày sự việc xảy ra như vậy, nên truyền hỏi các quan rằng:

- Này các khanh! Sự việc xảy ra như vậy, Trẫm nên làm thế nào, xin các quan tâu trình cho Trẫm rõ?

Nghe Đức-vua truyền hỏi như vậy, vị quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ hạ, 7 Đức-vua của 7 kinh-thành của 7 nước ngự đến vây bên ngoài kinh-thành của chúng ta chỉ vì muốn được Công-chúa Pabhāvatī. Nếu không được như ý thì 7 Đức-vua truyền lệnh phá thành tiến vào bắt Bệ-hạ và Công-chúa Pabhāvatī.

Vậy, Bệ-hạ nên ban Công-chúa Pabhāvatī cho các Đức-vua trước, để tránh cửa thành bị phá và Bệ-hạ bị bắt trị tội.

Nghe vị quan tâu như vậy, *Đức-vua Madda* truyền bảo rằng:

- Này các khanh! Nếu Trẫm ban Công-chúa Pabhāvatī đến một Đức-vua của kinh-thành này thì 6 Đức-vua của 6 kinh-thành kia sẽ gây chiến với chúng ta.

Cho nên, Trẫm không thể ban Công-chúa Pabhāvatī đến một Đức-vua nào được. Sự thật, nguyên nhân xảy ra hôm nay là do Công-chúa Pabhāvatī của Trẫm, bởi vì Công-chúa Pabhāvatī có tính ngã mạn ỷ lại vào sắc đẹp tuyệt trần của mình mà chê Đức-vua Kusa xấu xí, rồi đã bỏ Đức-vua Kusa là một Đức-vua có oai lực phi thường, là Đức-vua cao cả nhất trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này. Cho nên, chính Công-chúa Pabhāvatī của Trẫm phải chịu hậu quả của nghiệp mà mình đã tạo.

Trẫm sẽ truyền lệnh cho đao phủ giết Công-chúa Pabhāvatī, chặt thân hình Công-chúa ra làm 7 phần, rồi đem ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành, để tránh khỏi tai họa chiến tranh phá thành, tránh khỏi sự chết chóc thê thảm.

Đức-vua Madda truyền bảo như vậy, trong cung điện đều hay biết, các nữ tỳ của *Công-chúa Pabhāvatī* đến tâu lệnh truyền của *Đức-vua Madda* cho *Công-chúa Pabhāvatī* biết.

Công-chúa Pabhāvatī vô cùng kinh sợ, trên gương mặt đầy nước mắt, vội đến lâu đài chầu Mẫu-hậu, tâu với Mẫu-hậu với lời than vãn rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu, Đức-Phụ-vương truyền lệnh cho đao phủ giết con, chặt thân hình của con ra làm 7 phần, rồi đem ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành.

- Muôn tâu Mẫu-hậu, 7 Đức-vua ấy sẽ ném phần thân thể của con cho các con chim kên kên, diều hâu,... cắn xé nhau ăn thịt, hoặc các loài thú rừng tranh giành nhau ăn thịt.

- Muôn tâu Mẫu-hậu, kính xin Mẫu-hậu truyền lệnh cho lính gôm nhặt các xương ấy lại, rồi thiêu ra tro, rải trên mặt đất, Mẫu-hậu truyền lệnh làm vườn hoa, trồng cây hoa kaṇikā. Khi nào đến mùa kaṇikā nở rộ, khi ấy, Mẫu-hậu nhớ đến con rằng: "Công-chúa Pabhāvatī của ta có màu da giống như hoa kaṇikā như thế này."

Công-chúa Pabhāvatī bị sự chết hăm dọa, nên than vãn, trối trăng với Mẫu-hậu của mình như vậy.

Còn *Đức-vua Madda* truyền lệnh gọi tên đao phủ mang thanh đao bén đến, đặt thanh đao phía trước Đức-vua, đứng chờ lệnh.

Khi ấy, *Mẫu-hậu của Công-chúa Pabhāvatī* có vẻ mặt sầu thảm, khóc than, ngự đến chầu *Đức-vua Madda*, nhìn thấy thanh đao và tên đao phủ đứng chầu chờ lệnh, Chánh-cung Hoàng-hậu khóc than thảm thiết tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-Thượng, Hoàng-Thượng sẽ truyền lệnh giết Công-chúa Pabhāvatī của thần thiếp bằng thanh đao này, chặt thi thể ra làm 7 phần rồi ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành thật vậy hay sao?

Nghe *Chánh-cung Hoàng-hậu* tâu như vậy, *Đức-vua Madda* truyền bảo cho Chánh-cung Hoàng-hậu hiểu rằng:

- Này Ái-khanh! Công-chúa Pabhāvatī của Ái-khanh xinh đẹp tuyệt trần có tính tự cao mà chê Đức-vua Kusa xấu xí, rồi bỏ Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu.

Như vậy, Công-chúa Pabhāvatī của Ái-khanh đã chuốc lấy cái chết cho mình, nên ngày nay phải chịu quả khổ của ác-nghiệp của mình. Trẫm đành phải truyền lệnh như vậy, để tránh khỏi tai họa chiến tranh xảy ra, tránh khỏi cảnh chết chóc thê thảm.

Nghe *Đức-vua Madda* truyền bảo như vậy, nên *Chánh-cung Hoàng-hậu* đảnh lễ *Đức-vua*, xin phép ngự đến lâu đài *Công-chúa Pabhāvatī*, than vãn rằng:

- Này Pabhāvatī yêu quý! Mẫu-hậu đành bất lực không thể cứu sống con được, Đức-Phụ-vương của con không chịu làm theo lời khẩn khoản của Mẫu-hậu.

Hôm nay, thân hình của con sẽ bị chặt ra làm 7 phần, con sẽ gặp tử thần một cách rất thê thảm.

- Này Pabhāvatī yêu quý! Nếu người con nào không vâng lời cha mẹ là người mà luôn luôn mong muốn những sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài cho con mình, thì người con ấy phải chịu quả khổ như vậy.

Nếu ngày trước con có được một Đức-vua Kusa khôi ngô tuấn tú thì con sẽ được hạnh phúc an-lạc trong hoàng gia biết dường nào!

Ngày nay con đâu phải chịu cảnh khốn khổ, chịu chết thê thảm như thế này.

Mẫu-hậu của Công-chúa Pabhāvatī than vãn như vậy, rồi *Bà* thốt lên rằng:

- Nếu hôm nay, giả sử có Đức-vua Kusa oai lực phi thường, có giọng nói như sư tử rống, có thể cầm quân xuất trận đánh đuổi 7 Đức-vua của 7 kinh-thành hoảng

sợ bỏ chạy thoát thân, cứu sống Công-chúa Pabhāvatī của ta thì hay biết chừng nào!

Không biết hiện giờ, Đức-vua Kusa đang ngự nơi nào?

Nghe *Mẫu-hậu* tán dương ca tụng *Đức-vua Kusa* như vậy, *Công-chúa Pabhāvatī* nghĩ rằng:

"Đức-vua Kusa đang ngự trong cung điện, hằng ngày lo công việc nấu nướng, làm các món ăn dâng Đức-Phụ-vương, Mẫu-hậu và 8 cô công-chúa.

Vậy, bây giờ ta nên tâu cho Mẫu-hậu của ta biết:

- Muôn tâu Mẫu-hậu kính yêu! Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, có giọng nói như sư tử rống, có thể cầm quân xuất trận đánh đuổi 7 Đức-vua của 7 kinh-thành hoảng sợ bỏ chạy thoát thân. Đức-vua Kusa đang hiện diện tại nơi cung điện này. Tâu Mẫu-hậu.

Nghe *Công-chúa Pabhāvatī* tâu như vậy, *Mẫu-hậu của Công-chúa* nghĩ rằng: *"Công-chúa Pabhāvatī của ta quá sợ chết, nên nói xàm như vậy".*

Mẫu hậu của Công chúa truyền bảo rằng:

- Này Pabhāvatī! Con điên rồi hay sao mà nói xàm như vậy, hay con là đứa vô giáo dục, mới có thể nói như vậy. Nếu Đức-vua Kusa ngự đến kinh-thành Sāgala thì tại sao Đức-Phụ-vương và Mẫu-hậu không hề hay biết?

Con quá sợ chết rồi nói xàm có phải vậy không?

Khi *Mẫu-hậu* truyền bảo như vậy, *Công-chúa Pabhāvatī* nghĩ rằng:

"Mẫu hậu không tin lời của ta, và không biết Đức-vua Kusa đã ngự đến đây suốt 7 tháng qua. Vậy, ta sẽ chỉ Đức-vua Kusa cho Mẫu-hậu của ta thấy".

Công-chúa Pabhāvatī liền nắm tay của Mẫu-hậu đến mở cánh cửa sổ, đưa tay chỉ về phía nhà bếp, để cho Mẫu-hậu nhìn xuống, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu kính yêu! Đức-vua Kusa giả dạng làm người đầu bếp đang đứng rửa các nồi niêu, bát đĩa tại nhà bếp gần lâu đài của các con.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Kusa* nghĩ rằng:

"Hôm nay, nguyện vọng của ta chắc chắn sẽ được thành tựu như ý, bởi vì Công-chúa Pabhāvatī quá sợ chết, nên tâu với Mẫu-hậu và Đức-Phụ-vương biết rằng: Ta đang hiện diện ngự trong cung điện này."

Đức-Bồ-tát Kusa ngự đi lấy nước về tiếp tục rửa các bát đĩa còn lại, rồi dọn dẹp gọn gàng sạch sẽ.

Nghe *Công-chúa Pabhāvatī* tâu như vậy, *Mẫu-hậu* quở mắng *Công-chúa Pabhāvatī* rằng:

- Này Pabhāvatī! Con là đứa con hư đốn! Con đã làm hại hoàng gia rồi!

Con là Công-chúa của Đức-vua Madda, là Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Kusa, tại sao con để Đức-vua Kusa, Phu-quân của con làm người tôi tớ như vậy?

Công-chúa Pabhāvatī bị *Mẫu-hậu* quở mắng, nên tâu cho *Mẫu-hậu* rõ rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu kính yêu, con đâu phải là gái hư đốn, con không làm hại hoàng gia.

Người đứng kia là Đức-vua Kusa, Thái-tử của Đức-Thái-Thượng-hoàng Okkāka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sīlavatī ngự tại kinh-thành Kusāvatī, trị vì đất nước Malla rộng lớn.

- Muôn tâu Mẫu-hậu kính yêu, Mẫu-hậu không nên nghĩ Đức-vua là người tôi tớ.

Nghe *Công-chúa Pabhāvatī* tâu khẳng định như vậy, Mẫu-hậu tin đó là sự thật, nên Bà ngự đến chầu *Đức-vua Madda* tâu trình rõ sự thật như vậy.

Đức-vua Madda liền ngự đến lâu đài của *Công-chúa Pabhāvatī* truyền hỏi rằng:

- Này Pabhāvatī! Nghe Mẫu-hậu của con tâu với Đức-Phụ-vương rằng:

"Đức-vua Kusa đang hiện diện ngự tại cung điện có thật như vậy hay không?"

Công-chúa Pabhāvatī tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Phụ-vương kính yêu, Đức-vua Kusa đang hiện diện ngự tại cung điện này, đúng là sự thật như vậy.

Đức-vua Madda liền quở mắng *Công-chúa Pabhāvatī:*

- Này Pabhāvatī! Con là đứa con hư đốn! Con đã phạm trọng tội nặng nề!

Đức-vua Kusa có oai lực phi thường, là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu, như con bạch tượng chúa quý báu.

Vậy mà con dám xem thường Đức-vua Kusa ngự đến đây như một con ếch được hay sao?

Sau khi quở mắng *Công-chúa Pabhāvatī*, rồi *Đức-vua Madda* vội ngự đến chầu *Đức-Bồ-tát Kusa,* vấn an sức khỏe, rồi chắp hai tay tâu lời xin lỗi rằng:

- Muôn tâu Đại-vương cao cả, xin Đại-vương có tâm đại bi tha thứ những tội lỗi của bổn vương, bởi vì không biết Đại-vương đã ngự đến nơi đây với hình thức mà không một ai biết được.

Nghe *Đức-vua Madda* tâu như vậy, *Đức-Bồ-tát Kusa* tâu để cho *Đức-vua Madda* an tâm rằng:

- Tâu Đại-vương, bổn vương là người đầu bếp phụ mà Đại-vương kính trọng.

- Tâu Đại-vương cao quý, Đại-vương không có lỗi nào khiến cho bổn vương phải tha thứ.

Sau khi tâu chuyện với *Đức-Bồ-tát Kusa, Đức-vua Madda* xin phép ngự trở lại lâu đài *Công-chúa Pabhāvatī,* truyền bảo rằng:

- Này Pabhāvatī hư đốn! Con hãy mau đi chầu đảnh lễ Đức-vua Kusa, rồi cúi xin Người có tâm đại bi tha thứ tội lỗi, may ra sinh mạng của con sẽ được cứu sống trong ngày hôm nay.

Công chúa Pabhāvatī chầu Đức-vua Bồ-tát Kusa

Tuân lệnh *Đức-Phụ-vương, Công-chúa Pabhāvatī và 7 hoàng muội* ngự đi cùng với đoàn thị nữ đông đảo đến chầu *Đức-Bồ-tát Kusa* tại nơi nhà bếp.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Kusa* đang đứng rửa nồi niêu, bát đĩa. Nhìn thấy *Công-chúa Pabhāvatī* dẫn đầu đoàn tùy tùng thuộc hạ đang ngự đến, *Đức-Bồ-tát Kusa* nghĩ rằng:

"Hôm nay, ta sẽ làm cho Công-chúa Pabhāvatī không còn ngã mạn nữa, mà phải cúi lạy dưới hai bàn chân của ta trên vũng bùn lầy này."

Đức-Bồ-tát Kusa đổ hết nước xuống nền đất, rồi lấy hai bàn chân đạp, để bùn lầy nổi lên xung quanh chỗ đứng. *Công-chúa Pabhāvatī* ngự đến gần *Đức-Bồ-tát Kusa,* cúi xuống đảnh lễ dưới đôi bàn chân, rồi nắm chặt đôi bàn chân của *Đức-Bồ-tát Kusa* mà tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-Thượng cao cả, thần thiếp là Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī, thần thiếp thành kính đảnh lễ dưới đôi bàn chân của Hoàng-Thượng, kính xin Hoàng-Thượng có tâm đại bi thương xót mà tha thứ mọi tội lỗi của thần thiếp, xin đừng nổi cơn thịnh nộ đối với thần thiếp nữa.

Thần thiếp hứa với lời chân thật rằng:

"Từ nay về sau, thần thiếp không còn ghét Hoàng-Thượng nữa, chỉ có một lòng yêu thương tha thiết Hoàng-Thượng mà thôi."

Nếu Hoàng-Thượng không có tâm đại bi thương xót tế độ thần thiếp đang khẩn khoản cầu xin, thì Đức-Phụ-vương chắc chắn truyền lệnh tên đao phủ giết thần thiếp, rồi chặt ra làm 7 phần, đem ban đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành, ngay trong ngày hôm nay.

Nghe lời tha thiết khẩn khoản của *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī, Đức-Bồ-tát Kusa* truyền bảo cho Chánh-cung Hoàng-hậu an tâm rằng:

- Này Ái-khanh Pabhāvatī! Khi Ái-khanh tha thiết khẩn khoản như vậy, không lẽ Trẫm không làm theo lời khẩn khoản cầu xin của Ái-khanh được hay sao?

- Này Ái-khanh Pabhāvatī! Trẫm không còn giận hờn Ái-khanh nữa đâu. Ái-khanh không nên sợ hãi gì cả.

- Này Ái-khanh Pabhāvatī! Thật ra, Trẫm có thừa khả năng đánh chiếm kinh-thành Sāgala, tàn sát hoàng gia Đức-vua Madda, bắt Ái-khanh đem trở về kinh-thành Kusāvatī, nhưng vì quá yêu thương tha thiết Ái-khanh, nên Trẫm nhẫn nại chịu đựng bao nhiêu nỗi khổ thân khổ tâm cho đến ngày nay.

- Này Ái-khanh Pabhāvatī! Trẫm cũng hứa với Ái-khanh với lời chân thật rằng:

"Trẫm không còn giận hờn Ái-khanh nữa! Trẫm rất yêu thương tha thiết Ái-khanh."

Đức-vua Bồ-tát Kusa nhìn thấy *Công-chúa Pabhāvatī* của mình xinh đẹp tuyệt trần như thiên-nữ hầu hạ *Đức-vua trời Sakka*, nên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* phát sinh tâm ngã-mạn vua chúa nghĩ rằng:

"Khi ta đang còn hiện diện trên đời này thì không một Đức-vua nào có khả năng chiếm đoạt Chánh-cung Hoàng-hậu của ta được!"

Đức-vua Bồ-tát Kusa muốn chứng tỏ oai lực phi thường để cho mọi người biết, nên ngự đến sân trước cung điện, tuyên bố cho toàn thể hoàng gia cùng dân chúng trong kinh-thành Sāgala bằng giọng như sư tử rống rằng:

"Ta là Đức-vua Kusa, đã ngự đến rồi! Ta sẽ bắt sống 7 Đức-vua của 7 kinh-thành. Các ngươi hãy chuẩn bị voi báu và các đoàn binh cho ta."

Đức-vua Bồ-tát Kusa tâu với *Đức-vua Madda* rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, việc bắt sống 7 Đức-vua của 7 kinh-thành là phận sự của bổn vương.

Kính thỉnh Đại-vương an hưởng sự an-lạc trên lâu đài.

Đức-vua Madda truyền lệnh các quan gọi thợ đến cắt tóc sửa râu cho *Đức-vua Bồ-tát Kusa* xong, rồi *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tắm, trang phục vương phục đầy đủ, ngự bước lên lâu đài cao, nhìn khắp mọi hướng, rồi truyền lệnh rằng:

- Này quý vị! Xin quý vị hãy xem Trẫm cầm quân xuất trận chiến đấu với các kẻ thù.

Những hoàng thân của *Đức-vua Madda* ở trên lâu đài trong cung điện mở cửa sổ nhìn theo dõi *Đức-vua Bồ-tát Kusa* cầm quân xuất trận.

Khi ấy, *Đức-vua Madda* truyền lệnh quan nài voi dẫn con bạch tượng quý báu với trang sức đầy đủ, đem đến dâng *Đức-vua Bồ-tát Kusa*.

Đức-vua Bồ-tát Kusa ngự lên ngồi trên cổ voi báu, phía trên có che chiếc lọng trắng, rồi truyền lệnh rằng:

- *Này các khanh! Các khanh hãy mời Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī đến.*

Đức-vua Bồ-tát Kusa truyền bảo *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngự lên voi báu ngồi phía sau Đức-vua.

Chiến thắng 7 Đức-vua của 7 kinh-thành

Đức-vua Bồ-tát Kusa dẫn đầu 4 đoàn binh xuất trận ngự ra cửa thành hướng Đông, nhìn thấy các đoàn binh của kẻ thù, nên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tuyên bố bằng giọng sư tử rống 3 lần rằng:

*"**Ta là Đức-vua Kusa! Ai muốn sống thì hãy đến khuất phục dưới chân ta.**"*

Nghe giọng sư tử rống của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* làm cho 7 Đức-vua của 7 kinh-thành đều mất trí điên loạn, kinh hồn bạt vía, không biết đường chạy thoát thân.

Nghe giọng sư tử rống của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* các đoàn binh như đoàn tượng binh, đoàn mã binh, đoàn quân xa, đoàn bộ binh vô cùng khiếp vía kinh hồn chạy tán loạn.

Đức-vua trời Sakka trên cõi trời Tam-thập Tam-thiên nhìn thấy *Đức-vua Bồ-tát Kusa* chiến thắng 7 Đức-vua của 7 kinh-thành nơi trận địa, nên *Đức-vua-trời Sakka* vô cùng hoan-hỷ dâng *viên ngọc mạni tên Verocana xán lạn* đến *Đức-vua Bồ-tát Kusa*.

Đức-vua Bồ-tát Kusa có tướng tốt của bậc-đại-nhân

Do oai lực viên *ngọc mạni tên Verocana xán lạn* của *Đức-vua-trời Sakka*, nên thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* bị biến mất. Ngay khi ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* có các tướng tốt của bậc-đại-nhân thật đáng tôn kính.

Sau khi chiến thắng, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* truyền lệnh bắt 7 Đức-vua của 7 kinh-thành, trói 2 tay ra sau lưng dẫn đi theo *Đức-vua* cùng với *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* ngồi trên voi báu ngự trở vào kinh-thành.

Đức-vua Bồ-tát Kusa dẫn 7 Đức-vua của 7 kinh-thành đến kính dâng lên *Đức-vua Madda* và tâu rằng:

- Tâu nhạc Phụ-vương, 7 Đức-vua của 7 kinh-thành này là kẻ thù của nhạc Phụ-vương, không phải kẻ thù của bổn vương.

Nay, 7 Đức-vua đã bị bắt nằm trong quyền sinh sát của nhạc Phụ-vương, kính thỉnh nhạc Phụ-vương phán xét họ tùy ý.

Nhạc Phụ-vương muốn 7 Đức-vua này trở thành kẻ tôi tớ hoặc giết chết tất cả, hoặc tha bổng để 7 Đức-vua ngự trở về kinh-thành của mỗi Đức-vua, tùy theo ý của nhạc Phụ-vương.

Nghe *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tâu như vậy, Đức-vua Madda tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương là Đức-vua cao cả hơn bổn vương. Vậy, chính Đại-vương muốn giết 7 Đức-vua này thì giết, hoặc muốn tha bổng thì tha, để 7 Đức-vua ngự trở về kinh-thành của mỗi Đức-vua.

Nghe *Đức-vua Madda* tâu như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* nghĩ rằng:

"Ích lợi gì ta giết 7 Đức-vua của 7 kinh-thành này. Đức-vua Madda có 7 cô công-chúa rất xinh đẹp như thiên-nữ là hoàng muội của Công-chúa Pabhāvatī.

Vậy, để 7 Đức-vua của 7 kinh-thành này đã ngự đến đây không mất sự lợi ích, ta nên tâu với Đức-vua Madda ban 7 cô công-chúa đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành.

Đó là điều hạnh phúc biết dường nào!"

Nghĩ vậy, nên *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tâu với Đức-vua Madda rằng:

- Tâu nhạc Phụ-vương, nhạc Phụ-vương có 7 cô công-chúa rất xinh đẹp như thiên-nữ, kính xin nhạc Phụ-vương ban 7 cô công-chúa ấy đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành, để 7 cô công-chúa ấy trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của 7 Đức-vua ấy, và 7 Đức-vua ấy trở thành phò mã của nhạc Phụ-vương.

Đó là điều hạnh phúc biết dường nào!

Nghe *Đức-vua Bồ-tát Kusa* tâu như vậy, *Đức-vua Madda* vô cùng hoan-hỷ ban *7 cô công-chúa* của mình đến *7 Đức-vua của 7 kinh-thành*, nên tâu rằng:

- Tâu Đại-vương, Đại-vương là Đức-vua cao cả nhất trong toàn cõi Nam-thiện-bộ-châu này, gồm cả 7 Đức-vua của 7 kinh-thành và bổn vương cùng các cô công-chúa của bổn vương nữa.

Vậy, chỉ có Đại-vương mới có quyền ban 7 cô công-chúa đến 7 Đức-vua của 7 kinh-thành mà thôi.

Kính xin Đại-vương nhận xét thấy công-chúa nào xứng đáng với Đức-vua nào thì Đại-vương ban công chúa ấy đến Đức-vua ấy, tùy theo ý của Đại-vương.

Khi ấy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* truyền bảo các quan cho người trang sức đầy đủ *7 cô công-chúa* của *Đức-vua Madda* thật xinh đẹp lộng lẫy, rồi *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ban *mỗi cô công-chúa* xứng đáng đến mỗi *Đức-vua*.

Cho nên, *7 cô công-chúa và 7 Đức-vua* rất hài lòng vô cùng hoan-hỷ hợp với ý của mình.

Khi ấy, *7 Đức-vua và 7 cô công-chúa đảnh lễ Đức-vua Bồ-tát Kusa, nhạc-Phụ-vương và nhạc Mẫu-hậu,* rồi xin phép hồi cung, mỗi Đức-vua và công-chúa dẫn đầu các đoàn binh ngự trở về kinh-thành của mình.

Hồi cung ngự trở về kinh-thành Kusāvatī

Nghỉ lại 2-3 ngày sau, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* đảnh lễ *Đức Phụ-vương và Mẫu-hậu*, xin phép hồi cung ngự trở về kinh-thành Kusāvatī.

Đức-vua Bồ-tát Kusa và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* cùng ngồi chung trên chiếc long xa sang trọng rất xứng đôi, bởi vì *Đức-vua Bồ-tát Kusa* có các tướng tốt của bậc đại-nhân cùng với *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* có sắc đẹp tuyệt trần như thiên-nữ.

Nghe tin báo *Đức-vua Bồ-tát Kusa và Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* hồi cung ngự trở về kinh-thành Kusāvatī, Mẫu-hậu và Đức-Phụ-hoàng truyền lệnh các quan thông báo dân chúng trang hoàng kinh-thành lộng lẫy, để đón rước *Đức-vua Bồ-tát Kusa* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī.*

Mẫu-hậu Sīlavatī và Hoàng-đệ Jayampati của *Đức-vua Bồ-tát Kusa* ngự cùng các quan, các đoàn binh ra ngoài kinh-thành chờ đón ruớc *Đức-vua Bồ-tát Kusa* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī,* thỉnh ngự vào kinh-thành Kusāvatī.

Sau khi ngự vào cung điện được trang hoàng lộng lẫy, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* truyền lệnh cho dân chúng tổ chức ca hát nhảy múa vui chơi suốt 7 ngày đêm.

Từ đó về sau, *Đức-vua Bồ-tát Kusa* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* sống hòa hợp, yêu thương lẫn nhau, ngự tại kinh-thành Kusāvatī, trị vì đất nước Malla được thanh bình thịnh vượng, dân chúng được sống an cư lạc nghiệp.

Đức-vua Bồ-tát Kusa và *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī* thực-hành bồi bổ các pháp hạnh Ba-la-mật cho đến suốt đời.

Sau khi thuyết tích Kusajātaka xong, Đức-Thế-Tôn thuyết giảng chân-lý tứ Thánh-đế, chư tỳ-khưu chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, tùy theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ là tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị.

Tích Kusajātaka liên quan đến kiếp hiện tại

Trong *tích* ***Kusajātaka*** này *Đức-Bồ-tát* là tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* sinh làm *Thái-tử Kusa* trong thời quá khứ. Đến khi *Đức-Phật Gotama* đã xuất hiện trên thế gian, thì hậu-kiếp của những nhân vật trong *tích Kusajātaka* ấy liên quan đến kiếp hiện-tại của những nhân vật ấy như sau:

- *Đức-Phụ-vương Okkāka và Mẫu-hậu Sīlavatī,* nay kiếp hiện tại là *Đức-Phụ-vương Suddhodana và Mẫu-hậu Mahāmayādevī.*

- *Hoàng-đệ Jayampati,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Trưởng-lão Ānanda*.

- *Bà Khujjā,* nay kiếp hiện-tại là *bà Khujjuttarā upāsikā.*

- *Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī,* nay kiếp hiện-tại là *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Yasodharā.*

- *Nhóm tùy tùng thuộc hạ,* nay kiếp hiện-tại là *tứ chúng: tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

- *Đức-vua Bồ-tát Kusa*, nay kiếp hiện-tại là ***Đức-Phật Gotama***.

Nhận xét về tích Pañcapāpī và tích Kusajātaka

* *Tích Pañcapāpī*: Tiền-kiếp của cô là con gái của gia đình nghèo khổ, ngồi nhồi đất cho nhuyễn để bán cho người ta trát vách nhà. Khi ấy, *Đức-Phật Độc-Giác* cần

đất nhuyễn để trát vách chỗ ở, nên *Đức-Phật Độc-Giác* mặc y, mang bát ngự vào cửa thành phía Đông kinh-thành Bārāṇasī, đứng trước nhà cô gái đang nhồi đất.

Nhìn thấy Đức-Phật Độc-Giác đứng trước nhà, cô gái phát sinh *sân-tâm bực bội buông lời nói* rằng:

"Mattikampi bhikkhati!"

Đất mà Sa-môn này cũng đi xin!

Mặc dù cô nói có vẻ bực bội như vậy, nhìn thấy *Đức-Phật Độc-Giác* vẫn đứng tự nhiên, khiến cô phát sinh *đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật Độc-Giác*, rồi cung-kính bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Sa-môn, Ngài muốn được đất nhuyễn phải không? Kính thỉnh Ngài đợi con một lát.*

Bạch xong, cô nhồi đất nhuyễn rất đặc biệt, rồi đem tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy đến *Đức-Phật Độc-Giác* với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trong phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn rất đặc biệt ấy.

Về sau, sau khi cô gái nghèo ấy chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng-dường đất nhuyễn ấy* cho quả tái-sinh đầu thai vào lòng người đàn bà nghèo, nhà ở gần cửa thành Bārāṇasī.

Khi sinh ra đời, đứa bé gái có 5 bộ phận trong thân thể xấu xí là *tay, chân, miệng, mắt, lỗ mũi.* Vì vậy, người ta gọi cô là *Pañcapāpī (cô gái có 5 bộ phận xấu xí).*

Đó là quả xấu của *ác-nghiệp sân-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đất nhuyễn đặc biệt* đến *Đức-Phật Độc-Giác* trong tiền-kiếp của cô.

Khi cô trưởng thành, hễ ai đụng đến thân thể của cô, đều có *cảm giác như tiếp xúc với đối-tượng xúc đặc biệt của cõi trời, cảm giác sung sướng say đắm chưa từng có.*

Đó là quả tốt của *đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ đang khi bố-thí cúng dường đất thật nhuyễn đặc biệt trong tiền-kiếp của cô đến Đức-Phật Độc-Giác.*

Khi trưởng thành*, cô Pañcapāpī trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của 2 Đức-vua là Đức-vua Baka và Đức-vua Bāvarika.*

Đó là *quả tốt của đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ sau khi đã bố-thí cúng dường đất thật nhuyễn đặc biệt trong tiền-kiếp của cô đến Đức-Phật Độc-Giác.*

* Về **tích *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa*** là hậu-kiếp của người em trai chồng của tiền-kiếp Công chúa Pabhāvatī.

Tiền-kiếp của *Công chúa Pabhāvatī* là người chị dâu của *Đức-Bồ-tát.* Một hôm, người chị dâu (tiền-kiếp của Công-chúa Pabhāvatī) đem phần bánh chiên của *Đức-Bồ-tát em chồng*, tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đặt bát đến *Đức-Phật Độc-Giác*. Ngay khi ấy, *Đức-Bồ-tát em chồng* từ rừng trở về, biết người chị dâu đem phần bánh chiên của mình cúng dường đặt bát đến *Đức-Phật Độc-Giác*, nên *Đức-Bồ-tát em chồng* phát sinh *tâm sân giận dữ*, đến lấy lại phần bánh chiên của mình từ trong bát của *Đức-Phật Độc-Giác.*

Người chị dâu nhìn thấy người em chồng làm như vậy, nên thỉnh *Đức-Phật Độc-Giác* chờ cô về nhà cha mẹ lấy bơ lỏng mới và trong trẻo có màu giống màu hoa lan, đem về cung-kính tạo phước-thiện bố-thí cúng dường để đầy bát của *Đức-Phật Độc-Giác, với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.*

Nhìn thấy bơ lỏng tỏa ra ánh sáng, nàng phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch phát nguyện rằng:

- Kính bạch Ngài, do phước-thiện bố-thí cúng dường bơ lỏng mới trong trẻo này, xin cho đại-thiện-nghiệp bố-

thí cúng dường thanh cao này cho quả tái-sinh kiếp sau của con có sắc đẹp tuyệt trần như thiên nữ, thân hình của con có ánh sáng tỏa ra suốt ngày đêm.

Và xin cho kiếp sau của con không sống chung cùng một nhà với hậu-kiếp của em trai của chồng con.

Khi nghe lời phát nguyện của người chị dâu như vậy, *Đức-Bồ-tát em chồng* vội đem phần bánh chiên của mình đến kính xin tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đặt trong bát đầy bơ lỏng của *Đức-Phật Độc-Giác*, rồi xin phát nguyện rằng:

- Kính bạch Ngài, kiếp sau của người chị dâu này của con, dù có ở bất cứ nơi xa xôi nào hằng trăm do tuần, xin cho kiếp sau của con cũng có khả năng đem về làm vợ của con cho được.

Đó là tiền-kiếp của *Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa* và tiền-kiếp *Công-chúa Pabhāvatī* với nghiệp của mỗi người và lời phát nguyện của mỗi người như vậy.

** Đức-Bồ-tát Thái-tử Kusa có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ.*

Đó là quả xấu của ***ác-nghiệp sân giận dữ*** *lấy lại phần bánh chiên của mình từ trong bát của Đức-Phật Độc-Giác.*

** Đức-vua Bồ-tát Kusa thành hôn với Công-chúa Pabhāvatī, rồi tấn phong lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của mình.*

Đó là quả tốt của đại-thiện-nghiệp bố-thí cung-kính cúng dường phần bánh chiên của mình đặt trong bát đầy bơ lỏng của Đức-Phật Độc-Giác, và lời phát nguyện trong tiền-kiếp của Đức-vua Bồ-tát Kusa.

** Công-chúa Pabhāvatī nhìn thấy Đức-vua Kusa có thân hình và gương mặt xấu xí đáng ghê sợ, rồi bỏ Đức-vua Kusa ngự trở về kinh-thành Sāgala của mình.*

Đó là quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng dường bơ lỏng mới trong trẻo, và lời phát nguyện trong tiền-kiếp của Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī.

** Đức-Bồ-tát Kusa rước Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī ngự trở lại kinh-thành Kusāvatī.*

Đó là quả đại-thiện-nghiệp và lời phát nguyện của Đức-Bồ-tát tiền-kiếp Đức-vua Bồ-tát Kusa có nhiều năng lực hơn lời phát nguyện của Chánh-cung Hoàng-hậu Pabhāvatī, khiến Đức-vua-trời Sakka trên cõi trời Tam-thập-Tam-thiên trợ duyên giúp cho Đức-vua Bồ-tát Kusa được thành tựu như ý.

Nghiệp và quả của nghiệp thật là công bằng không hề thiên vị một ai cả. Nếu ác-nghiệp nào gặp *nghịch-duyên*[(1)] thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Nếu đại-thiện-nghiệp nào gặp *thuận-duyên*[(2)] thì đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

Đức-Phật dạy về nghiệp và quả của nghiệp rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni, kamma-bandhu, kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmi."[(1)]

---

[1] Nghịch-duyên (vippatti) có 4 trường hợp: gativippatti, kālavippatti, upadhi-vippatti, payogavippatti.

[2] Thuận-duyên (sampatti) có 4 trường hợp: gatisampatti, kālasampatti, upadhisampatti, payogasampatti (Xem phần giảng giải trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IV: *Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*, phần đại-thiện-nghiệp và ác-nghiệp cho quả của nghiệp, cùng soạn giả).

(Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp' ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.)

Trong *10 phước-thiện puññakriyāvatthu*, người thiện tạo mỗi phước-thiện cần phải trải qua 3 thời-kỳ tác-ý.

*1- **Pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy (có thời gian không nhất định).*

*2- **Muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện bố-thí ấy.*

*3- **Aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy (theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm).*

Mỗi thời-kỳ *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* tạo phước-thiện bố-thí ấy có vai trò quan trọng thành tựu mỗi ***đại-thiện-nghiệp*** như sau:

2- Năng Lực Của Muñcacetanā

Năng lực của ***muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện bố-thí*, để phước-thiện ấy trở thành *tam-nhân đại-thiện-nghiệp hoặc nhị-nhân đại-thiện-nghiệp* như sau:

- Nếu người thiện nào, *khi đang tạo phước-thiện bố-thí nào*, có ***muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ kammassakatāñāṇa: trí-tuệ hiểu biết nghiệp là của riêng mình,* thì người thiện ấy tạo

[1] Aṅg. Pañcakanipāta, kinh Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭhānasutta.

phước-thiện bố-thí ấy với ***đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*** có đủ *tam-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ),* nên *phước-thiện bố-thí ấy* trở thành ***tihetukakusalakamma****: tam-nhân đại-thiện-nghiệp.*

- Nếu người thiện nào, *khi đang tạo phước-thiện bố-thí nào,* có ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ kammassakatāñāṇa: trí-tuệ hiểu biết nghiệp là của riêng mình,* thì người thiện ấy tạo *phước-thiện bố-thí ấy với* ***đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*** chỉ có *nhị-nhân là vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ),* nên *phước-thiện bố-thí ấy* trở thành ***dvihetukakusalakamma****: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.*

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp và ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp*** phân-loại theo năng lực trong 2 thời-kỳ tác-ý: *thời-kỳ* ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy và thời-kỳ* ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm,* phân loại mỗi loại *đại-thiện-nghiệp* có 2 bậc:

- ***Ukkaṭṭhakusala****: đại-thiện-nghiệp bậc cao.*
- ***Omakakusala****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

*1- **Ukkaṭṭhakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao như thế nào?*

Người thiện nào tạo *phước-thiện bố-thí nào* trong thời-kỳ ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy,* không có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, và nhất là trong thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy theo thời gian sau nhiều ngày,*

nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ phước-thiện bố-thí ấy, không có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, thì *phước-thiện bố-thí mà* người thiện ấy đã tạo được trở thành ***ukkaṭṭhakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc cao,* nên phân loại có *2 loại đại-thiện-nghiệp bậc cao* là:

- *Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*
- *Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

2- ***Omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp như thế nào?*

Người thiện nào tạo *phước-thiện bố-thí nào* trong thời-kỳ ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy, bởi vì* có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm và nhất là trong thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm,* bởi vì có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì *phước-thiện bố-thí mà* người thiện ấy đã tạo được trở thành ***omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp,* nên phân loại có *2 loại đại-thiện-nghiệp bậc thấp* là:

- *Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*
- *Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp .*

3- Năng lực của aparacetanā

Trong 2 thời-kỳ tác-ý: *thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện bố-thí nào và thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí nào theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm,* để quyết định *phước-thiện bố-thí ấy* trở thành *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc *bậc thấp*, *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc *bậc thấp*, thì *thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi* có vai trò quan trọng hơn là *thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì chưa thành-tựu phước-thiện ấy.*

Thật vậy, dù cho *thời-kỳ **pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí nào, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm,* nhưng nếu *thời-kỳ **aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trong phước-thiện bố-thí ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện bố-thí ấy* vẫn trở thành ***ukkaṭṭhakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

Dù cho *thời-kỳ **pubbacetanā** tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh*

xen lẫn, nhưng nếu *thời-kỳ* ***aparacetanā*** *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện bố-thí ấy* trở thành ***omakakusala-kamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Cho nên, *thời-kỳ* ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm* có tầm quan trọng quyết-định phước-thiện ấy trở thành ***ukkaṭṭhakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc ***omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Phân loại đại-thiện-nghiệp theo Ukkaṭṭhakusalakamma và Omakakusalakamma

Phân loại *tihetukakusalakamma và dvihetukakusala-kamma* theo ***ukkaṭṭhakusalakamma*** và ***omakakusala-kamma*** có 4 bậc như sau:

*** Tihetukakusalakamma** có 2 bậc:

1- Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

*** Dvihetukakusalakamma** có 2 bậc:

1- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

*Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp***,** mỗi đại-thiện-nghiệp có tầm quan trọng cho quả trong ***thời-kỳ tái-sinh kiếp sau*** *(paṭisandhikāla)* làm người hoặc làm vị thiên-nam, vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới và cho quả trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla) kiếp hiện-tại* của người hoặc của chư vị thiên-nam, vị thiên nữ.

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp
Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp gồm có 4 bậc như sau:

1- Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

3- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

4- Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Thời-Kỳ Paṭisandhikāla Và Thời-Kỳ Pavattikāla

Đại-thiện-nghiệp có 4 loại là *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao và tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*, mỗi bậc *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả *trong 2 thời-kỳ:*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.

Đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* đầu thai làm người có ***3 hạng người*** trong đời này, hoặc hoá-sinh làm *vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ* trên 6 cõi trời dục-giới cũng có *3 hạng chư-thiên.*

Mỗi hạng người, mỗi hạng thiên-nam, hạng thiên-nữ có khả năng khác nhau do quả của mỗi đại-thiện-nghiệp như sau:

1- **Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao:

Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong 2 thời-kỳ:

- *Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).*
- *Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có giới trong sạch trọn vẹn, đã tạo *phước-thiện bố-thí nào,* sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: sắc-thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính (hoặc sắc nữ-tính), hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người tam-nhân***[1] *(tihetukapuggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người tam-nhân ấy vốn có trí-tuệ.*

[1] Người tam-nhân là người có tái-sinh-tâm đủ 3 thiện-nhân.

- Nếu *người tam-nhân ấy* là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông (lokiya abhiññā).*[(1)]

- Nếu *người tam-nhân ấy* là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

Hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** trên cõi trời dục-giới.

Nếu ***vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân*** có cơ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì ***vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân*** có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại

*Trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavattikāla), kiếp hiện-tại, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại,* có 16 quả-tâm đó là:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm* có 8 quả-tâm và
- *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có 8 quả-tâm.

- Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 tâm

Hữu-nhân đại-quả-tâm đó là *đại-quả-tâm* có 8 tâm mà mỗi tâm tương xứng với mỗi tâm trong 8 đại-thiện-tâm như sau:

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

---

[1] Xem bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1 Pháp-Hành Thiền-Định. và quyển VII, tập 2 Pháp-Hành Thiền-Tuệ.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

- Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm:

Thiện-quả-vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm là quả của *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm:*

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt, đáng hài lòng.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh hay, đáng hài lòng.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm, đáng hài lòng.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon, đáng hài lòng.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc**, là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc an-lạc, đáng hài lòng.*

*6- **Tiếp-nhận-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

*7- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

*8- **Suy-xét-tâm** đồng sinh với **thọ hỷ**, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

Như vậy, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân*** hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân*** trên 6 cõi trời dục-giới.

Và *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla)*, *kiếp hiện-tại* gồm có ***16 quả-tâm*** là *8 đại-quả-tâm* và *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng tốt đáng hài lòng trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người tam-nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam tam-nhân hoặc vị thiên-nữ tam-nhân ấy trong cõi trời dục-giới ấy.

2- Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp với

3- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ với *dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, 2 loại đại-thiện-nghiệp này* cho quả tương đương với nhau trong 2 thời-kỳ:

- *Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).*
- *Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có giới trong sạch trọn vẹn, đã tạo *phước-thiện bố-thí nào,* sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ (2 loại đại-thiện-nghiệp này)* có cơ hội cho quả tương đương *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: sắc-thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính (hoặc sắc nữ-tính), hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người nhị-nhân***[1] *(dvihetukapuggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người nhị-nhân ấy vốn không có trí-tuệ.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì không có khả năng chứng đắc *bậc thiền nào cả.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế.*

Hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân*** *hoặc* ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên cõi trời dục-giới. Nếu *vị thiên-nam nhị-nhân* hoặc *vị thiên-nữ nhị-nhân* có cơ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

[1] Người nhị-nhân là người có tái-sinh-tâm chỉ có 2 thiện-nhân là vô-tham và vô-sân (không có vô-si)

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

*Trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavattikāla), kiếp hiện-tại, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* với *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ,* 2 loại đại-thiện-nghiệp này cho quả tương đương với nhau *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại,* có *12 quả-tâm* đó là:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ* có *4 quả-tâm* và
- *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có *8 quả-tâm*.

Như vậy, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người nhị-nhân*** hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên 6 cõi trời dục-giới.

Và ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại* gồm có ***12 quả-tâm*** là *4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ* và *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng không tốt không xấu trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người nhị-nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam nhị-nhân hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân ấy trên cõi trời dục-giới ấy.

Nhận xét về tihetuka-omakakusalakamma với dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma

Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp ***bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm* ***hợp với trí-tuệ,*** nên không đủ năng lực cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ,*** nên ***bị tuột xuống*** tương đương với *dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp* ***bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm* ***không hợp với trí-tuệ*** cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự *tái-sinh kiếp sau* làm người thuộc về hạng *người* ***dvihetukapuggala****: hạng* ***người nhị-nhân*** từ khi tái-sinh đầu thai làm người hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân* trên cõi trời dục-giới.

4- Dvihetuka-omakakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp

Dvihetuka-omakakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong *4 dục-giới đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- *Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).*
- *Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại.*

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào có giới trong sạch trọn vẹn, đã tạo *phước-thiện bố-thí nào,* sau khi người thiện ấy chết, nếu ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp* thuộc về

thiện-quả vô-nhân-tâm gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: sắc-thân, bhāva-rūpa: sắc nam-tính (hoặc sắc nữ-tính), hadayavatthu-rūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người vô-nhân cõi thiện-giới***[1] *(sugati ahetukapuggala)* là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, … từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

(Hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam vô-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ vô-nhân*** trong nhóm *bhummaṭṭhadevatā*: *chư-thiên ở trên mặt đất thuộc về cõi trời tứ Đại-Thiên-vương.*

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người vô-nhân ấy vốn là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... chỉ biết thông thường trong cuộc sống hằng ngày mà thôi.*

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla)*, kiếp hiện-tại, ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả chỉ có ***8 thiện-quả vô-nhân-tâm*** mà thôi, tiếp xúc với các đối-tượng tầm thường trong cuộc sống hằng ngày mà thôi.

Tuy nhiên, nếu đứa trẻ *ấy bị đui mù, câm điếc, tật nguyền* trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại, do ác-nghiệp nào cho quả thì không thể gọi là *người vô-nhân cõi thiện-giới* được, bởi vì đứa bé ấy có thể có năng khiếu đặc biệt.

Đại-thiện-nghiệp khác nhau, quả khác nhau

Trong một buổi lễ ***tạo phước-thiện bố-thí***, những thí-chủ đều là người có ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn, cùng nhau tạo phước-thiện *bố-thí giống nhau*, do trình

[1] Người vô-nhân là người có tái-sinh-tâm không có thiện-nhân nào.

độ hiểu biết về *pháp-học Phật-giáo khác nhau*, hiểu biết về *3 thời-kỳ tác-ý khác nhau*, nên mỗi thí-chủ có *3 thời-kỳ tác-ý*: ***thời-kỳ pubbacetanā, thời-kỳ muñca-cetanā, thời-kỳ aparacetanā*** khác nhau, đã tạo ***đại-thiện-nghiệp bố-thí*** *khác nhau như sau:*

- *Tạo tam-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao.*
- *Tạo tam-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp.*
- *Tạo nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao.*
- *Tạo nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp.*

Sau khi mỗi thí-chủ ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) thì có* ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân*** trong lòng mẹ.

- Sau khi mỗi thí-chủ ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp*** *trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ và* ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) thì có* ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** *gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người nhị-nhân*** trong lòng mẹ.

- Sau khi mỗi thí-chủ ấy chết, nếu ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp*** *trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) thì có* ***suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí bậc thấp gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** đui mù, câm điếc, tật nguyền, … từ trong lòng mẹ.

Tích Aputtakaseṭṭhivatthu [1]

Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn đề cập đến ***phú hộ Aputtaka*** *(phú hộ không có con)* như sau:

Các quan tâu lên Đức-vua Pasenadi Kosala rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, phú hộ Aputtaka không có con đã qua đời rồi.

Nghe tâu như vậy, Đức-vua truyền hỏi rằng:

- Này các khanh! Vậy tài sản của phú hộ Aputtaka không có con thừa kế sẽ thuộc về ai?

Các quan tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, tài sản của phú hộ Aputtaka không có con thừa kế sẽ thuộc về Đức-vua.

Đức-vua Pasenadi Kosala truyền lệnh các quan chuyển tất cả tài sản của phú hộ Aputtaka nhập vào kho nhà vua suốt 7 ngày mới xong, rồi Đức-vua Pasenadi Kosala ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn tại ngôi chùa Jetavana.

Đức-Thế-Tôn truyền hỏi Đức-vua Pasenadi Kosala:

- Này Đại-vương, Đại-vương từ đâu ngự đến đây?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phú hộ Aputtaka trong kinh-thành Sāvatthi đã qua đời không có con thừa kế, nên con truyền lệnh các quan chuyển tất cả tài sản nhập vào kho nhà vua, rồi con ngự đến đây.

Nghe kể rằng: *"Lúc sinh thời, phú hộ Aputtaka không hướng tâm đến sử dụng của cải, để hưởng mọi sự an-lạc trong đời. Khi các gia nhân đem những món cao lương mỹ vị trên chiếc mâm bằng vàng, họ bị ông phú hộ Aputtaka đuổi bảo mang đi nơi khác.*

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Taṇhāvagga, tích Aputtakaseṭṭhivatthu.

Hằng ngày, ông dùng cơm nấu bằng gạo xấu và món nước cải ngâm, chỉ dùng 2 món này mà thôi.

Khi các người gia nhân đem các thứ vải tốt, chiếc xe sang trọng, những thứ vật dụng quý giá đến cho ông dùng thì ông đuổi,họ và bảo mang những thứ đó đi nơi khác. Ông phú hộ Aputtaka chỉ mặc y phục bằng thứ vải thô xấu, đi chiếc xe cũ xấu, sử dụng những thứ vật dụng loại xấu.

Suốt cuộc đời ông phú hộ Aputtaka không sử dụng các thứ vật dụng cần thiết loại sang trọng."

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn!

** Do nguyên nhân nào ông trở thành phú hộ?*

** Khi trở thành phú hộ, do nguyên nhân nào ông không sử dụng những thứ vật dụng sang trọng?*

** Do nguyên nhân nào ông phú hộ Aputtaka không có con thừa kế tài sản?*

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết giảng cho Đức-vua Pasenadi Kosala biết về tiền-kiếp của ông phú hộ Aputtaka được tóm lược như sau:

Tiền-kiếp của phú hộ Aputtaka

Trong thời quá-khứ, tiền-kiếp của ông phú hộ Aputtaka vốn là người không có đức-tin, nhưng ông thường tiếp đón *Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi* ngự đến khất thực tại biệt thự của ông. Trước khi ông đi lo công việc bên ngoài, bảo phu nhân của ông ở nhà tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực đến *Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi,* rồi ông đi ra khỏi nhà.

Người vợ của ông vốn là người có đức-tin trong sạch nghĩ rằng: *"Lâu rồi, hôm nay mới nghe người vị phu*

quân bảo tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực đến Đức-Phật Độc-Giác.

Vậy, hôm nay ta nên làm các món vật thực ngon lành để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Độc-Giác."

Phu nhân của ông phú hộ tạo phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường, đặt vào trong bát các món vật thực ngon lành vào đầy bát. Ngay khi ấy, vị phu quân về đến nhà, bạch hỏi *Đức-Phật Độc-Giác* rằng:

- *Bạch Sa-môn, Sa-môn nhận được các món vật thực nào chưa?*

Đến dở bát của *Đức-Phật Độc-Giác*, ông nhìn thấy các món vật thực ngon lành, nên phát sinh phiền-não tham tiếc của, nghĩ rằng:

"Đem các món vật thực ấy cho những người tôi tớ hay người làm công ăn, thì có lợi cho ta, bởi vì họ ăn, rồi họ làm mọi công việc của ta được. Còn Sa-môn này ăn xong, có lợi ích gì cho ta đâu. Các món vật thực ngon của ta mất đi thật là uổng phí quá!"

Đó là ông phú hộ có *aparacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* ***sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí*** *cúng-dường đến Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi xong rồi, phát sinh phiền-não tiếc của làm cho tâm bị ô nhiễm.*

* Tiền-kiếp của ông phú hộ có một người anh trai, khi cha mẹ qua đời để lại nhiều của cải tài sản cho 2 người con. Người anh của tiền-kiếp ông phú hộ có một đứa con trai. Một hôm, đứa cháu trai nói rằng: "*Chiếc xe tốt đẹp này của cha con, phần con bò kia là của chú."*

Nghe cháu trai là con người anh nói như vậy, tiền-kiếp của ông phú hộ nghĩ rằng:

"Bây giờ đứa cháu trai còn bé nhỏ mà đã nói như vậy, đến khi trưởng thành, nó sẽ chiếm phần nhiều của cải trong nhà này."

Cho nên, tiền-kiếp của ông phú hộ dẫn đứa cháu trai vào trong rừng, bóp cổ đứa cháu trai chết, rồi đem chôn dưới gốc cây.

Đó là những đại-thiện-nghiệp bố-thí và ác-nghiệp sát sinh đứa cháu trai của tiền-kiếp của ông phú hộ đã tạo trong kiếp quá-khứ, nên kiếp-hiện-tại ông phú hộ không có con gọi là ***phú hộ Aputtaka***.

Quả của các nghiệp của phú hộ Aputtaka

* Phước-thiện tiếp đón, bảo phu nhân tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực để bát đến *Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi*, cho quả tái-sinh lên cõi trời dục-giới 7 kiếp, cũng do nhờ quả của phước-thiện bố-thí cúng-dường đến *Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi* ấy cho quả tái-sinh làm người trong kinh-thành Sāvatthi, rồi trở thành phú hộ 7 kiếp.

Do *aparacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* ***sau khi đã tạo phước-thiện bố-thí*** *cúng-dường đến Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi xong rồi, phát sinh phiền-não tiếc của làm cho tâm bị ô nhiễm.* Vì vậy, ông phú hộ không hướng tâm đến sử dụng của cải để đem lại sự an-lạc trong cuộc sống.

Hằng ngày, ông phú hộ ăn cơm nấu bằng gạo xấu, mặc y phục thứ vải thô xấu, đi chiếc xe xấu cũ, sử dụng những thứ vật dụng cần thiết xấu, v.v…

* *Ác-nghiệp sát sinh đứa cháu trai* là con người anh vì của cải, cho quả tái-sinh trong cõi địa-ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài hằng 100 ngàn năm.

Đến khi mãn quả của ác-nghiệp, thoát ra khỏi cõi địa-ngục, đại-thiện-nghiệp bố-thí, cúng dường vật thực đến *Đức-Phật Độc Giác Tagarasikhi* ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm người trong kinh-thành Sāvatthi, rồi trở thành phú hộ không có con gọi là *phú hộ Aputtaka* đến kiếp thứ 7 này.

Đó là quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng-dường đến *Đức-Phật Độc-Giác Tagarasikhi* ấy còn lại.

Phước-thiện bố-thí cũ của phú hộ Aputtaka không còn năng lực nữa, các phước-thiện mới không tích lũy, nên sau khi phú hộ Aputtaka chết, *ác-nghiệp sát-sinh cũ* lại cho quả tái-sinh trong *cõi địa-ngục mahāroruva niraya,* chịu quả khổ trong cõi địa-ngục ấy.

Cho nên, thí-chủ có đức-tin trong sạch tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí, nên có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ* đầy đủ cả 3 thời-kỳ:

- *Pubbacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện bố-thí.*

- *Muñcacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ khi đang tạo phước-thiện bố-thí.*

- *Aparacetanā: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ sau khi đã làm xong phước-thiện bố-thí ấy.*

Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí ấy đến người thọ-thí có đầy đủ 3 thời-kỳ tác-ý như vậy, nếu *đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* làm người thì hưởng được quả tốt, quả an-lạc từ *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla), kiếp hiện-tại* trong lòng mẹ.

Khi thai nhi sinh ra đời *(pasūtikāla)* được an-lạc, rồi

hưởng mọi sự an-lạc trong *thời ấu-niên, thời trung-niên cho đến thời lão-niên*, suốt cuộc đời phần nhiều được hưởng mọi quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy trong cuộc sống kiếp hiện-tại.

Người thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí có 5 pháp

*1- **Saddhadāna**: Bố-thí với đức-tin trong sạch*

Người thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí với *đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp,* nên phước-thiện bố-thí này sẽ cho quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang, phú quý, còn có quả báu đặc biệt nhất là *có sắc thân xinh đẹp đáng ngưỡng mộ.*

*2- **Sakkaccadāna:** Bố-thí với đại-thiện-tâm cung-kính*

Người thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí *với đại-thiện-tâm cung-kính người thọ-thí* và *vật thí phát sinh một cách hợp pháp*, nên phước-thiện bố-thí này sẽ cho quả báu có nhiều của cải tài sản, giàu sang, phú quý, còn có quả báu đặc biệt nhất là trong gia đình vợ chồng con cháu, những người làm công đều ngoan ngoãn vâng lời khuyên bảo dạy dỗ của mình, các bạn hữu, các thuộc hạ, phần đông những người trong xã hội nghe theo lời chỉ bảo của mình.

*3- **Kāladāna**: Bố-thí đúng thời, đúng lúc*

Bậc thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí hợp thời, đúng lúc như:

- Phước-thiện bố-thí cúng dường trong dịp lễ dâng y tắm mưa đến chư tỳ-khưu-Tăng trước khi an cư nhập hạ.

- Phước-thiện bố-thí cúng dường trong dịp lễ dâng y kathina đến chư tỳ-khưu-Tăng ra hạ.

- Phước-thiện bố-thí cúng dường đến tỳ-khưu khách vừa mới đến, tỳ-khưu sắp đi xa, tỳ-khưu bệnh, người bệnh, người đang đói khát, v.v…

Phước-thiện bố-thí hợp thời, đúng lúc này sẽ có quả báu giàu sang phú quý, và đặc biệt nhất là có quả tốt, quả an-lạc *từ thuở ấu-niên, thời trung-niên cho đến thời lão-niên,* muốn những thứ vật dụng nào cũng được thứ vật dụng ấy như ý một cách dễ dàng, mà người khác khó mà có được, …

*4- **Anuggahadāna**: Bố-thí với đại-thiện-tâm tế-độ người thọ-thí.*

Bậc thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí với đại-thiện-tâm tế độ người thọ-thí.

Phước-thiện bố-thí với đại-thiện-tâm tế độ người thọ-thí này sẽ có quả báu giàu sang phú quý, và đặc biệt nhất là *thí-chủ hướng tâm sử dụng của cải để đem lại sự an-lạc hạnh phúc trong cuộc sống hằng ngày.*

*5- **Anupahaccadāna**: Phước-thiện bố-thí không làm khổ mình, không làm khổ người, khổ chúng-sinh khác.*

Bậc thiện-trí tạo phước-thiện bố-thí không làm khổ mình, không làm khổ người, khổ chúng-sinh khác, sẽ có quả báu giàu sang phú quý, còn có quả báu đặc biệt nhất là *tất cả của cải tài sản không bị thiệt hại do lửa thiêu hủy, không bị nước ngập lụt làm hư hỏng, không bị kẻ trộm cướp chiếm đoạt, không bị nhà nước tịch thu, không bị người mà mình không ưa thích thừa hưởng của cải tài sản của mình.*

Đức-Phật thuyết dạy câu kệ rằng:

354-"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.
Sabbarasaṃ dhammaraso jināti.
Sabbaratiṃ dhammarati jināti.
Taṇhakkhayo sabbadukkhaṃ jināti"[1]

[1] Dhammapadagāthā số 354.

Pháp thí là cao thượng hơn mọi phước-thiện bố-thí.

Pháp vị của 9 siêu-tam-giới thiện-pháp là cao thượng hơn mọi vị ngon, hương thơm trong đời.

Pháp hỷ trong chánh-pháp là cao thượng hơn mọi sự hoan-hỷ trong đời.

Bậc Thánh A-ra-hán đã tận diệt mọi tham-ái rồi là thắng mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Phước-thiện bố-thí trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo

Tích thiên-nam Aṅkura và thiên-nam Indaka

Vị thiên-nam Aṅkura và vị thiên-nam Indaka trong *tích Devorohaṇavatthu*[1] được tóm lược như sau:

Vào ngày rằm tháng 6 âm lịch, Đức-Thế-Tôn biểu diễn *phép-thần-thông* ***yamakapāṭihāriya***: *phép-thần-thông có 2 dòng nước và lửa song song thoát ra từ kim thân của Đức-Phật* giữa tứ chúng thanh-văn đệ-tử tại cây xoài gần kinh-thành Sāvatthī.

Đức-Thế-Tôn suy xét chư Phật quá-khứ, *sau khi biểu diễn phép-thần-thông* ***yamakapāṭihāriya*** *rồi sẽ an cư nhập hạ tại nơi nào?*

Đức-Thế-Tôn thấy rõ, biết rõ rằng:

Chư Phật quá-khứ, sau khi biểu diễn phép-thần-thông ***yamakapāṭihāriya*** *rồi sẽ an cư nhập hạ tại cung trời Tam-thập-tam-thiên thuyết giảng Tạng Vi-diệu-pháp để tế độ thân-mẫu (Tāvatiṃsabhavane vassaṃ upagantvā mātu Abhidhammapiṭakaṃ desenti).*

Đức-Thế-Tôn ngự lên *cung trời Tam-thập-tam-thiên an cư nhập thứ 7 của Đức-Phật tại tấm đá Paṇḍukambala-sila suốt 3 tháng mùa mưa tính theo thời gian cõi người.*

---

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Buddhavagga, Devorohaṇavatthu.

Đức-Thế-Tôn ngự tại tảng đá *Paṇḍukambalasila,* chư-thiên khắp 10 ngàn cõi-giới tụ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn.

Trong toàn thể chư-thiên phạm-thiên ấy, Đức-Thế-Tôn có hào quang sáng ngời nhất trong tất cả. Khi ấy, ***thân-mẫu*** *(kiếp hiện-tại là vị thiên-nam Santussita)* từ cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên (Tusita) *ngự xuống ngồi bên phải của Đức-Thế-Tôn*, ***vị thiên-nam Indaka*** cũng ngồi bên phải, còn ***vị thiên-nam Aṅkura*** ban đầu ngồi bên trái của Đức-Thế-Tôn.

**** Vị thiên-nam Aṅkura*** mỗi khi có *vị thiên-nam nào có oai-đức lớn hơn đến* thì *vị thiên-nam Aṅkura* phải lùi lại sau, nhường chỗ cho *vị thiên-nam ấy*. Cứ như vậy, *vị thiên-nam Aṅkura* phải lùi lại sau cách xa *Đức-Thế-Tôn* khoảng 12 do-tuần[1].

* ***Vị thiên-nam Indaka*** vẫn ngồi yên chỗ cũ ban đầu.

Nhìn thấy *vị thiên-nam* ***Indaka*** *và vị thiên-nam* ***Aṅkura*** *ấy, Đức-Thế-Tôn* có tác-ý cho các hàng thanh-văn đệ-tử biết rằng:

"Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh thanh-văn đệ-tử có giới-đức trong sạch, có được nhiều phước-thiện cao quý, tạo đại-thiện-nghiệp bố-thí cao quý, có nhiều quả báu cao quý. "

Vì vậy, Đức-Thế-Tôn truyền hỏi *vị thiên-nam Aṅkura rằng:*

- Này Aṅkura! Con đã lập trại để tạo phước-thiện bố-thí trên quãng đường dài 12 do-tuần suốt thời gian lâu dài 10 ngàn năm. Nay, kiếp hiện-tại hoá-sinh làm thiên-nam đến tụ hội trong đoàn chư-thiên phạm-thiên này,

[1] Dvādasayojanike ṭhāne: 12 do-tuần, mỗi do-tuần khoảng 20 cây số.

con phải lùi lại sau chư-thiên phạm-thiên cách xa khoảng 12 do-tuần.

- Này Aṅkura! Do nhân nào vậy con?

Giọng hỏi của Đức-Thế-Tôn vang rộng đến cõi người cũng đều nghe rõ.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền hỏi như vậy, vị thiên-nam Aṅkura cung-kính bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do con đã tạo phước-thiện bố-thí đến những người không có giới-đức trong sạch, trong thời-kỳ không có bậc Thánh-nhân có giới-đức trong sạch.

Dù con có tạo phước-thiện bố-thí trong thời gian lâu dài bao nhiêu cũng không sánh bằng thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến bậc Thánh-nhân có giới-đức trong sạch.

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, như **vị thiên-nam Indaka** tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường ít đến bậc Thánh-nhân mà quả báu hơn con gấp bội, như ánh sáng mặt trăng so với ánh sáng chùm sao quá cao bé nhỏ. Bạch Ngài.*

Nghe vị thiên-nam Aṅkura bạch như vậy, *Đức-Thế-Tôn* truyền hỏi *vị thiên-nam Indaka* rằng:

- Này Indaka! Con ngồi bên phải của Như-lai, do nhân nào mà con vẫn ngồi yên một chỗ, không phải lùi lại sau vậy con?

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền hỏi như vậy, *vị thiên-nam Indaka* cung-kính bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do con đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh-nhân, như người nông dân gieo hạt giống tốt trong thửa ruộng màu mỡ. Bạch Ngài.

Sau khi kính bạch *Đức-Thế-Tôn* như vậy, *vị thiên-nam Indaka* tán dương ca tụng phước-thiện bố-thí cúng-dường đến *bậc Thánh-nhân có giới-đức* bằng câu kệ:

Người nông dân dù gieo nhiều hạt giống trong thửa ruộng cằn cỗi, cũng không thu hoạch được nhiều thóc lúa, không làm cho người nông dân mừng vui hoan-hỷ như thế nào.

Cũng như vậy, người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến người phá giới, không có giới-đức, dù có nhiều đến bao nhiêu cũng không có quả báu nhiều, không làm cho thí-chủ mừng vui hoan-hỷ như thế ấy.

Người nông dân dù gieo ít hạt giống trong thửa ruộng màu mỡ, gặp mưa thuận gió hoà, nên thu hoạch được nhiều thóc lúa, làm cho người nông dân mừng vui hoan-hỷ như thế nào.

Cũng như vậy, người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến bậc Thánh-nhân có giới-đức trong sạch, có pháp cao thượng, dù có ít cũng được quả báu nhiều, làm cho thí-chủ mừng vui hoan-hỷ như thế ấy.

Phước-thiện bố-thí đến bậc Thánh-nhân có quả báu nhiều

*Tiền-kiếp của **vị thiên-nam Indaka** đã tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến vị nào, mà kiếp hiện-tại có được quả báu của phước-thiện bố-thí nhiều như vậy?*

*Tiền-kiếp của vị thiên-nam Indaka là **người nghèo khổ** có được một phần cơm ít ỏi, nhìn thấy **Ngài Trưởng-lảo Anuruddha** đi khất thực đến đứng trước cổng nhà, người nghèo khổ (tiền-kiếp của vị thiên-nam Indaka) đem phần cơm của mình tạo phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường **chỉ một vá cơm** (kaṭacchubhikkhaṃ dāpesi) đến **Ngài Trưởng-lão Anuruddha.***

Sau khi người nghèo khổ ấy chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *hợp với trí-tuệ* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm *vị thiên-nam tam-nhân* tên là ***Indaka*** trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, hưởng được quả báu của *phước-thiện bố-thí cúng-dường* ***chỉ một vá cơm ấy*** nhiều gấp bội lần hơn quả báu của tiền-kiếp *vị thiên-nam* ***Aṅkura*** đã tạo phước-thiện bố-thí đến những người không phải là bậc Thánh-nhân, trên quảng đường dài 12 do-tuần, suốt thời gian 10 ngàn năm.

Cho nên, *vị thiên-nam Indaka* kính bạch với Đức-Thế-Tôn như vậy.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy câu kệ với ý nghĩa:

Người nông dân gieo hạt giống trong những thửa ruộng có đầy cỏ, thu hoạch quả không được nhiều, cũng như thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến những người có tâm tham-dục sẽ không được quả báu nhiều.

Còn người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng dường đến bậc Thánh A-ra-hán không còn tâm tham dục, nên được quả báu an-lạc nhiều.

Người nông dân gieo hạt giống trong những thửa ruộng có đầy cỏ, thu hoạch quả không được nhiều, cũng như thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến những người có sân hận, sẽ không được quả báu nhiều.

Còn người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng dường đến bậc ThánhA-ra-hán không còn tâm sân hận nữa, nên được quả báu an-lạc nhiều.

Người nông dân gieo hạt giống trong những thửa ruộng có đầy cỏ, thu hoạch quả không được nhiều, cũng

như thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến những người có si-mê, sẽ không được quả báu nhiều.

Còn người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng dường đến bậc Thánh A-ra-hán không còn tâm si-mê nữa, nên được quả báu an-lạc nhiều.

Người nông dân gieo hạt giống trong những thửa ruộng có đầy cỏ, thu hoạch quả không được nhiều, cũng như thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến những người có tâm tham-ái nhiều, sẽ không được quả báu nhiều.

Còn người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng dường đến bậc Thánh A-ra-hán không còn tâm tham-ái nữa, nên được quả báu an-lạc nhiều.

Sau khi Đức-Thế-Tôn thuyết giảng những câu kệ như vậy, ***vị thiên-nam Indaka*** *và* ***vị thiên-nam Aṅkura*** *đều chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu*** và đồng thời số đông chúng-sinh được sự lợi ích, sự an-lạc, sự tiến hoá trở thành bậc Thánh-nhân tuỳ theo năng lực của *các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của mỗi chúng-sinh.

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng Tạng Vi-diệu-pháp

Trong mùa hạ thứ 7, *Đức-Phật Gotama* ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên, ngồi tại *tảng đá Paṇḍukambalasilā* giữa đại chúng chư-thiên, phạm-thiên, để tế độ *Phật-mẫu (kiếp hiện-tại là vị thiên-nam Santussita)* thuyết giảng ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn là:

1- Bộ Dhammasaṅganīpāḷi: Bộ Pháp-hội-tụ.

2- Bộ Vibhaṅgapāḷi: Bộ Pháp-phân-tích.
3- Bộ Dhātukathāpāḷi: Bộ Pháp-phân-loại.
4- Bộ Puggalapaññattipāḷi: Bộ chúng-sinh chế-định.
5-Bộ Kathāvatthupāḷi: Bộ Pháp-luận-đề.
6- Bộ Yamakapāḷi: Bộ Pháp-song-đối.
7- Bộ Paṭṭhānapāḷi: Bộ Pháp-duyên-hệ.

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng *bộ thứ nhất* là *bộ Dhamma-saṅganīpāḷi: bộ Pháp-hội-tụ* rồi theo tuần tự đến *bộ thứ 7: bộ Paṭṭhānapāḷi: bộ Pháp-duyên-hệ* cuối cùng, *suốt 3 tháng mùa mưa tại cõi người (so với thời gian tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên chỉ có 3 phút 36 giây, bởi vì 1 ngày 1 đêm trên cõi trời này bằng 100 năm tại cõi người).*

Đức-Phật thuyết giảng *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên này, đến giờ khất thực, *Đức-Phật* hoá ra *Nimmitabuddha (Đức-Phật hoá)*, rồi phát nguyện rằng: *"Đức-Phật hoá này tiếp tục ngồi thuyết-phần pháp này cho đến khi Như-lai trở về."*

Khi ấy, *Đức-Phật thật* hiện xuống rừng núi Himavanta, rửa mặt tại hồ Anodatta xong, rồi bay đến *Uttarakurudīpa (Bắc-cưu-lưu châu)* nằm ở phía Bắc núi Sineru, để đi khất thực.

Đức-Phật đem vật thực ngự trở về rừng trầm, gần hồ Anodatta ven khu rừng Himavanta, ngồi độ vật thực. Khi ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến hầu phục vụ *Đức-Phật*.

Sau khi thọ thực xong, Đức-*Phật* thuyết giảng tóm lược lại các pháp mà Ngài đã thuyết giảng tại cung trời Tam-thập-tam-thiên, rồi truyền dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão* rằng:

- Này Sāriputta! Hôm nay Như-lai đã thuyết giảng Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi, bộ thứ nhất phần đầu các pháp

như vầy, khi trở về con nên khai triển dạy lại nhóm 500 đệ-tử của con.

Nhóm 500 đệ-tử này vốn là những người cận-sự-nam (upāsaka) cùng nhau đến xem *Đức-Phật biểu diễn phép thần-thông yamakapāṭihāriya,* rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, cùng dẫn nhau đến xuất gia trở thành tỳ-khưu nơi *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Sau khi truyền dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão như vậy, Đức-Phật* ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên thay thế *Đức-Phật Nimmitabuddha,* rồi tiếp tục thuyết giảng các pháp tiếp theo.

Tạng Vi-Diệu-Pháp tại cõi người

Đức-Phật thuyết giảng *Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có *7 bộ lớn* tại cung trời Tam-thập-tam-thiên trong hạ thứ 7 của Đức-Phật suốt 3 tháng mùa mưa.

Mỗi ngày đến giờ khất thực, *Đức-Phật* hoá ra *Nimmitabuddha* tiếp tục thuyết giảng, *Đức-Phật thật* ngự đi khất thực ở *Bắc-cưu-lưu châu,* đem vật thực ngự trở về rừng trầm, gần hồ Anodatta ven khu rừng Himavanta, ngồi độ vật thực. Mỗi ngày, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến hầu phục vụ *Đức-Phật*.

Sau khi thọ thực xong, Đức-*Phật* thuyết giảng tóm lược theo *cách saṅkhepa* các pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng ngày hôm ấy cho *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta,* rồi *Đức-Phật* ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên thay thế *Đức-Phật Nimmitabuddha* tiếp tục thuyết giảng các pháp tiếp theo.

Vâng theo lời dạy của Đức-Phật, mỗi ngày sau khi trở về, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* truyền dạy lại khai triển đầy đủ các pháp ấy đến nhóm 500 đệ-tử.

Cho nên, mãn mùa hạ suốt 3 tháng mùa mưa ấy, *nhóm 500 đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thông thuộc, thấu suốt* ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn trước tiên trong cõi người.

*** Tiền-kiếp của nhóm 500 vị tỳ-khưu**

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*, *tiền-kiếp của nhóm 500 tỳ-khưu này là* ***500 con dơi*** *đeo trong một cái động.*

Mỗi ngày, *2 Ngài Trưởng-lão* vừa đi kinh hành ở trong động vừa tụng ôn ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn. Khi ấy, ***nhóm 500 con dơi*** đeo trong động, *cung-kính lắng nghe âm-thanh Pāḷi từ 2 Ngài Trưởng-lão* tụng ôn ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi,* ***nhóm 500 con dơi*** không hiểu biết rằng:

"Kusalā dhammā (các thiện-pháp), akusalā dhammā (các bất-thiện-pháp), abyākatā dhammā (các pháp không thiện không bất-thiện), khandha (ngũ-uẩn), āyatana (12 xứ), dhātu (18 tự-tánh), sacca (tứ-đế), v.v..." mà chỉ cung-kính lắng nghe *âm thanh Pāḷi* mà thôi.

Sau khi *nhóm 500 con dơi ấy* chết, *đại-thiện-nghiệp cung-kính lắng nghe âm thanh Pāḷi ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá sinh làm *500 vị thiên-nam* trên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy suốt thời gian từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, *500 vị thiên-nam cùng chuyển kiếp (cuti: chết)* từ cõi trời dục-giới, *đại-thiện-nghiệp* ấy trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** *hợp với trí-tuệ* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai làm ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)* trong kinh-thành Sāvatthī.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành là *người tam-nhân* đều trở thành cận-sự-nam (upāsaka) trong kinh-thành Sāvatthī.

Vào ngày rằm tháng 6 âm lịch, *Đức-Phật Gotama biểu diễn phép-thần-thông yamakapāṭihāriya* tại cây xoài gần kinh-thành Sāvatthī*, nhóm 500 người cận-sự-nam (upāsaka) ấy* cùng nhau đến xem *Đức-Phật biểu diễn phép-thần-thông yamakapāṭihāriya,* rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.

Sau khi *biểu diễn phép thần-thông yamakapāṭihāriya* xong, Đức-Phật ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên, nhập hạ thứ 7, để thuyết giảng ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp.*

Nhóm *500 người cận-sự-nam* cùng dẫn nhau đến hầu đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, xin xuất gia trở thành *500 vị tỳ-khưu* là *đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Mỗi ngày, Đức-Phật ngự đi khất thực ở *Bắc-cưu-lưu châu,* đem vật thực ngự trở về rừng trầm, gần hồ Anodatta ven khu rừng Himavanta, ngồi độ vật thực. Mỗi ngày, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến hầu phục vụ *Đức-Phật*. Sau khi thọ thực xong, *Đức-Phật* thuyết giảng tóm lược theo *cách saṅkhepa* các pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng ngày hôm ấy cho *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, rồi truyền dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* trở về dạy nhóm 500 đệ-tử bằng cách khai triển đầy đủ các pháp ấy.

Cho nên, *nhóm 500 đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thông thuộc, thấu suốt* ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ trước mọi tỳ-khưu trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama*, tại cõi người.

Đức-Phật Gotama thuyết giảng xong trọn bộ ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn tại cung trời Tam-thập-tam-thiên suốt 3 tháng mùa mưa tại cõi người. ***Phật-mẫu*** *(kiếp hiện-tại là vị thiên-nam Santussita) chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu****, cùng với* ***800 tỷ*** *có chư-thiên phạm-thiên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh-nhân*** *thấp hoặc cao* tuỳ theo năng lực của các *pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị chư-thiên, phạm-thiên.*

Đức-Phật Gotama trở về cõi người

Đức-Phật Gotama ngự lên cung trời Tam-thập-tam-thiên nhập hạ thứ 7 suốt 3 tháng mùa mưa, các hàng tứ chúng *tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ* là nhóm thanh-văn đệ-tử đông đảo ngày đêm trông mong đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, nghe pháp, nên đã kể tháng, đếm ngày thì còn 7 ngày nữa sẽ đến ngày rằm tháng 9 âm lịch là ngày *đại-lễ mahāpavaraṇā của chư tỳ-khưu-Tăng*, sáng ngày 16 tháng 9 là ngày mãn 3 tháng hạ mùa mưa, nên tất cả tứ chúng muốn biết Đức-Phật sẽ ngự trở về cõi người vào ngày nào, tại nơi nào, để chờ đón *Đức-Phật* ngự trở về cõi người.

Tứ chúng đến hầu đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* cầu xin *Ngài Đại-Trưởng-lão* bay lên cung trời Tam-thập-tam-thiên, đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch hỏi Đức-Thế-Tôn vào ngày nào sẽ ngự trở về cõi người, và tại nơi nào, để cho tứ chúng thanh-văn đệ-tử chờ đón *Đức-Thế-Tôn.*

Nghe lời cầu xin của tứ chúng như vậy, *Ngài Đại-Trưởng-Lão Mahāmoggallāna* nhận lời, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* bay lên cung trời Tam-thập-tam-thiên, đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tứ chúng thanh-văn đệ-tử trông mong đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, nghe pháp, rồi mới trở về chỗ ở của mình. Đức-Thế-Tôn sẽ ngự trở về cõi người vào ngày nào? Bạch Ngài. Và Đức-Thế-Tôn sẽ ngự xuống cõi người tại nơi nào? Bạch Ngài.

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão bạch hỏi như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- Này Moggallāna! Sāriputta là sư huynh của con nhập hạ tại nơi nào vậy con?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Sư huynh Sāriputta nhập hạ tại trong kinh-thành Saṅkassa. Bạch Ngài.

- Này Moggallāna! Kể từ hôm nay, còn 7 ngày nữa vào ngày rằm tháng 9, ngày đại-lễ mahāpavaraṇā của chư tỳ-khưu-Tăng, Như-lai sẽ ngự trở về cõi người, tại cửa kinh-thành Saṅkassa, các hàng tứ chúng tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên chờ đón Như-lai tại nơi cửa kinh-thành ấy.

- Này Moggallāna! Con khuyên các cận-sự-nam cận-sự-nữ nên thọ-trì bát-giới uposathasīla trong ngày hôm ấy.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna trở về cõi người báo cho các hàng tứ chúng biết rõ ngày và nơi ngự xuống của Đức-Thế-Tôn.

Đức-Phật mở trống trải toàn cõi-giới

Đức-Thế-Tôn truyền bảo với Đức-vua-trời Sakka rằng:

- Này Đức-vua-trời! Nhập hạ suốt 3 tháng xong rồi, Như-lai sẽ ngự trở về cõi người.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền bảo như vậy, Đức-vua-trời Sakka hoá ra 3 cái thang 3 loại:

Một cầu thang bằng vàng, một cầu thang bằng ngọc maṇi, một cầu thang bằng bạc, chân cầu thang đặt tại cửa kinh-thành Saṅkassa, đầu cầu thang đặt trên đỉnh núi Sineru.

* Cầu thang bằng vàng nằm bên phải dành cho chư-thiên 6 cõi trời dục-giới.

* Cầu thang bằng bạc nằm bên trái dành cho chư phạm-thiên các cõi trời sắc-giới.

* *Cầu thang bằng ngọc maṇi* nằm giữa kính thỉnh ***Đức-Phật*** ngự từ cung trời Tam-thập-tam-thiên xuống cõi người. Khi đứng trên đỉnh núi Sineru, *Đức-Phật hoá phép-thần-thông yamakapāṭihāriya* trong khi đang ngự từ cõi trời xuống cõi người.

* *Đức-Phật* khi nhìn lên phía trên thấu đến tầng trời sắc-giới tột đỉnh, như một mặt bằng (ekaṅgana), khi nhìn xuống phía dưới thấu tận đến cõi đại-địa-ngục Avīci như một mặt bằng, khi nhìn ngang *8 hướng: hướng Đông, hướng Đông-nam, hướng Nam, hướng Tây-nam, hướng Tây, hướng Tây-bắc, hướng Bắc, hướng Đông-bắc* như một mặt bằng, khi nhìn 100 ngàn cõi-giới chúng-sinh (cakkavāḷa) như một mặt bằng, cho nên, chư-thiên, phạm-thiên nhìn thấy loài người, loài người cũng nhìn thấy chư-thiên, phạm-thiên, tất cả mọi chúng-sinh cũng đều nhìn thấy lẫn nhau như thấy nhau trước mặt.

Đức-Phật cho toả hào quang 6 màu toả rộng ra khắp chu vi 36 do-tuần bao trùm loài người, trong ngày hôm ấy, mỗi người đều nhìn thấy kim thân của Đức-Phật có oai lực phi thường, nên có người phát nguyện muốn trở thành một ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác***.

* Đoàn chư-thiên các tầng trời dục-giới tiễn đưa Đức-Phật theo cầu thang bằng vàng, phía bên phải của Đức-Phật.

* Đoàn chư phạm-thiên các tầng trời sắc-giới phạm-thiên tiễn đưa Đức-Phật theo cầu thang bằng bạc, phía bên trái của Đức-Phật.

* Đức-Phật ngự đi cầu thang bằng ngọc maṇi ở giữa, bên phải có vị thiên-nam Pañcasikha đánh đàn cúng-dường Đức-Phật, bên trái có vị thiên-nam Mātali cúng-dường nước hoa thơm cõi trời, Đại-phạm-thiên cầm chiếc lọng, Đức-Thiên-vương Suyāma cầm chiếc quạt.

Đức-Phật ngự từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên có các đoàn chư-thiên, chư phạm-thiên tiễn đưa, *Đức-Phật* dừng lại tại cửa kinh-thành Saṅkassa.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đến hầu cung-kính đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn* với đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ, bởi vì, chưa từng thấy Đức-Thế-Tôn mở trống trải toàn cõi-giới chúng-sinh, nên chư-thiên, phạm-thiên nhìn thấy loài người, và loài người cũng nhìn thấy chư-thiên, phạm-thiên, tất cả chúng-sinh nhìn thấy lẫn nhau vô cùng hoan-hỷ. Cho nên, chư-thiên, chư phạm-thiên, nhân loại kính yêu Đức-Thế-Tôn biết dường nào!

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* thuyết-pháp tế độ tứ chúng thanh-văn đệ-tử. Sau khi lắng nghe *Đức-Thế-Tôn* thuyết-pháp, chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, các cận-sự-nam, các cận-sự-nữ phát sinh đức-tin vô cùng hoan-hỷ theo lời giáo huấn của *Đức-Thế-Tôn*, ***nhóm 500 tỳ-khưu*** đệ-tử của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* cùng

với ***300 triệu chúng-sinh khác*** cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân thấp hoặc cao* tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.

Nhận xét về 2 vị thiên-nam Aṅkura và Indaka

* Tiền-kiếp của ***vị thiên-nam Aṅkura*** ở cõi người đã từng làm trại phước-thiện bố-thí trong quãng đường dài *12 do-tuần suốt thời gian 10 ngàn năm*, đến nhiều hạng người không phải là *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo*.

* Tiền-kiếp của ***vị thiên-nam Indaka*** ở cõi người tạo phước-thiện bố-thí cung-kính cúng dường chỉ có ***một vá cơm*** đến *Ngài Trưởng-lão Anurddha* mà thôi.

Khi *Đức-Phật Gotama* thuyết ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* tại cung trời Tam-thập-tam-thiên, ban đầu *vị thiên-nam Indaka* ngồi bên phải của Đức-Phật, còn *vị thiên-nam Aṅkura* ngồi bên trái của Đức-Phật.

Dù có các *vị thiên-nam, các vị phạm-thiên* có nhiều năng lực của phước-thiện hiện đến, *vị thiên-nam* ***Indaka*** vẫn ngồi yên chỗ cũ, không lùi lại đằng sau, bởi vì *vị thiên-nam* ***Indaka*** có nhiều năng lực phước-thiện hơn các vị ấy. Còn *vị thiên-nam* ***Aṅkura*** phải lùi lại đằng sau, nhường chỗ cho các vị *vị thiên-nam, các vị phạm-thiên có nhiều năng lực phước-thiện khác*, cách xa đến 12 do-tuần, bởi vì *vị thiên-nam Aṅkura* kém năng lực phước-thiện hơn các *vị ấy*.

Tuy tiền-kiếp của ***vị thiên-nam Aṅkura*** đã tạo phước-thiện bố-thí, trên quảng đường dài 12 do-tuần, suốt thời

gian 10 ngàn năm. đến nhiều hạng người, nhưng không phải là ***bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo***.

Còn tiền-kiếp của ***vị thiên-nam Indaka*** đã tạo phước-thiện bố-thí, cung-kính cúng dường đến ***bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo***, dù chỉ có *một vá cơm* đến *Ngài Trưởng-lão Anuruddha là bậc Thánh A-ra-hán,* vẫn có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy có nhiều năng lực hơn quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí mà tiền-kiếp của *vị thiên-nam Aṅkura* đã tạo phước-thiện bố-thí đến nhiều hạng người, không phải là *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo,* suốt thời gian 10 ngàn năm.

Vị thiên-nam Indaka nêu thí dụ:

Người nông dân không biết thời tiết thuận lợi, gieo nhiều hạt giống trong thửa ruộng cằn cỗi, sẽ thu hoạch quả không được nhiều, không làm cho người nông dân vui mừng hoan-hỷ như thế nào.

Cũng như vậy, người thí-chủ không hiểu biết tạo phước-thiện bố-thí nhiều vật thí đến nhiều người không có giới-đức, không có thiện-pháp cao thượng, nên có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí không nhiều, không làm cho thí-chủ vui mừng hoan-hỷ, cũng như thế ấy.

Người nông dân giỏi hiểu biết thời tiết thuận lợi, gieo dù ít hạt giống trong thửa ruộng màu mỡ, sẽ thu hoạch quả được rất nhiều, nên làm cho người nông dân vui mừng hoan-hỷ như thế nào.

Cũng như vậy, người thí-chủ có trí-tuệ sáng suốt hiểu biết tạo phước-thiện bố-thí đến những bậc có giới-đức trong sạch, có thiện-pháp cao thượng, là bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo, dù vật thí ít cũng có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí rất nhiều, nên làm cho thí-chủ vui mừng hoan-hỷ, cũng như thế ấy.

Đức-vua-trời Sakka tạo phước-thiện bố-thí

Đức-vua-trời Sakka trị vì cõi trời Tam-thập-tam-thiên mà *tiền-kiếp của Đức-vua-trời* đã từng làm những phước-thiện trong thời-kỳ không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* xuất hiện trên thế gian, nên *Đức-vua-trời Sakka cảm thấy tủi phận nghèo của mình*, mỗi khi gặp những *vị thiên-nam* mà tiền-kiếp đã tạo phước-thiện trong thời-kỳ ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian, những vị thiên-nam ấy có hào-quang sáng chói làm lấn át hào quang của *Đức-vua-trời Sakka,* cho nên, *Đức-vua-trời Sakka* tìm cơ hội tốt tạo phước-thiện đến *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

Đức-vua-trời Sakka suy xét biết rõ ***Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa*** chỉ tế độ những người nghèo khổ mà thôi, nên *Đức-vua-trời Sakka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā* từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên hiện xuống cõi người, hoá ra thành ***2 ông bà già nghèo khổ đáng thương*** chờ đợi tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường vật thực đến *Ngi Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* sau khi *xả diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti),* đi khất thực tế độ người nghèo khổ để có được nhiều quả-báu cao quý ngay trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* *Tích* ***Mahākassapattherapiṇḍapātadinnavatthu*** [1] được tóm lược như sau:

Một thuở nọ *Đức-Thế-Tôn* ngự tại ngôi chùa Veḷuvana đề cập sự cúng dường vật thực đến *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa có giới-đức trong sạch và có pháp cao thượng.*

[1] Dha. Aṭṭha, Pupphavagga, tích Mahākassapattherapiṇḍapātadinnavatthu.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa nhập diệt-thọ-tưởng suốt 7 ngày đêm xong, sáng hôm ấy, *Ngài Đại-trưởng-lão* đi khất thực chỉ tế độ người nghèo khổ mà thôi.

Đức-vua Trời Sakka theo dõi biết *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* đã xả diệt-thọ-tưởng, buổi sáng hôm ấy, *Ngài đại-trưởng-lão* đi khất thực trên đường đi vào xóm nhà.

Đức-vua-trời Sakka gọi Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên hiện xuống cõi người, *Đức-vua-trời Sakka* hoá ra thành *ông già và Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā hoá ra thành bà già, như 2 ông bà già nghèo khổ thật là đáng thương làm nghề thợ dệt sống trong một căn chòi lá* bên đường mà *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* sẽ đi khất thực ngang qua.

Hai ông bà già đã chuẩn bị vật thực sẵn sàng, *ông già (Đức-vua-trời)* đang trông chờ *Ngài Đại-Trưởng-lão* đi ngang qua.

Ngài Đại-Trưởng-lão vừa đi đến căn chòi lá, nhìn thấy 2 ông bà già, nên nghĩ rằng:

"Hai ông bà già yếu này là người có tuổi cao mà còn phải làm việc, thật là đáng thương quá! Bần tăng nên tế độ 2 ông bà già này" nên Ngài Đại-Trưởng-lão đứng trước chòi lá.

Khi nhìn thấy *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa, ông già* liền đến đảnh lễ dưới đôi bàn chân của *Ngài Đại-Trưởng-lão*, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm bi tế độ hai vợ chồng già chúng con.

Ông già kính xin nhận cái bát của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa*.

Ngài Đại-Trưởng-lão nghĩ rằng:

"Lão Tăng nên tế độ hai vợ chồng già đáng thương này" Ngài Đại-Trưởng-lão trao cái bát cho ông già.

Ông già (Đức-vua Trời Sakka) vô cùng hoan-hỷ nhận cái bát của *Ngài Đại-Trưởng-lão*, rồi cung-kính thỉnh vào chòi lá, *ông già và bà già (Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā)* cùng nhau để các món ăn ngon vào trong bát, rồi đậy kín nắp lại, hai ông bà già cung-kính cúng dường lên *Ngài Đại-Trưởng-lão.*

Khi *Ngài Đại-Trưởng-lão* vừa nhận cái bát, mùi hương thơm của các món ăn toả ra khắp kinh-thành Rājagaha.

Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa biết ngay hai ông bà già này chính là *Đức-vua-trời Sakka và Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā,* nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* quở trách:

- Này Vua-Trời Sakka! Vua-trời đã giành phước-thiện bố-thí của người nghèo khổ rồi!

Đức-vua-trời Sakka bạch sự thật

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, chúng con cũng là người nghèo. Bạch Ngài.

- Này Vua-Trời Sakka! Vua-trời là Vị cao cả trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, hưởng mọi an-lạc cao quý trên cõi trời. Vậy, do nguyên-nhân nào mà tự xưng mình là người nghèo?

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, sự thật con là Vua-trời Sakka cao cả trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, do tiền-kiếp của con đã làm mọi phước-thiện trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, nên quả báu của phước-thiện của con nghèo nàn thấp hèn so với các vị thiên-nam mà tiền-kiếp của họ đã làm các phước-thiện trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian.

Thật vậy, tiền-kiếp của các vị thiên-nam ấy đã làm các phước-thiện trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, sau khi họ chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, có hào quang sáng chói làm lấn át hào quang của con, có oai lực nhiều hơn con.

Vậy, con cũng là người nghèo nàn thấp hèn hơn các vị thiên-nam ấy. Bạch Ngài.

- Này Vua-Trời Sakka! Mặc dù có như vậy, kể từ nay về sau, Vua-trời cũng không nên lừa tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến lão tăng nữa!

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, nếu con lừa tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão, thì con có được phước-thiện bố-thí cúng dường hay không? Bạch Ngài.

- Này Vua-Trời Sakka! Dĩ nhiên là có phước-thiện bố-thí cúng dường đối với Vua-trời.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, nếu như vậy thì việc tạo phước-thiện bố-thí cúng dường cũng nên đối với chúng con. Bạch Ngài.

Sau khi bạch như vậy, *Đức-vua-trời Sakka* cung-kính đảnh lễ dưới đôi bàn chân của *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa,* rồi dẫn *Chánh-cung Hoàng-hậu Sujā* bay lên hư không, với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ tán dương ca tụng 3 lần rằng:

"Aho dānaṃ paramadānaṃ Kassape suppatiṭṭhitaṃ!
Aho dānaṃ paramadānaṃ Kassape suppatiṭṭhitaṃ!
Aho dānaṃ paramadānaṃ Kassape suppatiṭṭhitaṃ!

"Ô! Phước-thiện bố-thí cúng dường là sự cúng dường cao thượng nhất mà ta đã tạo vững chắc nơi Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa."

"Ô! Phước-thiện bố-thí cúng dường là sự cúng dường cao thượng nhất mà ta đã tạo vững chắc nơi Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa."

"Ô! Phước-thiện bố-thí cúng dường là sự cúng dường cao thượng nhất mà ta đã tạo vững chắc nơi Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa."

Đức-vua-trời Sakka hồi cung trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên có hào quang sáng chói toả khắp, có oai lực phi thường trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Chư-thiên thấy 5 hiện-tượng báo trước sự chết

Tất cả chư-thiên trong cõi trời dục-giới, vị thiên-nam nào hoặc vị thiên-nữ nào mỗi khi thấy ***5 hiện-tượng báo trước*** *(pañcapubbanimitta)*[1] sắp hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới ấy, phải chuyển kiếp (cuti) (chết), rồi phải tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác, tuỳ theo nghiệp và quả của nghiệp của vị thiên-nam ấy, vị thiên-nữ ấy.

Pañcapubbanimitta: **5 hiện-tượng báo trước**:

1- Mālā milāyanti: Các vòng hoa bị héo xàu.

2- Vatthāni kilissanti: Các bộ y phục bị dơ bẩn.

3- Kacchehi sedā muccanti: Mồ hôi toát ra hai bên nách.

4- Kāye dubbaṇṇiyaṃ okkamati: Sắc thân trở nên xấu.

5- Sake devo devāsane nābhiramati: Chư-thiên không hài lòng với cõi trời của mình nữa.

Sau khi thấy 5 hiện-tượng báo trước như vậy:

* Nếu vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ nào biết mình có nhiều phước-thiện, có đại-thiện-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh trở lại cõi trời ấy hoặc cõi trời cao hơn thì vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ ấy vẫn có vẻ tự nhiên, không có chút sợ hãi nào cả.

---

[1] Khu. Bộ Itivuttaka Pāḷi, Pañcapubbanimittasuttapāḷi.

* Nếu vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ nào biết mình có ít phước-thiện, ác-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* thì cảm thấy kinh sợ nhiều.

Đức-vua-trời Sakka thấy 5 hiện-tượng báo trước

Đức-vua-trời Sakka được an hưởng mọi sự an-lạc đặc biệt trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, không còn thua kém vị thiên-nam nào, nên cảm thấy rất hài lòng với ngôi vị Đức-vua-trời của mình.

Về sau, *Đức-vua-trời Sakka* thấy ***5 hiện-tượng báo trước*** *(pañcapubbanimitta)* sắp hết tuổi thọ tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên. Khi ấy, Đức-vua-trời Sakka xem xét về sự nghiệp của mình như là:

- Cung điện 10.000 do-tuần.
- Lâu-đài cao 1.000 do-tuần.
- Hội-trường Sudhammasabhā rộng 100 do-tuần.
- Cây Mahāparicchatta cao 100 do-tuần.
- Tảng đá Paṇḍukambala rộng 60 do-tuần.
- Vũ-nữ có 250 triệu cô.
- Chư-thiên thuộc hạ gồm có 2 cõi trời.
- Khu vườn Nandana, Cittalatā, Missaka, Pārusaka,...

Đức-vua-trời Sakka phát sinh nỗi khổ tâm cùng cực, sầu não, bởi vì không còn sở hữu những sự nghiệp đế vương này được nữa.*(1)*

Đức-vua-trời Sakka suy xét chỉ có *Đức-Phật Gotama* có tâm đại bi tế độ chắc chắn sẽ dập tắt được nỗi khổ tâm cùng cực này mà thôi.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* hiện đang ngự tại ***động Indasāla***

[1] Cõi trời Tam-thập-tam-thiên có tuổi thọ 1.000 tuổi trời bằng 36 triệu năm tại cõi người, bởi vì 1 ngày 1 đêm cõi trời này bằng 100 năm cõi người.

nằm ở khoảng giữa núi Vediyaka với phía bắc của xóm nhà bà-la-môn tên Ambasaṇḍa, thuộc về hướng Đông kinh-thành Rājagaha, của đất nước Magadha.

* *Đức-vua-trời Sakka* cho truyền gọi *vị thiên-nam Pañcasikha* cùng với nhóm chư-thiên đông đảo xuất hiện xuống *núi Vediyaka*, ngự đến ***động Indasāla***, đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch hỏi 14 câu hỏi.

Đức-vua-trời Sakka bạch hỏi 14 câu hỏi

Trong ***Sakkapañhasutta***[(1)] là bài kinh dài trong *Trường-bộ-kinh*, trong quyển sách này chỉ đề cập đến *tích Đức-vua-trời Sakka tạo phước-thiện bố-thí và phước-thiện nghe-pháp* mà thôi.

Đức-vua-trời Sakka có được cơ hội đến hầu cung-kính đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn,* rồi xin phép kính bạch hỏi 14 câu hỏi có tiêu đề như sau:

1- Issāmacchariya: tính ganh tỵ và tính keo kiệt.
2- Piyāpiya: đối-tượng làm cho ưa thích, không thích.
3- Chanda: hài lòng.
4- Vitakka: hướng tâm.
5- Papañcadhamma: pháp trì hoãn.
6- Somanassa: thọ hỷ.
7- Domanassa: thọ khổ.
8- Upekkhā: thọ xả.
9- Kāyasamācāra: thân hành động.
10- Vacīsamācāra: khẩu nói năng.
11- Pariyesanā: sự tìm kiếm.
12- Indriyasaṃvara: giữ gìn 6 xứ trong và 6 xứ ngoài.
13- Anekadhātu: vô số tự-tánh.
14- Accantaniṭṭhā: Niết-bàn.

[1] Bộ Dī, Mahāvaggapāḷi, kinh Sakkapañhasutta và Aṭṭhakathā.

Nghe *Đức-Thế-Tôn* giải đáp đến *câu hỏi thứ 5* ***Papañcadhamma****: pháp-trì-hoãn* đó là *taṇhā: tham-ái, māna: ngã-mạn, diṭṭhi: tà-kiến. Khi ấy, Đức-vua-trời Sakka chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được 2 loại phiền-não *là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā)* trở thành bậc ***Thánh Nhập-lưu*** *(Sotāpanna)*. Ngay khi ấy, *Đức-vua-trời Sakka chuyển kiếp (cuti) (chết),* rồi *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla) có* ***đại-quả-tâm*** *hợp với trí-tuệ gọi là* ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm Đức-vua-trời Sakka* trở lại tại nơi ấy, chỉ có *Đức-vua-trời Sakka và Đức-Thế-Tôn* biết mà thôi. Còn tất cả chư-thiên khác đều không có vị nào biết cả.

Đức-vua-trời Sakka tiếp tục bạch hỏi những câu hỏi còn lại, *Đức-Thế-Tôn* giải đáp đầy đủ 14 câu hỏi của Đức-vua-trời Sakka.

Cho nên, bài kinh này gọi là *Sakkapañhasutta: Kinh câu hỏi của Đức-vua-trời Sakka.*

Đức-vua-trời Sakka và các hậu kiếp

Đức-vua-trời Sakka *mới* là ***bậc Thánh Nhập-lưu*** hồi cung ngự trở về cung trời Tam-thập-tam-thiên cho đến hết tuổi thọ tại cõi trời ấy, chuyển kiếp (chết), *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người trong lòng Bà Chánh-cung Hoàng-hậu.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành là *Thái-tử rồi trở thành* ***Đức-vua*** trong cõi người. Khi hết tuổi thọ ở cõi người (chết), rồi *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***Đức-vua-trời Sakka*** trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Như vậy, Đức-vua tử sinh luân-hồi trong cõi thiện-dục-giới là cõi người và cõi trời dục-giới suốt 7 kiếp.

Kiếp Đức-vua trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai*** tại cõi người đến khi hết tuổi thọ cõi người (chết), *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***Đức-vua-trời Sakka*** trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***, rồi chuyển kiếp (chết), ***đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-nghiệp*** trong *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* có ***đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm*** tương xứng gọi là ***sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm *vị phạm-thiên* trên *tầng trời sắc-giới phạm-thiên Suddhavāsa (Tịnh-cư-thiên)* dành cho *bậc Thánh Bất-lai* có 5 tầng trời theo tuần tự như sau:

1- Avihā: tầng trời Vô-phiền-thiên có tuổi thọ 1.000 đại-kiếp trái đất.

2- Atappā: tầng trời Vô-nhiệt-thiên có tuổi thọ 2.000 đại-kiếp trái đất.

3- Sudassā: tầng trời Thiện-hiện-thiên có tuổi thọ 4.000 đại-kiếp trái đất.

4- Sudassī: tầng trời Thiện-kiến-thiên có tuổi thọ 8.000 đại-kiếp trái đất.

5- Akaniṭṭhā: tầng trời Sắc-cứu-cánh-thiên có tuổi thọ 16.000 đại-kiếp trái đất.

Như vậy, *Đức-vua-trời Sakka* đã phát nguyện hưởng an-lạc trong tầng trời *Suddhavāsa (Tịnh-cư-thiên)* có *5 tầng trời sắc-giới phạm-thiên* theo tuần tự từ tầng trời *Avihā: tầng trời Vô-phiền-thiên* cho đến tầng trời *Akaniṭṭhā: Sắc-cứu-cánh-thiên,* suốt 5 tầng trời cõi trời sắc-giới phạm-thiên gồm có 31.000 đại-kiếp trái đất, rồi

sẽ trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** tại *tầng trời Akaniṭṭhā: Sắc-cứu-cánh-thiên,* mới tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama có *ba bậc Thánh Nhập-lưu* là *Đức-vua-trời Sakka, ông phú hộ Anāthapiṇḍika gahapati và bà Visākhā mahā-upāsikā* đều phát nguyện giống nhau như vậy, nên gọi là ***vaṭṭā-bhiratasattā***: *bậc Thánh Nhập-lưu thích tử sinh luân-hồi hưởng sự an-lạc trong các tầng trời cõi trời sắc-giới phạm-thiên.*

Nhận xét về phước-thiện bố-thí

Phước-thiện bố-thí được thành-tựu cần phải hội đủ 3 chi-pháp:

*1- **Thí-chủ** có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện bố-thí đầy đủ trong 3 thời-kỳ tác-ý:*

*- **Pubbacetanā**: tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.*

*- **Muñcacetanā:** tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch khi đang tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.*

*- **Aparacetanā:** tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã làm xong phước-thiện bố-thí đến người thọ-thí.*

*2- **Vật-thí** có được do thân, khẩu, ý hành thiện* nghĩa là ***vật thí dù ít dù nhiều*** cũng có được một cách hợp pháp trong sạch với đại-thiện-tâm trong sạch.

*3- **Người thọ-thí** nhận vật-thí của thí-chủ* là người có giới-đức trong sạch, có thiện-pháp cao thượng.

Nếu thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí hội đủ 3 chi-pháp này thì phước-thiện bố-thí được thành tựu, thí-chủ đã tạo đại-thiện-nghiệp bố-thí cao quý, có quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy vô cùng phong phú trong kiếp

hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, đặc biệt làm nhân-duyên hỗ trợ cho các pháp-hạnh ba-la-mật sớm được đầy đủ trọn vẹn, *mọi thiện-pháp* được dễ dàng phát triển từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp* cho đến ***siêu-tam-giới thiện-pháp***.

Như vậy, trong 3 chi-pháp này, chi-pháp ***thí-chủ*** *có đầy đủ trong 3 thời-kỳ tác-ý trong đại-thiện-tâm trong sạch* và chi-pháp ***người thọ-thí*** là *người có giới-đức trong sạch, có thiện-pháp* cao thượng, nhất là *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo* là trọng yếu.

Còn chi-pháp ***vật-thí dù ít dù nhiều*** cũng có được do thân hành các điều thiện, do khẩu nói năng các điều thiện, do ý nghĩ các điều thiện trong sạch, dù thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí ***một lần hoặc nhiều lần*** vẫn tạo được đại-thiện-nghiệp bố-thí cao quý, có quả báu cao quý trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Những tính chất của phước-thiện bố-thí

Bố-thí có những tính chất như sau:

1- Pariccāgalakkhaṇa: Phước-thiện bố-thí có trạng-thái đem tiền của, sự hiểu biết của mình ban cho người khác, chúng-sinh khác.

2- Lobhaviddhaṃsanarasa: Phước-thiện bố-thí có phận sự tiêu diệt tâm tham keo kiệt, bủn xỉn trong tiền của, trong sự hiểu biết của mình.

3-Bhavibhavasampattipaccuppaṭṭhānaṃ: Phước-thiện bố-thí có quả báu đầy đủ trong kiếp sống hiện-tại và hỗ trợ cho pháp giải thoát khổ là kết quả hiện hữu.

4- Saddheyyapadaṭṭhānaṃ: Đức-tin trong sạch nơi bậc thọ-thí đáng tin là nguyên nhân gần của phước-thiện bố-thí.

* *Paṭikkhepadhamma:* Pháp nghịch với phước-thiện bố-thí đó là *tâm tham (lobhacitta).*

* *Anuññātadhamma:* Pháp giúp tạo cơ hội phước-thiện bố-thí đó là *tâm vô-tham (alobhacitta).*

(Nên tìm hiểu đầy đủ trong quyển "Tìm Hiểu Phước Bố-Thí" cùng soạn giả, để hiểu rõ phước-thiện bố-thí).

(Xong phần phước-thiện bố-thí)

2- PHƯỚC-THIỆN GIỮ-GIỚI (Sīlakusala)

Sīlakusala: Phước-thiện giữ-giới

* Định nghĩa Sīla:

Sīlayati kāyavacīkammāni sammādahatīti sīlaṃ.

Trạng-thái nào giữ gìn cho thân và khẩu trong sạch do thân thiện-nghiệp và khẩu thiện-nghiệp, trạng-thái ấy gọi là ***giới.***

Sīlacetanā: tác-ý giữ-giới đó là ***tác-ý tâm-sở*** *(cetanā-cetasika)* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* tạo *thân thiện-nghiệp (kāyakusalakamma) và khẩu thiện-nghiệp (vacīkusalakamma),* đồng thời ngăn được *thân hành-ác (kāyaduccarita) và khẩu nói-ác (vacīduccarita)* không cho phát sinh.

Tác-ý giữ-giới (cetanāsīla) có phận sự giữ gìn ***thân*** và ***khẩu*** tránh xa *thân hành-ác (kāyaduccarita) và khẩu nói-ác (vacīduccarita)*, thuộc về ***pháp-hành giới.***

* Định nghĩa khác:

Sīlayati kusaladhamme upadhāretīti sīlaṃ.

Trạng-thái nào có khả năng làm nền tảng cho các thiện-pháp phát sinh như định (samādhi), tuệ (paññā), giải-thoát (vimutti), giải-thoát tri-kiến (vimuttiñāṇa-dassana), trạng-thái ấy gọi là ***giới****.*

Sīlacetanā: tác-ý giữ-giới đó là ***tác-ý tâm-sở*** *(cetanā-cetasika)* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* giữ gìn các điều-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn để làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ* phát sinh, để cho mọi *thiện-tâm* phát sinh từ *8 dục-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, cho đến 4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-tâm đó là 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm phát sinh.*

Ví như ***mặt đất tốt màu mỡ*** làm nơi nương nhờ của các loài thực-vật, các loài sinh-vật, các loài chúng-sinh nhỏ lớn phát sinh và tăng trưởng.

Cũng như vậy, ***giới*** *của mình trong sạch và trọn vẹn hoàn toàn* làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *mọi thiện-tâm* phát sinh và tăng trưởng.

Đức-Phật dạy:

"Iti sīlaṃ iti samādhi iti paññā. Sīlaparibhāvito samādhi mahapphalo hoti, mahānisaṃso. Samādhi-paribhāvitā paññā mahapphalā hoti, mahānisaṃsā. Paññāparibhāvitaṃ cittaṃ sammadeva āsavehi vimuccati. Seyyathidaṃ kāmāsavā bhavāsavā avijjāsavā[1]*."*

Giới *có như vậy,* ***thiền-định*** *có như vậy,* ***trí-tuệ thiền-tuệ*** *có như vậy.*

* ***Thiền-định*** *do có giới trong sạch, nên có quả báu tam-giới, có quả báu siêu-tam-giới.*

* ***Trí-tuệ thiền-tuệ*** *do có thiền-định vững chắc, nên có quả báu tam-giới, có quả báu siêu-tam-giới.*

---

[1] Dī, Mahāvagga, Mahāparinibbānasutta, Ariyasaccakathāsutta.

**** Thánh-Đạo-tâm*** *do có trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, nên giải thoát mọi phiền-não trầm-luân đó là dục-giới trầm-luân, kiếp sắc-giới, vô-sắc-giới trầm-luân, vô-minh trầm-luân.*

Các *thiện-pháp: dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp thuộc tam-giới thiện-pháp,* cho đến *siêu-tam-giới thiện-pháp* cũng đều do nương nhờ nơi ***phước-thiện giữ-giới*** làm nền tảng, để phát sinh và tăng trưởng.

Phước-thiện giữ-giới là các loại giới nào?

Các loại giới

Trong Phật-giáo có 4 loại giới:

1- Bhikkhusīla: tỳ-khưu-giới.

2- Bhikkhunīsīla: tỳ-khưu-ni-giới .

3- Sāmaṇerasīla: sa-di-giới.

4- Gahaṭṭhasīla: tại-gia-giới.

Giải thích

1- Bhikkhusīla: tỳ-khưu-giới được *Đức-Phật* chế định được ghi trong *bhikkhupātimokkhasīla* gồm có *227 điều-giới*, và được ghi trong *TạnglLuật Pāḷi (Vinayapiṭaka-pāḷi)* gồm có 91.805.036.000 điều-giới.

2- *Bhikkhunisīla: tỳ-khưu-ni-giới* được *Đức-Phật* chế định được ghi trong *Bhikkhunīpātimokkhasīla* gồm có 311 điều-giới.

3- Sāmaṇerasīla: sa-di-giới được *Đức-Phật* chế định gồm có *10 điều-giới sa-di, 10 điều-giới hoại phẩm-hạnh sa-di, 10 điều-giới hành phạt sa-di, 75 điều-giới thực-hành của sa-di, tỳ-khưu, 14 pháp-hành của sa-di.*

4-Gahaṭṭhasīla: Tại-gia-giới là giới của người tại-gia.

Người tại-gia có những giới: ***ngũ-giới*** *là thường-giới, và* ***bát-giới Ājīvaṭṭhamakasīla*** cũng xem như là *thường-giới* chung cho tất cả mọi người tại-gia, không ngoại trừ một ai cả, dù có thọ-trì hoặc không thọ-trì 2 loại giới này, nếu người nào phạm điều-giới nào thì người ấy tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, rồi phải chịu quả xấu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Ngoài 2 loại giới ấy ra, người tại-gia là *cận-sự-nam, cận-sự-nữ* có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp*, nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào có khả năng thọ-trì *bát-giới uposathasīla, cửu-giới uposathasīla, thập-giới của người tại-gia* thì người ấy tạo được *phước-thiện giữ gìn giới đặc biệt hơn ngũ-giới và bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla.*

Giải Thích 4 Loại Giới

1- Bhikkhusīla: Tỳ-khưu-giới

Bhikkhusīla*: tỳ-khưu-giới* là giới mà tỳ-khưu không phải thọ trì như giới của người tại-gia, cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā).

Trong buổi lễ ***upasampadā****: nâng đỡ* ***vị sa-di giới-tử*** *lên tỳ-khưu*, do chư tỳ-khưu-Tăng có từ ***5 vị tỳ-khưu thật*** trở lên tụ hội tại *sīmā* hành tăng-sự, có *2 - 3 Ngài Trưởng-lão luật-sư* tụng ***ñatticatutthakammavācā***, nghĩa là tụng *1 lần* ***ñatti****: tuyên-ngôn* và *3 lần* ***kammavācā****: thành-sự-ngôn*, đến lần thứ 3 chấm dứt, ngay khi ấy *vị sa-di giới-tử* trở thành ***bhikkhu****: tỳ-khưu* trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, và đồng thời có *tỳ-khưu-giới gồm có 227 điều-giới* hoàn toàn đầy đủ, *14 pháp-hành* của vị tỳ-khưu, …

Vị tỳ-khưu mới (navaka bhikkhu) có thể ăn ở chung với chư tỳ-khưu, hành tăng-sự chung với chư tỳ-khưu.

Trở thành tỳ-khưu

Để trở thành vị tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, người nam giới-tử cần phải hội đầy đủ *5 chi-pháp thành-tựu tỳ-khưu (sampatti)* là:

1- Vatthusampatti: sa-di giới-tử hợp với Luật.
2- Ñattisampatti: tụng ñatti đúng theo văn phạm Pāḷi.
3- Anusāsanasampatti: tụng kammavācā đúng theo văn phạm Pāḷi.
4- Sīmāsampatti: chỗ ranh giới sīmā hoàn toàn đúng theo Luật.
5- Purisasampatti: chư tỳ-khưu-Tăng hội đầy đủ để hành tăng-sự.

Đó là 5 chi-pháp đúng theo *Tạng Luật Pāḷi trong bộ Cūḷavaggaṭṭhakathāpāḷi.*

Giảng giải 5 chi-pháp trở thành tỳ-khưu

*1- **Vatthusampatti**: Sa-di giới-tử hợp với Luật:*

Sa-di giới-tử là người nam đủ 20 tuổi kể từ khi đầu thai hoặc hơn 20 tuổi, là người không có tật nguyền, cũng không thuộc vào 13 hạng người có lỗi cấm trở thành tỳ-khưu.[1]

Nếu sa-di giới-tử là người nam chưa đủ 20 tuổi, hoặc có tật nguyền, hoặc thuộc vào 1 trong 13 hạng người có lỗi cấm trở thành tỳ-khưu, thì gọi là *vatthuvippatti: sa-di giới-tử không hợp với Luật.*

*2- **Ñattisampatti**: Tụng ñatti (tuyên-ngôn) đúng theo văn phạm Pāḷi::*

Ngài Trưởng-lão luật sư là vị thông thạo văn phạm Pāḷi, rành rẽ về cách hành tăng-sự, ***tụng ñatti*** *(tuyên-*

[1] Tìm hiểu trong quyển "Gương Bậc Xuất-Gia", cùng soạn giả.

ngôn) 1 lần từng nguyên âm, từng phụ âm từng chữ đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* và đúng theo *10 byañjanabuddhi*.

Nếu *Ngài Trưởng-lão luật sư* không hiểu biết rõ văn phạm Pāḷi, ***tụng ñatti*** *(tuyên-ngôn) 1 lần* không đúng từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ không đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* và không đúng theo *10 byañjanabuddhi* thì gọi là *ñattivippatti: tụng tuyên ngôn không đúng theo văn phạm Pāḷi.*

*3- **Anussāsanasampatti**: Tụng kammavācā thành-sự-ngôn đúng theo văn phạm Pāḷi.*

Ngài Trưởng-lão luật sư là vị thông thạo văn phạm Pāḷi, rành rẽ về cách hành tăng-sự, ***tụng kammavācā*** *(thành-sự-ngôn) 3 lần* từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* và đúng theo *10 Byañjanabuddhi.*

Nếu *Ngài Trưởng-lão luật sư* không hiểu biết rõ văn phạm Pāḷi, ***tụng kammavācā*** *(thành-sự-ngôn) 3 lần* từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ không đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana* và không đúng theo *10 byañjanabuddhi,* thì gọi là *anussāsanavippatti: thành-sự-ngôn không đúng theo văn phạm Pāḷi.*

*4- **Sīmāsampatti**: Ranh-giới Sīmā đúng theo Luật:*

Sīmā là ranh giới có diện tích không lớn quá 3 do-tuần, cũng không nhỏ quá không đủ cho 21 vị tỳ-khưu ngồi cách nhau *hatthapāsa (2 cùi tay và 1 gang),* để hành các tăng-sự, xung quanh chu vi ranh giới *Sīmā* có đầy đủ các dấu *nimitta.*

Sīmā là một nơi riêng biệt để chư tỳ-khưu-Tăng từ 4-5 vị trở lên hội họp hành các loại tăng-sự uposathakamma, *tụng ñatti kammavācā, ...*

Nếu *ranh-giới Sīmā không đúng theo Tạng Luật Pāḷi* mà *Đức-Phật đã chế định và ban hành,* nghĩa là *ranh-giới Sīmā* không làm đúng theo Tạng Luật Pāḷi thì gọi là *sīmāvippatti: ranh-giới Sīmā không đúng theo Luật.*

Sīmā là ranh giới chu vi rõ rệt, khi chư tỳ-khưu-Tăng hành tăng-sự cần phải ngồi cách nhau trong *hatthapāsa (2 cùi tay và 1 gang), sīmā* có tầm quan trọng trong Phật-giáo, bởi vì *sīmā* là nơi thành-tựu tỳ-khưu, cũng là nơi để thành-tựu các pháp-hành tăng-sự khác trong Phật-giáo.

5- ***Purisasampatti****: Chư tỳ-khưu-Tăng đủ số lượng hành tăng-sự:*

Đức-Phật cho phép làm lễ ***upasampadā****: lễ nâng đỡ vị sa-di giới-tử lên vị tỳ-khưu* tại *trung Ấn-độ (majjhima-padesa)* cần phải có ít nhất ***10 vị tỳ-khưu thật***, hay nhiều hơn càng tốt.

Ngoài *trung Ấn-độ ra*, các tỉnh nơi biên địa, kể cả các nước khác, Đức-Phật cho phép làm lễ ***upasampadā*** cần phải có ít nhất ***5 vị tỳ-khưu thật***, hay nhiều hơn càng tốt.

Chư tỳ-khưu-Tăng gồm có đủ số lượng cần thiết hội họp tại sīmā, hành tăng-sự, có *3 hoặc 2 hoặc 1 Ngài Trưởng-lão luật sư tụng ñatticatutthakammavācā*, tụng ***1 lần ñatti*** và tiếp theo *tụng* ***3 lần kammavācā,*** gọi là ***ñatticatutthakammavācā*** để thành tựu lễ nâng đỡ *vị nam sa-di giới-tử* trở thành ***vị tỳ-khưu*** *đúng theo Tạng Luật Pāḷi mà Đức-Phật đã ban hành.*

Vị tỳ-khưu mới (navakabhikkhu) ấy trở thành 1 trong tứ chúng: tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ của Đức-Phật Gotama.

Nếu chư tỳ-khưu-Tăng không có đủ số lượng cần thiết, nghĩa là tại trung Ấn-độ, *không có đủ 10 vị tỳ-khưu thật*, hoặc tại các tỉnh biên địa, kể cả các nước khác

không có đủ 5 vị tỳ-khưu thật để hành tăng-sự, làm lễ ***upasampadā*** ấy thì gọi là *purisavippatti: chư tỳ-khưu-Tăng không đủ số lượng hành tăng-sự.*

* Trường hợp tuy có nhiều vị tỳ-khưu hội họp tại sīmā, nhưng trong số tỳ-khưu ấy phần đông là *tỳ-khưu không thật, còn lại số tỳ-khưu thật không có đủ số lượng cần thiết 5 vị tỳ-khưu thật*, thì cũng gọi là *purisavippatti: chư tỳ-khưu-Tăng hội không đủ số lượng hành tăng-sự.*

Trong trường hợp lễ ***upasampadā****: nâng đỡ vị nam sa-di giới-tử lên tỳ-khưu ấy* hội đủ ***5 chi-pháp sampatti*** là *vatthusampatti ñattisampatti, anusāsanasampatti, sīmāsampatti, purisasampatti* thì lễ nâng đỡ vị nam sa-di giới-tử lên tỳ-khưu được thành-tựu, nên *vị nam sa-di giới-tử* trở thành ***vị tỳ-khưu thật.***

Nhưng nếu trong buổi lễ ***upasampadā*** *nâng đỡ vị nam sa-di giới-tử lên tỳ-khưu ấy,* có ***1 trong 5 chi-pháp vippatti*** là *vatthuvippatti, ñattivippatti, anusāsanavippatti, sīmāvippatti, purisavippatti* thì lễ ***upasampadā ấy*** không *thành tựu,* nên *vị nam sa-di giới-tử không trở thành vị tỳ-khưu thật, dù biết hay không biết cũng không phải là* ***vị tỳ-khưu thật*** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Trở thành tỳ-khưu thật

Nam sa-di giới-tử nào trong cuộc lễ ***upasampadā*** nếu có đầy đủ ***5 chi-pháp sampatti*** là *vatthusampatti, ñatti-sampatti, anusāsanasampatti, sīmāsampatti, purisa-sampatti*, khi *Ngài Trưởng-lão luật sư* tụng ***ñatti-catutthakammavācā*** xong, thì lễ ***upasampadā*** *ấy* được thành tựu, vị nam sa-di giới-tử ấy trở thành ***tỳ-khưu thật,*** ngay lúc ấy, *vị tỳ-khưu mới (navakabhikkhu)* có đầy đủ *227 điều-giới của tỳ-khưu* như các tỳ-khưu khác, có *14 pháp hành* của tỳ-khưu, …

Tỳ-khưu mới có thể sinh hoạt chung với các tỳ-khưu khác như ăn ở, hành tăng-sự chung với các tỳ-khưu khác.

Không trở thành tỳ-khưu thật

Nam sa-di giới-tử nào trong cuộc lễ ***upasampadā***, nếu có ***1 trong 5 chi-pháp vippatti*** là *vatthuvippatti, ñatti-vippatti, anusāsanavippatti, sīmāvippatti, purisavippatti*, dù khi *Ngài Trưởng-lão luật sư tụng ñatticatuttha-kammavācā* xong, cuộc lễ ***upasampadā*** *ấy* vẫn không được thành tựu, *vị nam sa-di giới-tử ấy không trở thành* ***tỳ-khưu thật*** *đúng theo Tạng Luật Pāḷi,* nên không có *227 điều-giới của tỳ-khưu* như các tỳ-khưu khác, không có *14 pháp-hành của tỳ-khưu*.

Nếu gọi là *tỳ-khưu* thì chỉ là tên ***tỳ-khưu*** mà thôi, *(không phải là tỳ-khưu thật),* bởi vì, *cuộc lễ nâng đỡ lên tỳ-khưu (upasampadā) ấy không thành tựu.*

Vị tỳ-khưu đầu tiên trong Phật-giáo

Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian vào ngày rằm tháng tư (âm-lịch) tại cội Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā (nay gọi là Buddhagayā), đến ngày rằm tháng 6, Đức-Phật Gotama ngự đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī, nơi ấy có nhóm 5 tỳ-khưu là *Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma, Ngài Assaji.*

Vào buổi chiều ngày rằm tháng 6, *Đức-Phật Gotama* lần đầu tiên thuyết bài kinh ***Dhammacakkappavattana-sutta:*** *Kinh chuyển-pháp-luân* tế độ nhóm 5 tỳ-khưu ấy.

Sau khi nghe *Đức-Phật Gotama* thuyết giảng bài Kinh chuyển-pháp-luân xong, nhóm 5 tỳ-khưu phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ trong lời dạy của Đức-Phật.

Trong nhóm 5 tỳ-khưu ấy, chỉ có *Ngài Đại-Trưởng-*

lão Koṇḍañña là vị đầu tiên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu*** đầu tiên trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama,* nên Ngài có tên mới là *"Aññāsikoṇḍañña"*.

Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành sa-di, tỳ-khưu trong giáo-pháp của *Đức-Phật Gotama.*

Đức-Phật có *Phật-nhãn* thấy rõ, biết rõ phước-duyên của *Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* có đầy đủ 8 thứ vật dụng cần thiết của tỳ-khưu được thành-tựu do quả phước như thần-thông, nên *Đức-Phật* đưa bàn tay phải, chỉ bằng ngón trỏ mà truyền dạy rằng:

"Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakariyāya."

- *"Này Aññāsikoṇḍañña! Con hãy đến với Như-lai, con trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện, Chánh-pháp mà Như-lai đã thuyết giảng hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên cố gắng tinh-tấn hành phạm-hạnh cao thượng, để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới."*

Đức-Phật truyền dạy vừa chấm dứt, ngay khi ấy, hình tướng cũ của *Ngài đại-trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* biến mất, thay vào tăng tướng mới đạo mạo là ***vị tỳ-khưu*** có đầy đủ 8 thứ vật dụng cần thiết của tỳ-khưu được thành-tựu do quả phước như thần thông.

Vị tỳ-khưu có tăng tướng trang nghiêm, lục môn thanh-tịnh như vị tỳ-khưu có 60 hạ.

Như vậy, *Ngài đại-trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* là vị tỳ-khưu đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Trở thành tỳ-khưu theo cách *"**Ehi bhikkhūpasampadā**"* *này* chỉ có từ *Đức-Phật* mà thôi.

Về sau, *Đức-Phật* cho phép chư tỳ-khưu làm lễ xuất gia cho nam giới-tử trở thành tỳ-khưu theo cách tụng *"**ñatticatutthakammūpasampadā**"* nghĩa là tụng *1 lần **ñatti**: tuyên-ngôn* và *3 lần **kammavācā**: thành-sự-ngôn.*

*Cách **ñatticatutthakammūpasampadā*** này được duy trì từ thời Đức-Phật còn hiện hữu trên thế gian, và sau khi *Đức-Phật Gotama đã tịch diệt Niết-bàn* vẫn còn được duy trì cho đến ngày nay trong các nước theo truyền thống *Phật-giáo nguyên-thuỷ Theravāda* như *nước Srilankā (Tích-Lan), nước Myanmar (Miến-Điện), nước Thái-Lan, nước Kampuchia, nước Lào, Phật-giáo nguyên-thuỷ Theravāda tại Việt-Nam,...*

Bhikkhusīla: Tỳ-khưu-giới

Giới của tỳ-khưu gồm có 227 điều-giới, chia ra làm 8 loại giới:

1- Giới Pārājika gồm có 4 điều-giới.
2- Giới Saṃghādisesa gồm có 13 điều-giới.
3- Giới Aniyata gồm có 2 điều-giới.
4- Giới Nissaggiya gồm có 30 điều-giới.
5- Giới Suddha pācittiya gồm có 92 điều-giới.
6- Giới Pāṭidesanīya gồm có 4 điều-giới.
7- Giới Sekhiya gồm có 75 điều-giới.
8- Điều Adhikaraṇasamatha gồm có 7 điều.

Trong 8 loại giới này phân chia ra 7 loại āpatti:

1- *Pārājika āpatti:* Sự phạm điều-giới pārājika.
2- *Saṃghādisesa āpatti:* Sự phạm điều-giới saṃghādisesa.
3- *Thullaccaya āpatti:* Sự phạm điều-giới thullaccaya.
4- *Pācittiya āpatti:* Sự phạm điều-giới pācittiya.

5- *Pāṭidesaniya āpatti:* Sự phạm điều-giới pāṭidesaniya.
6- *Dukkaṭa āpatti:* Sự phạm điều-giới dukkaṭa.
7- *Dubbhāsita āpatti:* sự phạm điều-giới dubbhāsita.

Trong 7 loại āpatti này phân chia ra làm 2 loại:

- ***Garuka āpatti*** *là phạm điều-giới nặng* gồm có 2 loại là *pārājika āpatti* và *saṃghādisesa āpatti.*

Sở dĩ *2 loại āpatti này* gọi là *āpatti nặng* là vì tỳ-khưu nào đã phạm điều-giới này, tỳ-khưu ấy không thể sám hối được.

* Nếu vị tỳ-khưu nào *phạm điều-giới pārājika (bại hoại phẩm-hạnh)* này thuộc *āpatti nặng* thì vị tỳ-khưu ấy đã bị bại hoại phẩm-hạnh tỳ-khưu của mình rồi, không còn là tỳ-khưu nữa, phải hoàn tục trở thành *cận-sự-nam* hoặc xuống trở thành *vị sa-di* suốt đời, mà không được phép xuất gia trở thành tỳ-khưu được nữa.

Nếu tỳ-khưu nào đã *phạm điều-giới pārājika ấy* rồi mà không chịu hoàn tục trở thành người cận-sự-nam thì gọi là ***tỳ-khưu dussīla****, tỳ-khưu phá giới, tỳ-khưu không có giới.*

* Nếu vị tỳ-khưu nào đã phạm *1 trong 13 điều-giới saṃghādisesa* thuộc về *āpatti nặng* này thì vị tỳ-khưu ấy tuy vẫn còn là tỳ-khưu nhưng là tỳ-khưu phạm điều-giới *saṃghādisesa* phải chịu hành phạt theo luật của Đức-Phật đã chế định.

Để thoát ra khỏi sự phạm điều-giới *saṃghādisesa,* vị tỳ-khưu ấy cần phải đến trình chư tỳ-khưu-Tăng biết, rồi xin chịu hành phạt đúng theo các pháp-hành mà Đức-Phật đã chế-định và ban hành đến chư tỳ-khưu phạm điều-giới saṃghādisesa.

- *Xin thọ parivāsakamma* xong, tiếp theo

- *Xin thọ mānattakamma* xong, tiếp theo
- *Xin hành abbhāna*.

* Nếu vị tỳ-khưu nào biết mình đã phạm điều-giới *saṃghādisesa nào,* khi ấy, đến trình với vị tỳ-khưu khác, *không có tác-ý che giấu sự phạm điều-giới saṃghādisesa ấy* của mình qua cách đêm, thì vị tỳ-khưu ấy không cần xin thọ *parivāsakamma.* Vị tỳ-khưu ấy cần phải đến trình với chư tỳ-khưu-Tăng, xin thọ *mānattakamma,* rồi thực-hành *mānattakamma* suốt 6 đêm.

* Nếu vị tỳ-khưu nào đã phạm điều-giới *saṃghādisesa nào,* rồi *có tác-ý che giấu sự phạm điều-giới saṃghādisesa ấy* của mình qua thời gian cách bao nhiêu đêm, thì vị tỳ-khưu ấy phải xin thọ *parivāsakamma,* rồi thực-hành *parivāsakamma* suốt bấy nhiêu đêm đủ xong rồi. Vị tỳ-khưu ấy cần phải đến trình với chư tỳ-khưu-Tăng, xin thọ *mānattakamma,* rồi thực-hành *mānattakamma* suốt 6 đêm.

Trong suốt khoảng thời gian vị tỳ-khưu phạm điều-giới saṃghādisesa ấy, bị hành phạt, thực-hành *parivāsakamma và mānattakamma,* vị tỳ-khưu phạm điều-giới ấy không được phép ăn ở sinh hoạt chung với chư tỳ-khưu bình thường khác.

Sau khi thực-hành *mānattakamma* suốt 6 đêm xong rồi, vị tỳ-khưu ấy kính thỉnh chư tỳ-khưu-Tăng có ít nhất 21 vị tỳ-khưu thật tụ hội tại sīmā, vị tỳ-khưu ấy *xin thọ hành abbhānakamma.*

Ngài Trưởng-lão luật sư tụng abhānakammavācā xong, khi ấy vị tỳ-khưu ấy mới thoát ra khỏi sự phạm giới *saṃghādisesa ấy,* và được phép trở lại sinh hoạt chung với chư tỳ-khưu-Tăng, như ăn ở chung, hành tăng-sự chung với chư tỳ-khưu như trước.

- ***Lahuka āpatti*** *là phạm điều-giới nhẹ* gồm có *5 loại āpatti* còn lại là *thullaccaya āpatti, pācittiya āpatti, pāṭidesaniya āpatti, dukkaṭa āpatti, dubbhāsita āpatti.*

Sở dĩ *5 loại āpatti* này gọi là *āpatti nhẹ* là vì tỳ-khưu nào đã *phạm các điều-giới nhẹ này,* tỳ-khưu ấy có thể sám hối được, để cho giới của tỳ-khưu ấy được trong sạch trở lại.

Nếu tỳ-khưu nào phạm điều-giới thuộc về *āpatti nhẹ nào*, và 14 pháp hành nào của tỳ-khưu thì vị tỳ-khưu ấy phải đến gặp một vị tỳ-khưu khác không phạm *āpatti nhẹ* giống với mình, xin làm lễ sám hối *āpatti* ấy với vị tỳ-khưu khác đúng theo luật của Đức-Phật đã chế định.

Sau khi làm lễ sám hối xong, vị tỳ-khưu ấy có giới của vị tỳ-khưu trở lại như trước.

* Nếu tỳ-khưu nào đã có tác-ý phạm *āpatti nhẹ nào* và 14 pháp-hành của tỳ-khưu, mà không chịu làm lễ sám hối *āpatti nhẹ ấy* với một vị tỳ-khưu khác thì gọi tỳ-khưu ấy là ***tỳ-khưu ālajjī****: tỳ-khưu không biết hổ-thẹn mình phạm giới.*

2- Bhikkhunīsīla: Tỳ-khưu-ni-giới

Bhikkhunīsīla: *Tỳ-khưu-ni-giới* là giới mà tỳ-khưu-ni không phải thọ trì như giới của người tại-gia, cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā).

Giới của tỳ-khưu-ni gồm có *311 điều-giới,* v.v... được hoàn toàn đầy đủ cùng một lúc trong cuộc lễ *upasampadā* khi nữ giới-tử trở thành tỳ-khưu-ni. được thành-tựu cùng một lúc trong lễ xuất gia.

Trở thành tỳ-khưu-ni

Để trở thành tỳ-khưu-ni, người nữ giới-tử cần phải hội đầy đủ ***5 chi-pháp sampatti*** là *vatthusampatti, ñattisampatti, anusāsanasampatti, sīmāsampatti, purisa-sampatti,* đúng theo Chú-giải Tạng Luật, bộ Cūḷa-vaggaṭṭhakathāpāḷi cũng như nam giới-tử.

Cách trở thành tỳ-khưu-ni

Trước khi làm lễ *upasampadā* để trở thành tỳ-khưu-ni, nữ giới-tử là *sikkhāmānā* có 20 tuổi trở lên đã thực-hành giữ gìn 6 điều-giới hoàn toàn trong sạch và đầy đủ suốt 2 năm *(trong thời gian thực-hành 6 điều-giới ấy, nếu phạm giới nào thì phải bắt đầu trở lại)*.

Khi *nữ giới-tử Sikkhāmānā* hành 6 điều-giới đủ 2 năm rồi, được phép làm lễ *upasampadā* nâng đỡ lên tỳ-khưu-ni có 2 giai đoạn:

*1- **Giai đoạn đầu**: Giới-tử Sikkhāmānā* đến trình chư tỳ-khưu-ni-Tăng hội họp hành tăng-sự tại nơi sīmā, vị Trưởng-lão tỳ-khưu-ni luật sư tụng *1 lần ñatti (tuyên-ngôn)* và tiếp theo tụng *3 lần kammavācā (thành-sự-ngôn)* gọi là *ñatticatutthakammavācā,* tiếp theo

*2- **Giai đoạn cuối**:* Giới tử tỳ-khưu-ni ấy đến trình chư tỳ-khưu-Tăng hội họp hành tăng-sự tại sīmā, *Ngài Trưởng-lão luật sư* tụng *1 lần ñatti (tuyên-ngôn)* và tiếp theo tụng *3 lần kammavācā (thành-sự-ngôn)* gọi là *ñatticatutthakammavācā.*

Như vậy, *nữ giới-tử sikkhāmānā* trở thành tỳ-khưu-ni cần phải được hành tăng-sự giữa chư tỳ-khưu 2 phái: chư tỳ-khưu-ni-Tăng trước và chư tỳ-khưu-Tăng sau, mỗi phái đều tụng *ñatticatutthakammavācā* gồm đủ *8 lần*, nên gọi là ***aṭṭhavācīkūpasampadā.***

Sau khi chư tỳ-khưu 2 phái mà mỗi phái tụng *Ñatti-*

catutthakammavācā gồm có 8 lần xong gọi là *aṭṭhavācīkūpasampadā* xong, *nữ giới-tử tỳ-khưu-ni ấy* trở thành tỳ-khưu-ni, đồng thời ngay khi ấy, *vị tỳ-khưu-ni mới* có đầy đủ *311 điều-giới của tỳ-khưu-ni* và các pháp-hành như các tỳ-khưu-ni khác, v.v…

Bhikkhunīsīla: Tỳ-khưu-ni-giới

Giới của tỳ-khưu-ni gồm có 311 điều-giới, chia làm 7 loại giới:

1- Giới Pārājika gồm có 8 điều-giới.
2- Giới Saṃghādisesa gồm có 17 điều-giới.
3- Giới Nissaggiya gồm có 30 điều-giới.
4- Giới Suddha pācittiya gồm có 166 điều-giới.
5- Giới Pāṭidesanīya gồm có 8 điều-giới.
6- Giới Sekhiya gồm có 75 điều-giới.
7- Điều Adhikaraṇasamatha gồm có 7 điều.

Trong 7 loại giới này phân chia có 7 loại āpatti:

1- *Pārājika āpatti:* sự phạm điều-giới pārājika.
2- *Saṃghādisesa āpatti:* sự phạm điều-giới saṃghādisesa.
3- *Thullaccaya āpatti:* sự phạm điều-giới thullacaya.
4- *Pācittiya āpatti:* sự phạm điều-giới pācittiya.
5- *Pāṭidesaniya āpatti:* sự phạm điều-giới pāṭidesaniya
6- *Dukkaṭa āpatti:* sự phạm điều-giới dukkaṭa.
7- *Dubbhāsita āpatti:* sự phạm điều-giới dubbhāsita.

Trong 7 loại āpatti này phân chia ra làm 2 loại:

- ***Garuka āpatti*** *là phạm điều-giới nặng* gồm có 2 loại là *pārājika āpatti* và *saṃghādisesa āpatti.*

Sở dĩ *2 loại āpatti này* gọi là *āpatti nặng* là vì tỳ-khưu-ni nào đã phạm điều-giới này, tỳ-khưu-ni ấy không thể sám hối được, …

- ***Lahuka āpatti*** *là phạm điều-giới nhẹ* gồm có *5 loại*

āpatti còn lại là *thullaccaya āpatti, pācittiya āpatti, pāṭidesaniya āpatti, dukkaṭa āpatti, dubbhāsita āpatti.*

Sở dĩ *5 loại āpatti* này gọi là *āpatti nhẹ* là vì tỳ-khưu-ni nào đã *phạm các điều-giới nhẹ này,* tỳ-khưu-ni ấy có thể sám hối được, để cho giới của tỳ-khưu-ni ấy được trong sạch trở lại.

*** Tỳ-khưu-ni đầu tiên**

Đức-Phật Gotam chỉ có 45 hạ trên cõi người mà thôi.

Vào hạ thứ 5, Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu Tăng an cư nhập hạ tại giảng đường Kuṭāgāra trong khu rừng lớn gần kinh-thành Vesāli.

Khi ấy, *bà Mahāpajāpatigotamī cùng với 500 cận-sự-nữ dòng Sakya* tự cạo đầu, mặc y giống như bậc xuất gia, đi chân không từ kinh-thành Kapilavatthu đến kinh-thành Vesāli, đứng khóc trước cổng giảng đường Kuṭāgāra bởi vì tủi thân do Đức-Phật chưa cho phép người nữ xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Ngài Trưởng-lão Ānanda đi ra cổng gặp *bá-mẫu Mahāpajāpatigotamī* mới biết rõ ý nguyện của *bá-mẫu*, nên trở vào hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép người nữ được xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni trong giáo-pháp của Đức-Thế-Tôn.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"Nếu Nhũ-mẫu Mahāpajāpatigotamī chấp thuận 8 trọng pháp (garudhamma) thì đó là sự xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni của Nhũ-mẫu."

Ngài Trưởng-lão Ānanda trở ra thưa lại cho *bá-mẫu* biết rõ *8 trọng pháp (garudhamma)* ấy[(1)]. *Bá-mẫu Mahāpajāpatigotamī* vô cùng hoan-hỷ chấp thuận *8 trọng pháp (garudhamma) ấy* và nghiêm chỉnh thực-hành đầy

[1] Xem đầy đủ trong quyển "Gương Bậc Xuất-Gia", cùng soạn giả.

đủ trọn vẹn cho đến trọn đời.

*Đó là sự xuất gia trở thành **tỳ-khưu-ni** của bà Mahā-pajāpatigotamī, còn 500 cận-sự-nữ dòng Sakya lần đầu tiên do chư tỳ-khưu-Tăng hành tăng-sự theo cách tụng ñatticatutthakammavācā.*

Từ đó về sau, xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni do chư tỳ-khưu 2 phái: *chư tỳ-khưu-ni-Tăng tụng ñatti-catutthakammavācā* trước và tiếp theo *chư tỳ-khưu-Tăng tụng ñatticatutthakammavācā* sau, gồm đủ *8 lần*, theo cách ***aṭṭhavācīkūpasampadā***.

Như vậy, ***tỳ-khưu-ni-Tăng*** hiện hữu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, bắt đầu từ *hạ thứ 5 của Đức-Phật*.

Theo bản dịch bộ Thera Therīgāthā bằng tiếng Myanmar phần lời nói đầu, đoạn *"**Tỳ-khưu-ni-Tăng bắt đầu và kết thúc**"*.

Bà Mahāpajāpatigotamī là *vị tỳ-khưu-ni đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama* và tiếp theo *500 cận-sự-nữ dòng Sakya* cũng là *500 vị tỳ-khưu-ni*.

Như vậy, *tỳ-khưu-ni-Tăng* bắt đầu từ *hạ thứ 5 của Đức-Phật,* và *tỳ-khưu-ni-Tăng* được tăng trưởng càng ngày càng đông được duy trì sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn, về sau còn duy trì cho đến *thời-kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ tư tại Đảo quốc Srilankā,* Phật-lịch 450 năm sau Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn.

Theo bản dịch bộ Thera Therīgāthā bằng tiếng Myanmar này, các Ngài Trưởng-lão nhận định trong phần lời nói đầu rằng:

*"Vào khoảng thời gian sau 500 năm, Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn**, tỳ-khưu-ni-Tăng** không còn nữa[(1)]."*

---

[1] Bộ Thera Therīgāthā tiếng Myanmar, phần nói đầu, đoạn *"Tỳ-khưu-ni-Tăng bắt đầu và kết thúc"* trang 10.

3- Sāmaṇerasīla: Sa-di-giới

Sāmaṇerasīla: *giới sa-di* là giới mà vị sa-di không phải thọ trì như giới của người tại-gia, cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā).

Sa-di-giới được hoàn toàn đầy đủ đó là *10 điều-giới của sa-di, 10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di, 10 pháp hành-phạt của sa-di, 75 điều-giới thực-hành của sa-di, 14 pháp-hành của sa-di, ...* được thành-tựu cùng một lúc trong lễ xuất gia khi thọ *phép quy-y Tam-bảo xong*.

Nghi thức xuất gia trở thành sa-di

Người cận-sự-nam dưới 20 tuổi có nguyện vọng muốn xuất gia trở thành sa-di trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama. Người cận-sự-nam ấy phải được cha mẹ hoặc người thân nhân cho phép, rồi đến đảnh lễ Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ xin phép xuất gia trở thành sa-di.

Sau khi được Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ cho phép, người nam giới-tử ấy thực-hành theo tuần tự:

1- Kesacchedana: Vị tỳ-khưu làm lễ cạo tóc cho giới-tử chuẩn bị sẵn sàng xuất gia.

2- Kāsāyacchādana: Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ trao y cà sa đến giới-tử mặc.

3- Saraṇadāna: Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ truyền dạy, hướng dẫn phép quy-y Tam-bảo cho giới-tử.

Phép quy-y Tam-bảo

Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ là vị thông thạo văn phạm Pāḷi đọc từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ đúng theo *ṭhāna, karaṇa, payatana và đúng theo 10 byañjanabuddhi*, truyền dạy, hướng dẫn đúng phép quy-y Tam-bảo.

Đảnh lễ Đức-Phật

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
(3 lần)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)

Truyền dạy phép quy-y Tam-bảo

*Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi,*
*Dham**maṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi,*
*Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

*Dutiyampi Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi,*
*Dutiyampi Dham**maṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi,*
*Dutiyampi Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

*Tatiyampi Bud**dhaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi,*
*Tatiyampi Dham**maṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi,*
*Tatiyampi Saṃ**ghaṃ** saraṇaṃ gac**chā**mi.*

Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật,
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp,
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì,
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì,
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng. lần thứ nhì.

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba,
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba,
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn chỉ có bấy nhiêu!

Buổi lễ thọ phép quy-y Tam-bảo để trở thành vị sa-di cần phải đúng 2 bên là bên *Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ* truyền dạy, hướng dẫn giới-tử thọ phép quy-y Tam-bảo, *đọc từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ, từng câu đúng theo **ṭhāna, karaṇa, payatana** và đúng theo 10*

byañjanabuddhi và bên giới-tử cũng *đọc theo từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ, từng câu đúng theo* ***ṭhāna, karaṇa, payatana*** *và đúng theo 10 byañjana-buddhi,* gọi là *"****ubhato suddhi: cả hai bên đều đúng****"*.

Khi *giới-tử thọ phép quy-y Tam-bảo* đến khi chấm dứt lần thứ 3 xong, ngay khi ấy, giới-tử trở thành ***sa-di thật***, đồng thời có *10 điều-giới của sa-di, 10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di, 10 pháp hành-phạt của sa-di, 75 điều-giới thực-hành của sa-di, 14 pháp-hành của sa-di…* được thành-tựu không trước không sau.

Không trở thành sa-di

Trong buổi lễ thọ sa-di không thành tựu có 3 trường hợp:

1- *Trường hợp thứ nhất*: Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ truyền dạy, hướng dẫn đọc phép quy-y Tam-bảo đúng theo văn phạm Pāḷi, nhưng giới-tử đọc theo phép quy-y Tam-bảo không đúng theo văn phạm Pāḷi.

2- *Trường hợp thứ nhì*: Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ truyền dạy, hướng dẫn đọc phép quy-y Tam-bảo không đúng theo văn phạm Pāḷi, nhưng giới-tử đọc theo phép quy-y Tam-bảo đúng theo văn phạm Pāḷi.

3- *Trường hợp thứ ba*: Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ truyền dạy, hướng dẫn đọc phép quy-y Tam-bảo không đúng theo văn phạm Pāḷi, và giới-tử đọc theo phép quy-y Tam-bảo cũng không đúng theo văn phạm Pāḷi, nghĩa là đọc *từng nguyên âm, từng phụ âm, từng chữ, từng câu không đúng theo* ***ṭhāna, karaṇa, payatana*** *và không đúng theo 10 byañjanabuddhi.*

Nếu có 1 trong 3 trường hợp này thì buổi lễ thọ sa-di không được thành tựu, giới-tử ấy không trở thành vị sa-di trong Phật-giáo.[(1)]

[1] Tìm hiểu cách thọ tỳ-khưu và sa-di, trong quyển "Gương Bậc Xuất Gia", cùng soạn giả.

Điều-giới và pháp-hành của sa-di

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo đủ 3 lần *"Ubhato suddhi"* cả hai bên đều đọc đúng theo văn phạm Pāḷi xong, giới-tử trở thành vị sa-di thật, đồng thời ngay khi ấy, vị sa-di có đầy đủ *10 điều-giới của sa-di, 10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di, 10 pháp hành-phạt của sa-di, 75 điều-giới thực-hành của sa-di, 14 pháp-hành của sa-di, ...*

Sa-di-giới có 10 điều-giới

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
3- Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi
4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
5- Surā-meraya-majjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
6- Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
7- Nacca-gīta-vādita-visūka-dassanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
8- Mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
9-Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
10- Jātarūpa-rajata-paṭiggahanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

1- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.
2 - Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.
3- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.
4- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự nói-dối.
5- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi.

6- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự thọ thực phi thời (quá 12 giờ trưa).
7- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự xem múa hát, thổi kèn, đánh đàn, làm chướng ngại cho việc hành hạnh cao thượng.
8- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự trang điểm thoa vật thơm, dồi phấn, đeo tràng hoa, làm cho phát sinh tâm tham-ái.
9- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.
10- Con xin thọ trì điều-giới có tác-ý tránh xa sự thọ nhận vàng bạc (tiền bạc).

10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di

10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di là:

1- Sa-di có tác-ý sát-hại chúng-sinh dù nhỏ dù lớn.
2- Sa-di có tác-ý trộm-cắp tiền của người khác.
3- Sa-di có tác-ý hành-dâm với người hoặc súc vật.
4- Sa-di có tác-ý nói-dối, không đúng sự thật.
5- Sa-di có tác-ý uống rượu, bia và các chất say.
6- Sa-di có tác-ý nói xấu, chê trách Đức-Phật.
7- Sa-di có tác-ý nói xấu, chê trách Đức-Pháp.
8- Sa-di có tác-ý nói xấu, chê trách Đức-Tăng.
9- Sa-di có tà-kiến thấy sai chấp lầm trầm trọng.
10- Sa-di có tác-ý hãm hại tỳ-khưu-ni.

Nếu vị sa-di nào phạm 1 trong 10 pháp hoại phẩm-hạnh này thì vị sa-di ấy bị hoại phẩm-hạnh sa-di, không còn là sa-di nữa.

10 pháp hành-phạt sa-di

10 Pháp hành-phạt sa-di là:

1- Sa-di có tác-ý thọ thực phi thời (quá 12 giờ trưa).

2- Sa-di có tác-ý xem múa hát, thổi kèn, đánh đàn, làm chướng ngại cho việc thực-hành hạnh cao thượng.

3- Sa-di có tác-ý trang điểm thoa vật thơm, dồi phấn, đeo tràng hoa làm phát sinh tâm tham-ái.

4- Sa-di có tác-ý nằm ngồi chỗ quá cao và xinh đẹp.

5- Sa-di có tác-ý thọ nhận vàng bạc (tiền bạc).

6- Sa-di có tác-ý làm mất lợi lộc đến các tỳ-khưu.

7- Sa-di có tác-ý làm mất ích lợi đến các tỳ-khưu.

8- Sa-di có tác-ý làm mất chỗ ở đến các tỳ-khưu.

9- Sa-di có tác-ý mắng nhiếc, hăm dọa các tỳ-khưu.

10- Sa-di có tác-ý nói lời chia rẽ các tỳ-khưu.

Nếu vị sa-di nào phạm 1 trong 10 pháp hành-phạt này thì vị sa-di ấy phải bị hành-phạt. Sự hành-phạt chỉ là sự răn dạy để cho vị sa-di ấy trở nên sa-di tốt đáng mến mà thôi. Ví dụ như quét dọn, làm sạch sẽ chỗ ở, lấy nước dùng, nước uống cho chư tỳ-khưu, v.v…

Sa-di dussīla

* Nếu vị sa-di nào đã phạm *1 trong 10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di* thì vị sa-di ấy phải hoàn tục trở thành người cận-sự-nam, hoặc muốn tiếp tục duy trì phẩm-hạnh sa-di, vị sa-di ấy đến hầu đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ* hoặc *Ngài Trưởng-lão khác* xin ***thọ phép quy-y Tam-bảo*** lại.

Sau khi thọ ***phép quy-y Tam-bảo*** xong, vị sa-di ấy trở thành sa-di trở lại như trước.

* Nếu vị sa-di nào đã phạm 1 trong 10 pháp hoại phẩm-hạnh của sa-di mà vị sa-di ấy không chịu hoàn tục trở thành người cận-sự-nam, cũng không chịu xin thọ phép *quy-y Tam-bảo* lại, thì vị sa-di ấy bị gọi là vị ***sa-di dussīla****: sa-di phá giới, sa-di không có giới.*

Sa-di alajjī

* Nếu vị sa-di nào đã phạm *1 trong 10 pháp hành-phạt của sa-di, 75 điều-giới thực-hành của sa-di, 14 pháp-hành của sa-di,...* thì vị sa-di ấy phải đến hầu đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Thầy tế độ* hoặc Ngài Trưởng-lão khác xin chịu để cho Ngài Trưởng-lão ấy hành-phạt.

Sau khi đã chịu hành-phạt rồi, vị sa-di ấy nên thọ phép quy-y Tam-bảo và xin thọ-trì sa-di thập-giới trở lại để cho giới được trong sạch.

* Nếu vị sa-di nào đã phạm *1 trong 10 pháp hành-phạt của sa-di, 75 điều-giới thực-hành của sa-di, 14 pháp-hành của sa-di, ...* mà vị sa-di ấy không chịu bị hành-phạt, thì vị sa-di ấy bị gọi là vị ***sa-di alajjī**: sa-di không biết hổ-thẹn phạm điều-giới.*

4- Gahaṭṭhasīla: Giới người tại-gia

Người tại-gia có ***ngũ-giới*** *(pañcasīla) là* ***thường-giới*** *(niccasīla)* không phân biệt đàn ông, đàn bà, già trẻ, trai gái, dân tộc nào cả. Tất cả mọi người đều phải có bổn phận giữ gìn ngũ-giới của mình cho được trong sạch và đầy đủ trọn vẹn, bất luận người có thọ-trì ngũ-giới hoặc người không thọ-trì ngũ-giới, bởi vì *ngũ-giới là thường-giới (niccasīla)* của tất cả mọi người trong đời, không ngoại trừ một ai cả.

* Nếu người nào giữ gìn ngũ-giới của mình trong sạch và trọn vẹn thì người ấy được *phước-thiện giữ-giới*, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* Nếu người nào *phạm điều-giới nào* trong *ngũ-giới* thì người ấy đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy đem lại sự bất lợi, sự thoái hoá, sự khổ thân, khổ tâm lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Quả xấu của người phạm giới có 5 điều[1]

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy các cận-sự-nam, cận-sự-nữ, người dân làng Pāṭali rằng:

- Này các người tại-gia! Có 5 quả xấu của người phạm giới, của người không có giới trong đời.

5 quả xấu ấy là:

1- Này các người tại-gia! Người phạm giới, người không có giới trong đời này, làm tiêu tan nhiều của cải tài sản, do nhân dể duôi (thất niệm, không biết mình).

Đó là quả xấu thứ nhất của người phạm giới, người không có giới.

2- Này các người tại-gia! Người phạm giới, người không có giới có tiếng xấu bị lan truyền khắp mọi nơi.

Đó là quả xấu thứ nhì của người phạm giới, người không có giới.

3- Này các người tại-gia! Người phạm giới, người không có giới có tâm rụt rè, e thẹn, sợ sệt khi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn.

Đó là quả xấu thứ ba của người phạm giới, người không có giới.

4- Này các người tại-gia! Người phạm giới, người không có giới có ác-tâm mê muội, hoặc tâm sợ hãi lúc lâm chung.

---

[1] Dī, Mahāvaggapāḷi, Mahāparinibbānasutta, đoạn Dussīla ādinava.

Đó là quả xấu thứ tư của người phạm giới, người không có giới.

5- Này các người tại-gia! Sau khi người phạm giới, người không có giới chết, ác-nghiệp phạm giới cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

Đó là quả xấu thứ năm của người phạm giới, người không có giới.

- Này các người tại-gia! Đó là 5 quả xấu của người phạm giới, của người phá giới.

Quả báu của người giữ giới có 5 điều [1]

- Này các người tại-gia! Có 5 quả báu của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

5 quả báu ấy là:

1- Này các người tại-gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới trong đời này, tạo được nhiều của cải tài sản, do nhân không dể duôi (có trí nhớ biết mình).

Đó là quả báu thứ nhất của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

2- Này các người tại-gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới có tiếng tốt lành được lan truyền khắp mọi nơi.

Đó là quả báu thứ nhì của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

3- Này các người tại-gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới có đại-thiện-tâm tự tin khi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn.

---

[1] Dī, Mahāvaggapāḷi, Mahāparinibbānasutta, đoạn Sīlavanta ānisaṃsa.

Đó là quả báu thứ ba của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

4- Này các người tại-gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới có đại-thiện-tâm tỉnh táo, đại-thiện-tâm sáng suốt lúc lâm chung.

Đó là quả báu thứ tư của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

5- Này các người tại-gia! Sau khi người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới chết, đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.

Đó là quả báu thứ năm của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

- Này các người tại-gia! Đó là 5 quả báu của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

Như vậy, tất cả mọi người đầu thai sinh làm người trong đời này, chắc chắn tiền-kiếp của tất cả mọi người ấy đều có giới trong sạch và trọn vẹn cả thảy, ít nhất là *ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn.*

Thật vậy, *nếu tiền-kiếp của người nào là người phạm giới, không có giới thì chắc chắn người ấy không thể tái-sinh làm người được?*

Kiếp hiện-tại này là ***con người*** thì ắt hẳn vốn có ít nhất là ***ngũ-giới trong sạch trọn vẹn***, từ khi đầu thai làm người.

* Nếu người nào *không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong ác-tâm phạm bất cứ điều-giới nào trong* ***ngũ-giới là thường-giới*** *của con người, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, thì* ***người ấy không biết tự trọng, đã làm mất nhân-phẩm cao quý của mình*** *vốn có từ khi đầu thai làm người. Người ấy bị gọi là* ***người ác*** *trong đời.*

Người ác *không chỉ làm điều bất lợi, điều thoái hoá, làm khổ tâm, khổ thân cho mình trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, mà còn làm điều bất lợi, điều thoái hoá, làm khổ thân cho nhiều người, nhiều chúng-sinh khác trong đời.*

* Cho nên, mỗi người có *đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết giữ gìn ít nhất là* ***ngũ-giới là thường-giới*** của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, đó là ***người biết tự trọng, biết giữ gìn nhân-phẩm cao quý của mình*** *vốn có từ khi đầu thai làm người. Người ấy được gọi là* ***người thiện*** *trong đời.*

Người thiện không chỉ đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho mình trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, mà còn đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho mọi người, mọi chúng-sinh khác trong đời.

Thật vậy, ***người thiện*** *biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng*, tin nghiệp và quả của nghiệp, có tác-ý trong đại-thiện-tâm biết giữ gìn ***ngũ-giới*** được trong sạch và trọn vẹn, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho mình, đồng thời đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho tất cả mọi người, mọi chúng-sinh khác, như trong *kinh Abhisandasutta*[(1)] Đức-Phật thuyết giảng ***8 dòng phước, 8 dòng thiện*** đó là *3 phép quy-y Tam-bảo và giữ gìn 5 điều-giới trong sạch trọn vẹn.*

* Đoạn kinh đề cập đến ***ngũ-giới là 5 loại bố-thí gọi là đại-thí cao quý*** như sau:

- Này chư tỳ-khưu! ***Năm loại bố-thí gọi là đại-thí cao quý*** *mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá-khứ không sao nhãng, trong hiện-tại*

[1] Aṅg. Aṭṭhakanipāta, kinh Abhisandasutta.

không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng, nên biết rằng:

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của người chư bậc thiện-trí, trải qua tự ngàn xưa.

Năm loại bố-thí gọi là đại-thí cao quý ấy là thế nào?

*- * Này chư tỳ-khưu! Trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử từ bỏ sự sát-sinh, hoàn toàn **tránh xa sự sát-sinh.***

*- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự sát-sinh** gọi là bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn sinh mệnh của tất cả chúng-sinh, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn sinh mệnh của tất cả chúng-sinh, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến vô số chúng-sinh trong muôn loài, thì bậc Thánh thanh-văn ấy hưởng được sự vô hại, sự an toàn sinh mệnh, sự không oan trái, và vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh thanh-văn ấy.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **loại bố-thí thứ nhất gọi là đại-thí cao quý**, mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá-khứ không sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng, nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của người chư bậc thiện-trí, trải qua tự ngàn xưa.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **dòng phước, dòng thiện thứ tư** sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc trên cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng hài lòng, đáng thoả thích, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài.*

*- * Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử từ bỏ sự trộm-cắp, hoàn toàn* ***tránh xa sự trộm-cắp.***

- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn ***tránh xa sự trộm-cắp*** *gọi là bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn của cải tài sản của tất cả chúng-sinh, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến mọi người trong đời.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn của cải tài sản của tất cả chúng-sinh, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến mọi người trong đời, thì bậc Thánh thanh-văn ấy hưởng được sự vô hại, sự an toàn của cải tài sản, sự không oan trái, và vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh thanh-văn ấy.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là ***loại bố-thí thứ nhì gọi là đại-thí cao quý****, mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá-khứ không sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng, nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của người chư bậc thiện-trí, trải qua tự ngàn xưa.

- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là ***dòng phước, dòng thiện thứ năm*** *sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc trên cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng hài lòng, đáng thoả thích, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài.*

*- * Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử từ bỏ sự tà-dâm, hoàn toàn* ***tránh xa sự tà-dâm.***

- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn ***tránh xa sự tà-dâm*** *gọi là bố-thí sự vô hại, bố-thí*

sự an toàn vợ chồng con cái của người khác, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến mọi gia đình vợ chồng con cái của những người khác.

Khi đã bố-thí sự vô hại, sự an toàn hạnh phúc gia đình vợ chồng con cái của người khác, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ đến mọi gia đình vợ chồng con cái của những người khác, thì bậc Thánh thanh-văn ấy hưởng được sự vô hại, sự an toàn hạnh phúc gia đình vợ chồng con cái của mình, sự không oan trái, và vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh thanh-văn ấy.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **loại bố-thí thứ ba gọi là đại-thí cao quý**, mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá-khứ không sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng, nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của người chư bậc thiện-trí, trải qua tự ngàn xưa.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **dòng phước, dòng thiện thứ sáu** sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc trên cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng hài lòng, đáng thoả thích, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài.*

*- * Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử từ bỏ sự nói-dối, hoàn toàn **tránh xa sự nói-dối.***

*- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự nói-dối** gọi là bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn không gây thiệt hại đến người khác, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ, không thiệt hại đến những người khác.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn không thiệt hại đến những người khác, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ, không gây thiệt hại đến những người khác, thì bậc Thánh thanh-văn ấy hưởng được sự vô hại, sự an toàn, không thiệt hại, sự không oan trái, và vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh thanh-văn ấy.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó là **loại bố-thí thứ tư gọi là đại-thí cao quý**, mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá-khứ không sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng, nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của người chư bậc thiện-trí, trải qua tự ngàn xưa.

*- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là **dòng phước, dòng thiện thứ bảy** sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc trên cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng hài lòng, đáng thoả thích, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài.*

*- * Này chư tỳ-khưu! Điều tiếp theo, trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử từ bỏ sự **uống rượu và các chất say** là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, hoàn toàn **tránh xa sự uống rượu và các chất say** là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.*

*- Này chư tỳ-khưu! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hoàn toàn **tránh xa sự uống rượu và các chất say** là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp gọi là bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn không gây sự tai hại đến những người khác, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ, không gây sự tai hại đến những người khác.*

Khi đã bố-thí sự vô hại, bố-thí sự an toàn không gây sự tai hại đến những người khác, bố-thí sự không oan trái, bố-thí sự không làm khổ, không gây sự tai hại đến

những người khác, thì bậc Thánh thanh-văn ấy hưởng được sự vô hại, sự an toàn, không gây sự tai hại, sự không oan trái, và vô số chúng-sinh không làm khổ bậc Thánh thanh-văn ấy.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là ***loại bố-thí thứ năm gọi là đại-thí cao quý****, mà chư thiện-trí, sa-môn, bà-la-môn không sao nhãng, trong quá-khứ không sao nhãng, trong hiện-tại không sao nhãng, trong vị-lai cũng sẽ không sao nhãng, nên biết rằng:*

Đó là pháp-hành cao quý của người xưa, theo truyền thống của người chư bậc thiện-trí, trải qua tự ngàn xưa.

- Này chư tỳ-khưu! Đó cũng là ***dòng phước, dòng thiện thứ tám*** *sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau lên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc trên cõi trời, đem lại mọi sự an-lạc đáng mong ước, đáng hài lòng, đáng thoả thích, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài."*

(Trong bài kinh Abhisandasutta)

**** Người thiện*** *giữ gìn ngũ-giới trong sạch và trọn vẹn tạo đại-thiện-nghiệp giữ-giới, đó là điều dễ hay khó?*

**** Người ác*** *phạm mỗi điều-giới nào trong ngũ-giới hợp đủ chi-pháp của điều-giới ấy, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, đó là điều khó hay dễ?*

Thật ra, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say* ***bằng tâm****, giữ gìn ngũ-giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn,* tạo

đại-thiện-nghiệp giữ-giới đó là điều ***rất dễ dàng*** trong khả năng bình thường của tất cả mọi người ở trong đời.

Còn ***người ác*** không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm (ác-tâm)* ***cố gắng bằng thân*** hoặc ***bằng khẩu phạm mỗi điều-giới hợp đủ chi-pháp*** như:

- Phạm điều-giới sát-sinh cần phải *hợp đủ 5 chi-pháp.*

- Phạm điều-giới trộm-cắp cần phải hợp đủ 5 chi pháp.

- Phạm điều-giới tà-dâm cần phải hợp đủ 4 chi-pháp.

- Phạm điều-giới nói-dối cần phải hợp đủ 4 chi-pháp.

- Phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say cần phải hợp đủ 4 chi-pháp.

Người ác phạm điều-giới nào hội đủ chi-pháp của điều-giới ấy, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, đó là việc không phải dễ dàng, sự-thật đó là việc ***rất khó khăn*** mà không phải ai cũng có thể tạo ác-nghiệp ấy được.

Thật vậy, *người thiện-trí* có trí-tuệ sáng suốt biết suy xét kỹ càng và trung thực, để có nhận thức đúng đắn:

*- **Người thiện** giữ gìn mỗi điều-giới được trong sạch, đó là điều **rất dễ dàng** mà mọi người đều thực hiện được.*

*- **Người ác** cố gắng phạm mỗi điều-giới nào hợp đủ chi-pháp của điều-giới ấy, đó là điều **rất khó khăn** mà không phải ai cũng làm được.*

*** Điều-giới tránh xa sự sát-sinh**

- ***Người thiện*** có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có *tác-ý trong đại-thiện tâm tránh xa sự sát-sinh bằng* ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự sát-sinh****, tạo đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.*

- ***Người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng* ***thân*** *hoặc bằng* ***khẩu*** *giết hại chúng-sinh ấy chết,*

hợp đủ 5 chi-pháp của điều-giới sát-sinh, nên phạm điều-giới sát-sinh, tạo ác-nghiệp sát-sinh.

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không sát-sinh với việc tạo ác-nghiệp sát-sinh. Trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

*** Điều-giới tránh xa sự trộm-cắp**

- ***Người thiện*** có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có *tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự trộm-cắp bằng* ***tâm,*** *biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự trộm-cắp****, tạo đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.*

- ***Người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng* ***thân*** *hoặc bằng* ***khẩu*** *trộm-cắp của cải tài sản của người khác, hợp đủ 5 chi-pháp của điều-giới trộm-cắp, nên phạm điều-giới trộm-cắp, tạo ác-nghiệp trộm-cắp.*

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp với việc tạo ác-nghiệp trộm-cắp. Trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

*** Điều-giới tránh xa sự tà-dâm**

- ***Người thiện*** có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, có *tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự tà-dâm bằng* ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự tà-dâm****, tạo đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.*

- ***Người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng* ***thân*** *tà-dâm với vợ hoặc chồng, con của người khác, hợp đủ 4 chi-pháp của điều-giới tà-dâm, nên phạm điều-giới tà-dâm, tạo ác-nghiệp tà-dâm.*

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không tà-dâm với việc tạo ác-nghiệp tà-dâm. Trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

*** Điều-giới tránh xa sự nói-dối**

- ***Người thiện*** có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội lỗi, *có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự nói-dối bằng* ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự nói-dối****, tạo đại-thiện-nghiệp không nói-dối.*

- ***Người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng* ***khẩu*** *lường gạt người khác, hợp đủ 4 chi-pháp của điều-giới nói-dối, nên phạm điều-giới nói-dối, tạo ác-nghiệp nói-dối.*

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không nói dối với việc tạo ác-nghiệp nói dối. Trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

*** Điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say**

- ***Người thiện*** có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say bằng* ***tâm****, biết giữ gìn* ***điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say****, tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say.*

- ***Người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng* ***khẩu*** *uống rượu, bia và các chất say, hợp đủ 4 chi-pháp của điều-giới uống rượu, bia và các chất say, nên phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say.*

Như vậy, việc *tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say với việc tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say. Trong 2 việc này việc nào dễ làm? Việc nào khó làm?*

** Không sát-sinh, không trôm-cắp, không tà-dâm,*

không nói-dối, không uống rượu, bia và các chất say, là việc ***rất dễ làm***, *bởi vì người thiện chỉ có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có tác-ý trong đại-thiện-tâm giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn mà thôi, tạo đại-thiện-nghiệp giữ gìn ngũ-giới.*

Như vậy, ***người thiện*** *giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, là việc* ***rất dễ làm****, mà tất cả mọi người đều có thể làm được, bởi vì trong khả năng bình thường của mọi người.*

** Sự sát-sinh, sự trộm-cắp, sự tà-dâm, sự nói-dối, sự uống rượu, bia và các chất say*, là việc ***rất khó làm****, bởi vì* ***người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, có *tác-ý trong ác-tâm cố gắng bằng* ***thân*** *hoặc bằng* ***khẩu*** *phạm mỗi điều-giới nào trong ngũ-giới hợp đủ chi-pháp của mỗi điều-giới ấy, tạo ác-nghiệp phạm điều-giới ấy.*

Như vậy, ***người ác*** *phạm mỗi điều-giới trong ngũ-giới là việc* ***khó làm*** *mà không phải ai cũng có thể làm được.*

Sự thật, vấn đề ***dễ làm*** *hay* ***khó làm*** đối với mỗi hạng người, Đức-Phật dạy như sau:

"Sukaraṃ sādhunā sādhu, sādhu pāpena dukkaraṃ.
Pāpaṃ pāpena sukaraṃ, pāpamariyehi dukkaraṃ[1]*"*

- Này chư tỳ-khưu!
"Người thiện-trí dễ dàng tạo thiện-nghiệp,
Người ác khó khăn tạo thiện-nghiệp.
Kẻ ác dễ dàng tạo ác-nghiệp.
Bậc Thánh-nhân khó tạo ác-nghiệp được."

Cho nên, ***người-thiện*** biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự chủ, nên giữ gìn ngũ-giới được trong sạch

[1] Dha. aṭṭhakathā, Attavagga, Samghabhedaparisakkanavatthu.

và trọn vẹn, đó là ***điều rất dễ dàng*** đối với tất cả mọi người trong đời, *là sự thật hiển nhiên*.

Còn ***người ác*** có ác-tâm không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự chủ, do năng lực của phiền-não sai khiến, nên dù *khó khăn thế nào người ác cũng cố gắng phạm điều-giới ấy hợp đủ chi-pháp của điều-giới ấy* bằng thân hoặc bằng khẩu, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, đó là ***điều rất khó khăn,*** mà không phải ai cũng có thể làm được.

Sở dĩ ***người ác*** *dễ dàng tạo ác-nghiệp mà khó khăn tạo đại-thiện-nghiệp* là vì người ác không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, do phiền-não sai khiến, nên dám phạm các điều-giới, tạo mọi ác-nghiệp như vậy.

Còn ***người thiện*** có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, nên giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ gìn ngũ-giới như vậy.

Để phân biệt ***người ác*** với ***người thiện***, Đức Phật dạy trong bài kinh *Sikkhapadasutta*[1].

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

"- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai sẽ thuyết giảng về ***người ác và người ác hơn người ác, người thiện và người thiện hơn người thiện.*** *Các con hãy lắng nghe, nên chú tâm lắng nghe".*

Vâng lời theo Đức-Thế-Tôn, chư tỳ-khưu chú tâm lắng nghe lời giáo huấn của Đức-Phật.

---

[1] Aṅguttaranikāya Catukanipāta, kinh Sikkhapadasutta.

*** Người ác - người ác hơn người ác**

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người ác**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người nào là người sát-sinh, là người trộm-cắp, là người tà-dâm, là người nói-dối, là người uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

*- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là **người ác**.*

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người ác hơn người ác**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người nào tự mình sát-sinh, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng sát-sinh.

Số người nào tự mình trộm-cắp, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng trộm-cắp.

Số người nào tự mình hành tà-dâm, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng hành tà-dâm.

Số người nào tự mình nói-dối, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng nói-dối.

Số người nào tự mình uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến, mời mọc người khác cùng uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

*- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là **người ác hơn người ác**.*

*** Người thiện - người thiện hơn người thiện**

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

*- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là **người thiện**?*

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người nào là người tránh xa sự sát-sinh, là người tránh xa sự trộm-cắp, là người tránh xa sự tà-dâm, là người tránh xa sự nói-dối, là người tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là ***người thiện****.*

- Này chư tỳ-khưu! Như thế nào gọi là ***người thiện hơn người thiện?***

- Này chư tỳ-khưu! Trong đời này, số người nào tự mình tránh xa sự sát-sinh, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự sát-sinh.

Số người nào tự mình tránh xa sự trộm-cắp, còn động viên, tác-động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự trộm-cắp.

Số người nào tự mình tránh xa sự tà-dâm, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự tà-dâm.

Số người nào tự mình tránh xa sự nói-dối, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự nói-dối.

Số người nào tự mình tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai gọi số người ấy là ***người thiện hơn người thiện****".*

Như vậy, nếu người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, có tác-ý

trong ác-tâm phạm điều-giới nào trong ngũ-giới thì người ấy bị gọi là ***người ác***.

Nếu ***người ác*** tự mình phạm điều-giới nào trong ngũ-giới, còn động viên, tác động, khuyến khích, sai khiến người khác cùng phạm điều-giới ấy trong ngũ-giới thì ***người ác*** ấy bị gọi là ***người ác hơn người ác***.

* Nếu người nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, có tác-ý trong đại-thiện-tâm giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn thì người ấy được gọi là ***người thiện***.

Nếu ***người thiện*** tự mình giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, còn động viên, tác động, khuyến khích người khác cũng giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn thì ***người thiện*** ấy được gọi là ***người thiện hơn người thiện***.

Ví dụ: Nếu *người nào* không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, *có tác-ý trong ác-tâm tự mình uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, nên tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say* thì *người ấy* bị gọi là ***người ác***.

Nếu ***người ác*** nào *tự mình uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, nên tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, mà còn động viên, tác động, mời mọc, tiếp đãi người khác cũng uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, cũng phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, cũng tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say,* thì ***người ác*** ấy bị gọi là ***người ác hơn người ác***.

* Nếu *người nào* biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, *có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, nên tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say* thì *người ấy* được gọi là ***người thiện***.

Nếu ***người thiện*** *nào tự mình tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say, mà còn động viên, tác động, khuyến khích, khuyên dạy người khác cũng có tác-ý trong đại-thiện-tâm tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, cũng tạo đại-thiện-nghiệp không uống rượu, bia và các chất say thì* ***người thiện*** *ấy được gọi là* ***người thiện hơn người thiện***.

Gahaṭṭhasīla: Giới người tại-gia

Người tại-gia có các loại giới là:

- *Ngũ-giới (pañcasīla) là thường-giới.*
- *Ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng.*
- *Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cũng là thường-giới.*
- *Bát-giới uposathasīla.*
- *Cửu-giới uposathasīla.*
- *Thập-giới của người tại-gia.*

1- Ngũ-Giới (pañcasīla) là thường-giới

**** Ngũ-Giới*** *(pañcasīla)* là ***thường-giới*** *(niccasīla)* cho tất cả mọi người trong đời không ngoại trừ một ai cả, dù người có thọ-trì ngũ-giới, dù không thọ-trì ngũ-giới, tất cả mọi người cũng đều phải có bổn phận giữ gìn ngũ-giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, bởi vì *ngũ-giới là thường giới của mọi người.*

Nếu người nào giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn thì người ấy tạo được đại-thiện-nghiệp ngũ-giới, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Nếu người nào phạm điều-giới nào trong ngũ-giới thì người ấy đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, đem lại điều bất lợi, điều thoái hoá, sự khổ thân, khổ tâm trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

* Đối với *cận-sự-nam,cận-sự-nữ* phàm-nhân có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp,* tin 5 quả báu của phước-thiện giữ giới, tin 5 quả xấu của ác-nghiệp phạm giới, nên sau khi *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới*, rồi giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, để tạo ***phước-thiện giữ giới***, đó là *phước-thiện cao quý hơn phước-thiện bố-thí.*

Nghi thức phép thọ quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới

Theo truyền thống Phật-giáo Theravāda, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đến hầu đảnh lễ Ngài Trưởng-lão, kính xin *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới.*

Trước khi thọ phép quy-y Tam-bảo, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ xin làm lễ xin sám hối *Tam-bảo: sám hối Đức-Phật-bảo, sám hối Đức-Pháp-bảo, sám hối Đức-Tăng-bảo*, v.v…thực-hành theo nghi thức:

*** Lễ sám hối Tam-bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-Bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

*** Bài Kệ Cầu Nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.
Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

*** Xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới**

Ahaṃ[1] Bhante, tisaraṇena saha pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi[2], anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me[3]. Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha, pañcasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

*** Thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới**

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi[2] *(vadetha).*

(Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy).

Người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ thưa rằng:

- Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).

[2] Nếu có 2 người trở lên thì dùng chữ *"vadetha"*.

*** Đảnh lễ Đức-Phật**

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
(3 lần)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (*3 lần*)

*** Thọ phép quy-y Tam-bảo**

Sau khi đảnh lễ Đức-Phật xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo, như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL[(1)]: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN : *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

[1] NTL: Ngài Trưởng lão . CSN: Cận-sự-nam.

*** Thọ-trì ngũ-giới**

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì ngũ-giới:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3- Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surā meraya majjap pamādaṭṭhānā veramaṇi-sikkhapadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi (thất niệm).

NTL: *Tisaraṇena saha pañcasīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādehi.*[1]

(Thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới xong rồi, con (các con) nên cố gắng giữ gìn được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát triển).

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

[1] Nếu có 2 người trở lên thì dùng chữ *sampādetha*

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, tiếp theo cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin như sau:

Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ[1].

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới của người cận-sự-nam, người cận-sự-nữ.

Đó là cách thọ-trì riêng từng mỗi điều-giới của ngũ-giới.

[1] Ba bài kệ này trích trong quyển Nhật Hành Cư Sĩ của Sư Tổ Hộ-Tông.

* Cách thọ-trì chung 5 điều-giới trong ngũ-giới cùng một lần như sau:

"Pañcasīlaṃ samādiyāmi".
Con xin thọ trì ngũ-giới. Hoặc

"Pañcasikkhāpadaṃ samādiyāmi".
Con xin thọ trì năm điều-giới. Hoặc

"Pañcaṅgasamannāgataṃ sīlaṃ samādiyāmi."
Con xin thọ trì ngũ-giới gồm có 5 điều-giới.

Theo cách thọ-trì chung 5 điều-giới trong ngũ-giới cùng một lần, nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào phạm một điều-giới nào trong ngũ-giới thì xem như người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy đã phạm ngũ-giới, bởi vì tác-ý thọ-trì chung 5 điều-giới cùng một lần. Cho nên, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy cần phải thọ-trì ngũ-giới trở lại.

Còn theo cách thọ-trì riêng từng mỗi điều-giới trong ngũ-giới, nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào phạm một điều-giới nào trong ngũ-giới thì các điều-giới còn lại vẫn chưa bị phạm, bởi vì tác-ý thọ-trì riêng mỗi điều-giới, nên người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy chỉ cần phải thọ-trì điều-giới ấy trở lại.

Vấn*: Người cận-sự-nam đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới và người bạn không thọ trì ngũ-giới, nếu 2 người ấy cùng nhau phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, thì ác-nghiệp của 2 người ấy khác nhau như thế nào?*

Đáp: *Người cận-sự-nam đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới và người bạn không thọ-trì ngũ-giới, nếu 2 người ấy cùng nhau phạm điều-giới uống rượu,*

bia và các chất say, tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say, thì ***người cận-sự-nam*** *có thọ-trì ngũ-giới tạo* ***ác-nghiệp nhẹ****, còn người bạn không thọ-trì ngũ-giới, tạo* ***ác-nghiệp nặng*** *hơn nhiều.*

Vì sao? Người cận-sự-nam thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, khi gặp lại người bạn mời vào quán trò chuyện hàn huyên, mời uống rượu, bia; vì cả nể bạn, không thể từ chối được, nên bất đắc dĩ đã phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy, đã tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say.

Sau khi đã lỡ phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy rồi, người cận-sự-nam ấy thọ-trì ngũ-giới có điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, nên cận-sự-nam ấy trở thành người có giới như trước.

Còn người bạn tuy không thọ-trì ngũ-giới, sau khi đã phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy, tạo ác-nghiệp vẫn uống rượu, bia và các chất say ấy, rồi không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết phục thiện, nên vẫn là người không có giới.

Vì vậy, người không thọ-trì ngũ-giới tạo ***ác-nghiệp nặng hơn*** *người cận-sự-nam có thọ-trì ngũ-giới.*

Trong *bộ Milindapañhā* có ví dụ: *Một thỏi sắt cháy nóng, một người biết thỏi sắt cháy nóng, bắt buộc phải tiếp xúc với thỏi sắt cháy nóng ấy, người ấy thận trọng đưa tay chạm vào thỏi sắt ấy, nên chỉ bị nóng phỏng nhẹ mà thôi.*

Còn một người không biết thỏi sắt cháy nóng ấy mà nắm trọn thỏi sắt ấy trong tay, nên bị cháy phỏng nặng.

Cũng như vậy, người cận-sự-nam đã thọ-trì ngũ-giới, vì cả nể bạn, nên bất đắc dĩ phải phạm điều-giới uống

rượu, bia và các chất say ấy rồi, nên tạo ***ác-nghiệp nhẹ*** *hơn người bạn không thọ trì ngũ-giới.*

Còn người bạn cũ không thọ trì ngũ-giới, khi phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say ấy, nên tạo ***ác-nghiệp nặng*** *hơn nhiều.*

Đó là tính chất ưu việt của người cận-sự-nam thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới.

2- Ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng

* ***Ngũ-giới*** là ***thường-giới*** *(niccasīla)* đối với tất cả mọi người tại-gia ở trong đời gồm có các hạng người phàm-nhân và *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai* sống tại-gia có vợ hoặc có chồng.

* ***Ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng*** đối với cận-sự-nam, cận-sự-nữ là ***bậc Thánh Bất-lai*** sống tại-gia không có vợ hoặc không có chồng, bởi vì *bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được* ***tâm tham-ái trong cõi dục-giới*** rồi, không còn ham muốn trong ngũ-dục nữa, *tuyệt đối hoàn toàn tránh xa sự hành-dâm* trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai nữa.

* Nếu cận-sự-nam, cận-sự-nữ trước khi trở thành *bậc Thánh Bất-lai* đã có vợ hoặc có chồng rồi thì sau khi trở thành ***bậc Thánh Bất-lai***, chắc chắn không còn quan hệ tình-dục với người vợ cũ hoặc chồng cũ của mình nữa, bởi vì *bậc Thánh Bất-lai đã diệt tận được* ***tâm tham-ái trong cõi dục-giới*** rồi.

Cho nên, *bậc Thánh Bất-lai* tuyệt đối vĩnh viễn tránh xa hành-dâm đến trọn kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai.

Vì vậy, *bậc Thánh Bất-lai sống tại-gia* ***thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng đến trọn kiếp.***

Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng

Nghi thức *thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng*, phần nhiều giống như nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới là thường giới, chỉ có khác nhau về *điều-giới thứ ba* mà thôi.

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ là *bậc Thánh Bất-lai*, hoặc cận-sự-nam, cận-sự-nữ sống độc thân đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo hành nghi lễ tuần tự như sau:

*** Đảnh Lễ Đức-Thế-Tôn**

*** Lễ sám hối Tam-bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.

Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

*** Bài kệ cầu nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

Xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng

Ahaṃ[1] Bhante, tisaraṇena saha pañca komāra-brahmacariyasīlaṃ[2] dhammaṃ yācāmi[3], anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me.[4]Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha pañca komārabrahmacariyasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha pañca komārabrahmacariyasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me, Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam.[5]

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam cho con. Bạch Ngài.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu là người cận-sự-nữ thì đọc *"komārībrahmacariyasīlaṃ"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[4] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.
[5] Nếu là người cận-sự-nữ thì đọc *"của người cận-sự-nữ"*.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

Thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi. (vadetha).

(Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy).

Người cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) thưa rằng:

- Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).

Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

(3 lần)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (*3 lần*)

Thọ phép quy-y Tam-bảo

Sau khi đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!).
CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

Thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng.

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3-Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

NTL: *Tisaraṇena saha pañca komārabrahmacariyaṃ*[1]
dhammaṃ sādhukaṃ katvā appamādena sampādehi.

Phép quy-y Tam-bảo và ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát triển.

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.
Chúng-sinh tái-sinh cõi trời nhờ giữ giới.
Chúng-sinh đầy đủ của cải nhờ giữ giới.
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn nhờ giữ giới.
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin như sau:

---

[1] Nếu người cận-sự-nữ thì đọc: *"komārībrahmacariyasīlaṃ"*.

Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng của người cận-sự-nam (hoặc người cận-sự-nữ).

Ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng không chỉ dành cho *bậc Thánh Bất-lai* tại-gia, mà còn có những người cận-sự-nam, cận-sự-nữ sống độc thân, hoặc những người cận-sự-nam có vợ chết mà không tục huyền, hoặc những người cận-sự-nữ có chồng chết mà không tái giá.

Tất cả những hạng người này đều có thể xin *thọ-trì ngũ-giới hành phạm-hạnh cao thượng* này được.

3- Giới Ājīvaṭṭhamakasīla
(Bát-giới có điều-giới thứ 8 chánh-mạng)

Giới ājīvaṭṭhamakasīla: *Bát-giới có giới thứ 8 chánh-mạng* nghĩa là bát-giới này có giới thứ 8 là điều-giới sống chánh-mạng.

Giới ājīvaṭṭhamakasīla: *Bát-giới có giới thứ 8 chánh-mạng* là ***giới chung*** của tất cả mọi người tại-gia và những bậc xuất gia, đặc biệt còn là ***giới*** của các *hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ nữa.*

Như vậy, ***giới ājīvaṭṭhamakasīla*** này có một tầm quan trọng trong cuộc sống hằng ngày của tất cả mọi người.

Nếu người nào phạm đến *điều-giới nào* thì người ấy đã tạo *ác-nghiệp điều-giới ấy*, cho nên *giới ājīvaṭṭhamakasīla* này có tầm quan trọng rộng lớn hơn ***ngũ-giới.***

Thật vậy, người nào đã thọ-trì *giới ājīvaṭṭhamakasīla*, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, làm nền tảng cho mọi *thiện-pháp* được phát triển từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp, cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp, đó là 4 Thánh-đạo-tâm.*

Giới ājīvaṭṭhamakasīla có 8 điều-giới:

1- Điều-giới tránh xa sự sát-sinh.
2- Điều-giới tránh xa sự trộm-cắp.
3- Điều-giới tránh xa sự tà-dâm.
4- Điều-giới tránh xa sự nói-dối.
5- Điều-giới tránh xa sự nói lời chia rẽ.
6- Điều-giới tránh xa sự nói lời thô tục.
7- Điều-giới tránh xa sự nói lời vô ích.
8- Điều-giới tránh xa cách sống tà mạng, sống theo chánh mạng.

Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo
và thọ-trì giới Ājīvaṭṭhamakasīla

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ (hoặc hành-giả) đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo hành nghi lễ tuần tự:

*** Đảnh Lễ Đức-Thế-Tôn**

*** Lễ sám hối Tam-bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

*** Bài kệ cầu nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

Xin thọ phép quy-y Tam-Bảo và Bát-giới ājivaṭṭhamakasīla

Mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Dutiyampi mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Tatiyampi mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cho chúng con.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cho chúng con, lần thứ nhì.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cho chúng con, lần thứ ba.

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

NTL: *Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadetha.*

(Sư hướng dẫn từng chữ, từng câu như thế nào, các con hãy nên lập lại đúng từng chữ, từng câu như thế ấy).

Tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh thưa rằng:

CSN: *Āma, Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

*** Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn**

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (*3 lần*)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (*3 lần*)

Thọ phép quy-y Tam-bảo

Sau khi kính lễ Đức-Thế-Tôn xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.

- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

Thọ-trì Bát-giới Ājīvaṭṭhamakasīla

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla ….

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.
2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.
3- Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.
4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.
5- Pisuṇavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời chia rẽ.
6- Pharusavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời thô tục.
7- Samphappalāpā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời vô ích.
8- Micchājīvā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa cách sống tà mạng.

NTL: *Tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ katvā, appamādena sampādetha.*

Các con đã thọ-trì phép quy-y Tam-bảo cùng thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla xong, các con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh, bằng pháp không dể duôi, thực-hành tứ niệm-xứ.

CSN: *Āma, Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.
Chúng-sinh tái-sinh cõi trời nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin như sau:

*** Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo**

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* của tất cả mọi người.

Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla *này* là ***giới chung*** của tất cả mọi người tại-gia, mọi bậc xuất gia, đặc biệt còn là ***giới*** *của hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ nữa.*

Bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla *này* có 8 điều-giới gồm có *3 chánh* là *chánh-nghiệp, chánh-ngữ, chánh-mạng.*

- Điều-giới tránh xa sự sát-sinh.
- Điều-giới tránh xa sự trộm-cắp.
- Điều-giới tránh xa sự tà-dâm.

3 điều-giới này thuộc về ***chánh-nghiệp***.

- Điều-giới tránh xa sự nói-dối.
- Điều-giới tránh xa sự nói lời chia rẽ.
- Điều-giới tránh xa sự nói lời thô tục.
- Điều-giới tránh xa sự nói lời vô ích.

4 điều-giới này thuộc về ***chánh-ngữ***.

- Điều-giới thứ 8, tránh xa cách sống tà-mạng là sống theo ***chánh-mạng***.

Như vậy, *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* có 8 điều-giới gồm có *3 chánh* là ***chánh-nghiệp, chánh-ngữ, chánh-mạng*** thuộc về ***phần giới*** trong ***bát-chánh-đạo***.

Cho nên, trong *bộ Visuddhimagga, Sīlaniddesa* gọi *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* là ***ādibrahmacariyakasīla**: giới phần đầu thực-hành phạm-hạnh cao thượng.*

Người tại-gia dussīla và alajjī

Người tại-gia có *ngũ-giới là thường-giới* và *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* cũng xem như *thường-giới* cho tất cả mọi người không ngoại trừ một ai cả, bất luận người có thọ trì *ngũ-giới* và *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* hoặc không thọ-trì *ngũ-giới* và *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla*.

* Nếu người tại-gia nào giữ gìn 2 loại giới này được trong sạch và trọn vẹn thì *người tại-gia ấy là* ***người có giới*** *đã tạo đại-thiện-nghiệp giữ-giới* có cơ hội cho quả tốt, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai cho mình và đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại cho mọi người, mọi chúng-sinh khác nữa.

* Nếu *người tại-gia nào phạm điều-giới nào* trong 2 loại giới này thì *người tại-gia ấy là* ***người tại-gia dussīla*** *đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy,* có cơ hội cho quả xấu, đem lại sự bất lợi, sự thoái hoá, sự khổ đau trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai cho mình và đem lại sự bất lợi, sự thoái hoá, sự khổ đau trong kiếp hiện-tại cho mọi người, mọi chúng-sinh khác nữa.

* Nếu người tại-gia nào *phạm điều-giới nào* trong 2 loại giới này rồi, mà *không biết biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi,* không biết ăn năn sám hối, không biết sửa lại lỗi lầm của mình, vẫn tiếp tục phạm các điều-giới, tạo *ác-nghiệp* như vậy, thì người tại-gia ấy bị gọi là ***người tại-gia alajjī****: người tại-gia không biết hổ-thẹn tội-lỗi.*

* Đối với *người cận-sự-nam, cận-sự-nữ* tại-gia còn là hạng phàm-nhân, trong cuộc sống hằng ngày đêm, có lắm công nhiều chuyện, đôi khi vì dể duôi quên mình lỡ phạm điều-giới nào, đó là điều khó tránh khỏi, nhưng người cận-sự-nam, cận-sự-nữ vốn có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, tin 5 điều tai hại của sự phạm điều-giới, tin 5 quả báu của sự giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, nên cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đại-thiện-tâm trong sạch, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, biết giữ gìn nhân-phẩm cao quý của mình.

Vậy, điều tốt nhất, mỗi đêm trước khi đi ngủ, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì *ngũ-giới, bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* của mình trở lại, để cho mình là người có giới trong sạch và trọn vẹn, tạo đại-thiện-nghiệp giữ-giới làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp phát sinh, từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp, cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.

4- Bát-giới Uposathasīla

Phàm tất cả mọi người tại-gia đều phải giữ gìn *ngũ-giới* gọi là *thường-giới (niccasīla)* và giữ gìn *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla cũng là thường-giới* cho được trong sạch và trọn vẹn, để *giữ gìn nhân phẩm quý báu vốn có của mình từ khi đầu thai làm người.*

Ngoài 2 loại giới ấy ra, đối với người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã *thọ phép quy-y Tam-bảo*, có đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có chánh-kiến sở nghiệp của mình (kammassakatā sammādiṭṭhi).*

Nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào có khả năng cũng nên thọ-trì ***bát-giới uposathasīla*** trong những ngày giới hằng tháng thì hạnh-phúc an-lạc biết dường nào!

Bát-giới uposathasīla

Bát-giới uposathasīla gồm có 8 điều-giới thuộc về *kālapariyantasīla*: *bát-giới uposathasīla được chấm dứt, hết hiệu lực theo thời gian hạn định của hành-giả phát nguyện thọ-trì*, khi đến thời gian quy định ấy là chấm dứt, không còn hiệu lực nữa, rồi trở lại *ngũ-giới*, *bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla* là *thường-giới* cơ bản của mình.

Bát-giới uposathasīla theo thời gian hạn định

Trong Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi, *bát-giới uposathasīla* theo thời gian hạn định có nhiều loại:

*** Bát-giới uposathasīla mỗi tháng có 4 ngày**

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ *thọ-trì bát-giới uposathasīla* trong mỗi tháng có 4 ngày giới, đó là ngày *mồng 8, ngày rằm (15), ngày 23, ngày 30 tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm ngày 29).*

*** Bát-giới uposathasīla mỗi tháng có 6 ngày**

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ *thọ-trì bát-giới uposathasīla* trong mỗi tháng có 6 ngày giới, đó là ngày *mồng 8, ngày 14, ngày rằm (15), ngày 23, ngày 29 và ngày 30 tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm ngày 28 và ngày 29).*

*** Bát-giới uposathasīla mỗi tháng có 8 ngày**

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ *thọ-trì bát-giới uposathasīla* trong mỗi tháng có 8 ngày giới, đó là ngày *mồng 5, mồng 8, ngày 14, ngày rằm (15), ngày 20, ngày 23, ngày 29 và ngày 30 tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm ngày 28 và ngày 29).*

* ***Bát-giới uposathasīla*** *mỗi tháng có* ***20 ngày*** *hoặc* ***19 ngày*** (kể thêm ngày đón rước trước 1 ngày và ngày tiễn đưa sau 1 ngày).

Trong mỗi tháng có *8 ngày bát-giới uposathasīla* căn bản, là những ngày 5, 8, 14, 15, 20, 23, 29, 30.

Để cho những ngày giới *uposathasīla* chính thức được trang trọng, nên chuẩn bị đón rước trước một ngày giới và tiễn đưa sau một ngày giới.

Cho nên, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ *thọ-trì bát-giới uposathasīla* trong mỗi tháng gồm có 20 ngày như sau: *(4) + **5** + (6), (7) + **8** + (9), (13) + **14 + 15** + (16), (19) + **20** + (21), (22) + **23** + (24), (28) + **29 + 30** + (1) tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm vào ngày (27) + **28 + 29** + (1).*

*** Bát-giới uposathasīla suốt 3 tháng an cư nhập hạ**

Mỗi năm, từ ngày 16 tháng 6 cho đến ngày 16 tháng 9, suốt 3 tháng, chư tỳ-khưu an cư nhập hạ, một số cận-sự-nam, cận-sự-nữ cũng xin nguyện thọ-trì bát-giới uposathasīla suốt trong 3 tháng mùa mưa ấy như chư tỳ-khưu, rồi giữ gìn suốt 3 tháng an cư nhập hạ ấy.

Khi chư tỳ-khưu-Tăng mãn 3 tháng hạ, đồng thời người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cũng mãn hạn 3 tháng thọ-trì bát-giới uposathasīla.

*** Bát-giới uposathasīla suốt đời**

Đối với tu-nữ đã xuất gia sống trong chùa, những người làm công quả sống trong chùa, những người trú trong chùa,... những người này thường xin phát nguyện *thọ-trì bát-giới uposathasīla* suốt đời ở trong chùa.

Bát-giới uposathasīla là thuộc về *kālapariyantasīla*: *bát-giới chấm dứt theo thời gian hạn định của hành-giả phát nguyện thọ-trì*.

Theo lệ thường, * *hành giả phát nguyện thọ-trì bát-giới uposathasīla* kể từ lúc bình minh bắt đầu ngày mới, rồi giữ gìn trong ngày giới suốt 1 ngày 1 đêm, cho đến lúc bình minh của ngày hôm sau.

Tuy nhiên có những trường hợp đặc biệt như sau:

* Trường-hợp hành-giả không có cơ hội *thọ-trì bát-giới uposathasīla* từ lúc bình minh, khi đến giờ ngọ (12 giờ trưa), hành-giả phát nguyện xin thọ-trì bát-giới uposathasīla, rồi giữ gìn từ thời gian đó cho đến bình minh của ngày hôm sau.

* Trường-hợp hành-giả không có cơ hội *thọ-trì bát-giới uposathasīla* trong ngày, khi đến lúc ban đêm, hành-giả phát nguyện xin thọ-trì bát-giới uposathasīla, rồi giữ gìn suốt đêm cho đến lúc bình minh của ngày hôm sau.

* Trường hợp người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đến chùa nghe pháp trong ngày giới, khi vị pháp-sư hướng dẫn *thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla* chung mọi người, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy *phát nguyện xin thọ-trì bát-giới uposathasīla* suốt trong thời gian nghe pháp.

Khi lắng nghe pháp xong, thì đồng thời bát-giới uposathasīla của hành-giả ấy cũng hết hạn.

Vì vậy, *bát-giới uposathasīla* thuộc về *kālapariyanta-sīla*: *bát-giới chấm dứt theo thời gian hạn định của hành-giả phát nguyện thọ-trì*.

Hành-giả phát nguyện thọ-trì *bát-giới uposathasīla* có 8 điều-giới, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn sẽ có được quả báu vô cùng phong phú và lớn lao trong kiếp hiện-tại lẫn vô số kiếp vị-lai, đặc biệt còn tạo duyên lành làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ được phát triển.

Để hiểu rõ về tầm quan trọng của bát-giới uposathasīla, nên tìm hiểu *bài kinh* ***uposathasīlasutta*** mà Đức-Phật thuyết dạy bà Visākhā Migaramātā.

Kinh Uposathasīlasutta[1]

Đức-Phật thuyết dạy *bát-giới uposathasīla* trong bài *kinh uposathasīlasutta,* có 3 loại là:

*1- **Gopāla uposathasīla** là hành-giả giữ gìn bát-giới uposathasīla như người chăn bò.*

*2- **Nigaṇṭha uposathasīla** là hành-giả giữ gìn bát-giới uposathasīla như nhóm tu-sĩ ngoại đạo Nigaṇṭha.*

*3- **Ariya uposathasīla** là hành-giả giữ gìn bát-giới uposathasīla giống như bậc Thánh-nhân.*

Phần ***bát-giới uposathasīla*** này, chỉ trình bày ***Ariya uposathasīla*** mà thôi, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Pubbārāma của bà *Visākhā Migāramātā*[2], gần kinh-thành Sāvatthi. Sáng hôm ấy, nhằm ngày bát-giới uposathasīla, bà Visākhā đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong ngồi một nơi hợp lẽ.

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng phần ***Ariya uposathasīla*** *là hành-giả giữ gìn bát-giới uposathasīla giống như bậc Thánh-nhân* được tóm lược như sau:

- Ariya uposathasīla

Hành-giả giữ gìn bát-giới uposathasīla giống như bậc Thánh-nhân như thế nào?

Ariya uposathasīla có 6 loại:

---

[1] Aṅguttaranikayā, phần Tikanipāta, Uposathasīlasutta.

[2] ***Migāramātā***: Mẹ của ông phú hộ Migāra. Thật ra, bà Visākhā là người con dâu của ông phú hộ Migāra, nhưng ông suy tôn người con dâu lên địa vị như người mẹ của ông, nên gọi là Migāramātā.

1- Brahma uposathasīla: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật.
2- Dhamma uposathasīla: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp.
3- Saṃgha uposathasīla: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng.
4- Sīla uposathasīla: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm giới của mình.
5- Devatā uposathasīla: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 5 pháp chư-thiên.
6- Uposathasīla: Bát-giới uposathasīla.

*1- **Brahma uposathasīla**: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật như thế nào?*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật rằng:

"Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho, Vijjā-caraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisa-dammasāratthi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā."

*- **Arahaṃ**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức A-ra-hán là Bậc có thân khẩu ý hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên.*

*- **Sammāsambuddho**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi*

tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā), trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng- sinh, gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị.

*- **Vijjācaraṇasampanno**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Minh-Hạnh-Túc là Bậc có đầy đủ tam-minh, bát-minh và 15 đức-hạnh cao thượng.*

*- **Sugato**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Thiện-Ngôn là Bậc thuyết pháp sự-thật chân-lý đem lại lợi ích thật sự cho chúng-sinh.*

*- **Lokavidū**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Thông Suốt Tam-tổng-pháp là Bậc thấy rõ, biết rõ tổng các loài chúng-sinh, tổng các cõi chúng-sinh, tổng các pháp-hành.*

*- **Anuttaro purisadammasārathi**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Vô-Thượng-giáo-hóa-chúng-sinh là Bậc giáo huấn chúng-sinh cải tà quy chánh, cái ác làm thiện, từ hạng phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân.*

*- **Satthā devamanussānaṃ**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức Thiên-Nhân-Sư là Bậc Thầy của chư-thiên, chư phạm-thiên và nhân-loại, ...*

*- **Buddho**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức-Phật là Bậc tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (vāsanā) trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi tam-giới chúng-sinh, gọi là **Đức-Phật**.*

***Đức-Phật** thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, cũng chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, tùy theo năng lực của pháp-hạnh ba-la-mật và 5*

pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.

*- **Bhagavā**: Đức-Thế-Tôn có ân-đức là Đức-Thế-Tôn là Bậc có 6 ân-đức đặc biệt được thành-tựu do 30 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của Đức-Phật.*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào phát sinh làm cho tâm bị ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như trên đầu bị dơ bẩn, làm cho cái đầu sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn.

Trên đầu bị dơ bẩn, làm cho cái đầu sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta dùng nước trái cây và nước sạch với sự tinh-tấn của người ấy gội sạch cái đầu.

- Này Visākhā! Trên đầu bị dơ bẩn, làm cho cái đầu được sạch sẽ nhờ sự tinh-tấn gội sạch cái đầu.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật rằng:

"Itipi so Bhagavā Arahaṃ, Sammāsambuddho, Vijjā-caraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisa-dammasāratthi, Satthā devamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā"

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào phát sinh làm cho tâm bị ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

*- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật như vậy, gọi là **Brahma uposathasīla**, như được sống gần gũi với Đức-Phật, đại-thiện-tâm của bậc ấy hướng đến Đức-Phật, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch, phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

*2- **Dhamma uposathasīla**: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp như thế nào?*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp rằng:

"Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi."

*- **Svākkhāto dhammo**: Chánh-pháp gồm có 10 pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, có ý nghĩa đầy đủ, văn chương trong sáng, rõ ràng và thanh-tịnh.*

10 chánh-pháp đó là:

- Pháp-học chánh-pháp.

- 9 Siêu-tam-giới-pháp đó là 4 Thánh-đạo + Thánh-quả + 1 Niết-bàn.

*- **Sandiṭṭhiko dhammo**: Chánh-pháp gồm 9 siêu-tam-giới-pháp mà chư Thánh-nhân đã chứng đắc Thánh-đạo,*

Thánh-quả và Niết-bàn nào, rồi tự thấy, tự biết bằng trí-tuệ thiền-tuệ của mình.

*- **Akāliko dhammo**: Chánh-pháp đó là 4 Thánh-đạo cho quả tương xứng 4 Thánh-quả không có thời gian ngăn cách, nghĩa là sau khi chứng đắc Thánh-đạo nào liền cho Thánh-quả ấy sau một sát-na tâm diệt rồi sinh.*

*- **Ehipassiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma) hoàn toàn trong sạch và thanh-tịnh, nên dám mời đến để chứng kiến, để thực chứng, thực đắc.*

*- **Opaneyyiko dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp là chánh-pháp nên hướng tâm đến chứng đắc trước tiên, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

*- **Paccattaṃ veditabbo viññūhi dhammo**: Chánh-pháp đó là 9 siêu-tam-giới-pháp mà chư bậc thiện-trí Thánh-nhân đã chứng đắc rồi, tự mình biết rõ, tự mình nhập Thánh-quả hưởng sự an lạc Niết-bàn tịch tịnh.*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như thân thể bị dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn.

Thân thể bị dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta dùng bột đá, bột và nước trong với sự tinh-tấn của người ấy tắm rửa thân hình sạch sẽ.

- Này Visākhā! Thân thể bị dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn tắm rửa thân thể.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp rằng:

"Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccattaṃ veditabbo viññūhi."

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 6 ân- Đức-Pháp, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới uposathasīla niệm-niệm 6 ân-Đức-Pháp như vậy, gọi là ***Dhamma uposathasīla,*** *như được sống gần gũi với Đức-Pháp, đại-thiện-tâm của bậc ấy hướng đến Đức-Pháp, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch, phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

3- ***Saṃgha uposathasīla****: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng như thế nào?*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng rằng:

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Sāmicippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā
esa Bhagavato sāvakasaṃgho,
Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo,
Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa."

*- **Suppaṭipanno**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc đã thực-hành nghiêm chỉnh đúng theo lời giáo huấn của Đức-Phật.*

*- **Ujuppaṭipanno**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc đã thực-hành trung thực đúng theo pháp-hành trung-đạo, không quanh co lầm lạc.*

*- **Ñāyappaṭipanno**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc đã thực-hành đúng theo pháp-hành bát-chánh-đạo chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

*- **Sāmicippaṭipanno**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc đã thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ đúng đắn xứng đáng để chúng-sinh tôn kính lễ bái cúng dường đến quý Ngài.*

Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā esa Bhagavato sāvakasaṃgho: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn có 4 đôi thành 8 bậc Thánh (tính theo tâm siêu-tam-giới):

Chư Thánh Thanh-Văn có 4 đôi:

** Nhập-lưu Thánh-đạo → Nhập-lưu Thánh-quả.*
** Nhất-lai Thánh-đạo → Nhất-lai Thánh-quả.*
** Bất-lai Thánh-đạo → Bất-lai Thánh-quả.*
** A-ra-hán Thánh-đạo → A-ra-hán Thánh-quả.*

Chư Thánh Thanh-Văn có 8 bậc:

4 Thánh-đạo + 4 Thánh-quả

** Nhập-lưu Thánh-đạo (Sotāpattimagga).*
** Nhất-lai Thánh-đạo (Sakadāgāmimagga).*
** Bất-lai Thánh-đạo (Anāgāmimagga).*
** A-ra-hán Thánh-đạo (Arahattamagga).*

** Nhập-lưu Thánh-quả (Sotāpattiphala).*
** Nhất-lai Thánh-quả (Sakadāgāmiphala).*
** Bất-lai Thánh-quả (Anāgāmiphala).*
** A-ra-hán Thánh-quả (Arahattaphala).*

*- **Āhuneyyo**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng quý báu mà thí chủ từ phương xa đem đến cúng dường quý Ngài, để mong được quả báu lớn.*

*- **Pāhuneyyo**: Chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng quý báu mà thí chủ dành cho những vị khách quý như quý Ngài.*

*- **Dakkhiṇeyyo**: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng quý báu mà thí chủ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đem dâng cúng đến quý Ngài, để mong được phước-thiện lớn và quả báu nhiều cho mình và những người thân quyến.*

*- **Añjalikaraṇīyo**: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là những Bậc xứng đáng cho chúng-sinh chắp tay cung-kính, lễ bái cúng dường.*

*- **Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa**: Chư Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Thế-Tôn là phước điền cao thượng của chúng-sinh không đâu sánh được.*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như tấm vải bị dơ bẩn, làm cho tấm vải được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn.

Tấm vải bị dơ bẩn, làm cho tấm vải được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta dùng đất, tro và nước trong với sự tinh-tấn của người ấy giặt giũ tấm vải cho sạch sẽ.

- Này Visākhā! Tấm vải bị dơ bẩn, làm cho tấm vải được sạch sẽ do nhờ sự tinh-tấn giặt giũ tấm vải.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng rằng:

"Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ujuppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Sāmicippaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho,
Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭhapurisapuggalā esa Bhagavato sāvakasaṃgho, Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ puññakkhettaṃ Lokassa."

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

*- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới uposathasīla niệm-niệm 9 ân-Đức-Tăng như vậy, gọi là **Saṃgha uposathasīla**, như được sống gần gũi với Đức-Tăng, đại-thiện-tâm tâm của bậc ấy hướng đến Đức-Tăng, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

*4- **Sīla uposathasīla**: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm giới trong sạch của mình như thế nào?*

- Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

*Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình, **giới không bị đứt** (akhaṇḍasīla)[1], **giới không bị thủng** (acchiddasīla)[2], **giới không bị đốm** (asabalasīla)[3], **giới không bị đứt lan** (akammāsasīla)[4], giới tự chủ (không bị nô lệ bởi phiền-não), được bậc thiện-trí tán dương, giới làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

---

[1] ***Giới không bị đứt*** nghĩa là điều-giới đầu (thứ nhất) và điều-giới cuối (thứ 8) được giữ gìn trong sạch nguyên vẹn.

[2] ***Giới không bị thủng*** nghĩa là ngoại trừ điều-giới đầu và điều-giới cuối ra, còn lại 6 điều-giới giữa được giữ gìn trong sạch nguyên vẹn.

[3] ***Giới không bị đốm*** nghĩa là trong 8 điều-giới ấy, điều-giới thứ 2, điềugiới thứ 4, điều-giới thứ 6 được giữ gìn trong sạch nguyên vẹn.

[4] ***Giới không bị đứt lan*** nghĩa là trong 8 điều-giới ấy, điều-giới thứ 2 với điều-giới thứ 3, hoặc điều-giới thứ 3 với điều-giới thứ 4, hoặc điều-giới thứ 4 với điều-giới thứ 5, hoặc điều-giới thứ 5 với điều-giới thứ 6 với điều-giới thứ 7 được giữ gìn nguyên vẹn, không bị đứt.

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như tấm kính bị lu mờ, làm cho tấm kính được trong suốt do nhờ sự tinh-tấn.

Tấm kính bị lu mờ, làm cho tấm kính được trong suốt do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta dùng dầu lau kính, tro và nước sạch với sự tinh-tấn của người ấy lau chùi làm cho tấm kính trở nên trong suốt.

- Này Visākhā! Tấm kính bị lu mờ làm cho tấm kính được trong suốt do nhờ sự tinh-tấn lau chùi tấm kính.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình, ***giới không bị đứt***, ***giới không bị thủng***, ***giới không bị đốm***, ***giới không bị đứt lan****, giới tự chủ (không bị nô lệ bởi phiền-não), được bậc thiện-trí tán dương, giới làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

*- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới uposathasīla niệm giới trong sạch và trọn vẹn của mình như vậy, gọi là **Sīla uposathasīla**, như sống gần gũi với **giới**, đại-thiện-tâm của bậc ấy hướng đến giới của mình, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

*5- **Devatā uposathasīla**: Bát-giới uposathasīla niệm-niệm 5 pháp chư-thiên như thế nào?*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm 5 pháp của các hàng chư-thiên rằng:

*"Những hàng chư-thiên cõi trời Tứ Đại-thiên-vương, chư-thiên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, chư-thiên cõi trời Dạ-ma-thiên, chư-thiên cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên, chư-thiên cõi trời Hóa-lạc-thiên, chư-thiên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên, chư phạm-thiên cõi trời phạm-thiên, mà tiền-kiếp của quý vị ấy vốn có đầy đủ 5 pháp là **đức-tin** (saddhā), **giới** (sīla), **học nhiều hiểu rộng** (suta), **bố-thí** (cāga), **trí-tuệ** (paññā).*

*Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh lên cõi trời ấy như thế nào, chính trong ta cũng có đầy đủ 5 pháp ấy là **đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ** cũng như thế ấy."*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm các pháp

là đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ, hổ thẹn tội-lỗi, ghê sợ tội-lỗi của mình cũng như các hàng chư-thiên, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

- Này Visākhā! Ví như vàng chưa tinh khiết, làm cho vàng được tinh khiết do nhờ sự tinh-tấn.

Vàng chưa tinh khiết, làm cho vàng được tinh khiết do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

Người ta đem vàng bỏ vào cái vá, đem đốt trên lò với sự tinh-tấn của người ấy làm cho vàng trở nên tinh khiết.

- Này Visākhā! Vàng chưa tinh khiết làm cho vàng được tinh khiết do nhờ sự tinh-tấn làm cho vàng trở nên tinh khiết.

Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn.

Tâm bị ô nhiễm do bởi phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như thế nào?

- Này Visākhā! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm tưởng đến 5 pháp của các hàng chư-thiên rằng:

"Những hàng chư-thiên cõi trời Tứ Đại-thiên-vương, chư-thiên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, chư-thiên cõi trời Dạ-ma-thiên, chư-thiên cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên, chư-thiên cõi trời Hóa-lạc-thiên, chư-thiên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên, chư phạm-thiên cõi trời phạm-thiên, mà tiền-kiếp của quý vị ấy vốn có đầy đủ các pháp là đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ, hổ thẹn tội-lỗi, ghê sợ tội-lỗi.

Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh lên cõi trời ấy như thế nào, chính trong ta cũng có đầy đủ 5

*pháp ấy là **đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ** cũng như thế ấy."*

Khi bậc Thánh thanh-văn đệ-tử niệm-niệm các pháp ấy là đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ, hổ-thẹn tội-lỗi, ghê-sợ tội-lỗi của mình cũng như các hàng chư-thiên, thì đại-thiện-tâm của bậc ấy trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.

*- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử giữ gìn bát-giới uposathasīla niệm-niệm các pháp ấy là đức-tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố-thí, trí-tuệ, hổ-thẹn tội-lỗi, ghê-sợ tội-lỗi như vậy, gọi là: **Devatā uposathasīla** như được sống gần gũi với chư-thiên, đại-thiện-tâm của bậc ấy hướng đến chư-thiên, nên đại-thiện-tâm trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền-não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền-não ấy bị diệt.*

- Này Visākhā! Tâm bị ô nhiễm do phiền-não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh-tấn như vậy.

6- ***Uposathasīla**: Bát-giới uposathasīla.*

- Này Visākhā! Bậc Thánh thanh-văn đệ-tử có trí-tuệ sáng suốt suy xét rằng:

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự sát-sinh**, tuyệt đối tránh xa sự sát-sinh, đã bỏ gậy gộc, đã bỏ khí giới, có đại-duy-tác-tâm biết hổ-thẹn mọi tội-lỗi, có tâm bi thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng-sinh.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự sát-sinh, tránh xa sự sát-sinh, bỏ gậy gộc, bỏ khí giới, có đại-thiện-tâm biết hổ-thẹn mọi tội-lỗi, có tâm bi thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng-sinh suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì

uposathasīla giữ gìn điều-giới tránh xa sự sát-sinh được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự trộm-cắp**, tuyệt đối tránh xa sự trộm-cắp, chỉ thọ nhận thứ vật dụng mà người ta dâng lễ cúng dường mà thôi, không bao giờ trộm-cắp, là Bậc sống hoàn toàn trong sạch thanh cao.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự trộm-cắp, tránh xa sự trộm-cắp, chỉ thọ nhận thứ vật dụng mà người ta cho, không trộm-cắp, là người sống hoàn toàn trong sạch thanh cao suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự trộm-cắp, được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự hành-dâm**, chỉ hành phạm-hạnh cao thượng mà thôi, tuyệt đối tránh xa việc hành-dâm thấp hèn của người tại-gia.*

Hôm nay, ta cũng tránh xa sự hành-dâm, chỉ hành phạm-hạnh cao thượng mà thôi, tránh xa việc hành-dâm thấp hèn của người tại-gia suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla giữ gìn điều-giới tránh xa sự hành-dâm được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự nói-dối**, tuyệt đối tránh xa sự nói-dối, chỉ nói lời chân thật mà thôi, lúc nào cũng nói lời chân thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự nói-dối, tránh xa sự nói-dối, chỉ nói lời chân thật mà thôi, lúc nào cũng nói lời

chân thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự nói-dối được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi** trong mọi thiện-pháp, đã tuyệt đối tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.*

*Hôm nay, ta cũng từ bỏ **sự uống rượu, bia** và các chất say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp, tránh xa **sự uống rượu, bia** và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **chỉ độ vật thực một bữa ngọ (trong ngày)**, không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự độ vật thực phi thời (quá ngọ, quá 12 giờ trưa).*

Hôm nay, ta cũng chỉ dùng vật thực một bữa (trong ngày) mà thôi, không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự dùng vật thực phi thời (quá ngọ, quá 12 giờ trưa) suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự dùng vật thực phi thời được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã **từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn,** tuyệt đối tránh xa **xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái.***

Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới từ bỏ sự nhảy múa ca hát thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái, được trong sạch.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp**, tuyệt đối tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô.*

Hôm nay, ta cũng từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao-quý và xinh đẹp, tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.

Ta được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô, được trong sạch.

Quả báu của bát-giới ariya uposathasīla

*- Này Visākhā! Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thọ-trì bát-giới uposathasīla như vậy, gọi là **Ariya uposathasīla**: giữ gìn bát-giới uposathasīla như bậc Thánh-nhân.*

Người thọ-trì bát-giới uposathasīla như bậc Thánh-nhân có quả báu lớn trong cõi dục-giới, có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn, có kiếp sống xán lạn nhiều, có nhiều năng lực lớn.

Có quả báu lớn trong cõi dục-giới thế nào? Có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn thế nào? Có kiếp sống xán lạn nhiều thế nào? Có nhiều năng lực lớn thế nào?

- Này Visākhā! Ví như người nào được suy tôn lên làm Vua trị vì 16 nước rộng lớn như nước Aṅga, nước Magadha, nước Kāsī, nước Kosala, nước Vajjī, nước Malla, nước Cetī, nước Vaṅga, nước Kuru, nước Pañcāla, nước Maccha, nước Sūrasena, nước Assaka, nước Avantī, nước Gandhāra, nước Kamboja có đầy đủ 7 báu vật quý giá ấy cũng chưa bằng 1 phần 16 của người thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Điều ấy vì sao vậy?

Bởi vì, sự nghiệp đế vương cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 50 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở **cõi trời Tứ Đại-thiên-vương**, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Tứ Đại-thiên-vương có tuổi thọ khoảng 500 năm cõi trời (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 500 x 12 x 30 x 50 = 9.000.000 năm ở cõi người).*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ-trì, giữ gìn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Tứ Đại-thiên-vương,*** *làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 100 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở* ***cõi trời Tam-thập-tam-thiên****, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên có tuổi thọ khoảng 1.000 năm cõi trời (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 1.000 x 12 x 30 x 100 = 36.000.000 năm ở của cõi người).*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ-trì, giữ gìn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Tam-thập-tam-thiên****, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ quý giá trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 200 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở* ***cõi trời Dạ-ma-thiên****, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Dạ-*

ma-thiên có tuổi thọ khoảng 2.000 năm cõi trời (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 2.000 x 12 x 30 x 200 = 144.000.000 năm ở cõi người).

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ-trì, giữ gìn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Dạ-ma-thiên****, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 400 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở* ***cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên****, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên có tuổi thọ khoảng 4.000 năm cõi trời (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 4.000 x 12 x 30 x 400 = 576.000.000 năm ở cõi người).*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ-trì, giữ gìn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên ***cõi trời Đâu-xuất-đà-thiên****, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 800 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở **cõi trời Hóa-lạc-thiên**, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên **cõi trời Hóa-lạc-thiên** có tuổi thọ khoảng 8.000 năm cõi trời (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 8.000 x 12 x 30 x 800 = 2.304.000.000 năm ở cõi người).*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ-trì, giữ gìn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

*Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên **cõi trời Hóa-lạc-thiên**, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

*- * Này Visākhā! Cứ 1.600 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở **cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên**, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Chư-thiên trên cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên có tuổi thọ khoảng 16.000 năm cõi trời (Nếu so với số năm ở cõi người thì bằng 16.000x 12 x 30 x 1.600= 9.216.000.000 năm ở cõi người).*

- Này Visākhā! Trong đời này, số người đàn ông hoặc đàn bà thọ-trì, giữ gìn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới trong sạch và trọn vẹn.

*Sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ hưởng sự an-lạc trên **cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên**, làm bạn chư-thiên trong cõi trời ấy.*

- Này Visākhā! Như-Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Đức-vua an hưởng sự an-lạc trên ngôi báu với

những thứ cao quý trong cõi người so sánh với sự an-lạc trên cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

Đức-Phật thuyết câu kệ có ý nghĩa:

Người thọ-trì bát-giới, giữ gìn tám điều-giới:
Không sát-sinh, không trộm-cắp, không hành-dâm.
Không nói-dối, không uống rượu và chất-say.
Không dùng vật thực phi thời quá giờ ngọ.
Không múa hát, thổi kèn, đàn, xem múa hát.
Không đeo tràng hoa, thoa vật thơm, xức nước hoa.
Không nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.
Đức-Phật là Bậc Thông Suốt tam-tổng-pháp.[1]
Truyền dạy uposathasīla tám điều-giới.
Và quả báu cao quý lớn lao của bát-giới.

Mặt trăng, mặt trời cả hai đều có oai lực.
Phát ra ánh sáng có diện tích rộng bao nhiêu.
Ánh sáng này tiêu diệt bóng tối trong hư không.
Làm sáng tỏ lan rộng khắp mọi phương hướng.
Khi ánh sáng chiếu sáng đến một nơi nào.
Tại nơi ấy tràn đầy những báu vật vô giá.
Như các thứ ngọc maṇi, ngọc muttā, ...
Đủ các loại vàng tinh khiết quý giá.

Dù gồm tất cả các thứ báu vật vô giá ấy.
Cũng chưa bằng một phần mười sáu so với
Quả báu của bát-giới uposathasīla này.

Ví như ánh sáng của các ngôi sao trên hư không.
Không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng.

Vì vậy người cận-sự-nam, cận-sự-nữ.
Nên thọ-trì bát-giới uposathasīla này,
Giữ gìn tám giới cho được trong sạch và trọn vẹn.
Tạo được nhiều phước-thiện cao thượng đặc biệt.

[1] Tam-tổng-pháp là tổng các loài chúng-sinh, cõi chúng-sinh, các pháp-hành.

Là người không bị chê trách mà được tán dương,
Có được quả báu cao quý đặc biệt.
Trong kiếp hiện-tại được nhiều sự an-lạc.
Sau khi chết, đại-thiện-nghiệp giữ gìn giới.
Cho quả tái-sinh lên cõi trời như ý.
Hưởng mọi sự an-lạc cao quý đặc biệt.

(Xong bài kinh Uposathasīla).

Chuẩn bị thọ-trì bát-giới uposathasīla

Phàm người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có lắm công nhiều việc, ít có cơ hội rảnh rỗi, cho nên đến ngày bát-giới uposathasīla là ngày quan trọng, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cần phải chuẩn bị trước khi thọ-trì bát-giới uposathasīla, đang khi thọ-trì và sau khi thọ-trì bát-giới uposathasīla theo tuần tự như sau:

* Biết ngày hôm sau là ngày bát-giới uposathasīla, cho nên ngày hôm ấy, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cần phải sắp đặt mọi công việc cho xong.

* Chuẩn bị đồ ăn uống thanh đạm cho ngày hôm sau.

* Biết thu xếp công việc. Nếu biết công việc nào không cần thiết thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ không nên làm công việc ấy trong ngày bát-giới uposathasīla.

* Ngày giới lúc bình minh, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ thức dậy sớm xong, có đại-thiện-tâm trong sạch.

* Nếu nhà ở gần chùa, thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đến chùa xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla theo nghi thức với Ngài Trưởng-lão hướng dẫn, rồi ở lại chùa suốt ngày và đêm cho đến sáng ngày hôm sau.

* Nếu không có cơ hội đến chùa thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đến trước bàn thờ Tam-bảo, đem hoa,

trầm lễ bái cúng dường Tam-bảo xong, làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla, đọc 3 bài sám hối Tam-bảo, rồi tự mình nguyện xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla, rồi giữ gìn bát-giới uposathasīla cho được trong sạch và trọn vẹn suốt ngày và đêm cho đến rạng sáng ngày hôm sau.

* Sau khi thọ-trì bát-giới uposathasīla xong, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ở một mình chỗ thanh vắng để thực-hành pháp-hành thiền-định với *đề-mục niệm-niệm 9 ân-Đức-Phật,* v.v… hoặc *ngồi nghe chánh-pháp hoặc đàm đạo chánh-pháp, hoặc xem kinh đọc sách pháp (không đọc sách báo đời, không nói chuyện đời),* hoặc *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* với đối-tượng thiền-tuệ *tứ oai-nghi: oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm,* suốt ngày và đêm ấy cho đến rạng sáng ngày hôm sau.

* Đến giờ dùng vật thực chỉ dùng món ăn giản dị, khi dùng nên suy xét rằng: *"Dùng vật thực để duy trì mạng sống, để thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, hoặc pháp-hành thiền-tuệ, ..."*

Như vậy, vật thực dù ngon, dù dở vẫn dùng được tự nhiên. Quá giờ ngọ (12 giờ trưa) không được dùng một thứ vật-thực nào cả, cho đến lúc bình minh của sáng ngày hôm sau.

Nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ cảm thấy bụng đói, khó chịu thì được phép dùng các thứ nước trái cây nhỏ ép bỏ xác lấy nước để dùng, dùng mật ong, thuốc bổ, thuốc trị bệnh, … (không được phép dùng sữa).

* Ban đêm người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên ngủ ít (ngủ khoảng từ 22 giờ đến 2 giờ khuya) dành nhiều thời giờ để thực-hành *pháp-hành thiền-định,* hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ.*

Khi thức dậy sớm, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên quán triệt lại bát-giới uposathasīla của mình rằng: *"Chư bậc Thánh A-ra-hán tuyệt đối tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự hành-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu và các chất-say, tránh xa sự ăn phi thời, tránh xa sự xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái, tránh xa chỗ nằm ngồi quá cao và xinh đẹp suốt trọn đời.*

Về phần ta, noi gương theo chư bậc Thánh A-ra-hán, ta cũng thọ-trì bát-giới uposathasīla tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự hành-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say, tránh xa sự ăn phi thời, tránh xa sự xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái, tránh xa chỗ nằm ngồi quá cao và xinh đẹp suốt 1 ngày và 1 đêm nay."

* Lúc bình minh của ngày hôm sau, hoàn mãn ngày bát-giới uposathasīla, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ lễ bái Tam-bảo, hồi hướng phước-thiện giữ giới đến tất cả chúng-sinh, chư-thiên, nhất là ông bà, cha mẹ, thầy tổ, cùng những bậc ân-nhân từ hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ. Cầu xin tất cả đều hoan-hỷ phần phước-thiện giữ gìn bát-giới uposathasīla thanh cao này, để thoát mọi cảnh khổ và được an-lạc lâu dài.

* Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ không cần xả bát-giới uposathasīla. Thật ra, hành-giả đã phát nguyện thọ-trì bát-giới uposathasīla 1 ngày 1 đêm, khi trải qua 1 ngày 1 đêm, ngay khi ấy bát-giới uposathasīla hoàn mãn, không còn hiệu lực nữa, trở lại ngũ-giới là thường giới, bát-giới ājīvaṭṭhamakasīla của người tại-gia.

Nghi thức lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới Uposathasīla

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có ý nguyện muốn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla.

Nghi thức theo tuần tự

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ (hoặc hành-giả) đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo thực-hành nghi lễ theo tuần tự như sau:

*** Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn**

*** Lễ sám hối Tam-bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp học và pháp hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.

Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.

Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

*** Bài kệ cầu nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

Xin thọ phép quy-y Tam-bảo và bát-giới uposathasīla

Ahaṃ[1] Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi[2], anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me[3]. Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha aṭṭhaṅga-samannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

*** Phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla**

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

NTL: *Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadetha.*

(Sư hướng dẫn từng chữ, từng câu như thế nào, các con hãy nên lập lại đúng từng chữ, từng câu như thế ấy).

Tất cả mọi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đồng thanh thưa rằng:

CSN: *Āma, Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

*** Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn**

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (*3 lần*)

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (*3 lần*)

*** Thọ phép quy-y Tam-bảo**

Sau khi kính lễ Đức-Thế-Tôn xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

*** Thọ-trì bát-giới uposathasīla**

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới như sau:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3-Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

4- *Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- *Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

6- *Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

7- *Nacca-gīta-vādita-visūkadassana-mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái.

8- *Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

NTL: *Tisaraṇena saha aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ sādhutaṃ katvā appamādena sampādehi.*

Phép quy-y Tam-bảo và bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh.

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.
Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới,

Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới, cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi.

*** Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo**

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới đối với người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ.

Đó là cách thọ-trì riêng từng mỗi điều-giới trong bát-giới uposathasīla.

* Cách thọ-trì chung 8 điều-giới trong bát-giới uposathasīla cùng một lần như sau:

"Aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ samādiyāmi."

Con xin thọ trì bát-giới uposathasīla gồm có 8 điều-giới.

Theo cách thọ-trì chung 8 điều-giới trong bát-giới uposathasīla cùng một lần, nếu người nào phạm một điều-giới nào trong bát-giới uposathasīla thì xem như phạm bát-giới uposathasīla, bởi vì tác-ý thọ-trì chung 8 điều-giới cùng một lần. Cho nên, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên thọ-trì bát-giới uposathasīla trở lại.

Còn theo cách thọ-trì riêng từng mỗi điều-giới trong bát-giới uposathasīla, nếu người nào phạm một điều-giới nào trong bát-giới uposathasīla thì các điều-giới còn lại vẫn chưa phạm, bởi vì tác-ý thọ-trì riêng mỗi điều-giới. Cho nên, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên thọ-trì điều-giới ấy trở lại.

Bát-giới uposathasīla không phải là ***thường-giới*** của tất cả mọi người tại-gia. Cho nên, nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào có khả năng thọ-trì *bát-giới uposathasīla*, rồi giữ gìn cho được trong sạch trọn vẹn thì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy có được *phước-thiện giữ-giới đặc biệt hơn phước-thiện giữ ngũ-giới, có quả báu đặc biệt hơn phước-thiện giữ ngũ-giới.*

Nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ *sau khi đã thọ-trì bát-giới uposathasīla ấy rồi,* mà không thể giữ gìn cho được trong sạch đầy đủ trọn vẹn, thì không có được *phước-thiện giữ-giới đặc biệt ấy.*

Giới-cấm và giới-hành

Trong bát-giới uposathasīla gồm có 2 loại giới:

- Vāritasīla: Giới-cấm là điều-giới không được phạm.

- Cārittasīla: Giới-hành là điều-giới nên thực-hành.

1- Vāritasīla: *Giới-cấm* trong bát-giới uposathasīla có 4 điều-giới mà tất cả mọi người không được phạm, đó là:

1- Điều-giới tránh xa sự sát-sinh.

2- Điều-giới tránh xa sự trộm-cắp.

3- Điều-giới tránh xa sự nói-dối.

4- Điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất say.

Đó là *4 điều-giới-cấm có trong ngũ-giới là thường-giới* mà tất cả mọi người có bổn phận giữ gìn cho được trong sạch trọn vẹn, thì được *phước-thiện giữ-giới*, có quả báu an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai. Nhưng nếu người nào *phạm điều-giới cấm nào thì người ấy đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy*, rồi phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

2- ***Cārittasīla:*** *Giới-hành* trong bát-giới uposathasīla có 4 điều-giới mà người nên thực-hành đó là:

1- Điều-giới tránh xa sự hành-dâm.

2- Điều-giới tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

3- Điều-giới tránh xa sự xem múa hát, thổi kèn, ...

4- Điều-giới tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

Đó là *4 điều-giới-hành* mà hành-giả nên thực-hành giữ gìn cho được trong sạch trọn vẹn, thì được nhiều *phước-thiện giữ-giới đặc biệt, có quả báu an-lạc đặc biệt*, làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp phát sinh, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai. Nhưng nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ tại-gia nào không thực-hành thì

người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy không có được *phước-thiện giữ-giới đặc biệt*, *không có quả báu an-lạc đặc biệt*, mà không có tội nào cả.

Thật vậy, ***4 điều-giới-hành***:

- Hành-giả là người cận-sự-nam nào hoặc cận-sự-nữ nào sau khi đã thọ-trì bát-giới uposathasīla rồi, nếu có hành-dâm với vợ của mình, hoặc chồng của mình thì phạm điều-giới hành-dâm, mà không phạm điều-giới tà-dâm với vợ của người khác, hoặc chồng của người khác, nên người cận-sự-nam ấy hoặc cận-sự-nữ ấy *không được phước-thiện đặc biệt giữ gìn bát-giới uposathasīla mà thôi*, bởi vì không làm khổ mình, không làm khổ người.

Bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai tại-gia có giới hoàn toàn trong sạch trọn vẹn, vẫn lập gia đình có con được. Như *bà Visākhā* khi còn nhỏ lúc 7 tuổi đã trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***. Khi trưởng thành *bà Visākhā* có chồng, *có 20 đứa con: 10 đứa con trai và 10 đứa con gái*, v.v…

- Hành-giả là *người cận-sự-nam nào hoặc cận-sự-nữ nào* sau khi đã *thọ-trì bát-giới uposathasīla rồi,* đến chiều tối, nếu bị đói không chịu nổi, nên *người cận-sự-nam ấy hoặc cận-sự-nữ ấy* đã *uống sữa, ăn trái cây, ăn bánh ngọt,… của mình*, thì *phạm điều-giới dùng vật thực phi thời,* nên không được *phước-thiện đặc biệt giữ gìn bát-giới uposathasīla mà thôi*, không có tội, bởi vì không làm khổ mình, không làm khổ người khác.

- Hành-giả là *người cận-sự-nam nào hoặc cận-sự-nữ nào* sau khi đã *thọ-trì bát-giới uposathasīla rồi*, nếu ngồi *xem múa hát,…* thì *cận-sự-nam ấy hoặc cận-sự-nữ ấy phạm điều-giới xem múa hát,…*nên *không được phước-thiện đặc biệt giữ gìn bát-giới uposathasīla mà thôi*, không có tội, bởi vì không làm khổ mình, không làm khổ người khác.

- Hành-giả là người cận-sự-nam nào hoặc cận-sự-nữ nào sau khi đã thọ-trì bát-giới uposathasīla rồi, nếu *nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp*, thì *cận-sự-nam ấy hoặc cận-sự-nữ ấy phạm điều-giới nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp*, nên *không được phước-thiện đặc biệt giữ gìn bát-giới uposathasīla mà thôi*, không có tội, bởi vì không làm khổ mình, không làm khổ người khác.

Tuy nhiên, hành-giả phạm 4 điều-giới-hành này làm cản trở cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.

5- Cửu-Giới Uposathasīla

Bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới, mà hành-giả là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, xin thọ-trì bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới ấy, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn.

Khi có bát-giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với ***đề-mục niệm rải tâm-từ*** *đến tất cả chúng-sinh vô lượng trong 10 phương hướng,* thêm vào một điều nữa, cho nên, *uposathasīla* này gọi là ***cửu-giới uposathasīla.***

Cửu-giới uposathasīla này có 9 điều, như Đức-Phật thuyết dạy trong bài kinh *Navaṅguposathasutta*[(1)], được dịch nghĩa như sau:

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả thọ-trì uposathasīla có 9 điều, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, có quả báu lớn trong cõi dục-giới, có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn, có kiếp sống xán lạn nhiều, có nhiều năng lực rộng lớn.

---

[1] Aṅguttaranikāya, phần Navakanipāta, Navaṅguposathasutta.

Hành-giả thọ-trì uposathasīla có 9 điều, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn như thế nào để có quả báu lớn trong cõi dục-giới? Có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn như thế nào? Có kiếp sống xán lạn nhiều như thế nào? Có nhiều năng lực rộng lớn như thế nào?

- Này chư tỳ-khưu! Trong giáo-pháp này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử có trí-tuệ sáng suốt suy xét rằng:

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời đã **từ bỏ sự sát-sinh,** tuyệt đối tránh xa sự sát-sinh, đã bỏ gậy gộc, đã bỏ khí giới, có tâm biết hổ-thẹn mọi tội-lỗi, có tâm bi cứu khổ tất cả mọi chúng-sinh.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự sát-sinh,** tránh xa sự sát-sinh, bỏ gậy gộc, bỏ khí giới, có tâm biết hổ-thẹn mọi tội-lỗi, có tâm bi thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng-sinh trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự sát-sinh được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ nhất.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự trộm-cắp,** tuyệt đối tránh xa sự trộm-cắp, chỉ thọ nhận vật dụng mà người ta cúng dường, không bao giờ trộm-cắp, bậc Thánh A-ra-hán sống hoàn toàn trong sạch thanh cao.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự trộm-cắp,** tránh xa sự trộm-cắp, chỉ thọ nhận vật dụng mà người ta cho, không trộm-cắp, sống hoàn toàn trong sạch thanh cao trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-

trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự trộm-cắp được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ nhì.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự hành-dâm**, mà hành phạm-hạnh cao thượng, tránh xa việc hành-dâm thấp hèn của người tại-gia, tuyệt đối tránh xa sự hành-dâm.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự hành-dâm**, mà hành phạm-hạnh cao thượng, tránh xa việc hành-dâm thấp hèn, tuyệt đối tránh xa sự hành-dâm trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự hành-dâm được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ ba.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự nói-dối,** tuyệt đối tránh xa sự nói-dối, chỉ nói lời chân-thật, lúc nào cũng nói lời chân-thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự nói-dối,** tránh xa sự nói-dối, chỉ nói lời chân-thật, lúc nào cũng nói lời chân-thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự nói-dối được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ tư.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong***

***mọi thiện-pháp**, tuyệt đối tránh xa sự uống rượu và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp.*

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp,** tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi trong mọi thiện-pháp trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ năm.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **chỉ độ vật-thực một bữa (trong ngày),** không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự độ vật thực phi thời (quá 12 giờ trưa).*

*Hôm nay, **chính ta cũng chỉ dùng vật thực một bữa (trong ngày),** không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự dùng vật thực phi thời (quá ngọ, quá 12 giờ trưa) trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự dùng vật thực phi thời được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ sáu.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn, tuyệt đối tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái.***

*Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng***

hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái *trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa sự nhảy múa ca hát thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham-ái được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ bảy.

** Chư bậc Thánh A-ra-hán suốt cuộc đời* ***từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp,*** *tuyệt đối tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô.*

Hôm nay, ***chính ta cũng từ bỏ chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp,*** *tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô trong suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay.*

Ta cũng được gọi là người thực-hành theo gương của chư bậc Thánh A-ra-hán về điều-giới này. Và ta đã thọ-trì uposathasīla, giữ gìn điều-giới tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngồi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô được trong sạch.

Đó là uposathasīla điều thứ tám.

** Hành-giả có đại-thiện-tâm với* ***tâm từ rải khắp hướng Đông*** *đến tất cả mọi chúng-sinh trong muôn loài, trong khắp mọi nơi, với tâm từ vô lượng rải khắp mọi chúng-sinh vô lượng, không oan trái lẫn nhau, giữ gìn thân tâm được an lạc.*

Cũng như vậy, tâm từ rải khắp hướng Nam...; tâm từ rải khắp hướng Tây...; tâm từ rải khắp hướng Bắc...;tâm từ rải khắp phía dưới…; tâm từ rải khắp phía trên đến tất cả mọi chúng-sinh trong muôn loài, trong khắp mọi nơi, với tâm từ vô lượng rải khắp mọi chúng-sinh vô lượng, không oan trái lẫn nhau, giữ gìn thân tâm được an-lạc.

Đó là uposathasīla điều thứ chín.

- Này chư tỳ-khưu! Hành-giả thọ-trì uposathasīla có 9 điều, rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, để có quả báu lớn trong cõi dục-giới, trong cõi sắc-giới, có quả báu lớn làm duyên Niết-bàn, có kiếp sống xán lạn nhiều, có nhiều năng lực rộng lớn.

(Xong bài kinh Navaṅguposathasutta)

*** Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu giới uposathasīla**

Mọi nghi thức phần đầu giống như nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì bát-giới uposathasīla, chỉ có khác phần xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu giới uposathasīla có 9 điều mà thôi.

Nghi thức theo tuần tự

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ (hoặc hành-giả) đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo thực-hành nghi lễ theo tuần tự như sau:

*** Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn**

*** Lễ sám hối Tam-bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.

Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

*** Bài kệ cầu nguyện**

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.

Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

***Xin thọ phép quy-y Tam-bảo và cửu-giới uposathasīla**

Ahaṃ[1] Bhante, tisaraṇena saha navaṅga-samannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi[2], anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me[3]. Bhante.

---

[1] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"ahaṃ"* bằng chữ *"mayaṃ"*.
[2] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"yācāmi"* bằng chữ *"yācāma"*.
[3] Nếu có nhiều người thì thay chữ *"me"* bằng chữ *"no"*.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha navaṅga-samannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha navaṅga-samannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

Phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi (vadetha).

(Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy).

Người cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) thưa rằng:

- Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài.)

Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. *(3 lần)*

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)

Thọ phép quy-y Tam-bảo

Sau khi đảnh lễ Đức-Phật xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.
- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.
- *Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.
- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.
- *Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.
- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.
- *Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*
  Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài.)*

Thọ-trì cửu-giới uposathasīla

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều như sau:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3-Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

6- Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

7- Nacca-gīta-vādita-visūkadassana-mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham ái.

8- Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

9- Mettāsahagatena cetasā sabbapāṇabhūtesu pharitvā viharaṇaṃ samādiyāmi.

Con xin thọ-trì pháp-hành niệm rải tâm-từ đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài với đại-thiện-tâm hợp với tâm-từ.

NTL: *Tisaraṇena saha navaṅgasamannāgataṃ uposathasīlaṃ dhammaṃ sādhutaṃ katvā appamādena sampādehi.*

Phép quy-y Tam-bảo và cửu-giới uposathasīla có 9 điều xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh.

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!)*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam, cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức-tin như sau:

Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.[1]

[1] Ba bài kệ này trích trong quyển Nhật Hành Cư Sĩ của Sư Tổ Hộ-Tông.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều đối với người cận-sự-nam, cận-sự-nữ.

Phần Giảng Giải

Trong cửu-giới uposathasīla có 9 điều, từ điều thứ nhất cho đến điều thứ 8 là thọ-trì 8 điều-giới, còn điều thứ 9 là thọ-trì pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm từ đến tất cả chúng-sinh muôn loài trong 10 phương hướng như sau:

"Mettāsahagatena cetasā sabbapāṇabhūtesu pharitvā viharaṇaṃ samādiyāmi".

Con xin thọ-trì pháp-hành niệm rải tâm từ đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài với đại-thiện-tâm hợp với tâm từ.

Trong điều thứ 9 này, một số sách như sau:

"Yathābalaṃ mettāsahagatena cetasā sabbavantaṃ lokaṃ pharitvā viharāmi".

Con xin thực-hành niệm rải tâm từ đến tất cả chúng-sinh trong đời theo năng lực đại-thiện-tâm hợp với tâm từ.

Trong cửu-giới uposathasīla có 9 điều, điều thứ 9 là *pháp-hành thiền-định niệm rải tâm-từ* đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài vô lượng trong 10 phương hướng.

Như vậy, trong cửu-giới uposathasīla có 9 điều này, 8 điều-giới đầu thuộc về ***pháp-hành giới***, hỗ trợ cho điều thứ 9 thuộc về ***pháp-hành thiền-định*** *với đề-mục niệm rải tâm từ* đến tất cả mọi chúng-sinh muôn loài vô lượng trong 10 phương hướng.

Phước-thiện và quả báu đặc biệt của cửu-giới uposathasīla có 9 điều

Nếu hành-giả nào thọ-trì cửu-giới uposathasīla có 9 điều rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn thì hành-giả ấy không chỉ được ***phước-thiện giữ-giới***, mà còn có được ***phước-thiện hành-thiền*** nữa.

Vì vậy, quả-báu của cửu-giới uposathasīla có 9 điều này cao quý hơn bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới.

Phước-thiện hành-thiền niệm rải tâm từ có được 11 quả báu trong kiếp hiện-tại và những kiếp vị-lai như sau:

1- Ngủ được an-lạc.
2- Thức dậy được an-lạc.
3- Không thấy các ác mộng.
4- Được mọi người thương yêu, quý mến.
5- Được các hàng phi nhân thương yêu, quý mến.
6- Được chư-thiên hộ trì.
7- Lửa hoặc chất độc hoặc các loại vũ khí, ... không thể làm hại được.
8- Tâm dễ dàng an tịnh.
9- Gương mặt sáng sủa.
10- Lúc lâm chung tâm không mê muội, tâm trí tỉnh táo.
11- Đề-mục niệm rải tâm từ có khả năng chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm (trừ đệ ngũ thiền sắc-giới

thiện-tâm), nếu chưa trở thành bậc Thánh A-ra-hán thì sau khi hành-giả chết, bậc thiền sắc-giới thiện-nghiệp bậc cao trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc cao ấy cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có bậc thiền sắc-giới quả-tâm bậc cao gọi là tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với sắc-giới quả-tâm ấy.

Hành giả thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm từ đến cho chính mình trước, rồi hành-giả niệm rải tâm từ đến tất cả mọi chúng-sinh vô lượng trong 10 phương hướng khép kín từ *hướng Đông, hướng Đông-Nam, hướng Nam, hướng Tây-Nam, hướng Tây, hướng Tây-Bắc, hướng Bắc, hướng Đông-Bắc, hướng Đông, hướng Dưới, hướng Trên.*[1]

Như vậy, chính mình được sự an-lạc do năng lực tâm từ ấy, chúng-sinh gần xa cũng được sự an-lạc tuỳ theo năng lực tâm từ của hành-giả.

6- Thập-Giới Của Người Tại-Gia

Thập-giới vốn là *thường-giới* của bậc xuất-gia sa-di. Bậc sa-di có *thập-giới là thường-giới* và *các loại giới khác, 14 pháp-hành,* v.v ... cần phải giữ gìn suốt ngày đêm cho được trong sạch và trọn vẹn trong phẩm-hạnh của vị sa-di.

Đối với người tại-gia cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, nhưng người ấy chưa có đủ duyên được xuất gia, nên họ suy xét rằng:

---

[1] Phương pháp thực-hành niệm rải tâm từ, nên xem bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1 "Pháp-Hành Thiền-Định" cùng soạn giả.

"Ta chưa có đủ duyên từ bỏ nhà đi xuất gia như các bậc xuất-gia trở thành sa-di, tỳ-khưu, vì ta còn bị ràng buộc bởi gia đình, xã hội.

Nay, ta được rảnh rỗi nghỉ ngơi một thời gian ngắn, ta nên vào chùa xin thọ-trì thập-giới như giới của vị sa-di suốt thời gian ngắn ngủi ở trong chùa, để có cơ hội tốt thực-hành pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ. Bởi vì, đời sống của người tại-gia có nhiều ràng buộc, khó thực-hành phạm-hạnh được trong sạch và trọn vẹn hoàn toàn".

Sau khi suy xét đúng đắn như vậy, người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ ấy đến chùa, nếu có mang theo tiền của, vàng bạc, của cải quý giá, người ấy phải gửi cho người hộ-Tăng trong chùa, nhờ cất giữ. Sau khi xả thập-giới, người ấy đến xin nhận lại tiền của, vàng bạc, những của cải quý giá đã gửi nơi người hộ-Tăng ấy.

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đến đảnh lễ Ngài Trưởng lão trong chùa, bạch với Ngài Trưởng-lão biết rõ ý nguyện của mình xin ở trong chùa, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia suốt thời gian ngắn ngủi ở trong chùa.

Nghi thức thọ phép quy-y Tam-bảo
và thọ-trì thập-giới của người tại-gia

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo mới có khả năng thọ phép quy-y Tam-bảo và thập-giới của người tại-gia.

Nghi thức theo tuần tự

Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ (hoặc hành-giả) đảnh lễ Ngài Trưởng-lão xong, tiếp theo thực-hành nghi lễ theo tuần tự như sau:

*** Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn**
*** Lễ sám hối Tam-bảo**

- Lễ sám hối Đức-Phật-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khalito doso, buddho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khalito doso, dhammo khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: pháp-học và pháp-hành.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

- Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo

Uttamaṅgena vande'haṃ, saṃghañca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khalito doso, saṃgho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đảnh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Thánh-Tăng và phàm-Tăng.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đảnh lễ một lạy)

Bài kệ cầu nguyện

Iminā puññakammena, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantuṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.
Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai-hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.

Xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia

Ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha dasagahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha dasagahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

Tatiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha dasagahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me. Bhante.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài.

Phép quy-y Tam-bảo và thập-giới của người tại-gia

Hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia như sau:

Ngài Trưởng-lão truyền dạy rằng:

- Yamahaṃ vadāmi, taṃ vadehi (vadetha).

(Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy).

Người cận-sự-nam (hoặc cận-sự-nữ) thưa rằng:

- Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).

Đảnh lễ Đức-Thế-Tôn

Ngài Trưởng-lão hướng dẫn đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. *(3 lần)*

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. (3 lần)

Thọ phép quy-y Tam-bảo

Sau khi đảnh lễ Đức-Phật xong, Ngài Trưởng-lão hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo như sau:

- Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.

- Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.

- Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.

- Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.

- Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.

- Dutiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.

- Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.

- Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.

- Tatiyampi Saṃghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

NTL: *Tisaraṇagamanaṃ paripuṇṇaṃ.*
(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

Thọ-trì thập-giới của người tại-gia

Sau khi thọ phép quy-y Tam-bảo xong, tiếp theo thọ-trì thập-giới của người tại-gia như sau:

1- Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3-Abrahmacariyā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự hành-dâm.

4- Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhā-padaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự uống rượu, bia và các chất-say là nhân sinh sự dể duôi.

6- Vikālabhojanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

7- Nacca-gīta-vādita-visūkadassanā veramaṇisikkhā-padaṃ samādiyāmi.
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát là pháp nghịch với pháp-hành giới-định-tuệ.

8- Mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhū-sanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái.

9- *Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

10- *Jātarūpa-rajata-paṭiggahanā veramaṇisikkhā-padaṃ samādiyāmi.*
Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự thọ nhận vàng bạc, châu báu.

NTL: *Tisaraṇena saha dasagahaṭṭhasīlaṃ dhammaṃ sādhutaṃ katvā appamādena sampādehi.*

Phép quy-y Tam-bảo và thập-giới của người tại-gia xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không dể duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh.

CSN: *Āma! Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*
NTL: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*
Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời nhờ giữ giới,
Chúng-sinh đầy đủ của cải nhờ giữ giới,
Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu! (Lành thay! Lành thay!).*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia xong rồi, tiếp theo cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy-y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy-y nơi Đức-Phật-bảo, nơi Đức-Pháp-bảo, nơi Đức-Tăng-bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức tin như sau:

Bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.[(1)]

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ.
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này.
Cầu mong cho con được hạnh phúc ca othượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ.
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này.
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ.
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này.
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia đối với người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ.

Phần Giảng Giải

Thập-giới gồm có 10 điều-giới, từ điều-giới thứ nhất đến điều-giới thứ 6 và điều-giới 9 đã được giải thích trong phần *ngũ-giới và bát-giới uposathasīla*.

Trong phần này sẽ giải thích *3 điều-giới* còn lại là *điều-giới thứ 7, điều-giới thứ 8, và điều-giới thứ 10.*

[1] Ba bài kệ này trích trong quyển Nhật Hành Cư Sĩ của Sư Tổ Hộ-Tông.

- **Điều-giới thứ 7***: Nacca-gīta-vādita-visūkadassanā veramaṇisikkhā padaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát là pháp nghịch với pháp-hành giới-định-tuệ.

- **Điều-giới thứ 8***: Mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ-trì điều-giới, có tác-ý tránh xa sự đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái.

Hai điều-giới này được tách ra từ *điều-giới thứ 7 trong bát-giới uposathasīla* thành *2 điều-giới riêng biệt trong thập-giới.*

Trong thập-giới, ***điều-giới thứ 7**:*"Nacca-gīta-vādita-visūkadassanā,..."* tự mình *nhảy múa, ca hát, thổi kèn,...* và sai bảo người khác *nhảy múa, ca hát, thổi kèn, ...* để xem, để nghe do *tâm tham-ái*, đó là ác-pháp nghịch với *pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ*, mà hành-giả nên tránh xa.

Vì vậy, điều-giới này trở thành một điều-giới riêng biệt trong thập-giới.

Điều-giới thứ 8:*"Mālāgandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā, ..."* tự mình *đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham-ái*, đó là ác-pháp mà hành-giả nên tránh xa.

Vì vậy, điều-giới này trở thành một điều-giới riêng biệt trong thập-giới.

*** Điều-giới thứ 10**: *"Jātarūpa-rajata-paṭiggahanā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi."*

* Nghĩa từng chữ:

- *Jātarūpa*: *Vàng ròng*, gồm tất cả những đồ trang sức làm bằng vàng như *dây chuyền vàng, nhẫn vàng, ...*

- *Rajata*: *Bạc*, gồm tất cả những đồ làm bằng bạc, tiền bạc bằng đồng, bằng bạc, bằng giấy, bằng ngân phiếu, ...

- *Paṭiggahanā*: *Nhận lấy,* đụng chạm đến vàng bạc, tiền bạc, châu báu, ... bằng 5 cách:

1- Uggaha: tự mình thọ nhận, đụng chạm đến vàng, bạc, tiền bạc, ngân phiếu, ...

2- Uggahāpana: sai bảo người khác thọ nhận vàng, bạc, tiền bạc, ngân phiếu, ... cất giữ cho mình.

3- Upanikkhittasādayana: thí-chủ đem vàng, tiền bạc, ngân phiếu, ... dâng cúng dường đến vị tỳ-khưu để mua sắm y mặc, mua dép mang, mua vé xe, vé tàu,... vị tỳ-khưu ấy *không thọ nhận bằng thân hoặc bằng khẩu* mà *thọ nhận bằng tâm hoan-hỷ* số vàng, tiền bạc, ngân phiếu, ... ấy dành cho mình.

4- Dubbicāraṇa: người thí-chủ hiểu biết giới luật của tỳ-khưu, cho nên không trực tiếp dâng vàng, tiền bạc, ngân phiếu, ... đến vị tỳ-khưu ấy.

Trước tiên, người thí-chủ đem số tài chánh ấy gửi cho người hộ-Tăng, nhờ người hộ-Tăng ấy mua những thứ vật dụng cần thiết dâng đến vị tỳ-khưu ấy.

Vị sa-di cũng phải nên thực-hành theo điều-giới này.

Sau đó, người thí-chủ tìm đến vị tỳ-khưu ấy bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con có gởi một số tài chánh cho người hộ-Tăng, nhờ người ấy mua sắm những thứ vật dụng mà Ngài cần dùng.

Khi Ngài cần thứ vật dụng nào, kính thỉnh Ngài đến gặp người hộ-Tăng ấy, nhờ người ấy đi tìm kiếm thứ vật dụng ấy, để dâng đến Ngài.

5- *Āmasana*: Vị tỳ-khưu không được phép hoan-hỷ đụng chạm đến vàng, bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... của người khác.

Đó là 5 cách mà hành-giả thọ-trì điều-giới thứ 10 cần phải tránh xa để giữ gìn điều-giới ấy được trong sạch.

Hành-giả là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

Để giữ gìn điều-giới thứ 10: "*Tránh xa thọ nhận vàng bạc, châu báu, tiền bạc, ngân phiếu...*" trong suốt thời gian ngắn phát nguyện thọ-trì thập-giới, thì người cận-sự-nam hoặc người cận-sự-nữ nếu có mang theo vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... thì trước tiên, người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ ấy nên đem số vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... gửi người hộ-Tăng đáng tin cậy trong chùa, rồi mới xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

Sau khi người cận-sự-nam, cận-sự-nữ đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia xong, hành-giả ấy nên thực-hành giống như bậc xuất-gia sa-di, tỳ-khưu, tránh xa sự thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, từ một người nào khác, kể cả người thân trong gia đình, để giữ gìn điều-giới thứ 10 cho được trong sạch trong thời gian ngắn ở trong chùa.

Thập-giới của người tại-gia với thập-giới của bậc xuất-gia sa-di khác nhau như thế nào?

* Đối với người tại-gia, trước khi đi vào chùa để thọ-trì thập-giới của người tại-gia, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ không phải từ bỏ gia đình, không phải xả bỏ tất cả của cải, vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu châu báu, của cải tài sản, ... trong nhà, trong ngân hàng, ...

Khi đi đến chùa, nếu người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có mang theo vàng bạc, tiền bạc, châu báu, thì cần phải gửi người hộ-Tăng tin cậy trong chùa, mới xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

Sau khi hành-giả đã thọ-trì thập-giới của người tại-gia xong, hành-giả ấy không thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... từ người khác, dù người ấy là người thân trong gia đình, để giữ gìn thập-giới cho được trong sạch làm nền tảng cho pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ được phát triển.

Khi hành-giả mãn thời hạn phát nguyện *thọ-trì thập giới của người tại-gia xong*, hành-giả là cận-sự-nam, cận-sự-nữ xả thập-giới ra, rồi xin thọ-trì ngũ-giới là thường-giới trở lại cuộc sống sinh hoạt bình thường của người tại-gia.

* Đối với bậc xuất-gia là sa-di, tỳ-khưu, trước khi đi vào chùa để làm lễ xuất-gia trở thành sa-di, tỳ-khưu trong Phật-giáo, người cận-sự-nam từ bỏ tất cả của cải, vàng bạc, tiền bạc, châu báu, ... của mình.

Khi đi vào chùa, người cận-sự-nam giới tử xin cạo tóc, làm lễ xuất-gia trở thành sa-di trong Phật-giáo.

* Vị sa-di có nhiều loại giới, trong đó có *thập-giới là thường-giới của bậc xuất-gia là sa-di.*

Trong thập-giới có *điều-giới thứ 10* là *điều-giới tránh xa sự thọ nhận vàng, bạc, châu báu,...* mà vị sa-di phải giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn suốt cuộc đời phạm-hạnh sa-di của mình.

* Vị tỳ-khưu có 227 điều-giới, trong đó có điều-giới không nhận vàng bạc, tiền bạc, châu báu, …

Như vậy, thập-giới của người tại-gia với thập-giới của bậc xuất-gia là vị sa-di (tỳ-khưu) khác nhau như vậy.

Nhận xét điều-giới thứ 10 trong thập giới của người tại-gia

Thập-giới vốn là ***thường-giới*** của bậc xuất-gia là *vị sa-di,* trong thập-giới có điều-giới thứ 10: "*Tránh xa thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, v.v ...*" mà *vị sa-di, vị tỳ-khưu* không được phép đụng chạm đến vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... trong suốt cuộc đời thực-hành phạm-hạnh của mình.

Còn đối với người tại-gia là cận-sự-nam, cận-sự-nữ, vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, ... là những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống hằng ngày của người tại-gia không thể thiếu được.

Khi người cận-sự-nam hoặc người cận-sự-nữ nào có đức-tin đặc biệt trong sạch nơi Tam-bảo, có ý nguyện muốn thọ-trì thập-giới của người tại-gia trong khoảng thời gian ngắn theo ý nguyện của mình.

Về hình thức *bên ngoài*, hành-giả ấy là cận-sự-nam, cận-sự-nữ không phải là bậc xuất-gia, nhưng *nội tâm bên trong*, hành-giả ấy thực-hành điều-giới thứ 10: "*tránh xa sự thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu, châu báu, v.v...*" giống như *vị sa-di, vị tỳ-khưu*, trong suốt khoảng thời gian phát nguyện thọ-trì thập-giới của người tại-gia.

Cho nên, *quả báu của* ***thập-giới của người tại-gia*** *ấy* chắc chắn cao quý hơn *bát-giới uposathasīla có 8 điều-giới và cửu-giới uposathasīla có 9 điều.*

Những tính chất của phước-thiện giữ-giới

* *Patiṭṭhāpanalakkhaṇa:* Phước-thiện giữ-giới có trạng-thái làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho các thiện-pháp phát sinh.

* *Dussīlaviddhaṃsanarasa:* Phước-thiện giữ-giới có phận sự tiêu diệt sự phạm giới.

* *Soceyyapaccuppaṭṭhāna:* Phước-thiện giữ-giới làm cho trong sạch thanh-tịnh thân và khẩu là quả hiện hữu.

* *Hiri ottappapadaṭṭhāna:* Hổ-thẹn tội-lỗi, ghê-sợ tội -lỗi là nguyên nhân gần phát sinh phước-thiện giữ-giới.

* *Paṭikkhepadhamma:* Pháp nghịch với phước-thiện giữ-giới đó là *tâm sân (dosa)* phá hoại đối tượng.

**Anuññātadhamma:* Pháp giúp tạo cơ hội phước-thiện giữ-giới đó là *tâm vô-sân (adosa).*

(Tìm hiểu trong bộ "Nền-Tảng-Phật-Giáo" quyển III "Pháp-Hành Giới" cùng soạn giả.)

3- PHƯỚC-THIỆN HÀNH-THIỀN (Bhāvanākusala)

Bhāvanākusala: Phước-thiện hành-thiền

Định nghĩa Bhāvanā:

"Kusaladhamme bhāveti uppādeti vaḍḍhatī'ti bhāvanā".

Trạng-thái nào làm cho thiện-pháp bậc cao phát sinh lên đầu tiên, rồi làm cho thiện-pháp ấy phát triển, trạng-thái ấy gọi là bhāvanākusala: phước-thiện hành-thiền.

Định nghĩa bhāvanā có 2 giai đoạn:

1- Giai đoạn đầu: *Kusaladhamme bhāveti uppādeti:*

Trạng-thái làm cho thiện-pháp bậc cao phát sinh lên đầu tiên.

2- Giai đoạn sau: *Kusaladhamme bhāveti vaḍḍhati:*

Trạng-thái làm cho thiện-pháp bậc cao phát triển, và tăng trưởng lên.

Bhāvanā có 2 loại:

1- Samathabhāvanā: Pháp-hành thiền-định.

2- Vipassanābhāvanā: Pháp-hành thiền-tuệ.

** Thế nào gọi là pháp-hành thiền-định?*

*Pháp-hành thiền-định là pháp-hành có **định-tâm** đồng sinh với thiện-tâm an trú trong một đề-mục thiền-định duy nhất (thuộc về đối-tượng **chế-định-pháp** (paññatti-dhamma)), ban đầu chế-ngự được phiền-não là 5 pháp-chướng-ngại (nivaraṇa) bằng 5 chi-thiền, dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và tiếp theo chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Định-tâm an trú trong bậc thiền, hưởng sự an-lạc trong bậc thiền ấy.

Như vậy, gọi là pháp-hành thiền-định.

** Thế nào gọi là pháp-hành thiền-tuệ?*

*Pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành làm phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới (thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma)), trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, nên thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái chung:** trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

Như vậy, gọi là pháp-hành thiền-tuệ.

**** Thực-hành pháp-hành thiền-định như thế nào?***

Muốn thực-hành pháp-hành thiền-định, hành-giả cần phải học hỏi hiểu biết rõ 40 đề-mục thiền-định, rồi chọn một đề-mục thiền-định thích hợp với bản tính riêng của mình, làm đối tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định, với đề-mục thiền-định ấy, cho được thuận lợi dễ phát triển thiền định.

Đề-mục thiền-định

Thiền-định gồm có 40 đề-mục:

- 10 đề-mục hình tròn (kasiṇa).
- 10 đề-mục tử thi (asubha).
- 10 đề-mục niệm-niệm (anussati).
- 4 đề-mục tứ vô-lượng-tâm (appamaññā).
- 1 đề-mục vật thực đáng gớm (āhāre paṭikkūlasaññā).
- 1 đề-mục phân tích tứ đại (catudhātuvavatthāna).
- 4 đề-mục vô-sắc-giới (āruppa).

(Nên xem bộ "Nền-Tảng-Phật-Giáo", quyển VII, tập 1: "Pháp-Hành Thiền-Định", cùng soạn giả).

Sau khi chọn một đề mục nào phù hợp với bản tính của mình xong, hành-giả nên tìm đến Ngài Trưởng-Lão thiền sư uyên thâm về *pháp-học Phật-Giáo, đầy đủ kinh nghiệm về pháp-hành Phật-Giáo nhất là pháp-hành thiền-định,* để nương nhờ học hỏi phương pháp *thực-hành pháp-hành thiền-định về đề-mục thiền-định ấy.*

Trong 40 đề-mục thiền-định làm đối tượng của pháp-hành thiền-định, mỗi đề-mục thiền-định có tính chất khả năng khác nhau như sau:

*** 10 đề-mục thiền-định đạt đến cận-định (upacārasamādhi):**

- Trong 40 đề-mục thiền-định đều đạt đến ***cận-định*** *(upacārasamādhi)* cả thảy, nhưng có *10 đề-mục thiền-định* chỉ đạt đến ***upacārasamādhi****: cận-định* mà thôi, không thể dẫn đạt đến ***appanāsamādhi****: an-định,* nên không thể chứng đắc bậc thiền nào cả.

10 đề-mục thiền-định ấy là:

1- Đề-mục niệm-niệm 9 Ân-Đức-Phật (Buddhānussati).
2- Đề-mục niệm-niệm 6 Ân-Đức-Pháp (Dhammānussati).

3- Đề-mục niệm-niệm 9 Ân-Đức-Tăng (Saṃghānussati).

4- Đề-mục niệm-niệm về giới trong sạch của mình (Sīlānussati).

5- Đề-mục niệm-niệm về sự bố-thí của mình (Cāgānussati).

6- Đề-mục niệm-niệm về 5 pháp Chư-thiên có nơi mình (Devatānussati).

7- Đề-mục niệm-niệm về trạng-thái tịch tịnh an-lạc Niết-bàn (Upasamānussati).

8- Đề-mục niệm-niệm về sự chết (Maraṇānussati).

9- Đề-mục vật thực đáng ghê tởm (Āhārepaṭikkūlasaññā).

10- Đề-mục phân tích tứ-đại (catudhātuvavatthāna).

Bởi vì *10 đề-mục thiền-định* này là những đề-mục thiền-định vô cùng vi-tế, vô cùng sâu sắc, rộng lớn mênh mông bao la, nên ***định-tâm*** không thể an trú trong một đối-tượng nào nhất định, cho nên, *10 đề-mục thiền-định* này chỉ có khả năng đạt đến ***upcārasamādhi****: tâm cận-định* mà thôi.

Tâm cận-định này còn thuộc về *dục-giới thiện-tâm*.

30 đề-mục thiền-định chứng đắc bậc thiền

* 30 đề-mục thiền-định còn lại là:

- 10 đề-mục thiền-định (kasiṇa).

- 10 đề-mục thiền-định tử-thi (asubha).

- 1 đề-mục thiền-định niệm 32 thể trọc trong thân (kāyagatāsati).

- 1 đề-mục thiền-định hơi thở vào, hơi thở ra (ānāpānassati).

- 4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm (appamaññā).

- 4 đề-mục thiền-định vô-sắc (āruppa).

Như vậy, 30 đề-mục thiền-định này đều có khả năng tiến hành đạt đến ***apanāsamādhi****: an-định, nên dẫn đến*

chứng đắc bậc thiền sắc-giới thiện-tâm hoặc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.

Hành-giả chứng đắc *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào hoặc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào*, tùy theo mỗi đề-mục thiền-định ấy.

Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm

Trong 30 đề-mục thiền-định ấy, có 11 đề-mục thiền-định chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, đó là:

- *10 đề-mục thiền-định tử-thi (asubha).*
- *1 đề-mục niệm 32 thể trọc (trược) trong thân (kāyagatāsati)*.

11 đề-mục thiền-định này chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi.

Nếu hành-giả chọn 1 trong 11 đề-mục thiền-định này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì đề-mục thiền-định ấy chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, bởi vì 11 đề-mục thiền-định này là đối-tượng thô, nên luôn luôn cần phải nương nhờ *chi-thiền hướng-tâm (vitakka)* đến đề-mục thiền-định ấy mới có thể dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* được.

Nếu hành-giả muốn chứng đắc *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, v.v...* bậc cao, thì hành-giả cần phải thay đổi sang đề-mục thiền-định khác.

4 bậc thiền sắc-giới bậc thấp

Trong 19 đề-mục thiền-định còn lại, có *3 đề-mục thiền-định* chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, đó là

- Đề-mục niệm rải tâm từ (mettā).
- Đề-mục niệm rải tâm bi (karuṇā).
- Đề-mục niệm rải tâm hỷ (muditā).

3 đề-mục thiền-định này chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi.

Nếu hành-giả chọn 1 trong 3 *đề-mục-thiền định vô-lượng-tâm* này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì đề-mục thiền-định vô-lượng-tâm này chỉ có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, không thể chứng đắc đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* được, bởi vì *3 đề-mục thiền-định vô-lượng-tâm* này luôn luôn cần phải có *chi-thiền lạc (sukha)*, mà *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* cần phải có *chi-thiền xả (upekkhā)* thay thế cho *chi-thiền lạc.*

Cho nên, muốn chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm*, hành-giả cần phải thay đổi sang ***đề-mục niệm rải tâm xả*** *(upekkhā) đến chúng-sinh vô lượng* mà thôi, không thể có *đề-mục thiền-định nào* khác.

Đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm

- Đề-mục thiền-định niệm rải tâm xả *(upekkhā) đến chúng-sinh vô lượng majjhattasattapaññatti không thương không ghét* này chỉ có khả năng chứng đắc *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà thôi, nên hành-giả không thể sử dụng đề-mục thiền-định này khi bắt đầu thực-hành, mà chỉ sử dụng sau khi hành-giả đã chứng đắc *đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm* của *1 trong 3 đề-mục thiền-định là đề-mục niệm rải tâm từ (mettā) hoặc đề-mục niệm rải tâm bi (karuṇā) hoặc đề-mục niệm rải tâm hỷ (muditā) đến chúng-sinh vô lượng* mà thôi, bởi vì *4 đề-mục thiền-định tứ vô-lượng-tâm này* cùng có *đối-tượng chúng-sinh*

chế-định (sattapaññatti) giống nhau, chỉ có khác tính chất mỗi loại chúng-sinh mà thôi.

5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm

* **11 đề-mục thiền-định** là:

- *10 đề-mục thiền-định (kasiṇa).*
- *Đề-mục thiền-định hơi thở vào - hơi thở ra (ānāpānassati).*

11 đề-mục thiền-định này có khả năng dẫn đến chứng đắc đầy đủ *5 bậc thiền sắc-giới-thiện-tâm.*

Nếu hành-giả chọn 1 trong 11 đề-mục thiền-định này làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành thiền-định thì mỗi đề-mục thiền-định ấy đều có khả năng dẫn đến chứng đắc từ *đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm* mà không cần phải thay đổi sang đề-mục thiền-định khác.

4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm

Sau khi đã chứng đắc đầy đủ *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,* hành-giả muốn tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-định, để chứng đắc *4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Mỗi đề-mục thiền-định vô-sắc chỉ có khả năng chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm riêng biệt mà thôi như sau:

1- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ nhất là *đề-mục ākāsapaññatti* chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *ākāsānañcāyatanakusalacitta: không-vô-biên-xứ thiện-tâm* mà thôi.

2- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ nhì là *đề-mục ākāsānañcāyatanakusalacitta* chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *viññāṇañcāyatana-kusalacitta: thức-vô-biên-xứ thiện-tâm* mà thôi.

3- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ ba là *đề-mục natthibhāvapaññatti* chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *ākiñcaññāyatanakusalacitta: vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm* mà thôi.

4- Đề-mục thiền-định vô-sắc thứ tư là *đề-mục ākiñcaññāyatanakusalacitta* chỉ dẫn đến chứng đắc *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *nevasaññānāsaññāyatanakusalacitta: phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm* mà thôi.

Đó là 4 đề-mục thiền-định vô-sắc mà mỗi đề-mục riêng biệt làm đối-tượng có khả năng dẫn đến chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm riêng biệt.

Như vậy, *pháp-hành thiền-định* có 40 đề-mục thiền-định chia ra làm 3 loại:

1- Đề-mục thiền-định dẫn đến *cận-định (upacārasamādhi)* có 10 đề-mục, vẫn còn *dục-giới thiện-tâm*.

2- Đề-mục thiền-định dẫn đến *an-định (appanāsamādhi)* có 26 đề-mục, chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.*

3- Đề-mục thiền-định vô-sắc dẫn đến *an-định (appanāsamādhi)* có 4 đề-mục vô-sắc mà mỗi đề-mục thiền-định vô-sắc chỉ dẫn đến chứng đắc mỗi *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm riêng biệt mà thôi.*

*** Sắc-giới thiện-tâm có 5 bậc thiền**

Đối với hành-giả thuộc hạng người ***mandapuggala*** *hành-giả có trí-tuệ chậm* thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* theo tuần tự như sau:

1- Đệ nhất thiền sắc-giới-tâm có 5 chi-thiền là vitakka (hướng-tâm), vicāra (quan-sát), pīti (hỷ), sukha (lạc),

ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự đè nén được *5 pháp-chướng-ngại (nivāraṇa) là tham-dục (kāmacchanda), sân-hận (byāpada), buồn-chán - buồn-ngủ (thīna-middha), phóng-tâm - hối-hận (uddhacca-kukkucca), hoài-nghi (vicikicchā).*

Mỗi chi-thiền có khả năng chế ngự được mỗi pháp-chướng-ngại như sau:

- *Hướng-tâm* chế ngự được *buồn-chán - buồn-ngủ.*
- *Quan-sát* chế ngự được *hoài-nghi.*
- *Hỷ* chế ngự được *sân-hận.*
- *Lạc* chế ngự được *phóng-tâm - hối-hận.*
- *Nhất-tâm* chế ngự được *tham-dục*.

2- Đệ nhị thiền sắc-giới-tâm có 4 chi-thiền là vicāra (quan-sát), pīti (hỷ), sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự được *chi-thiền vitakka (hướng-tâm)*, bởi vì chi-thiền này có trạng-thái thô.

3- Đệ tam thiền sắc-giới-tâm có 3 chi-thiền là pīti (hỷ), sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự được *chi-thiền vicāra (quan-sát)*, bởi vì chi-thiền này có trạng-thái thô.

4- Đệ tứ thiền sắc-giới-tâm có 2 chi-thiền là sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự được chi-thiền *pīti (hỷ)*, bởi vì chi-thiền này có trạng-thái thô.

5- Đệ ngũ thiền sắc-giới-tâm có 2 chi-thiền là upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự bằng cách thay thế được chi-thiền *sukha (lạc)*, bởi vì chi-thiền này có trạng-thái thô.

*** Sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc thiền**

Đối với hành-giả thuộc hạng người ***tikkhapuggala*** *hành-giả có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy* thực-hành pháp-

hành thiền-định có khả năng suy xét thấy rõ, biết rõ trạng-thái thô của *chi-thiền vitakka (hướng-tâm) và chi-thiền vicāra (quan-sát)* cùng một lúc, nên *đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền* là *pīti (hỷ), sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm).* Cho nên, hành-giả thuộc hạng người ***tikkhapuggala*** chỉ có *4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* theo tuần tự như sau:

1- Đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền là vitakka (hướng-tâm), vicāra (quan-sát), pīti (hỷ), sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự đè nén được *5 pháp-chướng-ngại (nivāraṇa) là tham-dục (kāmac-chanda), sân-hận (byāpada), buồn-chán - buồn-ngủ (thina-middha), phóng-tâm - hối-hận (uddhacca-kukkucca), hoài-nghi (vicikicchā).*

2- Đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền là pīti (hỷ), sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự được *2 chi-thiền là chi-thiền vitakka (hướng-tâm) và chi-thiền vicāra (quan-sát)* cùng một lúc, bởi vì 2 chi-thiền này có trạng-thái thô.

3- Đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự được chi-thiền *pīti (hỷ)*, bởi vì chi-thiền này có trạng-thái thô.

4- Đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự bằng cách thay thế được chi-thiền *sukha (lạc),* bởi vì chi-thiền này có trạng-thái thô.

Vô-sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc thiền

Đề-mục thiền-định vô-sắc có 4 đề-mục mà mỗi đề-mục chỉ có thể dẫn đến chứng đắc mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm riêng biệt mà thôi như sau:

1- Đệ nhất thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là "không-vô-biên-xứ thiện-tâm" có 2 chi-thiền là upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm).

2- Đệ nhị thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là "thức-vô-biên-xứ thiện-tâm" có 2 chi-thiền là upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm).

3- Đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là "vô-sở-hữu-xứ thiện-tâm" có 2 chi-thiền là upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm).

4- Đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là "phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ thiện-tâm" có 2 chi-thiền là upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm).

Như vậy, *mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* đều có *2 chi-thiền giống nhau* là *upekkhā (xả), ekaggatā (nhất-tâm),* nhưng *mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có mỗi đối-tượng thiền-định vô-sắc riêng biệt khác nhau*, vô-sắc-giới thiện-tâm bậc cao vi tế hơn vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp.

Để tìm hiểu phương pháp thực-hành pháp-hành thiền-định để chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, hành-giả nên xem bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1:* ***"Pháp-Hành Thiền-Định"*** cùng soạn giả.

**** Phước-thiện hành-thiền*** *(Bhāvanākusala)* phần *pháp-hành thiền-định* trong *10 phước-thiện* này chỉ có giới hạn trong ***dục-giới thiện-tâm*** mà thôi.

Cho nên, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng đạt đến *cận-định (upacārasamādhi) và an-định (appanāsamādhi) chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-tâm nhưng phước-thiện hành thiền chỉ kể* đến *cận-định (upacārasamādhi)* mà

thôi, bởi vì *tâm cận-định* này vẫn còn thuộc về *dục-giới thiện-tâm*.

**** Thực-hành pháp hành-thiền tuệ như thế nào?***

Hành-giả muốn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ cần phải hiểu biết rõ các đối-tượng thiền-tuệ thuộc chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), đó là ***thân, thọ, tâm, pháp*** *trong kinh Tứ Niệm-Xứ, hoặc* ***sắc-pháp, danh-pháp*** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

Đối-tượng tứ niệm-xứ

1- Thân niệm-xứ gồm có 14 phần (pabba).

2- Thọ niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 9 loại thọ.

3- Tâm niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm.

4- Pháp niệm-xứ gồm có 5 phần (pabba).

Như vậy, *đối-tượng tứ niệm-xứ* gồm có 21 đối-tượng.

1- Thân niệm-xứ gồm có 14 phần (pabba).

1- Niệm hơi thở vào, hơi thở ra.

2- Niệm tứ oai-nghi: đi, đứng, ngồi, nằm.

3- Niệm các oai-nghi-phụ: đi tới trước, đi lui sau, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra,...

4- Niệm 32 thể trọc (trược) trong thân: tóc, lông, móng, răng, da,...

5- Niệm tứ đại: địa đại (đất), thuỷ đại (nước), hoả đại (lửa), phong đại (gió).

6- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa đã trải qua 1-2-3 ngày.

7- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, bị quạ, diều, chó rừng,... cắn xé ăn thịt.

8- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương dính máu và thịt, có gân ràng rịt.

9- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương dính máu, thịt rã rời.

10- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương khô, không còn máu và thịt nữa.

11- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương rã rời, rải rác mọi nơi.

12- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương màu trắng.

13- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn đống xương trắng.

14- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bột xương trắng.

14 phần (pabba) của *thân niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp***.

2- Thọ niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 9 loại thọ:

1- Sukhavedanā: Thọ lạc.
2- Dukkhavedanā: Thọ khổ.
3- Adukkhamasukhavedanā: Thọ không khổ không lạc.
4- Sāmisasukhavedanā: Thọ lạc nương nhờ ngũ-dục.[1]
5- Nirāmisasukhavedanā: Thọ lạc không nương nhờ ngũ-dục.
6- Sāmisadukkhavedanā: Thọ khổ nương nhờ ngũ-dục.
7- Nirāmisadukkhavedanā: Thọ khổ không nương nhờ ngũ-dục.
8- Sāmisa adukkhamasukhavedanā: Thọ không khổ không lạc nương nhờ ngũ-dục.
9- Nirāmisa adukkhamasukhavedanā: Thọ không khổ không lạc, không nương nhờ ngũ-dục.

1 đối-tượng của *thọ niệm-xứ* chia ra làm 9 loại thọ thuộc về ***danh-pháp***.

[1] Ngũ-dục: sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục.

3- Tâm niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm.

1- Sarāgacitta: Tâm có tham đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với *8 tham-tâm*.

2- Vītarāgacitta: Tâm không có tham đó là các *tam-giới thiện-tâm* và các *phi-thiện-ác-tâm (abyākatacitta)*[1].

3- Sadosacitta: Tâm có sân đó là *sân-tâm-sở* đồng sinh với *2 sân-tâm*.

4- Vītadosacitta: Tâm không có sân đó là các *tam-giới thiện-tâm* và các *phi-thiện-ác-tâm (abyākatacitta).*

5- Samohacitta: Tâm có si đó là *si tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*.

6- Vītamohacitta: Tâm không có si đó là các *tam-giới thiện-tâm* và các *phi-thiện-ác-tâm (abyākatacitta).*

7- Saṃkhittacitta: Tâm buồn ngủ đó là *buồn-ngủ tâm-sở* đồng sinh với *4 tham-tâm* và *1 sân-tâm cần tác động, có 5 tâm*.

8- Vikkhittacitta: Tâm phóng tâm đó là *phóng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm*.

9- Mahaggatacitta: Tâm cao hơn dục-giới-tâm đó là *sắc-giới thiện-tâm* và *vô-sắc-giới thiện-tâm*.

10-Amahaggatacitta: Tâm không cao đó là *dục-giới-tâm.*

11- Sa uttaracitta: Tâm có pháp cao hơn đó là *dục-giới-tâm.*

12- Anuttaracitta: Tâm không có pháp cao hơn đó là *sắc-giới thiện-tâm* và *vô-sắc-giới thiện-tâm*.

13- Samāhitacitta: Tâm có định đó là *tâm cận-định, tâm an-định*.

14- Asamāhitacitta: Tâm không có định đó là *tâm không thực-hành pháp-hành thiền-định.*

---

[1] Abyākatacitta đó là 36 quả-tâm, 20 duy-tác-tâm.

15- Vimuttacitta: Tâm giải thoát khỏi phiền-não bằng cách diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna), diệt-chế-ngự (vikkhambhanappahāna) đó là *tam-giới thiện-tâm.*

16- Avimuttacitta: Tâm không giải thoát khỏi phiền-não, đó là *bất-thiện-tâm, tam-giới quả-tâm, phi-thiện-ác-tâm.*

1 đối-tượng của *tâm niệm-xứ* chia ra làm 16 loại tâm thuộc về ***danh-pháp***.

4- Pháp niệm-xứ gồm có 5 phần (pabba)

1- Nivaraṇapabba: Năm pháp-chướng-ngại.
2- Khandhapabba: Ngũ-uẩn-chấp-thủ.
3- Āyatanapabba: Thập-nhị-xứ.
4- Bojjhaṅgapabba: Thất-giác-chi.
5- Saccapabba: Tứ Thánh-đế.

1- Nivaraṇapabba*:* Năm pháp-chướng-ngại

Hành-giả thực-hành *pháp-hành-thiền-định* ban đầu thường gặp các pháp-chướng-ngại làm cản trở mọi thiện-pháp không phát triển được.

Năm pháp-chướng-ngại (nivaraṇa) là:

1- Kāmacchanda: Tham-dục trong ngũ-dục là pháp-chướng-ngại đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với *8 tham-tâm.*

2- Byāpāda: Sân-hận là pháp-chướng-ngại đó là *sân tâm-sở* đồng sinh với *2 sân-tâm.*

3- Thinamiddha: Buồn-chán - buồn-ngủ là pháp-chướng ngại đó là *buồn-chán tâm-sở và buồn-ngủ tâm-sở đồng* sinh với *4 tham-tâm* và *1 sân-tâm cần tác động.*

4- Uddhaccakukkucca: Phóng-tâm - hối-hận là pháp-chướng-ngại đó là *phóng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *12 bất-thiện-tâm* và *hối-hận tâm-sở* đồng sinh với *2 sân-tâm.*

5- Vicikicchā: Hoài-nghi là pháp-chướng-ngại đó là *hoài-nghi tâm-sở* đồng sinh với *si-tâm hợp với hoài-nghi.*

Năm pháp-chướng-ngại của *pháp niệm-xứ* này thuộc về ***danh-pháp***.

Năm pháp-chướng-ngại này trực tiếp làm chướng ngại đối với hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định*, nhưng đối với hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì *5 pháp-chướng-ngại* này là đối-tượng của *pháp-hành tứ niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ.*

* Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ niệm-xứ* hoặc pháp-*hành thiền-tuệ,* khi *pháp-chướng-ngại nào* phát sinh, hành-giả có *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ đối-tượng *pháp-chướng-ngại ấy* thuộc về ***danh-pháp*** có ***sự sinh, sự diệt***, nên có *3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp,* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh quả và Niết-bàn* được.

Cho nên, *5 pháp-chướng-ngại* là 1 trong 5 pabba đối-tượng của phần *pháp niệm-xứ.*

2- Khandhapabba*:* Ngũ-uẩn chấp-thủ:

Ngũ-uẩn chấp-thủ (pañcupadānakkhandha) nghĩa là *ngũ-uẩn* là đối-tượng của *4 pháp-chấp-thủ (tham-dục chấp-thủ, tà-kiến chấp-thủ, pháp-thường-hành chấp-thủ, ngã-kiến chấp-thủ, do tham tâm-sở và tà-kiến tâm-sở).*

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 uẩn là:

1- Sắc-uẩn chấp-thủ đó là *28 sắc-pháp* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

2- Thọ-uẩn chấp-thủ đó là *thọ tâm-sở* đồng sinh *với 81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

3- Tưởng-uẩn chấp-thủ đó là *tưởng tâm-sở* đồng sinh với *81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

4- Hành-uẩn chấp-thủ đó là *50 tâm-sở (không có thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở)* đồng sinh với *81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

5- Thức-uẩn chấp-thủ đó là *81 tam-giới-tâm* là đối tượng của pháp-chấp-thủ.

Ngũ-uẩn chấp-thủ của pháp niệm-xứ thuộc về ***sắc-pháp và danh-pháp***.

3- Āyatanapabba: Thập-nhị-xứ

Thập nhị xứ có 12 *xứ* chia ra 2 bên:
Bên trong có 6 xứ và bên ngoài có 6 xứ như sau:

*** Bên trong** có 6 xứ:

1- Cakkhāyatana: Nhãn-xứ đó là *nhãn-tịnh-sắc* làm duyên cho *nhãn-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

2- Sotāyatana: Nhĩ-xứ đó là *nhĩ-tịnh-sắc* làm duyên cho *nhĩ-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

3- Ghānāyatana: Tỷ-xứ đó là *tỷ-tịnh-sắc* làm duyên cho *tỷ-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

4- Jivhāyatana: Thiệt-xứ đó là *thiệt-tịnh-sắc* làm duyên cho *thiệt-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

5- Kayāyatana: Thân-xứ đó là *thân tịnh-sắc* làm duyên cho *thân-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

6- Manāyatana: Ý-xứ đó là *tất cả tâm* làm duyên cho *ý-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

*** Bên ngoài** có 6 xứ:

1- Rūpāyatana: Sắc-xứ làm đối-tượng cho *nhãn-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh. là

2- Saddāyatana: Thanh-xứ làm đối-tượng cho *nhĩ-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

3- Gandhāyatana: Hương-xứ làm đối-tượng cho *tỷ-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

4- Rasāyatana: Vị-xứ làm đối-tượng cho *thiệt-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

5- Phoṭṭhabbāyatana: Xúc-xứ làm đối-tượng cho *thân-thức-tâm với tâm-sở* phát sinh.

6- Dhammāyatana: Pháp-xứ đó là *52 tâm-sở, 16 sắc-pháp vi-tế, Niết-bàn* làm đối-tượng cho *các tâm với tâm-sở* phát sinh.

Khi *6 xứ bên trong* tiếp xúc với *6 xứ bên ngoài*, phát sinh *6 lộ-trình-tâm*, để tâm với tâm-sở phát sinh:

* Khi *nhãn-xứ* tiếp xúc với *sắc-xứ*, nên phát sinh *nhãn-môn-lộ-trình-tâm*.

* Khi *nhĩ-xứ* tiếp xúc với *thanh-xứ*, nên phát sinh *nhĩ-môn-lộ-trình-tâm*.

* Khi *tỷ-xứ* tiếp xúc với *hương-xứ*, nên phát sinh *tỷ-môn-lộ-trình-tâm*.

* Khi *thiệt-xứ* tiếp xúc với *vị-xứ*, nên phát sinh *thiệt-môn-lộ-trình-tâm*.

* Khi *thân-xứ* tiếp xúc với *xúc-xứ*, nên phát sinh *thân-môn-lộ-trình-tâm*.

* Khi *ý-xứ* tiếp xúc với *pháp-xứ*, nên phát sinh *ý-môn-lộ-trình-tâm*.

Thập-nhị-xứ của phần *pháp niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp và danh-pháp***.

4- Bojjhaṅgapabba: Thất-giác-chi

Thất-giác-chi có *7 pháp giác-chi*, là *7 pháp làm nhân-duyên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.*

Thất-giác-chi có 7 pháp:

1- Satisambojjhaṅga: Pháp niệm giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *niệm tâm-sở*

đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm (appanājavanacitta).*

2- Dhammavicayasambojjhaṅga: Pháp phân-tích giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *trí-tuệ tâm-sở* đồng sinh với *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

3- Vīriyasambojjhaṅga: Pháp tinh-tấn giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *tinh-tấn tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền- tâm.*

4- Pītisambojjhaṅga: Pháp hỷ giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *hỷ tâm-sở* đồng sinh với *4 đại-thiện-tâm đồng sinh với hỷ, 4 đại-duy-tác-tâm đồng sinh với hỷ, 3 sắc-giới-thiện-tâm, 3 sắc-giới-duy-tác-tâm.*

5- Passaddhisambojjhaṅga: Pháp an-tịnh giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *an-tịnh tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

6- Samādhisambojjhaṅga: Pháp định giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

7- Upekkhāsambojjhaṅga: Pháp xả giác-chi làm nhân-duyên *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả,* có chi-pháp là *trung-dung*

tâm-sở đồng sinh với *8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.*

Thất-giác-chi của phần *pháp niệm-xứ* thuộc về ***danh-pháp***.

5- Saccapabba: Tứ-đế

Tứ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

*1- **Dukkha ariyasacca**: Khổ-Thánh-đế* là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là:

- Tái-sinh kiếp sau là khổ, già là khổ, chết là khổ, sầu não, khóc than, khổ thân, khổ tâm, khổ cùng cực.

- Phải gần gũi, thân cận với người không yêu thương là khổ.

- Phải xa lìa người yêu thương là khổ.

- Mong muốn đừng có sinh, có già, có bệnh, có chết,.. mà không thể nào được như ý là khổ.

*Tóm lại, **chấp-thủ trong ngũ-uẩn** do tham muốn và tà-kiến là khổ.*

*2- **Dukkhasamudaya-ariyasacca**: Nhân sinh khổ-Thánh-đế* là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là *tham-ái dắt dẫn tái-sinh kiếp sau hợp với tham muốn, hài lòng, say mê trong các đối-tượng, đắm say trong kiếp sống. Nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy là:*

*- Dục-ái (kāmataṇhā) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái).*

*- Hữu-ái (bhavataṇhā) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái hợp với **thường-kiến,** và **tham-ái** trong bậc thiền sắc-giới, bậc thiền vô-sắc-giới, trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.*

*- Phi-hữu-ái (vibhavataṇhā) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái hợp với **đoạn-kiến**.*

*3- **Dukkhanirodha ariyasacca**: Diệt khổ-Thánh-đế* là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là *Niết-bàn là pháp diệt tận mọi say mê do tham-ái ấy không còn dư sót bằng 4 Thánh-đạo-tuệ, xả ly, từ bỏ chấp-thủ trong ngũ-uẩn, giải thoát khổ, không còn luyến ái, không còn dính mắc nữa.*

*4- **Dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca**: Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là *Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.*

Tứ-đế của phần *pháp niệm-xứ* thuộc về ***sắc-pháp, danh-pháp***.

Như vậy, đối-tượng của *tứ-niệm-xứ* là ***thân, thọ, tâm, pháp*** gồm có 21 pabba (phần) mà ***mỗi pabba*** đều có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* cả thảy.

Sau khi hành-giả đã học hỏi hiểu rõ đối-tượng ***thân, thọ, tâm, pháp*** gồm có 21 pabba trong *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *đối-tượng **sắc-pháp, danh-pháp*** trong *pháp-hành thiền-tuệ* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramattha- dhamma)* xong, hành-giả nên tìm đến *Ngài Trưởng-lão thiền-sư uyên thâm về pháp-học Phật-giáo, đầy đủ kinh nghiệm về pháp-hành Phật-giáo nhất là pháp-hành thiền-tuệ,* để nương nhờ học hỏi phương pháp *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.*

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* có đối-tượng ***thân, thọ, tâm, pháp*** hoặc *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* có *đối-tượng thiền-tuệ **sắc-pháp, danh-pháp***

dẫn đến phát sinh ***trí-tuệ thiền-tuệ*** theo tuần tự từ *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā) cho đến trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanā)* gồm có *16* loại trí-tuệ thiền-tuệ theo tuần tự như sau:

1- ***Trí-tuệ thứ nhất*** gọi là *nāmarūpapariccheda ñāṇa: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) là* ***pháp-vô-ngã*** *(anattā) không phải là ta, không phải là người, không phải là đàn ông, không phải là đàn bà, không phải là chúng-sinh, v.v...* tiếp đến,

2- ***Trí-tuệ thứ nhì*** gọi là *nāmarūpapaccayapariggaha-ñāṇa: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp,* tiếp đến,

3- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3*** gọi là *sammasanañāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp, do nhân-duyên diệt, nên thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp,* tiếp đến,

4- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4*** *gọi là udayabbayānupas-sanāñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, nên thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới,* tiếp đến,

5- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5*** *gọi là bhaṅgānupassanā-ñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đặc biệt* ***sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, nên thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới,* tiếp đến,

6- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6*** *gọi là bhayatupaṭṭhānañāṇa:*

trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** *của sắc-pháp, của danh-pháp thật đáng kinh sợ,* tiếp đến,

7- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7*** *gọi là ādīnavānupassanāñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp thật đầy tội chướng,* tiếp đến,

8- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8*** *gọi là nibbidānupassanāñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp thật đáng nhàm chán,* tiếp đến,

9- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9*** *gọi là muñcitukamyatāñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ tha thiết mong thoát khỏi sắc-pháp, danh-pháp,* tiếp đến,

10- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10*** *gọi là paṭisaṅkhānupassanāñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại sắc-pháp, danh-pháp có 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp một cách rõ ràng, để tìm ra phương-pháp giải thoát khỏi khổ-đế của sắc-pháp, của danh-pháp,* tiếp đến,

11- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11*** *gọi là saṅkhārupekkhāñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp thật sự là* ***pháp-vô-ngã****, nên trí-tuệ thiền-tuệ đặt* ***tâm-trung-dung*** *trong sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã làm đối tượng,* tiếp đến,

12- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12*** *gọi là saccānulomañāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp chứng đắc Thánh-đạo (bodhipakkhiyadhamma) phần sau,* tiếp đến

13- ***Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13*** *gọi là gotrabhuñāṇa: trí-tuệ thiền-tuệ chuyển dòng từ phàm-nhân sang dòng bậc Thánh-nhân, (hoặc chuyển dòng từ Thánh-nhân bậc*

thấp lên Thánh-nhân bậc cao) vì thấy rõ, biết rõ Niết-bàn là đối tượng, tiếp đến,

*14- **Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** gọi là **Maggañāṇa**: Thánh-đạo-tuệ [1] là trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới có Niết-bàn làm đối-tượng, có khả năng đặc biệt diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái tùy theo khả năng của mỗi Thánh-đạo-tuệ,* tiếp đến,

*15- **Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** gọi là **Phalañāṇa**: Thánh-quả-tuệ[2] là trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối tượng,* tiếp đến,

*16- **Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 16** gọi là paccavekkhaṇa-ñāṇa: trí-tuệ đặc biệt quán triệt Thánh-đạo nào, Thánh-quả nào đã chứng đắc, Niết-bàn đã chứng ngộ, phiền-não nào đã bị diệt tận và phiền-não nào chưa bị diệt tận được.*

Hành-giả *thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* có khả năng làm cho phát sinh *16 loại trí-tuệ thiền-tuệ* trở thành bậc Thánh-nhân.

***Phước-thiện hành-thiền** (Bhāvanākusala)* phần *pháp-hành thiền-tuệ* trong *10 phước-thiện* này chỉ có giới hạn trong *dục-giới thiện-tâm* mà thôi.

Cho nên, nếu hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có khả năng phát sinh *16 loại trí-tuệ thiền-tuệ* thì chỉ kể từ *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa cho đến trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* mà thôi, bởi vì *11 loại trí-tuệ thiền-tuệ* này vẫn còn thuộc về *dục-giới thiện-tâm* có *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp* trong tam-giới.

---

[1] Thánh-đạo-tuệ có 4 loại: Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ, Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ, Bất-lai Thánh-đạo-tuệ, A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.

[2] Thánh-quả-tuệ có 4 loại: Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ, Nhất-lai Thánh-quả-tuệ, Bất-lai Thánh-quả-tuệ, A-ra-hán Thánh-quả-tuệ.

Còn trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 gọi là *Maggañāṇa* thuộc về *siêu-tam-giới thiện-tâm.*

Những tính chất của phước-thiện hành thiền

* *Kusalavaḍḍhāpanalakkhaṇa:* Phước-thiện hành-thiền có trạng-thái làm cho thiện-pháp phát triển.

* *Akusalapahānarasa:* Phước-thiện hành-thiền có phận sự diệt bất-thiện-pháp (ác-pháp).

* *Sattācārokkamanapaccuppaṭṭhāna:* Phước-thiện hành-thiền đúng theo phương pháp thực-hành pháp hành-thiền là quả hiện hữu.

* *Yonisomanasikārapadaṭṭhāna:* Sự hiểu đúng trong tâm phương pháp thực-hành pháp hành-thiền là nguyên nhân gần của phước-thiện hành-thiền.

* *Paṭikkhepadhamma:* Pháp nghịch với phước-thiện hành-thiền đó là tâm si.

* *Anuññātadhamma:* Pháp giúp hỗ-trợ cho phước-thiện hành-thiền đó là *trí-tuệ.*

(Xong phần phước-thiện hành-thiền)

4- PHƯỚC-THIỆN CUNG-KÍNH (Apacāyanakusala)

Apacāyanakusala: Phước-thiện cung-kính

Định nghĩa Apacāyana:

"Apacāyanti etenā'ti apacāyanaṃ".

Những người cúi đầu với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm là nhân khiến cúi đầu cung-kính, nên gọi là apacāyanakusala: phước-thiện cung-kính.

Người nào đến hầu cha, mẹ, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, thầy, cô giáo, những bậc trưởng-lão tuổi

cao, tỳ-khưu, sa-di, các Ngài Đại-Trưởng-lão, v.v... là những bậc đáng tôn kính, người ấy có đại-thiện-tâm tôn kính cúi đầu cung-kính, đảnh lễ những bậc đáng tôn kính ấy với đại-thiện-tâm trong sạch, không hề mong muốn sẽ được lợi lộc, danh thơm, tiếng tốt nào cả.

Như vậy, gọi là *phước-thiện cung-kính*.

Nếu người nào cúi đầu cung-kính, đảnh lễ những bậc đáng tôn kính ấy với hy vọng mong được lợi lộc, danh thơm tiếng tốt, v.v… thì sự cúi đầu cung-kính, đảnh lễ của người ấy *không phải là phước-thiện cung-kính thật sự,* mà chỉ là sự cung-kính theo thói quen, theo phong tục tập quán mà thôi.

Apacāyanakusala: Phước-thiện cung-kính có 2 loại:

1- Sāmañña apacāyanakusala: Phước-thiện cung-kính thômg thường: Đó là sự cúi đầu cung-kính, đảnh lễ cha mẹ, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, thầy giáo, cô giáo, những bậc trưởng-lão tuổi cao, tỳ-khưu, sa-di, … do nghĩ rằng: *"Ta phải có bổn phận cúi đầu cung-kính, đảnh lễ những bậc đáng tôn kính của ta"*.

Cho nên, sự cúi đầu cung-kính, đảnh lễ những bậc đáng tôn kính ấy với đại-thiện-tâm trong sạch, không hề mong muốn sẽ được lợi lộc, danh thơm, tiếng tốt nào cả.

Như vậy, gọi là *phước-thiện cung-kính thông thường*.

2- Visesa apacāyanakusala: Phước-thiện cung-kính đặc biệt: Đó là sự cúi đầu cung-kính, đảnh lễ *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, với đại-thiện-tâm niệm tưởng đến ân-đức Tam-bảo là 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo* với *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.*

Như vậy, gọi là *phước-thiện cung-kính đặc biệt.*

Bậc đáng tôn kính có 3 hạng:

1- Guṇavuḍḍhipuggala: Bậc đáng tôn kính có 5 đức cao thượng (guṇa)[1] là giới-đức (sīlaguṇa), định-đức (samādhiguṇa), tuệ-đức (paññāguṇa), giải-thoát-đức (vimuttiguṇa), giải-thoát tri-kiến-đức (vimuttiñāṇa-dassanaguṇa).

2- Vayavuḍḍhipuggala: Bậc đáng tôn kính có tuổi cao là bậc Đại-Trưởng-lão, bậc Trưởng-lão.

3- Jātivuḍḍhipuggala: Bậc đáng tôn kính sinh trong dòng dõi cao quý.

Trong 3 bậc đáng tôn kính này, chỉ có sự cung-kính, đảnh lễ *bậc đáng tôn kính có 5 đức cao thượng và bậc đáng tôn kính có tuổi cao, bậc Đại-trưởng-lão, bậc Trưởng-lão là phước-thiện cung-kính thật sự* mà thôi.

Nếu người dân nào cung-kính *bậc đáng tôn kính do sinh trong dòng dõi hoàng tộc* bởi vì sợ bị trị tội bất kính, hoặc vì muốn được phong chức tước,… thì sự cung-kính của người ấy *không phải phước-thiện cung-kính thật sự*, mà đó là sự cung-kính theo phong tục, theo truyền thống.

Người dân nào cung-kính *bậc đáng tôn kính do sinh trong dòng dõi hoàng tộc*, nếu người ấy nghĩ đến *ân-đức của Đức-vua* trị vì đất nước đã đem lại sự an lành thịnh vượng thì sự cung-kính của người ấy được gọi là *phước-thiện cung-kính.*

Đức-Phật Gotama có đầy đủ cả *3 Bậc đáng tôn kính*: *Bậc đáng tôn kính có đầy đủ 5 đức cao thượng, Bậc đáng tôn kính do có tuổi cao và Bậc đáng tôn kính do sinh trong dòng dõi hoàng tộc Sakya cao quý.*

---

[1] Visuddhimagga, Buddhānussatikathā, Anuttaro.

Ngài Trưởng-lão Rāhula có *2 bậc đáng tôn kính: Bậc đáng tôn kính do có đức cao thượng, bởi vì Ngài Trưởng-lão là bậc Thánh A-ra-hán, và Bậc đáng tôn kính do sinh trong dòng dõi hoàng tộc Sakya cao quý.*

Chư bậc Thánh A-ra-hán có 2 bậc đáng tôn kính: bậc đáng tôn kính có đức cao thượng, bậc đáng tôn kính do có tuổi cao là Bậc Đại-trưởng-lão.

Trong pháp luật của Đức-Phật, tỳ-khưu nhỏ hạ phải cung-kính đảnh lễ tỳ-khưu cao hạ. Nếu 2 tỳ-khưu có hạ bằng nhau thì tỳ-khưu xuất gia sau phải cung-kính đảnh lễ tỳ-khưu xuất gia trước, thậm chí chỉ có trước ít phút mà thôi.

Người tại-gia là cận-sự-nam, cận-sự-nữ dù là *bậc Thánh-nhân* cũng phải nên cung-kính đảnh lễ tỳ-khưu phàm-nhân.

Người con phải có bổn phận cúi đầu cung-kính, đảnh lễ cha mẹ, ông bà của mình, nhưng nếu khi người con trai ấy đã xuất gia trở thành tỳ-khưu có giới của tỳ-khưu, thì không nên đảnh lễ cha mẹ, ông bà của mình là người tại-gia nữa, vị tỳ-khưu chỉ cần tỏ vẻ cung-kính trong tâm là đủ.

Đức-vua trời Sakka đảnh lễ

Kinh ***Satthāravandanāsutta***[(1)] được tóm lược như sau:

Đức Thế Tôn truyền dạy chư tỳ-khưu rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Chuyện từng có, Đức-vua trời Sakka cõi trời Tam-thập-tam-thiên truyền bảo vị thiên-nam Mātali đánh xe rằng:

- Này Mātali! Ngươi hãy chuẩn bị cỗ long xa Vejayanta được kéo do 1000 con ngựa báu[(1)], để Trẫm ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

---

[1] Saṃ. Sagāthāvaggasaṃyutta, Sakkasaṃyutta, Satthāravandanāsutta.

Tuân theo lệnh Đức-vua trời Sakka, vị thiên-nam Mātali đã chuẩn bị cổ long xa xong, rồi tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, cổ long xa Vejayanta được kéo do 1000 con ngựa báu đã sẵn sàng.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Đức-vua trời Sakka từ trên lâu đài Vejayanta ngự bước xuống, chắp 2 tay đưa lên trán hướng về đảnh lễ Đức-thiên-nhân-sư.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, vị thiên-nam Mātali tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, tất cả chư-thiên và nhân loại đều cung-kính, đảnh lễ Đức-Thiên-vương.

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, nay Bệ-hạ cung-kính đảnh lễ Bậc đáng tôn kính ấy là Bậc nào vậy?

Đức-vua trời Sakka truyền dạy thiên-nam Mātali rằng:

- Này Mātali! Trẫm cung-kính đảnh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Bậc cao thượng nhất trong cõi người, các cõi trời dục-giới, cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới.

- Này thiên-nam Mātali! Trẫm cung-kính đảnh lễ chư Thánh A-ra-hán cao thượng đã diệt tận được tất cả tham, sân, si không còn dư sót.

- Này thiên-nam Mātali! Trẫm cung-kính đảnh lễ 3 bậc Thánh-nhân bậc thấp [(2)], không dể duôi, đang tinh-tấn thực-hành để diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái còn lại .

Nghe Đức-vua trời Sakka truyền dạy như vậy, vị thiên-nam Mātali tâu rằng:

---

[1] 1000 con ngựa báu do chư-thiên hoá ra, (cõi trời không có loài súc-sinh).
[2] Sekkha là 3 bậc Thánh-nhân bậc thấp là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai.

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, Bệ-hạ cung-kính, đảnh lễ chư Bậc cao thượng nào trong tam-giới này, kẻ hạ thần cũng xin cung-kính đảnh lễ chư Bậc cao thượng ấy.

Sau khi truyền dạy vị thiên-nam Mātali như vậy xong, Đức-vua trời Sakka cung-kính đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, rồi lên ngồi trên *cổ long xa Vejayanta* được kéo do 1000 con ngựa báu ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

* *Kinh* ***Saṃghavandanāsutta***[1] được tóm lược như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Chuyện từng có, Đức-vua trời Sakka cõi trời Tam-thập-tam-thiên truyền bảo vị thiên-nam Mātali đánh xe rằng:

- Này Mātali! Ngươi hãy chuẩn bị cổ long xa Vejayanta được kéo do 1000 con ngựa báu, để Trẫm ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

Tuân theo lệnh Đức-vua trời Sakka, thiên-nam Mātali đã chuẩn bị cổ long xa xong, rồi tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, cổ long xa Vejayanta được kéo do 1000 con ngựa báu đã sẵn sàng.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Đức-vua trời Sakka từ trên lâu đài Vejayanta ngự bước xuống, chắp 2 tay đưa lên trán đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, vị thiên-nam Mātali tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, chư tỳ-khưu vốn từng nằm trong bụng mẹ suốt 10 tháng đầy dơ dáy.

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, do nguyên nhân nào mà Bệ-hạ lại cung-kính, đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng không có nhà như vậy.

---

[1] Saṃ. Sagāthāvaggasaṃyutta, Sakkasaṃyutta, Saṃghavandanāsutta.

Kính xin Bệ hạ truyền dạy cho kẻ hạ thần này hiểu biết về chư tỳ-khưu-Tăng ấy có đức-hạnh cao thượng như thế nào?

Đức-vua trời Sakka truyền dạy thiên-nam Mātali rằng:

- Này Mātali! Trẫm cung-kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng là bậc xuất gia không có nhà ấy, bởi vì các Ngài đã từ bỏ nhà, không còn quan tâm lưu luyến đến nhà nữa, các Ngài không cất giữ lúa gạo trong kho, trong hũ, trong nồi. Các Ngài thực-hành hạnh đi khất thực, nhận vật thực mà người ta đã nấu chín rồi, các Ngài duy trì sinh-mạng bằng các món vật thực ấy.

Chư tỳ-khưu-Tăng ấy là bậc thiện-trí thường nói lời hay hữu ích, luôn luôn thực-hành phạm-hạnh cao thượng.

- Này Mātali! Nhóm chư-thiên còn hận thù với nhóm Asura, phần đông chúng-sinh hay giận hờn với nhau.

Chư tỳ-khưu-Tăng ấy không còn sân hận nữa, đã diệt tận được mọi phiền-não bên trong của mình rồi.

Khi mọi người, mọi chúng-sinh còn chấp-thủ, thì các Ngài không còn chấp-thủ nữa.

- Này Mātali! Trẫm cung-kính, đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng ấy.

Nghe Đức-vua trời Sakka truyền dạy như vậy, vị thiên-nam Mātali tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, Bệ-hạ cung-kính, đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng cao thượng nào trong đời này, kẻ hạ thần cũng xin cung-kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng cao thượng ấy.

Sau khi truyền dạy vị thiên-nam Mātali như vậy xong, Đức-vua trời Sakka cung-kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng, rồi lên ngồi trên *cỗ long xa Vejayanta* được kéo do 1000 con ngựa báu ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

* Kinh ***Gahaṭṭhavandanāsutta***[1] được tóm lược như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Chuyện từng có, Đức-vua trời Sakka cõi trời Tam-thập-tam-thiên truyền bảo vị thiên-nam Mātali đánh xe rằng:

- Này Mātali! Ngươi hãy chuẩn bị cổ long xa Vejayanta được kéo do 1000 con ngựa báu, để Trẫm ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

Tuân theo lệnh Đức-vua trời Sakka, thiên-nam Mātali đã chuẩn bị cổ long xa xong, rồi tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, cổ long xa Vejayanta được kéo do 1000 con ngựa báu đã sẵn sàng.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, Đức-vua trời Sakka từ trên lâu đài Vejayanta ngự bước xuống, chắp 2 tay đảnh lễ vòng quanh 8 hướng.

- Này chư tỳ-khưu! Khi ấy, thiên-nam Mātali tâu với Đức-vua trời Sakka rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, các Bà-la-môn thông suốt các bộ môn, các Đức-vua trong toàn cõi người, tất cả mọi người, 4 Đức-Thiên-vương, toàn thể chư-thiên cõi trời Tứ Đại-thiên-vương, toàn thể chư-thiên cõi trời Tam-thập-tam-thiên đều cung-kính, đều đảnh lễ Bệ-hạ.

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, do nguyên nhân nào mà Bệ-hạ lại cung-kính, đảnh lễ vòng quanh 8 hướng.

Kính xin Bệ-hạ truyền dạy cho kẻ hạ thần này hiểu biết về những hạng người có đức hạnh cao thượng ấy là những hạng nào vậy?

Đức-vua trời Sakka truyền dạy thiên-nam Mātali rằng:

- Này Mātali! Trẫm cung-kính đảnh lễ các bậc xuất-

---

[1] Sam. Sagāthāvaggasamyutta, Sakkasamyutta, Gahaṭṭhavandanāsutta.

gia thực-hành phạm-hạnh cao thượng, có giới-đức trong sạch, có định-tâm vững chắc, có trí-tuệ hiểu biết rõ thật-tánh của các pháp.

Trẫm cung-kính đảnh lễ những người tại-gia là cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, thường tạo phước-thiện bố-thí, có giới hạnh trong sạch, biết ơn và biết đền ơn, biết lo phụng dưỡng cha mẹ, biết tế độ vợ con, bạn hữu, thân quyến.

- Này Mātali! Trẫm cung-kính, đảnh lễ những hạng người ấy.

Nghe Đức-vua trời Sakka truyền dạy như vậy, vị thiên-nam Mātali tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-Thiên-vương, Bệ-hạ cung-kính, đảnh lễ những hạng người cao thượng nào trong đời này, kẻ hạ thần cũng xin cung-kính đảnh lễ những hạng người cao thượng ấy.

Sau khi truyền bảo vị thiên-nam Mātali như vậy xong, Đức-vua trời Sakka cung-kính đảnh lễ những hạng người cao thượng ấy, rồi lên ngồi trên *cỗ long xa Vejayanta* được kéo do 1000 con ngựa báu ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

Tích Vandanavimānavatthu *(1)*

Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, một nhóm đông tỳ-khưu-Tăng an cư nhập hạ tại gần một xóm làng suốt 3 tháng mùa mưa xong, sau khi làm *lễ Pavāraṇā: Lễ thỉnh mời chư tỳ-khưu-Tăng chỉ lỗi,* một đoàn tỳ-khưu-Tăng lên đường đi đến kinh-thành Sāvatthi, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn.

[1] Khu. Vimānavatthu, Vandanavimānavatthu.

Chư tỳ-khưu-Tăng trên đường đi ngang qua xóm nhà, một cận-sự-nữ nhìn thấy đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy, cô liền phát sinh đức-tin trong sạch, ngồi xuống đất *chắp 2 tay cúi đầu cung-kính đảnh lễ 3 lần đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy* với đại-thiện-tâm trong sạch cung-kính vô cùng hoan-hỷ, rồi cô ngồi chắp tay nhìn theo đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy đi cho đến khi khuất tầm mắt.

Về sau, người cận-sự-nữ ấy chết, *phước-thiện cung-kính đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng ấy* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau, hoá-sinh làm ***vị thiên-nữ xinh đẹp*** có nhiều oai lực, có hào quang rực rỡ tỏa khắp mọi nơi, trong lâu đài nguy nga tráng lệ, tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên, được hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời.

Một hôm, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, vị thiên-nữ đến cung-kính đảnh lễ *Ngài Đại-Trưởng-lão*, *Ngài Đại-Trưởng-lão* truyền hỏi thiên-nữ rằng:

- Này thiên nữ! Cô có thân hình rất xinh đẹp, có nhiều oai lực, có hào quang rực rỡ tỏa ra khắp mọi nơi như một ngôi sao sáng, có đầy đủ các thứ của cải quý báu phát sinh lên với cô như vậy.

- Này thiên-nữ! Khi ở cõi người, tiền-kiếp của cô đã tạo phước-thiện nào, mà nay kiếp hiện-tại là vị thiên-nữ xinh đẹp, có nhiều oai lực, có hào quang rực rỡ tỏa ra khắp mọi nơi như vậy?

Nghe *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* hỏi như vậy, thiên nữ vô cùng hoan-hỷ bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, khi ở cõi người, con nhìn thấy đoàn chư tỳ-khưu-Tăng có giới-đức đi trên đường ngang xóm nhà, con phát sinh đức-tin trong sạch ngồi xuống đất chắp tay cung-kính đảnh lễ đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy với đại-thiện-tâm trong sạch của con.

Sau khi con chết, phước-thiện cung-kính đảnh lễ đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy có cơ hội cho quả tái-sinh, hoá-sinh làm vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên này, con là thiên-nữ có thân hình xinh đẹp, có hào quang rực rỡ tỏa ra khắp mọi nơi như thế này, và mọi thứ của cải quý báu được phát sinh cũng do nhờ quả của phước-thiện cung-kính đảnh lễ đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, khi ở cõi người, con đã tạo phước-thiện cung-kính đảnh lễ đoàn chư tỳ-khưu-Tăng ấy như vậy, nên kiếp hiện-tại này con được xinh đẹp, có hào quang rực rỡ tỏa ra khắp mọi phương hướng, được hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời này như vậy.

Tích con chim Ulūkasakuṇa [(1)]

Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* ngự trong động Indasālā trên núi Vedisaka. Khi ấy, một *con chim Ulūka (chim ưng)* có đại-thiện-tâm tôn kính *Đức-Thế-Tôn*, mỗi ngày nó bay theo sau hầu tiễn đưa *Đức-Thế-Tôn* ngự đi vào xóm làng khất thực một nửa đoạn đường, rồi nó đậu chờ tại nơi ấy.

Sau khi *Đức-Thế-Tôn* khất thực xong ngự đi trở về, *con chim Ulūka* chờ nửa đường đón rước *Đức-Thế-Tôn* ngự trở về núi.

Hằng ngày, *con chim Ulūka* có đại-thiện-tâm tôn kính bay theo sau tiễn đưa *Đức-Thế-Tôn* ngự đi khất thực một nửa đường, và chờ đón rước *Đức-Thế-Tôn* ngự đi trở về núi một nửa đường như vậy.

Một hôm vào một buổi chiều, *Đức-Thế-Tôn* cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đang ngồi tụ hội trên núi, *con chim Ulūka* từ trên núi bay sà xuống cúi đầu cung-kính

[1] M. Mūlapaṇṇāsaṭṭhakathā, Cūḷasīhanādasuttavaṇṇanā.

đi vào gần *Đức-Thế-Tôn*, cung-kính chắp đôi cánh lại, rồi xòe đôi cánh ra, cúi đầu sát nền cung-kính đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn* và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng với đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng tôn kính.

Khi ấy, nhìn thấy *con chim Ulūka* cung-kính đảnh lễ như vậy, *Đức-Thế-Tôn* mỉm cười. *Ngài Trưởng-lão Ānanda* bạch hỏi *Đức-Thế-Tôn* rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nhân nào, do duyên nào mà Đức-Thế-Tôn mỉm cười như vậy?

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này Ānanda! Con hãy nhìn con chim Ulūka có đại-thiện-tâm trong sạch cung-kính đảnh lễ Như-Lai và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Với phước-thiện cung-kính đảnh lễ này, suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất, con chim Ulūka này chỉ còn tử sinh luân-hồi trong cõi người và các cõi trời mà thôi (nó không hề bị sa đọa vào trong 4 cõi ác giới: địa ngục, a-tu-la, ngạ-quỷ, súc-sinh).

Sau này, hậu-kiếp của con chim Ulūka này sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là ***Somanassa.***

Tích *con chim Ulūka (chim ưng)* này có đức-tin trong sạch cung-kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng với đại-thiện-tâm trong sạch tôn kính như vậy, là *phước-thiện cung-kính* không chỉ *ngăn được sự tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh,* mà còn làm nhân, làm duyên dắt dẫn tạo đầy đủ trọn vẹn 20 *pháp-hạnh ba-la-mật (10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc trung)* để trở thành ***Đức-Phật Độc-Giác*** có danh hiệu ***Somanassa***.

Con chim Ulūka tạo phước-thiện cung-kính đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* như vậy, mà năng lực của *phước-thiện cung-kính đảnh lễ* ấy làm

nhân-duyên dẫn đến *thành tựu quả báu trong cõi người (manussasampatti), thành tựu quả báu trong các cõi trời (devasampatti), cuối cùng thành tựu Niết-bàn giải thoát khổ (Nibbānasampatti) nữa.*

Quả báu của pháp cung-kính

Đức-Phật dạy câu kệ Dhammapadagāthā số 109 rằng:

"Abhivādanasīlissa, niccaṃ vuḍḍhāpaccāyino.
Cattāro dhammā vaḍḍhanti, āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ."

- Này chư tỳ-khưu! Bốn pháp là tuổi thọ sống lâu, sắc đẹp tuyệt vời, thân tâm an-lạc, sức mạnh của thân tâm được tăng trưởng đối với người thường có pháp cung-kính, đảnh lễ bậc đáng tôn kính.

Bậc đáng tôn kính là bậc xuất-gia sa-di, tỳ-khưu có giới-đức trong sạch, có pháp-hạnh cao thượng; người tại-gia có giới-hạnh trong sạch, có mọi phước-thiện đầy đủ, có tuổi cao cũng là bậc đáng tôn kính đối với người tại-gia.

Tuổi thọ của người ấy được tăng trưởng có nghĩa là người ấy có tuổi thọ chừng nào thì sống đến hết tuổi thọ chừng ấy, mà không có một tai họa nào có thể cắt đứt sinh-mạng của người ấy trước khi hết tuổi thọ. *Sắc đẹp, sự an-lạc, sức mạnh* tùy theo tuổi thọ của người ấy.

Đức-Phật tôn kính Pháp-bảo

Đức-Phật thuyết dạy *kinh* ***Gāravasutta*** [1]

Một thuở nọ, sau khi trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu *Đức-Phật Gotama*, trong tuần lễ thứ năm *Đức-Thế-Tôn* ngự tại cội cây Ajapāla-nigrodha (về phía Đông, cách cội Đại-Bồ-Đề khoảng 32

[1] Saṃyuttanikāya, Sagāthāvaggasaṃyuttapāḷi, Gāravasutta.

sải tay) bên bờ sông Nerañjarā, gần khu rừng Uruvelā, (từ ngày 14 tháng 5 đến 20 tháng 5).

Khi ấy, điều tư duy phát sinh đối với *Đức-Thế-Tôn* tại nơi thanh vắng ấy rằng:

*"Con người không có nơi tôn kính, không có nơi kính trọng là **sống khổ,** Như-Lai nên cung-kính, lễ bái vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào đây!"*

Tiếp theo, *Đức-Thế-Tôn* suy xét rằng:

" Như-Lai nên tôn kính, kính trọng Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, rồi nương nhờ nơi vị ấy, để cho **phần giới** (sīlakkhandha) chưa đầy đủ thì được đầy đủ hoàn toàn, nhưng Như-Lai không thấy Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào khác có đầy đủ hoàn toàn **phần giới hơn Như-Lai**, trong thế giới này, cõi ma-vương, các cõi trời dục-giới, các cõi trời sắc-giới, chúng-sinh muôn loài, chư Sa-môn, chư Bà-la-môn, nhân loại, chư-thiên, chư phạm-thiên cả thảy.*

*Vậy, Như-Lai sống nên tôn kính, kính trọng **phần giới của Như-Lai.**"*

" Như-Lai nên tôn kính, kính trọng Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, rồi nương nhờ nơi vị ấy, để cho **phần định** (samādhikkhandha) chưa đầy đủ thì được đầy đủ hoàn toàn, nhưng Như-Lai không thấy Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào khác có đầy đủ hoàn toàn **phần định hơn Như-Lai**, trong thế giới này, cõi ma-vương, các cõi trời dục-giới, các cõi trời sắc-giới, chúng-sinh muôn loài, chư Sa-môn, chư Bà-la-môn, nhân-loại, chư-thiên, chư phạm-thiên cả thảy.*

*Vậy, Như-Lai sống nên tôn kính, kính trọng **phần định của Như-Lai.**"*

" Như-Lai nên tôn kính, kính trọng Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, rồi nương nhờ nơi vị ấy, để cho **phần tuệ** (paññādhikkhandha) chưa đầy đủ thì được đầy đủ hoàn*

*toàn, nhưng Như-Lai không thấy Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào có đầy đủ hoàn toàn **phần tuệ hơn Như-Lai**, trong cõi giới này, cõi ma-vương, các cõi trời dục-giới, các cõi trời sắc-giới, chúng-sinh muôn loài, chư Sa-môn, chư Bà-la-môn, nhân loại, chư-thiên, chư phạm-thiên cả thảy.*

*Vậy, Như-Lai sống nên tôn kính, kính trọng **phần tuệ của Như-Lai.**"*

" Như-Lai nên tôn kính, kính trọng Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, rồi nương nhờ nơi vị ấy, để cho **phần pháp-giải-thoát** (vimuttikkhandha) chưa đầy đủ thì được đầy đủ hoàn toàn, nhưng Như-Lai không thấy Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào khác có đầy đủ hoàn toàn **phần pháp-giải-thoát hơn Như-Lai**, trong thế giới này, cõi ma-vương, các cõi trời dục-giới, các cõi trời sắc-giới, chúng-sinh muôn loài, chư Sa-môn, chư Bà-la-môn, nhân loại, chư-thiên, chư phạm-thiên cả thảy.*

*Vậy, Như-Lai sống nên tôn kính, kính trọng **phần pháp-giải-thoát của Như-Lai.**"*

" Như-Lai nên tôn kính, kính trọng Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, rồi nương nhờ nơi vị ấy, để cho **phần pháp-giải-thoát tri-kiến** (vimuttiñāṇadassanakkhandha) chưa đầy đủ thì được đầy đủ hoàn toàn, nhưng Như-Lai không thấy Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào khác có đầy đủ hoàn toàn **phần pháp-giải-thoát tri-kiến hơn Như-Lai**, trong thế giới này, cõi ma-vương, các cõi trời dục-giới, các cõi trời sắc-giới, chúng-sinh muôn loài, chư Sa-môn, chư Bà-la-môn, nhân loại, chư-thiên, chư phạm-thiên cả thảy.*

*Vậy, Như-Lai sống nên tôn kính, kính trọng **phần pháp giải-thoát tri-kiến của Như-Lai.**"*

*Vì vậy, Như-Lai sống nên tôn kính, kính trọng **9 pháp-siêu-tam-giới** đó là **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn** mà Như-Lai đã chứng đắc vậy."*

Ngay sau đó, *Đại-phạm-thiên Sahampati* biết được điều tư duy của *Đức-Thế-Tôn* với tâm của mình, nên biến từ *cõi sắc-giới phạm-thiên*, xuất hiện xuống cõi người đứng trước *Đức-Thế-Tôn*, như người khỏe mạnh co tay vào hoặc duỗi tay ra.

Khi ấy, *Đại-phạm-thiên Sahampati* mặc y phục chừa vai phải, chắp 2 tay cung-kính hướng về *Đức-Thế-Tôn* kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, điều ấy đúng như vậy!

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, điều ấy đúng như vậy!

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chư Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đã xuất hiện trong thời quá khứ, tất cả chư Phật Chánh-Đẳng-Giác quá khứ ấy sống cũng đều tôn kính ***9 pháp-siêu-tam-giới.***

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chư Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác sẽ xuất hiện trong thời vị-lai, tất cả chư Phật Chánh-Đẳng-Giác vị-lai ấy sống cũng sẽ đều tôn kính ***9 pháp siêu-tam-giới.***

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đang xuất hiện trong thời hiện-tại này, cũng tôn kính ***9 pháp siêu-tam-giới.***

Sau khi kính bạch *Đức-Thế-Tôn* như vậy, Đại-phạm-thiên Sahampati bạch bài kệ tóm lược rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn!
Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác đã xuất hiện thời quá khứ,
Chư Phật Chánh-Đẳng-Giác sẽ xuất hiện thời vị-lai,
Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đang hiện hữu hiện-tại,
Tất cả chư Phật Chánh-Đẳng-Giác sống đều tôn kính chánh-pháp.
Đó là truyền thống của chư Phật Chánh-Đẳng-Giác.
Vì thế, chúng-sinh yêu mình, mong được cao thượng,

Nên niệm tưởng đến lời giáo huấn của Đức-Phật,
Nên đem hết lòng tôn kính chánh-pháp của Đức-Phật.
Cung-kính Đức-Phật là Bậc Vô-Thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh.

Phước-thiện cung-kính cao thượng nhất là cung-kính *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* bởi vì Tam-bảo là cao cả nhất trong toàn cõi-giới chúng-sinh, nên các hàng thanh-văn đệ-tử có đại-thiện-tâm trong sạch đem hết lòng tôn kính đảnh lễ *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* chắc chắn được *phước-thiện cung-kính cao quý nhất, được quả báu cao quý nhất* mà không có nơi nào sánh với *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* được.

(Xong phần phước-thiện cung-kính)

5- PHƯỚC-THIỆN HỖ-TRỢ (Veyyāvaccakusala)

Veyyāvaccakusala: Phước-thiện hỗ-trợ

Định nghĩa Veyyāvacca:

"Visesena āvaranti ussakkaṃ āpajjanī'ti byāvaṭā. Byāvaṭassa kammaṃ: veyyāvaccaṃ."

Những người nào cố gắng quan tâm đặc biệt đến công việc tạo phước-thiện những người ấy được gọi là người hỗ-trợ tạo phước-thiện. Phước-thiện nào làm cho những người ấy quan tâm đặc biệt đến công việc tạo phước-thiện, gọi là ***veyyāvaccakusala****: phước-thiện hỗ-trợ tạo mọi phước-thiện.*

Veyyāvaccakusala: Phước-thiện hỗ-trợ tạo phước-thiện như là:

- Hỗ-trợ người theo học pháp-học Phật-giáo.

- Hỗ-trợ hành-giả thực-hành pháp-hành thiền.

- Hỗ-trợ giúp đỡ thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí.

- Hỗ-trợ giúp đỡ nuôi dưỡng tỳ-khưu bệnh.

- Hỗ-trợ giúp đỡ quét dọn làm sạch sẽ xung quanh cội Đại-Bồ-đề, quét dọn làm sạch sẽ xung quanh ngôi bảo tháp tôn thờ Xá-Lợi của Đức-Phật Gotama và ngôi tháp thờ Xá-Lợi của chư Thánh A-ra-hán.

- Hỗ-trợ giúp đỡ sửa ngôi chùa cũ, sửa chỗ ở của chư tỳ-khưu, v.v…

Đó là định nghĩa theo cách *puggaladhiṭṭhāna: định nghĩa theo người là chính.*

Taṃ taṃ kiccakaraṇe byāvaṭassa bhāvo: veyyāvaccaṃ

Pháp nào làm nhân cho người quan tâm đặc biệt hỗ-trợ giúp đỡ tạo phước-thiện, pháp ấy gọi là veyyāvacca: phước-thiện hỗ-trợ tạo mọi phước-thiện. Đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với dục-giới thiện-tâm.

Đó là định nghĩa theo cách *dhammadhiṭṭhāna*: *định nghĩa theo pháp là chính.*

* Hỗ-trợ giúp đỡ mọi công việc trong đời không có lỗi, không có hại cho mình, cũng không có hại cho mọi người, không có hại đến mọi chúng-sinh khác, như giúp đỡ chữa bệnh, nuôi bệnh, giúp đỡ dạy các môn học có ích lợi, hoàn toàn vô hại, giúp đỡ công việc đồng áng, trồng trọt, giúp đỡ làm công việc xây dựng, v.v…

Như vậy, cũng gọi là *veyyāvacca: phước-thiện hỗ-trợ.*

Tích Uttaravimānavatthu [1]

Tích Uttaravimānavatthu là tích lâu đài to lớn nguy nga tráng lệ sáng ngời của ***vị thiên-nam Uttara*** cũng như *hội trường Sudhammā* tại *cõi trời Tam-thập-tam-thiên* của *Đức-vua trời Sakka.*

[1] Bộ Vimānavatthu, tích Uttaravimānavatthu.

Khi ở cõi người, tiền-kiếp của vị thiên-nam Uttara đã tạo phước-thiện như thế nào?

Khi ở cõi người, tiền-kiếp của vị thiên-nam Uttara là ***cậu Uttara***, người làm công ăn lương của *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* tỉnh Setabya trong đất nước Kosala.

Hằng ngày, *cậu Uttara* tạo phước-thiện *hỗ-trợ* giúp ông tỉnh trưởng lo công việc *phước-thiện bố-thí* cúng dường đến chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v...

Trước kia, *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* là người có tà-kiến thấy sai chấp lầm rằng: *không có kiếp sau, không có quả của ác-nghiệp, không có quả của thiện-nghiệp nào cả.*

Về sau, *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* đi đến hầu nghe *Ngài Trưởng-lão Kumārakassapa giảng giải tế độ, ông tỉnh trưởng Pāyāsi từ bỏ tà-kiến ấy, trở thành người có chánh-kiến,* ông tỉnh trưởng phát sinh đức-tin trong sạch nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, rồi kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo trở thành người cận-sự-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo đến trọn kiếp.*

Ông tỉnh trưởng Pāyāsi muốn tạo *phước-thiện bố-thí* hằng ngày, nên truyền bảo *cậu Uttara* hỗ-trợ giúp ông tạo phước-thiện bố-thí các vật thí như cơm, đồ ăn, vải may y phục đến chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người qua đường.

Ông tỉnh trưởng Pāyāsi vốn có tính keo kiệt, bủn xỉn trong của cải, nên ông ra lệnh cho *cậu Uttara* đem các vật thí loại xấu, loại tồi *tạo phước-thiện bố-thí* đến *chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v...*

Mặc dù vậy, *cậu Uttara* vẫn vâng lệnh ông tỉnh trưởng đem những vật thí loại xấu, loại tồi ấy tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đến chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn một cách cung-kính, và tạo phước-thiện bố-thí phân phát những vật thí loại xấu, loại tồi ấy đến những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v… cũng cung-kính như vậy.

Sau khi tạo phước-thiện bố-thí xong phận sự, cậu Uttara phát nguyện rằng:

"Tôi chỉ gặp ông tỉnh trưởng Pāyāsi kiếp hiện-tại này mà thôi. Do năng lực phước-thiện hỗ-trợ tạo phước-thiện bố-thí này, kiếp sau của tôi xin không gặp lại ông tỉnh trưởng Pāyāsi này nữa."

Nghe người báo cho ông tỉnh trưởng biết, *cậu Uttara phát nguyện như vậy*, nên ông tỉnh trưởng Pāyāsi gọi cậu Uttara đến hỏi rằng:

- Này Uttara! Ta nghe người báo tin cho biết ngươi đã phát nguyện như vậy có thật hay không?

Cậu Uttara thưa với ông tỉnh trưởng Pāyāsi rằng:

- Kính thưa ông tỉnh trưởng, đúng sự thật như vậy.

- Này Uttara! Do nguyên nhân nào mà ngươi phát nguyện như vậy?

- Kính thưa ông tỉnh trưởng, ông dùng những món ăn ngon lành, mặc y phục những thứ vải tốt, còn ông ra lệnh cho tôi đem những thứ vật thực dở như cơm nấu bằng thứ gạo hẩm, với nước cải ngâm chua; các thứ vải thô xấu tạo phước-thiện bố-thí đến chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v...

Những thứ vật thí loại xấu, loại tồi ấy mà chính ông

cũng không muốn nhìn thấy. Ông tỉnh trưởng muốn cho mọi người kính trọng ông, nhưng ông lại đối xử với những người ấy như vậy, thì làm sao họ kính trọng, thương yêu ông được?

Nghe cậu Uttara thưa như vậy, ông tỉnh trưởng Pāyāsi ra lệnh cậu Uttara rằng:

- Này Uttara! Vậy, từ nay ngươi hãy tạo phước-thiện bố-thí những món vật thực như ta dùng, những thứ vải như ta mặc [1].

Tuân theo lệnh của ông tỉnh trưởng Pāyāsi, từ đó về sau, hằng ngày cậu Uttara hỗ-trợ, giúp đỡ ông tỉnh trưởng trong công việc tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường những vật thí tốt đến chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn một cách cung-kính, và bố-thí phân phát những vật thí tốt ấy đến những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v... rất cung-kính, với tâm từ, tâm bi của mình.

Quả báu phước-thiện bố-thí của ông tỉnh trưởng Pāyāsi

Ông tỉnh trưởng Pāyāsi chỉ ra lệnh cho *cậu Uttara tạo phước-thiện bố-thí* mà thôi, ông không tự tay mình tạo phước-thiện bố-thí đến chư tỳ-khưu, chư sa-môn, chư bà-la-môn, các người nghèo khổ, người đi dường khác, cũng không biết kính trọng phước-thiện bố-thí.

Về sau, sau khi ông tỉnh trưởng Pāyāsi chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh làm* ***vị thiên-nam*** *trong lâu đài tầm thường hoang vắng có tên* ***Serīsaka-vimāna*** *tại cõi trời tứ Đại-Thiên-vương, sống một mình không có ai hầu hạ, mà còn phải lên hầu hạ các chư-thiên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên nữa.*

[1] Trích Chú-giải Dī. Mahāvagga, Pāyāsirājaññasuttavaṇṇanā.

Quả báu phước-thiện hỗ-trợ của cậu Uttara

Hằng ngày, *cậu Uttara* là người làm công ăn lương của *ông tỉnh trưởng Pāyāsi*, *cậu Uttara* có phận sự hỗ-trợ tạo phước-thiện bố-thí, các vật thí loại tốt đến chư tỳ-khưu, sa-môn, bà-la-môn một cách cung-kính, và bố-thí phân phát những vật thí tốt ấy đến những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v... rất cung-kính, với tâm từ, tâm bi như vậy.

Sau khi *cậu Uttara* chết, *đại-thiện-nghiệp hỗ-trợ tạo phước-thiện bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm* ***vị thiên-nam Uttara*** *cao quý trong một lâu đài* ***Uttaravimāna*** *cao 12 do-tuần to lớn nguy nga tráng lệ sáng ngời tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên, cũng như hội trường Sudhammā của Đức-vua trời Sakka tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên.*

Vị thiên-nam Uttara *cao quý có hào quang sáng ngời, có đông chư thiên-nam và chư thiên-nữ hầu hạ, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên ấy.*

* Một hôm, *Ngài Trưởng-lão Gavampati* bay lên nghỉ trưa trên *cõi trời tứ Đại-Thiên-vương*, gặp *vị thiên-nam Pāyāsi* truyền hỏi rằng:

- Này vị thiên-nam! Tiền-kiếp của ngươi là ai, đã làm phước-thiện như thế nào mà tái-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời này như vậy?

Vị thiên-nam Pāyāsi bạch với Ngài Trưởng-lão rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, tiền-kiếp của con là tỉnh trưởng Pāyāsi ra lệnh cho cậu Uttara hỗ-trợ giúp con tạo phước-thiện bố-thí, còn con không tự tay tạo phước-thiện bố-thí đến những người thọ-thí, và không biết kính trọng phước-thiện bố-thí, nên sau khi con chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh làm vị thiên-

*nam trong lâu đài **Serīsakavimāna** hoang vắng này. Bạch Ngài.*

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, khi Ngài trở về cõi người, kính xin Ngài Trưởng-lão dạy bảo cho những người thân nhân của con biết rằng:

"Tỉnh trưởng Pāyāsi đã không tự tay tạo phước-thiện bố-thí một cách cung-kính, không kính trọng phước-thiện bố-thí, nên sau khi chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam trong lâu đài hoang vắng trên cõi trời tứ Đại-Thiên-vương."

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài dạy bảo những người thân nhân của con và những người khác nên tự tay mình tạo phước-thiện bố-thí đến chư tỳ-khưu, chư sa-môn, chư bà-la-môn một cách cung-kính, và nên biết kính trọng phước-thiện bố-thí.

Ngài Trưởng-lão Gavampati nhận lời yêu cầu của *vị thiên-nam Pāyāsi,* rồi Ngài hỏi *thiên-nam Pāyāsi* rằng:

- Này vị thiên-nam Pāyāsi! Cậu Uttara là người làm công ăn lương hỗ-trợ giúp tiền-kiếp ngươi tạo phước-thiện bố-thí, nay kiếp hiện-tại của cậu Uttara sinh ở cõi trời nào vậy?

*- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, cậu Uttara là người làm công ăn lương hỗ-trợ giúp tiền-kiếp của con tạo phước-thiện bố-thí các vật thí cúng-dường đến chư tỳ-khưu, chư sa-môn, chư bà-la-môn,...một cách cung-kính, nên sau khi cậu Uttara chết, đại-thiện-nghiệp cao quý ấy cho quả tái-sinh kiếp sau là **vị thiên-nam Uttara** trong lâu đài **Uttaravimāna** to lớn cũng như hội trường Sudhammā của Đức-vua-trời Sakka trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên. Bạch Ngài.*

* Một hôm, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* ngự lên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên gặp vị thiên-nam Uttara, nên hỏi rằng:

- Này Uttara! Ngươi có lâu đài to lớn nguy nga tráng lệ có ánh sáng tỏa rộng khắp mọi nơi cũng như hội trường Sudhammā của Đức-vua trời Sakka là nơi hội họp nhóm chư thiên. Ngươi có nhiều oai lực, có ánh sáng hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi phương hướng, có đông thiên-nam thiên-nữ hầu hạ, hưởng mọi sự an-lạc như vậy.

Khi ở cõi người, tiền-kiếp của ngươi đã tạo những phước-thiện nào mà nay kiếp hiện-tại này ngươi có nhiều oai lực đến như vậy?

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna hỏi như vậy, vị thiên-nam Uttara vô cùng hoan-hỷ bạch với Ngài Đại-Trưởng-lão rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, khi ở cõi người, tiền-kiếp của con là người làm công ăn lương của ông tỉnh trưởng Pāyāsi, con có phận sự tạo phước-thiện hỗ-trợ giúp đỡ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các vật thí đến chư tỳ-khưu, Sa-môn, Bà-la-môn một cách cung-kính, và bố-thí phân phát những vật thí đến những người nghèo khổ, những người đi đường, v.v…cũng cung-kính, với tâm từ, tâm bi.

Ngoài ra, khi có được món vật thực, con cũng tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu, Sa-môn, Bà-la-môn một cách cung-kính.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, những phước-thiện mà tiền-kiếp của con đã tạo tại cõi người như vậy.

Sau khi con chết, đại-thiện-nghiệp cao quý ấy có cơ hội cho quả tái-sinh hoá-sinh làm vị thiên-nam trong cõi

trời Tam-thập-tam-thiên, trong lâu đài to lớn nguy nga tráng lệ sáng ngời, con có ánh sáng hào quang, có nhiều oai lực như thế này.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con, đã tạo những phước-thiện khi ở cõi người như vậy, nên kiếp hiện-tại, con là vị thiên-nam có nhiều oai lực, có ánh sáng hào quang sáng ngời toả khắp các phương hướng, có nhiều thiên-nam, thiên-nữ hầu hạ, con hưởng mọi an-lạc như vậy. Bạch Ngài.

Nhận xét về ông tỉnh trưởng Pāyāsi và cậu Uttara

Ông tỉnh trưởng Pāyāsi trong *tích Serīsakavimāna* và *cậu Uttara trong tích Uttaravimāna được tóm lược* như sau:

* Tiền-kiếp của *vị thiên-nam Pāyāsi* là *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* tỉnh Setabya trong đất nước Kosala, ra lệnh cho *cậu Uttara* hằng ngày làm phận sự hỗ-trợ ông trong công việc tạo phước-thiện bố-thí các vật thí đến chư tỳ-khưu, chư sa-môn, chư bà-la-môn, các người nghèo khổ, người đi đường, v.v…

Ông tỉnh trưởng Pāyāsi chỉ xuất ra tiền của mà thôi, không tự tay mình tạo phước-thiện bố-thí đến người thọ thí một cách cung-kính, và cũng không coi trọng công việc tạo phước-thiện bố-thí. Cho nên, sau khi *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* chết, *đại-thiện-nghiệp bậc thấp* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm *vị thiên-nam* tên là *Pāyāsi* trong lâu đài ***Serīsakavimāna*** hoang vắng, tại cõi trời tứ Đại-Thiên-vương, không có thiên-nam, thiên-nữ nào hầu hạ, *vị thiên-nam Pāyāsi* còn phải lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên hầu hạ các vị chư-thiên trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên nữa.

* Tiền-kiếp của *vị thiên-nam Uttara* là người làm công ăn lương của *ông tỉnh trưởng Pāyāsi,* tên là *Uttara.*

Hằng ngày, *cậu Uttara* vâng theo lệnh của *ông tỉnh trưởng Pāyāsi,* tạo phước-thiện ***hỗ-trợ*** giúp *ông* trong công việc tạo phước-thiện *bố-thí* các vật thí đến chư tỳ-khưu, chư Sa-môn, chư bà-la-môn một cách cung-kính, phân phát các vật thí đến những người nghèo khổ,… cũng cung-kính với tâm từ, tâm bi đến với họ.

Cho nên, sau khi *cậu Uttara* chết, *đại-thiện-nghiệp bậc cao* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***vị thiên-nam Uttara*** *cao quý trong* ***lâu đài Uttaravimāna*** *cao 12 do-tuần to lớn nguy nga tráng lệ sáng ngời tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên, cũng như hội trường Sudhammā của Đức-vua trời Sakka tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên.*

Vị thiên-nam Uttara cao quý có hào quang sáng ngời, có đông chư thiên-nam và thiên-nữ hầu hạ, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên ấy.

Như vậy, *ông tỉnh trưởng Pāyāsi* là ***thí-chủ*** xuất ra nhiều tiền của mỗi ngày, nhưng không trực-tiếp tự tay tạo phước-thiện *bố-thí đến người thọ-thí.*

Còn ***cậu Uttara*** là người làm công ăn lương, tạo ***phước-thiện hỗ-trợ*** giúp *ông tỉnh trưởng Pāyāsi,* hằng ngày trực-tiếp tự tay tạo phước-thiện *bố-thí* cúng dường các vật thí đến chư tỳ-khưu, chư sa-môn, chư bà-la-môn một cách cung-kính.

* *Quả của* ***phước-thiện bố-thí*** *của ông tỉnh trưởng Pāyāsi* không trực-tiếp tự tay tạo phước-thiện *bố-thí đến người thọ-thí* thật là thấp kém.

* Còn *quả của* ***phước-thiện hỗ-trợ*** *của cậu Uttara làm công ăn lương* trực-tiếp tự tay tạo phước-thiện *bố-*

thí cúng dường các vật thí đến chư tỳ-khưu, chư sa-môn, chư bà-la-môn một cách cung-kính thật là cao quý.

Như vậy, *đại-thiện-nghiệp bố-thí của* ***người thí-chủ*** xuất ra tiền của tạo phước-thiện *bố-thí* dù có nhiều đến bao nhiêu, mà không tự tay tạo phước-thiện *bố-thí* đến cho người thọ-thí, thì cũng không thể sánh với *đại-thiện-nghiệp hỗ-trợ của* ***người bỏ công sức*** *tạo phước-thiện hỗ-trợ* trực-tiếp tự tay tạo phước-thiện *bố-thí* đến người thọ-thí một cách cung-kính.

Thật ra, ***người thí-chủ*** có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* xuất tiền của tạo phước-thiện *bố-thí* trong những *dục-giới lộ-trình-tâm diễn tiến qua* ***thời gian quá ít*** so với ***người bỏ công sức*** có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm tạo phước-thiện hỗ-trợ,* trực-tiếp tự tay tạo phước-thiện *bố-thí* đến người thọ-thí trong những *dục-giới lộ-trình-tâm diễn tiến qua thời gian hằng ngày quá nhiều vô số, không sao kể được.*

Tóm lại, ***người thí-chủ*** xuất ra tiền của tạo phước-thiện *bố-thí* mà không tự tay mình tạo phước-thiện ***bố-thí*** đến cho người thọ-thí, dù có xuất ra tiền của nhiều đến bao nhiêu cũng không thể sánh với ***người bỏ công tạo phước-thiện hỗ-trợ*** giúp đỡ tạo phước-thiện *bố-thí*.

Nếu ***người thí-chủ*** có đại-thiện-tâm trong sạch, tin nghiệp và quả của nghiệp, xuất ra tiền của tạo phước-thiện *bố-thí*, rồi tự tay mình tạo phước-thiện ***bố-thí*** đến cho người thọ-thí, một cách cung-kính thì chắc chắn quả báu của ***phước-thiện bố-thí*** ấy thật là vô lượng, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

6- PHƯỚC-THIỆN HỒI-HƯỚNG (Pattidānakusala)

Pattidānakusala : Phước-thiện hồi-hướng

Định nghĩa Pattidāna:

"Pattabbā'ti: Patti. Pattiyā dānaṃ: Pattidānaṃ."

Trạng-thái mà người đã có phần phước-thiện, gọi là patti; Sự bố-thí hồi-hướng phần phước-thiện ấy, gọi là pattidānakusala: phước-thiện hồi-hướng.

Phước-thiện hồi-hướng là hồi-hướng phần *phước-thiện bố-thí, giữ-giới, hành-thiền,…* của mình đến cho ông bà, cha mẹ, thầy tổ, bà con thân quyến đã quá vãng, đến cho tất cả chúng-sinh đã quá vãng.

Đó là định nghĩa theo cách *puggalādhiṭṭhāna: định nghĩa theo con người là chính.*

"Pattiṃ dadanti etenā'ti: Pattidānaṃ."

Những thí-chủ có tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm bố-thí, giữ-giới, hành-thiền, v.v... rồi hồi-hướng phần phước-thiện của mình đến cho những người đã quá vãng hoặc chia phần phước-thiện của mình đến những người đang hiện hữu với đại-thiện-tâm trong sạch, gọi là pattidānakusala: phước-thiện hồi-hướng.

Đó là định nghĩa theo cách *dhammādhiṭṭhāna: định nghĩa theo pháp là chính.*

Vấn: *Khi người thí-chủ đã tạo phước-thiện nào, rồi hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho nhiều người khác, nhiều chúng-sinh khác, thì phần phước-thiện của mình như thế nào?*

Đáp: *Khi người thí-chủ đã tạo phước-thiện nào, rồi hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho càng nhiều người, càng nhiều chúng-sinh bao nhiêu, thì phần*

phước-thiện ấy càng tăng thêm phần xán lạn, vững chắc thêm nhiều, đặc biệt thí-chủ có thêm phước-thiện hồi-hướng nữa.

Ví dụ: Một người có cây đèn đang cháy sáng, đem ánh sáng cây đèn của mình cho mồi càng nhiều cây đèn bao nhiêu, thì ánh sáng càng tỏa rộng ra bấy nhiêu.

Pattidānakusala: Phước-thiện hồi-hướng.

Patti trong danh từ ***pattidāna*** này có nghĩa là *phần phước-thiện của mình* như *phần phước-thiện bố-thí, phần phước-thiện giữ-giới, phần phước-thiện hành-thiền, của mình, v.v...* mà người đã tạo phước-thiện xong rồi, đã tích lũy trong tâm của mình, rồi người ấy nói lên lời hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho những bà con thân quyến đã quá vãng, hoặc chia phần phước-thiện ấy đến những người sống đang hiện hữu trong đời, hoặc ban phần phước-thiện ấy đến tất cả chúng-sinh trong muôn loài.

* ***Người thí-chủ*** đã tạo được phước-thiện nào, rồi tạo phước-thiện hồi-hướng *phần phước-thiện ấy đến cho người khác, chúng-sinh khác*, gọi là ***pattidāna.***

* ***Người nhận*** đó là những bà con thân quyến đã quá vãng, hoặc những bà con thân quyến đang sống hiện hữu trong đời, hoặc tất cả chúng-sinh muôn loài *hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người thí-chủ tạo phước-thiện hồi-hướng đến mình,* gọi là ***pattānumodanā.***

Vậy, ***pattidāna****: Phước-thiện hồi-hướng phần phước-thiện của mình* có liên quan với ***pattānumodanā****: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình.*

(Xong phần phước-thiện hồi-hướng)

7- PHƯỚC-THIỆN HOAN-HỶ (Pattānumodanākusala)

Pattānumodanākusala: Phước-thiện hoan-hỷ

Định nghĩa Pattānumodanā:

"Pāpiyatī'ti: patti. Pattiṃ anumodanti sādhukāraṃ dadanti etenā'ti: pattānumodanaṃ."

*Phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến gọi là **patti**. Những chúng-sinh phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình bằng cách nói lên lời hoan-hỷ rằng: "Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!" với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ gọi là **pattānumodanākusala**: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng.*

Patti trong danh từ *pattānumodanākusala* này có nghĩa là *phần phước-thiện của người khác hồi-hướng.*

Chúng-sinh phát sinh *đại-thiện-tâm hoan-hỷ* nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình, bằng cách nói lên lời hoan-hỷ rằng:

*"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!" với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ, gọi là **pattānumodanākusala**: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình.*

Căn cứ theo định nghĩa này:

* Nếu *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ* vô cùng hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình, bằng cách nói lên lời hoan-hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"* thì *pattānumodanākusala: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng* được trọn vẹn.

* Nếu *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ xả* không hoan-hỷ nhiều nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình, dù có nói lên lời hoan-hỷ theo người khác rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"* thì *pattānumodanākusala: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng* không được trọn vẹn.

* Nếu người nào có *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm đồng sinh với thọ hỷ hợp với trí-tuệ* vô cùng hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng đến cho mình, bằng cách nói lên lời hoan-hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"* thì *pattānumodanākusala: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác hồi-hướng* được hoàn toàn trọn vẹn.

Anumodanākusala với Pattānumodanākusala

***Anumodanākusala**: Phước-thiện hoan-hỷ.*

Ví như người nào nhìn thấy người khác đang tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ gìn giới trong sạch, phước-thiện đang thực-hành pháp-hành thiền-định, đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ,* v.v… hoặc nhìn thấy tên thí-chủ ghi trên vật thí dâng cúng dường đến Tam-bảo, hoặc đọc kinh sách thấy danh sách các thí-chủ tạo *phước-thiện pháp-thí*, rồi người ấy phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ phước-thiện pháp-thí như vậy, gọi là ***anumodanākusala**: phước-thiện hoan-hỷ.*

***Pattānumodanākusala**: Phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác chia cho mình.*

Ví như người thí-chủ nào đã tạo được *phước-thiện bố-thí*, hoặc *phước-thiện xây dựng chỗ ở xong, làm lễ dâng cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng,* rồi người thí-chủ ấy

nói lên lời hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho bà con thân quyến đã quá vãng, và nói lời chia phần phước-thiện ấy đến cho những người đến tham dự trong buổi lễ ấy, hoặc sau đó gặp những người bà con thân quyến, bạn hữu, quen biết, v.v…

Khi nghe người thí-chủ ấy chia phần phước-thiện của họ đến cho mình như vậy, những người nghe phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!" với tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của thí-chủ chia cho mình, như vậy, gọi là* ***pattānumodanākusala****: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác chia đến mình.*

Phước-thiện hồi-hướng (Pattidāna)

Pattidāna có 2 cách:

*1- **Uddissikapattidāna**: Hồi-hướng phần phước-thiện đến cho chúng-sinh riêng biệt.*

*2- **Anuddissikapattidāna**: Hồi-hướng phần phước-thiện đến chung cho tất cả chúng-sinh.*

** Hồi-hướng phần phước-thiện đến cho chúng-sinh riêng biệt như thế nào?*

Sau khi đã tạo được phước-thiện nào xong rồi, người thí-chủ hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho bà con thân quyến của họ đã quá vãng thời gian lâu hoặc mau không giới hạn.

Nếu bà con thân quyến quá vãng nào hay biết có thân nhân tạo phước-thiện, rồi hồi-hướng phần phước-thiện ấy thì xuất hiện đến nơi ấy. Bà con thân quyến quá vãng ấy phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay!*

Lành thay!" nhận phần phước-thiện ấy. Ngay tức thì bà con thân quyến quá vãng ấy hưởng được quả báu của phần phước-thiện ấy, thoát khỏi kiếp khổ cực thiếu thốn ấy, được hưởng kiếp sống an-lạc đầy đủ ngay khi ấy.

Ví dụ: ***Tích Tirokuḍḍapetavatthu***[1] được tóm lược điểm chính như sau:

Nhóm ngạ-quỷ là bà con thân quyến của *Đức-vua Bimbisāra* từ thời-kỳ ***Đức-Phật Phussa*** xuất hiện trên thế gian cho đến thời-kỳ ***Đức-Phật Gotama*** của chúng ta trải qua thời gian khoảng cách 92 đại-kiếp trái đất, có *8 Đức-Phật* theo tuần tự xuất hiện trên thế gian: *Đức-Phật Phussa, Đức-Phật Vipassī, Đức-Phật Sikhī, Đức-Phật Vessabhū, Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana, Đức-Phật Kasspa, đến Đức-Phật Gotama.*

Những người bà con thân quyến của *Đức-vua Bimbisāra* ấy vốn là những người hộ độ *Đức-Phật Phussa cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng*, họ gây gỗ với nhóm người có đức-tin khác, rồi cố ý làm trở ngại công việc bố-thí cúng dường, họ đã tự lấy các đồ ăn của chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng mà dùng, lại còn đốt cháy nhà bếp, nên họ đã tạo ác-nghiệp trộm cắp của chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Sau khi nhóm người ấy chết, ác-nghiệp trộm-cắp ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục, từ cõi đại-địa ngục này đến các tiểu-địa-ngục khác, trải qua 92 đại-kiếp trái đất, đến kiếp trái đất Bhaddakappa này.

Trong thời-kỳ ***Đức-Phật Kassapa*** xuất hiện trên thế-gian, nhóm chúng-sinh ấy mới được thoát ra khỏi cõi địa-ngục, rồi tái-sinh làm ***loài ngạ-quỷ*** *đói khát*.

---

[1] Bộ Chú-giải Petavatthu, tích Tirokuḍḍapetavatthuvaṇṇanā.

Một hôm, nhóm ngạ-quỷ này đến hầu *Đức-Phật Kassapa*, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nhóm ngạ-quỷ chúng con đến khi nào mới có người bà con thân quyến tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho chúng con, để chúng con nhận được phần phước-thiện hồi-hướng ấy, mới mong thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát khổ cực này, được hưởng kiếp sống đầy đủ an-lạc? Bạch Ngài.

Nghe chúng ngạ-quỷ bạch hỏi như vậy, *Đức-Phật Kassapa* dạy bảo rằng:

- Này các ngạ-quỷ! Bây giờ các con chưa được gì đâu! Các con hãy ráng chờ trong thời vị-lai đến khi ***Đức-Phật Gotama*** *xuất hiện trên thế gian.*

Thuở ấy, ***Đức-vua Bimbisāra*** *đã từng là bà con thân quyến của các con trước đây cách 92 đại-kiếp trái đất. Đức-vua Bimbisāra sẽ tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đến Đức-Phật Gotama cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi sẽ hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho các con.*

Nghe lời dạy của *Đức-Phật Kassapa*, nhóm ngạ-quỷ vô cùng hoan-hỷ trông chờ như sắp nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy nay mai.

Thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa* xuất hiện trên thế gian, *tuổi thọ con người khoảng 20.000 năm*. Đến khi *Đức-Phật Kassapa* tịch diệt Niết-bàn, và giáo-pháp của Đức-Phật cũng hoàn toàn bị tiêu hoại, thì ác-pháp dần dần tăng trưởng, còn thiện-pháp từ từ suy thoái, cho nên, tuổi thọ của con người giảm dần, giảm dần từ 20.000 năm xuống dần cho đến khi tuổi thọ chỉ còn 10 năm.

Khi ấy, một thảm họa khủng khiếp xảy ra, con người chém giết lẫn nhau vô cùng tàn khốc, không phân biệt cha mẹ, con cái, anh em, bà con thân quyến,…

Một số người hoảng sợ chạy trốn trong rừng núi thoát thân. Khi biết nạn chém giết không còn nữa, số người ấy gặp lại nhau, cam kết không sát hại lẫn nhau nữa.

Từ đó, con người bắt đầu biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, giữ gìn ngũ-giới trong sạch trọn vẹn. Vì vậy, tuổi thọ con người dần dần càng ngày càng tăng trưởng lên đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm [(1)].

Thời-kỳ ấy, con người sống lâu phát sinh tâm dể duôi, ác-pháp bắt đầu phát sinh, do đó, tuổi thọ của con người cũng bắt đầu giảm xuống dần, giảm xuống dần cho đến thời-kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 năm. Khi ấy, *Đức-Phật Gotama* của chúng ta xuất hiện trên thế gian.

Vào thời ấy, *Đức-vua Bimbisāra* ngự tại kinh-thành Rājagaha, trị vì đất nước Māgadha, *Đức-Thế-Tôn* ngự đến kinh-thành Rājagaha cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng. Khi ấy, Đức-vua Bimbisāra ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, cùng toàn thể dân chúng trong kinh-thành, Đức-Phật thuyết-pháp tế độ Đức-vua Bimbisāra và toàn thể dân chúng. Ngay ngày hôm ấy, *Đức-vua Bimbisāra chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu cùng với dân chúng 110.000 người trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

Đức-vua Bimbisāra có đức-tin trong sạch vững chắc nơi *Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo,* kính thỉnh *Đức-Phật* cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ngày hôm sau độ vật thực tại cung điện.

---

[1] Asaṅkheyya tính theo số lượng số 1 đứng trước 140 số 0 (số không).

Đức-Phật im lặng nhận lời thỉnh mời của Đức-vua Bimbisāra.

Sáng ngày hôm sau, *Đức-Phật* ngự cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến cung điện, Đức-vua Bimbisāra tạo phước-thiện đại-thí cúng dường đến *Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.*

Khi ấy, nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra cùng nhau hiện đến cung điện đứng chờ đợi với hy vọng rằng:

"Bây giờ, Đức-vua Bimbisāra sẽ hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí đến cho nhóm ngạ-quỷ chúng ta. Bây giờ, Đức-vua Bimbisāra sẽ hồi-hướng, ..."

Sau khi làm lễ phước-thiện đại-thí cúng dường vật thực đến *Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* độ xong, Đức-vua Bimbisāra mải lo suy nghĩ xây dựng ngôi chùa nơi nào thuận lợi, làm chỗ ở của *Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng,* nên không hồi-hướng phần phước thiện đại-thí ấy đến cho một ai cả.

Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua không nhận được phần phước-thiện đại-thí ấy. Vì vậy, chúng ngạ-quỷ vô cùng thất vọng khổ tâm khôn xiết.

Ban đêm, nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua dẫn nhau hiện đến lâu đài của Đức-vua, kêu la khóc than những âm thanh đáng kinh sợ.

Sáng ngày hôm sau, Đức-vua Bimbisāra ngự đến hầu đảnh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đêm qua, con nghe những âm thanh đáng kinh sợ.

Vậy, có chuyện gì xảy đến với con? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này Đại-vương! Không có gì đáng cho Đại-vương

lo sợ. Nhóm ngạ-quỷ là bà con thân quyến của Đại-vương trong thời quá khứ, chúng trông đợi Đại-vương từ thời-kỳ Đức-Phật Kassapa cho đến nay với hy vọng Đại-vương tạo phước-thiện đại-thí rồi hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí ấy đến cho nhóm ngạ-quỷ riêng biệt.

Sau khi nhóm ngạ-quỷ ấy hoan-hỷ nhận được phần phước-thiện hồi-hướng ấy, chúng sẽ được thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát khổ cực, được hưởng kiếp sống đầy đủ an-lạc.

Ngày hôm qua, sau khi tạo phước-thiện đại-thí xong, Đại-vương không hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí ấy đến cho nhóm ngạ-quỷ ấy.

Vì vậy, nhóm ngạ-quỷ vô cùng thất vọng khổ tâm, nên đêm khuya nhóm ngạ-quỷ ấy hiện đến gần lâu đài của Đại-vương kêu la khóc than những âm thanh đáng kinh sợ như vậy.

Nghe Đức-Thế-Tôn dạy như vậy, Đức-vua Bimbisāra bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nếu ngày mai con tạo phước-thiện đại-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí ấy thì nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của con có nhận được phần phước-thiện đại-thí ấy hay không? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Đại-vương! Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đại-vương sẽ nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy.

Lắng nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, Đức-vua Bimbisāra liền bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngày mai, con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến cung điện, để con xin tạo phước-thiện đại-thí cúng

dường đến Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, lần này con sẽ hồi-hướng phần phước-thiện đại-thí ấy đến cho nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của con riêng biệt, để cứu giúp chúng thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát khổ cực ấy, được hưởng kiếp sống đầy đủ an-lạc.

Đức-Phật im lặng nhận lời thỉnh mời của Đức-vua Bimbisāra.

Đức-vua Bimbisāra thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép hồi cung ngự trở về cung điện, lo sửa soạn vật thực, để tạo phước-thiện đại-thí vào ngày hôm sau.

Sáng ngày hôm sau ấy, Đức-Phật ngự cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến cung điện của Đức-vua Bimbisāra, *Đức-Phật* ngự lên ngồi chỗ cao quý và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng ngồi chỗ mỗi vị.

Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra dẫn nhau hiện đến đứng các nơi bên ngoài chờ đợi với hy vọng rằng:

"Hôm nay, chúng ta chắc chắn sẽ nhận được phần phước-thiện đại-thí hồi-hướng ấy, rồi sẽ hóa thành thức ăn, thức uống, v.v... cho chúng ta."

Đức-Phật làm cho tất cả nhóm ngạ-quỷ hiện rõ ra, để cho Đức-vua Bimbisāra nhìn thấy chúng. Mỗi khi, Đức-vua tự tay mình dâng cúng dường món ăn, thức uống nào đến Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, Đức-vua đều hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí rằng:

"Idaṃ me ñātīnaṃ hotu" *phước-thiện bố-thí này, cầu mong cho được thành tựu đến những bà con thân quyến của tôi.*

Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng:

"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"

Ngay khi ấy, những ngạ-quỷ bà con thân quyến đều thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, hoá-sinh làm nhóm chư-thiên có đầy đủ món ăn, thức uống cõi trời, không còn phải chịu cảnh đói khát khổ thân nữa, chúng có nước tắm đầy đủ mát mẻ, có thân hình khỏe mạnh.

Đức-vua Bimbisāra thành kính dâng cúng dường y và các thứ vật dụng khác đến *Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng,* rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí rằng:

*"**Idaṃ me ñātīnaṃ hotu**" phước-thiện bố-thí này, cầu mong cho được thành tựu đến những bà con thân quyến của tôi.*

Nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của Đức-vua Bimbisāra phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng:

"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!".

Ngay khi ấy, những ngạ-quỷ bà con thân quyến đều có đầy đủ các bộ y phục đẹp đẽ lạ thường, các đồ trang sức quý giá, các lâu đài sang trọng, chỗ nằm, chỗ ngồi đẹp đẽ, v.v… như cõi trời được phát sinh đến tất cả nhóm bà con thân quyến ấy.

Do nhờ oai lực của Đức-Phật, nên Đức-vua Bimbisāra tận mắt nhìn thấy tất cả nhóm bà con thân quyến của mình được thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, được hoá-sinh làm nhóm chư-thiên hưởng được mọi sự an-lạc như nhóm chư-thiên. Đức-vua phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.

Sau khi độ vật thực xong, Đức-Thế-Tôn thuyết-pháp tích *Tirokuḍḍapetavatthu* này.

Tích *Tirokuḍḍapetavatthu* này có 12 bài kệ, trong đó có câu hồi-hướng rằng:

"Idaṃ vo ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo".

Cầu mong phần phước-thiện bố-thí này được thành tựu quả báu đến những bà con thân quyến của các con, cầu mong những bà con thân quyến của các con thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng sự an-lạc lâu dài.

* Về sau, mỗi khi người thí-chủ nào tạo phước-thiện nào rồi, người thí-chủ ấy đọc câu hồi-hướng phần phước-thiện ấy bằng câu kệ Pāḷi rằng:

"Idaṃ no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo".

Cầu mong phần phước-thiện bố-thí này được thành tựu quả báu đến những bà con thân quyến của ***chúng con****, cầu mong những bà con thân quyến của* ***chúng con*** *thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng sự an-lạc lâu dài.*

Như vậy, thí-chủ hồi hướng phần phước-thiện của mình đến cho chúng-sinh khác gọi là ***pattidānakusala:*** *phước-thiện hồi-hướng phần phước-thiện của mình* và chúng-sinh khác hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của thí-chủ gọi là ***pattānumodanakusala****: phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác,* nên 2 loại phước-thiện này có sự liên quan với nhau giữa ***người ban cho và người hoan-hỷ nhận.***

Tích Sāriputtattheramātupeta[(1)]

Tích Sāriputtattheramātupeta: Ngạ-quỷ thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta được tóm lược như sau:

Tiền-kiếp của nữ ngạ-quỷ này đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta trong quá khứ kiếp thứ 5 kể từ kiếp hiện-tại.

Tiền-kiếp của nữ ngạ-quỷ là vợ của ông Bà-la-môn nhà giàu có nhiều của cải. Ông Bà-la-môn là người có

[1] Bộ Petavatthu, tích Sāriputtattheramātupetavaṇṇanā.

tâm từ, tâm bi đối với mọi người. Hằng ngày, ông tự tay tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường vật thực, y phục, vật dụng cần thiết,… đến các Sa-môn, Bà-la-môn, những người nghèo khổ, người qua đường, v.v…

Một hôm, ông Bà-la-môn có công việc phải đi khỏi nhà, nên ông dạy bảo người vợ ở nhà thay ông giữ gìn truyền thống gia đình tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường vật thực, y phục, vật dụng cần thiết,… đến các Sa-môn, Bà-la-môn, những người nghèo khổ, những người qua đường, nhưng người vợ ở nhà không làm theo lời dạy bảo của chồng.

Hễ có người đến nương nhờ thì bà buông lời mắng nhiếc rằng: *"Các người hãy ăn phẩn, uống nước tiểu, liếm máu mủ, nước miếng,…"*.

Sau khi bà chết, *ác-nghiệp* ấy cho quả tái-sinh vào loài ngạ-quỷ đói khát, ăn uống những đồ dơ bẩn như ăn phẩn, uống nước tiểu, liếm máu mủ, nước miếng,… chịu bao nỗi khổ cực đói khát, lạnh lẽo do quả của ác-nghiệp của mình đã tạo trong tiền-kiếp.

Nữ ngạ-quỷ nhớ lại được tiền-kiếp của mình đã từng là thân mẫu của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, nên bà đến nương nhờ *Ngài Đại-Trưởng-lão* có tâm bi tế độ, nhưng vị thiên-nam giữ cổng ngăn cản không cho vào, nên nữ ngạ-quỷ thưa với vị thiên-nam rằng:

- Thưa thiên-nam, tiền-kiếp của tôi đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta. Xin thiên-nam cho tôi được phép vào đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão.

Nữ ngạ-quỷ được phép vào đứng khép nép. Nhìn thấy nữ ngạ-quỷ, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta có tâm bi bèn hỏi rằng:

- Này nữ ngạ-quỷ! Ngươi là ai mà thân hình trần truồng, ốm yếu da bọc xương, đứng run rẩy thật đáng thương. Lão tăng tế độ ngươi thế nào?

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta hỏi, nên nữ ngạ-quỷ bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, tiền-kiếp của con đã từng là thân mẫu của Ngài Đại-Trưởng-lão, do ác-nghiệp của con cho quả tái-sinh làm loài nữ ngạ-quỷ chịu cảnh khổ đói khát, đành phải ăn uống đồ dơ bẩn, ăn phẩn, uống nước tiểu, nước đàm, nước miếng người ta nhổ bỏ, liếm máu mủ của đàn ông, đàn bà, nước vàng từ tử thi chảy ra, sống không có nơi nương tựa trong các nghĩa địa, bãi tha ma.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho con. Khi con phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ nhận được phần phước-thiện bố-thí hồi-hướng ấy, may ra cứu giúp con thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát khổ sở như thế này.

Lắng nghe nữ ngạ-quỷ đã từng là thân mẫu của Ngài trong tiền-kiếp thứ 5, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* phát sinh tâm bi tìm cách cứu giúp nữ ngạ-quỷ thoát khỏi cảnh khổ, nên *Ngài Đại-Trưởng-lão* đến bàn bạc với *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, Ngài Trưởng lão Anuruddha, Ngài Trưởng-lão Mahākappina* cùng nhau cứu giúp nữ ngạ-quỷ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đi khất thực trong kinh-thành Rājagaha, vào cung điện gặp *Đức-vua Bimbisāra.* Đức-vua thỉnh mời, yêu cầu Ngài Đại-Trưởng-lão cần những thứ vật dụng nào, để Đức-vua dâng cúng. Nhân dịp ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão báo cho Đức-vua biết chuyện *nữ ngạ-quỷ đã từng là thân mẫu*

của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, sống trong cảnh đói khát khổ sở không có nơi nương tựa.

Nghe vậy, Đức-vua truyền lệnh xây cất 4 cái cốc chỗ ở của chư tỳ-khưu-Tăng. Sau khi xây cất xong, sắm sửa đầy đủ 4 thứ vật dụng cần thiết đối với tỳ-khưu.

Đức-vua Bimbisāra làm lễ dâng 4 cái cốc ấy đến Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta có Đức-Phật chủ trì.

Một lần nữa, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta làm lễ dâng 4 cái cốc có đầy đủ 4 thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu-Tăng từ bốn phương, có Đức-Phật chủ trì, rồi xin hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến nữ ngạ-quỷ đã từng là thân mẫu của mình trong tiền-kiếp.

Nữ ngạ-quỷ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ, nói lên lời hoan-hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"* nhận được phần phước-thiện bố-thí hồi-hướng đặc biệt ấy. Ngay tức thì, nữ ngạ-quỷ thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, hóa-sinh làm vị thiên-nữ xinh đẹp trên cõi trời, có hào quang sáng ngời, có y phục lộng lẫy trong lâu đài nguy nga tráng lệ, có đầy đủ các thứ của cải quý giá của chư-thiên, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Sau đó, vị thiên-nữ hiện xuống cõi người, đến hầu đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, rồi đứng một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi vị thiên-nữ đã tạo đại-thiện-nghiệp nào mà trở thành vị thiên-nữ có nhiều quả báu đặc biệt như vậy.

Vị thiên-nữ bạch với Ngài rõ về tiền-kiếp của mình...

Hồi-hướng thành tựu

Phước-thiện bố-thí mà thí-chủ hồi-hướng đến hàng ngạ-quỷ bà con thân quyến của thí-chủ, hoặc hàng ngạ-quỷ khác được thành tựu cần phải hội đầy đủ 3 điều kiện cần thiết:

** Thí-chủ có đại-thiện-tâm trong sạch hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí của mình đến cho hàng ngạ-quỷ.*

** Hàng ngạ-quỷ gồm có nhiều nhóm như: 12 nhóm, 4 nhóm, 21 nhóm. Trong tất cả các nhóm ngạ-quỷ ấy, chỉ có nhóm ngạ-quỷ sống gần gũi với loài người, gọi là* ***paradattupajīvikapeta****: ngạ-quỷ sống do nhờ người khác cho, mới có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí của thân nhân, hoặc của những người khác hồi-hướng. Còn lại các nhóm ngạ-quỷ khác không có cơ hội nhận phần phước-thiện bố-thí của thân nhân hồi-hướng, bởi vì chúng sống xa loài người.*

** Bậc thọ-thí có đầy đủ các đức cao thượng, như Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, chư bậc Thánh A-ra-hán, chư Đại-đức Tỳ-khưu-Tăng có giới-đức trong sạch, thực-hành pháp-hạnh cao thượng.*

Nếu hội đầy đủ 3 điều kiện cần thiết ấy thì thí-chủ hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí đến nhóm ngạ-quỷ bà con thân quyến của thí-chủ, hoặc hàng ngạ-quỷ khác ấy mới được thành tựu.

Hồi-hướng thành tựu – không thành tựu

Trong bài kinh *Jāṇussoṇīsutta*[(1)] Đức-Thế-Tôn thuyết dạy ông Bà-la-môn Jāṇussoṇī về cách hồi-hướng phước-thiện bố-thí thành tựu và không thành tựu đến số chúng-sinh, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, ông Bà-la-môn Jāṇussoṇī đến hầu đảnh lễ vấn an Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, con là Bà-la-môn tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-

[1] Bộ Aṅguttaranikāya, phần Dasakanipāta, kinh Jāṇussoṇīsutta.

thí ấy đến cho các bà con thân quyến đã quá vãng của con, với hy vọng rằng: "Các bà con thân quyến đã quá vãng ấy nhận được phần phước-thiện bố-thí mà con đã hồi-hướng".

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, các bà con thân quyến đã quá vãng của con có nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy mà con đã hồi-hướng hay không ? Bạch Ngài.

Đức Thế Tôn dạy ông Bà-la-môn Jāṇussoṇī rằng:

- Này Bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng có cơ hội thì nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng, và nếu các bà con thân quyến đã quá vãng không có cơ hội thì không nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng.

Jā.- Kính bạch Đức-Phật Gotama, nếu các bà con thân quyến đã quá vãng có cơ hội thì nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng như thế nào?

Và nếu bà con thân quyến đã quá vãng không có cơ hội thì không nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng như thế nào? Bạch Ngài.

ĐP. - Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ác-nghiệp nói-dối, ác-nghiệp nói lời chia rẽ, ác-nghiệp nói lời thô tục, ác-nghiệp nói lời vô ích, tham lam của người khác, thù hận, có tà-kiến.

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau làm ***chúng-sinh trong cõi địa-ngục****, sống trong cõi địa ngục.*

- Này Bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về loài chúng-sinh trong cõi địa-ngục thì không có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà

thân quyến đã hồi-hướng đến cho chúng (bởi vì, chúng-sinh trong cõi địa ngục không biết, nên không có cơ hội đến nhận phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho chúng).

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà- dâm, ..., tham lam của người khác, thù hận, có tà-kiến.

*Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau làm **loài súc-sinh**, sống trong loài súc-sinh.*

*- Này Bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về **loài súc-sinh** thì không có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho chúng (bởi vì, loài súc-sinh không biết, nên không có cơ hội đến nhận phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho chúng).*

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo đại-thiện-nghiệp tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không tham lam của người khác, không thù hận, có chánh-kiến.

*Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm **loài người**, sống trong cõi người.*

*- Này Bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về **loài người** thì không có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho họ (bởi vì, loài người không biết, nên không có cơ hội đến nhận phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho họ).*

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo đại-thiện-nghiệp tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm,..., không tham lam của người khác, không thù hận, có chánh-kiến.

Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***vị thiên-nam*** hoặc ***vị thiên-nữ****, sống trong cõi trời dục-giới.*

- Này Bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về ***vị thiên-nam*** *hoặc* ***vị thiên-nữ*** *trong cõi trời dục-giới thì không có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho họ (bởi vì, vị chư-thiên cõi trời dục-giới không quan tâm, nên không có cơ hội đến nhận phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho họ).*

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ... tham lam của người khác, thù hận, có tà-kiến.

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau làm ***loài ngạ-quỷ****, sống trong loài ngạ-quỷ chịu quả khổ đói khát.*

Nếu loài ngạ-quỷ ấy biết có thân quyến hoặc bạn hữu, hoặc những thí-chủ khác tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho loài ngạ-quỷ thì ***loài ngạ-quỷ ấy có cơ hội*** *hiện đến phát sinh đại-thiện-tâm nói lên lời hoan-hỷ, nên nhận được phần phước thiện bố-thí mà thí-chủ hồi-hướng đến cho họ, mới thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ đói khát ấy, nhờ đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-dục-giới ấy tuỳ theo năng lực quả của đại-thiện-nghiệp.*

- Này Bà-la-môn! Nếu các bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về ***loài ngạ-quỷ ấy*** *thì có cơ hội nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng (bởi vì, loài ngạ-quỷ biết, nên có cơ hội hiện đến nơi ấy, phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ, nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thí-chủ đã hồi-hướng đến cho họ).*

Jā. - Kính bạch Đức-Phật Gotama, nếu bà con thân quyến đã quá vãng ấy không thuộc về loài ngạ-quỷ thì ai sẽ hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy?

ĐP. - Này Bà-la-môn! Có các bà con thân quyến khác đã quá vãng thuộc về loài ngạ-quỷ. Các bà con thân quyến ngạ-quỷ khác ấy có cơ hội đến nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến đã hồi-hướng đến cho họ. Loài ngạ-quỷ khác ấy hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy.

Jā. - Kính bạch Đức-Phật Gotama, nếu bà con thân quyến đã quá vãng ấy không thuộc về loài ngạ-quỷ và các bà con thân quyến đã quá vãng khác cũng không thuộc về loài ngạ-quỷ, thì ai sẽ hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy.

ĐP. - Này Bà-la-môn! Các bà con thân quyến đã tử sinh luân-hồi trải qua vô số kiếp ấy, mà không có bà con thân quyến quá vãng nào thuộc về loài ngạ-quỷ, đó là điều không thể có được.

Và thí-chủ đã tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí của mình, thì chính thí-chủ là người hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy.

Jā. - Kính bạch Đức-Phật Gotama, Ngài dạy: "Người thí-chủ cũng hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy nữa. Bạch Ngài".

ĐP. - Này Bà-la-môn! Như-Lai dạy: "Người thí-chủ hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy nữa".

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm, ..., tham lam của người khác, thù hận, có tà-kiến.

Và người ấy cũng tạo phước-thiện bố-thí vật thực, nước uống, vải, xe cộ, vòng hoa, vật thơm, vật thoa đến những người khác, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu, các Sa-môn, các Bà-la-môn,...

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau sinh làm ***con voi báu*** *được người quyền quý sử dụng, nên con voi báu ấy có vật thực, nước uống đầy đủ, có các đồ trang sức quý giá,...*

- Này Bà-la-môn! Như vậy, trong đời này, người nào tạo ***ác-nghiệp*** *sát-sinh, ác-nghiệp trộm-cắp, ác-nghiệp tà-dâm,..., tham lam của người khác, thù hận, có tà-kiến.*

Và người ấy cũng tạo phước-thiện bố-thí vật thực,nước uống, vải, xe cộ, vòng hoa, vật thơm, vật thoa đến những người khác, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu, các Sa-môn, các Bà-la-môn,...

Sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau sinh làm ***con ngựa báu***, ***con chó tinh khôn****,... Con ngựa báu, con chó tinh khôn ấy được người quyền quý nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo.*

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo thiện-nghiệp tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không tham lam của người khác, không thù hận, có chánh-kiến.

Và người ấy cũng tạo phước-thiện bố-thí vật thực, nước uống, vải, xe cộ, vòng hoa, vật thơm, vật thoa đến những người khác, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu, các Sa-môn, các Bà-la-môn.

Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau ***làm người*** *trong cõi người. Người ấy là người giàu sang phú quý, có nhiều của cải tài sản, hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi người.*

- Này Bà-la-môn! Trong đời này, người nào tạo thiện-nghiệp tránh xa sự sát-sinh, tránh xa sự trộm-cắp, tránh xa sự tà-dâm, tránh xa sự nói-dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục, tránh xa sự nói lời vô ích, không tham lam của người khác, không thù hận, có chánh-kiến.

Và người ấy cũng tạo phước-thiện bố-thí vật thực, nước uống, vải, xe cộ, vòng hoa, vật thơm, vật thoa đến những người khác, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khưu, các Sa-môn, các Bà-la-môn.

Sau khi người ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp sau hoá-sinh ***vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ*** *trên cõi trời dục-giới, hưởng được mọi sự an-lạc vi-tế cho đến khi hết tuổi thọ trên cõi trời dục-giới ấy.*

- Này Bà-la-môn! Vì vậy, Như-lai dạy rằng: Người thí-chủ cũng hưởng được quả-báu của phước-thiện bố-thí ấy nữa.

Jā. - Kính bạch Đức-Phật Gotama, thật phi thường! chưa từng nghe!

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, người thí-chủ cũng được hưởng được quả báu của phước-thiện bố-thí ấy.

Như vậy, mọi người nên tạo phước-thiện bố-thí thật sự, nên có đức-tin nơi phước-thiện bố-thí thật sự.

ĐP. - Này Bà-la-môn! Điều ấy đúng như vậy!

Sau khi nghe Đức-Thế-Tôn thuyết dạy như vậy, ông Bà-la-môn Jāṇussoṇī bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Phật Gotama, con thật vô cùng hoan-hỷ. Đức-Phật Gotama thuyết-pháp bằng nhiều cách, ví như lật ngửa ra vật bị che đậy, hoặc mở ra vật bị đóng kín, hoặc rọi đèn soi sáng vào chỗ tăm tối, để cho người có đôi mắt sáng được thấy rõ tất cả mọi vật hiện hữu.

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y, nương nhờ nơi Đức-Phật Gotama; xin quy-y, nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo; xin quy-y, nương nhờ nơi chư tỳ-khưu-Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Phật Gotama công nhận con là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn kiếp của con.

Phước-thiện bố-thí và phước-thiện hồi-hướng (Dānakusala và Pattidānakusala)

Phước-thiện bố-thí (dānakusala), phước-thiện hồi-hướng (pattidānakusala) và phước-thiện hoan-hỷ (pattā-numodanakusala) cả 3 loại phước-thiện này chỉ có thuận lợi nhất đối với ***con người*** trong *cõi Nam-thiện-bộ-châu (cõi người mà chúng ta đang sinh sống)* mà thôi, còn đối với các chúng-sinh trong các cõi-giới khác thì khó có cơ hội, thậm chí không có cơ hội thực hiện được theo ý muốn của mình được.

Thật vậy, nên suy xét các chúng-sinh trong 31 cõi trong tam-giới như sau:

* ***Chư phạm-thiên*** trong *4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên* chỉ có ***tứ-uẩn*** *(thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-*

uẩn và thức-uẩn), nghĩa là chư phạm-thiên *chỉ có* ***tâm*** *mà không có* ***thân***. Mỗi vị phạm-thiên đều hưởng quả an-lạc của vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên của mình.

* ***Chư phạm-thiên*** trong *15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên* có đủ ***ngũ-uẩn*** *(sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn và thức-uẩn)*, nghĩa là chư phạm-thiên *có* ***thân*** *và* ***tâm***. Mỗi vị phạm-thiên đều hưởng quả an-lạc của sắc-giới thiện-nghiệp trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên của mình.

* Và ***chư phạm-thiên*** trong tầng trời *sắc-giới Vô-tưởng-thiên* chỉ có ***nhất-uẩn*** là ***sắc-uẩn*** mà thôi, nghĩa là chư phạm-thiên *chỉ có* ***thân*** *mà không có* ***tâm***. Mỗi vị phạm-thiên đều duy trì *sắc thân* suốt 500 đại-kiếp trái đất trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên của mình.

* ***Chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ*** trong *6 tầng trời dục-giới* có đủ ***ngũ-uẩn*** *(sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn và thức-uẩn)*. Mỗi vị thiên-nam, vị thiên-nữ đều hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp trong tầng trời dục-giới của mình.

* ***Những Chúng-sinh*** trong *4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh)*, đang chịu quả khổ của ác-nghiệp trong cõi ác-giới của mình.

**** Con người*** *trong cõi Nam-thiện-bộ-châu (cõi người mà chúng ta đang sinh sống),* khi thì *đại-thiện-nghiệp cho quả an-lạc*, khi thì *ác-nghiệp cho quả khổ*.

Con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có tính chất đặc biệt hơn các chúng-sinh trong các cõi-giới khác như sau:

- *Con người chúng ta* có nhiều cơ hội thuận lợi tạo các *pháp-hạnh ba-la-mật* tuỳ theo ý nguyện của mỗi Đức-Bồ-tát.

- Nếu Đức-Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải tạo đầy đủ *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng.*

- Nếu Đức-Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành *Đức-Phật Độc-Giác*, thì *Đức-Bồ-tát Độc-Giác* cần phải tạo đầy đủ *20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung.*

- Nếu Đức-Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành *bậc Thánh thanh-văn-giác*, thì *Đức-Bồ-tát thanh-văn-giác* cần phải tạo đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.*

Cho nên, *con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này* có khả năng trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác, bậc Thánh thanh-văn-giác* tuỳ theo ý nguyện của mỗi Đức-Bồ-tát.

- *Con người này* có cơ hội tạo mọi thiện-nghiệp tuỳ theo khả năng của mình, và cũng có cơ hội tạo mọi ác-nghiệp theo khả năng của mình.

- *Con người này* có cơ hội tốt tạo mọi ***phước-thiện*** rồi hồi hướng phần phước-thiện ấy đến cho những người bà con thân quyến đã quá vãng, hoặc chia phần phước-thiện ấy đến cho những người thân hiện hữu trong đời.

Ví dụ: Người thí-chủ tạo phước-thiện ***bố-thí*** *(dānakusala)*, cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, rồi tạo phước-thiện ***hồi-hướng*** *(pattidānakusala)* phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho bà con thân quyến đã quá vãng, nhất là loài ngạ-quỷ, đọc câu hồi-hướng như sau:

"Idaṃ no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo."

Phước-thiện bố-thí này, xin hồi-hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con từ kiếp hiện-tại cho đến

vô số kiếp trong quá-khứ, cầu mong quý vị nhận phần phước-thiện bố-thí này, để thoát khỏi mọi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Nếu bà con thân quyến đã quá vãng thuộc về *loài ngạ-quỷ nào* hay biết, thì *loài ngạ-quỷ ấy* xuất hiện đến, phát sinh *đại-thiện-tâm* nói lên lời hoan-hỷ rằng:

"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!" gọi là ***phước-thiện hoan-hỷ*** *(pattānumodanakusala)* nhận được *phần phước-thiện bố-thí ấy*, thì ngay khi ấy, bà con thân quyến ấy được thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ, nhờ *đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy trong cõi thiện-giới ấy.

Đó là điều hạnh phúc an lành biết dường nào!

Pattidānakusala: Phước-thiện hồi-hướng có 2 cách:

1- Uddissikapattidānakusala*: Hồi-hướng phần phước-thiện đến cho chúng-sinh riêng biệt:*

Người thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* tạo phước-thiện *hồi-hướng* đến cho các bà con thân quyến quá vãng riêng biệt như sau:

Dựa theo bài kệ trong tích *Tirokuḍḍapetavatthu,* các Ngài Đại Trưởng Lão dạy câu kệ hồi-hướng rằng:

"Idaṃ no ñātīnaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo."

"Xin hồi-hướng phần phước-thiện này đến cho những bà con thân quyến của chúng con từ kiếp hiện-tại cho đến vô số kiếp quá-khứ, cầu mong những bà con thân quyến của chúng con hoan-hỷ nhận phần phước-thiện này, để thoát khỏi mọi cảnh khổ, được hưởng sự an-lạc lâu dài."

***2- Anuddissikapattidānakusala**: Hồi-hướng phần phước-thiện đến chung cho tất cả chúng-sinh:*

Người thí-chủ có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* tạo phước-thiện *hồi-hướng* chung đến cho tất cả chúng-sinh như sau:

"Imaṃ puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ demi (dema)."

"Con (chúng con) xin hồi-hướng phần phước-thiện này đến cho tất cả chúng-sinh muôn loài."

* Nếu các thí-chủ tạo *phước-thiện bố-thí nào, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, nhất là phước-thiện nghe chánh-pháp rồi*, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* tạo phước-thiện *hồi-hướng* đến riêng cho các bà con thân quyến cùng chung với tất cả chúng-sinh muôn loài, thì nên đọc câu hồi hướng rằng:

"Imaṃ puññabhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-ñāti-mitta-samūhānañceva sesasabbasattānañca devatānañca ārakkhadevatānañca visesato guṇavantānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha."

"Chúng con thành tâm hồi-hướng, kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo, bà con thân quyến, bạn hữu cả thảy, cùng với tất cả chúng-sinh muôn loài, toàn thể chư-thiên, các vị chư-thiên hộ trì mỗi chúng con, đặc biệt đến các bậc ân nhân. Sau khi quý vị phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này rồi, cầu mong tất cả quý vị đều hưởng được mọi sự an-lạc, được thoát khỏi mọi cảnh khổ trong khắp mọi nơi."

Những loài chúng-sinh nào có cơ hội phát sinh *đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận được phần phước-thiện* mà thân quyến hoặc các thí-chủ khác đã hồi-hướng đến cho tất cả

chúng-sinh, gọi là *pattānumodanākusala: phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện của thí-chủ hồi hướng đến cho họ.*

Những loài chúng-sinh ấy *nói lên lời Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay! Hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của thí-chủ,* đó là những loài chúng-sinh sống gần gũi với loài người như sau:

- *Paradattupajīvikapeta*: loài ngạ-quỷ duy trì sinh mạng do nhờ người khác ban đến cho họ.

- *Vemānikapeta*: ngạ-quỷ chịu quả khổ nhẹ của ác-nghiệp ban ngày, đến ban đêm hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp của họ.

- *Vinipātika asura*: Loài a-su-ra vinipātika như chư thiên ở trên mặt đất gần gũi với loài người.

- Những người thân sống gần gũi thân cận với thí-chủ hoặc những người cùng nhau tạo phước-thiện ấy.

Những loài chúng-sinh ấy có cơ hội phát sinh *đại-thiện-tâm* nói lên lời hoan-hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!" nhận được phần phước-thiện ấy.*

Ngay khi ấy, đối với các loài ngạ-quỷ, nhờ *đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện ấy cho quả thoát khỏi kiếp ngạ-quỷ,* đồng thời liền tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng được mọi sự an-lạc trong cõi trời dục-giới ấy.

Còn các loài chúng-sinh khác ở cách xa loài người không hay biết, nên không có cơ hội phát sinh *đại-thiện-tâm hoan-hỷ phần phước-thiện ấy.*

Quả báu Của Pattānumodanākusala

Tích Vihāravimāna[(1)] được tóm lược những điểm chính như sau:

[1] Bộ Chú-giải Vimānavatthu, tích Vihāravimānavatthu.

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, *đại cận-sự-nữ Visākhā (Visākhā mahā-upāsikā)* cùng với các bạn và đoàn thuộc hạ đông đảo đều trang điểm lộng lẫy có ý định đi du ngoạn công viên.

Đại cận-sự-nữ Visākhā trang điểm với đồ trang sức *tấm choàng mahālatā* cùng với 500 người bạn gái và đoàn thuộc hạ ngồi trên xe đang trên đường đi đến công viên, bà *Visākhā* nghĩ rằng:

"Ta đi du ngoạn công viên có lợi ích gì đâu! Vậy, ta nên đi đến ngôi chùa Jetavana, đảnh lễ Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi nghe Đức-Phật thuyết-pháp thì hạnh phúc biết dường nào!"

Sau khi nghĩ như vậy, đại cận-sự-nữ Visākhā dẫn đoàn đi đến gần ngôi chùa, dừng lại một nơi, bà cởi đồ trang sức *tấm choàng mahālatā* ra, rồi trao cho một tỳ nữ cầm.

Đại cận-sự-nữ Visākhā đi vào giảng đường đảnh lễ Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Đức-Thế-Tôn thuyết-pháp tế độ đại cận-sự-nữ Visākhā cùng với 500 bạn gái và đoàn thuộc hạ.

Sau khi nghe Đức-Thế-Tôn thuyết-pháp xong, đại cận-sự-nữ Visākhā đảnh lễ Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, xin phép trở về nhà.

Trên đường đi về, đại cận-sự-nữ Visākhā bảo cô nữ tỳ trao tấm choàng mahālatā lại cho bà, thì cô tỳ nữ thưa với bà rằng:

- *Kính thưa bà chủ, con để quên tấm choàng mahālatā tại giảng đường. Con xin phép trở lại giảng đường lấy tấm choàng mahālatā cho bà.*

Nghe cô nữ tỳ thưa như vậy, đại cận-sự-nữ Visākhā bảo rằng:

- Này con! Nếu con đã để quên tấm choàng mahālatā tại giảng đường thì con không nên trở lại lấy nó. Ta sẽ kính dâng tấm choàng mahālatā ấy để bán lấy tiền xây dựng ngôi chùa.

Đại cận-sự-nữ Visākhā đi trở lại đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con kính dâng tấm choàng mahālatā trị giá 90 triệu 100 ngàn đồng tiền vàng.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, với số tiền ấy, Đức-Thế-Tôn cho phép con xây dựng một ngôi chùa to lớn thích hợp làm chỗ ở của Đức-Thế-Tôn và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Nghe đại cận-sự-nữ Visākhā bạch như vậy, Đức-Thế-Tôn chấp thuận bằng cách làm thinh.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, người có khả năng mua nổi tấm choàng mahālatā này không có. Vậy, con xin mua lại tấm choàng mahālatā với giá ấy.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con nên xây dựng ngôi chùa tại nơi nào? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn dạy đại cận-sự-nữ Visākhā rằng:

- Này Visākhā! Con nên xây dựng một ngôi chùa gần phía Đông cửa thành Sāvatthi.

Vâng lời dạy của Đức-Thế-Tôn, đại cận-sự-nữ Visākhā mua đất, rồi xây dựng một ngôi chùa to lớn do *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* trông coi xây dựng ngôi chùa ấy.

Một ngôi chùa như lâu đài đồ sộ có 2 tầng gồm có 1000 phòng: tầng trên có 500 phòng và tầng dưới cũng có 500 phòng thật là nguy nga như cõi trời.

Xung quanh ngôi chùa xây cất 1000 cốc nhỏ riêng biệt vắng vẻ, đường đi kinh hành, và đầy đủ mọi tiện nghi khác cho chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Công trình xây dựng ngôi chùa ấy suốt 9 tháng mới hoàn thành, làm lễ khánh thành ngôi chùa đặt tên ngôi chùa là ***Pubbārāma*** chi phí thêm số tiền 90 triệu đồng vàng nữa.

Đại cận-sự-nữ Visākhā kính dâng cúng dường *ngôi chùa Pubbārāma* đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương có Đức-Phật chủ trì.

Đại cận-sự-nữ Visākhā và 500 người bạn gái nhìn thấy ***ngôi chùa Pubbārāma*** đồ sộ nguy nga phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ. Khi ấy, đại cận-sự-nữ Visākhā nói với các người bạn gái rằng:

"Imaṃ evarūpaṃ pasādaṃ kārentiyā yaṃ mayā puññaṃ pasutaṃ, taṃ anumodatha, pattidānaṃ vo dammi."

- Này các bạn gái thân mến! Tôi đã cho xây dựng ngôi chùa Pubbārāma đồ sộ như một lâu đài nguy nga thế này, đã kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương có Đức-Phật chủ trì, nên đã tạo được phước-thiện bố-thí lớn này.

Tôi xin thành tâm chia phần phước-thiện thanh cao này đến cho quý bạn. Xin quý bạn nên phát sinh đại-thiện tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí này.

Nghe *đại cận-sự-nữ Visākhā chia phần phước-thiện bố-thí* đến cho mình, nên tất cả những người bạn gái phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng:

"Aho sādhu! Aho sādhu!" "A-hô, lành thay! A-hô, lành thay!" với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.

Trong nhóm những người bạn gái thân thiết ấy, có một người bạn gái phát sinh *đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ đến phần phước-thiện bố-thí* của bạn đại cận-sự-nữ Visākhā.

Về sau, *người bạn gái thân thiết* của đại cận-sự-nữ Visākhā chết, *đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí của đại cận-sự-nữ Visākhā* cho quả tái-sinh làm vị thiên-nữ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên trong lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ cao 16 do-tuần, tỏa ra ánh sáng 100 do-tuần, có hồ nước rộng lớn nhiều hoa sen, hoa súng đủ loại rất xinh đẹp lạ thường.

Một hôm nọ, *Ngài Trưởng-lão Anuruddha* bay lên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, nhìn thấy vị thiên-nữ bạn thân của đại cận-sự-nữ Visākhā nên hỏi rằng:

- Này thiên-nữ! Cô có thân hình rất xinh đẹp, hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi phương hướng, như ngôi sao sáng trên hư không, có các tiếng nhạc trời réo rắt, có hương trời tỏa ra quanh cô.

- Này thiên-nữ! Tiền-kiếp của cô khi ở cõi người, cô đã tạo đại-thiện-nghiệp như thế nào, mà nay kiếp hiện-tại này là vị thiên-nữ có nhiều oai lực như vậy?

Nghe *Ngài Trưởng-lão Anuruddha* hỏi như vậy, vị thiên-nữ hoan-hỷ bạch với *Ngài Trưởng-lão* rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, tiền-kiếp của con, khi ở cõi người, con là người bạn thân của đại cận-sự-nữ Visākhā. Đại cận-sự-nữ Visākhā cho xây dựng một ngôi chùa Pubbārāma đồ sộ nguy nga như lâu đài, làm lễ dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương có Đức-Phật chủ trì.

Con nhìn thấy ngôi chùa Pubbārāma đồ sộ nguy nga được dâng cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng mà con kính trọng, nên con phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ phước-thiện bố-thí cúng dường ấy.

Khi ấy, đại cận-sự-nữ Visākhā vô cùng hoan-hỷ nói với chúng con, bạn của bà rằng:

"- Này các bạn gái thân mến! Tôi đã cho xây dựng ngôi chùa Pubbārāma đồ sộ như một lâu đài nguy nga thế này, đã kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương có Đức-Phật chủ trì, nên đã tạo được phước-thiện bố-thí lớn này.

Tôi xin thành tâm chia phần phước-thiện này đến cho quý bạn. Xin quý bạn nên phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí này".

Khi ấy, con là một trong nhóm bạn của đại cận-sự-nữ Visākhā, con phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ nói lên lời hoan-hỷ rằng:

"Aho, sādhu! Aho, sādhu!""A-hô, lành thay! A-hô, lành thay!" với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, sau khi tiền-kiếp của con chết, đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí của đại cận-sự-nữ Visākhā ấy cho quả tái-sinh làm thiên-nữ trong lâu đài đồ sộ nguy nga tráng lệ tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên này. Con có ánh sáng hào quang sáng ngời tỏa ra khắp mọi phương hướng, các thiên-nữ khác hầu hạ đàn ca múa hát. Xung quanh lâu đài có các nhạc trời réo rắt, các hương trời tỏa ra thơm tho, có hồ nước lớn với nhiều loại hoa sen, hoa súng xinh đẹp, có khu vườn với nhiều loại cây có quả quanh năm, suốt tháng.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, tất cả những gì mà con đang hưởng trong kiếp hiện-tại thiên-nữ này, đó là quả báu của phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí của đại cận-sự-nữ Visākhā, mà trong tiền-kiếp của con đã nói lên lời hoan-hỷ trong lễ dâng cúng dường ngôi chùa Pubbārāma đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tứ phương có Đức-Phật chủ trì.

Nghe vị thiên-nữ bạch về tiền-kiếp của cô đã phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí của đại cận-sự-nữ Visākhā, nên kiếp hiện-tại là vị thiên-nữ như vậy.

Ngài Trưởng-lão Anuruddha hỏi về *đại cận-sự-nữ Visākhā* sinh cõi trời nào rằng:

- Này thiên-nữ! Cô có được những quả báu của đại-thiện-nghiệp đáng hài lòng này là nhờ phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí của đại cận-sự-nữ Visākhā.

Vậy, xin cô nói cho biết, sau khi đại cận-sự-nữ Visākhā chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi trời dục-giới nào?

Vị thiên-nữ bạch với *Ngài Trưởng-lão Anuruddha* rằng

*- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, sau khi đại cận-sự-nữ Visākhā là bạn thân của con chết, đại-thiện-nghiệp cho quả hoá-sinh làm **vị thiên-nữ Visākhā**, trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu của **Đức-vua trời Sunimmita** trên cõi trời Nimmānaratī (Hóa-lạc-thiên). Còn các quả báu của đại-thiện-nghiệp của đại cận-sự-nữ Visākhā thì con không thể nào biết được.*

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con đã bạch cho Ngài biết, sau khi đại cận-sự-nữ Visākhā chết, đại-thiện-nghiệp cho quả hóa-sinh làm vị thiên-nữ trong cõi trời Nimmānaratī là đúng sự thật vậy.

Vấn: *Vị thiên-nữ cõi trời Tam-thập-tam-thiên biết vị thiên-nữ Visākhā cõi trời Hóa-lạc-thiên bằng cách nào?*

Đáp: *Vị thiên-nữ Visākhā từ cõi trời Hóa-lạc-thiên hiện xuống thăm vị thiên-nữ cõi trời Tam-thập-tam-thiên nói cho biết về cõi trời của mình.*

Khi ấy, cô thiên-nữ bạch thỉnh cầu Ngài Trưởng-lão Anuruddha rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, khi Ngài trở lại cõi người, kính xin Ngài khuyên dạy mọi người nên có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tạo phước-thiện bố-thí đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, nên lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, bởi vì:

"Sudullabho laddho manussalābho, ..."
Được sinh làm kiếp người là điều khó lắm, ...

Đã được làm người rồi, thật vô cùng diễm phúc gặp thời-kỳ Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian, Đức-Pháp-bảo, và Đức-Tăng-bảo đã xuất hiện trên thế gian. Xin quý vị phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, cố gắng tạo mọi phước-thiện bố-thí, cúng dường đến chư Thánh-Tăng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, có 4 bậc Thánh-nhân là phước điền cao thượng của chúng-sinh không đâu sánh được.

Cho nên, những thí-chủ nào tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường những thứ vật dụng cần thiết đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, dù ít, dù nhiều, chắc chắn những thí-chủ ấy được phước-thiện bố-thí lớn lao vô lượng, có quả báu lớn lao vô lượng, cũng ví như nước biển đại dương không thể biết được số lượng nhiều bao nhiêu.

Sau khi những thí-chủ ấy chết, đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Vị thiên-nữ đã hưởng được mọi quả báu thật đáng hài lòng của *phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí*

của đại cận-sự-nữ Visākhā, nên cô nhắn lời khuyên bảo mọi người nên có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, nên tạo phước-thiện bố-thí những thứ vật dụng cần thiết đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để có được nhiều phước-thiện vô lượng, có quả báu cũng vô lượng, được hưởng sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, đặc biệt còn làm duyên lành để giải thoát khỏi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Đức-vua trời Sakka bạch hỏi 4 câu hỏi

Một thuở nọ, *Đức-Thế-Tôn* ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, *Đức-vua trời Sakka* ngự cùng đoàn chư-thiên đông đảo đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn. Đức-Thế-Tôn truyền hỏi Đức-vua trời Sakka rằng:

- Này Thiên-vương! Do nhân nào mà Thiên-vương ngự đến cùng với đoàn chư-thiên đông đảo như vậy?

Đức-vua trời Sakka bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, toàn thể chư-thiên hội họp, đàm đạo với nhau có đặt ra 4 câu hỏi mà suốt 12 năm qua không một vị nào có khả năng giải đáp được.

Đó là nguyên nhân mà con ngự cùng với đoàn chư-thiên đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn như thế này.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có 4 câu hỏi:

1- Trong tất cả các sự bố-thí, bố-thí nào? Bậc thiện-trí gọi là bố-thí cao thượng nhất.

2- Trong tất cả các loại vị, thứ vị nào? Bậc thiện-trí gọi là thứ vị cao thượng nhất.

3- Trong tất cả các sự hỷ-lạc, hỷ-lạc nào? Bậc thiện-trí gọi là sự hỷ lạc cao thượng nhất.

4- Sự diệt tận mọi tham-ái, tại sao? Bậc thiện-trí gọi là cao thượng nhất.

Nghe Đức-vua trời Sakka bạch hỏi 4 câu hỏi như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Thiên-vương! Như-Lai đã tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, đã trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cốt để giải đáp mọi thắc mắc của tất cả chúng-sinh như Thiên-vương bây giờ.

Xin Thiên-vương lắng nghe Như-Lai giải đáp:

*1- Trong tất cả các sự bố-thí, thì **pháp-thí** là sự bố-thí cao thượng nhất.*

*2- Trong tất cả loại vị, thì **pháp-vị** là vị cao thượng nhất.*

*3- Trong tất cả các sự hỷ-lạc, thì **pháp-hỷ-lạc** là cao thượng nhất.*

4- Sự diệt tận mọi tham-ái là cao thượng thật sự, bởi vì trở thành bậc Thánh A-ra-hán giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Phật thuyết câu kệ Dhammapadagāthā số 354:

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.
Sabbarasaṃ dhammaraso jināti.
Sabbaratiṃ dhammaratiṃ jināti.
Taṇhakkhayo sabbadukkhaṃ jināti."[1]

***Pháp-thí** là cao thượng hơn tất cả mọi sự bố-thí.*
***Pháp-vị** là cao thượng hơn tất cả mọi thứ vị.*
***Pháp-hỷ-lạc** là cao thượng hơn tất cả mọi sự hỷ-lạc.*
*Sự **diệt tận mọi tham-ái**, trở thành bậc Thánh A-ra-hán là cao thượng thật sự, vì giải thoát mọi sự khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Sakkapañhavatthu.

Giảng Giải:

** **Sabbadāna**: tất cả mọi sự bố-thí:*

Sự bố-thí cúng dường những tấm y quý giá, những vật thực ngon lành, những chỗ ở đầy đủ tiện nghi, những thuốc trị bệnh hay, v.v... thuộc về *āmisadāna*. Sự bố-thí cúng dường các vật thí này đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, đến Đức-Phật Độc-Giác, đến chư Thánh Thanh-văn-giác,… những phước-thiện bố-thí đều thuộc về *āmisadāna*, các vật thí này sẽ cho quả báu có nhiều của cải đầy đủ, giàu sang phú quý trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

** **Dhammadāna**: pháp-thí* là *bố-thí chánh-pháp của Đức-Phật* đó là *thuyết dạy chánh-pháp, đàm đạo chánh-pháp, sự ấn hành sách học chánh-pháp, phân phát sách dạy chánh-pháp*, … đều gọi là *dhammadāna: pháp-thí.*

Chánh-pháp có 10 pháp là:

- Pháp-học chánh-pháp đó là học *Tam-tạng Pāḷi*.

- 9 pháp siêu-tam-giới đó là *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

***Dhammadāna**: pháp-thí* là bố-thí các chánh-pháp của Đức-Phật là nhân phát sinh các loại trí-tuệ như:

*- Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của các sắc-pháp, danh-pháp.*

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

*- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không

còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vì vậy, tất cả mọi sự bố-thí thuộc về *āmisadāna, các vật thí* dù nhiều đến bao nhiêu cũng không thể sánh với *dhammadāna: pháp-thí* được.

Thật vậy, thí-chủ tạo phước-thiện *bố-thí* thuộc về *āmisadāna* chỉ có thể giúp cho người thọ-thí bớt khổ trong kiếp hiện-tại, được sự an-lạc có giới hạn mà thôi.

Còn *bậc thiện-trí* tạo phước-thiện *bố-thí* thuộc về ***dhammadāna*** dù chỉ một bài kệ gồm có 4 câu, mà người hiểu biết rõ ý nghĩa bài kệ ấy, rồi thực-hành đúng theo chánh-pháp cũng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Thật vậy, như trường hợp *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* vốn là *bậc đại-trí-tuệ*, khi Ngài còn là tu-sĩ tên *Upatissa* đệ-tử của vị Đạo-sư ngoại đạo Sañcaya, tu-sĩ *Upatissa* không thể tự chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Đến khi *tu-sĩ Upatissa nghe Ngài Trưởng-lão Assaji thuyết dạy bài kệ gồm có 4 câu, mới nghe 2 câu đầu, tu-sĩ Upatissa liền chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

Cho nên, ***pháp-thí*** *là cao thượng hơn tất cả mọi sự thí.*

* ***Sabbarasa****: tất cả mọi thứ vị* đó là các thứ vị ngon của các món ăn, thức uống của con người, hoặc của chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, …Tất cả mọi thứ vị ngon bổ dưỡng ấy làm nhân-duyên cho chúng-sinh dễ phát sinh tâm tham-ái trong vị (rasataṇhā), say đắm trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

* ***Dhammarasa****: pháp-vị* đó là *vị của chánh-pháp 37 pháp* gọi là *bodhipakkhiyadhamma* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, gọi là *9 pháp siêu-tam-giới*, diệt tận được mọi tham-ái, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Phật dạy rằng:

"Seyyathāpi Pahārāda, mahāsamuddo ekaraso loṇaraso. Evamevaṃ kho Pahārāda, ayaṃ dhammavinayo ekaraso vimuttiraso.

Ayampi Pahārāda, ayaṃ dhammavinayo ekaraso vimuttiraso,… [(1)]*"*

- Này Pahārāda! Như đại dương chỉ có vị duy nhất là vị mặn mà thôi.

*- Này Pahārāda! Cũng như vậy, pháp và luật này của Như-Lai chỉ có vị duy nhất là "**vị giải-thoát-khổ**" mà thôi.*

Cho nên, *dhammarasa pháp-vị đó là* ***vimuttirasa****: vị giải-thoát-khổ là vị cao thượng hơn tất cả mọi thứ vị.*

* ***Sabbarati****: tất cả mọi thọ hỷ-lạc* là thọ hỷ-lạc trong của cải, trong danh vọng, trong con cái thành đạt, trong các trò chơi trong đời. Tất cả mọi thọ hỷ-lạc ấy làm nhân-duyên để cho chúng-sinh dễ phát sinh tâm *tham-ái trong thọ hỷ-lạc*, say đắm trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

* ***Dhammarati:*** *pháp-lạc* như hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ niệm-xứ* trong *phần thọ-lạc niệm-xứ*, hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có *đối-tượng thiền-tuệ là thọ-lạc (sukhavedanā) thuộc về danh-pháp, trí-tuệ thiền-*

[1] Bộ Aṅguttaranikāya, phần Aṭṭhakanipāta, Pahārādasutta.

tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** *của danh-pháp (thọ-lạc), trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của danh-pháp (thọ lạc) ấy, thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp (thọ lạc), sắc-pháp ấy* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán hưởng an-lạc tịch tịnh Niết-bàn.*

"Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ".

Niết-bàn là pháp an-lạc tuyệt đối, bởi vì hoàn toàn không còn có khổ nữa.

Đến khi hết tuổi thọ, *bậc Thánh A-ra-hán tịch diệt Niết-bàn*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Cho nên, *Niết-bàn là pháp an-lạc là cao thượng hơn tất cả mọi sự hỷ-lạc trong đời.*

* ***Taṇhakkhaya****: Diệt tận được tham-ái thì chỉ có* ***4 Thánh-đạo-tuệ*** *mới có khả năng đặc biệt diệt tận được tham-ái mà thôi. Mỗi bậc Thánh-đạo-tuệ diệt tận được tham-ái theo khả năng mỗi Thánh-đạo-tuệ.*

- ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** *có khả năng diệt tận được* ***tham-ái*** *trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.*

Cho nên, bậc Thánh Nhập-lưu ấy vĩnh viễn không còn khổ tái-sinh trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh) nữa, mà chỉ còn tái-sinh trong 7 cõi thiện-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa.

Đến kiếp thứ 7, bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn sẽ diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới .

*- **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **tham-ái loại thô** trong cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến.*

Cho nên, bậc Thánh Nhất-lai chỉ còn tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc cõi trời dục-giới một kiếp duy nhất nữa mà thôi.

Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhất-lai ấy chắc chắn sẽ diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **tham-ái loại vi-tế** trong cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến.*

Cho nên, bậc Thánh Bất-lai không còn tái-sinh trở lại trong cõi dục-giới, mà chỉ còn tái-sinh trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên. Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai ấy chắc chắn sẽ diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót nữa, trở thành bậc Thánh A-ra-hán rồi tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới .

*- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **tham-ái còn lại** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.*

Cho nên, bậc Thánh A-ra-hán đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

***Taṇhakkhaya**: diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót thì chắc chắn là bậc Thánh A-ra-hán.*

***Sabbadukkha**: tất cả mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới đều không còn nữa, bởi vì bậc Thánh A-*

ra-hán tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Cho nên, sự diệt tận được mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán là cao thượng thật sự, vì giải thoát khỏi mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-vua trời Sakka thỉnh cầu Đức-Phật ban phước

Sau khi Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài kệ như vậy, Đức-vua trời Sakka đảnh lễ Đức-Thế-Tôn bạch rằng:

"Bhante evaṃ jeṭṭhake nāma dhammadāne kimatthaṃ amhākaṃ pattiṃ na dāpetha, ito paṭṭhāya no bhikkhu-saṃghassa kathetvā pattiṃ dāpetha Bhante."[1]

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phước-thiện pháp-thí là cao thượng hơn tất cả mọi phước-thiện bố-thí khác như vậy. Đức-Thế-Tôn không truyền bảo chư tỳ-khưu-Tăng ban phần phước-thiện pháp-thí cao thượng ấy cho chúng con.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, từ nay về sau, kính xin Ngài truyền bảo chư tỳ-khưu-Tăng ban phần phước-thiện pháp-thí cao thượng ấy cho chúng con. Bạch Ngài.

Nghe lời thỉnh cầu của *Đức-vua trời Sakka* như vậy, nên Đức-Thế-Tôn truyền dạy chư Đại-đức tỳ-khưu rằng:

"Bhikkhave, Ajjādiṃ katvā mahādhammassavanaṃ vā pākatikadhammassavanaṃ vā upanisinnakathaṃ vā antamaso anumodanampi kathetvā sabbasattānaṃ pattiṃ dadeyyātha."

- Này chư tỳ-khưu! Từ nay về sau, các con nghe chánh-pháp nhiều hoặc nghe chánh-pháp thường ngày hoặc ngồi đàm đạo chánh-pháp, dù ít nhất nói lời hoan-

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Sakkapañhavatthu.

hỷ, thì các con cũng nên ban phần phước-thiện pháp-thí cao thượng ấy đến cho tất cả chúng-sinh.

Như vậy, ***pattidānakusala,*** *phước-thiện hồi-hướng (biếu, dâng, phân phát) phần phước-thiện của mình đến cho người khác, và* ***pattānumodanakusala****, phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác biếu cho (dâng cho, phân phát cho) đến mình* có liên quan với nhau.

* Nếu người thí-chủ nào đã tạo *phước-thiện bố-thí (dānakusala),* rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho tất cả chúng-sinh, thì người thí-chủ ấy có thêm được *phước-thiện hồi-hướng (pattidānakusala).*

* Và nếu chúng-sinh nào phát sinh *đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác đã hồi-hướng đến cho mình,* thì chúng-sinh ấy có được *phước-thiện hoan-hỷ nhận phần phước-thiện của người khác (pattānumodanākusala).*

Cho nên, nếu người nào đã tạo *phước-thiện nào rồi,* nên hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho nhiều chúng-sinh khác, thì người ấy càng làm tăng thêm được nhiều *phước-thiện hồi-hướng nữa.*

Cũng ví như người có ngọn đèn đang cháy sáng, rồi cho nhiều người mồi thắp sáng nhiều cây đèn khác, thì ánh sáng đèn của mình không giảm mà còn làm cho ánh sáng lan toả rộng thêm nữa.

Cũng như vậy, người nào đã tạo phước-thiện nào rồi, người ấy nên hồi-hướng phần phước-thiện ấy đến cho tất cả mọi chúng-sinh, thì làm cho phước-thiện ấy của mình càng thêm xán lạn.

(Xong phần phước-thiện hồi-hướng, phước-thiện hoan-hỷ)

8- PHƯỚC-THIỆN NGHE-PHÁP (Dhammassavana)

Dhammassavanakusala: Phước-thiện nghe-pháp

Định nghĩa Dhammassavana:

"Dhammaṃ suṇanti etenā'ti dhammassavanaṃ."

Những người nghe chánh-pháp gọi là dhammassavana, đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm có yonisomanasikāra sự hiểu biết trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp.

Nghe chánh-pháp

Nghe chánh-pháp có 2 hạng người:

1- Hạng người nào nghe chánh-pháp với ý nghĩ rằng:

"Nếu ta thường nghe chánh-pháp, hiểu được chánh-pháp, rồi thuyết giảng được chánh-pháp thì nhiều người tán dương ca tụng ta là người hiểu biết chánh-pháp."

Như vậy, hạng người ấy nghe chánh-pháp có phước-thiện nghe-pháp không nhiều, có quả báu không nhiều.

2- Hạng người nào nghe chánh-pháp với ý nghĩ rằng:

"Ta thường nghe chánh-pháp, học hỏi hiểu biết rõ chánh-pháp, biết phân biệt phước-thiện với tội-lỗi, thiện-pháp với ác-pháp, thiện-nghiệp với ác-nghiệp, tà-kiến với chánh-kiến, pháp nên thực-hành với pháp không nên thực-hành, v.v... nên từ bỏ tà-pháp, rồi thực-hành theo chánh-pháp, để được sự tiến hóa trong mọi thiện-pháp từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai."

Như vậy, hạng người ấy nghe chánh-pháp được nhiều *phước-thiện nghe-pháp (dhammassavanakusala),* có nhiều quả báu của phước-thiện nghe chánh-pháp.

Nghe chánh-pháp là 1 trong 5 điều khó có được , nên Đức-Phật hằng ngày thường nhắc nhở, khuyên nhủ các hàng thanh-văn đệ-tử rằng:

"Appamādena bhikkhave sampādetha,
Buddhuppādo dullabho lokasmiṃ,
Manussattabhāvo dullabho,
Dullabhā saddhāsampatti,
Pabbajitabhāvo dullabho,
Saddhammassavanaṃ dullabhaṃ.
Evaṃ divase divase ovadati."

Đức-Thế-Tôn hằng ngày thường khuyên nhủ, nhắc nhở chư tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ rằng:

- Này chư tỳ-khưu! (tỳ-khưu-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ)! Các con nên cố gắng tinh-tấn hoàn thành mọi phận sự tứ Thánh-đế, bằng pháp không để duôi, thực-hành pháp-hành tứ niệm-xứ.

** Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian là một điều khó được.*
** Sinh làm người là một điều khó được.*
** Có đức-tin đầy đủ là một điều khó được.*
** Xuất-gia trở thành tỳ-khưu là một điều khó được.*
** Nghe chánh-pháp là điều khó được.*

Đó là 5 điều khó được mà người nào đã có được điều nào thì thật là hy hữu, nên trân trọng.

Thật vậy, khi nào *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* xuất hiện trên thế gian, khi ấy Đức-Phật thuyết pháp giảng dạy chánh-pháp, các chúng-sinh mới có cơ hội tốt, có duyên lành được nghe *chánh-pháp*.

* Trong ***6 ân-đức Pháp-bảo***, chánh-pháp mà Đức-Phật thuyết giảng chánh-pháp có 10 pháp là:

- Pháp-học chánh-pháp (pariyatti saddhamma).

- 9 pháp siêu-tam-giới (navalokuttaradhamma) đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

* Trong *kinh* ***Mahāparinibbānasutta***[1] *(kinh Đại-Niết-Bàn)*, phần *Ānandayācanakathā*, Đức-Phật truyền dạy *bodhipakkhiyadhamma* gồm có 37 pháp giúp duy trì chánh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Bodhipakkhiyadhamma gồm có 37 pháp là:

*** 4 pháp niệm-xứ** (Satipaṭṭhāna):

1) Thân niệm-xứ. 2) Thọ niệm-xứ.
3) Tâm niệm-xứ. 4) Pháp niệm-xứ.

*** 4 pháp-tinh-tấn** (Samappadhāna):

1) Tinh-tấn ngăn các ác-pháp chưa phát sinh, không cho phát sinh.
2) Tinh-tấn diệt ác-pháp đã phát sinh.
3) Tinh-tấn làm cho thiện-pháp phát sinh.
4) Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã phát sinh.

*** 4 pháp thành-tựu** (Idhipāda):

1) Thành-tựu do hài lòng. 2) Thành-tựu do tinh-tấn.
3) Thành-tựu do quyết-tâm. 4) Thành-tựu do trí-tuệ.

*** 5 pháp-chủ** (Indriya):

1) Tín-pháp-chủ. 2) Tấn-pháp-chủ.
3) Niệm-pháp-chủ. 4) Định-pháp-chủ.
5) Tuệ-pháp-chủ.

---

[1] Dī. Mahāvaggapāḷi, kinh Mahāparinibbānasuttapāḷi.

*** 5 pháp-lực** (Bala):

1) Tín-pháp-lực. 2) Tấn-pháp-lực.
3) Niệm-pháp-lực. 4) Định-pháp-lực.
5) Tuệ-pháp-lực.

*** 7 pháp giác-chi** (Bojjhaṅga):

1) Niệm-giác-chi. 2) Phân-tích giác-chi.
3) Tinh-tấn giác-chi. 4) Hỷ-giác-chi.
5) Tịnh-giác-chi. 6) Định-giác-chi.
7) Xả-giác-chi.

*** 8 pháp chánh-đạo** (Magga):

1) Chánh-kiến. 2) Chánh-tư-duy.
3) Chánh-ngữ. 4) Chánh-nghiệp.
5) Chánh-mạng. 6) Chánh-tinh-tấn.
7) Chánh-niệm. 8) Chánh-định.

Đó là 37 pháp dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Chư Bồ-tát thanh-văn-giác nghe chánh-pháp

Chư Bồ-tát thanh-văn-giác (sāvakabodhisatta) gồm có *2 vị Bồ-tát Tối-Thượng thanh-văn-giác (Aggasāvaka-bodhisatta), chư vị Bồ-tát Đại-thanh-văn-giác (Mahā-sāvakabodhisatta), chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác bậc thường (pakatisāvakabodhisatta)* nếu không có cơ hội nghe chánh-pháp thì chắc chắn không thể tự *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn được.*

Thật vậy, tiền-kiếp của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đã từng phát nguyện muốn trở thành *bậc Thánh Tối-Thượng thanh-văn-giác bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất, và đã được Đức-Phật Anomadassī thọ ký tiền-kiếp của Ngài Đại-Trưởng-lão sẽ trở thành bậc Thánh Tối-*

Thượng thanh-văn-giác bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sāriputta* là *vị-Bồ-tát Tối-Thượng Thanh-văn-giác* đã tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ từ thời-kỳ *Đức-Phật Anomadassī* xuất hiện trên thế gian cho đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian có khoảng cách thời gian suốt 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, trải qua 19 Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian, đó là *Đức-Phật Anomadassī, Đức-Phật Paduma, Đức-Phật Nārada, Đức-Phật Padumuttara, Đức-Phật Sumedha, Đức Phật Sujāta, Đức-Phật Piyadassī, Đức-Phật Atthadassī, Đức-Phật Dhammadassī, Đức-Phật Siddhattha, Đức-Phật Tissa, Đức-Phật Phussa, Đức-Phật Vipassī, Đức-Phật Sikhī, Đức-Phật Vessabhū, Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana, Đức-Phật Kassapa và Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian.

Tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sāriputta* là *vị-Bồ-tát Tối-Thượng Thanh-văn-giác* đã tạo đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, để trở thành *bậc Thánh Tối-Thượng Thanh-văn-giác bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng thanh văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian,* khi ấy, kiếp chót của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là vị Bồ-tát Tối-Thượng thanh-văn-giác bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất,* sinh làm con của bà Sārī (con gái của ông trưởng-giả) trong xóm nhà Upatissa gần kinh-thành Rājagaha. Bà Sārī đặt tên con là Upatissa.

Công-tử Upatissa có người bạn thân là ***công-tử Kolita*** cùng nhau đi chơi hội mà không cảm thấy vui, phát sinh động tâm về cuộc đời là khổ, nên hai người bạn bàn bạc

cùng nhau xuất gia tìm con đường giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

Thời ấy, trong kinh-thành Rājagaha, vị đạo-sư nổi tiếng *Sañcaya* là đạo trưởng phái ngoại đạo lớn có nhiều đệ-tử, công-tử Upatissa và công-tử Kolita cùng nhóm thuộc hạ đến xin xuất gia trở thành đệ-tử của vị đạo-sư Sañcaya.

Sau khi xuất gia được 2 - 3 ngày, hai vị *tu-sĩ Upatissa và tu-sĩ Kolita* đã học thông hiểu phần lý thuyết của vị đạo-sư Sañcaya và không còn gì để học nữa.

Hai vị tu-sĩ Upatissa và Kolita bàn luận với nhau về phần lý thuyết của *vị đạo-sư Sañcaya* chỉ là rỗng tuếch mà thôi, chắc chắn không phải là con đường giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

Hai vị tu-sĩ nhận thức đúng đắn rằng: *"Lời dạy của vị đạo-sư Sañcaya không phải là pháp dẫn đến giải thoát khổ tử sinh luân-hồi"*.

Còn pháp thực-hành dẫn đến giải thoát khổ tử sinh luân-hồi thì 2 vị tu-sĩ hoàn toàn không biết, nên 2 vị tu-sĩ giao ước với nhau rằng:

"Hai chúng ta nếu người nào tìm được vị thầy chỉ dạy pháp-hành chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trước tiên, thì người ấy cho người kia biết."

Sau khi giao ước xong, mỗi người chọn một con đường đi tìm Thầy.

Khi ấy, *Đức-Phật ngự đến kinh-thành Rājagaha* cùng nhóm chư Thánh thanh-văn đệ-tử vào *ngày mồng một tháng giêng*. ***Tu-sĩ Upatissa*** đi vào kinh-thành Rājagaha, nhìn thấy ***Ngài Trưởng-lão Assaji*** *là bậc Thánh A-ra-hán* còn trẻ đang đi khất thực với cử chỉ cẩn trọng trong các giác quan thanh-tịnh, *tu-sĩ Upatissa* phát sinh đức-

tin trong sạch nơi *Ngài Trưởng-lão Assaji*, nên đi theo hộ độ *Ngài Trưởng-lão*.

Sau khi *Ngài Trưởng-lão* độ vật thực xong, *tu-sĩ Upatissa* cung-kính đảnh lễ, chắp tay bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Ngài có cử chỉ cẩn trọng trong các giác quan thanh-tịnh, có gương mặt trong sáng thật đáng tôn kính.

- Kính bạch Ngài, Ngài xuất gia với Đức Tôn-Sư nào? Đức Tôn-Sư của Ngài là Bậc nào?

Ngài đã thực-hành theo chánh-pháp của Đức Tôn-Sư như thế nào?

Ngài Trưởng-lão Assaji đáp rằng:

- Này hiền giả! Tôi xuất gia với Đức-Phật Gotama, xuất thân từ dòng dõi Sakya. Vị Tôn-Sư của tôi là Đức-Phật Gotama. Tôi đã thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật Gotama ấy.

Tu-sĩ Upatissa bạch hỏi tiếp rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, giáo-pháp của Đức-Phật Gotama là Đức Tôn-Sư của Ngài thuyết dạy như thế nào?

- Kính xin Ngài Trưởng-lão thuyết dạy cho con nghe chánh-pháp ấy.

Ngài Trưởng-lão Assaji thuyết dạy rằng:

- Này hiền giả! Giáo-pháp của Đức-Phật Gotama rộng lớn mênh mông, vô cùng sâu sắc và vi-tế, tôi là vị tỳ-khưu trẻ mới xuất gia chưa hiểu biết nhiều, tôi chỉ có thể chỉ dạy tóm tắt ngắn gọn mà thôi.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con là tu-sĩ Upatissa, kính xin Ngài thuyết-pháp chỉ dạy dù nhiều dù ít cũng tốt đối với con.

Ngài Trưởng-lão Assaji thuyết bài kệ rằng:

"Ye dhammā hetuppabhavā, tesaṃ hetuṃ Tathāgato āha.
Tesañca yo nirodho, evaṃ vādī mahāsamaṇo."[1]

- Này hiền giả! Những pháp ngũ-uẩn nào là pháp khổ-đế đều sinh từ tham-ái, nhân sinh khổ-đế ấy.

Đức-Phật thuyết dạy tham-ái, và thuyết dạy Niết-bàn diệt tham-ái.

Đức-Phật Gotama bậc Đại Sa-môn thường thuyết dạy chân-lý tứ Thánh-đế như vậy.

Trong khi lắng nghe *Ngài Trưởng-lão Assaji* thuyết bài kệ tóm tắt về chân-lý tứ Thánh-đế gồm có 4 câu, ***tu-sĩ Upatissa*** vốn là *vị Bồ-tát Tối-Thượng thanh-văn-giác bên phải có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất,* nên vừa nghe hai câu đầu của bài kệ, *tu-sĩ Upatissa liền* ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế****, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu,*** *trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama ngay tại nơi ấy.*

Sau khi trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu, tu-sĩ Upatissa* cung-kính đảnh lễ Ngài Trưởng-lão Assaji, rồi xin phép trở về tìm bạn thân là *tu-sĩ Kolita*.

Tu-sĩ Upatissa thuyết lại bài kệ này cho *tu-sĩ Kolita* nghe, sau khi nghe xong, *tu-sĩ Kolita liền* ***chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,*** *chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành* ***bậc Thánh Nhập-lưu****, trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

Khi ấy, *tu-sĩ Upatissa và tu-sĩ Kolita* dẫn nhóm học trò 250 vị tu-sĩ của vị đạo-sư Sañcaya đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama. Đức-Phật cho phép xuất gia bằng cách gọi *"Etha bhikkhavo!"*...

---

[1] Vinayapiṭaka, bộ Mahāvagga, phần Sāriputtamoggallāna pabhajjākathā.

Tu-sĩ Upatissa và *tu-sĩ Kolita* cùng nhóm học trò đều trở thành tỳ-khưu. Từ đó, *tỳ-khưu Upatissa được gọi là vị Đại-Trưởng-lão Sāriputta và tỳ-khưu Kolita được gọi là vị Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna.*

Đức-Phật thuyết-pháp tế độ nhóm tỳ-khưu ấy, tất cả 250 vị tỳ-khưu đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán,* chỉ trừ *2 vị Đại-Trưởng-lão Sāriputta và vị Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* chưa chứng đắc thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

Sau khi trở thành tỳ-khưu được 7 ngày, *vị Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* chứng đắc thành *bậc Thánh A-ra-hán cùng các phép thần thông xuất sắc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Và sau khi trở thành tỳ-khưu được 15 ngày, *vị Đại-Trưởng-lão Sāriputta* chứng đắc thành *bậc Thánh A-ra-hán có trí-tuệ sâu sắc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.*

Tuyên dương ngôi vị Tối-thượng thanh-văn

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthi, khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự giữa chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, truyền dạy rằng:

"Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ mahāpaññānaṃ yadidaṃ Sāriputto."

- Này chư tỳ-khưu! Sāriputta là bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có đại-trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.

"Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ iddhimantānaṃ yadidaṃ Mahāmoggallāno."

- Này chư tỳ-khưu! Mahāmoggallāna là bậc Thánh Tối-Thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có các phép thần thông xuất sắc bậc nhất, trong hàng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.

Hai Ngài Đại-Trưởng-lão đã thành tựu được ý nguyện của mình, đúng như *Đức-Phật Anomadassī* quá khứ đã thọ ký.

Đối với *các hàng Bồ-tát Thanh-văn-giác*, dù là bậc nào cũng cần phải *lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mới có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh thanh-văn-giác* được.

Cho nên, đối với tất cả các hàng *bồ-tát thanh-văn-giác* đều cần phải nghe *chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mới có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn trở thành bậc Thánh-nhân trong giáo-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Nếu *vị bồ-tát thanh-văn-giác nào* không có cơ hội, không có duyên lành nghe *chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, thì chắc chắn *vị bồ-tát thanh-văn-giác ấy* không thể tự mình *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thể chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn*, không thể trở thành *bậc Thánh-nhân được.*

Đức-bồ-tát kiếp chót không nghe chánh-pháp

Đức-Bồ-tát không cần nghe chánh-pháp mà có khả năng tự mình *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán*, thì chỉ có 2 Đức-Bồ-tát kiếp chót mà thôi, đó là

Kiếp chót của* ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* không

có thầy chỉ dạy, tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt mọi tiền-khiên-tật (vāsanā) đã tích-luỹ từ vô số kiếp quá-khứ, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh* gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** độc nhất vô nhị trên toàn cõi giới chúng-sinh.

* Và ***chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác*** *kiếp chót*, mỗi Vị cũng đều không có thầy chỉ dạy, tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, gọi là* ***Đức-Phật Độc-Giác****, bởi vì Đức-Phật Độc-Giác không thuyết-pháp chỉ dạy chúng-sinh khác chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y như Ngài đã chứng ngộ.*

Đức-Phật Độc-Giác *có nhiều Vị* trong cùng thời-kỳ.

Tuy nhiên chư ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác*** và ***chư Đức-Bồ-tát Độc-Giác*** nếu chưa phải là kiếp chót thì vẫn còn phải nghe chánh-pháp của *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* để bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.

Cho nên, ***phước-thiện nghe chánh-pháp*** là phước-thiện tối ư thiết yếu không chỉ đối với các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, mà còn *loài súc-sinh* cũng có thể đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai. Ví dụ:

Như ***tích Maṇḍūkadevaputta***[1] *(Chư-thiên ếch)*, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự đến bờ hồ Gaggarā thuyết-pháp tế độ dân chúng Campā. *Một con ếch nhảy lên bờ hồ, nằm nghe giọng phạm âm của Đức-Thế-Tôn với đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.* Khi ấy, một người chăn bò đứng đằng sau, lắng nghe-pháp, tay cầm cây nhọn, vô ý cắm xuống đất đụng phải đầu con ếch đang nằm lắng nghe giọng phạm âm của Đức-Thế-Tôn với đức-tin trong sạch, con ếch chết ngay khi ấy.

Con ếch sau khi chết, đại-thiện-nghiệp lắng nghe giọng phạm âm của Đức-Thế-Tôn ấy cho quả tái-sinh kiếp sau liền hóa sinh làm *vị thiên-nam Maṇḍūka* trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên trong một lâu đài bằng vàng nguy nga tráng lệ, có các thiên-nữ hầu hạ.

Vị thiên-nam Maṇḍūka suy xét rằng: *Ta từ đâu đến hóa-sinh làm vị thiên-nam tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên này?*

Vị thiên-nam Maṇḍūka nhớ lại tiền-kiếp mình là loài ếch, sống dưới hồ Gaggarā, nhảy lên bờ nằm lắng nghe giọng phạm âm thuyết-pháp của Đức-Phật với đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch.

Sau khi kiếp con ếch ấy chết, nhờ *đại-thiện-nghiệp nghe-pháp ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nam Maṇḍūka* tại cõi trời này.

Thấy rõ Đức-Thế-Tôn đang còn thuyết-pháp tại gần bờ hồ Gaggarā, *vị thiên-nam Maṇḍūka* quyết định hiện xuống hầu đảnh lễ Đức-Phật, còn đem theo lâu đài bằng vàng cùng các vị thiên-nữ, có hào quang sáng ngời, đảnh lễ dưới hai bàn chân của Đức-Thế-Tôn.

---

[1] Khuddkanikāya, Vimānavatthu, tích Maṇḍūkadevaputtavimānavatthu.

Đức-Thế-Tôn biết rõ, nhưng muốn cho các hàng thanh-văn đệ-tử thấy rõ *phước-thiện nghe chánh-pháp và quả báu của phước-thiện nghe chánh-pháp*, nên Đức-Phật hỏi *vị chư-thiên Maṇḍūka* rằng:

"Ko me vandāti padāni, iddhiyā yasasā jalaṃ.
Abhikkantena vaṇṇena, sabbā obhāsayaṃ disā…"

- Này thiên-nam! Ngươi là ai đến đây?
Có thân hình đẹp hào quang sáng ngời,
Tỏa ra mọi hướng, có nhiều oai lực,
Các thiên-nữ xinh đẹp theo hầu hạ,
Đảnh lễ dưới bàn chân của Như-Lai.

Vị chư-thiên ếch Maṇḍūka bạch rằng:

"Maṇḍūko' haṃ pure asiṃ, udake vārigocaro.
Tava dhammaṃ suṇantassa, avadhi vacchapālako…"

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất,
Con tên là thiên-nam Măn-đu-ká,
Mới kiếp trước đây là con ếch nhỏ,
Sinh ra và sống ở tại hồ này,
*Con nhảy lên đang **nghe-pháp** của Ngài,*
Người chăn bò đứng nghe-pháp vô ý,
Cắm cây gậy đụng đầu, làm con chết.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất,
*Trong khoảnh khắc **nghe-pháp** với đức-tin,*
Nơi giọng phạm âm của Đức-Thế-Tôn.
Sau khi con chết, nhờ đại-thiện-nghiệp ấy,
Cho quả hóa-sinh được làm thiên-nam.
Như Ngài nhìn thấy thân hình con đẹp,
Có hào quang sáng ngời tỏa muôn phương,
Có nhiều oai lực, hưởng mọi an-lạc,
Các thiên-nữ ngày đêm hầu hạ con.
- Kính bạch Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất,

*Chúng-sinh nào có duyên lành **nghe-pháp,***
Chúng-sinh ấy được chứng ngộ chân-lý,
Chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Được giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

Khi ấy, *Đức-Phật* xem xét các hàng thanh-văn đệ-tử có đức-tin trong sạch, nên Đức-Phật thuyết-pháp tế độ vị *thiên-nam Maṇḍūka* cùng với các chúng-sinh.

Vị thiên-nam Maṇḍūka cùng với chư vị thiên-nữ, các hàng thanh-văn đệ-tử khác lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp, sau khi nghe chánh-pháp của Đức-Phật, có số đông gồm có 84.000 chúng-sinh *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu.*

Sau khi *vị thiên-nam Maṇḍūka* cùng với chư vị thiên-nữ trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* vô cùng hoan-hỷ cung-kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn rồi xin phép trở về cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

*** Tích 500 con dơi đeo trong động**

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*, có *2 Ngài Trưởng-lão* vừa đi kinh hành vừa tụng ôn ***Abhidhammapiṭaka-pāḷi**: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn trong một cái động, tại nơi ấy có ***500 con dơi*** đeo trong động ấy, mỗi ngày chúng nó lắng nghe 2 Ngài Trưởng-lão rằng:

"Kusalā dhammā (các thiện-pháp), akusalā dhammā (các bất-thiện-pháp), abyākatā dhammā (các pháp không thiện không bất-thiện), v.v…", nhóm 500 con dơi chỉ nghe *âm thanh Pāḷi* mà thôi, chúng nó hoàn toàn không hiểu biết ý nghĩa gì cả.

Sau khi *nhóm **500 con dơi** ấy* chết, *đại-thiện-nghiệp nghe âm thanh Pāḷi ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-

sinh làm ***500 vị thiên-nam*** trên cõi trời, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy trên các cõi trời suốt thời gian từ thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa* cho đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian.

Nhóm 500 vị thiên-nam ấy cùng chuyển kiếp (cuti: chết) từ cõi trời, *đại-thiện-nghiệp ấy* cho quả tái-sinh kiếp sau làm người đều trở thành cận-sự-nam (upāsaka) trong kinh-thành Sāvatthī.

Vào ngày rằm tháng 6 âm lịch, *Đức-Phật Gotama biểu diễn phép thần-thông yamakapāṭihāriya* tại cây xoài gần kinh-thành Sāvatthī, nhóm *500 người cận-sự-nam (upāsaka) ấy* cùng nhau đến xem *Đức-Phật biểu diễn phép thần-thông yamakapāṭihāriya,* phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, rồi cùng dẫn nhau đến xuất gia trở thành *500 vị tỳ-khưu* nơi *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.*

Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi tại cõi người

Đức-Phật Gotama sau khi *biểu diễn phép thần-thông yamakapāṭihāriya* xong tại cõi người, *Đức-Phật ngự lên nhập hạ thứ 7 tại cung trời Tam-thập-tam-thiên,* thuyết giảng ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có *7 bộ lớn* để tế độ *Phật-mẫu (kiếp hiện-tại là vị thiên-nam Santussita tại cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên) hiện xuống nghe Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi)* suốt 3 tháng mùa mưa[1].

Đức-Phật Gotama thuyết giảng *Abhidhammapiṭaka-pāḷi: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi.* Mỗi ngày đến giờ khất thực, *Đức-Phật* hoá ra *Nimmitabuddha* tiếp tục thuyết giảng, *Đức-Phật thật* ngự đi khất thực ở *Bắc-cưu-lưu-*

[1] 3 tháng ở cõi người, thời gian trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên khoảng 3 phút 36 giây, bởi vì 1 ngày 1 đêm cõi trời này, bằng 100 năm ở cõi người.

châu, đem vật thực ngự trở về đến rừng trầm gần hồ nước Anotatta ven rừng Himavanta, ngồi độ vật thực.

Mỗi ngày, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến hầu phục vụ *Đức-Phật*. Sau khi thọ thực xong, *Đức-Phật* thuyết giảng lại cho *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* theo *cách saṅkhepa (cách tóm tắt)* các *vi-diệu-pháp* mà *Đức-Phật* đã thuyết giảng ngày hôm ấy tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Đức-Phật truyền dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* trở về dạy lại nhóm 500 tỳ-khưu đệ-tử, bằng cách khai triển đầy đủ các vi-diệu-pháp ấy.

Còn Đức-Phật trở lại cung trời Tam-thập-tam-thiên, thay thế Đức-Phật *Nimmitabuddha* tiếp tục thuyết giảng.

Vâng theo lời dạy của Đức-Phật, mỗi ngày sau khi trở về, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* dạy lại cho nhóm 500 tỳ-khưu đệ-tử các vi-diệu-pháp ấy, bằng cách khai triển đầy đủ.

Cho nên, mãn mùa hạ suốt 3 tháng mùa mưa ấy, *nhóm 500 đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thông thuộc thấu suốt* ***Abhidhammapiṭakapāḷi****: Tạng Vi-diệu-pháp Pāḷi* gồm có 7 bộ lớn là *Dhammasaṅganīpāḷi, Vibhaṅga-pāḷi, Dhātukathāpāḷi, Puggalapaññattipāḷi, Kathāvatthu-pāḷi, Yamakapāḷi, Paṭṭhānapāḷi* trước mọi tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama tại cõi người.

Đến ngày rằm tháng 9 (âm-lịch), *Đức-Phật* ngự từ cõi trời Tam-thập-tam-thiên có các đoàn chư-thiên, chư phạm-thiên tiễn đưa, *Đức-Phật* dừng lại tại cửa kinh-thành Saṅkassa.

Khi ấy, *Đức-Thế-Tôn* thuyết-pháp tế độ tứ chúng thanh-văn đệ-tử. Sau khi lắng nghe *Đức-Thế-Tôn* thuyết-pháp, chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni, các cận-sự-nam, các

cận-sự-nữ phát sinh đức-tin vô cùng hoan-hỷ theo lời giáo huấn của *Đức-Thế-Tôn.*

Nhóm 500 tỳ-khưu đệ-tử của *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, đều *chứng ngộ chân lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán,*** cùng với ***300 triệu chúng-sinh khác*** cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân thấp hoặc cao* tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi chúng-sinh.

Qua *tích Maṇḍūkadevaputta* và *tích 500 con dơi lắng nghe âm thanh Pāḷi*, con ếch và 500 con dơi thuộc về loài súc-sinh, *con ếch* nghe âm thanh Pāḷi của Đức-Phật thuyết-pháp, và 500 con dơi lắng nghe âm thanh Pāḷi của Ngài Trưởng-lão tụng đọc ôn *tạng Vi-Diệu-Pháp Pāḷi (Abhidhammapiṭaka)* nên phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nơi âm thanh Pāḷi, mà có quả báu lớn lao vô lượng như vậy.

Pháp trở thành bậc Thánh Nhập-lưu

Những hạng phàm nhân thuộc về ***người tam-nhân*** có đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật, có khả năng trở thành bậc Thánh-nhân trong kiếp hiện-tại, *hạng người tam-nhân ấy* cần phải hội đủ 4 nhân-duyên thiết yếu.

Trong bài kinh *Sotāpattiphalasutta:*[1] *Kinh Nhập-Lưu Thánh-quả,* Đức-Phật thuyết dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Có 4 pháp mà hành-giả thực-hành để chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả. 4 pháp này là:

[1] Saṃ. Mahāvaggasaṃyuttapāḷi, Sotāpattiphalasutta.

1- Sappurisasaṃseva: Gần gũi thân cận với bậc thiện-trí.

2- Saddhammassavana: Nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí.

3- Yonisomanasikāra: Hiểu biết rõ trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp.

4- Dhammānudhammappaṭipatti: Thực-hành theo pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là 4 pháp mà hành-giả thực-hành để chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả.

Đối với chư vị Bồ-tát Thanh-văn-giác mong trở thành bậc Thánh Thanh-văn-giác đều cần phải lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Cho nên, *dhammassavanakusala: phước-thiện nghe chánh-pháp* là phước-thiện tối ư thiết yếu đối với tất cả mọi chúng-sinh, nếu người nào có đủ nhân-duyên thì người ấy có cơ hội thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân, nếu người nào chưa có đủ nhân-duyên thì người ấy có được cơ hội tốt rất hy hữu, để bồi bổ thêm các pháp-hạnh ba-la-mật, để mong trở thành bậc Thánh-nhân trong thời vị-lai.

Quả báu của sự nghe-pháp

Người nghe chánh-pháp có được 5 quả báu, như trong kinh *Dhammassavanasutta*[(1)] *Kinh nghe chánh-pháp* được tóm lược như sau:

[1] Bộ Aṅg. Phần Pañcakanipāta, Dhammassavanasutta.

- Này chư tỳ-khưu! Người nghe chánh-pháp có được 5 quả báu là:

- Nghe chánh-pháp mà chưa từng nghe.

- Làm cho hiểu biết rõ chánh-pháp đã từng nghe.

- Thoát ra khỏi sự hoài-nghi trong chánh-pháp.

- Làm cho hiểu biết đúng đắn trong chánh-pháp.

- Người nghe phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch trong chánh-pháp.

- Này chư tỳ-khưu! Đó là 5 quả báu của sự nghe chánh-pháp.

Nghe Chánh-pháp (Saddhammassavana)

Nghe chánh-pháp là phước-thiện tối ư thiết yếu đối với các hàng chúng-sinh nhất là *chư vị bồ-tát*, nhân loại, chư-thiên các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên *(không có chư phạm-thiên tầng trời Vô-tưởng-thiên, bởi vì chư phạm-thiên này chỉ có thân mà không có tâm, và chư phạm-thiên trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, bởi vì chư phạm-thiên này có tâm mà không có thân nên không nghe được).*

Và *phước-thiện nghe chánh-pháp* cũng cần thiết đối với các bậc *Thánh hữu-học* là *bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai,* bởi vì 3 bậc Thánh-nhân này vẫn còn phải nghe chánh-pháp, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng đắc đến *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.*

Chư thánh A-ra-hán nghe chánh-pháp

Chư Thánh A-ra-hán nghe chánh-pháp không phải để thực-hành theo chánh-pháp, mà *chư bậc Thánh A-ra-hán* nghe chánh-pháp để ghi nhớ chánh-pháp, duy trì, bảo tồn chánh-pháp, nên *chư bậc Thánh A-ra-hán* thường nghe

Đức-Phật thuyết-pháp, và đôi khi cũng nghe chánh-pháp từ *vị Thánh A-ra-hán* khác thuyết-pháp:

Như *Ngài Trưởng-lão Sāriputta, bậc Thống-Pháp (Dhammasenāpati), bậc Thánh Tối-Thượng thanh-văn bên phải có đại-trí-tuệ bậc nhất trong các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật cũng* đến nghe chánh-pháp do *Ngài Trưởng-lão Puṇṇamantāṇiputta* thuyết bài kinh *Rathavinītasutta* [(1)].

Sau khi nghe và đàm đạo với *Ngài Trưởng-lão Puṇṇa* về *7 pháp-thanh-tịnh (visuddhi), Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* vô cùng hoan-hỷ nói lời *Sādhu! Lành thay!* Tán dương ca tụng *Ngài Trưởng-lão Puṇṇa* có tài thuyết giảng chánh-pháp rõ ràng và *Ngài Trưởng-lão Puṇṇa cũng tán dương ca tụng Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta có trí-tuệ siêu việt.*

Đức-Phật cung-kính chánh-pháp

Một đêm nọ, *Ngài Trưởng-lão Nanda* ngồi thuyết-pháp tại giảng đường từ đầu hôm cho đến sáng trọn đêm suốt 3 canh, *Đức-Thế-Tôn* ngự đến đứng một nơi nghe chánh-pháp trọn đêm suốt 3 canh. Đến khi mãn thời pháp, *Đức-Thế-Tôn* thốt lên lời hoan-hỷ rằng:

"Sādhu! Sādhu!" "Lành thay! Lành thay!"

Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Nanda* đến đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn,* bạch rằng:

- Kāya velāya Bhante, āgatattha?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài ngự đến đây từ khi nào? Bạch Ngài.

- Tayā suttante āraddhamatte.

---

[1] Maj. Mūlapaṇṇāsapāḷi, Rathavinītasutta.

- Này Nanda! Như-Lai ngự đến đứng nơi đây từ khi con bắt đầu thuyết-pháp.

- Dukkaraṃ karittha Bhante, Buddhasukhumālā tumhe.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài là Đức-Phật tối-thượng đã làm điều thật khó làm.

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Sace tvaṃ Nanda, kappaṃ desetuṃ sakkuṇeyyāsi, kappamattampā'haṃ ṭhitakova suṇeyyaṃ [(1)].

- Này Nanda! Nếu con có thể thuyết-pháp suốt kiếp thì Như-Lai cũng đứng nghe chánh-pháp suốt kiếp được.

Evaṃ dhammagaruno Tathāgatā.

Chư Đức-Thế-Tôn đều cung-kính chánh-pháp như vậy.

Tích Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa

Tích *Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa*[(2)] được tóm lược một phần như sau:

Trong quá khứ, thời-kỳ *Đức-Phật Padumuttara* xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa* đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, nghe chánh-pháp. Khi ấy, thấy *Đức-Phật Padumuttara* tuyên dương *vị tỳ-khưu có đức hạnh thuyết-pháp với giọng hay nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật,* nên tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão nghĩ rằng: *"Ta cũng nên trở thành vị tỳ-khưu có đức hạnh thuyết-pháp với giọng hay nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị-lai"*.

Cho nên, *tiền-kiếp Ngài Trưởng-lão kính thỉnh Đức-Phật Padumuttara ngự đến tư gia cùng chư Đại-đức tỳ-*

[1] M. Mūlapaṇṇāsaṭṭhakathā, Rathavinītasuttavaṇṇanā.
[2] Aṅguttaranikāya, Ekakanipātaṭṭhakathā, Soṇakuṭikaṇṇatthera.

khưu-Tăng, để tạo phước-thiện bố-thí cúng dường suốt 7 ngày. Đến ngày thứ 7, *tiền-kiếp Ngài Trưởng-lão* kính bạch với *Đức-Phật Padumuttara* rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài đã tuyên dương vị tỳ-khưu có đức hạnh thuyết-pháp với giọng hay nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Ngài. Nay con cũng có ý nguyện muốn trở thành ngôi vị như vị tỳ-khưu ấy, trong giáo pháp của Đức-Phật trong thời vị-lai.

Nghe tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão bạch như vậy, *Đức-Phật Padumuttara* xem xét thấy sẽ được thành-tựu, nên thọ ký xác định thời gian rằng:

- Này thí-chủ! Trong thời vị-lai, còn 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, con sẽ là vị tỳ-khưu có đức hạnh thuyết-pháp với giọng hay nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Sau khi nghe *Đức-Phật Padumuttara*[(1)] thọ ký như vậy, tiền-kiếp Ngài Trưởng-lão vô cùng hoan-hỷ biết ý nguyện của mình sẽ được thành tựu.

Tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão tử sinh luân-hồi trong các cõi trời và cõi người, để tạo 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc hạ cho được đầy đủ suốt thời gian 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Trước khi *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế gian, sau khi tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão chết từ cõi trời, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp chót đầu thai vào lòng *cận-sự-nữ Kāḷī* tại tỉnh Kuraraghara. Mang thai đủ tháng, cận-sự-nữ Kāḷī trở về nhà cha mẹ tại kinh-thành Rājagaha để sinh con.

---

[1] Từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara đến Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian thời gian khoảng cách 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Khi ấy, nghe 2 dạ-xoa đàm thoại với nhau, *cận-sự-nữ Kāḷī* ngồi dậy lắng nghe rõ *Dạ-xoa Sātāgira và Dạ-xoa Hemavata* tán dương ca tụng chánh-pháp của Đức-Phật Gotama. *Cận-sự-nữ Kāḷī* chưa từng thấy Đức-Phật, *chỉ nghe chánh-pháp, rồi phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch thực-hành theo chánh-pháp dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn,* trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** *đầu tiên (paṭhamakasotāpannā) trong các cận-sự-nữ trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.*

Trong đêm ấy, cận-sự-nữ Kāḷī sinh hạ đứa con trai, đặt tên là ***Soṇa***. Cận-sự-nữ Kāḷī ở nhà cha mẹ một thời gian, rồi trở lại nhà của mình.

Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana* trú tại núi Upavatta, tỉnh Kuraraghara. Hằng ngày, Ngài Trưởng-lão đến khất thực tại nhà *cận-sự-nữ Kāḷī, công-tử Soṇa kính yêu Ngài Trưởng-lão.*

Về sau, *công-tử Soṇa* được *Ngài Trưởng-lão Mahā-kaccayana* cho phép xuất gia trở thành sa-di, chờ đợi suốt 3 năm mới có đủ *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để làm lễ nâng đỡ sa-di Soṇa lên trở thành tỳ-khưu Soṇa.*

Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana thuyết dạy pháp-hành thiền-tuệ cho *tỳ-khưu Soṇa*. Sau khi học xong, *tỳ-khưu Soṇa thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứThánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

Tỳ-khưu Soṇa an cư nhập hạ 3 tháng mùa mưa với *Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana,* theo học *Suttanipāta-pāli với vị thầy tế độ.*

Sau khi ra hạ, hành lễ Pavāraṇā xong, *tỳ-khưu Soṇa* có ý nguyện muốn đến hầu *Đức-Thế-Tôn,* nên *tỳ-khưu*

Soṇa đến đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana* là vị thầy tế độ, xin phép đi đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn.*

Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana hoan-hỷ cho phép, rồi căn dặn rằng:

- Này Soṇa! Khi con đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, con sẽ được phép ở chung trong gandhakuṭi cùng với Đức-Thế-Tôn, Ngài sẽ truyền dạy con tụng đọc bài pháp.

Sau khi nghe con tụng đọc bài pháp xong, Đức-Thế-Tôn sẽ phát sinh đại-duy-tác-tâm hoan-hỷ, rồi Đức-Thế-Tôn sẽ ban cho con ân huệ, con nên nhận ân huệ ấy.

Con đảnh lễ dưới đôi chân của Đức-Thế-Tôn, rồi con nên bạch với Đức-Thế-Tôn 5 điều đúng theo lời căn dặn của thầy.

Sau khi nhận lời dạy bảo của vị thầy tế độ xong, Ngài Trưởng-lão Soṇa đảnh lễ thầy tế độ, xin phép từ giã thầy. Ngài Trưởng-lão đi đến thăm thân mẫu báo cho bà biết, Ngài được phép đi đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi.

Thân mẫu của Ngài vô cùng hoan-hỷ bạch với *Ngài Trưởng-lão Soṇa* rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay! Con xin kính dâng Ngài Trưởng-lão tấm vải len lớn (kambala) này, để Ngài đem cúng dường đến Đức-Thế-Tôn làm tấm lót nền trong cốc gandhakuṭi của Đức-Thế-Tôn.

Sau khi nhận tấm vải len ấy, *Ngài Trưởng-lão Soṇa* xin từ giã thân mẫu, trở về chỗ ở dọn dẹp các thứ vật dụng gọn gàng, rồi mới lên đường đi tuần tự đến kinh-thành Sāvatthi, vào ngôi chùa Jetavana, đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi đứng một nơi hợp lẽ.

Đức-Thế-Tôn hỏi theo lệ thường của chư Phật xong,

Đức-Thế-Tôn truyền bảo Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Con nên sắp đặt chỗ nghỉ cho vị tỳ-khưu này.

Ngài Trưởng-lão Ānanda hiểu biết ý của Đức-Thế-Tôn, nên trải chỗ nằm nghỉ cho *Ngài Trưởng-lão Soṇa* trong cốc gandhakuṭi cùng với Đức-Thế-Tôn.

Đức-Thế-Tôn thực-hành phận sự như mỗi ngày, Đức-Thế-Tôn vào nằm nghiêng bên phải có chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác vào thời gian giữa của canh chót đêm, định giờ tỉnh dậy vào cuối canh chót. Đức-Thế-Tôn thức dậy biết tỳ-khưu Soṇa nghỉ ngơi lại sức rồi, nên Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Paṭibhātu taṃ bhikkhu, dhammo bhāsituṃ.

- Này tỳ-khưu! Con hãy nên tụng đọc chánh-pháp.

Vâng lời Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Soṇa tụng tạng Kinh phần aṭṭhakavagga từng chữ từng câu đúng đắn rõ ràng với giọng rất hay. Khi Ngài Trưởng-lão Soṇa tụng xong, ***Đức-Thế-Tôn*** *hoan-hỷ nói lên lời Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Đức-Thế-Tôn khen ngợi rằng:

- Suggahito te bhikkhu, dhammo, mayā desitakāle ca ajja ca ekasadisāva desanā, kiñci ūnaṃ vā adhikaṃ vā natthi[(1)].

- Này tỳ-khưu! Chánh-pháp mà con đã học, ghi nhớ đúng đắn, Như-Lai đã thuyết dạy trong thời gian trước đây và ngày nay giống như một, không thiếu không dư.

Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Soṇa nghĩ rằng: *"Đây là cơ hội tốt"*, nên Ngài Trưởng-lão đảnh lễ dưới hai bàn chân của Đức-Thế-Tôn, rồi bạch rằng:

---

[1] Aṅguttaranikāya Ekakanipātaṭṭhakathā, Soṇakuṭikaṇṇattheravatthu.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Mahā-kaccayana, vị thầy tế độ của con kính xin đảnh lễ dưới hai bàn chân của Đức-Thế-Tôn, Ngài dạy con bạch với Đức-Thế-Tôn, có 5 điều rằng:

1- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vùng Avantidakkhiṇā-patha có ít tỳ-khưu, con cố gắng tìm đủ 10 vị tỳ-khưu để hành-tăng-sự suốt 3 năm mới được làm lễ thọ tỳ-khưu (upasampada).

Nếu được thì kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép làm lễ thọ tỳ-khưu (upasampadā) tại vùng Avantidakkhiṇā-patha với nhóm tỳ-khưu-Tăng hội ít hơn.

2- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vùng Avantidakkhiṇā-patha đường sá xấu gồ ghề khó đi lại.

Nếu được thì kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép tỳ-khưu trong vùng Avantidakkhiṇāpatha được phép mang dép.

3- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, dân chúng trong vùng Avantidakkhiṇāpatha có thói quen thường hay tắm, họ cho rằng:"Nước làm cho sạch sẽ, trong sạch".

Nếu được thì kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép tỳ-khưu trong vùng Avantidakkhiṇāpatha được phép tắm hằng ngày.

4- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, trong vùng Avanti-dakkhinapatha có da lót nằm như da cừu, da dê, da nai, cũng như Majjhimajanapada có lót nằm như cỏ tranh, cỏ lác.

Nếu được thì kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép tỳ-khưu trong vùng Avantidakkhiṇāpatha được phép dùng da cừu, da dê, da nai lót nằm.

5- Kính bạch Đức Thế Tôn, các cận-sự-nam, cận-sự-nữ gửi y dâng cúng dường đến vị tỳ-khưu với lời bạch rằng:

"Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin gửi bộ y này, nhờ Ngài dâng hộ đến vị tỳ-khưu có pháp danh ấy ở nơi ấy."

Vị tỳ-khưu không dám nhận bộ y của thí-chủ, bởi vì cất giữ bộ y ấy quá ngày sẽ phạm giới "nissaggiya-pācittiya".

Nếu được thì kính xin Đức-Thế-Tôn truyền dạy, cho phép về vấn đề y này.

Đức-Thế-Tôn cho phép đặc biệt

Do nguyên nhân đầu tiên phát sinh, nên Đức-Thế-Tôn truyền dạy chư tỳ-khưu-Tăng rằng:

1- Này chư tỳ-khưu! Vùng Avantidakkhiṇāpatha có tỳ-khưu ít, nên Như-Lai cho phép làm lễ thọ tỳ-khưu (upasampadā) với nhóm tỳ-khưu-Tăng tối thiểu 5 vị tỳ-khưu thông luật (vinayadhara) và tại tất cả mọi vùng paccantajanapada.

(Trung xứ majjhimajanapada làm lễ thọ tỳ-khưu (upasampadā) phải có nhóm tỳ-khưu-Tăng tối thiểu 10 vị tỳ-khưu thông luật (vinayadhara).

Ngoài majjhimajanapada ra, còn tất cả các nơi khác làm lễ thọ tỳ-khưu (upasampadā) phải có nhóm tỳ-khưu-Tăng hội tối thiểu 5 vị tỳ-khưu thông luật (vinayadhara)).

2- Này chư tỳ-khưu! Vùng Avantidakkhiṇāpatha có đường sá xấu gồ ghề khó đi lại, nên Như-Lai cho phép tỳ-khưu trong tất cả mọi vùng paccantajanapada được phép mang dép.

3- Này chư tỳ-khưu! Dân chúng trong vùng Avanti-dakkhiṇāpatha có thói quen thường hay tắm, họ cho rằng: "Nước làm cho sạch sẽ, trong sạch".

Vì vậy, Như-Lai cho phép tỳ-khưu trong tất cả mọi vùng paccantajanapada được phép tắm hằng ngày.

4- Này chư tỳ-khưu! Trong vùng Avantidakkhiṇā-patha có da lót nằm như da cừu, da dê, da nai, cũng như Majjhimajanapada có cỏ lót nằm như cỏ tranh, cỏ lác, nên Như-Lai cho phép tỳ-khưu trong tất cả mọi vùng paccantajanapada được phép dùng da cừu, da dê, da nai lót nằm.

5- Này chư tỳ-khưu! Tất cả thí-chủ gửi tấm y để dâng cúng dường đến các vị tỳ-khưu ở nơi khác, với lời bạch rằng: "Các con gửi tấm y này, xin kính dâng cúng dường đến vị tỳ-khưu có pháp danh ấy".

- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai cho phép các con nhận tấm y ấy không quá 10 đêm.

Sau khi Đức-Thế-Tôn cho phép 5 điều của Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana, vị thầy tế độ xong, tỳ-khưu Soṇa đảnh lễ Đức Thế Tôn bạch lời của thân mẫu rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, cận-sự-nữ Kāḷī thân mẫu của con gửi tấm vải len lớn này kính dâng lên Đức-Thế-Tôn, để lót nền cốc gandhakuṭi của Đức-Thế-Tôn.

Sau khi bạch xong, Ngài Trưởng-lão Soṇa kính dâng tấm vải len lớn (kambala) lên Đức-Thế-Tôn, rồi đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin phép trở về chùa.

Ngài Trưởng-lão Soṇa đã đến hầu Đức-Thế-Tôn như ý nguyện và đã hoàn thành xong phận sự mà vị thầy tế độ là *Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana* đã giao phó.

Trên đường trở về núi Upavatta, tỉnh Kuraraghara. Ngài Trưởng-lão Soṇa về đến nơi, vào đảnh lễ vị thầy tế độ là *Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana*, rồi xin thuật lại mọi sự việc của mình cho vị thầy tế độ nghe.

Nghe tỳ-khưu Soṇa đệ-tử thuật lại như vậy, *Ngài Trưởng-lão Mahākaccayana* biết 5 điều thỉnh cầu của mình đã được Đức-Phật cho phép, nên Ngài Trưởng-lão

vô cùng hoan-hỷ nói lên lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Ngày hôm sau, *Ngài Trưởng-lão Soṇa* đi khất thực đến đứng trước cổng nhà thân mẫu. Nhìn thấy Ngài Trưởng-lão, thân mẫu ra tận cổng đón rước Ngài Trưởng-lão vào nhà, tự tay bà dâng vật thực để bát cúng dường đến Ngài Trưởng-lão.

Sau khi Ngài Trưởng-lão độ vật thực xong, thân mẫu bạch với Ngài Trưởng-lão rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Ngài đã đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, mọi việc đều tốt lành phải không?

- Thưa thân mẫu, mọi việc đều tốt lành.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Ngài đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, bạch lời của thân mẫu hay không?

- Thưa thân mẫu, sư đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch lời của thân mẫu và kính dâng cúng dường tấm vải len lớn, lót nền cốc gandhakuṭi của Đức-Thế-Tôn.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, nghe rằng:

"Ngài Trưởng-lão đã nghỉ trong cốc gandhakuṭi cùng với Đức-Thế-Tôn, rồi Đức-Thế-Tôn truyền bảo Ngài tụng đọc chánh-pháp xong, Đức-Thế-Tôn hoan-hỷ nói lên lời Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!" Đúng vậy phải không?

- Thưa thân mẫu, thân mẫu biết bằng cách nào vậy?

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chư thiên trú trong nhà báo cho thân mẫu biết rằng:

"Khi nghe Đức-Thế-Tôn hoan-hỷ nói lên lời Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay! Thì toàn thể chư thiên mười ngàn thế giới đồng nói lời hoan-hỷ Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!"

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, thân mẫu kính thỉnh

Ngài tụng chánh-pháp giống như Ngài đã từng tụng tại cốc gandhakuṭi của Đức-Thế-Tôn, có được hay không?

Nghe thân mẫu kính thỉnh như vậy, Ngài Trưởng-lão Soṇa nhận lời. Biết Ngài Trưởng-lão đã chấp thuận, nên thân mẫu của Ngài Trưởng-lão cho người trang hoàng một hội trường trước cổng nhà, có pháp tòa trang nghiêm, dân chúng tụ hội đông đủ, rồi kính thỉnh Ngài Trưởng-lão Soṇa lên ngồi trên pháp tòa tụng chánh-pháp mà Ngài Trưởng-lão đã từng tụng tại cốc gandhakuṭi của Đức-Thế-Tôn.

Về sau, Đức-Thế-Tôn chủ trì giữa chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, tuyên dương Ngài Trưởng-lão Soṇa là vị Thánh thanh-văn đệ-tử tụng chánh-pháp với giọng hay đặc biệt nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Nghe 7 pháp-giác-chi

Bảy pháp-giác-chi *(Bojjhaṅga)* là một trong 5 đối-tượng trong phần *pháp niệm-xứ*, hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ niệm-xứ* trong phần *pháp niệm-xứ,* có đối tượng *7 pháp-giác-chi* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

Bảy pháp-giác-chi còn là ***một linh-dược mầu-nhiệm*** *(osadhañca imaṃ mantaṃ)* chữa trị khỏi được căn bệnh nặng của bệnh nhân một cách huyền-diệu ngay tức thì, như 3 trường hợp sau:

Đức-Phật thuyết 7 pháp-giác-chi

* Trường hợp *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* lâm bệnh nặng trầm trọng tại động Pippaliguhā. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đến thăm viếng *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa,* rồi thuyết giảng bài kinh *Paṭhama-gilānasutta* có 7 pháp-giác-chi như sau:

Kinh Paṭhamagilānasutta [1]

Ekaṃ samayaṃ Bhagavā Rājagahe viharati Veḷuvane kalandakanivāpe. Tena kho pana samayena āyasmā Mahākassapo Pippaliguhāyaṃ viharati ābādhiko dukkhito bāḷhagilāno.

Atha kho Bhagavā sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito yenāyasmā Mahākassapo tenupasaṅkami, upasaṅkamitvā paññatte āsane nisīdi, nisajja kho Bhagavā āyasmantaṃ Mahākassapaṃ etadavoca.

- Kacci te Kassapa, khamanīyaṃ? Kacci yāpanīyaṃ? Kacci dukkhā vedanā paṭikkamanti, no abhikkamanti, paṭikkamosānaṃ paññāyati, no abhikkamo'ti?

- Na me Bhante, khamanīyaṃ, na yāpanīyaṃ, bāḷhā me dukkhā vedanā abhikkamanti, no paṭikkamanti, abhikkamosānaṃ paññāyati, no paṭikkamo'ti

Sattime Kassapa, bojjhaṅgā mayā sammadakkhātā bhāvitā bahulīkatā abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti. Katame satta?

** Satisambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Dhammavicayasambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Vīriyasambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Pītisambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

---

[1] Saṃyuttanikāya, phần Mahāvaggapāḷi, Paṭhamagilānasutta.

** Passaddhisambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Samādhisambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Upekkhāsambojjhaṅgo kho Kassapa, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

Ime kho Kassapa, satta bojjhaṅgā mayā sammadakkhātā bhāvitā bahulīkatā abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattantī'ti.

Taggha Bhagavā bojjhaṅgā.

Taggha Sugata bojjhaṅgā'ti.

Idamavoca Bhagavā. Attamano āyasmā Mahākassapo Bhagavato bhāsitaṃ abhinandi Vuṭṭhahi cāyasmā Mahākassapo tamhā ābādhā, tathāpahīno cāyasmato Mahākassapassa so ābādho ahosī'ti.

(Paṭhamagilānasuttaṃ niṭṭhitaṃ.)

Ý nghĩa bài kinh bệnh thứ nhất

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các loài sóc, gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Kassapa lâm bệnh nặng khổ thân hành hạ, bệnh tình trầm trọng tại động Pippali.

Vào buổi chiều, sau khi rời khỏi nơi thanh vắng, Đức-Thế-Tôn ngự đến thăm viếng Ngài Đại-Trưởng-lão Kassapa, ngự trên chỗ ngồi đã trải sẵn, Đức-Thế-Tôn hỏi thăm Ngài Đại-Trưởng-lão Kassapa rằng:

- Này Kassapa!Con có kham nhẫn nổi thọ khổ không?

- Tứ đại của con có được điều hòa không?

- Thọ khổ của con thuyên giảm, chứ không tăng thêm phải không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con không thể kham nhẫn nổi thọ khổ.

- Con không thể điều hòa tứ đại này được.

-Thọ khổ của con không thuyên giảm mà lại tăng thêm.

- Bệnh tình tăng thêm rõ ràng, chứ không thuyên giảm chút nào. Bạch Ngài.

- Này Kassapa! 7 pháp-giác-chi mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

7 pháp giác chi ấy là thế nào?

*1- Này Kassapa! **Pháp niệm giác-chi** mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

*2- Này Kassapa! **Pháp phân-tích giác-chi** mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

*3- Này Kassapa! **Pháp tinh-tấn giác-chi** mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

*4- Này Kassapa! **Pháp hỷ giác-chi** mà Như-Lai đã*

thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

*5- Này Kassapa! **Pháp an-tịnh giác-chi** mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

*6- Này Kassapa! **Pháp định giác-chi** mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

*7- Này Kassapa! **Pháp xả giác-chi** mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

- Này Kassapa! 7 pháp-giác-chi này Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, 7 pháp-giác-chi thật là huyền diệu!

- Kính bạch Đức-Thiện-Ngôn, 7 pháp-giác-chi thật là huyền diệu!

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng 7 pháp-giác-chi xong, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa phát sinh duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ với lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn, nên

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đã khỏi hẳn bệnh ngay tức khắc, căn bệnh của Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa khỏi hẳn, không còn tái phát lại nữa.

(Xong bài kinh bệnh thứ nhất).

* Trường hợp *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna* lâm bệnh nặng trầm trọng tại núi Gijjhakūṭa. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn ngự đến thăm viếng *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna*, rồi thuyết giảng bài kinh *Dutiya-gilānasutta* có 7 pháp-giác-chi như sau:

Kinh Dutiyagilānasutta [1]

Ekaṃ samayaṃ Bhagavā Rājagahe viharati Veḷuvane kalandakanivāpe. Tena kho pana samayena āyasmā Mahāmoggallāno Gijjhakūṭe pabbate viharati ābādhiko dukkhito bāḷhagilāno.

Atha kho Bhagavā sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito yenāyasmā Mahāmoggallāno tenupasaṅkami, upasaṅkamitvā paññatte āsane nisīdi, nisajja kho Bhagavā āyasmantaṃ Mahāmoggallānaṃ etadavoca.

Atha kho Bhagavā sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito yenāyasmā Mahāmoggallāno tenupasaṅkami, upasaṅkamitvā paññatte āsane nisīdi, nisajja kho Bhagavā āyasmantaṃ Mahāmoggallānaṃ etadavoca.

-Kacci te Moggallāna, khamanīyaṃ?Kacci yāpanīyaṃ?

Kacci dukkhā vedanā paṭikkamanti, no abhikkamanti, paṭikkamosānaṃ paññāyati, no abhikkamo'ti ?

- Na me Bhante, khamanīyaṃ, na yāpanīyaṃ, bāḷhā me dukkhā vedanā abhikkamanti, no paṭikkamanti, abhikkamosānaṃ paññāyati, no paṭikkamo'ti

Sattime Moggallāna, bojjhaṅgā mayā sammadakkhātā

[1] Saṃyuttanikāya, Phần Mahāvaggapāḷi, Paṭhamagilānasutta.

bhāvitā bahulīkatā abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti. Katame satta?

** Satisambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Dhammavicayasambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Vīriyasambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Pītisambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Passaddhisambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Samādhisambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Upekkhāsambojjhaṅgo kho Moggallāna, mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

Ime kho Moggallāna, satta bojjhaṅgā mayā sammadakkhātā bhāvitā bahulīkatā abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattantī'ti

Taggha Bhagavā bojjhaṅgā.

Taggha Sugata bojjhaṅgā'ti.

Idamavoca Bhagavā. Attamano āyasmā Mahāmoggallāno Bhagavato bhāsitaṃ abhinandi. Vuṭṭhahi cāyasmā Mahāmoggallāno tamhā ābādhā, tathāpahīno cāyasmato Mahāmoggallānassa so ābādho ahosī'ti.

(Dutiyagilānasuttaṃ niṭṭhitaṃ.)

Ý nghĩa bài kinh bệnh thứ nhì

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các loài sóc, gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna lâm bệnh nặng khổ thân hành hạ, bệnh tình trầm trọng tại núi Gijjhakūṭa.

Vào buổi chiều, sau khi rời khỏi nơi thanh vắng, Đức-Thế-Tôn ngự đến thăm viếng Ngài Mahāmoggallāna, ngự trên chỗ ngồi đã trải sẵn, Đức-Thế-Tôn hỏi thăm vị Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna rằng:

- Này Mahāmoggallāna! Con có kham nhẫn nổi thọ khổ không?

- Tứ đại của con có được điều hòa không?

- Thọ khổ của con thuyên giảm, chứ không tăng thêm phải không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con không thể kham nhẫn nổi thọ khổ.

- Con không thể điều hòa tứ đại này được.

- Thọ khổ của con không thuyên giảm mà lại tăng thêm.

- Bệnh tình tăng thêm rõ ràng, chứ không thuyên giảm chút nào. Bạch Ngài.

- Này Mahāmoggallāna! 7 pháp-giác-chi mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

7 pháp giác chi ấy là thế nào?

1- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp niệm giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ*

thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

2- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp phân-tích giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

3- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp tinh-tấn giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

4- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp hỷ giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

5- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp an-tịnh giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

6- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp định giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

7- Này Mahāmoggallāna! ***Pháp xả giác-chi*** *mà Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

- Này Mahāmoggallāna! 7 pháp-giác-chi này Như-Lai đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, 7 pháp-giác-chi thật là huyền diệu!

- Kính bạch Đức-Thiện-Ngôn, 7 pháp-giác-chi thật là huyền diệu!

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng 7 pháp-giác-chi xong, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna phát sinh duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ với lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn, nên Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đã khỏi hẳn bệnh ngay tức khắc, căn bệnh của Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna khỏi hẳn, không còn tái phát lại nữa.

(Xong bài kinh bệnh thứ nhì).

Đức-Phật nghe 7 Pháp Giác-chi

* Trường hợp *Đức-Thế-Tôn* lâm bệnh nặng tại ngôi chùa Veḷuvana. Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Mahācunda* đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. *Đức-Thế-Tôn truyền bảo Ngài Trưởng-lão Mahācunda tụng 7 pháp-giác-chi.*

Ngài Trưởng-lão Mahācunda tụng bài kinh *Tatiya-gilānasutta* có 7 pháp-giác-chi như sau:

Kinh Tatiyagilānasutta *(1)*

Ekaṃ samayaṃ Bhagavā Rājagahe viharati Veḷuvane kalandakanivāpe. Tena kho pana samayena Bhagavā

[1] Saṃyuttanikāya, phần Mahāvaggapāḷi, Tatiyagilānasutta.

ābādhiko hoti dukkhito bāḷhagilāno. Atha kho āyasmā Mahācundo yena Bhagavā tenupasaṅkami, upasaṅkamitvā Bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi, ekamantaṃ nisinnaṃ kho āyasmantaṃ Mahācundaṃ Bhagavā etadavoca.

"Paṭibhantu taṃ Cunda, bojjhaṅgā"ti.

Sattime Bhante, bojjhaṅgā Bhagavatā sammadakkhātā bhāvitā bahulīkatā abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti. Katame satta?

** Satisambojjhaṅgo kho Bhante, Bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Dhammavicayasambojjhaṅgo kho Bhante, bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Vīriyasambojjhaṅgo kho Bhante, Bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Pītisambojjhaṅgo kho Bhante, Bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Passaddhisambojjhaṅgo kho Bhante, Bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Samādhisambojjhaṅgo kho Bhante, Bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

** Upekkhāsambojjhaṅgo kho Bhante, Bhagavatā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.*

Ime kho Bhante, satta bojjhaṅgā Bhagavatā samma-

dakkhātā bhāvitā bahulīkatā abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattantī'ti

Taggha Cunda bojjhaṅgā.

Taggha Cunda bojjhaṅgā'ti

Idamavocāyasmā Cundo. Samanuñño Satthā ahosi. Vuṭṭhahi ca Bhagavā tamhā ābādhā, tathāpahīno ca Bhagavato so ābādho ahosī'ti.

(Tatiyagilānasuttaṃ niṭṭhitaṃ.)

Ý nghĩa bài kinh bệnh thứ ba

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các loài sóc, gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn lâm bệnh nặng khổ thân hành hạ.

Ngài Trưởng-lão Mahācunda đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, sau khi Ngài Trưởng-lão Mahācunda ngồi một nơi, Đức-Thế-Tôn truyền bảo rằng:

- "Này Cunda! Con hãy nên tụng 7 pháp-giác-chi."

Ngài Trưởng-lão Mahācunda tụng 7 pháp-giác-chi

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, 7 pháp-giác-chi mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

7 pháp giác chi ấy là thế nào?

*1- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, **pháp niệm giác-chi** mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

2- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ***pháp phân-tích giác-chi*** *mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

3- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ***pháp tinh-tấn giác-chi*** *mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

4- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ***pháp hỷ giác-chi*** *mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

5- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ***pháp an-tịnh giác-chi*** *mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

6- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ***pháp định giác-chi*** *mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

7- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ***pháp xả giác-chi*** *mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành, được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.*

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, 7 pháp-giác-chi mà Đức-Thế-Tôn đã thuyết giảng chân chính, được thực-hành,

được thực-hành nhiều, để phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thông suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ.

Đức-Thế-Tôn truyền bảo rằng:

- Này Cunda! 7 pháp giác chi thật là huyền diệu!

- Này Cunda! 7 pháp giác chi thật là huyền diệu!

Ngài Trưởng-lão Mahācunda tụng 7 pháp-giác-chi xong, Đức-Thế-Tôn phát sinh duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ trong 7 pháp-giác-chi ấy, Đức-Thế-Tôn đã khỏi hẳn bệnh ngay tức khắc, căn bệnh của Đức-Thế-Tôn khỏi hẳn, không còn tái phát lại nữa.

(Xong bài kinh bệnh thứ ba)

Lợi ích của sự nghe tụng kinh Pāḷi

Người bệnh *nghe tụng kinh Pāḷi* là một trong những truyền thống trong Phật-giáo. Bệnh có 2 loại: *bệnh-thân* và *bệnh-tâm.*

Bệnh-thân do có thân. Thân có tứ đại: đất, nước, lửa, gió. Tứ đại không điều hòa nên phát sinh bệnh-thân. Tất cả chúng-sinh nói chung, con người nói riêng, hễ có thân là có bệnh-thân, chỉ có khác nhau bệnh nhẹ hoặc bệnh nặng mà thôi. Cho nên, *chư Thánh A-ra-hán và Đức-Phật cũng không tránh khỏi bệnh-thân.*

Bệnh-tâm phát sinh do mọi *phiền-não,* mà mọi phiền-não phát sinh do nương nhờ nơi *bất-thiện-tâm (ác-tâm).* Nếu khi *bất-thiện-tâm (ác-tâm)* nào phát sinh thì ắt có số phiền-não đồng sinh với *bất-thiện-tâm (ác-tâm) ấy.*

Bệnh-thân thuộc về *quả của nghiệp,* còn *bệnh-tâm* là do phiền-não mà *mọi phiền-não* phát sinh do nương nhờ nơi *bất-thiện-tâm (ác-tâm),* làm cho tâm bị ô nhiễm nóng nảy *khổ-tâm* gọi là ***bệnh-tâm***.

Thật ra, ***bệnh-thân*** và ***bệnh-tâm*** là 2 bệnh riêng biệt, sở dĩ có sự liên quan với nhau là vì ***phiền-não tham*** *muốn mau khỏi* ***bệnh-thân***, nhưng không khỏi ***bệnh thân,*** nên ***phiền-não sân*** *phát sinh* làm cho ***khổ-tâm*** gọi là ***bệnh-tâm***.

Đức-Phật và *chư Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được mọi phiền-não không còn dư sót nên *không còn* ***khổ-tâm*** nghĩa là *không còn* ***bệnh-tâm***, chỉ còn có ***bệnh-thân*** mà thôi.

Cho nên, khi nghe ***7 pháp-giác-chi*** là *chánh-pháp* mà Đức-*Phật* và *chư Thánh A-ra-hán* đã từng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, nên phát sinh *đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ trong* ***7 pháp-giác-chi*** ấy như là *một linh-dược mầu-nhiệm (osadhañca imaṃ mantaṃ)* chữa trị khỏi căn bệnh nặng của *Ngài đại-trưởng-lão Mahā-kassapa, Ngài đại-trưởng-lão Mahāmoggallāna và Đức-Phật* khỏi bệnh ngay tức thì một cách huyền-diệu.

Đối với *bệnh nhân là hạng phàm-nhân vẫn còn đầy đủ 1500 loại phiền-não*, nếu được nghe ***7 pháp-giác-chi*** mà hiểu biết rõ ý nghĩa *mỗi pháp-giác-chi thì bệnh nhân phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ trong* ***7 pháp-giác-chi*** ấy, do năng lực của *đại-thiện-tâm này* làm cho ***thân*** *có sắc-pháp nhẹ nhàng (lahutā), mềm mại (mudutā) uyển chuyển (kamaññatā)*, giúp cho *bệnh-thân giảm bớt khổ-thân*[(1)].

* *Tích Dhammika upāsakavatthu*[(2)] được tóm lược điểm chính như sau:

---

[1] Xem quyển *"Bài Kinh Cho Người Bệnh"* phần giảng giải 7 pháp giác-chi, cùng soạn giả.

[2] Dhammapadaṭṭhakathā, tích Dhammika upāsakavatthu.

Trường-hợp ***cận-sự-nam Dhammika*** lâm bệnh trầm trọng, sắp lâm chung, nên truyền bảo người thân trong gia đình đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, cầu xin Đức-Thế-Tôn cho phép số Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tư gia, *cận-sự-nam Dhammika muốn nghe pháp lúc lâm chung.*

Đức-Thế-Tôn truyền dạy một số Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tụng kinh tại tư gia của *cận-sự-nam Dhammika.*

Chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến tư gia, *cận-sự-nam Dhammika* nằm trên giường chắp tay thỉnh cầu chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng tụng bài kinh *Mahāsatipaṭṭhānasutta: Kinh Đại-niệm-xứ* đó là 1 trong những bài kinh chính yếu trong Phật-giáo.

Khi chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đang tụng bài kinh *Mahāsatipaṭṭhānasutta: Kinh Đại-niệm-xứ* cho *cận-sự-nam Dhammika* nằm lắng tai nghe, khi ấy, *6 chiếc xe trời* có 1.000 con ngựa báu từ *6 cõi trời dục-giới* hiện xuống chờ đón rước *cận-sự-nam Dhammika (Đó là trường-hợp gatinimitta của người sắp chết).*

Cận-sự-nam Dhammika chọn cõi trời Tusita (Đâu-suất đà-thiên), nên sau khi *cận-sự-nam Dhammika chết, đại-thiện-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị thiên-nam trong lâu đài nguy nga tráng lệ, có hào quang sáng ngời toả khắp mọi nơi trên cõi trời Tusita (Đâu-suất đà-thiên) mà đã chọn trước khi chết, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời ấy.

Vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời Tusita (Đâu-suất đà-thiên) có tuổi thọ 4000 năm cõi trời, so với thời gian cõi người 576 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm bằng 400 năm cõi người.

* *Trường-hợp ông phú hộ Anāthapiṇḍika* lâm bệnh trầm trọng, bệnh phong hành hạ kinh khủng, trong bài *kinh Anāthapiṇḍikovādasutta*[(1)] được tóm lược điểm chính như sau:

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika lâm bệnh trầm trọng, bệnh phong hành hạ kinh khủng, nên ông phú hộ truyền bảo người thân trong gia đình đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi kính bạch với Đức-Thế-Tôn về bệnh tình trầm trọng của ông.

Ông phú hộ truyền bảo người thân trong gia đình đến hầu đảnh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, rồi kính bạch với Ngài Đại-Trưởng-lão về bệnh tình trầm trọng của ông, kính thỉnh Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ tế độ đến tư gia của ông.

Khi ấy, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Ānanda* cùng nhau đến tư gia thăm ông phú hộ Anāthapiṇḍika.

* *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* giảng giải cho ông phú hộ hiểu biết về *6 đối-tượng bên ngoài tiếp xúc với 6 tịnh-sắc-pháp bên trong, phát sinh 6 thức-tâm, 6 xúc, 6 thọ, v.v…*

* *Ngài Trưởng-lão Ānanda* cũng khuyên dạy, *ông phú hộ Anāthapiṇḍika* phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ trong lời giảng dạy của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Ānanda.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Ānanda trở về ngôi chùa Jetavana một lát sau, *ông phú hộ Anāthapiṇḍika chết*, sau khi *ông phú hộ* chết, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm*** gọi là ***tái-sinh-***

[1] Maj. Uparipaṇṇāsapāḷi, kinh Anāthapiṇḍikovādasutta.

tâm *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm *vị thiên-nam Anāthapiṇḍika* trên *cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên)* trong lâu đài nguy nga tráng lệ, có hào quang sáng ngời toả khắp mọi nơi.

Ngay đêm hôm ấy, ***vị thiên-nam Anāthapiṇḍika*** từ cõi trời Tusita xuất hiện xuống ngôi chùa Jetavana làm cho ngôi chùa sáng choang, *vị thiên-nam Anāthapiṇḍika* đến hầu đảnh lễ *Đức-Thế-Tôn*, tán dương ca tụng *ân-đức Phật*, *ân-đức Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, rồi đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xin phép trở về cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên).

Cho nên, *phước-thiện nghe chánh-pháp* lúc nào cũng đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, nhất là đối với bệnh nhân nghe chánh-pháp, phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ làm cho bệnh giảm bớt, hoặc bớt hẳn, nếu bệnh nhân không sống được, thì sau khi bệnh nhân chết, *đại-thiện-nghiệp nghe chánh-pháp* có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau 1 trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới.

(Xong phần phước-thiện nghe pháp)

9- PHƯỚC-THIỆN THUYẾT-PHÁP (Dhammadesanā)

Dhammadesanākusala: Phước-thiện thuyết-pháp

Định nghĩa Dhammadesanā

"Dhammaṃ desenti etāyā'ti dhammadesanā."

Những người có khả năng thuyết dạy, giảng dạy chánh-pháp tế độ chúng-sinh gọi là dhammadesanā: phước-thiện thuyết-pháp, đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh

với đại-thiện-tâm có yonisomanasikāra: sự hiểu biết trong tâm đúng theo thật-tánh của các pháp.

Dhammadesanākusala: Phước-thiện thuyết-pháp

* Vị nào có khả năng thuyết dạy, giảng dạy chánh-pháp *với đại-thiện-tâm trong sạch*, không cho *tham-tâm* phát sinh mong muốn mình là *một pháp sư nổi tiếng, cũng không mong muốn được những phẩm vật cúng dường, cũng không muốn nhiều người đến lễ bái, cũng không muốn được nhiều thuộc hạ tùy tùng đông đảo, cũng không muốn danh thơm tiếng tốt,* …mà chỉ có *đại-thiện-tâm* trong sạch tế độ người nghe, hy vọng mọi người cung-kính nghe chánh-pháp, hiểu rõ chánh-pháp của Đức-Phật mà thôi, thì *phước-thiện thuyết-pháp* trong sạch, chắc chắn có nhiều quả báu cao thượng.

* Người nào có khả năng thuyết, giảng dạy chánh-pháp *với đại-thiện-tâm không trong sạch*, bởi vì *tham-tâm* phát sinh mong muốn mình trở thành *một pháp sư nổi tiếng, cũng mong muốn được những phẩm vật cúng dường, mong được nhiều người đến lễ bái, cúng dường, có được nhiều thuộc hạ tùy tùng đông đảo, được danh thơm tiếng tốt, có nhiều lợi lộc, v.v...* thì *phước-thiện thuyết-pháp* không trong sạch, không có nhiều quả báu.

Thuyết-pháp với tâm không trong sạch

Vị tỳ-khưu thuyết-pháp với tâm không trong sạch, có *tác-ý tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm (ác-tâm)* nói trái với chánh-pháp, để mong đem lại sự lợi ích cho mình. Ví dụ:

Tích Kapilamacchavatthu

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn

đề cập đến con cá màu vàng tên *Kapila*, nên thuyết tích *Kapilamacchavatthu* [1] này, được tóm lược như sau:

Trong quá khứ, thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*[2] đã tịch diệt Niết-bàn. Khi ấy, một gia đình có ***2 anh em*** đều đi xuất gia trở thành tỳ-khưu ở tại một ngôi chùa của vị thầy tế độ. ***Người mẹ và em gái*** cũng đi xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni ở tại một ngôi chùa tỳ-khưu-ni.

Toàn gia đình gồm có 4 người: người anh tên là ***tỳ-khưu Sāgata***, người em trai tên là ***tỳ-khưu Kapila***, người mẹ tên là ***tỳ-khưu-ni Sādhinī*** và người em gái tên là ***tỳ-khưu ni Tāpanā.***

Sau khi trở thành tỳ-khưu, hằng ngày, hai tỳ-khưu huynh đệ thực-hành bổn phận đối với Ngài Trưởng-lão thầy tế-độ và Ngài Trưởng-lão thầy tế độ hướng dẫn dạy dỗ một cách chu đáo.

Một hôm, hai vị tỳ-khưu bạch hỏi vị thầy tế độ rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão thầy tế độ, phận sự chính trong Phật-giáo là gì?

Ngài Trưởng-lão thầy tế độ truyền dạy rằng:

- Này hai con! Trong Phật-giáo có 2 phận sự chính:

1- Ganthadhura: phận sự học pháp-học Phật-giáo.

2- Vipassanādhura: phận sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thuộc về pháp-hành Phật-giáo.

Nghe Ngài Trưởng-lão thầy tế độ dạy như vậy, vị ***tỳ-khưu Sāgata*** (huynh) lớn tuổi nghĩ rằng:

"Ta nên theo phận sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thuộc về pháp-hành Phật-giáo."

---

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, tích Kapilamacchavatthu.

[2] Thời-kỳ Đức-Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 20 ngàn năm, trong cùng Bhaddakappa kiếp trái đất này.

*Vị **tỳ-khưu Sāgata*** ở trong chùa, hằng ngày thực-hành pháp-hành phận sự người đệ tử đối với Ngài Trưởng-lão thầy tế-độ, và Ngài Trưởng-lão thầy tế độ dạy dỗ về giới luật rành rẽ và hiểu rõ phương pháp thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ (vipassanādhura)* cho *vị tỳ-khưu Sāgata* suốt 5 năm.

Sau 5 năm, *tỳ-khưu Sāgata* đảnh lễ thầy tế độ, xin phép vào rừng thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót trở thành *bậc Thánh A-ra-hán.*

* *Vị **tỳ-khưu Kapila*** (đệ) nhỏ tuổi nghĩ rằng:

"Ta còn trẻ nên theo phận sự học pháp-học Phật-giáo trước, đến khi lớn tuổi ta sẽ theo phận sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thuộc về pháp-hành Phật-giáo."

Sau khi nghĩ như vậy, *tỳ-khưu Kapila* đảnh lễ Ngài Trưởng-lão thầy tế độ, xin theo phận sự học *pháp-học Phật-giáo (ganthadhura)* trước, nên *tỳ-khưu Kapila* cố gắng tinh-tấn theo học *pháp-học Phật-giáo ghi nhớ thuộc lòng Tam-tạng Pāḷi*, trở thành vị pháp-sư thuyết-pháp hay nổi tiếng, nên được nhiều người ngưỡng mộ, theo hộ độ, cúng dường nhiều phẩm vật.

Tỳ-khưu Kapila *say mê trong danh lợi*, rồi phát sinh tự cao ngã mạn, tự cho mình hiểu biết hơn người, hành động sai trái, nói năng sai trái với luật, trái với chánh-pháp của Đức-Phật.

** Điều hợp với luật, hợp với pháp, thì tỳ-khưu Kapila dám nói không hợp với luật, không hợp với pháp; và điều không hợp với luật, không hợp với pháp, thì tỳ-khưu Kapila dám nói hợp với luật, hợp với pháp.*

** Điều có tội, thì tỳ-khưu Kapila dám nói vô tội; và điều vô tội, thì tỳ-khưu Kapila dám nói có tội, v.v ...*

Tỳ-khưu Kapila nương nhờ sự hiểu biết Tam-tạng Pāḷi, rồi trổ tài ngụy biện cho hành vi sai trái của mình, tỳ-khưu Kapila đã hành động và nói lời trái với chánh-pháp của Đức-Phật .

Nghe thấy hành động sai trái và lời nói sai trái của tỳ-khưu Kapila, các Ngài Trưởng-lão thiện-trí có giới-đức trong sạch đến khuyên bảo tỳ-khưu Kapila rằng:

- Này pháp-hữu Kapila! Pháp-hữu không nên hành động và nói năng trái với chánh-pháp của Đức-Phật như vậy nữa, đó là điều không không hợp với luật, không hợp với chánh-pháp.

Nghe các Ngài Trưởng-lão thiện-trí khuyên bảo như vậy, nhưng *tỳ-khưu Kapila* không những không biết phục thiện, mà còn chê trách các bậc thiện-trí rằng:

- Này các Ngài Trưởng-lão! Các Ngài biết được những gì! Các Ngài chỉ là các người rỗng tuếch mà thôi!

Tỳ-khưu Kapila càng ngày càng tự cao ngã mạn thường chê trách các Ngài Trưởng-lão có giới-đức trong sạch, và hăm dọa các tỳ-khưu nhỏ khác mà không chịu nghe theo lời của y.

Sư đệ không vâng lời sư huynh

Các Ngài Trưởng-lão thiện-trí không thể khuyên bảo *tỳ-khưu Kapila* được, nên quý Ngài Trưởng-lão đến bạch sự việc này cho *Ngài Trưởng-lão Sāgata* là *bậc Thánh A-ra-hán* cũng là *sư huynh của tỳ-khưu Kapila*.

Ngài Trưởng-lão Sāgata đến khuyên bảo rằng:

- Này sư đệ Kapila! Các Ngài Trưởng-lão thiện-trí khuyên bảo đúng đắn, để bảo vệ, duy trì chánh-pháp của Đức-Phật.

Vậy, sư đệ nên vâng lời các Ngài Trưởng-lão thiện-trí ấy. Sư đệ không nên hành động và nói lời vô lễ đối với các Ngài Trưởng-lão ấy.

Sư đệ không nên hành động và nói năng trái với chánh-pháp của Đức-Phật như vậy nữa.

Tuy *Ngài Trưởng-lão Sāgata* đã khuyên bảo đôi ba lần, nhưng *tỳ-khưu Kapila* ngoan cố không chịu từ bỏ những hành động sai lầm, nói lời sai trái với chánh-pháp của Đức-Phật.

Biết *tỳ-khưu Kapila* không chịu nghe lời khuyên dạy của mình, nên *Ngài Trưởng-lão Sāgata* bảo rằng:

- *Này sư đệ Kapila! Nếu sư đệ không từ bỏ những điều sai trái của mình thì sư đệ sẽ chịu những quả khổ của ác-nghiệp của mình.*

Sau khi nhắc nhở khuyên dạy sư đệ Kapila như vậy, rồi Ngài Trưởng-lão Sāgata trở về chỗ ở của mình.

Từ đó, các tỳ-khưu có giới-đức trong sạch đều xa lánh, không gần gũi với tỳ-khưu Kapila nữa. Tỳ-khưu Kapila vẫn hành động sai trái, nói lời sai trái cùng với nhóm thuộc hạ tùy tùng của y, sống chung với nhau.

Một hôm, tỳ-khưu Kapila nghĩ rằng:

"Hôm nay là ngày uposatha hằng tháng, ta nên đến làm lễ uposathakamma tại sīmā."

Tỳ-khưu Kapila đến ngồi trên pháp tòa hỏi các tỳ-khưu rằng:

- *Này các Ngài! Chư tỳ-khưu hành Tăng-sự tụng Bhikkhupātimokkha tại nơi đây phải không?*

Nghe tỳ-khưu Kapila hỏi như vậy, các vị tỳ-khưu đều làm thinh, bởi vì nghĩ rằng:

"Không có lợi ích gì đối đáp với tỳ-khưu Kapila này."

Thấy vậy, tỳ-khưu Kapila nói rằng:

"Āvuso, dhammo vā vinayo vā natthi, pātimokkhena sutena vā asutena vā ko attho."

- Này các Ngài! Chánh-pháp hoặc chánh luật không có, nghe bhikkhupātimokkha hoặc không nghe bhikkhupātimokkha có lợi ích gì!

Sau khi nói như vậy, tỳ-khưu Kapila đứng dậy trở về chỗ ở của mình.

Tỳ-khưu Kapila vẫn chấp-thủ theo sự sai của mình, hành động, nói năng sai trái với chánh-pháp của Đức-Phật Kassapa, không biết phục thiện cho đến suốt đời.

* ***Ngài Trưởng-lão Sāgata*** *là bậc Thánh A-ra-hán* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi ***tỳ-khưu Kapila*** chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy của mình suốt thời gian lâu dài.

* ***Tỳ-khưu-ni Sādhinī*** là thân-mẫu của *tỳ-khưu Kapila*, và ***tỳ-khưu-ni Tāpanā*** là em gái của *tỳ-khưu Kapila* thường bênh vực *tỳ-khưu Kapila*, chê trách, quở mắng các tỳ-khưu có giới-đức trong sạch, nên sau khi ***tỳ-khưu-ni Sādhinī và tỳ-khưu-ni Tāpanā*** chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy của mình suốt thời gian lâu dài.

Tái-sinh lên cõi trời nhờ phước-thiện giữ-giới

Trong thời-kỳ ấy, có nhóm trộm cướp 500 người vào xóm làng trộm cướp, bị số đông dân làng cầm khí giới vây bắt, họ hoảng sợ, chạy vào rừng trốn thoát, nhưng không tìm được nơi nương nhờ an toàn nào trong rừng, nhìn thấy *vị tỳ-khưu* sống trong rừng, nên họ cùng nhau đến đảnh lễ Ngài Trưởng-lão ấy, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài Trưởng-lão là nơi nương nhờ an toàn của chúng con.

Ngài Trưởng-lão dạy bảo rằng:

- Này các con! Ngoài giới ra, không có nơi nương nhờ an toàn đối với các con. Vậy, các con nên thọ trì ngũ-giới.

Nghe Ngài Trưởng-lão dạy bảo như vậy, tất cả nhóm trộm cướp đều vâng lời dạy của Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài Trưởng-lão hướng dẫn cho thọ trì ngũ-giới.

Sau khi thọ trì ngũ-giới xong, Ngài Trưởng-lão khuyên dạy rằng:

- Này các con! Bây giờ các con là người có giới, mỗi người hãy cố gắng giữ gìn ngũ-giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, thà phải hy sinh sinh-mạng, chứ không để phạm điều-giới nào.

Tất cả nhóm trộm cướp đều cung-kính vâng lời của Ngài Trưởng-lão. Khi ấy, số đông dân làng cầm khí giới chạy đuổi theo đến khu rừng, tìm thấy nhóm trộm cướp gồm có 500 người, họ giết chết tất cả nhóm trộm cướp, không còn ai sống sót.

Sau khi nhóm trộm cướp 500 người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp giữ-giới* cho quả tái-sinh lên cõi trời. Người cầm đầu nhóm trộm cướp trong tiền-kiếp, lại trở thành vị thiên-nam đứng đầu nhóm chư-thiên 500 vị. Nhóm chư thiên 500 vị hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời ấy.

Tái-sinh trong nhóm dân chài

Nhóm chư-thiên 500 vị ấy tử sinh luân-hồi trên cõi trời từ thời-kỳ trong giáo-pháp của *Đức-Phật Kassapa* cho đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thế

gian, trải qua thời gian lâu dài trong cùng kiếp trái đất gọi là Bhaddakappa này.

Sau khi *nhóm chư-thiên 500 vị* chết tại cõi trời, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh xuống cõi người trong làng *500 gia đình dân chài*. Sau khi vị thiên-nam trưởng nhóm chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm con của ông trưởng làng dân chài, nhóm chư-thiên còn lại, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm con của các gia đình dân chài.

Khi *500 đứa trẻ sinh ra đời*, lúc trưởng thành, 500 đứa trẻ là bạn thân với nhau, con của ông trưởng làng dân chài là trưởng nhóm.

Kapila sinh làm con cá lớn da màu vàng

Hậu kiếp của tỳ-khưu Kapila bị thiêu đốt trong cõi đại-địa-ngục Avīci trải qua thời gian lâu dài từ thời-kỳ giáo-pháp của *Đức-Phật Kassapa* cho đến thời-kỳ *Đức-Phật Gotama* xuất hiện trên thời gian, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục, ác-nghiệp ấy lại cho quả tái-sinh làm ***con cá lớn da màu như vàng***, nhưng miệng có mùi hôi ghê tởm, trong con sông Aciravatī.

Một hôm, nhóm trẻ 500 bạn thân bàn bạc với nhau rằng:

"Chúng ta nên đi bắt cá". Chúng nó đem lưới chở trên ghe ra con sông Aciravatī, giăng lưới xuống nước bắt cá. ***Con cá lớn da màu vàng ấy*** bị mắc vào lưới của nhóm trẻ ấy, cha mẹ của chúng vui mừng reo hò lên rằng:

*"Các con của chúng ta bắt được **con cá lớn da màu vàng đẹp quá**! Chúng ta nên đem con cá này dâng lên Đức-vua Pasenadi Kosala để lãnh thưởng."*

Nhóm trẻ bạn thân đặt con cá da màu vàng trên chiếc ghe, rồi cùng nhau khiêng đến cung điện của Đức-vua.

Nhìn thấy con cá lớn chưa từng thấy, nên Đức-vua Pasenadi Kosala truyền hỏi rằng:

- Này các ngươi! Các ngươi bắt con cá này ở đâu vậy?

Nhóm bạn trẻ tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, chúng tiện dân bắt con cá này tại con sông Aciravatī.

Đức-vua nhìn thấy con cá lớn da màu vàng rất xinh đẹp, nên nghĩ rằng:

"Đức-Thế-Tôn biết rõ nguyên nhân nào con cá lớn này có da màu vàng như thế này."

Truyền bảo nhóm trẻ khiêng con cá lớn ấy đến ngôi chùa Jetavana, Đức-vua cùng ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn.

Con cá lớn có màu da màu vàng ấy hả miệng ra, thì mùi hôi ghê tởm từ miệng con cá ấy tỏa ra khắp ngôi chùa Jetavana.

Khi ấy, Đức-vua Pasenadi Kosala bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, do nguyên nhân nào con cá lớn này có màu da màu vàng xinh đẹp như vậy?

Do nguyên nhân nào miệng của nó có mùi hôi ghê tởm như vậy? Bạch Ngài.

Nghe Đức-vua Pasenadi Kosala bạch hỏi như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Này Đại Vương! Tiền-kiếp của con cá lớn này là vị ***tỳ-khưu tên Kapila*** *trong giáo-pháp của Đức-Phật Kassapa. Vị tỳ-khưu Kapila cố gắng tinh-tấn học ghi nhớ nhiều trong Tam-tạng Pāḷi, trở thành vị pháp-sư thuyết-pháp hay, nên được nhiều người ngưỡng mộ, vì có nhiều người theo hộ độ, cúng dường nhiều phẩm vật,*

tỳ-khưu Kapila say mê trong danh lợi, rồi phát sinh tự cao ngã mạn, tự cho mình hiểu biết hơn người.

Tỳ-khưu Kapila hành động sai trái với giới luật, nói năng sai trái với chánh-pháp của Đức-Phật Kassapa, thường chê trách các Ngài Trưởng-lão thiện-trí có giới-đức trong sạch, hăm doạ các tỳ-khưu nhỏ không nghe theo mình. Tỳ-khưu Kapila vẫn chấp-thủ những điều sai trái ấy cho đến chết.

Sau khi tỳ-khưu Kapila chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt thời gian lâu dài.

Nay kiếp hiện-tại, cũng do ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm con cá lớn này:

** Con cá lớn có màu da vàng, đó là quả của đại-thiện-nghiệp học Tam-tạng Pāḷi, tán dương ân-đức Phật-bảo trong kiếp quá-khứ.*

** Cái miệng của con cá lớn có mùi hôi hám đáng ghê tởm, đó là quả của ác-nghiệp nói điều sai trái với chánh-pháp của Đức-Phật Kassapa, thường chê trách các Ngài Trưởng-lão thiện-trí có giới-đức trong sạch, hăm dọa các tỳ-khưu nhỏ có giới-đức trong sạch.*

- Này Đại-vương! Như-Lai truyền bảo con cá này trả lời những câu hỏi cho Đại-vương nghe.

Đức-vua Pasenadi Kosala bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn truyền bảo con cá trả lời những câu hỏi. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền hỏi con cá ấy rằng:

- Này cá! Con tên là Kapila đúng không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đúng, tên con là Kapila.

- Này cá! Tiền-kiếp của con từ đâu đến?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tiền-kiếp của con từ đại-địa-ngục Avīci đến.

- Này cá! Sư huynh Sāgata của con sinh ở đâu?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sư huynh Sāgata của con đã tịch diệt Niết-bàn.

- Này cá! Tỳ-khưu-ni Sādhanī là mẹ của con sinh ở cõi nào?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tỳ-khưu-ni Sādhanī là mẹ của con sinh trong cõi đại-địa-ngục.

- Này cá! Tỳ-khưu-ni Tāpanā là em của con sinh ở cõi nào?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Tỳ-khưu-ni Tāpanā là em của con cũng sinh trong cõi đại-địa-ngục.

- Này cá! Bây giờ, con sẽ sinh cõi nào?

Con cá tên Kapila bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sau khi con chết, ác-nghiệp cho quả sẽ tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci.

Sau khi bạch với Đức-Thế-Tôn như vậy, con cá Kapila phát sinh nóng nảy, nên đập đầu vào be thuyền vỡ đầu chết ngay tại chỗ, sau khi chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci.

Nghe và thấy cảnh tượng như vậy, mọi người hết sức kinh ngạc.

Qua *tích Kapilamacchavatthu* này, ***tỳ-khưu Kapila*** vốn là vị học ghi nhớ nhiều trong Tam-tạng Pāḷi trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa. ***Tỳ-khưu Kapila*** thuyết-pháp hay nổi tiếng, nên được nhiều người ngưỡng mộ, cúng dường nhiều phẩm vật.

Về sau, ***tỳ-khưu Kapila*** say mê trong danh lợi, phát sinh tâm ngã mạn, tự cho mình hơn người, nên nói điều nào có lợi cho mình, dù cho điều ấy không hợp với luật

mà Đức-Phật đã chế định, không hợp với chánh-pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng.

Mỗi khi, nếu có Ngài Trưởng-Lão đến khuyên dạy, nhắc nhở thì tỳ-khưu Kapila không biết phục thiện, cố chấp-thủ, nhờ dựa vào vốn hiểu biết về pháp-học Phật-giáo, rồi ngụy biện bào chữa cho hành vi sai trái, lời nói sai trái của mình.

Học pháp-học Phật-giáo như tỳ-khưu Kapila ví như người bắt rắn độc phần đuôi, không chỉ có hại cho mình, mà còn đem lại sự tai hại cho những người gần gũi thân cận tin tưởng khác nữa.

Đức-Phật dạy có 3 hạng người *học pháp-học Phật-giáo* như sau:

1- Alagadda pariyatti: Hạng người học pháp-học Phật-giáo ví như người bắt rắn độc phần đuôi có hại cho sinh-mạng của mình.

2- Nissaraṇa pariyatti: Hạng người học pháp-học Phật-giáo để thực-hành mong giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

3- Bhaṇḍāgārika pariyatti: Bậc Thánh A-ra-hán học pháp-học Phật-giáo cốt để giữ gìn, duy trì kho tàng Pháp-bảo của Đức-Phật.

Hai nhóm tỳ-khưu xứ Kosambī cãi cọ nhau

Vào khoảng thời gian cuối hạ thứ 9, chưa đến hạ thứ 10 của *Đức-Phật Gotama*, một sự kiện xảy ra tại ngôi chùa Ghositārāma, xứ Kosambī như sau:

Một nhóm *tỳ-khưu thông-thuộc-luật (vinayadhara)* với một nhóm *tỳ-khưu thông-thuộc-kinh (suttantadhara)* cãi cọ, tranh luận với nhau, do nguyên nhân bắt nguồn từ một việc nhỏ:

** Một vị tỳ-khưu thông-thuộc-kinh đi ra khỏi nhà vệ sinh, để nước rửa còn dư trong ca.*

** Một vị tỳ-khưu thông-thuộc-luật đi vào nhà vệ sinh, nhìn thấy nước rửa còn dư trong ca,...*

Với một chuyện nhỏ hiểu lầm nhau, dẫn đến chia ra thành 2 nhóm tỳ-khưu, không chịu hành Tăng-sự chung với nhau.

Hay biết sự việc xảy ra như vậy, nên Đức-Phật ngự đến khuyên dạy mỗi nhóm tỳ-khưu ấy không nên cãi cọ, tranh luận với nhau nữa, hãy nên sám hối, rồi cùng nhau hòa hợp, cùng nhau hành Tăng-sự, nhưng không nhóm nào chịu vâng theo lời giáo huấn của Đức-Phật.

Một hôm, *Đức-Thế-Tôn* ngự đi khất thực trong thành Kosambī, sau khi độ ngọ xong, *Đức-Thế-Tôn* một mình rời khỏi thành Kosambī, ngự đi vào khu rừng Pālileyyaka. Một mình ngự tại khu rừng thanh vắng này *Đức-Thế-Tôn* nghĩ rằng:

"Trước đây, hai nhóm tỳ-khưu xứ Kosambī cãi cọ với nhau, tranh luận với nhau. Bây giờ, Như-Lai ở một mình, không có người nào bên cạnh, vắng vẻ, yên tịnh biết dường nào!"

Đức-Thế-Tôn *an cư nhập hạ thứ mười* tại khu rừng *Pālileyyaka* này. ***Voi chúa Pālileyyaka*** chán ngán với cảnh sống chung chạ với đàn voi con nhỏ, nên nó lẩn tránh vào khu rừng này, gặp Đức-Thế-Tôn, nó cảm thấy vô cùng hoan-hỷ làm bổn phận phục vụ hộ độ Đức-Thế-Tôn, như người đệ-tử biết phận sự lo hầu hạ thầy.

Thấy ***voi chúa Pālileyyaka*** hộ độ Đức-Thế-Tôn, ***con khỉ*** phát sinh đức-tin trong sạch cũng bắt chước hộ độ Đức-Thế-Tôn.

Hằng ngày, ***con khỉ*** vào rừng tìm các loại trái cây chín ngon, đem về cúng dường đến Đức-Thế-Tôn.

Một hôm, *con khỉ* gặp tổ ong mật không còn con ong, nó đem về cúng dường lên Đức-Thế-Tôn.

Nhìn thấy Đức-Thế-Tôn dùng mật ong ấy, nó vô cùng hoan-hỷ nhảy nhót, vì sơ ý rơi xuống đất chết.

* Sau khi *con khỉ* chết, *đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng dường mật ong ấy* cho quả tái-sinh làm *vị thiên-nam* có tên là *Makkaṭa devaputta* trong lâu đài nguy nga tráng lệ trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Dân chúng thành Kosambī hay biết tin *Đức-Thế-Tôn* một mình ngự vào khu *rừng Pālileyyaka* an cư nhập hạ, bởi vì hai nhóm tỳ-khưu cãi cọ với nhau, tranh luận với nhau, dù Đức-Thế-Tôn ngự đến khuyên dạy hai nhóm tỳ-khưu không nên cãi cọ với nhau nữa, nhưng hai nhóm tỳ-khưu vẫn không vâng lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn.

Toàn thể dân chúng thành Kosambī đều nhất trí với nhau rằng:

"Chúng ta không đón tiếp, không đảnh lễ, không tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực đến hai nhóm tỳ-khưu ấy."

Khi hai nhóm tỳ-khưu ấy đi khất thực trong thành Kosambī, không có ai cúng dường vật thực suốt 2-3 ngày liền chịu đói, cho nên, hai nhóm tỳ-khưu ấy không còn thái độ cứng rắn như trước. Họ chịu sám hối với nhau, hòa hợp với nhau như trước.

Hai nhóm tỳ-khưu cùng nhau đi đến gặp dân chúng trong thành Kosambī, báo cho dân chúng biết, tất cả họ đã hòa hợp với nhau rồi.

Sau 3 tháng mùa mưa an cư nhập hạ xong, Ngài *Trưởng-lão Ānanda cùng nhóm 500 tỳ-khưu* rời khỏi kinh-thành Sāvatthi, đi đến *khu rừng Pālileyyaka*, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết-

pháp tế độ 500 tỳ-khưu đều *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại nơi ấy.

Ngài Trưởng-lão Ānanda bạch với Đức-Thế-Tôn theo lời thỉnh mời của ông phú hộ Anāthapiṇḍika, bà Visākhā, …kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến kinh-thành Sāvatthi.

Đức-Thế-Tôn im lặng nhận lời. Đức-Thế-Tôn rời khỏi khu rừng Pālileyyaka ngự đi đến kinh-thành Sāvatthi cùng với chư tỳ-khưu-Tăng.

* ***Voi chúa Pālileyyaka*** tiễn đưa Đức-Thế-Tôn ra đến bìa rừng, Đức-Thế-Tôn dạy voi chúa Pālileyyaka rằng:

- Này Pālileyyaka! Con nên trở lại khu rừng, từ đây trở ra thuộc địa phận loài người, có thể có hại đến con!

Nghe giọng phạm âm phát sinh từ tâm-từ của Đức-Thế-Tôn, *Voi chúa Pālileyyaka* đứng lại nhìn theo với tâm kính yêu vô hạn.

Khi Đức-Thế-Tôn vừa khuất, *voi chúa Pālileyyaka đứng chết tại nơi ấy*, sau khi chết, đại-thiện-nghiệp phục vụ Đức-Thế-Tôn ấy cho quả tái-sinh làm *vị thiên-nam* tên là *Pālileyyaka devaputta* trong lâu đài nguy nga tráng lệ tại cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Đúng pháp và sai pháp (dhamma-adhamma)

Khi đến kinh-thành Sāvatthi, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana. Nghe tin tất cả hai nhóm tỳ-khưu xứ Kosambī đang trên đường đến kinh-thành Sāvatthi, để hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tất cả hai nhóm tỳ-khưu xứ Kosambī sẽ đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, để xin sám hối. Vậy, con nên đối xử với họ như thế nào? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn khuyên dạy *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* rằng:

- Này Sāriputta! Con nên đối xử với tất cả tỳ-khưu ấy theo chánh-pháp.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con nên biết phân biệt thế nào gọi là tỳ-khưu nói tà-pháp (adhammavādī) và thế nào gọi là tỳ-khưu nói chánh-pháp (dhammavādī)?

Đức-Thế-Tôn khuyên dạy rằng:

- Này Sāriputta! Con nên biết phân biệt tỳ-khưu nói tà-pháp có 18 điều như sau:

18 điều tà-pháp [(1)]

Tỳ-khưu trong Phật-giáo này là người:

1- Thuyết giảng điều tà-pháp, nói là điều chánh-pháp.

2-Thuyết giảng điều chánh-pháp, nói là điều tà-pháp.

3- Thuyết giảng điều sai luật, nói là điều đúng luật.

4- Thuyết giảng điều đúng luật, nói là điều sai luật.

5- Thuyết giảng điều Như-Lai không thuyết giảng, nói là điều Như-Lai thuyết giảng.

6- Thuyết giảng điều Như-Lai thuyết giảng, nói là điều Như-Lai không thuyết giảng.

7- Thuyết giảng điều Như-Lai không thường hành, nói là điều Như-Lai thường hành.

8- Thuyết giảng điều Như-Lai thường hành, nói là điều Như-Lai không thường hành

9- Thuyết giảng điều Như-Lai không chế định, nói là điều Như-Lai chế định.

10- Thuyết giảng điều Như-Lai chế định, nói là điều Như-Lai không chế định.

---

[1] Vinayapiṭaka. Bộ Mahāvaggapāḷi, xem quyển "Giáo Pháp", cùng soạn gỉa

11- Thuyết giảng điều phạm giới, nói là điều không phạm giới.

12- Thuyết giảng điều không phạm giới, nói là điều phạm giới.

13- Thuyết giảng điều phạm giới nhẹ, nói là điều phạm giới nặng.

14- Thuyết giảng điều phạm giới nặng, nói là điều phạm giới nhẹ.

15- Thuyết giảng điều phạm giới rồi còn phạm giới nữa, nói là điều phạm giới, rồi không còn phạm giới nữa.

16- Thuyết giảng điều phạm giới rồi không còn phạm giới nữa, nói là điều phạm giới rồi còn phạm giới nữa.

17- Thuyết giảng điều phạm giới trầm trọng, nói là điều phạm giới không trầm trọng.

18- Thuyết giảng điều phạm giới không trầm trọng, nói là điều phạm giới trầm trọng.

- Này Sāriputta! Con nên biết phân biệt tỳ-khưu nói tà-pháp có 18 điều như vậy.

18 điều chánh-pháp

- Này Sāriputta! Con nên biết phân biệt tỳ-khưu nói chánh-pháp có 18 điều như sau:

Tỳ-khưu trong Phật giáo này là người:

1- Thuyết giảng điều tà-pháp, nói là điều tà-pháp.

2- Thuyết giảng điều chánh-pháp, nói là điều chánh-pháp.

3- Thuyết giảng điều sai luật, nói là điều sai luật.

4- Thuyết giảng điều đúng luật, nói là điều đúng luật.

5- Thuyết giảng điều Như-Lai không thuyết giảng, nói là điều Như-Lai không thuyết giảng.

6- Thuyết giảng điều Như-Lai thuyết giảng, nói là điều Như-Lai thuyết giảng.

7- Thuyết giảng điều Như-Lai không thường hành, nói là điều Như-Lai không thường hành.

8- Thuyết giảng điều Như-Lai thường hành, nói là điều Như-Lai thường hành.

9- Thuyết giảng điều Như-Lai không chế định, nói là điều Như-Lai không chế định.

10- Thuyết giảng điều Như-Lai chế định, nói là điều Như-Lai chế định.

11-Thuyết giảng điều phạm giới, nói là điều phạm giới.

12- Thuyết giảng điều không phạm giới, nói là điều không phạm giới.

13- Thuyết giảng điều phạm giới nhẹ, nói là điều phạm giới nhẹ.

14- Thuyết giảng điều phạm giới nặng, nói là điều phạm giới nặng.

15- Thuyết giảng điều phạm giới rồi còn phạm giới nữa, nói là điều phạm giới, rồi còn phạm giới nữa.

16- Thuyết giảng điều phạm giới rồi không còn phạm giới nữa, nói là điều phạm giới rồi không còn phạm giới nữa.

17- Thuyết giảng điều phạm giới trầm trọng, nói là điều phạm giới trầm trọng.

18- Thuyết giảng điều phạm giới không trầm trọng, nói là điều phạm giới không trầm trọng.

- Này Sāriputta! Con nên biết phân biệt tỳ-khưu nói chánh-pháp có 18 điều như vậy.

Tà pháp (Adhamma) đó là:

- 10 bất-thiện-nghiệp hoặc 10 ác-nghiệp.

- 4 pháp-chấp-thủ: Tham-dục chấp-thủ, tà-kiến chấp-thủ, pháp thường-hành chấp-thủ, ngã-kiến chấp-thủ.

- 8 tà-đạo (micchāmagga): Tà-kiến, tà-tư-duy, tà-ngữ, tà-nghiệp, tà-mạng, tà-tinh-tấn, tà-niệm, tà-định.

Tóm lại các ác-pháp đều gọi là tà-pháp (adhamma).

Chánh-pháp (Dhamma) đó là:

- 10 đại-thiện-nghiệp.

- 37 Pháp chứng đắc Thánh-đạo (Bodhipakkhiya-dhamma): 4 pháp-niệm-xứ, 4 pháp-tinh-tấn, 4 pháp-thành-tựu, 5 pháp-chủ, 5 pháp-lực, 7 pháp-giác-chi, 8 pháp-chánh-đạo.

Tóm lại các thiện-pháp đều gọi là chánh-pháp (dhamma).

Tà-pháp hoặc chánh-pháp có tầm quan trọng như thế nào trong Phật-giáo?

* Người nào thuyết tà-pháp, giảng tà-pháp đem lại sự tai hại, sự thoái hóa, sự khổ não lâu dài không chỉ riêng cho người ấy, mà còn cho nhiều người liên quan khác nữa, nhất là làm cho Phật-giáo suy thoái.

* Người nào thuyết chánh-pháp, giảng chánh-pháp đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài không chỉ riêng cho người ấy, mà còn cho nhiều người liên quan khác nữa, nhất là làm cho Phật-giáo phát triển.

Như trong Chi-bộ-kinh, phần 1 chi có 2 phần:

- Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp suy thoái.

- Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp phát triển.

** Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp suy thoái như thế nào?*

Đức-Phật thuyết dạy rằng:

1-"Ye te bhikkhave, bhikkhū adhammaṃ 'dhammo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujana-ahitāya paṭi-pannā bahujana asukhāya bahuno janassa anatthāya ahitāya dukkhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū apuññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ antaradhāpentī'ti."

2-"Ye te bhikkhave, bhikkhū dhammaṃ 'adhammo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujana ahitāya paṭipannā bahujana asukhāya bahuno janassa anatthāya ahitāya dukkhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū apuññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ antaradhāpentī'ti."

3-"Ye te bhikkhave, bhikkhū avinayaṃ 'vinayo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujana ahitāya paṭipannā bahujana asukhāya bahuno janassa anatthāya ahitāya dukkhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū apuññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ antaradhāpentī'ti."

4-"Ye te bhikkhave, bhikkhū vinayaṃ 'avinayo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujana ahitāya paṭipannā bahujana asukhāya bahuno janassa anatthāya ahitāya dukkhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū apuññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ antaradhāpentī'ti…"

** Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp phát triển như thế nào?*

Đức-Phật thuyết dạy rằng:

1-"Ye te bhikkhave, bhikkhū adhammaṃ 'adhammo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujanahitāya paṭipannā bahujanasukhāya bahuno janassa atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū puññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ ṭhāpentī'ti."

2-"Ye te bhikkhave, bhikkhū dhammaṃ 'dhammo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujanahitāya paṭipannā bahujanasukhāya bahuno janassa atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū puññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ ṭhāpentī'ti".

3-"Ye te bhikkhave, bhikkhū avinayaṃ 'avinayo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujanahitāya paṭipannā bahujanasukhāya bahuno janassa atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū puññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ ṭhāpentī'ti."

4-"Ye te bhikkhave, bhikkhū vinayaṃ 'vinayo'ti dīpenti, Te bhikkhave, bhikkhū bahujanahitāya paṭipannā bahujanasukhāya bahuno janassa atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ.

Bahuñca te bhikkhave, bhikkhū puññaṃ pasavanti, te cimaṃ saddhammaṃ ṭhāpentī'ti…"[1]

Ý nghĩa

** Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp suy thoái như thế nào?*

1- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều tà-pháp (adhamma) mà nói là 'chánh-pháp'(dhamma).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều không đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, không đem lại sự an-lạc cho nhiều người, mà đem lại sự tai hại, sự thoái hóa, sự khổ não đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều tội-lỗi, nhiều ác-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp suy thoái nữa.

2- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều chánh-pháp (dhamma) mà nói là 'tà-pháp'(adhamma).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều không đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, không

[1] Aṅguttaranikāya, phần Ekakanipāta, Dutiyapamādādivagga.

đem lại sự an-lạc cho nhiều người, mà đem lại sự tai hại, sự thoái hóa, sự khổ não đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều tội-lỗi, nhiều ác-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp suy thoái nữa.

3- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều sai luật (avinaya) mà nói là 'đúng luật' (vinaya).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều không đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, không đem lại sự an-lạc cho nhiều người, mà đem lại sự tai hại, sự thoái hóa, sự khổ não đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều tội-lỗi, nhiều ác-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp suy thoái nữa.

4- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều đúng luật (vinaya) mà nói là 'sai luật' (avinaya).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều không đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, không đem lại sự an-lạc cho nhiều người, mà đem lại sự tai hại, sự thoái hóa, sự khổ não đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều tội-lỗi, nhiều ác-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp suy thoái nữa.

Tương tự như trên Đức-Phật thuyết dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai không thuyết giảng (abhāsitaṃ alapitaṃ Tathāgatena) mà nói là Như-Lai thuyết giảng (bhāsitaṃ lapitaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai thuyết giảng (bhāsitaṃ lapitaṃ Tathāgatena)

mà nói là Như-Lai không thuyết giảng (abhāsitaṃ alapitaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai không thường hành (anāciṇṇaṃ Tathāgatena) mà nói là Như-Lai thường hành (āciṇṇaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai thường hành (āciṇṇaṃ Tathāgatena) mà nói là Như-Lai không thường hành (anāciṇṇaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai không chế định (apaññattaṃ Tathāgatena) mà nói là Như-Lai chế định (paññattaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai chế định (paññattaṃ Tathāgatena) mà nói là Như-Lai không chế định (apaññattaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều không đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, không đem lại sự an-lạc cho nhiều người, mà đem lại sự tai hại, sự thoái hóa, sự khổ não đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều tội-lỗi, nhiều ác-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp suy thoái nữa.

** Thuyết-pháp làm cho chánh-pháp phát triển như thế nào?*

1- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều tà-pháp (adhamma) nói là 'tà-pháp' (adhamma).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, đem lại sự an-

lạc cho nhiều người, chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều phước-thiện, nhiều thiện-nghiệp, và còn làm cho chánh-pháp được phát triển nữa.

2- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều chánh-pháp (dhamma) nói là 'chánh-pháp'(dhamma).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, đem lại sự an-lạc cho nhiều người, chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều phước-thiện, nhiều thiện-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp được phát triển nữa.

3- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều sai luật (avinaya) nói là 'sai luật' (avinaya).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, đem lại sự an-lạc cho nhiều người, chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều phước-thiện, nhiều thiện-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp được phát triển nữa.

4- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều đúng luật (vinaya) nói là 'đúng luật' (vinaya).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, đem lại sự an-lạc cho nhiều người, chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều

phước-thiện, nhiều thiện-nghiệp, và còn làm cho chánh-pháp được phát triển nữa.

Tương tự như trên Đức-Phật thuyết dạy:

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai không thuyết giảng (abhāsitaṃ alapitaṃ Tathāgatena) nói là Như-Lai không thuyết giảng (abhāsitaṃ alapitaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai thuyết giảng (bhāsitaṃ lapitaṃ Tathāgatena) nói là Như-Lai thuyết giảng (bhāsitaṃ lapitaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai không thường hành (anāciṇṇaṃ Tathāgatena) nói là Như-Lai không thường hành (anāciṇṇaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai thường hành (āciṇṇaṃ Tathāgatena) nói là Như-Lai thường hành (āciṇṇaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai không chế định (apaññattaṃ Tathāgatena) nói là Như-Lai không chế định (apaññattaṃ Tathāgatena).

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu nào thuyết giảng điều Như-Lai chế định (paññattaṃ Tathāgatena) nói là Như-Lai chế định (paññattaṃ Tathāgatena)…

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy đã thuyết những điều đem lại sự tiến hóa cho nhiều người, đem lại sự an-lạc cho nhiều người, chắc chắn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc đến chư-thiên và nhân loại.

- Này chư tỳ-khưu! Những tỳ-khưu ấy tích lũy nhiều phước-thiện, nhiều thiện-nghiệp và còn làm cho chánh-pháp được phát triển nữa …

Pháp luật là lời giáo huấn của Đức-Phật

Trong Tạng Luật, bộ Cūḷavagga, Đức-Phật thuyết dạy Đại-đức Tỳ-khưu-ni Mahāpajāpati Gotamī biết phân biệt rõ điều không đúng pháp, điều không đúng luật, điều không đúng lời giáo huấn của Đức-Phật và biết rõ điều đúng pháp, điều đúng luật, điều đúng lời giáo huấn của Đức-Phật.

Không đúng pháp, luật, lời giáo huấn của Đức-Phật

- Này Gotamī! Con nên biết phân biệt pháp nào

** là pháp làm phát sinh tham-ái, không phải diệt tham-ái,*

** là pháp ràng buộc trong cảnh khổ, không phải giải thoát khỏi cảnh khổ,*

** là pháp chấp-thủ trong tử sinh luân-hồi, không phải giải thoát khổ tử sinh luân-hồi,*

** là pháp tham muốn nhiều, không phải tham muốn ít,*

** là pháp không biết tri túc, không phải biết tri túc,*

** là pháp thích sống chung nhiều người, không phải sống một mình nơi thanh vắng,*

** là pháp làm biếng nhác, không phải cố gắng tinh-tấn,*

** là pháp sống khó nuôi, không phải sống dễ nuôi.*

Như vậy, con nên biết rõ chắc chắn rằng: Những pháp ấy là không đúng pháp, không đúng luật, không đúng lời giáo huấn của Đức-Tôn-sư.

Đúng pháp, luật, lời giáo huấn của Đức-Phật

- Này Gotamī! Con nên biết phân biệt pháp nào

** là pháp diệt tham-ái, không phải làm phát sinh tham-ái,*

** là pháp giải thoát khỏi cảnh khổ, không phải ràng buộc trong cảnh khổ,*

** là pháp giải thoát khổ tử sinh luân-hồi, không phải chấp-thủ trong tử sinh luân-hồi,*

** là pháp tham muốn ít, không phải tham muốn nhiều,*

** là pháp biết tri túc, không phải không biết tri túc,*

** là pháp sống một mình nơi thanh vắng, không phải thích sống chung nhiều người,*

** là pháp cố gắng tinh-tấn, không phải làm biếng nhác.*

** là pháp sống dễ nuôi, không phải sống khó nuôi.*

Như vậy, con nên biết rõ chắc chắn rằng: Những pháp ấy là đúng pháp, đúng luật, đúng lời giáo huấn của Đức-Tôn-sư [1].

Ngài Trưởng-lão Pháp sư (Dhammakathika)

Ngài Trưởng-lão Pháp-sư không chỉ là Bậc đa-văn túc-trí (bahussuta) học nhiều hiểu rộng, uyên thâm sâu sắc, thông thuộc, thấu suốt Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi thuộc về ***pháp-học Phật-giáo***, mà còn giảng giải rành rẽ về ***pháp-hành Phật-giáo*** nữa.

Kinh Dhammakathikasutta[2]

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, một vị tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ, bạch hỏi Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tỳ-khưu như thế nào được gọi là 'Dhammakathika, Dhammakathika' Ngài Trưởng-lão Pháp-sư, Ngài Trưởng-lão Pháp-sư? Bạch Ngài.

Tỳ-khưu như thế nào được gọi là 'dhammānudhammappaṭipanno bhikkhu' tỳ-khưu thực-hành chánh-pháp chứng đắc siêu-tam-giới-pháp? Bạch Ngài.

---

[1] Vinayapiṭka, Cūḷavaggapāli, Paṭhamabhāṇavāra.

[2] Saṃyuttanikāya, phần Khandhavagga, Dhammakathikasutta.

Tỳ-khưu như thế nào được gọi là 'diṭṭhadhammanibbānappatto bhikkhu' tỳ-khưu đạt đến Niết-bàn kiếp hiện-tại? Bạch Ngài.

Đức-Phật thuyết dạy rằng:

*- Này tỳ-khưu! Nếu tỳ-khưu nào thuyết giảng chánh-pháp để phát sinh tâm nhàm chán, để xa lìa tham-ái, để diệt **sắc-uẩn** thì nên gọi tỳ-khưu ấy là vị pháp-sư (dhammakathika bhikkhu).*

** Nếu tỳ-khưu nào là hành-giả thực-hành chánh-pháp, để phát sinh tâm nhàm chán, để xa lìa tham-ái, để diệt **sắc-uẩn** thì nên gọi tỳ-khưu ấy là hành-giả thực-hành chánh-pháp chứng đắc siêu-tam-giới-pháp (dhammānudhammappaṭipanno bhikkhu).*

** Nếu tỳ-khưu nào là hành-giả thực-hành chánh-pháp đã hoàn toàn giải thoát, không còn chấp-thủ, bởi vì đã nhàm chán, đã xa lìa tham-ái, đã diệt được **sắc-uẩn** thì gọi tỳ-khưu ấy là hành-giả đã đạt đến Niết-bàn kiếp hiện-tại (diṭṭhadhammanibbānappatto bhikkhu).*

Tương tự như trên,

*Nếu tỳ-khưu nào thuyết giảng chánh-pháp để phát sinh tâm nhàm chán, để xa lìa tham ái, để diệt **thọ-uẩn, … tưởng-uẩn,… hành-uẩn,… thức-uẩn** thì gọi tỳ-khưu ấy là vị pháp-sư (dhammakathika bhikkhu).*

** Nếu tỳ-khưu nào là hành-giả thực-hành chánh-pháp, để phát sinh tâm nhàm chán, để xa lìa tham-ái, để diệt **thọ-uẩn,… diệt tưởng-uẩn,… diệt hành-uẩn,… diệt thức-uẩn** thì gọi tỳ-khưu ấy là hành-giả thực-hành chánh-pháp chứng đắc siêu-tam-giới-pháp (dhammānudhammappaṭipanno bhikkhu).*

** Nếu tỳ-khưu nào là hành-giả thực-hành chánh-pháp, đã hoàn toàn giải thoát, không còn chấp-thủ, bởi vì đã*

nhàm chán, đã xa lìa tham-ái, đã diệt được ***thọ-uẩn,… diệt tưởng-uẩn,… diệt hành-uẩn,… diệt thức-uẩn*** *thì gọi tỳ-khưu ấy là hành-giả đã đạt đến Niết-bàn kiếp hiện-tại (diṭṭhadhammanibbānappatto bhikkhu).*

Vấn: *Nếu có cùng câu hỏi thì bậc Thánh Thanh-văn giải đáp với Đức-Phật giải đáp có khác nhau hay không?*

Đáp: *Nếu có cùng câu hỏi thì bậc Thánh Thanh-văn giải đáp với Đức-Phật giải đáp về nội dung ý nghĩa hoàn toàn giống nhau từng chữ, từng câu, nhưng chỉ có khác nhau về cách xưng hô mà thôi.*

Một Đêm Tốt Lành (Bhaddekaratta)

Thật vậy, một thuở nọ Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Tapodārāma gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, *Ngài Trưởng-lão Samiddhi* đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, ngồi một nơi hợp lẽ, rồi kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài kệ *"Bhaddekaratta: Một đêm tốt lành"*.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy rằng:

"Atītaṃ nānvāgameyya, nappaṭikaṅkhe anāgataṃ.
Yadatītaṃ pahīnaṃ taṃ, appattañca anāgataṃ.

Paccuppannañca yo dhammaṃ, tattha tattha vipassati.
Asaṃhīraṃ asaṃkuppaṃ, taṃ vidvā manubrūhaye….
Taṃ ve 'bhaddekaratto'ti, santo acikkhate muni." [1]

- Này tỳ-khưu!
Hành-giả không nên hồi tưởng đến ngũ-uẩn quá-khứ.
Không nên mong ước ngũ-uẩn trong vị-lai.
Ngũ-uẩn nào quá-khứ, ngũ-uẩn ấy đã diệt rồi.
Ngũ-uẩn nào vị-lai, ngũ-uẩn ấy chưa sinh.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ

[1] M. Uparipaṇṇāsapāḷi, Mahākaccānabhaddekarattasutta.

có trí-tuệ thiền-tuệ chỉ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của ngũ-uẩn đang sinh hiện-tại là pháp-vô-ngã. Hành-giả tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ chứng ngộ Niết-bàn bất thoái, bất diệt.

Hãy nên cố gắng tinh-tấn tạo mọi thiện-pháp ngay trong ngày hôm nay!
Ai có thể biết được sự chết trong ngày mai?
Sự khất với tử thần có đoàn binh hùng hậu không bao giờ được đối với chúng ta.
Tỳ-khưu nên cố gắng tinh-tấn ngày đêm không ngừng, như vậy, gọi là "tỳ-khưu có một đêm tốt lành".

Sau khi thuyết dạy bài kệ *"Một đêm tốt lành, Bhaddekaratta"* như vậy, Đức-Thế-Tôn đứng dậy rời chỗ ngồi ngự vào cốc gandhakuṭi.

Chư tỳ-khưu bàn thảo

Sau khi Đức-Thế-Tôn ngự vào cốc gandhakuṭi, chư tỳ-khưu bàn thảo với nhau rằng:

- Này chư pháp-hữu! Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài kệ "Bhaddekaratta: Một đêm tốt lành" các đầu đề tóm tắt với chúng ta, mà chưa khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc các đầu đề của bài kệ ấy, rồi Đức-Thế-Tôn đứng dậy ngự vào cốc gandhakuṭi.

Vậy, Ngài Trưởng-lão nào có khả năng khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ này.

Khi ấy, chư tỳ-khưu có ý kiến rằng: *"Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna mà Đức-Thế-Tôn cùng chư pháp-hữu đồng phạm hạnh thiện-trí đều tán dương ca tụng tài đức của Ngài Trưởng-lão.*

Chắc chắn, Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna có khả năng khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ này.

Vậy, chúng ta cùng nhau đi đến tìm Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna".

Chư tỳ-khưu cùng nhau dẫn đến đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna,* rồi bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài kệ "Bhaddekaratta: Một đêm tốt lành" rằng:

"Atītaṃ nānvāgameyya, nappaṭikaṅkhe anāgataṃ.
Yadatītaṃ pahīnaṃ taṃ, appattañca anāgataṃ…".

Sau khi thuyết dạy xong bài kệ mà chưa khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc các đầu đề của bài kệ ấy, Đức-Thế-Tôn đứng dậy ngự vào cốc gandhakuṭi.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng tôi kính thỉnh Ngài Trưởng-lão khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ ấy.

Nghe chư tỳ-khưu bạch như vậy, Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna thưa rằng:

- Thưa quý vị! Ví như người đi tìm lõi cây, tìm gặp cây lớn có lõi, người ấy bỏ qua thân cây và rễ, mà tìm lõi cây ở nơi cành cây và lá, như thế nào.

Quý vị cũng như thế ấy, khi Đức-Thế-Tôn đang hiện hữu thì quý vị không kính thỉnh Đức-Thế-Tôn khai triển giảng giải, mà lại đến hỏi tôi.

Chư tỳ-khưu tha thiết khẩn khoản, Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna hoan-hỷ khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ ấy.

Sau khi nghe Ngài Trưởng-lão Mahākaccāna giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ ấy xong, chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi kính bạch Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị Trưởng-lão Mahākaccāna

giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ "Bhaddekaratta: Một đêm tốt lành" cho các con nghe với lời lẽ như vậy, với chữ như vậy, với câu như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"Paṇḍito bhikkhave, Mahākaccāno, mahāpañño bhikkhave, Mahākaccāno, maṃ cepi tumhe bhikkhave, etamatthaṃ paṭipuccheyyātha, ahampi taṃ evamevaṃ byākareyyaṃ. Yathā taṃ Mahākaccānena byākataṃ, eso cevetassa attho, evañca naṃ dhāretha."[1]

"- Này chư tỳ-khưu! Mahākaccāna là bậc thiện-trí.

- Này chư tỳ-khưu! Mahākaccāna là bậc đại-trí-tuệ.

- Này chư tỳ-khưu! Nếu các con bạch hỏi, thỉnh cầu Như-Lai giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ ấy, thì Như-Lai cũng giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài kệ ấy giống như Mahākaccāna vậy.

Mahākaccāna giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề ấy, đó là ý nghĩa của các đầu đề ấy. Các con nên ghi nhớ rõ như vậy."

Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, chư tỳ-khưu vô cùng hoan-hỷ nghe theo lời dạy của Đức-Thế-Tôn.

Tận cùng pháp-hành cấu tạo

Đức-Thế-Tôn thuyết dạy chư tỳ-khưu rằng:

"Nāhaṃ bhikkhave, gamanena lokassa antaṃ ñāteyyaṃ daṭṭheyyaṃ pattheyyan'ti vadāmi.

Na ca bhikkhave appatvā lokassa antaṃ dukkhassa antakiriyaṃ vadāmi…"[2]

---

[1] M. Uparipaṇṇāsapāḷi, Mahākaccānabhaddekarattasutta.

[2] Saṃ. Saḷāyatanavaggasaṃyuttapāḷi, Lokantagamanasutta.

"- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai không thuyết dạy rằng: "Chúng-sinh có khả năng biết, thấy, đạt đến tận cùng toàn pháp-hành saṅkhāraloka: do nhân-duyên cấu tạo bằng sự đi.tìm."

- Này chư tỳ-khưu! Như-lai chưa đạt đến tận cùng của toàn pháp-hành saṅkhāraloka, Như-lai không thuyết dạy các con thực-hành pháp-hành dẫn đến, đạt đến tận cùng sự khổ-đế trong tam-giới."

Sau khi truyền dạy như vậy, Đức-Thế-Tôn đứng dậy, rời khỏi chỗ ngồi, ngự vào cốc gandhakuṭi.

Đức-Thế-Tôn sau khi ngự vào cốc gandhakuṭi, chư tỳ-khưu bàn thảo với nhau rằng:

- Này chư pháp-hữu! Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài pháp đầu đề tóm tắt cho chúng ta, mà chưa khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc các đầu đề của bài pháp ấy, rồi Đức-Thế-Tôn đứng dậy ngự vào cốc gandhakuṭi.

Vậy, Ngài Trưởng-lão nào có khả năng giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy.

Khi ấy, nhóm tỳ-khưu có ý kiến rằng: *"Ngài Trưởng-lão Ānanda mà Đức-Thế-Tôn cùng chư pháp-hữu đồng phạm hạnh thiện-trí đều tán dương ca tụng tài đức Ngài Trưởng-lão.*

Chắc chắn, Ngài Trưởng-lão Ānanda có khả năng giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy.

Vậy, chúng ta cùng nhau đi đến tìm Ngài Trưởng-lão Ānanda."

Nhóm tỳ-khưu đến đảnh lễ *Ngài Trưởng-lão Ānanda*, rồi bạch với Ngài rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Đức-Thế-Tôn thuyết dạy bài pháp rằng:

"Nāhaṃ bhikkhave, gamanena lokassa antaṃ ñāteyyaṃ daṭṭheyyaṃ pattheyyan'ti vadāmi.

Na ca bhikkhave appatvā lokassa antaṃ dukkhassa antakiriyaṃ vadāmi…"

"- Này chư tỳ-khưu! Như-Lai không thuyết dạy rằng: "Chúng-sinh có khả năng biết, thấy, đạt đến tận cùng toàn pháp-hành saṅkhāraloka: do nhân-duyên cấu tạo bằng sự đi tìm."

- Này chư tỳ-khưu! Như-lai chưa đạt đến tận cùng của toàn pháp-hành saṅkhāraloka, Như-lai không thuyết dạy các con thực-hành pháp-hành dẫn đến, đạt đến tận cùng sự khổ-đế trong tam-giới."

Sau khi truyền dạy như vậy, Đức-Thế-Tôn đứng dậy, rời khỏi chỗ ngồi, ngự vào cốc gandhakuṭi.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, chúng tôi kính thỉnh Ngài Trưởng-lão giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy.

Nghe nhóm tỳ-khưu bạch như vậy, Ngài Trưởng-lão Ānanda thưa rằng:

- Thưa quý vị! Ví như người đi tìm lõi cây, tìm gặp cây lớn có lõi, người ấy bỏ qua thân cây và rễ, mà tìm lõi cây ở nơi cành cây và lá, như thế nào.

Quý vị cũng như thế ấy, khi Đức-Thế-Tôn đang hiện hữu thì quý vị không kính thỉnh Ngài giảng giải khai triển giảng giải, mà lại đến hỏi tôi.

Nhóm tỳ-khưu tha thiết khẩn khoản, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* hoan-hỷ giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy.

Sau khi nghe *Ngài Trưởng-lão Ānanda* giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy xong, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* khuyên nhóm tỳ-khưu ấy rằng:

- Thưa quý vị! Muốn hiểu rõ ràng hơn, xin quý vị nên đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch hỏi lại câu hỏi ấy, Đức-Thế-Tôn giảng giải như thế nào, xin quý vị ghi nhớ như thế ấy.

Theo sự hướng dẫn của Ngài Trưởng-lão Ānanda, nhóm tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi kính bạch Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Đức-Thế-Tôn đã thuyết dạy bài pháp ấy rằng:

"Nāhaṃ bhikkhave, gamanena lokassa antaṃ ñāteyyaṃ daṭṭheyyaṃ pattheyyan'ti vadāmi.

Na ca bhikkhave appatvā lokassa antaṃ dukkhassa antakiriyaṃ vadāmi…"

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sau khi truyền dạy như vậy, Đức-Thế-Tôn đứng dậy, rời khỏi chỗ ngồi, ngự vào cốc gandhakuṭi.

Chúng con không hiểu rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy, nên chúng con cùng nhau đi đến đảnh lễ Ngài Trưởng-lão Ānanda, kính xin Ngài Trưởng-lão giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của các đầu đề tóm tắt của bài pháp cho các con nghe với lời lẽ như vậy, với chữ như vậy, với câu như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"Paṇḍito bhikkhave! Ānando, mahāpañño bhikkhave, Ānando, maṃ cepi tumhe bhikkhave, etamatthaṃ paṭipuccheyyātha, ahampi taṃ evamevaṃ byākareyyaṃ.

Yathā taṃ Ānandena byākataṃ, eso cevetassa attho, evañca naṃ dhāreyyātha"[1]

"- Này chư tỳ-khưu! Ānanda là bậc thiện-trí.

- Này chư tỳ-khưu! Ānanda là bậc đại-trí-tuệ.

- Này chư tỳ-khưu! Nếu các con bạch hỏi, thỉnh cầu Như-Lai giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy, thì Như-Lai cũng giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của đầu đề tóm tắt của bài pháp ấy giống như Ānanda vậy.

Như Ānanda giảng giải khai triển rõ ý nghĩa sâu sắc của vấn đề ấy, đó là ý nghĩa của vấn đề ấy. Các con nên ghi nhớ rõ như vậy".

Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, chư tỳ-khưu vô cùng hoan-hỷ nghe theo lời dạy của Đức-Thế-Tôn.

Vấn đáp chánh-pháp

Cuộc vấn đáp chánh-pháp giữa *cận-sự-nam Visakha* là *bậc Thánh Bất-lai* với *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā* là *bậc Thánh A-ra-hán* [2] trong *bài kinh Cūḷavedallasutta* [3] được tóm lược phần chính như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, *cận-sự-nam Visakha* đến đảnh lễ *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā,* rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Cận-sự-nam Visakha hỏi *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā* những câu hỏi sâu sắc về các pháp, thì *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni* đều giải đáp rõ ràng làm cho

[1] Saṃ. Saḷāyatanavaggasaṃyuttapāḷi, Lokantagamanasutta.

[2] Trước khi trở thành Đại-đức Tỳ-khưu-ni, bà Dhammadinnā vốn là phu nhân của cận-sự-nam Visakha.

[3] M. Mūlapaṇṇāsapāḷi, Cūḷavedallasutta.

cận-sự-nam Visakha vô cùng hoan-hỷ theo lời giải đáp của *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni*.

Khi ấy, *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā* tác động, khuyến khích cận-sự-nam Visakha rằng:

- Này cận-sự-nam Visakha! Ông nên đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch hỏi lại những câu hỏi ấy.

Khi Đức-Thế-Tôn truyền dạy như thế nào, thì ông nên ghi nhớ như thế ấy.

Cận-sự-nam Visakha đảnh lễ *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā,* xin phép đi đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Cận-sự-nam Visakha kính bạch lại Đức-Thế-Tôn toàn cuộc vấn đáp giữa ông với *Ngài Đại-đức tỳ-khưu-ni Dhammadinnā* từ đầu đến cuối.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"- Paṇḍitā Visakha, Dhammadinnā bhikkhunī, mahā-paññā Visakha, Dhammadinnā bhikkhunī. Maṃ cepi tvaṃ Visakha, etamatthaṃ puccheyyāsi, ahampi taṃ evamevaṃ byākareyyaṃ, yathā taṃ Dhammadinnāya bhikkhuniyā byākataṃ, eso cevetassa attho, evañca naṃ dhārehi".

"- Này Visakha! Dhammadinnā bhikkhunī là bậc thiện-trí.

- Này Visakha! Dhammadinnā bhikkhunī là bậc đại-trí-tuệ.

- Này Visakha! nếu con bạch hỏi Như-Lai những câu hỏi ấy thì Như-Lai cũng giải đáp giống như tỳ-khưu-ni Dhammadinnā vậy.

Tỳ-khưu-ni Dhammadinnā giải đáp những câu hỏi ấy, đó là ý nghĩa của câu hỏi. Con nên ghi nhớ như vậy."

Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, cận-sự-nam Visakha vô cùng hoan-hỷ nghe theo lời dạy của Đức-Thế-Tôn.

Phước-thiện thuyết-pháp là thuyết giảng những pháp mà Đức-Phật đã thuyết giảng, những luật mà Đức-Phật đã chế định, rồi ban hành.

* Như *Ngài Trưởng-lão Soṇakuṭikaṇṇa* tụng đọc *tạng Kinh, phần aṭṭhakavagga* từng chữ từng câu đúng đắn rõ ràng với giọng rất hay.

Khi *Ngài Trưởng-lão Soṇa* tụng xong, *Đức-Thế-Tôn* hoan-hỷ nói lên lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay!Lành thay!*

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

"Suggahito te bhikkhu, dhammo, mayā desitakāle ca ajja ca ekasadisāva desanā, kiñci ūnaṃ vā adhikaṃ vā natthi." (Aṅg. Soṇakuṭikaṇṇattheravatthu)

- Này tỳ-khưu! Chánh-pháp mà con đã học, ghi nhớ đúng đắn, Như-Lai đã thuyết dạy trong thời gian trước đây và ngày nay giống như một, không thiếu không dư.

** Bậc Thánh Thanh-văn, hoặc cận-sự-nam, cận-sự-nữ, hoặc chư-thiên,…* có khả năng thuyết giảng những pháp nào, những pháp ấy chỉ khi nào được Đức-Phật xác nhận, thì những pháp ấy mới được xem là chánh-pháp đáng ghi nhớ mà thôi.

Những bài kinh trên được trích dẫn làm ví dụ, nên tìm đọc đầy đủ trong các bộ kinh như sau:

** Kinh Mahākaccānabhaddekarattasutta trong Trung-bộ-kinh, phần Uparipaṇṇāsapāḷi.*

** Kinh Lokantagamanasutta trong Đồng-loại-bộ-kinh, phần Saḷāyatanavaggasaṃyuttapāḷi.*

** Kinh Cūḷavedallasutta trong Trung-bộ-kinh, phần Mūlapaṇṇāsapāḷi.*

Phước-thiện thuyết-pháp là phước-thiện được phát sinh do thuyết giảng những *chánh-pháp của Đức-Phật* được trích dẫn từ trong *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.*

Bậc thiện-trí có khả năng thông thuộc những bài kinh, những chánh-pháp của Đức-Phật, hiểu biết rõ ý nghĩa những chánh-pháp ấy rồi đem ra thuyết giảng cho nhiều người nghe chánh-pháp ấy.

Sau khi hiểu biết rõ đúng theo chánh-pháp, người nghe mới có thể thực-hành đúng theo chánh-pháp của Đức-Phật, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, tuỳ theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi hạng thanh-văn đệ-tử.

(Xong phần phước-thiện thuyết-pháp)

10- PHƯỚC-THIỆN CHÁNH-KIẾN (Diṭṭhijukamma)

Diṭṭhijukammakusala: Phước-thiện chánh-kiến

Định nghĩa Diṭṭhijukamma

"Diṭṭhiyā ujukaraṇaṃ: diṭṭhijukammaṃ".

Trí-tuệ hiểu biết chính-trực bằng chánh-kiến gọi là diṭṭhijukamma.

Diṭṭhijukammakusala*: phước-thiện chánh-kiến* đó là ***kammassakatā sammādiṭṭhi****: chánh-kiến sở-nghiệp thấy đúng, biết đúng, tin chắc chắn mỗi chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng mình với* ***tác-ý tâm-sở*** *đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, nên gọi là* ***phước-thiện chánh-kiến sở-nghiệp.***

Đức-Phật dạy về nghiệp và quả của nghiệp như sau:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmi."[1]

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp' ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Như vậy, mỗi người nói riêng, tất cả mọi chúng-sinh nói chung chỉ có ***thiện-nghiệp và ác-nghiệp là của riêng thật sự của mình*** *mà thôi*.

Ngoài nghiệp của mình ra, không có gì trong đời này là của riêng mình thật sự cả, thậm chí ngay ***sắc thân*** *bên trong này cũng không phải là của riêng mình*, bởi vì ta không thể làm chủ theo ý của mình được, huống hồ gì của cải tài sản, sự nghiệp bên ngoài làm sao ta có thể gọi là của riêng mình được? Cũng không thể gọi là của riêng một ai cả.

Thật vậy, nếu người nào khi ***đại-thiện-nghiệp bố-thí nào*** có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy thì người ấy được giàu sang phú quý, v.v… cuộc sống đầy đủ sung túc hạnh phúc an-lạc, đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy, thì tất cả của cải tài sản, đất đai, sự nghiệp, v.v… không thể giữ gìn được nữa, bởi vì không phải là của riêng mình.

Người thí-chủ thiện-trí hiểu biết rõ sự thật tất cả ***tiền của*** bên ngoài không phải là của riêng mình thật sự như

[1] Aṅg. Pañcakanipāta, Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭhānasutta.

vậy, nên người thí-chủ thiện-trí biết sử dụng ***tiền của*** *thuộc về quyền sở hữu tạm thời của mình,* đem ***tiền của*** ra mua sắm những thứ vật dụng cần thiết, đó là ***y phục, vật thực, thuốc trị bệnh, xây dựng chỗ ở*** cúng-dường đến *chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng,* để tạo ***đại-thiện-nghiệp bố-thí*** thuộc về ***của riêng mình thật sự*** có tính chất bền vững lâu dài, đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai đối với thí-chủ.

Còn những của cải tài sản còn lại thuộc về của chung của mình và của mọi người.

Tất cả 4 loài chúng-sinh dù lớn dù nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới này, đều bị chi phối do *nghiệp và quả của nghiệp* của mỗi chúng-sinh mà thôi. Ngoài nghiệp và quả của nghiệp ra, mỗi chúng-sinh hoàn toàn không tuỳ thuộc vào quyền năng của một ai cả, cho nên không có ***định-mệnh an bài*** hoặc ***số-mệnh an bài*** của mỗi chúng-sinh.

Giả sử, nếu mỗi chúng-sinh trong 4 loài dù lớn, dù nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới, có ***mỗi định-mệnh*** *hoặc* ***mỗi số-mệnh*** *của mỗi chúng-sinh, thì thử hỏi* ***ai*** *có khả năng định sẵn, an bài* ***mỗi định-mệnh*** *hoặc* ***mỗi số-mệnh*** *của mỗi chúng-sinh lớn, hoặc nhỏ trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới này được ???*

Như vậy, chắc chắn không có ***định-mệnh an bài*** hoặc ***số-mệnh an bài*** của mỗi chúng-sinh, mà chỉ có *nghiệp và quả của nghiệp của mỗi chúng-sinh* mà thôi.

Cho nên, người thiện-trí có trí-tuệ hiểu biết đúng như vậy gọi là ***kammassakatā sammādiṭṭhi****: chánh-kiến sở-nghiệp* hiểu biết đúng, tin tưởng mỗi chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng mình, gọi là ***diṭṭhijukammakusala****: phước-thiện chánh-kiến.*

Diṭṭhijukamma = Diṭṭhi +ujukamma,

Diṭṭhi: có nghĩa *chánh-kiến (sammādiṭṭhi).*

Ujukamma: có nghĩa trí-tuệ hiểu biết đúng chính-trực.

Diṭṭhijukamma: Trí-tuệ hiểu biết chính-trực đúng đắn bằng chánh-kiến đó là kammassakatā sammādiṭṭhi: chánh-kiến sở-nghiệp thấy đúng, biết đúng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình.

Trí-tuệ làm nhân-duyên phát sinh *kammassakatā sammādiṭṭhi* có 3 loại:

1- Sutamayapaññā: *Trí-tuệ phát sinh do nghe, học hỏi chánh-pháp,* đọc sách nghiên cứu về chánh-pháp của Đức-Phật làm nhân-duyên phát sinh *kammassakatā sammādiṭṭhi.*

2- Cintāmayapaññā: *Trí-tuệ phát sinh do suy xét đúng đắn, tư duy đúng* do nương nhờ nơi trí-tuệ nghe, học hỏi chánh-pháp, đọc sách nghiên cứu về chánh-pháp của Đức-Phật làm nền tảng, để có *trí-tuệ suy xét đúng, tư duy sâu sắc* về sự hiện hữu của mỗi chúng-sinh khác nhau trong đời đều do nghiệp và quả của nghiệp của mỗi chúng-sinh khác nhau làm nhân-duyên phát sinh *kammassakatā sammādiṭṭhi.*

3- Bhāvanāmayapaññā: *Trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh do pháp-hành* do nương nhờ nơi *sutamayapaññā* và *cintā-mayapaññā* làm nền tảng, để *hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, cho nên, trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh làm nhân-duyên phát sinh kammassakatā sammādiṭṭhi.*

Như vậy, 3 loại trí-tuệ này làm nhân phát sinh *kammassakatā sammādiṭṭhi: chánh-kiến sở-nghiệp thấy đúng, biết đúng sự thật, tin tưởng mỗi chúng-sinh đều có nghiệp là của riêng mình,* nên có *10 điều chánh-kiến gọi là"sammādiṭṭhika dasavatthu"* để có ***diṭṭhijukamma-kusala*: *phước-thiện chánh-kiến.***

Sammādiṭṭhika dasavatthu: 10 điều chánh-kiến:

1- Atthi dinnaṃ: chánh-kiến biết đúng rằng: phước-thiện bố-thí sẽ có quả tốt, an-lạc.

2- Atthi yiṭṭhaṃ: chánh-kiến biết đúng rằng: phước-thiện cúng dường sẽ có quả tốt, an-lạc.

3- Atthi hutaṃ: chánh-kiến biết đúng rằng: phước-thiện cúng dường, đón rước, sẽ có quả tốt, an-lạc.

4- Atthi sukatadukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipākaṃ: chánh-kiến biết đúng rằng: đã tạo đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp, rồi có quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp, có quả khổ của ác-nghiệp.

5- Atthi ayaṃ loko: chánh-kiến biết đúng rằng: có cõi-giới này, nghĩa là có chúng-sinh tái-sinh đến cõi đời này.

6- Atthi paro loko: chánh-kiến biết đúng rằng: có cõi-giới khác, nghĩa là chúng-sinh sau khi chết, nghiệp của họ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi khác.

7- Atthi mātā: chánh-kiến biết đúng rằng: đối xử tốt, đối xử xấu với mẹ sẽ có quả tốt, quả xấu.

8- Atthi pitā: chánh-kiến biết đúng rằng: đối xử tốt, đối xử xấu với cha sẽ có quả tốt, quả xấu.

9- Atthi sattā opapātikā: chánh-kiến biết đúng rằng: có các loài chúng-sinh hóa-sinh to lớn ngay tức thì: như chư-thiên cõi dục-giới, chư phạm-thiên cõi sắc-giới, chư phạm-thiên cõi vô-sắc-giới, chúng-sinh địa-ngục, loài ngạ-quỷ, loài a-su-ra.

10- Atthi loke samaṇabrahmaṇā samaggatā sammā-paṭipannā ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: chánh-kiến biết đúng rằng: trong đời này, có các Sa-môn, Bà-la-môn là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, các bậc thiền vô-sắc-giới, chứng đắc các phép thần thông.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, thấy rõ, biết rõ cõi-giới này, cõi-giới khác, rồi thuyết giảng là điều có thật.

Mười điều chánh-kiến này là 10 điều trắc nghiệm khảo sát để biết mình có đầy đủ trọn vẹn hay không. Nếu xem xét thấy mình có đầy đủ trọn vẹn 10 điều chánh-kiến này thì có thể tự khẳng định mình là người có *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến.*

Nếu trường hợp xem xét thấy mình chưa đầy đủ trọn vẹn 10 điều chánh-kiến này thì biết mình là người chưa có đủ *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến*.

Trong đời này, người cận-sự-nam, cận-sự-nữ nào có *đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp*, muốn tạo phước-thiện bố-thí, cúng dường đến chư tỳ-khưu, nhưng không học hỏi hiểu biết nhiều chánh-pháp của Đức-Phật, nên người ấy tạo được phước-thiện bố-thí ấy với *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*, bởi vì người cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy không có *sutamayapaññā* (trí-tuệ phát sinh do nghe chánh-pháp), cũng không có *cintā-mayapaññā* (trí-tuệ phát sinh do suy xét đúng đắn về chánh-pháp), bởi vì thiếu *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến*.

Nếu người nào chưa có đầy đủ 10 điều chánh-kiến (sammādiṭṭhika dasavatthu) thì người ấy nên cố gắng

tinh-tấn theo học pháp-học Phật-giáo và nên thực-hành pháp-hành Phật-giáo, để hiểu biết rõ chánh-pháp của Đức-Phật, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có trí-tuệ sáng suốt hiểu rõ chánh-pháp, để có được đầy đủ trọn vẹn *10 điều chánh-kiến cơ bản này.*

Người nào có được đầy đủ 10 điều chánh-kiến thì người ấy có được *kammassakatāsammādiṭṭhi: chánh-kiến sở-nghiệp biết đúng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình,* nên có *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến.*

Người nào có *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến,* khi tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, v.v… người ấy sẽ được phước-thiện vô lượng, có quả báu vô lượng không sao kể được.

Ví dụ như ươm hạt giống cây Bồ-đề nhỏ, lên thành cây Bồ-đề to lớn.

Nếu người nào không có được đầy đủ *10 điều chánh-kiến này* thì người ấy cũng không có *kammassakatā sammādiṭṭhi: chánh-kiến sở-nghiệp biết đúng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình,* nên không có *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến.*

Người nào không có *diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến,* khi tạo phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ gìn giới của mình, phước-thiện thực-hành pháp-hành thiền-định, hoặc pháp-hành thiền-tuệ, v.v… người ấy sẽ được phước-thiện ít ỏi, có quả báu ít ỏi.

Ví dụ như cây Bồ-đề to lớn có hạt Bồ-đề nhỏ.

Diṭṭhijukamma trong 3 thời-kỳ

1- Diṭṭhijukamma trong thời-kỳ pubbacetanā.
2- Diṭṭhijukamma trong thời-kỳ muñcacetanā.
3- Diṭṭhijukamma trong thời-kỳ aparacetanā.

1- Diṭṭhijukamma trong thời-kỳ pubbacetanā là tác-ý thiện-tâm trước khi có được diṭṭhijukamma như thế nào?

Người nào biết mình chưa hiểu biết đúng giáo-pháp của Đức-Phật, chưa có đầy đủ 10 điều chánh-kiến, người ấy biết suy nghĩ rằng:

"Ta nên theo học pháp-học Phật-giáo và nên thực-hành pháp-hành Phật-giáo để có được kammassakatā sammādiṭṭhi chánh-kiến sở-nghiệp biết đúng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, sẽ có được phước-thiện chánh-kiến thấy đúng chính trực trong giáo-pháp của Đức-Phật."

Đó là *diṭṭhijukamma trong thời-kỳ pubbacetanā là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm.*

2- Diṭṭhijukamma trong thời-kỳ muñcacetanā là tác-ý thiện-tâm đang khi có được diṭṭhijukamma như thế nào?

Sau khi suy nghĩ như vậy, người ấy quyết tâm tinh-tấn theo học pháp-học Phật-giáo, hiểu biết đúng đắn phần pháp-học Phật-giáo, rồi tiếp theo thực-hành pháp-hành Phật-giáo, có *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, danh-pháp,* nên có được *phước-thiện chánh-kiến biết đúng chính trực trong giáo-pháp của Đức-Phật.*

Đó là *diṭṭhijukamma trong thời-kỳ muñcacetanā là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ.*

3- Diṭṭhijukamma trong thời-kỳ aparacetanā là tác-ý thiện-tâm sau khi đã có được diṭṭhijukamma như thế nào?

Sau khi học pháp-học Phật-giáo và thực-hành pháp-hành Phật-giáo, có phước-thiện chánh-kiến thấy đúng chính trực trong giáo-pháp của Đức-Phật, người ấy suy nghĩ rằng:

"Trước đây, ta chưa hiểu biết rõ pháp-học Phật-giáo và chưa thực-hành pháp-hành Phật-giáo, nên thấy sai, biết sai giáo-pháp của Đức-Phật.

Nay, ta đã học pháp-học Phật-giáo và thực-hành pháp-hành Phật-giáo nên có được đầy đủ trọn vẹn 10 điều chánh-kiến biết đúng, tin nghiệp và quả của nghiệp của mình."

Đó là *diṭṭhijukamma trong thời-kỳ aparacetanā là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahābuddhaghosa giảng giải trong *bộ Aṭṭhasālinī aṭṭhakathā* phần *puññakriyā-vatthādikathā rằng:*

1- Diṭṭhiṃ ujukaṃ karissāmī'ti cintentopi tesaṃ yeva aṭṭhānaṃ aññatarena cinteti.

Người nào suy nghĩ rằng: Ta sẽ làm cho trí-tuệ phát sinh thấy đúng chính trực theo giáo-pháp của Đức-Phật, người ấy suy nghĩ với đại-thiện-tâm nào trong 8 dục-giới thiện-tâm như vậy, gọi là diṭṭhijukamma trong thời-kỳ pubbacetanā.

2- Diṭṭhiṃ ujukaṃ karonto pana catunnaṃ ñāṇa-sampayuttānaṃ aññatarena karoti.

Người nào đang thực-hành để cho trí-tuệ phát sinh thấy đúng chính trực theo giáo-pháp của Đức-Phật, bằng cách theo học pháp-học Phật-giáo và theo thực-hành pháp-hành Phật-giáo, người ấy đang thực-hành như vậy, với đại-thiện-tâm nào trong 4 dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ như vậy, gọi là diṭṭhijukamma trong thời-kỳ muñcacetanā.

3- Diṭṭhiṃ me ujukā katā'ti paccavekkhanto aṭṭhānaṃ aññatarena paccavekkhati".

Người nào quán triệt trong phước-thiện chánh-kiến của mình rằng: Ta đã có trí-tuệ thấy đúng chính trực theo pháp-học Phật-giáo và pháp-hành Phật-giáo, người ấy đã quán triệt với đại-thiện-tâm nào trong 8 dục-giới thiện-tâm như vậy, gọi là diṭṭhijukamma trong thời-kỳ aparacetanā.

Chánh-kiến có 5 loại:

1- Kammassakatā sammādiṭṭhi: Chánh-kiến sở-nghiệp biết đúng, tin nghiệp và quả của nghiệp của riêng mình.

2- Vipassanā sammādiṭṭhi: Chánh-kiến thiền-tuệ.

3- Magga sammādiṭṭhi: Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ.

4- Phala sammādiṭṭhi: Chánh-kiến Thánh-quả-tuệ.

5- Paccavekkhaṇā sammādiṭṭhi: Chánh-kiến quán-triệt Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, phiền-não đã diệt tận, phiền-não chưa diệt tận.

Năm loại *chánh-kiến này*, trong *Puññakriyāvatthu điều thứ 10 diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến* chỉ đề cập đến ***kammassakatā sammādiṭṭhi*** mà thôi.

Micchādiṭṭhi: Tà-kiến

Thật ra, trong phần *puññakriyāvatthu* không có đề cập đến *micchādiṭṭhi: tà-kiến*.

Để biết tính chất khác biệt giữa *chánh-kiến với tà-kiến*, nên trình bày thêm phần *micchādiṭṭhi: tà-kiến* này.

Tà-kiến là gì?

Định nghĩa:

Micchā passatī'ti micchādiṭṭhi.

Trạng-thái thấy sai sự thật gọi là tà-kiến, đó là ***tà-kiến tâm-sở*** *đồng sinh với* ***4 tham-tâm hợp với tà-kiến.***

Tà-kiến có nhiều loại, trong *kinh Brahmajālasutta* có 62 loại tà-kiến và *kinh Sāmaññaphalasutta*[1] có 3 loại tà-kiến cố-định. Trong bộ *Paṭisambhidāmagga, phần diṭṭhikathā* có 20 loại tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ.

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 uẩn là:

1- Sắc-uẩn chấp-thủ đó là ***28 sắc-pháp*** thuộc về *sắc-pháp*.

2 - Thọ-uẩn chấp-thủ đó là ***thọ tâm-sở*** *đồng sinh với 81 tam-giới-tâm*

3- Tưởng-uẩn chấp-thủ đó là ***tưởng tâm-sở*** *đồng sinh với 81 tam-giới-tâm .*

4- Hành-uẩn chấp-thủ gồm có ***50 tâm-sở*** (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) *đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.*

5-*Thức-uẩn chấp-thủ* gồm có ***81 tam-giới-tâm***.

(Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn thuộc về *danh-uẩn).*

Trong bộ *Paṭisambhidāmagga, phần diṭṭhikathā* trình bày tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn có 20 loại.

*** Sakkāyadiṭṭhi: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn**

Sakkāyadiṭṭhi: *Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta (ngã).*

1-**Tà-kiến chấp ngã trong sắc-uẩn chấp-thủ** có 4 loại:

- Sắc-uẩn là ta. *- Ta có sắc-uẩn.*
- Sắc-uẩn trong ta. *- Ta trong sắc-uẩn.*

2- **Tà-kiến chấp ngã trong thọ-uẩn chấp-thủ** có 4 loại:

- Thọ-uẩn là ta. *- Ta có thọ-uẩn.*
- Thọ-uẩn trong ta. *- Ta trong thọ-uẩn.*

[1] Dī. Sīlakkhandhavagga, Brahmajālasutta và Sāmaññaphalasutta.

3- **Tà-kiến chấp ngã trong tưởng-uẩn chấp-thủ** có 4 loại:

- Tưởng-uẩn là ta. - Ta có tưởng-uẩn.

- Tưởng-uẩn trong ta. - Ta trong tưởng-uẩn.

4- **Tà-kiến chấp ngã trong hành-uẩn chấp-thủ** có 4 loại:

- Hành-uẩn là ta. - Ta có hành-uẩn.

- Hành-uẩn trong ta. - Ta trong hành-uẩn.

5- **Tà-kiến chấp ngã trong thức-uẩn chấp-thủ** có 4 loại:

- Thức-uẩn là ta. - Ta có thức-uẩn.

- Thức-uẩn trong ta. - Ta trong thức-uẩn.

Đó là *20 loại tà-kiến chấp-ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ: sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ* đối với tất cả các hàng chúng-sinh thuộc về hạng ***phàm-nhân*** *(chưa phải bậc Thánh-nhân)* trong *tam-giới.*

*- Tất cả chúng sinh có **ngũ-uẩn** trong 11 cõi dục-giới.*

*- Tất cả phạm-thiên có **ngũ-uẩn** trong 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên).*

*- Tất cả phạm-thiên có **nhất-uẩn** là **sắc-uẩn** trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tưởng-thiên.*

*- Tất cả phạm-thiên có **tứ-uẩn** là thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

***Sakkāyadiṭṭhi**: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta này có ảnh hưởng thế nào đối với mọi chúng-sinh?*

Tà-kiến** chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta* đó là ***tà-kiến tâm-sở đồng sinh với *4 tham-tâm hợp với tà-kiến.*

Đối với tất cả mọi chúng-sinh còn là ***phàm nhân*** đều có

loại ***sakkāyadiṭṭhi**: tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là ta* không có ảnh hưởng, không cản trở nào đối với những người tạo mọi *phước-thiện như phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, v.v…*, cũng không cản trở đối với các *hành-giả thực hành pháp-hành thiền-định,* không cản trở sự chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*, cũng không cản trở chứng đắc *5 phép thần-thông thế-gian (lokiya abhiññā).*

Cho nên, ***tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ** cho là ta* không cản trở *dục-giới thiện-nghiệp trong 8 dục-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện-dục-giới*;* không cản trở *sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên;* không cản trở *vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn cản trở pháp-hành thiền-tuệ

Sakkāyadiṭṭhi**: Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ cho là **ta**, **ngã này chỉ có cản trở đối với các *hành-giả thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ*** mà thôi, bởi vì *đối-tượng thiền-tuệ* có *ngũ-uẩn chấp-thủ: sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ* hoặc *sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về ***chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma) có **thật-tánh** của các **sắc-pháp**, các **danh-pháp** rõ ràng* đều là ***pháp-vô-ngã**, không phải là ta, không phải là người, không phải là đàn ông, không phải là đàn bà, không phải là chúng-sinh,…* nhưng *tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn*

chấp-thủ cho là ta, là người, là đàn ông, là đàn bà, chúng-sinh, v.v… cho nên, *tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ* làm cản trở đối với hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ.*

*** Tà-kiến chấp ngã trong ngũ-uẩn chấp-thủ**

*1- **Tà-kiến** thấy sai chấp lầm trong **sắc-uẩn chấp-thủ** cho là **ta** như thế nào?*

Sắc-uẩn chấp-thủ đó là ***thân*** gồm có ***28 sắc-pháp***:

- ***Sắc-uẩn chấp-thủ*** trong thân của người nam gồm có *27 sắc-pháp* (trừ sắc-nữ-tính).

- ***Sắc-uẩn chấp-thủ*** trong thân của người nữ gồm có *27 sắc-pháp* (trừ sắc-nam-tính).

Ví dụ: *Khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, ...*Đúng theo *sự-thật* của *chân-nghĩa-pháp (paramatthasacca)* thì chỉ có *thân đi, thân đứng, thân ngồi, thân nằm* mà thôi.

Thân thuộc về ***sắc-uẩn*** *(sắc-pháp),* nên gọi là ***sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm*** mà thôi.

- Nếu khi ***thân đi*** hoặc ***sắc đi*** thì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc đi*** cho là ***ta đi***.

Ta đi vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có ***sắc đi*** mà thôi.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta đi*** là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***sắc đi*** cho là ***ta đi***.

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã (anattā)***, không có ***ngã***.

Như vậy, ***ngã*** *(ta)* vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc đi*** thuộc về ***sắc-uẩn*** đó là ***sắc-pháp*** cho là ***ta đi***.

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc ***Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn****, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***sắc-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 danh-uẩn)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã****,* đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

Cũng tương tự như vậy,

- Khi ***thân đứng*** hoặc ***sắc đứng****, bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc đứng*** cho là ***ta đứng*** *nữa.*

- Khi ***thân ngồi*** hoặc ***sắc ngồi****, bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc ngồi*** cho là ***ta ngồi*** *nữa.*

- Khi ***thân nằm*** hoặc ***sắc nằm****, bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***sắc nằm*** cho là ***ta nằm*** *nữa…*

2- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***thọ-uẩn chấp-thủ*** *cho là* ***ta*** *như thế nào?*

Thọ-uẩn chấp-thủ đó là ***thọ tâm-sở*** *(vedanācetasika)*

đồng sinh với 81 tam-giới-tâm. Thọ tâm-sở có trạng-thái cảm thọ trong đối-tượng, có 3 loại thọ:

- *Dukkhavedanā: thọ khổ* là cảm thọ khổ khó chịu trong đối-tượng xấu.

- *Sukhavedanā: thọ lạc* là cảm thọ lạc dễ chịu trong đối-tượng tốt.

- *Adukkhamasukhavedanā: thọ không khổ không lạc* là cảm thọ không khổ không lạc trong đối-tượng không xấu không tốt.

Ba loại thọ này là ***thọ-uẩn*** thuộc về ***danh-pháp***.

- Nếu khi ***cảm thọ khổ*** *(dukkhavedanā)* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***thọ khổ*** cho là ***ta khổ***.

- Nếu khi ***cảm thọ lạc*** *(sukhavedanā)* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***thọ lạc*** cho là ***ta an-lạc***.

- Nếu khi ***cảm thọ không khổ không lạc*** *(adukkha-masukhavedanā)* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***thọ không khổ không lạc*** cho là ***ta không khổ không lạc***.

Ta khổ, ta an-lạc,... vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có ***thọ-uẩn*** *cảm thọ* mà thôi.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta khổ, ta an-lạc,...*** là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***thọ-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta khổ, ta an-lạc,...***

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã (anattā)***, không có ***ngã.***

Như vậy, ***ngã*** vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***thọ-uẩn chấp-thủ*** thuộc về ***danh-pháp*** cho ***là ta khổ, ta an-lạc. …***

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***thọ-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 uẩn còn lại)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã****,* đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

3- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***tưởng-uẩn chấp-thủ*** *cho là ta như thế nào?*

Tưởng-uẩn chấp-thủ đó là ***tưởng tâm-sở*** *(saññā-cetasika) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.*

Tưởng tâm-sở có trạng-thái tưởng nhớ trong 6 đối-tượng đó là:

- *Rūpasaññā: sắc tưởng là tưởng nhớ đối-tượng sắc.*
- *Saddasaññā: tưởng thanh là tưởng nhớ đối-tượng âm-thanh.*
- *Gandhasaññā: hương tưởng là tưởng nhớ đối-tượng hương.*
- *Rasasaññā: vị tưởng là tưởng nhớ đối-tượng vị.*
- *Phoṭṭhabbasaññā: xúc tưởng là tưởng nhớ đối-tượng xúc.*

- *Dhammasaññā: pháp tưởng là tưởng nhớ đối-tượng các pháp.*

Sáu loại tưởng này là ***tưởng-uẩn*** thuộc về ***danh-pháp***.

- Nếu khi tưởng nhớ đến đối-tượng sắc thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***sắc tưởng*** cho là ***ta tưởng sắc***.

Ta tưởng sắc vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có ***tưởng-uẩn*** mà thôi.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta tưởng*** là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***tưởng-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta tưởng***.

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã (anattā),*** không có ***ngã***.

Như vậy, ***ngã*** vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***tưởng-uẩn chấp-thủ*** thuộc về ***danh-pháp*** cho *là* ***ta tưởng.***

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc ***Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn****, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với*

hoài-nghi không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***tưởng-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 uẩn còn lại)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã,*** đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

4- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***hành-uẩn chấp-thủ*** *cho là ta như thế nào?*

Hành-uẩn chấp-thủ đó là ***50 tâm-sở*** *(cetasika) (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm.* Trong *50 tâm-sở có tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* dẫn đầu *tạo thiện-nghiệp hoặc tạo ác-nghiệp.*

- Nếu khi *tạo thiện-nghiệp* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***hành-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta tạo thiện-nghiệp.***

- Nếu khi *tạo ác-nghiệp* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi ***hành-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta tạo ác-nghiệp.***

Ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp*,...* vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma)* thì chỉ có ***hành-uẩn*** *tạo thiện-nghiệp, tạo ác-nghiệp* mà thôi.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp****...* là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***hành-uẩn chấp-thủ*** cho là ***ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp****, ...*

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi danh-pháp***, ***mọi sắc-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã*** *(anattā),* không có ***ngã.***

Như vậy, ***ngã*** vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***hành-uẩn chấp-thủ*** thuộc về ***danh-pháp*** cho ***là ta tạo thiện-nghiệp, ta tạo ác-nghiệp****,...*

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc ***Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn****, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***hành-uẩn chấp-thủ*** *(cùng với 4 uẩn còn lại)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã,*** đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

5- ***Tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong* ***thức-uẩn chấp-thủ*** *cho là ta như thế nào?*

Thức-uẩn chấp-thủ đó là *81 tam-giới-tâm* chia ra 6 loại thức-tâm:

1- Cakkhuviññāṇa: nhãn-thức-tâm có 2 tâm.
2- Sotaviññāṇa: nhĩ-thức-tâm có 2 tâm.
3- Ghānaviññāṇa: tỷ-thức-tâm có 2 tâm.
4- Jivhāviññāṇa: thiệt-thức-tâm có 2 tâm.
5- Kāyaviññāṇa: thân-thức-tâm có 2 tâm.
6- Manoviññāṇa: ý-thức-tâm có 71 tâm.

Sáu loại tâm này gọi là ***thức-uẩn*** thuộc về ***danh-pháp***.

- Nếu khi ***nhãn-thức-tâm*** *có phận-sự thấy đối-tượng sắc* thì *tà-kiến thấy sai chấp lầm* nơi *nhãn-thức-tâm* cho là ***ta thấy sắc***.

Ta thấy sắc vốn không có thật, sự-thật đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì chỉ có ***nhãn-thức-tâm thấy sắc*** mà thôi, *nhãn-thức-tâm* thuộc về ***thức-uẩn***.

Sở dĩ *có sự thấy sai chấp lầm cho là* ***ta thấy sắc*** là vì ***tà-kiến*** *đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi* ***nhãn-thức-tâm*** thuộc về ***thức-uẩn*** cho là ***ta thấy sắc***.

Đúng theo thật-tánh của tất cả ***mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã (anattā)***, không có ***ngã***.

Như vậy, ***ngã*** vốn không có thật, nên *không có phương pháp diệt* ***ngã*** *được.*

Sở dĩ có ***sự chấp ngã*** là vì ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi *nhãn-thức-tâm* thuộc về ***thức-uẩn chấp-thủ*** thuộc về ***danh-pháp*** cho *là* ***ta thấy sắc.***

Như vậy, ***tà-kiến*** có thật, nên chắc chắn *có phương pháp diệt* ***tà-kiến*** *được.*

Thật vậy, hành-giả thuộc về hạng ***người tam-nhân*** có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,* chứng đắc ***Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn****, diệt tận được 2 loại phiền-não là* ***tà-kiến*** *(diṭṭhi) trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và* ***hoài-nghi*** *(vicikicchā) trong si-tâm hợp với hoài-nghi,* không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn ***tà-kiến*** *thấy sai chấp lầm trong*

thức-uẩn chấp-thủ *(cùng với 4 uẩn còn lại)* cho *là* ***ta****, là* ***ngã,*** đồng thời không còn *thấy sai chấp lầm* cho *là người, là đàn ông, là đàn bà, là chúng-sinh nào nữa.*

Cũng tương tự như vậy,

- Nếu khi ***nhĩ-thức-tâm*** *nghe âm-thanh,* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***nhĩ-thức-tâm*** cho là ***ta nghe*** *âm-thanh nữa.*

- Nếu khi ***tỷ-thức-tâm*** *ngửi mùi hương,* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***tỷ-thức-tâm*** cho là ***ta ngửi*** *mùi hương nữa.*

- Nếu khi ***thiệt-thức-tâm*** *nếm vị,* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***thiệt-thức-tâm*** cho là ***ta nếm vị*** *nữa.*

- Nếu khi ***thân-thức-tâm*** *xúc-giác cứng mềm,...* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***thân-thức-tâm*** cho là ***ta xúc-giác cứng mềm*** *nữa.*

- Nếu khi ***ý-thức-tâm*** *biết các pháp,* thì *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn ***tà-kiến*** thấy sai chấp lầm nơi ***ý-thức-tâm*** cho là ***ta biết các pháp*** *nữa.*

** **Niyatamicchādiṭṭhi:** tà-kiến cố-định là tà-kiến chấp-thủ cố-định, không thay đổi.*

Tà-kiến cố-định có 3 loại:

*1- **Natthikadiṭṭhi:** vô-quả tà-kiến.*

*2- **Ahetukadiṭṭhi:** vô-nhân tà-kiến.*

*3- **Akiriyadiṭṭhi:** vô-hành tà-kiến.*

1- Vô-quả tà-kiến như thế nào?

Natthikadiṭṭhi: *vô-quả tà-kiến cố-định* là tà kiến thấy sai chấp lầm cố-định, không thay đổi rằng: *"Không có quả của nghiệp".*

Người có *vô-quả tà-kiến cố-định* này thấy sai chấp lầm rằng: *"Không có quả khổ của ác-nghiệp, cũng không có quả an-lạc của thiện-nghiệp. Người đã tạo ác-nghiệp hoặc đã tạo thiện-nghiệp rồi đều không có quả khổ của ác-nghiệp, cũng không có quả an-lạc của thiện-nghiệp.*

Tất cả chúng-sinh chết rồi là hết, không có nghiệp nào cho quả tái-sinh kiếp sau".

Vô-quả tà-kiến cố-định này còn gọi là ***đoạn-kiến*** *(ucchedadiṭṭhi) chết là hết, không có kiếp sau.*

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta*[(1)] vị *Đạo-sư ngoại-đạo* ***Ajitakesakambala*** có tà thuyết ***natthikadiṭṭhi:*** *vô-quả tà-kiến cố-định* thấy sai, chấp lầm rằng:*"không có quả của nghiệp"* như sau:

1- Natthi dinnaṃ: tà-kiến thấy sai rằng: Phước thiện bố thí không có quả tốt, an-lạc.

2- Natthi yiṭṭhaṃ: tà-kiến thấy sai rằng: Phước-thiện cúng dường không có quả tốt, an-lạc.

3- Natthi hutaṃ: tà-kiến thấy sai rằng: Phước-thiện cúng dường, đón rước cũng không có quả tốt, an-lạc.

4- Natthi sukatadukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipākaṃ: tà-kiến thấy sai rằng: Đã tạo thiện-nghiệp, ác-nghiệp rồi, không có quả an-lạc của thiện-nghiệp, không có quả khổ của ác-nghiệp.

5- Natthi ayaṃ loko: tà-kiến thấy sai rằng: Không có cõi giới này nghĩa là không có chúng-sinh tái-sinh đến cõi giới này.

6- Natthi paro loko: tà-kiến thấy sai rằng: Không có cõi giới khác nghĩa là chúng-sinh chết rồi là hết, không có tái-sinh kiếp sau trong cõi giới khác.

---

[1] Dī. Sīlakkhandhavagga, kinh Sāmaññaphalasutta.

7- Natthi mātā: tà-kiến thấy sai rằng: Tạo phước, tạo tội đối với mẹ của mình, không có quả tốt, quả xấu.

8- Natthi pitā: tà-kiến thấy sai rằng: Tạo phước, tạo tội đối với cha của mình, không có quả tốt, quả xấu.

9- Natthi sattā opapātikā: tà-kiến thấy sai rằng: Không có các loài chúng-sinh hóa sinh to lớn ngay tức thì, như chư-thiên cõi dục-giới, chư phạm-thiên cõi sắc-giới, chúng-sinh địa-ngục, loài ngạ-quỷ, loài a-su-ra.

10- Natthi loke samaṇabrahmaṇā samaggatā sammāpaṭipannā ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: tà-kiến thấy sai rằng: Trong đời này, không có các Sa-môn, Bà-la-môn thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, các bậc thiền vô-sắc, chứng đắc các phép thần-thông; thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, thấy rõ, biết rõ cõi giới này, các cõi giới khác.

Người có *vô-quả tà-kiến cố-định* này là người phủ nhận ***quả*** *của ác-nghiệp,* ***quả*** *của thiện-nghiệp*, cũng có nghĩa là phủ nhận ***nhân*** là *ác-nghiệp, thiện-nghiệp.*

2- Vô-nhân tà-kiến như thế nào?

Ahetukadiṭṭhi: *vô-nhân tà-kiến cố-định* là tà-kiến thấy sai chấp lầm cố-định, không thay đổi rằng: *"Không có nhân là không có nghiệp"*.

Người có *vô-nhân tà-kiến cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: *"Không có nghiệp sinh cho quả (janakahetu), cũng không có nghiệp hỗ trợ cho quả của nghiệp. Nghĩa là không có thiện-nghiệp cho quả an-lạc, không có ác-nghiệp cho quả khổ; cũng không có thiện-nghiệp hỗ trợ cho quả của nghiệp, không có ác-nghiệp hỗ trợ cho quả của nghiệp"*.

Như vậy, người có *vô-nhân tà-kiến cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: *"Tất cả mọi chúng-sinh hiện hữu trong cõi đời này theo tự nhiên, không do quả của thiện-nghiệp, không do quả của ác-nghiệp nào cả. Tất cả mọi chúng-sinh bị ô nhiễm tự nhiên, đến thời-kỳ được trong sạch thanh-tịnh tự nhiên. Cho nên, tất cả mọi chúng-sinh là người ác và người thiện; kẻ ngu và bậc trí, trải qua tử sinh luân-hồi nhiều đời nhiều kiếp, đến thời-kỳ nào đó cũng đều giải thoát khổ cả thảy".*

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta*[1] vị *Đạo-sư ngoại đạo* ***Makkhaligosāla*** có tà thuyết ***Ahetukadiṭṭhi:*** *vô-nhân tà-kiến cố-định* thấy sai, chấp lầm rằng: *"Không có nhân là không có nghiệp"* như sau:

- Không có nhân nào, không có duyên nào làm cho tất cả chúng-sinh bị ô nhiễm. Tất cả chúng-sinh bị ô nhiễm tự nhiên, không do nhân nào, duyên nào cả.

- Không có nhân nào, không có duyên nào làm cho tất cả chúng-sinh được trong sạch thanh-tịnh. Tất cả chúng-sinh được trong sạch thanh-tịnh tự nhiên, không do nhân nào, duyên nào cả.

- Không có nghiệp riêng của mình, không có nghiệp của người khác. Tất cả chúng-sinh sống tùy thuộc vào sự may, sự rủi, thọ khổ tự nhiên, thọ lạc tự nhiên.

- Tất cả chúng-sinh là người ác, người thiện; kẻ ngu, bậc trí, trải qua tử sinh luân-hồi nhiều đời nhiều kiếp, đến thời-kỳ nào đó cũng đều giải thoát khổ cả thảy".

Người có *vô-nhân tà-kiến cố-định* này là người phủ nhận ***nhân*** đó là *thiện-nghiệp, ác-nghiệp*, cũng có nghĩa là phủ nhận ***quả an-lạc của thiện-nghiệp, quả khổ của ác-nghiệp.***

---

[1] Dī. Sīlakkhandhavagga, kinh Sāmaññaphalasutta.

3- Vô-hành tà-kiến như thế nào?

Akiriyadiṭṭhi: *vô-hành tà-kiến cố-định* là tà-kiến thấy sai chấp lầm cố-định, không thay đổi rằng: *"Không có hành ác, không có hành thiện"*.

Người có *vô-hành tà-kiến cố-định* thấy sai chấp lầm rằng: *"Người tạo ác-nghiệp không có hành ác, người tạo thiện-nghiệp không có hành thiện. Hành chỉ là hành mà thôi, không có hành ác, không có hành thiện"*.

Như trong bài kinh *Sāmaññaphalasutta* vị *Đạo-sư ngoại đạo* ***Puraṇakassapa*** có tà thuyết ***Akiriyadiṭṭhi:*** *vô-hành tà-kiến cố-định* thấy sai, chấp lầm rằng: *"Không có hành ác, không có hành thiện"* như sau:

Tự mình hành ác, sai khiến người khác hành ác đều không có hành ác như:

- Tự mình sát-sinh, sai khiến người khác sát-sinh đều không có hành ác sát-sinh.

- Tự mình trộm-cắp, sai khiến người khác trộm-cắp đều không có hành ác trộm-cắp, v.v...

- Tự mình bố-thí, khuyên dạy người khác bố-thí đều không có hành thiện bố-thí.

- Tự mình cúng dường, khuyên dạy người khác cúng dường đều không có hành thiện cúng dường, v.v...

Người có *vô-hành tà-kiến cố-định* này là người phủ nhận ***nhân*** đó là thiện-nghiệp, ác-nghiệp, cũng có nghĩa là phủ nhận ***quả*** *của thiện-nghiệp, ác-nghiệp*.

Ba loại tà-kiến cố-định này là ác-nghiệp cực kỳ nặng hơn *5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội* là *giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật và chia rẽ chư tỳ-khưu-Tăng*, bởi vì, người có loại tà-kiến cố-định này hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp của họ.

Tuy người ấy không tin nghiệp và quả của nghiệp, nhưng sự thật, người ấy đã tạo ác-nghiệp cực kỳ nặng, nên sau khi người ấy chết, chắc chắn ác-nghiệp tà-kiến cố-định ấy có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau trong ***cõi đại-địa-ngục Avīci***, phải chịu quả khổ thiêu đốt suốt thời gian lâu dài, không có hạn định.

Tà-kiến - Chánh-kiến (Micchādiṭṭhi - Sammādiṭṭhi)

Tà-kiến và chánh-kiến phát sinh do nhân nào?

Trong Chi-bộ-kinh, phần pháp 2 chi, Đức-Phật thuyết dạy ***tà-kiến*** *(micchādiṭṭhi)* phát sinh do 2 nhân-duyên như sau:

"Dveme Bhikkhave, paccayā micchādiṭṭhiyā uppādāya. Katame dve?

Parato ca ghoso, ayoniso ca manasikāro.

Ime kho bhikkhve, dve paccayā micchādiṭṭhiyā uppādāya".

- Này chư tỳ-khưu! Do 2 nhân-duyên làm phát sinh tà-kiến. Hai nhân-duyên ấy là gì?

1- Parato ca ghoso: Lắng nghe tà-pháp từ hạng người có tà-kiến.

2- Ayoniso ca manasikāro: biết trong tâm với si-tâm không biết đúng 4 trạng-thái của các pháp hữu vi.

- Này chư tỳ-khưu! Do 2 nhân-duyên ấy làm phát sinh tà-kiến.

Giải Thích

Ayoniso ca manasikāro: biết trong tâm với si-tâm không biết đúng 4 trạng-thái của tất cả sắc-pháp, danh-pháp tam-giới như sau:

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì do si-tâm biết đảo ngược cho rằng thường (nicca).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì do si-tâm biết đảo ngược cho rằng lạc (sukha).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì do si-tâm biết đảo ngược cho rằng ngã (attā).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha) thì do si-tâm biết đảo ngược cho rằng tịnh (subha).*

Ayonisomanasikāra: biết trong tâm với si-tâm biết đảo ngược *4 trạng-thái* của tất cả sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho rằng *thường, lạc, ngã, tịnh* làm nhân-duyên phát sinh ***micchādiṭṭhi** : tà-kiến*, cũng làm nhân-duyên phát sinh ***vipallāsa:** pháp-đảo-điên.*

Vipallāsa: pháp-đảo-điên có 3 loại:

1- :Diṭṭhivipallāsa: tà-kiến đảo-điên thấy đảo ngược nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng *thường, lạc, ngã, tịnh.*

2- Cittavipallāsa: tâm đảo-điên biết đảo ngược nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng *thường, lạc, ngã, tịnh.*

3- Saññāvipallāsa: tưởng đảo-điên tưởng đảo ngược nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng *thường, lạc, ngã, tịnh.*

Như vậy, ***pháp-đảo-điên*** có 3 loại, mà mỗi loại có 4 pháp, cho nên, gồm có *12 pháp-đảo-điên* làm nhân-duyên phát sinh *tà-kiến*.

***** Trong Chi-bộ-kinh, phần pháp 2 chi, Đức-Phật thuyết dạy ***chánh-kiến*** *(sammādiṭṭhi)* phát sinh do 2 nhân-duyên như sau:

"Dveme Bhikkhave, paccayā sammādiṭṭhiyā uppādāya. Katame dve?

Parato ca ghoso, yoniso ca manasikāro.

Ime kho bhikkhave, dve paccayā sammādiṭṭhiyā uppādāya."

- Này chư tỳ-khưu! Do 2 nhân-duyên làm phát sinh chánh-kiến. Hai nhân-duyên ấy là gì? [1]

1- Parato ca ghoso: Lắng nghe chánh-pháp từ các bậc thiện-trí có chánh-kiến.

2- Yoniso ca manasikāro: hiểu biết trong tâm với trí-tuệ biết đúng 4 trạng-thái của các pháp hữu vi.

- Này chư tỳ-khưu! Do 2 nhân-duyên ấy làm phát sinh chánh-kiến.

Giải Thích

Yoniso ca manasikāro: biết trong tâm với trí-tuệ biết đúng 4 trạng-thái của tất cả sắc-pháp, danh-pháp tam-giới như sau:

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì trí-tuệ biết đúng là vô-thường (anicca).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì trí-tuệ biết đúng là khổ (dukkha).*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì trí-tuệ biết đúng là vô-ngã (anattā)*

** Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha) thì trí-tuệ biết đúng là bất-tịnh (asubha).*

Yonisomanasikāra: hiểu biết trong tâm với trí-tuệ biết đúng *4 trạng-thái* của tất cả sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đều có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh* làm nhân-duyên phát sinh ***sammādiṭṭhi**: chánh-kiến.*

Chánh-kiến có 5 loại:

1-Kammassakatā sammādiṭṭhi: chánh-kiến-sở-nghiệp nghĩa là trí-tuệ thấy đúng, biết đúng thiện-nghiệp và ác-nghiệp mà mình đã tạo rồi là của riêng mình.

---

[1] Aṅguttaranikāya, Dukanipātapāḷi, Āsāduppajahavagga.

2-Vipassanā sammādiṭṭhi: chánh-kiến-thiền-tuệ nghĩa là *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ* ***thật-tánh*** *của sắc-pháp, danh-pháp là pháp vô-ngã, thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp, thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

3-Maggasammādiṭṭhi: chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ nghĩa là *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng đắc 4 Thánh-đạo-tuệ* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới.*

4- Phalasammādiṭṭhi: chánh-kiến-Thánh-quả-tuệ nghĩa là *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng đắc 4 Thánh-quả-tuệ* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới.*

5-Paccavekkhaṇāsammādiṭṭhi: chánh-kiến quán-triệt nghĩa là *trí-tuệ-thiền-tuệ quán-triệt Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn đã chứng đắc; quán-triệt phiền-não đã diệt tận và phiền-não chưa diệt tận được.*

Thật ra, ***phước-thiện chánh-kiến*** trong *10 phước-thiện puññakriyāvatthu* thì chỉ có *kammassakatā sammā-diṭṭhi: chánh-kiến-sở-nghiệp* mà thôi.

10 phước-thiện gom lại thành 3 nhóm phước-thiện

1- Dānakusala: Phước-thiện bố-thí.
2- Sīlakusala: Phước-thiện giữ-giới.
3- Bhāvanākusala: Phước-thiện hành-thiền.
4- Apacāyanakusala: Phước-thiện cung-kính.
5- Veyyāvaccakusala: Phước-thiện hỗ-trợ.
6- Pattidānakusala: Phước-thiện hồi-hướng.
7- Pattānumodanakusala: Phước-thiện hoan-hỷ.
8- Dhammassavanakusala: Phước-thiện nghe-pháp.
9- Dhammadesanākusala: Phước-thiện thuyết-pháp.
10- Diṭṭhijukammakusala: Phước-thiện chánh-kiến.

Mười phước-thiện gom lại thành 3 nhóm phước-thiện chính có điểm tương tự giống nhau:

- Nhóm phước-thiện bố-thí.
- Nhóm phước-thiện giữ-giới.
- Nhóm phước-thiện hành-thiền.

1- Nhóm phước-thiện bố-thí gồm có 3 loại phước-thiện là *dānakusala: phước-thiện bố-thí, pattidānakusala: phước-thiện hồi-hướng, pattānumodanākusala: phước-thiện hoan-hỷ.*

2- Nhóm phước-thiện giữ-giới gồm có 3 loại phước-thiện là *sīlakusala: phước-thiện giữ-giới, apacāyana-kusala: phước-thiện cung-kính và veyyāvaccakusala: phước-thiện hỗ-trợ.*

3- Nhóm phước-thiện hành-thiền gồm có 4 loại phước-thiện là *bhāvanākusala: phước-thiện hành-thiền, dhammassavanakusala: phước-thiện nghe-pháp, dhamma-desanākusala: phước-thiện thuyết-pháp, diṭṭhijukamma-kusala: phước-thiện chánh-kiến.*

Giải Thích

*1- **Nhóm phước-thiện bố-thí*** gồm có 3 loại phước-thiện là ***dānakusala**: phước-thiện bố-thí, **pattidāna-kusala**: phước-thiện hồi-hướng và **pattānumodanā-kusala:** phước-thiện hoan-hỷ.*

Trong nhóm phước-thiện bố-thí này có 2 phước-thiện là *pattidānakusala và pattānumodanākusala* đều có 2 pháp nghịch là ***macchariya**: tâm keo kiệt bủn xỉn trong của cải tài sản của mình* và ***issā**: tâm ganh tị trong của cải tài sản hay tài đức của người khác* giống như phước-thiện bố-thí.

Vì vậy, 3 loại phước-thiện là *dānakusala: phước-thiện bố-thí, pattidānakusala: phước-thiện hồi-hướng và*

pattānumodanākusala: phước-thiện hoan-hỷ này có điểm tương tự giống nhau, nên gom chung vào ***nhóm phước-thiện bố-thí*** *(dānamayakusala).*

2- Nhóm phước-thiện giữ-giới gồm có 3 phước-thiện là ***sīlakusala****: phước-thiện giữ-giới,* ***apacāyanakusala:*** *phước-thiện cung-kính và* ***veyyāvaccakusala****: phước-thiện hỗ-trợ.* Trong nhóm này, *sīlakusala: phước-thiện giữ-giới* đó là *cetanā: tác-ý tâm-sở trong đại-thiện-tâm* giữ gìn thân và khẩu tránh xa 3 thân hành-ác, tránh xa 4 khẩu nói-ác, làm cho thân và khẩu đàng hoàng.

** Apacāyanakusala: phước-thiện cung-kính đối với những bậc đáng tôn kính, cung-kính đối với tất cả mọi người đáng cung-kính.* Người có pháp cung-kính biểu hiện bằng thân cung-kính lễ bái cúng dường, bằng khẩu cung-kính nói lời lễ độ, v.v…

** Veyyāvaccakusala: Phước-thiện hỗ-trợ trong mọi việc thiện của người khác.* Người có pháp hỗ-trợ trong mọi việc phước-thiện của người khác, biểu hiện bằng thân tận tình giúp đỡ mọi người, bằng khẩu chân tình nói lời chỉ dẫn mọi người.

Apacāyanakusala: phước-thiện cung-kính và veyyāvaccakusala: phước-thiện hỗ-trợ là 2 phước-thiện thuộc về *carittasīla: giới nên hành của chư bậc xuất gia tỳ-khưu, sa-di và người tại-gia là cận-sự-nam, cận-sự-nữ.*

Vì vậy, 3 loại phước-thiện là *sīlakusala: phước-thiện giữ-giới, apacāyanakusala: phước-thiện cung-kính và veyyāvaccakusala: phước-thiện hỗ-trợ* này có điểm tương tự giống nhau, nên gom chung vào ***nhóm phước-thiện giữ-giới*** *(sīlamayakusala).*

3- Nhóm phước-thiện hành-thiền gồm có 4 phước-thiện là ***bhāvanākusala****: phước-thiện hành-thiền,* ***dham-***

massavanakusala: *phước-thiện nghe-pháp,* ***dhammadesanākusala****: phước-thiện thuyết-pháp và* ***diṭṭhijukammakusala:*** *phước-thiện chánh-kiến.* Trong nhóm này, *dhammassavanakusala: phước-thiện nghe-pháp, dhammadesanākusala: phước-thiện thuyết-pháp và diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến* có trạng-thái làm cho thiện-pháp bậc cao phát sinh lên đầu tiên, rồi làm cho thiện-pháp ấy phát triển giống như *bhāvanākusala: phước-thiện hành-thiền là thực-hành pháp-hành thiền-định và thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.*

Vì vậy, 4 loại phước-thiện là *bhāvanākusala: phước-thiện hành-thiền, dhammassavanakusala: phước-thiện nghe-pháp, dhammadesanākusala: phước-thiện thuyết-pháp và diṭṭhijukammakusala: phước-thiện chánh-kiến* này có trạng-thái tương tự giống nhau, nên gom chung vào ***nhóm phước-thiện hành-thiền*** *(bhāvanāmaya-kusala).*

Tuy nhiên, *dhammadesanākusala và diṭṭhijukammakusala được ghép theo Phật-ngôn và Chú-giải như sau:*

* Đức-Phật dạy rằng:

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti"[1].

Pháp-thí là cao thượng hơn tất cả mọi sự bố-thí.

Như vậy, dhammadesanākusala: phước-thiện thuyết-pháp được ghép vào với *dānakusala: phước-thiện bố-thí.*

* Chú-giải Pāḷi, bộ Pāthikavaggaṭṭhakathā, Kinh Saṅgītisuttavaṇṇanā giảng giải rằng:

"Diṭṭhijukammaṃ sabbesaṃ niyāmalakkhaṇaṃ"[2]

Diṭṭhijukammakusala: Phước-thiện chánh-kiến có trạng-thái điều hòa và hỗ-trợ cho tất cả 10 phước-thiện puññakriyāvatthu.

---

[1] Bộ Dhammapadagāthā bài kệ thứ 354.

[2] Bộ Dī.Pāthikavaggaṭṭhakathā, Saṅgītisuttavaṇṇanā.

Như vậy, *diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến* được ghép vào với *nhóm phước-thiện bố-thí (dānamaya-kusala), nhóm phước-thiện giữ-giới (sīlamayakusala) và nhóm phước-thiện hành-thiền (bhāvanāmayakusala).*

* Nếu thí-chủ tạo phước-thiện *bố-thí, hành-giả thực-hành pháp-hành giữ-giới, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* có *diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ-trợ thì nhóm phước-thiện bố-thí, nhóm phước-thiện giữ-giới, nhóm phước-thiện hành-thiền*, các *phước-thiện ấy thuộc về đại-thiện-nghiệp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với* ***trí-tuệ****, có đủ 3 nhân: vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ).*

* Nếu *đại-thiện-nghiệp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)* có đủ 3 thiện-nhân là *vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ).*

Hoặc tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** trên cõi trời dục-giới, có nhiều oai lực, có hào quang rực rỡ, chói lọi khắp mọi nơi, …

* Nếu thí-chủ tạo phước-thiện *bố-thí, hành-giả thực-hành pháp-hành giới, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ* không có *diṭṭhi-jukamma: phước-thiện chánh-kiến* hỗ-trợ thì *nhóm phước-thiện bố-thí, nhóm phước-thiện giữ-giới, nhóm phước-thiện hành-thiền,* các *phước-thiện ấy* thuộc về *đại-thiện-nghiệp trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ, chỉ có 2 nhân là vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ).*

* Nếu *đại-thiện-nghiệp trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-*

sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người nhị-nhân*** *(dvihetukapuggala)* chỉ có 2 thiện-nhân là *vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ).*

Hoặc tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên cõi trời dục-giới, có ít oai lực, có ít hào quang, …

Cho nên, *diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến* có vai trò quan trọng hỗ-trợ trong khi tạo phước-thiện nào trong 10 loại phước-thiện, để cho phước-thiện ấy trở thành cao quý, có nhiều quả báu cao quý đáng hài lòng hoan-hỷ trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Dānakusala, sīlakusala, bhāvanākusala

Để có được sự nhận thức so sánh về *phước-thiện và quả của phước-thiện* hoặc *đại-thiện-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp* của 3 nhóm phước-thiện là *nhóm phước-thiện bố-thí (dānamayakusala), nhóm phước-thiện giữ-giới (sīlamayakusala), nhóm phước-thiện hành-thiền (bhāvanāmayakusala),* qua sự tìm hiểu bài kinh *Velāmasutta*[(1)] được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú hộ Anāthapiṇḍika gần kinh-thành Sāvatthi. Khi ấy, ông phú hộ Anāthapiṇḍika đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, Đức-Thế-Tôn hỏi ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

- Này ông phú hộ! Trong gia đình ông vẫn còn tạo phước-thiện bố-thí phải không?

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika kính bạch rằng:

[1] Aṅg. Phần Navakanipātapāḷi, Velāmasutta.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, trong gia đình con vẫn còn tạo phước-thiện bố-thí, nhưng sự bố-thí ấy của con hiện nay là quá tầm thường, chỉ có cơm nấu bằng gạo lép và nước cải ngâm mà thôi.

Quả của phước-thiện bố-thí không cung-kính

Đức-Thế-Tôn dạy rằng:

- Này ông phú hộ! Người thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí bằng những vật thí tầm thường hoặc cao quý, mà bố-thí với tâm không cung-kính, cúng dường không cung-kính, không tự tay mình cung-kính cúng dường, đem vật dư thừa bố-thí, không có đức-tin nơi đại-thiện-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí.

Nếu đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người trong gia đình giàu có thì người ấy sẽ không hưởng tâm dùng những món ăn ngon, sẽ không mặc những y phục bằng các thứ vải tốt, sẽ không sử dụng chiếc xe sang trọng, sẽ không hưởng những ngũ dục an-lạc.

Những người thuộc hạ của người ấy như vợ con, tôi tớ, người làm công, bạn bè, v.v… sẽ không vâng lời, sẽ không để tâm đến lời dạy bảo của người ấy.

Những điều ấy là do quả của nghiệp nào?

Những điều ấy là do quả của ác-nghiệp không cung-kính của người ấy.

Quả của phước-thiện bố-thí cung-kính

- Này ông phú hộ! Người thí-chủ tạo phước-thiện bố thí bằng những vật thí tầm thường hoặc cao quý, mà bố-thí với tâm cung-kính, cúng dường với tâm cung-kính, tự tay mình cung-kính cúng dường, không đem vật dư thừa bố-thí, có đức-tin nơi đại-thiện-nghiệp bố-thí và quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí.

Nếu đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau làm người trong gia đình giàu có thì người ấy sẽ hướng tâm dùng những món ăn ngon, sẽ mặc những y phục bằng các thứ vải tốt, sẽ sử dụng chiếc xe sang trọng, sẽ hưởng những ngũ dục an-lạc.

Những người thuộc hạ của người ấy như vợ con, tôi tớ, người làm công, bạn bè, v.v… sẽ vâng lời, sẽ để tâm đến lời dạy bảo của người ấy.

Những điều ấy là do quả của nghiệp nào?

Những điều ấy là do quả của đại-thiện-nghiệp cung-kính của người ấy.

Tạo phước-thiện đại-thí ngoài Phật-giáo

- Này ông phú hộ! Chuyện đã từng có, một Bà-la-môn tên Velāma (tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama) tạo phước-thiện đại-thí như vầy:

- Bố-thí 84.000 mâm vàng đầy vàng bạc (rūpiya).

- Bố-thí 84.000 mâm vàng bạc (rūpiya) đầy vàng.

- Bố-thí 84.000 mâm đồng đầy bạc.

- Bố-thí 84.000 con voi gồm đầy đủ đồ trang sức làm bằng vàng.

- Bố-thí 84.000 chiếc xe được bao bọc bằng da sư tử, da cọp,…

- Bố-thí 84.000 con bò sữa cùng với đồ đựng sữa bằng bạc,…

- Bố-thí 84.000 cô gái trẻ đẹp cùng với đồ trang sức ngọc maṇī,…

- Bố-thí 84.000 chiếc ghế ngồi được trang hoàng bằng những thứ quý giá,…

- Bố-thí 84.000 x 10.000.000 vải đủ loại đặc biệt.

Ngoài ra, bố-thí đồ ăn, đồ uống, các đồ dùng khác nhiều như nước sông chảy không sao kể xiết.

- Này ông phú hộ! Trong thời quá khứ ấy, Như-Lai là vị Bà-la-môn Velāma tạo phước-thiện đại-thí, nhưng không có bậc xứng đáng cúng dường (thời đại không có Đức-Phật và chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng).

Tạo phước-thiện bố-thí trong Phật-giáo

*- Này ông phú hộ! Người nào tạo phước-thiện bố-thí đến **bậc Thánh Nhập-lưu** có chánh-kiến đầy đủ, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn ông Bà-la-môn Velāma tạo phước-thiện bố-thí trong thời quá khứ ấy suốt 7 năm và 7 tháng.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **100 bậc Thánh Nhập-lưu**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 1 bậc Thánh Nhập-lưu.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **1 bậc Thánh Nhất-lai**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 100 bậc Thánh Nhập-lưu.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **100 bậc Thánh Nhất-lai**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 1 bậc Thánh Nhất-lai.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **1 bậc Thánh Bất-lai**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 100 bậc Thánh Nhất-lai.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **100 bậc Thánh Bất-lai**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 1 bậc Thánh Bất-lai.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **1***

***bậc Thánh A-ra-hán**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 100 bậc Thánh Bất-lai.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **100 bậc Thánh A-ra-hán**, thì người ấy có phước-thiện nhiều có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 1 bậc Thánh A-ra-hán.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **1 Đức-Phật Độc-Giác**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 100 bậc Thánh A-ra-hán.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **100 Đức-Phật Độc-Giác**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 1 Đức-Phật Độc-Giác.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí đến 100 Đức-Phật Độc-Giác.*

** Người nào tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến **chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì,** thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người làm phước bố-thí cúng dường đến Đức-Phật Chánh-Đẳng Giác.*

** Người nào **xây cất chỗ ở** dâng cúng dường đến **chư tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì.*

** Người nào **có đức-tin trong sạch** nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, thành*

*kính **thọ phép quy-y Tam-bảo**, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người xây dựng chỗ ở dâng cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương.*

** Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có tác-ý đại-thiện-tâm trong sạch **thọ trì ngũ-giới, rồi giữ gìn ngũ-giới** được trong sạch và trọn vẹn, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người thành kính thọ phép quy-y Tam-bảo.*

** Người hành-giả nào thực-hành **pháp-hành thiền-định** với **đề-mục niệm rải tâm-từ vô lượng** đến tất cả chúng-sinh, trong khoảng thời gian khoảnh khắc ngửi mùi thơm, thì người hành-giả ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người có đức-tin trong sạch thọ trì ngũ-giới, rồi giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn.*

** Và người nào thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ**, có **trí-tuệ thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, trong khoảng thời gian khoảnh khắc bằng búng đầu ngón tay, thì người ấy có phước-thiện nhiều, có quả báu nhiều hơn người tiến hành-thiền định với đề-mục rải tâm-từ vô-lượng đến tất cả chúng-sinh, trong khoảng thời gian khoảnh khắc ngửi mùi thơm.*

Nhận xét về bài kinh Velāmasutta

Qua *bài kinh Velāmasutta* để có sự nhận thức so sánh về *phước-thiện và quả của phước-thiện* như sau:

* Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí với đại-thiện-tâm cung-kính, có nhiều phước-thiện bố-thí, có nhiều quả báu của phước-thiện bố-thí hơn thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí với đại-thiện-tâm không cung-kính.

* Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí trong Phật-giáo dù ít với thời gian ngắn, vẫn có nhiều phước-thiện bố-thí cao quý, có nhiều quả báu của phước-thiện bố-thí cao quý hơn thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí ngoài Phật-giáo dù nhiều với thời gian lâu dài, vẫn có ít phước-thiện bố-thí, có ít quả báu của phước-thiện bố-thí.

* Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường dù ít đến một bậc có giới-đức cao thượng, vẫn có nhiều phước-thiện bố-thí cao quý, có nhiều quả báu của phước-thiện bố-thí cao quý hơn thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí dù nhiều đến nhiều người không có giới-đức.

* Thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường dù ít đến một bậc có ân-đức càng cao thượng thì càng có nhiều phước-thiện bố-thí cao quý hơn nữa, có nhiều quả báu của phước-thiện bố-thí cao quý hơn nữa.

* Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo là quy-y Đức-Phật-bảo, quy-y Đức-Pháp-bảo, quy-y Đức-Tăng-bảo, có phước-thiện cao quý, có nhiều quả báu của phước-thiện cao quý hơn thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí dù nhiều trong thời gian lâu dài, hoặc xây dựng chỗ ở to lớn, rồi làm lễ dâng cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng tứ phương thọ nhận.

* Người cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, rồi giữ gìn ngũ-giới được trong sạch và trọn vẹn, có phước-thiện giữ giới cao quý, có nhiều quả báu của phước-thiện giữ giới cao quý.

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm-từ đến tất cả chúng-sinh vô-lượng dù trong thời gian khoảnh khắc ngửi mùi thơm, cũng có

nhiều phước-thiện cao quý, có nhiều quả báu cao quý hơn phước-thiện thọ trì giữ-giới được trong sạch và trọn vẹn.

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***sự sinh, sự diệt*** *của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ* ***3 trạng-thái-chung****: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp, …* dù trong thời gian khoảnh khắc búng đầu ngón tay, cũng có nhiều phước-thiện cao quý, có nhiều quả báu cao quý hơn phước-thiện thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm-từ đến tất cả chúng-sinh vô-lượng.

Như vậy, người thiện nào tạo *phước-thiện nào*, có được nhiều hoặc ít phước-thiện ấy, có quả báu nhiều hoặc ít của phước-thiện ấy là hoàn toàn tùy thuộc vào *đối-tượng với đại-thiện-tâm bậc cao hoặc đại-thiện-tâm bậc thấp* đối với người thiện ấy trải qua 3 thời-kỳ tác-ý:

- Pubbacetanā: tác-ý trước khi tạo phước-thiện ấy.

- Muñcacetanā: tác-ý đang khi tạo phước-thiện ấy.

- Aparacetanā: tác-ý sau khi tạo phước-thiện ấy.

Phước-Thiện Và Quả báu Của Phước-Thiện

Đại-thiện-nghiệp trong *8 đại-thiện-tâm* tạo *10 phước-thiện puññakriyāvatthu.*

Đại-thiện-tâm (mahākusalacitta) có 8 tâm:

1- Đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-thiện-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-thiện-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-thiện-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-thiện-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-thiện-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-thiện-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-thiện-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

8 đại-thiện-tâm này phân chia theo trí-tuệ có 2 loại:

- 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.

- 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ.

Trong 10 phước-thiện này, người thiện tạo mỗi phước-thiện cần phải trải qua 3 thời-kỳ tác-ý:

*1- **Pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện ấy (có thời gian lâu hoặc mau không nhất định).*

*2- **Muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện ấy (trong thời hiện-tại).*

*3- **Aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy (với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm)*

Mỗi thời-kỳ *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm* tạo phước-thiện nào có vai trò quan trọng thành-tựu mỗi đại-thiện-nghiệp như sau:

Năng lực muñcacetanā

***** Thời-kỳ ***muñcacetanā:*** tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện nào được thành-tựu *đại-thiện-nghiệp như sau:*

- Nếu người thiện nào tạo *phước-thiện nào* trong thời-kỳ ***muñcacetanā:*** *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ kammassakatāñāṇa: trí-tuệ hiểu biết*

nghiệp là của riêng mình, thì người thiện ấy tạo *phước-thiện ấy với* ***đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*** có đủ *tam-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ),* nên phước-thiện ấy trở thành ***tihetukakusalakamma****: tam-nhân đại-thiện-nghiệp.*

- Nếu người thiện nào tạo *phước-thiện nào* trong thời-kỳ ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ kammassakatāñāṇa: trí-tuệ hiểu biết nghiệp là của riêng mình,* thì người thiện ấy tạo *phước-thiện ấy với* ***đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*** chỉ có *nhị-nhân là vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ),* nên phước-thiện ấy trở thành ***dvihetukakusala-kamma****: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.*

Năng lực pubbacetanā và aparacetanā

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp và ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp*** phân-loại theo năng lực ***tác-ý*** trong thời-kỳ ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện ấy và* trong thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm,* nên mỗi loại *đại-thiện-nghiệp* có 2 bậc:

- ***Ukkaṭṭhakusala****: đại-thiện-nghiệp bậc cao.*
- ***Omakakusala****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

*1- **Ukkaṭṭhakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao như thế nào?*

Người thiện nào tạo *phước-thiện bố-thí nào* hoặc *phước-thiện giữ-giới nào,* hoặc *phước-thiện hành-thiền nào,* v.v…trong thời-kỳ ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy,* không có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, và nhất là trong thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-*

sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, không có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, thì người thiện ấy đã tạo được *phước-thiện bố-thí ấy* hoặc *phước-thiện giữ-giới ấy,* hoặc *phước-thiện hành-thiền ấy, v.v...* trở thành ***ukkaṭṭha-kusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc cao,* nên có *2 loại đại-thiện-nghiệp bậc cao* là:

- Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

*2- **Omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc thấp như thế nào?*

Người thiện nào tạo *phước-thiện bố-thí nào* hoặc *phước-thiện giữ-giới nào,* hoặc *phước-thiện hành-thiền nào,* v.v…trong thời-kỳ ***pubbacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì* có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm và nhất là trong thời-kỳ ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm,* bởi vì có *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* phát sinh xen lẫn, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì người thiện ấy đã tạo được *phước-thiện bố-thí ấy* hoặc *phước-thiện giữ-giới ấy,* hoặc *phước-thiện hành-thiền ấy, v.v* trở thành ***omakakusalakamma**: đại-thiện-nghiệp bậc thấp,* nên có *2 loại đại-thiện-nghiệp bậc thấp* là:

- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

- *Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Tuy nhiên, trong 2 thời-kỳ ***tác-ý*** *(cetanā)*: thời kỳ: ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện ấy* và thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi,* để quyết-định *phước-thiện ấy* trở thành *ukkaṭṭhakusalakamma: đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc *omakakusalakamma: đại-thiện-nghiệp bậc thấp,* thì thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi* có vai trò quan trọng để quyết-định *phước-thiện ấy* trở thành ***ukkaṭṭhakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc ***omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp* hơn là thời-kỳ ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm phát sinh trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì chưa thành-tựu phước-thiện ấy.*

Thật vậy, dù cho thời-kỳ ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm,* nhưng nếu thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm trong sạch hoan hỷ trong phước-thiện ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện ấy* vẫn trở thành ***ukkaṭṭhakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

Dù cho thời-kỳ ***pubbacetanā*** *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch trước khi tạo phước-thiện ấy, không có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen*

lẫn, nhưng nếu thời-kỳ ***aparacetanā*** *tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm với đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh xen lẫn làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, thì phước-thiện ấy* trở thành ***omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Cho nên, thời-kỳ ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi với thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm* có tầm quan trọng quyết-định *đại-thiện-nghiệp ấy* trở thành loại ***ukkaṭṭhakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc cao* hoặc loại ***omakakusalakamma****: đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

Phân loại đại-thiện-nghiệp theo ukkaṭṭhakusalakamma và omakakusalakamma

Phân loại *tihetukakusalakamma và dvihetukakusalakamma* theo ***ukkaṭṭhakusalakamma*** và ***omakakusalakamma*** có 4 bậc như sau:

*** Tihetukakusalakamma** có 2 bậc:

1- Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

*** Dvihetukakusalakamma** có 2 bậc:

1- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.

2- Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, mỗi đại-thiện-nghiệp có tầm quan trọng cho quả trong ***thời-kỳ tái-sinh kiếp sau*** *(paṭisandhikāla)* làm người hoặc làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên 6 cõi trời dục-giới, và cho quả trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla) kiếp hiện-tại* của loài người hoặc của chư vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới.

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp
Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp gồm có 4 bậc như sau:

1-Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: tam-nhân đại-thiện nghiệp bậc cao.
2- Tihetuka-omakakusalakamma: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.
3- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.
4- Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.

Paṭisandhikāla Và Pavattikāla

Đại-thiện-nghiệp có 4 loại là *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao và tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*, mỗi bậc *đại-thiện-nghiệp* có cơ-hội cho quả *trong 2 thời-kỳ:*

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

Đại-thiện-nghiệp có cơ-hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* đầu thai làm người, có ***3 hạng người*** trong đời này, hoặc hoá-sinh làm *vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ* trên 6 cõi trời dục-giới, cũng có *3 hạng chư-thiên.*

Mỗi hạng người, mỗi hạng thiên-nam, hạng thiên-nữ có khả năng khác nhau do quả của mỗi đại-thiện-nghiệp như sau:

1- **Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao

Tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ-hội cho quả trong 2 thời-kỳ:

- *Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).*
- *Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.*

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào đã tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, ...*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ-hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người tam-nhân***[(1)] *(tihetukapuggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người tam-nhân ấy vốn có trí-tuệ.*

[1] Người tam-nhân là người có tái-sinh-tâm đủ 3 thiện-nhân.

- Nếu *người tam-nhân ấy* có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền*-định thì có khả năng dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông (lokiya abhiññā).*[1]

- Nếu *người tam-nhân ấy* có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn là hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn,* trở thành *bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

Hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** trên cõi trời dục-giới. Nếu ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** có cơ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** có khả năng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.*

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

*Trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavatti-kāla) kiếp hiện-tại, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại* có 16 quả-tâm đó là:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm* có 8 quả-tâm và
- *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có 8 quả-tâm.

- Hữu-nhân đại-quả-tâm có 8 tâm

Hữu-nhân đại-quả-tâm đó là *đại-quả-tâm* có 8 tâm mà mỗi tâm tương xứng với mỗi tâm trong 8 đại-thiện-tâm như sau:

---

[1] Xem bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, tập 1 Pháp-Hành Thiền-Định; và quyển VII, tập 2 Pháp-Hành Thiền-Tuệ.

1- Đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

2- Đại-quả-tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

3- Đại-quả-tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

4- Đại-quả-tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

5- Đại-quả-tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

6- Đại-quả-tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

7- Đại-quả-tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, không cần tác-động.

8- Đại-quả-tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí-tuệ, cần tác-động.

- Thiện-quả vô-nhân-tâm có 8 tâm:

Thiện-quả-vô-nhân-tâm có 8 quả-tâm là quả của *đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm:*

*1- **Nhãn-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, thấy đối-tượng sắc tốt, đáng hài lòng.*

*2- **Nhĩ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm-thanh hay đáng hài lòng.*

*3- **Tỷ-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương thơm, đáng hài lòng.*

*4- **Thiệt-thức-tâm** đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, nếm đối-tượng vị ngon, đáng hài lòng.*

*5- **Thân-thức-tâm** đồng sinh với **thọ lạc**, là quả của đại-thiện-nghiệp, xúc-giác đối-tượng xúc an-lạc, đáng hài lòng.*

6- ***Tiếp-nhận-tâm*** *đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, tiếp nhận 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

7- ***Suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

8- ***Suy-xét-tâm*** *đồng sinh với* ***thọ hỷ****, là quả của đại-thiện-nghiệp, suy xét 5 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tốt, đáng hài lòng.*

Như vậy, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhi-kāla) có* ***4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân*** hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân, vị thiên-nữ tam-nhân*** trên 1 trong 6 cõi trời dục-giới. Và *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại* gồm có ***16 quả-tâm*** là *8 đại-quả-tâm* và *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng tốt đáng hài lòng trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người tam-nhân ấy, hoặc của vị thiên-nam tam-nhân hoặc vị thiên-nữ tam-nhân trong cõi trời dục-giới ấy.

2- **Tihetuka-omakakusalakamma**: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp với

3- **Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma:** nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao

-Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ với

- Dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp

với trí-tuệ, 2 loại đại-thiện-nghiệp này cho quả tương đương với nhau trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).

-Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào đã tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền,...*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ-hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭi-sandhikāla)* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ-hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người nhị-nhân***[1] *(dvihetukapuggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người nhị-nhân ấy vốn không có trí-tuệ.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì không có khả năng chứng đắc *bậc thiền nào cả.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế.*

Hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên cõi trời dục-giới. Nếu ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** có cơ hội đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-

[1] Người nhị-nhân có tái-sinh-tâm chỉ có 2 thiện-nhân là vô-tham và vô-sân (không có vô-si).

Phật, thì ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

*Trong **thời-kỳ sau khi đã tái-sinh** (pavatti-kāla) kiếp hiện-tại, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* với *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong 4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ,* 2 loại đại-thiện-nghiệp này cho quả tương đương với nhau *trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại*, có 12 quả-tâm đó là:

- *Hữu-nhân đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ* có 4 quả-tâm và
- *Thiện-quả vô-nhân-tâm* có 8 quả-tâm.

Như vậy, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người nhị-nhân*** hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên 1 trong 6 cõi trời dục-giới. Và *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp* trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* tuột xuống tương đương với *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại* gồm có ***12 quả-tâm*** là *4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ* và *8 thiện-quả vô-nhân-tâm* tiếp xúc biết các đối-tượng không tốt không xấu trong cuộc sống kiếp hiện-tại của người nhị-nhân ấy trong cõi người, hoặc của vị thiên-nam nhị-nhân hoặc vị thiên-nữ nhị-nhân ấy trên cõi trời dục-giới ấy.

Nhận xét về tihetuka-omakakusalakamma với dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma

Tihetuka-omakakusalakamma là tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong *4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ,* không đủ năng lực cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ***, nên bị tuột xuống tương đương với *dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao* trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* là ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận-sự *tái-sinh kiếp sau* làm người thuộc về hạng *người* ***dvihetukapuggala****: hạng người nhị-nhân* từ khi tái-sinh đầu thai làm người hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân* trên cõi trời dục-giới.

4- Dvihetuka-omakakusalakamma: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp

Dvihetuka-omakakusalakamma là nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp trong *4 dục-giới đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả trong 2 thời-kỳ:

- Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla).
- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.

a- **Thời-kỳ tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhikāla)

Người thiện nào đã tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền,…*

Sau khi người thiện ấy chết, nếu ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là*

quả của đại-thiện-nghiệp gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhi-citta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người vô-nhân cõi thiện-giới***[1] *(sugati ahetuka-puggala)* là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, … từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người vô-nhân ấy vốn là người đui mù, câm điếc, tật nguyền,…* chỉ biết thông thường trong cuộc sống hằng ngày.

Hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam vô-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ vô-nhân*** trong nhóm *bhummaṭṭhadevatā*: *chư-thiên ở trên mặt đất thuộc về cõi trời tứ Đại-Thiên-vương.*

b- Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại

Trong ***thời-kỳ sau khi đã tái-sinh*** *(pavattikāla)* kiếp hiện-tại, ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** trong *4 đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* cho quả chỉ có ***8 thiện quả vô-nhân-tâm*** mà thôi, tiếp xúc với các đối-tượng tầm thường trong cuộc sống hằng ngày.

Tuy nhiên, nếu đứa trẻ *ấy bị đui mù, câm điếc, tật nguyền* trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại, do ác-nghiệp nào cho quả thì không thể gọi là *người vô-nhân cõi thiện-giới* được, bởi vì, đứa trẻ ấy có thể có năng khiếu đặc biệt.

Nhận xét về 3 hạng người trong đời

Trong đời này có 3 hạng người là ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)*, ***người nhị-nhân*** *(dvihetukapuggala)*, ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** *(sugati-ahetukapuggala)* trong kiếp hiện-tại đều là quả của *đại-thiện-nghiệp trong*

[1] Người vô-nhân là người có tái-sinh-tâm không có thiện-nhân nào.

8 đại-thiện-tâm tạo *10 phước-thiện puññakriyāvatthu, (hoặc tạo 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý)* trong kiếp quá-khứ của mỗi chúng-sinh.

1- * Tihetukapuggala: hạng người tam-nhân là người có *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* đó là ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** *có đủ 3 nhân*: *vô-tham, vô-sân, vô-si* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm ***người tam-nhân*** từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, ***hạng người tam-nhân*** vốn dĩ có trí-tuệ:

- Nếu ***người tam-nhân ấy*** thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép thần-thông thế gian (lokiya abhiññā)*.

- Nếu ***người tam-nhân ấy*** thực-hành *pháp-hành-thiền-tuệ* thì có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh-nhân* trong Phật-giáo.

Tiền-kiếp của người tam-nhân

Tiền-kiếp của người tam-nhân ấy đã tạo đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ như thế nào mà kiếp hiện-tại này trở thành ***người tam-nhân*** *như vậy?*

* Tiền-kiếp của *người tam-nhân ấy* là người có giới của mình trong sạch trọn vẹn, đã từng tạo *10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý*, hoặc tạo ***phước-thiện nào*** *trong 10 phước-thiện puññakriyāvatthu* đã trải qua 3 thời-kỳ tác-ý như sau:

1- Tiền-kiếp của *người tam-nhân ấy trong thời-kỳ* ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện ấy (thời gian lâu hoặc mau không nhất định).*

2- Tiền-kiếp của *người tam-nhân ấy trong thời-kỳ* ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với* ***đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*** *kammassakatāñāṇa, khi đang tạo phước-thiện ấy (thời gian trong lúc hiện-tại) có diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ-trợ có đủ 3 thiện-nhân: vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ), nên phước-thiện ấy* trở thành ***tihetukakusalakamma****: tam-nhân đại-thiện-nghiệp.*

3- Tiền-kiếp của *người tam-nhân ấy trong thời-kỳ* ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, nếu khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy, thì đại-thiện-tâm phát sinh vô cùng hoan-hỷ, không có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh xen lẫn*, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nên *phước-thiện ấy trở thành* ***tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma****: tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

* Sau khi tiền-kiếp của *người tam-nhân ấy chết*, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân*** *(tihetuka-puggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người tam-nhân ấy vốn có trí-tuệ.*

* Ví dụ: *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đã từng tạo *30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-*

mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng suốt thời gian 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất đã được đầy đủ trọn vẹn.

* Tiền-kiếp *của Đức-Phật Gotama* là *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* ***cuti****: chuyển kiếp (chết) từ cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên),* sau khi chết, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *trong* ***đại-thiện-tâm thứ nhất*** *đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có* ***đại-quả-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai vào lòng mẫu-hậu* ***Mahāmayādevī,*** *Chánh-cung-hoàng-hậu của Đức-vua Suddhodana, vào canh chót đêm rằm tháng 6 (âm-lịch).*

Tròn đủ 10 tháng sau, đúng vào ngày rằm tháng 4, ***Đức-Bồ-tát Siddhattha*** *đản-sinh ra đời tại khu vườn Lumbinī (nay thuộc về nước Nepal).*

Đức-Bồ-tát Siddhattha *có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, đó là quả báu của 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Bồ-tát Siddhattha.*

- ***Đức-Bồ-tát Siddhattha*** *trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu* ***Đức-Phật Gotama*** *vào ngày rằm tháng 4, tròn đúng 35 tuổi, tại cội cây Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā. (nay gọi là Buddhagayā, India).*

- ***Đức-Phật Gotama*** *thuyết-pháp tế độ chúng-sinh suốt 45 năm.* ***Đức-Phật Gotama*** tịch diệt Niết-bàn vào ngày rằm tháng 4, tròn đúng 80 tuổi, tại khu rừng Kusinārā *nước Ấn-Độ (India).*

** Kiếp chót của chư Bồ-tát Độc-Giác chắc chắn là hạng* ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala), để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, rồi sẽ* tịch diệt Niết-bàn.

** Chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác chắc chắn là hạng **người tam-nhân**, để trở thành các bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, rồi tuần tự sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Kiếp hiện-tại của người tam-nhân phàm-nhân

** Sau khi người tam-nhân còn là phàm-nhân chết, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau như thế nào?*

Trong kiếp hiện-tại, *người tam-nhân nào* còn là *phàm-nhân* (chưa phải bậc Thánh-nhân) đã tạo nghiệp nào rồi, sau khi *người tam-nhân ấy* chết, nghiệp ấy sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau như sau:

- *Trong kiếp hiện-tại, người tam-nhân nào là hành-giả phàm-nhân* thực-hành pháp-hành thiền-định, nếu có khả năng chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm,* sau khi hành-giả ấy chết thì chắc chắn chỉ có ***thiện-nghiệp trong bậc thiền thiện-tâm nào cao nhất*** *mới có quyền ưu tiên* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *bậc thiền quả-tâm cao nhất ấy* đó là *đệ tứ thiền vô-sắc-giới quả-tâm* gọi là ***phi-tưởng phi-phi-tưởng xứ thiền quả-tâm*** gọi là ***vô-sắc-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ***Phi-tưởng phi-phi-tưởng xứ thiên tột đỉnh***, chư phạm-thiên trong tầng trời vô-sắc-giới tột đỉnh này có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất lâu dài nhất trong tam-giới.

Còn lại ***thiện-nghiệp*** trong *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 3 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp* đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ hội cho quả được nữa.

- Trong kiếp hiện-tại, *người tam-nhân nào còn là phàm-nhân* nếu tạo ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao***, sau khi người tam-nhân ấy chết, ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng ***người tam-nhân*** trong cõi người, hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân*** *hoặc* ***vị thiên-nữ tam-nhân*** trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy cho đến khi hết tuổi thọ.

- Trong kiếp hiện-tại, *người tam-nhân nào còn là phàm-nhân* nếu tạo ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao***, sau khi người tam-nhân ấy chết, ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng ***người nhị-nhân*** trong cõi người, hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ nhị-nhân*** trong cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện-giới ấy cho đến khi hết tuổi thọ.

* Trong kiếp hiện-tại, *nếu người tam-nhân nào còn là phàm-nhân thất-niệm (dể-duôi)* không biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, phạm điều-giới nào, tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, sau khi người tam-nhân ấy chết, thì ác-nghiệp ấy trong ác-tâm có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có *1 quả-tâm* là ***suy-xét-tâm*** *đồng sinh với thọ xả* là quả của ác-nghiệp gọi là ***ác-giới tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* chịu khổ trong cõi ác-giới ấy cho đến

khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát khỏi cõi ác-giới.

Ví dụ: * Trường-hợp ***tỳ-khưu Devadatta*** *vốn là* ***người tam-nhân*** đã chứng đắc các ***bậc thiền sắc-giới,*** chứng đắc các ***phép thần-thông,*** nhưng về sau *tỳ-khưu Devadatta* dể duôi, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi đã tạo ***ác-nghiệp vô-gián trọng tội*** *đó là ác-nghiệp chia rẽ chư tỳ-khưu-tăng và làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật.*

Sau khi *tỳ-khưu Devadatta* chết, chính ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội chia rẽ chư tỳ-khưu-tăng*** có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi ***địa-ngục Avīci,*** bị hành hạ thiêu đốt suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất mới mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Đức-Phật Gotama thọ ký rằng:

"Từ kiếp trái đất này rồi trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, hậu-kiếp của tỳ-khưu Devadatta thoát ra khỏi cõi địa-ngục, có tam-nhân đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm người, khi sinh ra đời, lúc trưởng thành đi xuất gia, rồi sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là Aṭṭhissara [(1)].

* Trường-hợp ***Đức-vua Ajātasattu*** vốn là hạng ***người tam-nhân*** dể duôi, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, *tạo* ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** giết Đức-phụ-vương Bimbisāra.

Về sau, ***Đức-vua Ajātasattu*** biết ăn năn hối lỗi, ngự đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, khi ấy, Đức-Phật thuyết bài *kinh Sāmaññaphalasutta* để tế độ Đức-vua Ajātasattu, sau khi nghe *bài kinh ấy xong,* Đức-vua Ajātasattu phát

[1] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Devadattavatthu.

sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ, *phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, Đức-vua Ajātasattu kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo, kính xin Đức-Phật công nhận Đức-vua là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn đời.* Khi ấy, Đức-vua Ajātasattu thành tâm sám hối về tội lỗi giết Đức Phụ-vương của mình, kính xin Đức-Phật chứng minh.

Đức-Phật truyền dạy: Nếu *Đức-vua Ajātasattu* không phạm ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** *giết Đức Phụ-vương,* thì sau khi nghe bài *kinh Sāmaññaphalasutta* xong, Đức-vua có khả năng trở thành bậc ***Thánh Nhập-lưu,*** nhưng *Đức-vua Ajātasattu* đã phạm *ác-nghiệp vô-gián trọng-tội giết Đức Phụ-vương,* ác-nghiệp trọng-tội ấy ngăn cản, nên không thể trở thành bậc Thánh nhập-lưu được.

Từ đó về sau, *Đức-vua Ajātasattu* có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, hết lòng phụng sự Tam-bảo.

Thật vậy, sau khi *Đức-Phật Gotama đã tịch diệt Niết-bàn,* khoảng 3 tháng 4 ngày, *Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa chủ trì trong* ***kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*** *lần thứ nhất* gồm có *500 vị Thánh A-ra-hán* tại động Sattapaṇṇi gần kinh-thành Rājagaha.

Đức-vua Ajātasattu đã hộ độ 500 vị Thánh A-ra-hán trong ***kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi*** *lần thứ nhất* suốt 7 tháng mới hoàn thành trọn bộ *Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi.*

Đức-vua Ajātasattu là cận-sự-nam phàm-nhân có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo, phụng sự Tam-bảo cho đến trọn đời.

Sau khi *Đức-vua Ajātasattu* băng hà, đáng lẽ ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** *(giết Đức Phụ-vương)* cho quả

tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi ***đại-địa-ngục Avīci,*** nhưng nhờ có *đại-thiện-nghiệp* ***quy-y Tam-bảo*** *và các đại-thiện-nghiệp khác nhất là đại-thiện-nghiệp* hộ độ *500 bậc Thánh A-ra-hán* trong thời-kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất, *có Ngài đại-trưởng-lão Mahākassapa* chủ trì, nhờ các đại-thiện-nghiệp ấy có khả năng làm giảm bớt tiềm năng cho quả của ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội***, nên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi ***tiểu-địa-ngục Lohakumbhī*** *(nồi đồng sôi), chịu khổ trong cõi tiểu-địa-ngục nồi đồng sôi ấy suốt 60.000 năm.*

Đức-Phật đã từng thọ ký được tóm lược như sau:

Sau khi Đức-vua Ajātasattu băng hà, ***ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** *giết Đức Phụ-vương cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi tiểu địa-ngục* ***Lohakumbhī*** *(nồi đồng sôi) từ miệng chìm xuống đến đáy nồi khoảng thời gian suốt 30.000 năm, rồi từ đáy nồi nổi lên đến miệng nồi khoảng thời gian suốt 30.000 năm, mới mãn quả của ác-nghiệp vô-gián trọng-tội ấy.*

Do nhờ tam-nhân đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người. Hậu-kiếp của ***Đức-vua Ajātasattu*** *đi xuất gia, rồi sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là* ***Đức-Phật Độc-Giác Vijitāvi*** [(1)].

2- * Dvihetukapuggala*: hạng người nhị-nhân là người chỉ có 2 thiện-nhân: vô-tham và vô-sân* mà thôi, không có *vô-si*, từ khi tái-sinh đầu thai làm người.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, hạng ***người nhị-nhân*** vốn dĩ không có trí-tuệ.

---

[1] Dī. Sīlakkhandhavaggaṭṭhakathā, đoạn cuối Sāmaññaphalasuttavaṇṇanā.

- Nếu *hạng người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-định* thì người ấy không có khả năng chứng đắc bậc thiền sắc-giới nào cả.

- Nếu *hạng người nhị-nhân ấy* thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thì người ấy cũng không có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Tiền-kiếp của người nhị-nhân

* *Tiền-kiếp của người nhị-nhân ấy đã tạo đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ như thế nào mà kiếp hiện-tại này trở thành* ***người nhị-nhân*** *như vậy?*

* Tiền-kiếp của *người nhị-nhân ấy* là người có giới của mình trong sạch trọn vẹn, đã từng tạo *10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý*, hoặc tạo ***phước-thiện nào*** *trong 10 phước-thiện puññakriyāvatthu* đã trải qua 3 thời-kỳ tác-ý như sau:

1- Tiền-kiếp của *người nhị-nhân ấy trong thời-kỳ* ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trước khi tạo phước-thiện ấy (thời gian lâu hoặc mau không nhất định).*

2- Tiền-kiếp của *người nhị-nhân ấy trong thời-kỳ* ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với* ***đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*** *kammassakatāñāṇa, khi đang tạo phước-thiện ấy không có diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ-trợ, chỉ có 2 thiện-nhân: vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ),* phước-thiện ấy trở thành ***dvihetukakusalakamma****: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.*

3- Tiền-kiếp của *người nhị-nhân ấy trong thời-kỳ* ***aparacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều*

năm, nếu khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy, thì đại-thiện-tâm phát sinh vô cùng hoan-hỷ, không có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh xen lẫn, không làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nên *phước-thiện ấy trở thành* ***dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma****: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao.*

* Sau khi tiền-kiếp của *người nhị-nhân ấy chết*, ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadayavatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người nhị-nhân***[(1)] *(dvihetukapuggala)* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành, *người nhị-nhân ấy vốn không có trí-tuệ.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành pháp-hành thiền-định, thì không có khả năng chứng đắc *bậc thiền nào.*

- Nếu *người nhị-nhân ấy* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì không có khả năng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế.*

Kiếp hiện-tại của người nhị-nhân

** Sau khi người nhị-nhân chết, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau như thế nào?*

* Kiếp hiện-tại, *nếu người nhị-nhân nào* có khả năng tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, thực-hành pháp-hành thiền-định mà không thể chứng đắc bậc thiền nào,* tạo ***tam-nhân đại-***

[1] Người nhị-nhân là người có tái-sinh-tâm có 2 thiện-nhân.

thiện-nghiệp bậc cao, thì sau khi *người nhị-nhân ấy* chết, *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người tam-nhân*** trong cõi người, hưởng quả an-lạc cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, mới rời khỏi cõi người.

* Kiếp hiện-tại, nếu *người nhị-nhân nào* có khả năng tạo *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, thực-hành pháp-hành thiền-định mà không thể chứng đắc bậc thiền nào,* tạo được ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao***, thì sau khi *người nhị-nhân ấy* chết, *nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***hạng người nhị-nhân*** trong cõi người, hưởng quả an-lạc cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, mới rời khỏi cõi người.

* Kiếp hiện-tại, nếu người nhị-nhân nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, phạm điều-giới, đã tạo ác-nghiệp điều-giới ấy, thì sau khi người nhị-nhân ấy chết, nếu *ác-nghiệp trong ác-tâm ấy* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***1 quả-tâm*** là ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong *cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

3- * Sugati-ahetukapuggala*: hạng người vô-nhân cõi thiện-giới là người khi tái-sinh kiếp sau với* ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm* gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người đui mù, câm điếc, tật nguyền,… từ khi đầu thai làm người trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời lúc trưởng thành, hạng *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy* vốn là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, ngu-muội, si-mê, … biết tầm thường trong cuộc sống hằng ngày.

Tiền-kiếp-của người vô-nhân cõi thiện-giới

Tiền-kiếp của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy đã tạo đại-thiện-nghiệp trong kiếp quá-khứ như thế nào mà kiếp hiện-tại này trở thành ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** *như vậy?*

* Tiền-kiếp của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy* là người có giới, đã từng tạo *10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, khẩu, ý*, hoặc tạo ***phước-thiện nào*** *trong 10 phước-thiện puññakriyāvatthu* đã trải qua 3 thời-kỳ tác-ý như sau:

1- Tiền-kiếp của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy trong thời-kỳ* ***pubbacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm trước khi tạo phước-thiện ấy (thời gian lâu hoặc mau không nhất định).*

2- Tiền-kiếp của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy trong thời-kỳ* ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với* ***đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*** *khi đang tạo phước-thiện ấy (thời gian trong lúc hiện-tại) không có diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ-trợ chỉ có 2 thiện-nhân: vô-tham và vô-sân, không có vô-si (trí-tuệ),*

nên phước-thiện ấy trở thành ***dvihetukakusalakamma**: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp.*

3- Tiền-kiếp của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy trong thời-kỳ* ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm không trong sạch sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi, theo thời gian sau nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, nếu khi niệm tưởng đến phước-thiện ấy, thì đại-thiện-tâm phát sinh ít năng lực, và có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn phát sinh xen lẫn*, làm cho đại-thiện-tâm bị ô nhiễm, nên *phước-thiện ấy trở thành* ***dvihetuka-omakakusalakamma**: nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp.*

* Sau khi tiền-kiếp của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy chết,* ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp*** *trong đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của đại-thiện-nghiệp thuộc về thiện-quả vô-nhân-tâm* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭi-sandhicitta)* cùng với ***3 sắc-pháp*** *(kāyarūpa: thân, bhāvarūpa: sắc nam-tính hoặc sắc nữ-tính và hadaya-vatthurūpa: sắc ý căn)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người vô-nhân cõi thiện-giới*** [1]*(sugati ahetukapuggala) đui mù, câm điếc, tật nguyền, ...* từ khi đầu thai trong lòng mẹ.

Khi sinh ra đời đến lúc trưởng thành, *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy là người đui mù, câm điếc, tật nguyền, ... si-mê biết bình thường trong cuộc sống hằng ngày.*

* Tuy nhiên, *thời-kỳ tái-sinh (paṭisandhikāla)* ***tái-sinh tâm*** *(paṭisandhicitta) chỉ có* ***1 sát-na-tâm*** *sinh rồi diệt*

[1] Người vô-nhân cõi thiện-giới là người có tái-sinh-tâm không có thiện-nhân.

mà thôi, *tiếp theo trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại,* nếu thai-nhi bị đui mù, câm điếc, tật nguyền gì do ác-nghiệp nào cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh thì không thể gọi người ấy là hạng ***người vô-nhân cõi thiện-giới,*** bởi vì có những đứa bé có năng khiếu đặc biệt.

Kiếp hiện-tại của người vô-nhân cõi thiện-giới

** Sau khi người vô-nhân cõi thiện-giới ấy chết, rồi sẽ tái-sinh kiếp sau như thế nào?*

Mặc dù kiếp hiện-tại của *người vô-nhân cõi thiện-giới* không tạo *đại-thiện-nghiệp đặc biệt nào* hoặc *ác-nghiệp đặc biệt nào*, nhưng vô số kiếp quá-khứ đã từng tạo *những đại-thiện-nghiệp và những ác-nghiệp* được lưu-trữ ở trong ***tâm*** *của người vô-nhân cõi thiện-giới ấy.*

Cho nên, sau khi *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy chết,* nếu nghiệp nào có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***quả-tâm*** của nghiệp ấy gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau như sau:

* Trong kiếp hiện-tại, sau khi *người vô-nhân cõi thiện-giới* chết, nếu có *đại-thiện-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* trong kiếp quá-khứ của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm *hạng* ***người tam-nhân*** *(tihetukapuggala)* hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam tam-nhân*** hoặc ***vị thiên-nữ tam-nhân*** trên cõi trời dục-giới, hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ.

* Trong kiếp hiện-tại, sau khi *người vô-nhân cõi thiện-giới* chết, nếu có *đại-thiện-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ* trong kiếp quá-khứ của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ*** gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm *hạng* ***người nhị-nhân*** *(dvihetukapuggala)*, hoặc hoá-sinh làm ***vị thiên-nam nhị-nhân, vị thiên-nữ nhị-nhân*** trên cõi trời dục-giới, hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ.

- Trong kiếp hiện-tại, sau khi *người vô-nhân cõi thiện-giới* chết, nếu có *ác-nghiệp trong ác-tâm* trong kiếp quá-khứ của *người vô-nhân cõi thiện-giới ấy* có cơ hội cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả*** *là quả của ác-nghiệp* thuộc về *bất-thiện-quả vô-nhân-tâm* gọi là ***tái-sinh-tâm*** *(paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau *trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),* chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Cho nên, tất cả mọi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ nói chung, mỗi người nói riêng đều tuỳ thuộc vào nghiệp và quả của nghiệp của mình đã tạo từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp trong quá-khứ từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, cho đến kiếp hiện-tại này, tất cả mọi đại-thiện-nghiệp mọi ác-nghiệp dù nặng, dù nhẹ cũng đều được lưu-trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong ***tâm***, không hề bị mất mát một mảy may nào cả.

Nếu đại-thiện-nghiệp nào có cơ hội thì đại-thiện-nghiệp ấy cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.*

Nếu ác-nghiệp nào có cơ hội thì ác-nghiệp ấy cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại.*

Bản tóm lược tam-nhân, nhị nhân bậc cao, bậc thấp

Tóm lược *tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau và cho quả trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh kiếp hiện-tại như sau:

Tam-nhân, Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp	**Thời-kỳ tái-sinh**	**Thời-kỳ sau khi đã tái-sinh**
1-Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao	4 đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ	8 đại-quả-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm, có 16 quả-tâm
2- Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp và nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao	4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ	4 đại-quả-tâm không hợp với trí-tuệ + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm, có 12 quả-tâm
3- Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp	1suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp	8 thiện-quả vô-nhân-tâm

Năng lực của muñcacetanā

***** Phước-thiện nào *trở thành* ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp*** hoặc ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp*** là do năng lực của ***muñcacetanā****: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm khi đang tạo phước-thiện ấy như sau:*

*Nếu **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **hợp với trí-tuệ**, có diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ-trợ khi đang tạo phước-thiện nào, thì phước-thiện ấy trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp** (tihetukakusalakamma).*

*Nếu **muñcacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm **không hợp với trí-tuệ**, không có diṭṭhijukamma: phước-thiện chánh-kiến hỗ-trợ khi đang tạo phước-thiện nào, thì phước-thiện ấy trở thành **nhị-nhân đại-thiện-nghiệp** (dvihetukakusalakamma).*

Năng lực của aparacetanā

***** Phước-thiện nào *trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp*** hoặc ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao, bậc thấp*** là do năng lực của ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi như sau:*

Tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp

- Người nào đã tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ *muñcacetanā* đã trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp***; nếu khi đến thời-kỳ ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi*, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi người ấy niệm tưởng đến *phước-thiện ấy, phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ, không có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn* phát sinh xen lẫn, nên không làm ô nhiễm đại-thiện-tâm ấy, thì *phước-thiện ấy* trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma).*

- Người nào đã tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ *muñcacetanā* đã trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp***;

nếu khi đến thời-kỳ ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi*, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi người ấy niệm tưởng đến *phước-thiện ấy, phát sinh đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn* phát sinh xen lẫn, nên làm ô nhiễm đại-thiện-tâm ấy, thì *phước-thiện ấy* trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** (tihetuka-omakakusalakamma).*

Nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao hoặc bậc thấp

- Người nào đã tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ *muñcacetanā* đã trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp***; nếu khi đến thời-kỳ ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi*, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi người ấy niệm tưởng đến *phước-thiện ấy, phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch vô cùng hoan-hỷ, không có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn* phát sinh xen lẫn, nên không làm ô nhiễm đại-thiện-tâm ấy, thì *phước-thiện ấy* trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (dvihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma).*

- Người nào đã tạo phước-thiện nào trong thời-kỳ *muñcacetanā* đã trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp***; nếu khi đến thời-kỳ ***aparacetanā**: tác-ý tâm-sở đồng sinh với đại-thiện-tâm sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi*, sau thời gian nhiều ngày, nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mỗi khi người ấy niệm tưởng đến *phước-thiện ấy, phát sinh đại-thiện-tâm không trong sạch, bởi vì có tà-kiến, tham-ái, ngã-mạn* phát sinh xen lẫn, nên làm ô nhiễm đại-thiện-tâm ấy, thì *phước-thiện ấy* trở thành ***nhị-nhân đại-thiện-nghiệp bậc thấp** (dvihetuka-omakakusalakamma).*

Cho nên, mọi người thiện nên gần gũi thân cận với chư bậc thiện-trí, để có cơ hội học hỏi, lắng nghe lời giáo huấn của chư bậc thiện-trí, để hiểu biết cách tạo ***phước-thiện ấy*** trở thành ***tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao*** *(tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma),* đó là *đại-thiện-nghiệp cao quý* có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla)* có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm ***người tam-nhân cao quý*** *(tihetukapuggala)* và cho quả trong *thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại* được sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc và vô số kiếp, nhất là làm nhân-duyên dắt dẫn đến sự thành-tựu *Nibbānasampatti*, thì hạnh phúc biết dường nào!

Con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu

Trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới:

- Dục-giới có 11 cõi-giới.

- Sắc-giới có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

- Vô-sắc-giới có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Cõi người *(manussabhūmi)* là 1 trong 31 cõi-giới, cõi người là nơi sinh sống của *loài người (manussa).*

Loài người ở trong 4 châu lớn, mà mỗi châu nằm mỗi hướng Đông, hướng Tây, hướng Nam, hướng Bắc xung quanh chân núi Sineru như sau:

1- Pubbavidesadīpa: Đông thắng-thần-châu.

2- Aparagoyānadīpa: Tây ngưu-hoá-châu.

3- Jambūdīpa: Nam thiện-bộ-châu.

4- Uttarakurudīpa: Bắc cưu-lưu-châu.

Con người ở trong *cõi Nam thiện-bộ-châu* có tính chất đặc biệt hơn *loài người trong 3 châu khác nói riêng*, và cũng có tính chất đặc biệt hơn tất cả chúng-sinh trong các cõi-giới khác nói chung.

Con người *ở trong cõi Nam-thiện-bộ-châu có tính chất đặc biệt như thế nào?*

* *Con người (manussa)* sinh sống trong cõi Nam-thiện-bộ-châu (trái đất của chúng ta) này có ***tâm dũng mãnh*** trong ***thiện-nghiệp*** thì đạt đến ***cực-thiện***, trong ***ác-nghiệp*** thì đến ***cực-ác*** như sau:

- *Trong* ***thiện-nghiệp*** *thì đạt đến* ***cực-thiện*** nghĩa là ***tâm*** *của con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu có đức tính đặc biệt như sau:*

** Có khả năng đặc biệt thuận lợi tạo 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng đầy đủ trọn vẹn, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh muôn loài.*

** Có khả năng đặc biệt thuận lợi tạo 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, đầy đủ trọn vẹn, để trở thành Đức-Phật Độc-Giác cao thượng có nhiều Đức-Phật trong cùng thời.*

** Có khả năng thuận lợi tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, đầy đủ trọn vẹn, để trở thành 2 bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, chư bậc Thánh A-ra-hán Đại-thanh-văn đệ-tử, chư bậc Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác,...*

- *Trong* ***ác-pháp*** *thì đến* ***cực-ác*** nghĩa là ***tâm*** *con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu có thể tạo* ***5 ác-nghiệp vô-gián trọng-tội*** đó là *ác-nghiệp giết cha, ác-nghiệp giết mẹ, ác-nghiệp giết bậc Thánh A-ra-hán, ác-nghiệp làm bầm máu ngón chân cái của Đức-Phật, tỳ-khưu có thể tạo ác-nghiệp chia rẽ tỳ-khưu-Tăng.*

** Con người ở trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, mỗi người có khả năng thuận lợi tạo mọi đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý, tạo đầy đủ 10 phước-thiện puññakriyāvatthu, và cũng có cơ hội tạo mọi ác-nghiệp, tất cả mọi đại-thiện-nghiệp, mọi ác-nghiệp dù nặng, dù nhẹ đều được lưu-trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong* ***tâm*** *sinh rồi diệt của mỗi người nói riêng, mỗi chúng-sinh nói chung, từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, từ vô thuỷ trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, mặc dù mỗi kiếp* ***thân*** *bị thay đổi do năng lực quả của nghiệp, còn mỗi* ***tâm*** *vẫn có phận sự lưu-trữ đầy đủ trọn vẹn tất cả mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp dù nặng dù nhẹ không hề bị mất mát một mảy may nào cả.*

** Tất cả mọi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có tính chất đặc biệt hơn tất cả mọi chúng-sinh trong các cõi-giới khác về vấn đề nghiệp cho quả như sau:*

- *Tất cả chúng-sinh trong* ***4 cõi ác-giới*** *là cõi địa-ngục, loài a-su-ra, loài ngạ-quỷ, loài súc-sinh phần nhiều chỉ có* ***ác-nghiệp*** *có cơ hội cho quả khổ mà thôi, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới mong thoát khỏi cõi ác-giới ấy. Còn mọi* ***đại-thiện-nghiệp*** *ít có cơ hội cho quả an-lạc. Ngoại trừ có một số loài súc-sinh như* ***voi báu***, ***ngựa báu***, ***con chó***, ***con mèo tinh khôn, con chim nói tiếng người****, ... Các con súc vật ấy tuy* ***ác-nghiệp*** *đã có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp*

*sau (paṭisandhikāla) làm loài súc-sinh, nhưng trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (pavattikāla) kiếp hiện-tại, có **đại-thiện-nghiệp** của chúng trong kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả an-lạc, nên các con súc vật ấy được mọi người thương yêu quý mến, được chăm lo săn sóc nuôi dưỡng đặc biệt.*

*- Chư vị thiên-nam hoặc chư vị thiên-nữ trong 6 cõi trời dục-giới, chỉ **đại-thiện-nghiệp** có cơ hội cho quả an-lạc mà thôi, còn mọi **ác-nghiệp** không có cơ hội cho quả khổ.*

*- Chư phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên và trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, chỉ có **sắc-giới thiện-nghiệp, vô-sắc-giới thiện-nghiệp** có cơ hội cho quả an-lạc mà thôi, tuyệt đối mọi **ác-nghiệp** không có cơ hội cho quả khổ được.*

** Tất cả mọi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, nếu **đại-thiện-nghiệp** nào gặp thuận-duyên (sampatti) có cơ hội cho quả an-lạc đến cho người nào, thì người ấy được hưởng mọi sự an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, hoặc nếu **ác-nghiệp** nào gặp nghịch-duyên (vipatti) có cơ hội cho quả khổ đến cho người nào, thì người ấy phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy.*

*Cho nên, mỗi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, khi thì **đại-thiện-nghiệp** gặp thuận duyên (sampatti) có cơ hội cho quả an-lạc, khi thì **ác-nghiệp** gặp nghịch duyên (vipatti) có cơ hội cho quả khổ.*

*Vì vậy, trong cuộc sống hằng ngày của mỗi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này, đều tuỳ thuộc vào **nghiệp và quả của nghiệp của mình**, hoàn toàn không có **số mệnh** hoặc **định mệnh** do **một ai có khả năng** an bài được cả.*

*Thật vậy, giả thử mỗi người nói riêng, mỗi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ nói chung đều có **mỗi số-mệnh** hoặc **mỗi định-mệnh** đã được an bài định sẵn.*

*Nếu đúng như vậy thì **ai** có khả năng an bài **mỗi số-mệnh** hoặc **mỗi định-mệnh** của mỗi người nói riêng, mỗi chúng-sinh lớn hoặc nhỏ nói chung trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới chúng-sinh này ???*

Cho nên, chắc chắn không có ***số-mệnh*** *hoặc* ***định-mệnh*** của mỗi chúng-sinh lớn hoặc nhỏ, mà chỉ có ***nghiệp và quả của nghiệp*** của mỗi chúng-sinh lớn hoặc nhỏ mà thôi.

Đức-Phật dạy các hàng thanh-văn đệ-tử hằng ngày thường suy xét về nghiệp và quả của nghiệp rằng:

"Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kamma-bandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃvā, tassa dāyādo bhavissāmi."[1]

Ta có nghiệp là của riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta, ta tạo nghiệp nào 'thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp,' ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp ấy hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, như người thừa kế quả của nghiệp của mình (kammadāyādo).

(Xong phần 10 phước-thiện puññakriyāvatthu)

[1] Aṅg., phần Pañcakanipāta, kinh Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭhānasutta.

Đoạn Kết

Trong bộ Chú-giải Pāḷi Dhammapadaṭṭhakathā (Chú-giải Pháp-cú kệ), bài kệ thứ 118, Đức-Phật khuyên dạy:

"Puññañce puriso kayirā, kayirā naṃ punappunaṃ.
Tamhi chandaṃ kyirātha, sukho puññassa uccayo."[1]

Nếu người làm phước-thiện,
Nên thường làm luôn luôn,
Với thiện-tâm hoan hỷ,
Trong phước-thiện đã làm,
Tích lũy nhiều phước-thiện,
Cho quả được an-lạc.
Trong kiếp hiện-tại này,
Vô số kiếp-vi-lai.

Mười loại phước-thiện trong puññakriyāvatthu gom vào nhau 3 nhóm là ***nhóm phước-thiện bố-thí, nhóm phước-thiện giữ-giới, nhóm phước-thiện hành-thiền,***đó là 3 nhóm phước-thiện cơ bản mà con người cần phải cố gắng tinh-tấn làm cho đầy đủ, để cho kiếp sống hiện-tại được thành tựu *quả báu an lạc trong cõi người (manussasampatti)*, được thành tựu *quả báu an-lạc trong các cõi trời, (devasampatti),* nhất là được thành tựu *quả báu an-lạc Niết-bàn (Nibbānasampatti),* bởi vì mỗi phước-thiện hỗ trợ cho nhau như:

* Người nào có ***nhóm phước-thiện bố-thí*** đầy đủ thì người ấy có nhiều của cải, giàu sang phú quý, có nhiều thuộc hạ trung thành, cuộc sống đầy đủ sung túc, thuận lợi cho việc làm phước-thiện bố-thí hơn nữa, để đem lại hạnh phúc an-lạc trong kiếp hiện-tại, và vô số kiếp vị-lai.

---

[1] Bộ Chú-giải Dhammapadaṭṭhakathā, tích Lājadevadhītāvatthu.

Nhóm phước-thiện bố-thí còn hỗ-trợ cho các phước-thiện khác được thuận lợi phát triển tốt.

Người thí chủ dù có tạo nhóm phước-thiện bố-thí nhiều bao nhiêu đi nữa, vẫn chưa chắc chắn tránh khỏi được cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh).

* Để mong tránh khỏi 4 cõi ác-giới, thì hành-giả cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, là ***giữ gìn thân và khẩu*** tránh xa 3 thân hành ác, và tránh xa 4 khẩu nói ác, để có được ***phước-thiện giữ-giới***, bởi vì quả báu của giới có 5 điều như sau:

Quả báu của người giữ gìn giới có 5 điều [(1)]

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy các cận-sự-nam,cận-sự-nữ người dân làng Pāṭali rằng:

- Này các người tại gia! Có 5 quả báu của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

5 quả báu ấy là:

1- Này các người tại gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới trong đời này, tạo được nhiều của cải tài sản, do nhân không dể duôi (có trí nhớ biết mình).

Đó là quả báu thứ nhất của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

2- Này các người tại gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới có tiếng tốt lành được lan truyền khắp mọi nơi.

Đó là quả báu thứ nhì của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

---

[1] Dī, Mahāvaggapāḷi, Mahāparinibbānasutta, đoạn Sīlavanta ānisaṃsa.

3- Này các người tại gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới có đại-thiện-tâm tự tin khi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn.

Đó là quả báu thứ ba của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

4- Này các người tại gia! Người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, người có giới lúc lâm chung có đại-thiện-tâm tỉnh táo, không mê muội.

Đó là quả báu thứ tư của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

5- Này các người tại gia! Sau khi người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn chết, đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.

Đó là quả báu thứ năm của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

- Này các người tại gia! Đó là 5 quả báu của người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, của người có giới.

Và người phạm giới có 5 điều tai hại như sau:

Quả tai hại của người phạm giới có 5 điều[1]

- Này các người tại gia! Có 5 điều tai hại của người phạm giới, của người phá giới.

5 điều tai hại ấy là:

1- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới trong đời này, làm tiêu tan nhiều của cải tài sản, do nhân dể duôi (thất niệm, không biết mình).

---

[1] Dī, Mahāvaggapāḷi, Mahāparinibbānasutta, đoạn Sīlavanta ānisaṃsa.

Đó là điều tai hại thứ nhất của người phạm giới, của người không có giới.

2- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới có tiếng xấu bị lan truyền khắp mọi nơi.

Đó là điều tai hại thứ nhì của người phạm giới, của người không có giới.

3- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới có ác-tâm rụt rè, e thẹn, sợ sệt khi vào nơi hội đoàn hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn Bà-la-môn.

Đó là điều tai hại thứ ba của người phạm giới, của người không có giới.

4- Này các người tại gia! Người phạm giới, người không có giới lúc lâm chung có ác-tâm mê muội, hoặc tâm sợ hãi.

Đó là điều tai hại thứ tư của người phạm giới, của người không có giới.

5- Này các người tại gia! Sau khi người phạm giới, người không có giới chết, ác-nghiệp phạm giới cho quả tái sinh trong các cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc- sinh).

Đó là điều tai hại thứ năm của người phạm giới, của người không có giới.

- Này các người tại gia! Đó là 5 điều tai hại của người phạm giới, của người phá giới.

Như vậy, tất cả mọi người được sinh ra trong đời này, chắc chắn tiền-kiếp của tất cả mọi người ấy đều có giới trong sạch và trọn vẹn, ít nhất là ***ngũ-giới trong sạch trọn vẹn.***

Thật vậy, nếu tiền-kiếp của người nào là người phạm giới, không có giới thì chắc chắn người ấy không thể sinh ra làm người trong đời này được.

Bởi vì quả báu điều thứ tư là: "*người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn, lúc lâm chung có đại-thiện-tâm tỉnh táo, không mê muội.*"

Và quả báu điều thứ năm là: "*sau khi người giữ gìn giới trong sạch trọn vẹn chết, đại-thiện-nghiệp giữ giới cho quả tái sinh trong cõi thiện-giới: cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.*"

* Để trong lúc lâm chung có đại-thiện-tâm tỉnh táo sáng suốt, thì trong cuộc sống hằng ngày, hành-giả nên thường *thực-hành* ***pháp-hành thiền-định***, *thực-hành* ***pháp-hành thiền-tuệ*** cho tâm trú trong thiện-pháp.

Như vậy, ***nhóm phước-thiện bố-thí*** làm nền tảng, làm nhân-duyên hỗ trợ cho ***nhóm phước-thiện giữ-giới*** thuận lợi giữ gìn thân và khẩu tránh xa 3 thân hành ác, tránh xa 4 khẩu nói ác, giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn để làm nền tảng, làm nhân-duyên hỗ trợ cho ***nhóm phước-thiện hành-thiền*** được thuận lợi thực-hành ***pháp-hành thiền-định,*** *thực-hành* ***pháp-hành thiền tuệ*** được phát triển và tăng trưởng.

* ***Pháp-hành thiền-định*** *(samathabhāvanā)* là pháp-hành mà hành-giả là hạng *người tam-nhân* thực-hành *pháp-hành thiền-định* có khả năng dẫn đến chứng đắc *5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.*

Tuy nhiên, *dục-giới thiện-nghiệp, sắc-giới thiện-nghiệp, vô-sắc-giới thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau trong

tam-giới, vẫn còn tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, chưa giải thoát khổ tử sinh luân-hồi được.

* ***Pháp-hành thiền-tuệ*** *(vipassanābhāvanā)* là pháp-hành mà hành-giả là hạng *người tam-nhân thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh-A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*[(1)]

Pháp-hành thiền-định có trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo, nhưng ***pháp-hành thiền-tuệ*** chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

Quyển ***Phước-Thiện*** *trình bày 10 phước-thiện trong puññakriyāvatthu* đó là *phước-thiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành-thiền, phước-thiện cung-kính, phước-thiện hỗ-trợ, phước-thiện hồi-hướng, phước-thiện hoan-hỷ, phước-thiện nghe-pháp, phước-thiện thuyết-pháp, phước-thiện chánh-kiến.*

Trong 10 loại phước-thiện này chỉ có ***phước-thiện bố-thí*** là phước-thiện mà thí-chủ cần phải đem tiền của ra mua sắm các vật-thí, để làm phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, để tạo ***phước-thiện bố-thí*** gọi là tạo ***đại-thiện-nghiệp bố-thí***, mong hưởng được quả báu có nhiều của cải tài-sản, giàu sang phú quý đem lại mọi sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và nhiều kiếp vị-lai.

Còn lại 9 loại phước-thiện từ ***phước-thiện giữ-giới,*** *v.v…* cho đến ***phước-thiện chánh-kiến*** là phước-thiện

[1] Tìm hiểu trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển VII, Tập 1, Tập 2: Pháp-Hành Thiền-Định, Pháp-Hành Thiền-Tuệ,cùng soạn giả

mà hành-giả không cần xuất ra tiền của nhưng lại có được phước-thiện cao quý vô-lượng hơn ***phước-thiện bố-thí*** gấp bội phần không sao kể được.

Phước-thiện bố-thí là loại phước-thiện bậc thấp so với *phước-thiện giữ-giới, v.v*... Thí-chủ có được phước-thiện bố-thí nhiều hay ít còn tuỳ thuộc vào *người thọ-thí có giới-đức hay không có giới-đức.*

Thật ra, muốn tạo mọi phước-thiện, người có tiền của chỉ có tạo được ***phước-thiện bố-thí bậc thấp*** mà thôi, còn lại *9 loại phước-thiện bậc cao* khác được thành-tựu không nhờ đến tiền của, mà nhờ đến công sức và trí-tuệ hiểu biết của hành-giả.

Tuy nhiên, người có ***phước-thiện bố-thí*** đầy đủ trở thành người giàu sang phú quý, hỗ-trợ cho *9 loại phước-thiện* còn lại được thuận lợi phát triển tốt.

Cho nên, mọi người nên tìm mọi cơ hội tốt để tạo đầy đủ *10 loại phước-thiện này*, bởi vì đó là *đại-thiện-nghiệp thuộc về của riêng mình*, để làm nơi nương nhờ cho mình trong vòng tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài, còn làm nhân-duyên hỗ trợ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.*

Patthanā

Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loke sattā sumaṅgalā.

Vietnam-raṭṭhikā ca sabbe, janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ, patthayāmi nirantaraṃ.

Do nhờ phước-thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh phúc.

Dân tộc Việt-Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo.
Bần sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.

Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamraṭṭhasmiṃ.

Cầu nguyện chánh pháp được trường tồn trên thế gian.
Cầu nguyện chánh pháp được trường tồn trên Tổ-quốc Việt-Nam thân yêu.

PL. 2561/2017
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc-tiên, Huyện Tân-thành
Tỉnh Bà-Rịa-Vũng-Tàu.

Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Vinayapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Suttantapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi.*
- *Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha.*
- *Bộ Visuddhimagga và bộ Visuddhimaggamahāṭīkā*
- *Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Đại-Trưởng-lão Vicittasārābhivaṃsa (Visiṭṭhatipiṭakadhara, Mahātipiṭakakovida, Dhammabhaṇḍāgārika).*
- *Toàn bộ sách Ledi của Ngài Đại-Trưởng-lão Ledi Sayadaw.*
- *Toàn bộ sách giáo khoa "Saddhammajotika" của Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammajotika.*

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- **TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ** (Tái Bản)
- **8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC**
- Hạnh Phúc An Lành: **THIỆN ÁC**
- **GƯƠNG BẬC XUẤT-GIA**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC BỐ-THÍ** (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: **HIẾU NGHĨA**
- Hạnh Phúc An Lành: **NHẪN NẠI**
- Hạnh Phúc An Lành: **GIÁO-PHÁP**
- Hạnh Phúc An Lành: **TÂM TỪ**
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: **ĐỐI-TƯỢNG TỨ OAI-NGHI**
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- **Ý NGHĨA ĐÊM RẰM THÁNG TƯ**
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **10 PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT BẬC THƯỢNG**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: **CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: **TAM-BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: **QUY-Y TAM- BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: **PHÁP-HÀNH-GIỚI** (Tái Bản)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA- MẬT Tập 1**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT Tập 2**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP HẠNH BA-LA-MẬT Tập 3**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO

QUYỂN IV

PHƯỚC-THIỆN

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

****

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 04-3782 2845 – FAX: 04-3782 2841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập

Sửa bản in
TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: +84 - 28 3503 2387 / DĐ: +84 1228608925
E-mail: tkhophap@yahoo.com

Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB:
Mã ISBN:
QĐXB: QĐ-NXBTG Ngày tháng năm 2017
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2017.

Trong đời này có 3 hạng người hiện hữu: ***hạng người tam-nhân***, ***hạng người nhị-nhân***, ***hạng người vô-nhân cõi thiện-giới*** *đều là quả của* ***đại-thiện-nghiệp*** *mà tiền-kiếp của mỗi người đã tạo* ***phước-thiện*** *trong kiếp quá-khứ.*

Mỗi phước-thiện trải qua 3 thời-kỳ tác-ý:

- Tác-ý trước khi tạo phước-thiện ấy.

- Tác-ý khi đang tạo phước-thiện ấy.

- Tác-ý sau khi đã tạo phước-thiện ấy xong rồi với thời gian lâu nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm.

Vậy, tiền-kiếp của người ấy đã tạo phước-thiện ấy như thế nào, mà kiếp hiện-tại này trở thành ***hạng người tam-nhân***, *hoặc* ***hạng người nhị-nhân***, *hoặc* ***hạng người vô-nhân cõi thiện-giới*** *như vậy?*

Độc giả nên tìm hiểu quyển Phước-Thiện này, để tự lựa chọn cho mình một ***hạng người*** *như ý trong kiếp vị-lai.*

ISBN 978-604-61-4723-7